

T U M Ã Q U A N G

Chú biên

T U
T R Ị
T H Ô N G
G I Á M

TẬP 1

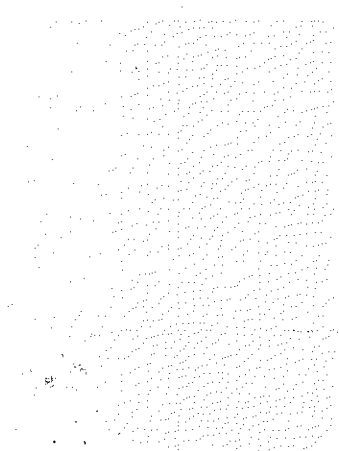
Dịch giả: BÙI THÔNG

Hiệu đính: NGUYỄN ĐỨC VINH

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TƯ TRỊ THÔNG GIÁM



RATIOQUEA TENORE OCCORRIT
 SACHA TENORE TENORE TENORE

Kính thưa quý vị, trong buổi lễ hôm nay, chúng ta đã có sự
 đồng hành của nhiều vị khách quý, trong đó có các vị khách
 thân thiết của chúng ta, các vị khách của các cơ quan, đơn vị
 và các vị khách của các gia đình. Chúng ta đã có sự đồng
 hành của các vị khách thân thiết của chúng ta, các vị khách
 của các cơ quan, đơn vị và các vị khách của các gia đình.

Trong lần xuất bản này có 150 phiên bản đặc biệt được thêm vào để có thể có một bộ sưu tập đầy đủ các phiên bản.

Banned

Chalk

T U M ã Q U A N G

Chủ biên

Đồng soạn: PHẠM TỔ VŨ - LƯU THỨ - LƯU BAN

T U
T R I
T H O N G
G I Á M

TẬP 1

Dịch giả: BÙI THÔNG

Hiệu đính: NGUYỄN ĐỨC VINH

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TÀI LIỆU DỊCH VÀ THAM KHẢO



Dịch từ nguyên bản Hán văn cổ

Tư trị thông giám (资治通鉴)

Tư Mã Quang chủ biên.

Trung Hoa thư cục ấn bản năm 2009

Tham khảo:

1- Tư trị thông giám Âm chú (资治通鉴音注)

Hồ Tam Tỉnh, Trung Hoa thư cục ấn bản năm 2009

2- Bạch thoại Tư trị thông giám (白话资治通鉴)

Thẩm Chí Hoa chủ biên

Trung Hoa thư cục ấn bản năm 1993.

NHÓM CỐ THƯ LÂU



Bùi Thông - 1

5- Lê Hải An

Phạm Thành Long -2

6- Cao Thế Khải

Nguyễn Đức Vịnh -3

7- Nguyễn Đỗ Thuyên

Võ Hoàng Giang -4

8- Trần Minh Tiến

LỜI GIỚI THIỆU



Trong suốt chiều dài 5.000 năm lịch sử Trung Quốc, có hai vị sử gia trứ danh, đều mang họ kép Tư Mã, người đời sau gọi chung là "luống Tư Mã". Hai nhà sử học vĩ đại đó chính là Tư Mã Thiên, người biên soạn sách *Sử ký* và người còn lại là Tư Mã Quang, chủ biên tác phẩm sử biên niên đồ sộ *Tư trị thông giám*. Đây cũng là hai tác phẩm mà người muốn hiểu lịch sử Trung Quốc không thể không đọc.

Sử ký của Tư Mã Thiên, là tác phẩm lịch sử vĩ đại nhất của Trung Quốc cổ đại, là bộ truyện ký đầu tiên viết theo thể Kỷ truyện; còn *Tư trị thông giám*, là bộ sử biên niên hoàn chỉnh nhất của Trung Quốc cổ đại, được coi là sách giáo khoa bắt buộc cho vua, tôi, kẻ sĩ. Xét về tác dụng và mức độ ảnh hưởng đối với lịch sử, văn hóa, *Tư trị thông giám* đứng ngang hàng với *Sử ký*. Hai bộ sử này được người đời gọi là "Sử học song bích".

TÁC GIẢ

Tư Mã Quang (1019 - 1086), tự Quân Thực, lấy hiệu là Vũ Phu, sau khi lớn tuổi xưng là Vũ Tẩu, người đời gọi ông là Tể Thuyền tiên sinh, người huyện Hạ, Thiểm châu. Cha của Tư Mã Quang là Tư Mã Trì, thờ hai đời vua Tống Chân tông và Tống Nhân tông, trải các chức Lộ châu Chuyển vận sứ, Thị ngự sử tri tập sự, Thượng thư bình bộ Viên ngoại lang, Thiên chương các đãi chế (quản việc tiếp nhận tấu chương)... Tư Mã Trì là người chính trực, thanh liêm, chính điều ấy có ảnh hưởng rất sâu sắc

đến Tư Mã Quang. Người đương thời khen Tư Mã Quang là "người đập chân lên đất cứng" (cước đập thực địa nhân dã).

Tư Mã Quang truyện trong *Tổng sử* kể rằng: "Khi Quang lên bảy, nghe người khác giảng sách *Tả thị Xuân Thu*, lắng nghe mê, khi quay về, giảng giải lại cho người nhà, truyền thuật được hết các chỗ cốt yếu. Từ đấy về sau tay không rời sách, đến mức quên cả đói khát, nóng lạnh." Trong truyện còn kể: "Có lần, Quang và lũ trẻ chơi đùa trong sân vườn, một đứa leo lên cái chum lớn đựng đầy nước, ngã vào chum, cả bọn đều bỏ chạy, duy có Quang bê hòn đá lớn đập vỡ chum cứu được bạn." Đây chính là câu chuyện "Kích ung cứu hữu" (Đập chum cứu bạn) được hậu thế truyền kể.

Năm Bảo Nguyên nguyên niên đời Tống Nhân Tông (1038), Tư Mã Quang mới 20 tuổi, thi đỗ tiến sĩ hạng Giáp khoa (hạng nhất), được bổ nhiệm làm Phụng lễ lang. Bấy giờ, Tư Mã Trì đang làm quan ở Hàng Châu, Tư Mã Quang xin đổi nhận chức ở Hàng Châu để tiện thăm hầu cha, triều đình đồng ý. Đúng lúc ấy, cha mẹ ông mất, Tư Mã Quang từ chức về nhà chịu tang. Sau khi để tang ba năm, ông lại ra làm quan, nhận chức Thiêm thư Vũ thành quân Phán quan sự, rồi đổi làm Đại lý bình sự, sau được bổ làm Quốc tử trực giảng. Sau đấy, Tư Mã Quang được Khu mật viện phó sứ là Bàng Tịch tiến cử làm Quán các hiệu khám, Đồng tri lễ viện (coi việc ở bộ Lễ). Trong thời gian Tư Mã Quang giữ chức này, hoạn quan Mịch Doãn Ngôn là cận thần thân tín của hoàng thượng chết, triều đình cấp đồ nghi vệ của Thiên tử để chôn cất, lại ban tên thụy. Tư Mã Quang không đồng ý, nhất quyết can gián, cho rằng: "Tôi thần có công to, xin được dùng lễ Phồn anh (là dải lụa đeo lên bôm và phía trước con ngựa của vua chư hầu, một đặc ân chỉ nhà vua chư hầu mới được dùng) triều kiến nhà vua, Khống tử còn cho là không nên. Nay Doãn Ngôn chỉ là cận thần thân tín của Thiên tử, không phải là nguyên lão có công to mà được cấp đồ nghi vệ của Thiên

tử, được ban tên thụy, so với việc tôi thần được dùng lễ Phồn anh, chẳng quá lớn sao?"

Được Bành Tịch triệu gọi, Tư Mã Quang theo giúp, nhận chức Thông phán Tinh châu. Bấy giờ, người Tây Hạ thường đến cướp phá, Tư Mã Quang kiến nghị xây hai đồn quân ở Hà Đông để kiềm chế người Tây Hạ, chiêu mộ dân cấy trồng, thu hoạch, Bàng Tịch nghe theo. Về sau, viên tướng ở Lâm châu là Quách Ân ngông cuồng, dẫn quân vượt Khuất Dã hà đánh người Tây Hạ, không bố phòng cẩn mật, bị giết, Bàng Tịch vì thế bị bắt tội, cách chức. Tư Mã Quang dâng thư về triều tự trách lỗi đến ba lần, triều đình không trả lời. Bàng Tịch mất, Tư Mã Quang đến viếng, bái lạy vợ Tịch như mẫu thân mình, chăm dưỡng các con của Tịch như em ruột của mình, người đương thời khen là hiền.

Thời gian sau, Tư Mã Quang nhận chức Trục bí các, Khai Phong phủ thôi quan. Có lần người phương nam dâng cống con thú lạ, nói là con kỳ lân. Tư Mã Quang phản đối, xin nhà vua trả lại cống vật.

Lúc Tư Mã Quang làm Đồng tri gián viện, Tô Triệt (em ruột Tô Đông Pha, một trong số Bát đại gia thời Đường Tống) dâng đối sách đáp chiếu thư của Hoàng đế, lời lẽ quá thẳng thắn, xúc phạm, quan chủ khảo muốn truất đuổi, Tư Mã Quang ra sức khen Tô Triệt "có lòng yêu vua, lo nước, thương dân, không nên truất đuổi", vì thế Hoàng đế theo lời. Các chức vụ sau đó mà Tư Mã Quang lần lượt trải qua là Ngự sử trung thừa, Tri chế cáo, Hàn lâm học kiêm thị giảng. Trong mọi việc, Tư Mã Quang đều hoàn thành rất tốt, được vua trọng dụng.

Trong thời gian tham gia chính sự, Tư Mã Quang thường luận bàn chính sách quốc gia, dần dần trở thành nhân vật quan trọng trên chính trường. Ông từng dâng sớ bàn về ba điều trọng yếu của việc tu thân là: Nhân, Minh, Vũ; ba điều trọng yếu trong việc trị quốc là: Quan nhân, Tín thực, Tất phạt. Những luận bàn

ấy được đánh giá là khá thấu đáo. Chủ trương của Tư Mã Quang mang nặng tư tưởng Khổng, Mạnh, là thủ lĩnh nhóm bảo thủ, đối lập với chủ trương canh tân của Vương An Thạch.

Khi Vương An Thạch được Tống Thần tông trọng dụng, làm Tể tướng, bắt đầu thực thi Biến pháp, Tư Mã Quang dâng sớ lên vua Thần tông, bày kể lợi hại, cực lực phản đối, cho rằng "pháp chế của tổ tông là không thể thay đổi", vì thế bị xa lánh. Sau đó, ông xin từ chức, về ẩn cư tại Lạc Dương, dốc sức biên soạn bộ sử *Tư trị thông giám*.

Sau khi Tống Thần tông qua đời (1085), Tư Mã Quang ứng chiếu về kinh, làm Tể tướng, bấy giờ đã 67 tuổi, sức khỏe suy giảm nhiều, nhưng vẫn gắng đảm đương công việc. Trong vòng hơn nửa năm làm Tể tướng, ông xóa bỏ toàn bộ Tân pháp của Vương An Thạch. Đến tháng 9 năm 1086, Tư Mã Quang mất do bệnh nặng, thọ 68 tuổi. Được truy tặng danh hiệu Ôn quốc công, thụy là Văn Chính, người đời sau gọi ông là Tư Mã Ôn công hay Tư Mã Văn Chính công.

Tư Mã Quang là một tấm gương sáng về lối sống, được dân chúng đương thời kính ngưỡng. Khi Tư Mã Quang qua đời, Tống Triết tông ra lệnh cho thần dân dừng hết mọi công việc, để tang ba ngày. Tương truyền dân chúng tại kinh sư nghe tin Tư Mã Quang chết, thương khóc thống thiết như khóc người thân, đám tang của Tư Mã Quang có hơn vạn người tham gia.

Trước tác của Tư Mã Quang khá nhiều. Theo *Tống sử*, *Nghệ văn chí*, tác phẩm của Tư Mã Quang có 37 loại, đến nay chỉ còn có 16 loại lưu truyền, gồm hơn 457 quyển, chủ yếu là: 354 quyển *Tư trị thông giám* (bao cả Mục lục và Khảo dị), 80 quyển *Truyện gia tập*, 20 quyển *Kê cổ lục*, 16 quyển *Tốc Thủy kỷ văn*, 6 quyển *Ôn công dịch hội*, 45 quyển *Loại biên* và 10 quyển *Thư nghị*. Trong đó, nổi tiếng nhất là bộ sử vĩ đại *Tư trị thông giám*, bộ sách mà đã ông dồn hết tâm huyết và sức lực để hoàn thành.

TÁC PHẨM

Tư trị thông giám, là bộ sử quan trọng hàng đầu của Trung Quốc, được viết theo thể biên niên. Nội dung của nó bao trùm một khoảng thời gian lịch sử rất dài, bắt đầu từ Chu Uy Liệt vương thời nhà Chu (403 trước Công nguyên), và kết thúc vào đời Chu Hiến Đức nhà Hậu Chu (959 sau Công nguyên), tổng cộng 1.362 năm, xuyên suốt 16 triều đại chính thống (theo sắp xếp của Tư Mã Quang). Sách được phân thành 16 kỷ, gồm 294 quyển, cụ thể như sau:

- Chu kỷ - 5 quyển
- Tần kỷ - 3 quyển
- Hán kỷ - 60 quyển
- Ngụy kỷ - 10 quyển
- Tấn kỷ - 40 quyển
- Tống kỷ - 16 quyển
- Tề kỷ - 10 quyển
- Lương kỷ - 22 quyển
- Trần kỷ - 10 quyển
- Tùy kỷ - 8 quyển
- Đường kỷ - 81 quyển
- Hậu Lương kỷ - 6 quyển
- Hậu Đường kỷ - 8 quyển
- Hậu Tấn kỷ - 6 quyển
- Hậu Hán kỷ - 4 quyển
- Hậu Chu kỷ - 5 quyển

Toàn sách hơn 300 vạn chữ. Ngoài ra, còn có 30 quyển Mục lục, 30 quyển Khảo dị (khảo sát sự giống và khác nhau), nâng tổng số quyển lên thành 354 quyển.

Xuất phát từ mục đích viết sử để góp phần củng cố sự thống trị của vương triều, xuyên suốt tác phẩm, nội dung và hình thức của sách mang màu sắc chính trị rất rõ nét, có thể nói, đây là điều quyết định quan điểm chính trị của sách. Bộ sử này không chỉ đơn thuần là ghi chép sự kiện, mà còn thông qua các sự kiện đó, phân tích rõ đầu mối của trị - loạn - hưng - suy, phân tích thiện ác, các chính sách... từ đó đúc rút kinh nghiệm, thành tấm gương soi cho bậc đế vương thi hành đạo trị quốc. Điều ấy thật xứng với tên gọi của nó: *Tư trị thông giám*.

Trong tác phẩm của mình, Tư Mã Quang căn cứ vào tài năng của các vị vua, chia họ thành 5 loại: Sáng nghiệp (dựng đế nghiệp) như Hán Cao tổ, Hán Quang Vũ, Tùy Văn đế, Đường Thái tông...; Thủ thành (giữ được thành công đời trước) như Hán Văn đế, Hán Cảnh đế...; Lãng di (suy bại, xuống dốc) như Hán Linh đế; Trung hưng (hưng khởi triều chính lên sau tàn lụi) như Hán Tuyên đế và Loạn vong (bại vong mất nước) như Trần Hậu chủ, Tùy Dạng đế... Tư Mã Quang đề cao các vua sáng nghiệp, dành cho họ những lời rất tốt đẹp. Ngược lại, với các vua loạn vong, Tư Mã Quang rất căm ghét, cho rằng bọn họ "không nghe đức nghĩa, không tuân phép tắc, bỏ đạo theo ác, bỏ lễ ham dục, tin dùng gian thần, giết người chính trực, bắt kẻ dân oán, mặc cho thần giận...", trong một mức độ nhất định đều vạch mặt và khiển trách để giúp các đế vương sau này làm xem đó là điều răn.

Kết cấu của cuốn *Tư trị thông giám* tương đối chặt chẽ. Sự việc được ghi chép theo thời gian ngày, năm, tháng, lời văn mạch lạc rõ ràng. Những sử liệu không rõ ngày thì ghi vào cuối tháng đó, những sử liệu không rõ tháng thì ghi vào cuối năm đó. Đối với những sự kiện trọng đại có liên quan đến cả một giai đoạn, thì dùng phương pháp thuật lại vắn tắt, hoặc trình bày bổ sung để giới thiệu đầu đuôi câu chuyện, cố gắng làm rõ toàn cục.

Tư trị thông giám ghi chép về rất nhiều mặt, bao gồm quân sự, kinh tế, văn hóa tư tưởng, phạm vi cực kỳ rộng lớn. Đúng như lời của vua Tống Thần tông nói: "Cả thầy ghi chép về mười sáu triều, biên thành hai trăm chín mươi tư quyển, bày trong một gian phòng mà tóm lược được hết việc cổ kim, nội dung rộng mà chốt được yếu điểm, ghi chép tinh giản mà thuật rõ các việc, đây cũng là tổng hợp các loại điển chương chế độ đời trước, là bộ thư tịch sâu rộng đầy đủ rồi."

Các ghi chép về quân sự của *Tư trị thông giám* rất đặc sắc, sinh động và tường tận. Nói rõ về nguyên nhân chiến tranh, phân tích chiến cục, quá trình và ảnh hưởng của chiến sự, ví dụ như ghi chép về các chiến dịch Xích Bích, Phì Thủy là những minh chứng đặc sắc.

Tư trị thông giám cũng chú ý ghi chép về kinh tế qua các triều đại, các chính sách về ruộng đất, lao dịch, vì ruộng đất và tô thuế là vấn đề quan trọng hàng đầu quốc gia, đặc biệt trong nền kinh tế nông nghiệp thời phong kiến. Sách ghi chép rất kỹ về Biển pháp của Thương Ưởng, sự trị an đời Văn đế, Cảnh đế, chế độ quân điền thời Ngụy Hiếu Văn đế... Đây đều là những chi tiết hết sức thú vị, có giá trị nghiên cứu rất cao.

Tư trị thông giám cũng có ghi chép về các mặt tư tưởng, văn hóa. Trong sách chép chủ trương học thuật, nói về các nhân vật đại biểu của năm trường phái là Nho gia, Pháp gia, Danh gia, Âm Dương gia, Tung hoành gia, còn nói đến tư tưởng Hoàng, Lão đầu thời nhà Hán, sự độc tôn Nho gia của Hán Vũ đế, sự thịnh hành Huyền học thời Ngụy Tấn. Trong sách cũng kể về nguồn gốc, sự phát triển của Phật giáo, Đạo giáo, những mâu thuẫn giữa Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo. Về một số phương diện khác như Sử học, Kinh học, Ấn chương học... cũng có ghi chép tương đối tường tận. Ngoài ra, còn phản ánh cả các mặt Thiên văn học, Địa lý học, Thổ mộc kiến trúc, các công trình thủy lợi ...

Một nét đặc sắc không thể bỏ qua, là những câu bình luận trong *Tư trị thông giám*, rất đa dạng và phong phú. Có những lời bình về lịch sử, có những lời bình về sự kiện, có những đánh giá về con người, có những đánh giá về chính sách, có những phân tích về kế mưu, phương lược... tất cả đều do Tư Mã Quang thực hiện, mỗi câu thường mở đầu bằng ba chữ "Thần Quang nói". Tư Mã Quang còn tuyển chép những lời bình luận của người đời trước, mở đầu đều ghi rõ tên tác giả. Những bình luận này Tư Mã Quang tự chọn lọc, tất nhiên đều phù hợp với quan điểm của mình, phù hợp với tư tưởng khi soạn sách, biểu đạt tư tưởng chính trị của bản thân.

Tư trị thông giám là bộ sử biên niên cực kỳ quan trọng của Trung Quốc, nó không chỉ cung cấp những kinh nghiệm quý báu cho giai tầng thống trị, mà còn có giá trị sử liệu rất cao. Tài liệu mà *Tư trị thông giám* trích dẫn vô cùng phong phú, ngoài chính sử ra, còn có 322 loại tài liệu liên quan đến dã sử, truyện trạng, phả lục... Những tài liệu cổ này đến nay phần lớn đã thất truyền, nhờ *Tư trị thông giám*, giới học thuật thấy lại được một phần của rất nhiều tài liệu đã mất, một phần tri thức của người xưa qua sách này được bảo tồn.

Phương thức soạn chép của *Tư trị thông giám* rất nghiêm cẩn, liền mạch thông suốt, lời văn giản dị trong sáng, ý tứ rõ ràng... Những điểm ấy có ảnh hưởng rất lớn đối với sử học đời sau. Ở Việt Nam, bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* được thực hiện chính theo phương thức ghi chép này. Sau khi *Tư trị thông giám* xuất hiện, thể loại biên niên sử bắt đầu phát triển trở lại.

Bên cạnh những giá trị to lớn, chúng ta không thể không nói đến một vài khuyết điểm của *Tư trị thông giám*. Có thể tổng kết lại các khuyết điểm sau:

- Thứ nhất: Vì Tư Mã Quang thông qua sử để bày tỏ quan điểm chính trị, lời phê bình của cá nhân ông đối với vài sự kiện

lịch sử đôi khi phiến diện, mang nặng tư tưởng Khổng Mạnh, có thể nói là lỗi thời.

- Thứ hai: Do bị hạn chế bởi thời đại và tư tưởng của chính tác giả, Tư Mã Quang gọi các cuộc khởi nghĩa nông dân là giặc cướp bất kể nguyên nhân và lý do. Điều này không thực sự đúng đắn.

- Thứ ba: Kết cấu sách được phân định cứng cho các triều đại, Tư Mã Quang quyết định bỏ rất nhiều niên hiệu đế vương (của các triều đại không được lập thành Kỷ), chưa kể đến việc ngay trong một năm có thể tồn tại mấy niên hiệu, nhưng *Tư trị thông giám* chỉ chép tên niên hiệu cuối cùng của năm, từ đó gây khó khăn không nhỏ cho người đọc.

Dẫu vậy, một vài khuyết điểm nhỏ ấy vẫn không thể phủ nhận được giá trị cực lớn của tác phẩm này.

QUÁ TRÌNH BIÊN SOẠN TƯ TRỊ THÔNG GIÁM

Tại sao Tư Mã Quang biên soạn sách *Tư trị thông giám*?

Thứ nhất, Tư Mã Quang là người mê sử từ nhỏ, trong bài biểu dâng sách *Tư trị thông giám*, ông nói rằng: "Duy chỉ có đối với lịch sử đời trước, thần từng đọc qua đại lược, hết sức dụng tâm, từ trẻ đến già, ham thích không chán mệt". Những tư tưởng trong sách *Tả thị Xuân Thu* đã trở thành định hướng cho tư tưởng của Tư Mã Quang trong suốt quãng đời về sau. Thêm nữa, cha ông là Tư Mã Trì vốn chính trực, thanh liêm, điều ấy ảnh hưởng rất sâu sắc đến Tư Mã Quang. Trong quá trình nghiên cứu, Tư Mã Quang phát hiện ra rằng, các bộ chính sử ở Trung Quốc thời ấy rất nhiều, nhưng đều ghi chép lại sự việc theo triều đại, lối viết phỏng theo *Sử ký*, dưới dạng Kỷ truyện, cho nên việc tra cứu các sự kiện lịch sử rất phiền phức, khó tổng hợp phân tích. Mà đương thời, chẳng có bộ sử nào ghi chép

theo lối biên niên giống như sách *Tả thị Xuân Thu*. Vì thế ông quyết tâm soạn một bộ sử "quán cổ thông kim" (xuyên suốt từ thời cổ đến hiện tại) như ý mình.

Thứ hai: Vào lúc bấy giờ, nhà Tống kiến lập được hơn trăm năm, bắt đầu xuất hiện nhiều bất ổn. Bên trong thì chính trị quốc gia tích tẻ, bên ngoài thì biên cương bị đe dọa. Tư Mã Quang muốn thực hiện đạo trị, khiến quốc gia hùng mạnh, có ý dùng lịch sử tổng kết phương thức giáo huấn kinh nghiệm, tìm con đường giải quyết vấn đề hiện thực, cung cấp tấm gương soi lịch sử, từ trị - loạn - hưng - vong qua các triều đại. Thông qua đó, giai tầng thống trị có thể tổng kết, đúc rút các kinh nghiệm lịch sử, rút ra những bài học bổ ích để củng cố vương triều.

Chính vì những lý do đó, Tư Mã Quang có ý đồ gom các bộ sử từ thời trước, "gạn lọc bỏ đi các chỗ dài dòng, rút gọn để nêu bật cái cốt yếu, chuyên sưu tập các sự việc can hệ đến thịnh suy của quốc gia, liên quan đến vui buồn của bách tính, người thiện có thể dùng lập phép tắc, kẻ tà có thể lấy làm điều răn, lập thành một bộ sử biên niên, khiến trước sau có thứ tự, tinh thô không lẫn lộn". Đây là cách mà Tư Mã Quang dùng để nêu tỏ tư tưởng trị quốc của mình.

Ban đầu Tư Mã Quang viết sách *Thông chí* ("chí" tức là ghi chép, "thông chí", tức là ghi chép lịch sử từ đầu đến cuối), cả thảy bao gồm 8 quyển, theo lối sử biên niên. Nội dung ghi chép từ năm thứ 23 đời Chu Uy Liệt vương (403 trước công nguyên) cho đến năm thứ 3 đời Tần Nhị Thế (207 trước công nguyên), tổng cộng 195 năm, thuật lại sự hưng vong của bảy nước thời Chiến quốc là Tần, Sở, Tề, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy. Tư Mã Quang hy vọng rằng Tống Anh tông từ bộ sách này có được sự gợi mở trong việc trị thế. Năm 1066, dâng lên vua, nhà vua rất thích, bèn bổ nhiệm Tư Mã Quang vào Cục bí các để viết tiếp sách đó. Tống Anh tông lập thư cục, cho phép Tư Mã Quang được chọn người phụ tá, cung cấp các thứ vật dụng cần thiết, cấp bổng lộc,

cho dùng sách vở của Hoàng gia, giúp ông dốc tâm lực hoàn thành bộ sách.

Để thực hiện bộ sách này, Tư Mã Quang cùng các cộng sự của ông là Lưu Thứ, Lưu Ban, Phạm Tổ Vũ và con trai ông, Tư Mã Khang, phải dốc sức 19 năm ròng. Khối lượng tư liệu mà nhóm biên soạn sử dụng cực kỳ đồ sộ, bao gồm 30.699 quyển sách trong tàng thư của triều đình; 2.400 quyển sách khác do đích thân Tống Thần Tông ban cho, cùng với hơn 5.000 sách do chính Tư Mã Quang sưu tầm. Tương truyền số sách đó xếp chật kín hai gian phòng. Dẫu vậy, nội dung căn bản của sách đa phần dựa trên 19 bộ chính sử được lưu truyền thời bấy giờ, bắt đầu từ *Sử ký* của Tư Mã Thiên ... cho đến *Tân Ngũ đại sử* của Âu Dương Tu. Các sách khác tham khảo thường dùng cho mục đích tìm ra các mâu thuẫn, lựa chọn để quyết đúng sai.

Dưới sự phân công của Tư Mã Quang:

- Lưu Ban soạn về giai đoạn Lương Hán
- Lưu Thứ soạn về giai đoạn Lương Tấn Nam Bắc triều
- Phạm Tổ Vũ soạn về giai đoạn Tùy Đường, Ngũ đại.
- Tư Mã Khang phụ trách kiểm tra văn tự.

Việc biên soạn được Tư Mã Quang chia thành ba bước như sau:

- Bước thứ nhất: Mọi người thu thập và sắp xếp tất cả các tư liệu, tuân theo thứ tự thời gian là năm tháng, làm rõ sự mục. Giai đoạn này gọi là *Tùng mục* (Tổng mục lục).

- Bước thứ hai: Kiểm tra tư liệu đã sắp xếp, theo *Tùng mục* kiểm soát sử liệu, tiến hành chỉnh lý sơ bộ, thông qua tuyển chọn rồi quyết định bỏ chỗ nào, lấy chỗ nào, thuyết minh rõ lý do bỏ lấy hoặc chọn nhặt làm phụ chú, từ đây viết thành bản thảo thứ hai. Giai đoạn này gọi là *Trường biên* (soạn tư liệu theo mục lục).

- Bước thứ ba: Tư Mã Quang từ bản thảo thứ hai, tiến hành khảo sát những chỗ dị đồng, gạn lọc lấy chỗ tinh hoa, tước bỏ các sai sót, tu sửa nhuận sắc, cuối cùng thành bản thảo nhất định. Bước này gọi là "san cải định cáo", được thực hiện hết sức tỉ mỉ, cực kỳ gian nan. Tương truyền, bộ *Đường kỷ* Trường biên lúc đầu chọn nhặt gồm hơn 600 quyển, Tư Mã Quang đã biên soạn, tu chỉnh rất nhiều lần, suốt bốn năm trời, sau khi san định thì chỉ còn có 81 quyển như bây giờ.

Mặc dù đây là một bộ sử do nhiều người tham gia soạn chép, nhưng qua tuyển lọc nghiêm túc, cẩn trọng, tất cả đều được tập hợp để Tư Mã Quang là người kiểm duyệt cuối cùng. Vì thế văn chương của bộ *Tư trị thông giám* hết sức trau chuốt, cú pháp theo khuôn thước, nhất quán từ đầu đến cuối, hết như sách được viết ra bởi một người. Phương pháp biên soạn *Tư trị thông giám* xứng đáng được các sử gia đời sau học tập. Một điểm đáng nói nữa là với cách thức lập thư cục biên soạn, tự tuyển lựa người, kết hợp sở trường riêng của từng người, phân công phân nhiệm rõ ràng để cùng nhau hợp tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, việc thực hiện cuốn sử *Tư trị thông giám* xứng đáng được coi là là mẫu mực.

Sau nhiều năm miệt mài ròng rã, bất kể ngày đêm, năm Nguyên Phong thứ bảy (1084), bộ sử vĩ đại do Tư Mã Quang chủ biên đã hoàn thành. Sức lực của cả nhóm biên soạn hao phí vô cùng ghê gớm. Ngay từ lúc sách chưa soạn xong, Lưu Thứ, người được phân công viết phần Ngụy Tấn Nam Bắc triều vì lao lực ốm bệnh chết, Lưu Bân được phân công viết phần Lương Hán, lúc ấy đã 62 tuổi, già lão như người đã 80 tuổi, Phạm Tổ Vũ mới 43 tuổi mà sức đã suy, tóc đã bạc, còn Tư Mã Quang 65 tuổi thì hết sức thê thảm, như lời của ông trong biểu dâng sách "*thân thể yếu mỗi, thị lực suy kém, răng chẳng còn được mấy chiếc, thân khí hao sút, trí nhớ giảm tổn, việc làm trước mắt, quay gót nhãng quên*".

Tháng 12 năm ấy, Tư Mã Quang bắt kể cuối năm trời đầy tuyết giá, sai người lấy gấm gói sách thành 10 cái hộp lớn, dùng xe chở, ông và Lưu Bân, Phạm Tổ Vũ đích thân hộ tống, xuất phát từ Tây kinh Lạc Dương đi suốt ngày đêm về Đông kinh Biện Lương, dâng sách lên Tống Thần tông. Vua Thần tông hết sức vui mừng, ban tên cho sách là "*Tư trị thông giám*", lấy ý từ câu "Giám vu vãng sự, hữu tư trị đạo" (Lấy sự hưng suy của đời trước làm gương, hy vọng có lợi cho việc trị quốc). Đồng thời gia phong Tư Mã Quang làm Tư chính điện học sĩ.

Vì biên soạn bộ sách này, Tư Mã Quang lao lực quá độ, sức khỏe giảm sút nghiêm trọng. Khi sách được in khắc ấn bản, ông mất đã hơn một tháng, không được nhìn thấy sách của mình.

ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI ĐỜI SAU

Như đã nói, trong lịch sử sử học Trung Quốc, *Tư trị thông giám* chiếm một vị trí vô cùng quan trọng, được các học giả đương thời và hậu thế đánh giá rất cao.

Sử gia người thời Nam Tống là Vương Ứng Lân bình rằng: "Từ khi có sách vở ghi chép đến nay, chưa có sách nào được như *Tư trị thông giám* vậy."

Sử gia Hồ Tam Tỉnh, người thời Nguyên dành cho *Tư trị thông giám* lời đánh giá rất cao: "Làm vua mà không biết *Tư trị thông giám* thì muốn trị cũng không biết cái nguồn tư trị, ghét cái loạn mà không biết thuật phòng loạn. Làm bề tôi mà không biết *Tư trị thông giám*, thì trên không thể thờ vua, dưới không thể trị dân. Làm con mà không biết *Tư trị thông giám*, thì mưu tính cho bản thân tất sẽ khiến nhục tổ tiên, làm việc không đủ để lưu danh hậu thế".

Nhà tư tưởng Lương Khải Siêu của thời cận đại cũng dùng hết ngôn từ hoa mỹ để ca ngợi Tư Mã Quang và trước tác *Tư trị*

thông giám rằng: "*Tư trị thông giám* của Tư Mã Ôn công, là đại văn của trời đất, kết cấu hoành vĩ, tài liệu phong phú, hậu thế muốn viết thông sử, không thể không dựa vào đó làm lam bản, mà đến nay chưa có quyền nào vượt qua được. Ôn công thật là bậc vĩ nhân!"

Không chỉ những bậc vua chúa, khanh tướng, quan lại, học giả thời xưa tôn sùng *Tư trị thông giám* mà ngay cả những nhà lãnh đạo thời hiện đại của Trung Quốc cũng coi bộ sử biên niên này là sách gối đầu giường, là kim chỉ nam cho việc quản lý đất nước, chẳng hạn như Mao Trạch Đông, Tưởng Giới Thạch, Đặng Tiểu Bình... trong đó Mao Trạch Đông đọc *Tư trị thông giám* tới 17 lần, còn Đặng Tiểu Bình thuộc lòng cả bộ sử này.

CÙNG BẠN ĐỌC

Bắt tay vào việc chuyển ngữ pho sử đồ sộ này, nói là một thú chơi, hoặc một việc làm "không tự lượng sức", đối với nhóm dịch và biên soạn, thế nào cũng đúng.

Không phải chưa từng nhắc lên đặt xuống, chưa từng có những bản thảo khi lựa chọn dẫn thân vào việc chuyển ngữ một bộ sử lớn của Trung Quốc như thế này. Liệu nó có thật sự cần thiết, và đáng công?

Trên thực tế, hiện nay đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu xuất sắc của các học giả ưu tú, về hành trình dựng nước và giữ nước mấy nghìn năm của dân tộc Việt Nam. Chính vì lẽ đó, nhóm dịch chỉ xin được cung cấp thêm những giá trị tham chiếu, cho đông đảo những người yêu sử học nước nhà.

Với chính người Trung Quốc, những gì chất chứa trong *Tư trị thông giám* cũng không phải là bất biến nhất thành. Chuyện cũ còn ghi lại, cuộc xung đột về tư tưởng chính trị giữa Tư Mã Quang - mà hệ thống lý luận cốt lõi được truyền tải gần như

toàn bộ trong *Tư trị thông giám* - với Vương An Thạch - người chủ xướng những tư tưởng cách tân triệt để - đã trở thành một trong những trận sóng gió chính trường lớn nhất lịch sử Trung Hoa, với những hệ lụy nặng nề. Trong cuộc so kè này, Tư Mã Quang là người chiến thắng cuối cùng. Tuy nhiên, không phải không có những ý kiến của hậu nhân đánh giá rằng việc ông triệt phá toàn bộ "Biến pháp" của họ Vương và tái xác lập những cơ cấu chính trị cổ điển đã khiến nhà Bắc Tống đánh mất không ít cơ hội tự thay đổi, đồng thời tìm kiếm những động lực phát triển mới. Ở một góc nhìn nào đó, chuyện Tư Mã Quang bị xem là đại diện cho các thế lực thủ cựu muốn khư khư nắm giữ đặc quyền trong xã hội phong kiến, nên đã hết sức ngáng trở việc đề xuất và thực thi những ý tưởng tiến bộ (ví dụ như chuyện Vương An Thạch muốn thay thế và tiến tới bãi bỏ chế độ nô dịch, hay việc họ Vương đề cao các kiến thức mang giá trị thực tiễn trong khoa cử, thay cho những lý thuyết mang tính kinh viện cổ truyền) cũng không hẳn đã là quá khắt khe. Và như vậy, việc tiếp nhận tư tưởng chính trị xuyên suốt *Tư trị thông giám* thật sự đòi hỏi một tâm thế khách quan, lạnh lùng và tỉnh táo, ngay từ công việc chuyển ngữ.

Với người Việt, chuyện "thần thánh hóa" những tư tưởng phong kiến Trung Quốc lại càng là điều nhạy cảm. Song, khi chúng ta ở bên cạnh người hàng xóm ấy, với tham vọng của họ đang trong quá trình trỗi dậy, mỗi bài học từ quá khứ đều đáng được xem xét kỹ lưỡng. Điều hay của họ, không nên phủ nhận, cái dở của họ, nhất thiết phải tránh. Những chiến lược phục vụ cho tư tưởng Đại Hán cố hữu của họ được đúc kết qua mấy nghìn năm, chúng ta không thể không nắm rõ. Những vòng lặp thịnh - suy - hưng - phế của họ cũng có thể là vấn đề của bất cứ quốc gia nào, đặc biệt là ở nhóm các nước "đồng văn" cũ thuộc khu vực Á Đông này. Và chẳng, cũng như *Sử ký* nhưng còn nhiều hơn *Sử ký*, những dấu vết cội nguồn dân tộc Việt Nam

trên mảnh đất hình chữ S kiên cường xuất hiện không ít lần trong *Tư trị thông giám*, như một quốc gia tự chủ. Đó có thể là sự khẳng định mạnh mẽ thêm cho những lý thuyết đã được xác nhận từ xưa đến giờ, hoặc cũng có thể là tiền đề cho những nghiên cứu mới trong tương lai, những tồn nghi còn đang đợi giới yêu sử nước nhà lật lên xới lại.

Ở một góc nhìn rộng hơn, lịch sử luôn là tấm gương thần kỳ, không chỉ giúp mọi người hiểu được quá khứ mà còn có thể từ đó đưa ra những dự đoán về tương lai. Đó là một dòng chảy rộng lớn bất tận, mà nếu đi tìm ngọc người ta sẽ thấy ngọc, còn chỉ tìm cát sỏi thì cũng sẽ thấy cát sỏi.

Chiêm nghiệm, tự mình chiêm nghiệm, và tìm được tri âm để chia sẻ những sự chiêm nghiệm về các bài học lịch sử, không phải là một cái thú trời cho hay sao?

Tháng 8 năm 2017

NHÓM CỔ THƯ LÂU

TỰA

— 38 —

Mở cửa thấy núi, vốn vẫn có thể lại đóng cửa quay vào, gác tay nằm khểnh, đợi người bạt núi thông đường...

Lựa chọn ấy dễ dàng hơn nhiều, so với việc quăng mình vào trường văn trận sử. Đêm thức hàng con cùng chữ nghĩa, ngày mơ từng đợt với cổ thư, đó vẫn luôn là một thứ thú chơi không chỉ công phu, mà còn khắc nghiệt. Vì danh vì lợi mà đầy dọa tinh thần mình như thế đã là đại, huống gì thực tế là với pho sử kén người đọc này thì mong gì lợi, đợi gì danh?

Thế nhưng, như một lời hờ hững cũ từng buông đầu đó, khi vừa hoàn thành một chặng đường chinh phục, lúc tâm tư chỉ còn nghĩ đến thanh thản an nhàn: "Vạn sự tùy duyên". Cái duyên với *Tư trị thông giám* ập đến, và cuốn các anh – những dịch giả "tay ngang", những kẻ rong chơi phù phiếm – vào cuộc phiêu lưu mới, cũng đơn giản như khi đi trọn 10 năm cùng *Tam Quốc chí chú* mà không cần một sự xác nhận, một lời cam kết nào.

Mở cửa thấy núi, thì lại làm Ngu Công chuyển núi.

Có sao đâu! Cũng chỉ là thêm một lần rong ruổi sau bao lần rong ruổi, khi đã ở tuổi "tri thiên mệnh", khi hầu hết mọi sự trong đời đều đã chỉ còn mang những ý nghĩa tương đối.

Mà tri âm xưa còn đó. Và tâm giao mới vẫn chờ.

Chén rượu uống vọng dăm nẻo trời, trang sách mở chung hai lục địa. Thêm những bầu nhiệt huyết, bớt vài mối ưu tư. Hành trang như thế cũng đã là đủ rồi. Để thử hoàn tất việc mà chưa ai hoàn tất. Được mất chẳng đáng một làn mây...

Lại thêm một lần tận lực dụng công phụng sự chữ "Thành". "Thành" với người đọc sử, "thành" với chính mình. Không phải là chữ "thành" trong "thành bại", vốn đã trở nên một nỗi ám ảnh trong thế giới đương đại. Đây là chữ "Thành" trong "thành thực", trong "chân thành", mà cũng là cả trong "thành kính". "Thành" với cái tiếng người đọc sách. "Thành" với bằng hữu. "Thành" với chính mình. Để vấp thì gương dậy, ngã thì đứng lên.

Thế thôi, cũng không nhất thiết phải đao to búa lớn, gióng trống khua chiêng làm gì. Các anh thực sự không hợp với điều đó, và có lẽ pho sử này cũng vậy. "Thuỳ năng thư các hạ, bạch thủ thái huyền kinh", rồi cũng chỉ để "Sự liễu phát y khứ. Thâm tàng thân dữ danh".

Lời đầu sách thường có lẽ không hợp với những u hoài. Song, bất giác, lại nhớ đến đôi câu thơ rất cũ:

...Lũ chúng ta đâu thai lâm thế kỷ

Một đôi người u uất nổi chơ vơ...

(Vũ Hoàng Chương)

Tận cùng thú chơi hành xác này là chữ "Thành", mà phải chăng chữ "Thành" ấy được hun đúc bởi bao nhiêu ưu thời mãn thế, bao nhiêu tâm tư cá biệt mây ngàn?

Nên đường dài, nhưng cứ đi thì khắc đến. Mà điểm đến, thực ra, lại đâu phải là mục đích chính của lần lên đường này?

Tháng 8 năm 2017

VÕ HOÀNG GIANG

TƯ TRỊ THÔNG GIÁM TỰA [TỔNG THẦN TÔNG]



Trẫm nghĩ người quân tử đa phần tinh thực hết các lời nói và việc làm của tiên nhân, lấy đó trau dồi phẩm đức của mình, vậy nên mới có được sự cứng mạnh thành thực, mỗi ngày thêm phần rực rỡ. Kinh Thư cũng nói: "Bậc quân vương, nên không ngừng mở rộng kiến văn, để tùy thời dựng lập công nghiệp". Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Xuân Thu, đều dùng những lời như thế để làm rõ quy luật được mất, giữ lấy tính chính thống của Vương đạo, giúp hậu thế thông qua đó soi xét răn mình.

Sách sử của Tư Mã Thiên thời nhà Hán chứa trong rương vàng cất nơi tông miếu, căn cứ vào sách "Quốc ngữ" của họ Tả, tra cứu các sách "Thế bản", "Chiến quốc sách", "Sở Hán xuân thu", lựa kinh trích truyện, thu thập các sự tích đã thất lạc tản mát trong văn tự cũ khắp thiên hạ, khảo chứng sự đúng sai của các việc làm ghi trong đó, ruối rong nam bắc trong vòng mấy chục năm, ghi chép bắt đầu từ thời Hiên Viên cho đến khi Hoàng đế nhà Hán (Hán Vũ đế) phát hiện thấy kỳ lân thì dừng, sáng tác thành Ký, Biểu, Thế gia, Thư, Truyện, các sử gia đời sau chép sử chẳng thể thay đổi được thể lệ ấy. Chính bởi sự phán đoán đúng sai của sử gia Thiên không trái với thánh nhân, lời khen chê rất đúng đắn, nên mới được coi là có cái tài bậc lương sư.

Xét phụ hoàng Anh Tông thời trước, mỗi ngày xử lý vạn việc nhưng vẫn lưu tâm đến điển tịch, chưa từng dừng nghỉ việc đọc sách. Từng lệnh cho Long đồ các Trục học sĩ Tư Mã Quang luận định, sắp

xếp về sự tích của các quân vương và đại thần đời trước, sai tới Bí các đọc duyệt văn chương sách vở, cấp cho sử quan, bút thê, sai tu soạn sách bắt đầu từ đời Chu Uy Liệt vương cho đến đời Ngũ đại gần đây. Ý kiến của Quang cho rằng nhà Chu yếu kém quá lâu, vương thất suy vi, các việc lễ nhạc, phép chế và chính phạt đều xuất ra từ chư hầu, Chu Bình vương thiên đô về đông, các nước Tề, Sở, Tần, Tấn bắt đầu lớn mạnh, Tề Hoàn, Tấn Văn thay nhau làm bá, vẫn mượn tiếng tôn sùng Chu vương làm lý để thu phục thiên hạ. Đến lúc Chu Uy Liệt vương lệnh cho ba nhà Hàn, Triệu, Ngụy là thần tử làm chư hầu, triều Chu tuy chưa diệt vong, nhưng vương chế đã bị hủy hoại rồi! Đây cũng là cố nhân bày đầu mô lập ý để soạn chép vậy.

Sách này ghi chép về các minh quân, lương thần, việc mài giũa đạo trị quốc, các câu nghị luận tinh diệu, các phép chế hay về đạo đức, hình pháp, quan hệ giữa trời và người, ngọn nguồn của hiện tượng cát hung, tốt xấu, căn nguyên của thịnh suy, uy phúc, hiệu quả lợi hại của việc vạch kế, bày mưu, phương lược của tướng lĩnh ưu tú, phép chế của quan viên liêm cần, dùng tà - chính làm tiêu chuẩn quyết đoán, giúp nắm bắt được cái gốc của việc trị - loạn, bản chất câu từ uyên bác hồn hậu, hàm nghĩa khuyên răn sâu sắc, thực có thể gọi là hoàn bị chỉnh tề. Cả thấy ghi chép về mười sáu triều, biên thành hai trăm chín mươi tư quyển, bày trong một gian phòng mà tóm lược được hết việc cổ kim, nội dung rộng mà chốt được yếu điểm, ghi chép tinh giản mà thuật rõ các việc, đây cũng là tổng hợp các loại điển chương chế độ đời trước, là bộ thư tịch sâu rộng đầy đủ rồi.

Tuân Khanh từng nói: "Muốn quan sát hình tích của thánh nhân, thì tìm xét ở hành vi cao khiết hơn người của họ, vua hiền đời sau lấy đó làm khuôn mẫu." Như các vua Văn đế, Tuyên đế của Hán triều, Thái tông của Đường triều, chính như Khổng tử nói: "Ta không thể nào chê trách được". Ngoài ra, quân vương nổi tiếng đời trị, có vua nhân ái lo nước thương dân, có vua dạy dỗ khiêm hòa trung thật, có vua khéo xét bổ dụng người tài, cần kiệm cẩn thận, cũng đều có được

TIỀN THƯ BIỂU

[TƯ MÃ QUANG]



Thần là Quang xin có lời thưa:

Lúc trước thần phụng sắc mệnh thu thập biên chép sự tích về các quân thần đời trước, về sau lại nhận thánh chỉ ban tên sách là "Tư trị thông giám", đến nay sách đã soạn thành.

Thần cúi nghĩ mình bản tính ngu muội vụng về, học vấn thô sơ nông cạn, tuyệt đại đa số các việc làm đều kém cỏi so với người khác. Duy chỉ có đôi với lịch sử đời trước, thần từng đọc qua đại lược, hết sức dụng tâm, từ trẻ đến già, ham thích không chán mệt. Thần thường lo rằng từ thời Tư Mã Thiên (tác giả soạn Sử ký) và Ban Cố (tác giả soạn Hán thư) đến nay, văn tự sử sách quá nhiều, dầu kẻ sĩ áo vải còn chẳng đọc hết, huống chi là với bậc nhân chủ mỗi ngày xử lý vạn việc, sao có được thời gian rỗi nhàn mà xem khắp? Thần thường chẳng tự liệu sức, muốn gạn lọc bỏ đi các chỗ dài dòng, rút gọn để nêu bật cái cốt yếu, chuyên sưu tập các sự việc can hệ đến thịnh suy của quốc gia, liên quan đến vui buồn của bách tính, người thiện có thể dùng lập phép tắc, kẻ tà có thể lấy làm điều răn, lập thành một bộ sử biên niên, khiến trước sau có thứ tự, tinh thô không lẫn lộn, chỉ vì một mình sức mỏng, không có cách gì để thành toàn.

May sao thần gặp được Anh Tông hoàng đế, thiên tính thông minh sáng trí, thi hành chính trị văn minh, muốn xem khắp các việc đời xưa, dựa vào đây làm cơ sở để triển khai đại kế quốc gia, vì thế ban

chiếu cho hạ thần, sai biên tập thành sách. Sở nguyện xưa cũ của thần bổng một sớm được phát huy, liền hăng hái nhảy nhót vâng theo chiếu lệnh, chỉ sợ mình không xứng chức. Tiên đế còn lệnh cho thần được tự tuyển quan thuộc, được thiết lập thư cục ở viện Sùng Văn, đồng ý cho mượn thư tịch ở Long đồ các, Thiên chương các, Tam quán (Chiêu văn quán, Tập hiền quán, Quốc sử quán) và Bí các, ban cho bút, nghiên, giấy, mực và nhung lụa trong ngự phủ để dùng, phát tiền vật để sắm sửa đồ ăn, lại cho nội thần (hoạn quan) làm người liên lạc, có việc được trực tiếp tâu trình, ân sủng như thế, cận thần chẳng sánh kịp. Chẳng may sách chưa kịp dâng lên, tiên đế đã là bỏ quần thần. Bệ hạ kế thừa đại thống, kính theo di chỉ của tiên hoàng, sủng ban lời tựa, đích thân ban tên cho sách. Mỗi khi thần vào cung trái chiếu hầu giảng, Bệ hạ thường lệnh cho thần tuyên đọc. Thần dẫu vương gần ngu độn, nhưng nhận đãi ngộ hậu của hai vị Thiên tử như thế, chết thân rơi đầu chưa đủ để báo đáp, chỉ mong dốc hết trí lực, há dám sơ sót biếng lười?

Đúng lúc triều đình sai thần thay giữ chức Tri châu Vĩnh Hưng, vì thân thể suy nhược, bệnh nặng chưa khỏi, không thể đảm nhiệm việc quân chính chất chồng, thần xin được đổi nhận chức Nhữ quan (quan nhàn rỗi vô sự). Bệ hạ nghĩ xét khai ân theo lời thỉnh cầu, cho thần chức nhàn để dưỡng thân, sai thần nhận chức Phán Tây kinh Lưu ty Ngự sử đài, kiêm chức Đề cử Tung Sơn Sùng Phúc cung. Thần trước sau sáu lần nhận lệnh điều động nhận chức, luôn được đồng ý cho đem thư cục đi theo, cung cấp bổng lộc theo phẩm trật, không đòi hỏi chính tích với chức trách đang đảm nhiệm. Sau khi thần không phải nhận việc nào khác, liền dốc toàn bộ trí lực, nghiên cứu kỹ lưỡng, vắt kiệt kiến thức mà mình có, hết ngày ra sức chẳng đủ, lại làm tiếp đến đêm. Xem đọc khắp sử cũ, nhật thêm từ dã sử, thẻ thư đây ứ chất đống, bộn bề như bể lớn, chọn nhặt các ý kín, khảo xét chi ly. Trên bắt đầu từ thời Chiến quốc, dưới kết thúc vào thời Ngũ đại, cả thấy một nghìn ba trăm sáu mươi hai năm, tu sửa soạn thành hai

trăm chín mươi tư quyển. Rồi sau lại tuyển lấy chỗ cốt yếu, lấy niên đại làm "cuong", lấy quốc sự làm "mục", để tiện kiểm xét, làm thành ba mươi quyển Mục lục. Lại tham khảo các loại thư tịch, bình xét các chỗ giống và khác nhau, khiến cho các nội dung đều nhất quán, làm thành ba mươi quyển Khảo dị. Tính gộp cả lại là ba trăm năm mươi tư quyển. Kể từ năm Trị Bình bắt đầu mở thư cục, cho đến nay mới hoàn thành, trải qua rất nhiều năm tháng, trong thời gian ấy xuất hiện những điểm mâu thuẫn, thần không dám tự bảo chứng, còn trách nhiệm về những chỗ sai lầm, thần đương nhiên không trốn tránh. Thần là Quang thực lòng hoảng sợ, rạp đầu cúi lạy.

Lại nghĩ lúc thần rời triều đình, đến nay đã mười lăm năm, tuy thân ở bên ngoài, lòng thành mồn mọn, sớm khuya trăn trở, há có lúc nào không quẩn quanh bên hoàng thượng? Chỉ tại tài thần hèn kém, chẳng thể làm nên việc gì, vì thế chỉ chuyên tâm theo việc thề gõ phẫn bút, để báo đáp đại ân, mong dốc kiệt sức tàn, giúp cái ích còn con cho thiên hạ. Nay thần thân thể yếu mỏi, thị lực ngày một suy kém, rằng chẳng còn được mấy chiếc, thần khí hao sút, trí nhớ giảm tổn, việc làm trước mắt, quay gót nhãng quên. Tinh lực của thần dôn hết vào bộ sách này. Cúi mong Bệ hạ khoan thứ cho đại tội làm bừa, xét kỹ cái tâm ý trung quân thành khẩn của thần, vào những lúc rỗi rãi thư nhàn, thỉnh thoảng xem đọc, coi gương hưng suy đời trước, khảo việc được mất ngày nay, khuyến thiện ngừa ác, chọn việc đúng đắn bỏ việc sai lầm, đủ để bao trùm cái đức tốt của thời xưa, đưa thiên hạ đến chỗ thái bình thịnh thế vô tiền khoáng hậu. Khiến quần sinh trong bốn bể, đều nhận ân phúc che trùm, thì thần đâu xương cốt mục nát dưới cửu tuyền, chí nguyện đã được thành toàn rồi!

Kính cẩn dâng lên biểu chương này để bày tỏ tấm lòng. Thần là Quang vô cùng hoảng sợ, rạp đầu muôn lạy, kính dâng lời.

Đoan Minh điện Học sĩ kiêm Hàn lâm Độc học sĩ Thái trung đại phu, Đề cử Tây kinh Tung Sơn Sùng Phúc, Tư Mã Quang dâng biểu.

Năm Nguyên Phong thứ bảy, tháng mười một, kính trình.

Kiểm duyệt văn tự: Thừa sự lang. Thần, Tư Mã Khang.

Đồng tu: Phụng nghị lang. Thần, Phạm Tổ Vũ.

Đồng tu: Bí thư thừa. Thần, Lưu Thứ.

Đồng tu: Thượng thư đồn điền, Viên ngoại lang, Sung tập hiền
giáo lý. Thần, Lưu Ban.

Biên tập: Đoàn Minh điện Học sĩ kiêm Hàn lâm Độc học sĩ, Thái trung đại phu. Thần, Tư Mã Quang.

TƯỜNG DỤ CHIẾU THU

[TỔNG THẦN TÔNG]

— ॐ —

Thánh chỉ: Sắc lệnh cho Tư Mã Quang biên soạn hoàn thành sách "**Tư trị thông giám**".

Sử học hoang phế rất lâu rồi, ghi chép vô phép tắc, nghị luận bất minh bạch, há đủ để trừng ác khuyến thiện, phát huy công hiệu lâu dài? Khanh học rộng biết nhiều, xuyên suốt cổ kim, trên từ thời Chu mạt, dưới hết thời Ngũ đại, chỉnh lý biên tập, thành sách của một nhà, khen - chê - bỏ - chọn, đều dựa vào chứng cứ xác đáng. Sau khi thẩm đọc duyệt xong, trong lòng cảm thán xiết bao! Nay ban cho khanh bạc ròng, tơ lụa, y phục, đai ngọc, tuần mã đầy đủ đầy cương, đơn kê các thứ vật dụng chép riêng trên một trang giấy, khi khanh đến có thể lĩnh ngay. Đây là những thứ trẫm ban khen khích lệ, khanh nên biết rõ.

Mùa đông trời lạnh, mong khanh luôn được mạnh khỏe bình an. Thư gửi đi, mong rằng không lâu sẽ tới. Ngày mười lăm.

Ngày 17, tháng 9, năm Nguyên Phong thứ tám, chuẩn Thượng thư tỉnh phát thư tín, phụng thánh chỉ, tiến hành khảo định một lần nữa.

Ngày 14 tháng 10 năm Nguyên Hữu nguyên niên, phụng thánh chỉ, giao đến Hàng Châu khắc bản.

--- ॐ ---

CHU KỶ

[QUYỂN THỨ NHẤT]



CHU UY LIỆT VƯƠNG

Năm thứ hai mươi ba (Mậu Dần – TCN 403)

1. Nhà Chu bắt đầu mệnh cho các Đại phu nước Tấn là Ngụy Tư, Triệu Tịch, Hàn Kiền làm chư hầu.⁽¹⁾

Thần Quang nói: Thần nghe, chức trách của Thiên tử chẳng gì lớn bằng lễ, lễ chẳng gì lớn bằng phân, phân chẳng gì lớn bằng danh. Cái gì là lễ? Là kỷ cương vậy. Cái gì là phân? Là vua, tôi vậy. Cái gì là danh? Là Công, Hầu, Khanh, Đại phu vậy.

¹ Nhà Chu khởi nghiệp ở đất Thai, qua nhiều đời phát triển thành bộ lạc lớn. Đến đời thứ 12 là Thái vương (太王), vì tránh rợ狄 đời đến lập nghiệp đất Kỳ, cháu của Thái vương là Văn vương Cơ Xương (文王姬昌) chống lại vua Trụ nhà Ân Thương, đến con của Văn vương là Vũ vương (武王) thì tiêu diệt nhà Ân lập nên nhà Chu.

Chu Thành vương (周成王), là con của Chu Vũ vương, lên ngôi lúc còn nhỏ, chơi đùa với em là Cơ Ngụ (姬虞), bẻ lá cây ngô đồng giả làm ngọc khuê đưa cho Cơ Ngụ, nói: "Ta phong đất này cho nhà ngươi." Quan Thái sử chép việc ấy, nói xin hãy chọn ngày để phong, Chu Thành vương nói: "Ta chỉ chơi đùa thôi." Sử quan nghiêm mật nói: "Thiên tử không nói đùa được." Thành vương bắt đắc dĩ, phong Cơ Ngụ làm vua nước Đường, tức Đường Thúc Ngụ (唐叔虞). Sau này nước Đường đổi tên thành nước Tấn.

Nước Tấn truyền ngôi đến đời thứ 39 là Tấn Hoàn công (晋桓公) thì quá suy vi. Năm 403 (TCN), ba quan khanh nhà Tấn là Ngụy Tư, Triệu Tịch, Hàn Kiền chia nhau đất Tấn tự lập, vua nhà Chu là Uy Liệt vương chính thức phong ba nhà Ngụy, Hàn, Triệu làm nước chư hầu. Nước Tấn chỉ còn giữ được đất Giáng và đất Khúc Ốc rất nhỏ hẹp, duy trì thêm được 27 năm nữa thì bị ba nước Hàn, Triệu, Ngụy thôn tính, nước Tấn chính thức diệt vong. Trung Hoa bước vào giai đoạn Chiến quốc.

Phàm là đem bốn bề mệnh mông, muôn dân lớp lớp, đặt hết dưới quyền quản chế của một người, thì dầu kẻ có sức khoẻ tuyệt luân, trí tuệ siêu quần, chẳng ai không vất vả ngược xuôi phục dịch, há chẳng nhờ có lễ lập kỷ cương cho họ sao! Thế nên Thiên tử thống quản Tam công, Tam công đốc suất chư hầu, chư hầu tiết chế Khanh đại phu, Khanh đại phu cai trị sĩ thứ dân. Quyền quý coi tiện dân, tiện dân vâng quyền quý. Người trên sai khiến kẻ dưới như tim bụng vận chân tay, như gốc rễ quản cành lá, kẻ dưới phụng sự người trên như chân tay giữ tim gan, như cành lá che gốc rễ, rồi sau mới có thể khiến trên dưới bảo vệ nhau mà quốc gia yên trị. Cho nên nói chức trách Thiên tử chẳng gì lớn bằng lễ vậy.

Văn vương định thứ tự các quẻ Dịch, lấy Càn và Khôn làm đầu. Khổng tử ràng buộc các quẻ, nói: "Thiên tôn địa ti, Càn Khôn định hi. Ti cao dĩ trăn, quý tiện vị hi."⁽¹⁾ Là ý nói địa vị vua tôi như trời với đất chẳng thể thay đổi vậy. Kinh Xuân Thu đề biếm chư hầu, tôn sùng vương thất, xem người làm vua dầu thế yếu, nhưng thứ tự vẫn ở trên chư hầu, vì thế thấy được thánh nhân với địa vị vua tôi không hề qua quýt. Nếu chẳng có vua bạo ngược như Kiệt, Trụ, không có người nhân như Thang, Vũ, được dân chúng quy phục, được trời trao mệnh, thì phận quân thần phải giữ tiết đến chết mới thôi. Bởi thế, nếu lấy Vi Tỉ thay vua Trụ thì Thành Thang vẫn được phối hưởng với trời rồi, lấy Quý Trát làm vua Ngô thì Thái Bá vẫn hưởng huyết thực rồi,⁽²⁾ nhưng

¹ Trời cao đất thấp, Càn Khôn đã định. Cao thấp rõ ràng, sang hèn rạch ròi.

² Vi Tỉ, tức Vi Tỉ Khái (微子启), là con của Đế Ất nhà Thương. Lúc trước khi Vi Tỉ sinh, mẹ vẫn chỉ là thị thiếp, sau này được lập làm Hậu thì sinh ra Tân, vì thế Tân được tính là dòng đích. Đế Ất từng muốn lập Vi Tỉ, nhưng quan Thái sử can: "Vi Tỉ do vợ hèn kém sinh ra, Tân là con dòng đích, đáng lập." Đế Ất nghe theo, vì thế sau khi Đế Ất mất, Tân lên kế ngôi, tức vua Trụ. Vua Trụ ham tửu sắc, ưa hưởng lạc, lại làm nhiều việc bạo ngược, rút cục nhà Ân bị mất dưới thời vua Trụ.

Ngô vương Thọ Mộng có bốn con, con út là Quý Trát (季札) hiền minh nhất, Thọ Mộng muốn truyền ngôi cho, nhưng Quý Trát không nghe. Thọ Mộng khi chết căn dặn rằng bốn anh em hãy truyền ngôi cho nhau để đến lượt Quý Trát. Con cả là Chư Phần lên ngôi, sau khi chết nhường cho em là Dư Sái, Dư Sái chết lại truyền ngôi cho em Dư Muội. Dư Muội chết, truyền ngôi cho Quý Trát nhưng Quý Trát không nghe, vì thế con của Dư Muội là Dư Liêu lên ngôi. Về sau nước Ngô loạn.

hai vị ấy thà vong quốc mà không chịu làm vua, vì thực tâm cho rằng đại tiết của lễ chẳng thể loạn vậy. Cho nên nói lễ không gì lớn bằng phận vậy.

Đại để dùng lễ để phân chia quý tiện, sắp xếp thân sơ, xác quyết muôn vật, xử lý các việc, không có danh vị thì không hiển dương được, không có biểu khí thì chẳng biểu hiện được; danh vị là để truyền mệnh lệnh, biểu khí là để phân khác biệt, rồi sau trên dưới có luân thường rõ ràng; đấy là đạo lý lớn của lễ vậy. Danh vị và biểu khí đã mất, thì lễ sao có thể độc lập tồn tại đây! Xưa kia Trọng Thúc Vu Hề có công với nước Vệ, từ chối ấp phong mà xin được dùng 'phồn anh'⁽¹⁾, Khổng tử cho rằng không bằng thưởng thêm ấp phong. Duy có danh vị và biểu khí, không thể cho người khác mượn, đấy là cái thuộc riêng quyền của vua vậy; quyền chính mất thì quốc gia theo đó nguy vong. Vua nước Vệ muốn Khổng tử qua việc này xử lý chính sự, Khổng tử muốn xác lập chính danh trước, cho rằng danh không chính thì dân chẳng có chỗ đặt tay chân. "Phồn anh" là vật nhỏ vậy, nhưng Khổng tử tiếc thứ đó; chính danh, là việc nhỏ vậy, mà Khổng tử muốn đặt lên trước; thực bởi nếu danh hiệu và biểu khí đã loạn thì trên dưới không lấy gì để bảo vệ nhau. Phàm là sự tình chẳng gì không sinh từ việc nhỏ mà chuyển hóa thành to, thánh nhân lo nghĩ sâu xa, nên cẩn trọng xem trị từ việc nhỏ như thế, chúng nhân hiểu biết thiên cận, cho nên đợi việc hóa nặng rồi mới cứu chữa; trị khi lỗi nhỏ thì tốn ít sức mà hiệu quả nhiều, cứu chữa lỗi nặng thì kiệt lực mà chưa chắc đã kịp. Kinh Dịch nói: "Lý sương kiên băng chí"⁽²⁾, Kinh Thư nói:

¹ Tôn Hoàn tử (孙桓子) là quý tộc nước Vệ, làm tướng cầm quân giao chiến với quân Tề ở Tân Trúc, bị thua, được người đất Tân Trúc là Trọng Thúc Vu Hề cứu thoát. Vua nước Vệ muốn cắt đất phong thưởng, Vu Hề từ chối, chỉ muốn được dùng "khúc huyền" và "phồn anh" khi triều kiến, vua nước Vệ chấp thuận. Khổng tử nghe chuyện, nói: "Thà rằng phong ấp, chứ danh hiệu và biểu khí không thể cho mượn được."

Khúc huyền (曲县), là thứ âm nhạc dành riêng cho vua chư hầu nghe; Phồn anh (繁缨), là dải lụa đeo lên bờm và phía trước con ngựa của vua chư hầu, đây là những đặc ân chỉ có vua mới được dùng.

² Đạp chân lên tuyết biết nước sắp hóa thành băng. Câu trong Kinh Dịch.

"Nhất nhật, nhị nhật, vạn kỷ"⁽¹⁾, là nói những việc đại loại như thế vậy. Cho nên nói phạm không gì lớn bằng danh vậy.

Than ôi, U, Lệ⁽²⁾ thất đức, đạo nhà Chu ngày một suy, kỷ cương tan vỡ, dưới lò trên suy, chư hầu thiện tiện chinh phạt, Đại phu chuyên quyền,⁽³⁾ đại thể của lễ mười phần đã mất bảy tám rồi; nhưng lễ tế của Văn, Vũ vẫn đều đều kể nối kéo dài không dứt, là vì con cháu nhà Chu vẫn còn giữ danh phận vốn có của mình vậy. Vì sao nói thế? Xưa kia Tấn Văn công lập đại công với vương thất, xin Tương vương cho mình được dùng lễ "toại" chôn cất,⁽⁴⁾ Tương vương không đồng ý, nói: "Hiến chương của vương thất đã định. Không có đức nào lớn đến độ một nước có hai vua, đó cũng là điều mà Thúc phụ ghét vậy. Không như thế, Thúc phụ có đất đào 'toại', sao lại phải xin phép!" Văn công vì thế sợ không dám làm trái. Bởi thế cho nên đất đai nhà Chu dù chẳng hơn nước Tào, nước Đằng, dân chúng nhà Chu dù chẳng hơn nước Trâu, nước Cử, nhưng trải mấy trăm năm, vẫn làm

¹ Bậc quân vương mỗi ngày đều phải lo giải quyết muôn ngàn việc. Câu trong Kinh Thư thiên Cao Đào mô.

² Chu U vương (周幽王), Chu Lệ vương (周厉王), là hai vị vua kém cỏi của triều Tây Chu. Lệ vương bạo ngược, coi thường phép nước, bị dân chúng nổi dậy đánh đuổi, Lệ vương phải lưu vong. U vương tam tối, tin dùng nịnh thần, say mê nàng Bao Tự, xem việc triệu gọi các nước Chư hầu như trò đùa, bị rợ Khuyển Nhung đánh phải bỏ chạy, rồi bị giết ở Ly Sơn, kinh đô nhà Chu bị rợ Khuyển Nhung cướp phá tan hoang.

³ Chư hầu thiện tiện chinh phạt, Đại phu chuyên quyền: Là nói vì đạo nhà Chu suy vì cho nên các chư hầu thay phiên nhau làm Bá, tự tiện chinh phạt lẫn nhau, lấy danh nghĩa "phù thiên tử" (Tề Hoàn công, Tấn Văn công ...), thậm chí chẳng có danh nghĩa chính đáng gì (Sở Trang vương, Ngô Phù Sai ...); rồi sau đó lại tan vỡ đến mức các Đại phu nắm quyền ở nước chư hầu (Tam Hoàn ở nước Lỗ, Lục khanh ở nước Tấn, họ Điền ở nước Tề ...), các đại phu này cũng chuyên quyền, đánh đuổi cả vua chư hầu.

⁴ Thời Chu Tương vương (周襄王), nhà Chu có loạn, Vương tử Đái cướp ngôi, Chu Tương vương trốn sang nước Trịnh, cầu cứu nước Tấn, Tấn Văn công đánh Vương tử Đái dẹp loạn, đưa Tương vương về làm vua nhà Chu. Vì công lớn ấy, Tấn công xin Tương vương ban cho mình đặc ân được dùng lễ "toại" (隧), Tương vương không cho. Đại khái, theo lễ, nhà vua sau khi chết đem chôn, được đào một đường hầm riêng để đưa quan tài đi trong đường hầm đó vào huyệt, lễ đó gọi là "toại", đây là đặc ân riêng của Thiên tử. Còn với vua chư hầu, sau khi chết, đào huyệt, dùng dây thông thả quan tài xuống huyệt.

tông chủ thiên hạ, dẫn các nước Tấn, Sở, Tề, Tần cường mạnh vẫn không dám lấn ngôi trên, vì sao? Chỉ vì danh phận vẫn còn tồn tại vậy. Đến như họ Quý với nước Lỗ, Điền Thường với nước Tề, Bạch công với nước Sở, Trí Bá với nước Tấn, thế lực của họ đều đủ để đuổi vua mà tự lên thay, nhưng rồi rút cục không dám làm,⁽¹⁾ há phải vì sức của họ không đủ hay trong lòng họ chẳng nỡ, mà vì họ sợ cái việc gian danh phạm phận rồi bị thiên hạ hợp nhau tru diệt vậy. Đến đây⁽²⁾ các Đại phu của nước Tấn bạo ngược khinh rẻ vua của mình, chia chẻ đất đai nước Tấn, Thiên tử đã chẳng thể đánh dẹp, lại sủng ban cho họ địa vị cao, cho đứng vào hàng chư hầu, đấy thực là còn chút danh phận còn con lại không biết giữ mà vứt bỏ đi nốt. Đại lễ của các bậc tiên vương nhà Chu đến đây là dứt rồi!

Có người cho rằng vào lúc đương thời, nhà Chu suy yếu, Tam Tấn cường mạnh, dẫn muốn không cho, có thể được sao! Nói thế rất không đúng. Tam Tấn dẫn mạnh, ví như không đoái hoài chuyện bị thiên hạ tru diệt vì phạm nghĩa xâm lấn, thì chẳng xin với Thiên tử mà tự lập rồi. Chẳng xin với Thiên tử mà tự lập, thì là bề tôi bội nghịch, thiên hạ ví có bậc quân chủ như Hoàn công, Văn công, tất phụng lễ nghĩa mà đi đánh họ. Nay họ xin mà được Thiên tử đồng ý, tức là

¹ Quý thị (季氏), là quý tộc nhiều đời ở nước Lỗ, thế lực cực lớn. Quý Bình tử (季平子) đuổi vua nước Lỗ là Chiêu công. Quý Khang tử (季康子) đuổi vua Lỗ là Ai công, nhưng không dám soán ngôi, vẫn giữ phận tôi thần.

Điền Thường (田常), tức Điền Hằng, rất có thế lực ở nước Tề, vì tranh quyền đoạt thế, giết đại thần, giết cả vua Tề là Giản công, nhưng không dám cướp ngôi.

Bạch công Thắng (白公胜), muốn báo thù nước Trịnh giết cha mình, Lệnh doãn nước Sở là Tử Tây hứa giúp. Lúc nước Tấn đánh Trịnh, Tử Tây cứu Trịnh, Bạch công Thắng giận, giết Tử Tây, giam vua Sở là Huệ vương. Đồng đảng của Bạch công Thắng là Thạch Khất nói: "Phải giết vua, đốt kho tàng, không sẽ chẳng thoát." Thắng đáp: "Giết vua là điều bất tường, đốt kho tàng thì thiệt hết của cải."

Vua Xuất công nước Tấn (晋出公) không có thực quyền, bị bốn quan khanh lấn át. Trong số bốn nhà thì họ Trí có thế lực nhất, nên người đời tôn xưng là Trí bá (theo nghĩa đứng đầu). Bốn nhà đánh đuổi Tấn Xuất công, Xuất công chạy sang nước Tề, chết trên đường chạy trốn. Bấy giờ Trí Bá tuy mạnh, nhưng không dám chiếm nước, vẫn lập cháu chắt của vua cũ nước Tấn (Chiêu công) lên ngôi, là Tấn Ai công.

² Đến đây, tức là thời điểm năm 403 TCN, thời điểm mà ba nhà Hàn, Triệu, Ngụy chia chẻ đất đai nước Tấn, đòi nhà Chu phong làm nước chư hầu vậy.

chịu mệnh Thiên tử mà làm chư hầu vậy, thì còn ai dám đi đánh họ! Cho nên Tam Tấn được liệt vào hàng chư hầu, không phải vì Tam Tấn hoai lễ, mà vì Thiên tử tự phá hồng lễ vậy.

Than ôi! Đại lễ quân thân đã hỏng rồi, thì người thiên hạ dùng trí lực tranh hùng với nhau, vì thế khiến hậu duệ của thánh hiền làm chư hầu, xã tắc không đâu không bị diệt vong, sinh dân bị giày xéo giết chóc gần hết, há chẳng đau xót lắm sao!

2. Khi trước, Trí Tuyên tử⁽¹⁾ sắp dùng Trí Dao làm người kế tự, Trí Quả nói:

- Chẳng bằng lập Tiêu vậy. Dao có năm điều hơn người, chỉ có một điều kém người vậy. Tóc đẹp lại dài hơn người, đánh xe bắn cung tài hơn người, kỹ nghệ hoàn hảo hơn người, lời lẽ biện bác hơn người, cương nghị quả cảm hơn người; thế nhưng lại rất bất nhân. Dùng năm cái hơn đè lấn người ta mà hành vi lại bất nhân, thì còn ai hòa mục được với hắn? Nếu quả thực lập Dao, tông tộc họ Trí tất tuyệt diệt.

Tuyên tử không nghe. Trí Quả nói với Thái sử xin rời sang tộc khác, lập họ Phụ.⁽²⁾

Các con của Triệu Giản tử, con lớn là Bá Lỗ, con nhỏ là Vô Tuất. Giản tử muốn đặt người kế tự, chẳng biết nên lập ai, bèn viết những lời giáo huấn lên hai bó giản⁽³⁾, đem trao cho hai người, nói:

- Hãy cẩn thận ghi nhớ lấy!

Ba năm sau hỏi đến, Bá Lỗ chẳng đọc được lời huấn; hỏi đến Vô Tuất, thì đã đánh mất rồi. Hỏi Vô Tuất, Vô Tuất tụng đọc lời huấn rất tinh thực; hỏi đến Vô Tuất, thì rút ra từ trong tay áo

¹ Trí Tuyên tử, tức Tuân Thân (荀申).

² Trí Quả (智果) đổi sang ngành họ khác, như thế tức là dứt tuyệt liên hệ với họ Trí, để tránh họa sau này vậy.

³ Giản (簡), là cái thẻ tre. Thời xưa chưa có giấy, người ta thường viết chữ lên thẻ tre, các thẻ tre được nối với nhau bằng dây, cuộn lại thành bó.

dâng lên. Vì thế Giản tử cho Vô Tuất là hiền, bèn lập làm người kế tự.

Giản tử sai Doãn Đặc đi quản Tấn Dương, Đặc thỉnh ý, hỏi:

- Nên bòn vét ở đây? Hay bao bọc che chở đất ấy?

Giản tử đáp:

- Bao bọc che chở đất ấy!

Doãn Đặc bèn chẻ bỏ sổ hộ bạ của Tấn Dương. Giản tử bảo Vô Tuất rằng:

- Nước Tấn nếu có nạn, nhưng chớ vì Doãn Đặc địa vị thấp, chớ vì Tấn Dương xa, nhất định phải lui về đây.

Lúc Trí Tuyên tử chết, Trí Tương tử nắm quyền chính, cùng Hàn Khang tử, Ngụy Hoàn tử⁽¹⁾ ăn yến ở Lam đài. Trí Bá đưa Khang tử lại vũ nhạc Đoàn Quy. Trí Quốc nghe được lời đó, can rằng:

- Chủ công không phòng họa, họa tất đến vậy!

Trí Bá nói:

- Họa nạn sinh từ ta. Ta chẳng gây họa, ai dám gây họa đây!

Quốc đáp:

- Không đúng. *Hạ thư*⁽²⁾ có câu: "Thất lễ ba lần với một người, oán thù đã kết rõ, chẳng tỏ ra mặt tức đang mưu đồ." Người quân tử cẩn trọng với việc nhỏ, cho nên không mắc nạn lớn. Nay chủ công trong một bữa yến mà sỉ nhục cả quân chủ lẫn quan tướng nhà người ta, lại chẳng phòng bị, nói rằng "họ há dám gây họa", đấy không phải là việc chẳng nên sao! Đến như ông kiến sâu bọ còn có thể hại người, huống chi là hạng quân chủ, tướng quốc một cõi!

¹ Trí Tương tử (知襄子), tức Trí bá Dao (知伯瑤), thường gọi tắt là Trí Bá (知伯) hay Tuân Dao (荀瑤); Hàn Khang tử (韩康子), tức Hàn Hồ (韩虎); Ngụy Hoàn tử (魏桓子), tức Ngụy Câu (魏驹).

² Tên một thiên sách trong *Kinh Thư*.

Trí Bá không nghe.

Trí Bá xin Hàn Khang từ đất, Khang từ định không cho. Đoàn Quy nói:

- Trí Bá tham lợi lại ương bướng, ta không cho, hắn sẽ đánh ta; không bằng cho hắn. Kẻ kia quen thói được đất, tất sẽ xin với người khác; người khác không cho, thì hắn tất hướng đến người đó dùng binh, như thế ta tránh được họa mà đọi hình thế biến chuyển thôi.

Khang từ nói: "Hay!"

Bèn sai sứ giả dâng một ấp một vạn nhà cho Trí Bá. Trí Bá mừng.

Lại xin đất với Ngụy Hoàn từ, Hoàn từ định không cho. Nhậm Chương hỏi:

- Hà có gì lại không cho?

Hoàn từ đáp:

- Hắn vô cớ đòi đất, nên ta không cho.

Nhậm Chương nói:

- Vô cớ đòi đất, các Đại phu tất sợ; ta cho hắn đất, Trí Bá tất sinh kiêu. Bên kia kiêu mà khinh địch, bên này sợ mà tương thân; đem binh tương thân đọi người khinh địch, mệnh của họ Trí tất chẳng dài rồi. *Chu thư* nói: "Muốn đánh bại ai, tất vờ theo dựa kẻ đó; muốn lấy của ai, tất vờ nhường nhịn kẻ đó." Chẳng bằng chủ công cho đất, để nuôi kiêu Trí Bá, rồi sau có thể lựa mối giao kết mà cùng diệt trừ họ Trí, sao lại để một mình ta làm cái đích ngắm bắn cho hắn được!

Hoàn Từ nói: "Hay!" Lại cũng cho Trí Bá một ấp vạn nhà.

Trí Bá lại xin đất Sái và đất Cao Lang với Triệu Tương từ, Tương từ không cho. Trí Bá nổi giận, thống lĩnh binh giáp của Hàn, Ngụy để đánh họ Triệu. Tương từ sắp chạy đi, hỏi:

- Ta chạy về đâu đây?

Tùy tùng nói:

- Thành Trường Tử gần ngay đây, thành dày vừa xây xong.

Tương tử nói:

- Dân ở đây dốc sức để xây xong thành, lại phải liều chết để giữ chỗ đó, ai chịu theo ta!

Tùy tùng lại nói:

- Thương khổ của Hàm Đan đây ních.

Tương tử nói:

- Bòn vét sạch mỡ dân chúng ở đây để làm đây ních thương khổ, lại dựa vào họ chém giết giúp mình, ai chịu theo ta! Nay có Tấn Dương, là thuộc thành của Tiên chủ, Doãn Đặc trị đất ấy khoan dung, dân chúng tất hòa lòng với ta.

Bèn chạy đến Tấn Dương.

Ba nhà đem người của mình bao vây, khơi nước tưới rót vào thành Tấn Dương, chỗ tường thành chưa ngập nước chỉ còn ba bản⁽¹⁾; bếp núc chìm ngâm dưới nước sinh ếch nhái, dân chúng vẫn không có ý làm phản. Trí Bá đi tuần xét thể nước, Ngụy Hoàn tử đánh xe, Hàn Khang tử đứng hộ vệ bên phải. Trí Bá nói:

- Ta nay mới biết nước có thể khiến người ta vong quốc.

Hoàn tử ngậm huých tay Khang tử, Khang tử dẫm lên chân Hoàn tử, nhân vì nước sông Phần có thể rót vào thành An Ấp, nước sông Giáng có thể rót vào thành Bình Dương vậy.⁽²⁾

Hi Tỳ bảo Trí Bá rằng:

- Hàn, Ngụy tất phản thôi.

Trí Bá hỏi:

¹ Bản (版), là đơn vị đo chiều dài xưa, mỗi bản dài tám thước Tàu.

² Bây giờ An Ấp là đô ấp của Ngụy, Bình Dương là đô ấp của Hàn. Hai chỗ ấy thế đất đều thấp cả nên Hoàn tử và Khang tử lo sợ cho đô ấp của mình.

- Ngươi vì đâu mà biết điều đó?

Hi Tỳ đáp:

- Cứ xét theo lẽ thường tình thì biết. Ta đem binh Hàn, Ngụy để đánh Triệu, Triệu mất, họa tất đến với Hàn, Ngụy thôi. Nay giao ước khi thắng Triệu thì chia đất đai của Triệu thành ba phần, chỗ thành không ngập nước chỉ có ba bản, phải ăn đến thịt người, thịt ngựa, người trong thành ra hàng chỉ đợi ngày, nhưng hai người ấy chẳng tỏ ý mừng rỡ, còn có sắc lo âu, thế không phản thì là gì?

Hôm sau, Trí Bá đem lời của Tỳ báo với hai người, hai người nói:

- Thằng đấy gièm pha người khác muốn du thuyết giúp họ Triệu, khiến chủ công nghi ngờ hai nhà chúng tôi mà buông thả việc đánh Triệu vậy. Lời ấy không đúng, hai nhà chúng tôi há chẳng mong cái lợi được chia phần đất của họ Triệu trong nay mai, mà muốn làm cái việc nguy hiểm chẳng thể thành công sao?

Hai người đi ra, Hi Tỳ vào hỏi:

- Chủ công sao đem lời của thần báo với hai người đó vậy?

Trí Bá hỏi:

- Sao ngươi biết việc đó?

Hi Tỳ đáp rằng:

- Thần thấy họ nhìn thần đoan nghiêm rồi bước vội, hẳn vì biết thần thấu được tâm địa của họ.

Trí Bá không chịu hối sửa. Tỳ xin đi sứ sang nước Tề.

Triệu Tương tử sai Trương Mạnh Đàm ngầm ra thành gặp hai người, nói:

- Thần nghe nói môi hở thì răng lạnh. Nay Trí Bá thống suất Hàn, Ngụy để đánh Triệu, Triệu mất thì kế đến Hàn, Ngụy thôi.

Hai người nói:

- Trong lòng bọn ta biết là như thế; chỉ sợ việc chưa thành mà mưu tiết lộ thì họa đến ngay thôi.

Trương Mạnh Đàm nói:

- Mưu kế xuất ra từ miệng nhị chủ, vào thẳng tai thần, có gì mà ngại?

Hai người bèn ngầm cùng Trương Mạnh Đàm ước hẹn, định ngày khởi sự rồi sai quay về. Trương tử đến đêm sai người giết chết quan lại giữ đề, rồi khơi nước tưới rót vào nơi đóng quân của Trí Bá. Quân Trí Bá cứu nước rồi loạn, quân Hàn, Ngụy hai bên hợp lại đánh, Trương tử đem binh công thẳng mặt trước, đánh quân của Trí Bá đại bại, rồi giết Trí Bá, tận diệt tông tộc họ Trí. Duy có nhà Phụ Quả được thoát.

Thần Quang nói: Trí Bá bị diệt vong, là bởi tài cao hơn đức vậy. Tài và đức vốn khác nhau, nhưng thế tục chẳng biện xét rõ, đều cho là hiền, đấy là cái lý do khiến có nhận xét lầm lẫn về người khác vậy. Thông minh cương nghị là tài, chính trực trung hòa là đức. Tài, là vốn liếng của đức; đức, là đường hướng của tài. Trúc ở đầm Vân Mộng⁽¹⁾, là vật rất cứng trong thiên hạ; nhưng nếu không uốn nắn, không đính lông chim vào, thì chẳng bắn thủng được giáp dày. Sắt ở Đường Khê⁽²⁾, là vật rất sắc trong thiên hạ; nhưng nếu không nung đúc, không mài dũa kỹ, thì chẳng đâm được giáp cứng. Thế nên tài đức kiêm toàn thì gọi là "Thánh nhân", vô đức vô tài thì gọi là "Ngu nhân"; đức hơn tài thì gọi là "Quân tử"; tài hơn đức thì gọi là "Tiểu nhân". Phàm là cái thuật chọn người, ví như không có được bậc thánh nhân hay quân tử để ủy thác, trao quyền cho tiểu nhân, chẳng bằng trao quyền cho ngu nhân. Sao vậy? Là vì quân tử dùng tài làm điều thiện, tiểu nhân dùng tài làm điều ác. Dùng tài làm điều thiện,

¹ Vân Mộng (云梦), là địa danh, tên một cái đầm thuộc vùng Giang Nam, cây trúc sinh ra ở đất ấy rất cứng, dùng làm tên tốt.

² Đường Khê (棠谿), cũng là địa danh, thời Chiến quốc nằm ở đất Hàn, nơi ấy có nhiều sắt tốt, dùng để đúc kiếm.

thì cái thiện không đâu không đến vậy; dùng tài làm điều ác, thì cái ác cũng không đâu không đến vậy. Kẻ ngu dốt muốn làm điều bất thiện, trí tuệ chẳng đến nơi, khí lực chẳng hơn người, ví như con chó nhỏ vồ người, người hoàn toàn chế phục được nó. Tiểu nhân trí tuệ đủ để thỏa ý gian, dũng lực đủ để quyết tàn bạo, đây là hổ mọc cánh vậy, cái hại nó gây ra há chẳng nhiều sao! Người có đức khiến người khác tôn kính, kẻ có tài khiến người ta yêu thích; yêu thích thì dễ thân gần, tôn kính thì dễ xa lánh, vì thế khi tuyển xét nhân tài, người ta đã phân bị che lấp bởi tài mà bỏ sót xét phẩm đức. Từ xưa đến nay, loạn thần phá quốc, con hư bại tộc, tài thừa đức thiếu, dẫn đến vong quốc lật nhà cũng nhiều rồi, há chỉ riêng Trí Bá sao! Thế nên người trị nước trị nhà nếu thẩm xét rõ được tài đức, phân định rạch ròi tiêu chuẩn đầu trước đầu sau, sao có thể dùng lầm người đến mức đủ để gây họa được đây!

3. Ba nhà chia nhau đất đai của họ Trí.

Triệu Tương tử sơn đầu lâu Trí Bá, dùng làm đồ uống rượu. Bề tôi của Trí Bá là Dự Nhượng muốn vì chủ báo thù, bèn giả làm kẻ chịu hình, giắt thanh chủy thủ⁽¹⁾ trong mình, lén vào nhà xí trong cung của Tương tử. Tương tử đến nhà xí, trong lòng lay động, lệnh sai khám xét, bắt được Dự Nhượng. Tả hữu muốn giết Dự Nhượng, Tương tử nói:

- Trí Bá chết không có người nối dõi, mà người này muốn vì hãn báo thù, là nghĩa sĩ đích thực vậy, ta cần thận tránh hãn là xong.

Bèn thả Dự Nhượng. Dự Nhượng lại sơn mình làm người hủi, nuốt than thành kẻ câm. Đi ăn xin ngoài chợ, vợ của Dự Nhượng cũng chẳng nhận ra. Trên đường đi gặp bạn, người bạn nhận ra, vì Dự Nhượng khóc nói:

¹ Chủy thủ (匕首), là thanh đoản kiếm rất sắc, đầu phình to như cái thìa (chủy), vì vậy mới có tên như thế.

- Với cái tài của ngươi, làm bầy tôi thờ Triệu Mạnh⁽¹⁾, tất được gần gũi yêu mến. Ngươi lúc đấy sẽ làm được cái điều mình muốn, chẳng phải là dễ dàng sao? Hà có gì tự làm khổ mình như thế? Mong báo được thù, chẳng càng khó sao?

Dự Nhượng nói:

- Đã khuất thân làm bầy tôi, mà lại muốn giết chủ, là kẻ hai lòng vậy. Đại khái cái điều mà ta muốn làm, là cực khó vậy. Nhưng sở dĩ ta làm thế, là vì muốn những kẻ bầy tôi hậu thế ăn ở hai lòng phải hổ thẹn.

Tương tử cưỡi xe xuất hành, Dự Nhượng ngằm phục ở dưới cầu. Tương tử đến cầu, ngựa kinh hãi; sai khám xét, bắt được Dự Nhượng, bèn giết đi.

Tương tử vì việc Bá Lỗ không được lập, nên có năm con trai, vẫn không chịu lập người kế tự. Phong cho con của Bá Lỗ ở nước Đại⁽²⁾, là Đại Thành Quân, chết sớm; lại lập con của Đại Thành Quân là Hoán làm người kế nối họ Triệu. Tương tử chết, em là Hoàn tử đuổi Hoán mà tự lập; được một năm thì chết. Người họ Triệu nói:

- Hoàn tử lập trái với ý của Tương chủ⁽³⁾.

Bèn cùng nhau giết con của Hoàn tử, lại nghênh đón Hoán mà lập làm chủ, đấy là Hiến tử. Hiến tử sinh ra Tịch, đấy là Liệt hầu. Ngụy Tư, là cháu nội của Ngụy Hoàn tử vậy, đấy là Văn hầu.

Hàn Khang tử sinh ra Võ tử; Võ tử sinh ra Kiên, đấy là Cảnh hầu.⁽⁴⁾

¹ Mạnh tức là trường. Từ thời Xuân thu, Triệu Tuyên tử được gọi là Tuyên Mạnh, Triệu Văn tử được gọi là Triệu Mạnh, người họ Triệu về sau cứ người họ Triệu được lập thì gọi là Triệu Mạnh. Triệu Mạnh ở đây là chỉ vào Triệu Tương tử vậy.

² Nước Đại (代) là một nước rất nhỏ, nằm ở phía bắc núi Câu Chú, Triệu Tương tử diệt nước này.

³ Tương chủ, tức Triệu Tương tử vậy.

⁴ Bộ sử *Tư trị thông giám* chọn thời điểm bắt đầu là lúc ba nhà Hàn, Triệu, Ngụy chia đất Tấn, được nhà Chu phong thành chư hầu. Ở đây kể chuyện dẫn dắt đến việc thành lập ba nhà, nói rõ lai lịch của ba vị quân chủ ba nước ấy.

Ngụy Văn hầu thờ Bốc Tử Hạ và Điền Tử Phương làm thầy. Mỗi lần ngang qua lều tranh của Đoàn Can Mộc nhất định cúi mình phủ phục trên xe hành lễ. Vì thế kẻ sĩ hiền đức bốn phương nhiều người theo phục.

Văn hầu cùng quần thần uống rượu, đang vui thì trời mưa, lệnh sai đóng ngựa vào xe đến nơi sơn dã. Tả hữu hỏi:

- Hôm nay uống rượu đang vui vẻ, ngoài trời lại mưa, ngài tính đi đâu đây?

Văn hầu đáp:

- Ta với người coi rùng có cái hẹn đi săn; dẫu đang vui, há có thể không đến gặp theo lời hẹn sao!

Bèn đi, đích thân thông báo về việc dừng cuộc săn.⁽¹⁾

Hàn mượn binh Ngụy để đánh Triệu, Văn hầu nói:

- Quả nhân với Triệu, là anh em vậy, không dám tuân mệnh.

Triệu mượn binh Ngụy để đánh Hàn, Văn hầu cũng đáp lời như thế. Sứ giả hai nước đều giận mà đi. Về sau biết được lời của Văn hầu đã hòa giải giúp mình, đều triều bái với Ngụy. Ngụy từ đó bắt đầu thành nước đứng đầu Tam Tấn, chư hầu chẳng ai tranh hùng được với Ngụy.

Văn hầu phái Nhạc Dương đánh Trung Sơn, hạ được; đem Trung Sơn phong cho con mình là Kích. Văn hầu hỏi quần thần rằng:

- Ta là người chủ thế nào?

Chúng đều nói:

- Là vị vua nhân đức!

Nhậm Tọa nói:

- Quốc quân lấy được Trung Sơn, không đem phong cho em mình làm vua mà phong cho con, sao gọi là vị vua nhân đức được!

¹ Đã hẹn nên nhất định phải đến gặp, nhưng thông báo dừng việc đi săn vì trời mưa.

Văn hầu giận, Nhậm Tọa rảo bước ra ngoài. Tiếp đó hỏi Dịch Hoàng, Dịch Hoàng đáp rằng:

- Là vị vua nhân đức.

Văn hầu hỏi:

- Lấy gì để biết được?

Dịch Hoàng đáp:

- Thần nghe nói vua nhân đức thì bày tôi thẳng thần. Vừa rồi lời của Nhậm Tọa là thẳng thần, thần vì thế mà biết được.

Văn hầu hài lòng, sai Dịch Hoàng triệu Nhậm Tọa quay lại, đích thân xuống điện nghênh đón, đãi làm thượng khách.

Văn hầu cùng Điền Tử Phương uống rượu, Văn hầu nói:

- Tiếng chuông không đều chẳng? Bên trái tiếng cao hơn.

Điền Tử Phương cười. Văn hầu hỏi:

- Ngài cười gì?

Tử Phương đáp:

- Thần nghe nói, người làm vua hiểu dùng nhạc quan, không cần hiểu nhạc âm. Nay nhà vua xét rõ về âm luật, thần sợ là nhà vua điếc về cách dùng quan viên vậy.

Văn hầu nói: "Hay!"

Tử Kích xuất hành, gặp Điền Tử Phương ở trên đường, liền xuống xe phục yết¹. Tử Phương không hành lễ bái đáp. Tử Kích giận, bảo Tử Phương rằng:

- Người phú quý nên kiêu với người khác chẳng? Hay kẻ bần tiện nên kiêu với người khác?

Tử Phương đáp:

¹ Phục yết (伏谒) tức xuống xe, phục bái hành lễ bên đường, xưng danh tính xin yết kiến. Theo lễ thường, người hèn mọn phải quỳ bái hành lễ với quý nhân, Tử Kích thân phận tôn quý, nhưng hành lễ với Điền Tử Phương là hạ mình kính trọng người, nhưng Điền Tử Phương không thêm đáp lễ nên Tử Kích tức giận.

- Đương nhiên là người bần tiện nên kiêu rồi, người phú quý sao dám kiêu với người khác được! Quân chủ mà kiêu với người thì mất nước, Đại phu mà kiêu với người thì mất nghiệp. Người mất nước, chưa từng nghe nói được đối đãi như bậc quốc chủ, kẻ mất nghiệp, chưa từng nghe nói được đối đãi như bậc gia chủ. Như kẻ sĩ bần tiện, lời nói chẳng được dùng, hành vi nếu không hợp ý, thì xô dép mà đi thôi, đến đâu chẳng được bần tiện nhỉ!

Tử Kích bèn tạ lỗi.

Văn hầu hỏi Lý Khắc rằng:

- Tiên sinh từng nói rằng: "Nhà nghèo thì nghĩ đến vợ hiền; nước loạn thì nghĩ đến lương tướng." Nay người mà ta sắp đặt làm Tướng quốc không phải Ngụy Thành thì là Địch Hoàng, hai người ấy thế nào?

Khắc đáp rằng:

- Kẻ hèn không mưu việc cho người tôn quý, người sơ chẳng mưu tính cho người thân. Thần là kẻ ở bên ngoài cửa khuyết, chẳng dám tuân mệnh.

Văn hầu nói:

- Tiên sinh gặp việc, chớ chối nhường!

Khắc nói:

- Nhà vua chẳng xét kỹ việc làm của họ vậy. Họ ở nhà thì ai là người họ thân gần, họ giàu có thì ai là người họ qua lại, họ thành đạt thì ai là người họ tiến cử, họ cùng khốn thì điều gì họ không làm, họ nghèo khó thì thứ gì họ không lấy, xét năm điều ấy là đủ để quyết định người rồi, sao phải đợi Khắc nhỉ?

Văn hầu nói:

- Tiên sinh tới quán xá nghỉ, ngôi Tướng quốc của ta đã định được rồi.

Lý Khắc đi ra, gặp Địch Hoàng. Địch Hoàng hỏi:

- Hôm nay nghe nói nhà vua triệu tiên sinh thử chọn Tướng quốc, kết quả là ai được chọn?

Khắc đáp:

- Ngụy Thành.

Địch Hoàng phần nộ biến sắc mặt, nói:

- Quận thú Tây Hà là Ngô Khởi, do ta tiến cử vậy. Nhà vua âu lo về đất Nghiệp, ta tiến cử Tây Môn Báo. Nhà vua muốn đánh Trung Sơn, ta tiến cử Nhạc Dương.⁽¹⁾ Trung Sơn hạ được, không biết sai ai coi giữ, ta tiến cử tiên sinh. Con trai của nhà vua không có sư phó, ta tiến cử Khuất Hầu Phụ. Lấy tai mắt xét những điều nhìn thấy nghe được, ta sao lại thua kém Ngụy Thành?

Lý Khắc nói:

- Ngài giới thiệu Khắc với vua mình, lẽ nào là a dua kết đảng để cầu chức lớn? Khi nhà vua hỏi việc tuyển Tướng quốc với Khắc, Khắc chỉ nói như thế, như thế. Sở dĩ biết nhà vua tất sẽ chọn Ngụy Thành, vì Ngụy Thành ăn lộc nghìn chung, chín phần dùng ở ngoài, một phần dùng trong nhà; vì thế ngoảnh về đông vờ được Bốc Tử Hạ, Điền Tử Phương, Đoàn Can Mộc. Ba người ấy, nhà vua đều tôn làm thầy; năm người mà ngài tiến cử lên, nhà vua đều dùng làm bầy tôi. Ngài sao có thể so bì với Ngụy Thành được?

Địch Hoàng bản khoăn rồi lay hai lay, nói:

- Hoàng, là người thô bỉ hẹp hòi, đã thất lễ, nguyện trọn đời làm đệ tử!

¹ Tây Môn Báo (西门豹), là quan lại giỏi của Ngụy Văn hầu. Thời ấy, đất Nghiệp thường xuyên lụt lội, ruộng bỏ hoang, dân nghèo khó, Ngụy Văn hầu lo lắng tìm người cai trị chỗ ấy. Địch Hoàng tiến cử Tây Môn Báo, Tây Môn Báo nghiên cứu kỹ tình hình địa phương, dẹp nạn đồng cốt mê tín "cưới vợ cho Hà bá", chấn chỉnh thủy lợi, đào kênh dẫn nước, dẹp yên nạt lụt, đất Nghiệp được yên.

Nhạc Dương (乐羊), Ngô Khởi (吴起) đều là tướng tài của Ngụy Văn hầu. Việc về họ, xem ở các đoạn truyện trước và sau đoạn văn này.

Ngô Khởi là người nước Vệ, làm quan ở nước Lỗ. Nước Tề đánh nước Lỗ, vua nước Lỗ muốn dùng Khởi làm tướng, vợ của Khởi là con gái nước Tề, người nước Lỗ nghi ngờ Khởi, Khởi giết vợ để xin làm tướng, rồi đại phá quân Tề. Có người gièm pha Khởi với Lỗ hầu rằng:

- Khởi ban đầu thờ Tăng Sâm⁽¹⁾, mẹ chết không về chịu tang, bị Tăng Sâm tuyệt giao; nay lại giết vợ để xin làm tướng cho nhà vua. Khởi, là người tàn nhẫn, hành vi bạc bẽo vậy! Và lại nước Lỗ còn con mà có cái tiếng thẳng địch, thì chư hầu sẽ mưu diệt nước Lỗ thôi.

Khởi sợ đắc tội, nghe tiếng Ngụy Văn hầu hiền, bèn đến quy phục. Văn hầu đem việc hỏi Lý Khắc, Khắc nói:

- Khởi tham lam lại háo sắc; nhưng dùng binh thì Tư Mã Nương Thư⁽²⁾ chẳng hơn được vậy.

Vì thế Văn hầu dùng Khởi làm tướng, đánh nước Tần, hạ được năm thành.

Khởi lúc làm tướng, ăn mặc cùng hạng với người lính bậc thấp nhất, ngồi không bày chiếu, đi không cưỡi xe, tự mình đeo vác lương thực, cùng sĩ tốt chia lao khổ. Có tên lính bị nhọt, Khởi giúp nó hút mủ. Mẹ người lính nghe chuyện thì khóc. Có người hỏi:

- Con bà, là binh tốt, mà Tướng quân tự mình hút nhọt cho nó, khóc vì nỗi gì?

Người mẹ nói:

- Vì trái lẽ thường vậy. Năm ngoái Ngô Công hút nhọt cho cha nó, cha nó dốc lòng chiến đấu chẳng trở gót, rút cục chết ở

¹ Tăng Sâm (曾參), là người chỉ hiệu, được liệt vào "Nhị thập tứ hiền" thời xưa.

² Tư Mã Nương Thư (司马穰苴), người nước Tề thời Xuân Thu, tướng của Tề Cảnh công, rất giỏi binh pháp. Bộ binh pháp của Tư Mã Nương Thư là một trong bảy bộ binh pháp lừng danh của Trung Quốc cổ đại.

đất địch. Ngô Công nay lại hút nhọt cho con ông ấy, thiếp chẳng biết nó sẽ chết ở đâu nữa, vì thế khóc nó.

4. Yên Mẫn công⁽¹⁾ hoảng, con là Hi công kế lập.

Năm thứ hai mươi tư (Kỷ Mão – TCN 402)

1. Vương băng⁽²⁾, con là An vương Kiêu kế lập.

2. Giặc cướp giết Sở Thanh vương,⁽³⁾ quý tộc trong nước lập con của Thanh vương là Điều vương.

CHU AN VƯƠNG

Năm thứ nhất (Canh Thìn – TCN 401)

1. Nước Tần⁽⁴⁾ đánh nước Ngụy, đến Dương Cô.

Năm thứ hai (Tân Ty – TCN 400)

1. Ba nước Ngụy, Hàn, Triệu đánh Sở, đến Tang Khâu.

2. Nước Trịnh⁽⁵⁾ vây thành Dương Dịch của nước Hàn.

3. Hàn Cảnh hầu hoảng, con là Liệt hầu Thủ kế lập.

¹ Các vua nước Yên, là dòng dõi của Thiệu Công Thích. Từ Thiệu công đến Mẫn công là 32 đời.

² Thiên tử chết dùng chữ "băng", vua chư hầu chết dùng chữ "hoảng", đại phu chết dùng chữ "tốt".

³ Chu Thành vương phong cho Hùng Dịch đất Sở, Hùng Dịch họ Mị. Từ Hùng Dịch đến Sở Thanh vương Mị Đương là 30 đời.

⁴ Quân chủ nước Tần là hậu duệ của Chuyên Húc, họ Doanh. Phi Tử, là con cháu quân chủ nước Tần, được Chu Hiếu vương phong ấp Tần, làm chư hầu. Nhà Tây Chu bị rợ Khuyển nhung diệt, Bình vương thiên đô, nước Tần thu lấy đất cũ của nhà Tây Chu, lớn mạnh dần. Từ Phi Tử đến Giản Công là 28 đời.

⁵ Chu Tuyên vương phong cho em mình là Hữu ở đất Trịnh, đây là Trịnh Hoàn công. U vương vô đạo, Hữu dời người của mình đến vùng Quắc, Cối, chiếm đóng đất ấy, gọi là Tân Trịnh vậy. Từ Hoàn công truyền đến Nhu công là 22 đời.

4. Triệu Liệt hầu hoàng, quý tộc trong nước lập em của Liệt hầu là Vũ hầu.

5. Tần Giản công hoàng, con là Huệ công kế lập.

Năm thứ ba (Nhâm Ngọ – TCN 399)

1. Vương tử Định trốn sang nước Tấn.

2. Núi Quốc sạt lở, sông Hoàng Hà tắc nghẽn.

Năm thứ tư (Quý Mùi – TCN 398)

1. Nước Sở vây nước Trịnh. Người nước Trịnh giết Tướng quốc nước mình là Tử Tử Dương.

Năm thứ năm (Giáp Thân – TCN 397)

1. Có nhật thực.

2. Tháng ba, kẻ cướp giết Tướng quốc nước Hàn là Hiệp Lũy. Hiệp Lũy vốn cùng người đất Bộc Dương là Nghiêm Trọng Tử có thù oán. Trọng Tử nghe tiếng Nhiếp Chính người ấp Chỉ dừng mảnh, đem trăm dật⁽¹⁾ vàng mừng thọ mẹ Chính, muốn nhờ Chính báo thù. Chính không nhận, nói:

- Mẹ già hãy còn, Chính này chưa dám đem thân dâng cho người khác!

Lúc mẹ Chính mất, Trọng Tử bèn sai Chính đâm Hiệp Lũy. Hiệp Lũy đang ngồi trên phủ đường, binh sĩ hộ vệ rất đông, Nhiếp Chính bước thẳng lên bệ, đâm chết Hiệp Lũy, tiếp đó tự rạch mặt, móc mắt, tự mổ bụng xổ ruột ra. Người nước Hàn phoi thây Nhiếp Chính ngoài chợ, treo thưởng truy tìm gốc tích,

¹ Dật (溢), là đơn vị đo lường cổ của Trung Quốc, một dật bằng 24 lượng.

nhưng chẳng ai biết được. Người chị của Chính là Oanh nghe tin tìm đến nơi, khóc Chính rằng:

- Đây hẳn là Nhiếp Chính ở làng Thâm Tinh⁽¹⁾ rồi! Vì thiếp còn sống, Chính mới tự hủy hình hài để tuyệt tung tích. Thiếp há lại sợ chết thân, rút cục để tiếng tăm của em mình mai một!

Bèn tự vẫn ở bên thây Chính.

Năm thứ sáu (Ất Dậu – TCN 396)

1. Bè đảng của Tử Tử Dương nước Trịnh giết Nhu công, lập em của Nhu công là Ất, đẩy là Trịnh Khang công.
2. Tống Điều công⁽²⁾ hoảng, con là Hưu công Điền kế lập.

Năm thứ tám (Đinh Hợi – TCN 394)

1. Nước Tề đánh nước Lỗ⁽³⁾, chiếm đất Tồi.
2. Ấp Phụ Thử phản nước Trịnh, lại quy phục nước Hàn.

Năm thứ chín (Mậu Tý – TCN 393)

1. Nước Ngụy đánh nước Trịnh.
2. Tấn Liệt công hoảng, con là Hiếu công Khuynh kế lập.

Năm thứ mười một (Canh Dần – TCN 391)

1. Nước Tần đánh đất Nghi Dương của nước Hàn, đoạt sáu ấp.

¹ Thâm Tinh (深井), là tên làng của Nhiếp Chính, thuộc ấp Chi.

² Chu Vũ vương phong Vi Tử Khải đất Tống. Từ Vi Tử truyền đến Điều công là 28 đời.

³ Chu Vũ vương phong cho Thái công Khương Tử Nha ở đất Tề. Bấy giờ là năm thứ 11 đời Khang công Thái. Từ Thái công truyền đến Khang công là 29 đời;

Chu Vũ vương phong cho Bá Cầm (con của Chu Công Đán) ở đất Lỗ. Bấy giờ là năm thứ 16 đời Mục công Hiên. Từ Bá Cầm truyền đến Mục công là 28 đời.

2. Khi trước, Điền Thường sinh ra Trương tử Bàn, Bàn sinh ra Trương tử Bạch, Bạch sinh ra Thái công Hòa. Năm ấy, Hòa dòi Tề Khang công đến vùng ven biển, sai ăn lộc một thành để tế tự tổ tiên.⁽¹⁾

Năm thứ mười hai (Tân Mão – TCN 390)

1. Hai nước Tần, Tấn giao chiến ở Vũ Thành.
2. Nước Tề đánh nước Ngụy, chiếm Trương Dương.
3. Nước Lỗ đánh bại quân Tề ở Bình Lục.

Năm thứ mười ba (Nhâm Thìn – TCN 389)

1. Nước Tần xâm lấn nước Tấn.
2. Điền Hòa nước Tề hội với Ngụy Văn hầu và quý tộc nước Sở, nước Vệ ở Trục Trạch, xin làm chư hầu. Ngụy Văn hầu xin với vua nhà Chu và chư hầu giúp Hòa, Chu vương đồng ý.

Năm thứ mười lăm (Giáp Ngọ – TCN 387)

1. Nước Tần đánh lấy đất Thục, đoạt được Nam Trịnh.
2. Ngụy Văn hầu hoǎng, Thái tử Kích kế lập, đẩy là Ngụy Vũ hầu.

Wũ hầu đáp thuyền xuôi Tây Hà xuống hạ lưu, giữa dòng ngoái lại bảo Ngô Khởi rằng:

- Cái vũng của núi sông mới tuyệt sao, đấy chính là báu vật của nước Ngụy vậy!

¹ Họ Điền gốc từ nước Trần. Con của Trần Lệ công là Công tử Hoàn lưu vong đến nước Tề, Tề Hoàn Công phong làm Đại phu, qua năm đời, đến Điền Thường (田常) thì nắm được quốc chính, đến Điền Hòa (田和) thì đoạt nước Tề.

Khởi đáp rằng:

- Báu vật tại đức chính, chẳng tại hiểm yếu. Tam Miêu thị khi xưa, trái có hồ Động Đình, phải có hồ Bành Lãi; đức nghĩa chẳng tu chỉnh, vua Vũ diệt nước ấy. Noi Hạ Kiệt cư trú, trái có Hoàng Hà, Tể Thủy, phải có núi Thái Hoa, núi Y Khuyết tại mặt nam, đèo Dương Tràng ở phía bắc; vì chính trị bất nhân, vua Thang đánh đuổi. Nước của Thương Trụ, trái có Mạnh Môn, phải có Thái Hàng, Thường Sơn tại phía bắc, Đại Hà suốt phía nam; vì chính trị bất đức, Vũ vương giết đi. Từ đấy mà xét, vật báu tại đức, không tại địa thế hiểm yếu vậy. Nếu nhà vua không tu sửa đức chính, người trên thuyền này đều là kẻ địch của quốc gia vậy!

Vũ hầu nói:

- Hay!

Nước Ngụy đặt người làm Tướng quốc, chọn Điền Văn. Ngô Khởi không hài lòng, hỏi Điền Văn rằng:

- Ta xin cùng ngài luận công, nên chăng?

Điền Văn nói:

- Được.

Khởi hỏi:

- Thống suất ba quân, khiến sĩ tốt vui lòng chết, nước địch không dám toan mưu, ngài so được với Khởi không?

Văn đáp:

- Ta không bằng ngài.

Khởi hỏi:

- Trị trăm quan, thân vạn dân, phủ khổ đầy, ngài so được với Khởi chăng?

Văn đáp:

- Ta không bằng ngài.

Khởi hỏi:

- Giữ Tây Hà, quân Tần chẳng dám hướng về đông, hai nước Hàn, Triệu quy phục, ngài so được với Khởi chăng?

Văn đáp:

- Ta không bằng ngài.

Khởi nói:

- Cả ba điều ấy ngài đều kém Khởi, nhưng địa vị lại ở trên Khởi, sao vậy?

Văn hỏi:

- Quân chủ trẻ tuổi, trong nước nghi ngờ, đại thần chưa theo phục, bách tính còn chưa tin, giờ đang là lúc như thế, thì giao phó quốc gia cho ngài chăng? Hay đem giao nước cho ta?

Khởi im lặng hồi lâu, nói:

- Giao cho ngài thôi!

Rất lâu sau, Tướng quốc nước Ngụy là Công Thúc lấy Công chúa, muốn hại Ngô Khởi. Người đầy tớ của Công Thúc nói:

- Khởi dễ đuổi thôi. Khởi là người cương cường tự đắc. Ngài hãy nói trước với nhà vua rằng: "Ngô Khởi là người tài, nhưng nước của nhà vua nhỏ, thần sợ rằng Khởi không có lòng lưu lại vậy. Sao nhà vua chẳng thử đem con gái gả cho Khởi, nếu Khởi không có lòng lưu lại, thì nhất định từ chối rồi." Ngài sau đó cùng Khởi quay về nhà, lại khiến Công chúa si nhục ngài, Khởi thấy Công chúa khinh thường ngài, tất sẽ từ chối hôn nhân, thì ông ấy trúng kế của ngài vậy.

Công Thúc theo lời, Ngô Khởi quả nhiên từ chối hôn sự với Công chúa. Ngụy Vũ hầu vì thế nghi ngờ Khởi, không dám tin nhiệm, Khởi sợ bị giết, bèn trốn sang nước Sở.

Sở Điều vương vốn nghe danh của Khởi, Khởi đến liền dùng làm Tướng quốc. Khởi làm rõ phép tắc, thăm xét hiệu lệnh, cắt giảm những chức quan không thiết yếu, phế trừ các dòng thân

thích xa khỏi công tộc, lấy phí dụng phủ dưỡng chiến sĩ, cốt khiến binh cường mạnh, đả phá lời du thuyết hợp tung, liên hoành. Vì thế, nam bình định Bách Việt, bắc đẩy lui Tam Tấn, phía tây phạt Tần, chư hầu đều sợ sự cường mạnh của nước Sở; nhưng quý thích và đại thần nước Sở đa phần oán hận Ngô Khởi.

3. Tần Huệ công hoẵng, con là Xuất công kế lập.

4. Triệu Vũ hầu hoẵng, quý tộc trong nước lại lập Thái tử của Liệt hầu là Chương, đây là Kính hầu.

5. Hàn Liệt hầu hoẵng, con là Văn hầu kế lập.

Năm thứ mười sáu (Ất Mùi – TCN 386)

1. Nhà Chu bắt đầu mệnh cho Đại phu nước Tề là Điền Hòa làm chư hầu.

2. Công tử nước Triệu là Triều tác loạn, trốn sang Ngụy; cùng quân nước Ngụy đánh úp Hàm Đan, không thắng nổi.

Năm thứ mười bảy (Bính Thân – TCN 385)

1. Thứ trưởng⁽¹⁾ của nước Tần là Cái đón Hiến công ở Hà Tây rồi lập Hiến công; giết chết Xuất công và mẹ của ông ta, đìm xác xuống vực sâu.

2. Nước Tề đánh nước Lỗ.

¹ Nước Tần lập tước vị chia theo đẳng cấp từ cao xuống thấp lần lượt như sau: Công sĩ (公士), Thượng tạo (上造), Trâm niêu (簪袅), Bất canh (不更), Đại phu (大夫), Quan đại phu (官大), Công đại phu (公大夫), Công thừa (公乘), Ngũ đại phu (五大夫), Tả thứ trưởng (左庶长), Hữu thứ trưởng (右庶长), Tả canh (左更), Trung canh (中更), Hữu canh (右更), Thiếu thượng tạo (少上造), Đại thượng tạo (大上造), Túc xa thứ trưởng (驷车庶长), Đại thứ trưởng (大庶长), Quan nội hầu (关内侯), Triệt hầu (彻侯).

3. Nước Hàn đánh nước Trịnh, lấy Dương Thành; đánh nước Tống, bắt Tống công.

4. Tề Thái công hoăng, con là Hoàn công Ngô kế lập.

Năm thứ mười chín (Mậu Tuất – TCN 383)

1. Nước Ngụy đánh bại binh Triệu ở Thỏ Đài.

Năm thứ hai mươi (Kỷ Hợi – TCN 382)

1. Có nhật thực toàn phần.

Năm thứ hai mươi một (Canh Tý – TCN 381)

1. Sở Chiêu vương hoăng. Quý thích và đại thần tác loạn, đánh Ngô Khởi, Khởi chạy đến chỗ thầy vua nép mình ở bên cạnh. Bọn người đánh Khởi dùng tên bắn Khởi, trúng cả vào thầy vua. Táng vua xong, Tức vương tức vị, sai Lệnh doãn giết sạch bọn người gây loạn; hơn bảy mươi nhà vì việc đánh giết Ngô Khởi bị diệt tộc.

Năm thứ hai mươi hai (Tân Sửu – TCN 380)

1. Nước Tề phạt nước Yên, chiếm Tang Khâu. Ba nước Ngụy, Hàn, Triệu đánh Tề, binh đến Tang Khâu.

Năm thứ hai mươi ba (Nhâm Dần – TCN 379)

1. Nước Triệu đánh úp nước Vệ⁽¹⁾, không thắng được.

¹ Chu Thành vương phong cho Khang Thúc ở đất Vệ, đến đời Ý công, bị người狄 diệt. Nước Vệ dời sang đông vượt Hoàng Hà, chuyển đến Sô Khâu. Bây giờ là đời Vệ Thân công. Từ Khang Thúc đến Thân công là 32 đời.

2. Tề Khang công hoảng, không có con, Điền thị nuốt chiếm hết đất đai nước Tề.

Năm ấy, Tề Hoàn công (họ Điền) cũng hoảng, con là Uy vương Nhân Tề kế lập.

Năm thứ hai mươi bốn (Quý Mão – TCN 378)

1. Người Địch đánh bại binh Ngụy tại đất Quái.
2. Ba nước Ngụy, Hàn, Triệu đánh Tề, binh đến Linh Khâu.
3. Tấn Hiếu công mất, con là Tĩnh công Câu Tửu kế lập.

Năm thứ hai mươi lăm (Giáp Thìn – TCN 377)

1. Người Thục đánh nước Sở, chiếm Tư Phương.
2. Tử Tư tiến cử Cầu Biễn với Vệ hầu, nói:
- Tài người ấy có thể thống lĩnh năm trăm cỗ xe.

Vệ hầu nói:

- Ta biết cái tài làm tướng của hần; nhưng Biễn từng làm Lại, thu thuế lại ăn mất hai quả trứng gà của dân, cho nên không dùng vậy.

Tử Tư nói:

- Thánh nhân xét chọn người, giống như thợ mộc dùng gỗ vậy, giữ phần tốt, bỏ phần xấu; cho nên cây gỗ kỳ, gỗ tử¹ rộng mấy vòng ôm, mục ruỗng mất vài thước, người thợ tốt chẳng vứt bỏ. Nay nhà vua ở thời các nước phân tranh, tuyển kẻ sĩ làm nanh vuốt, mà chỉ vì hai quả trứng lại vứt bỏ viên tướng là thành lũy quốc gia, việc này chẳng nên để các nước lân bang nghe được.

Vệ hầu vái hai vái nói:

¹ Những loại gỗ quý rất tốt, gỗ tử thường dùng để đóng quan tài cho vua chúa.

- Xin kính nghe lời dạy!

Vệ hầu bàn kế trái lý, nhưng quần thần hòa theo như lời nói ra từ một miệng. Tử Tư nói:

- Như ta xét nước Vệ, có thể gọi là nơi "vua không ra vua, tôi không ra tôi" vậy.

Công Khâu Ý Tử hỏi:

- Sao lại như thế được?

Tử Tư nói:

- Bậc quân chủ tự cho mình là đúng, thì mọi người chẳng ai tiến dâng lời thiện. Dù là làm đúng mà không nghe ý kiến khác, thì cũng giống như bài xích ý kiến của mọi người vậy, huống chi bây giờ mọi người còn phụ họa theo điều trái lý dung dưỡng cái xấu? Đã không xét kỹ cái đúng sai của sự việc lại thích thú với lời xưng tụng của người khác, hôn ám nào hơn được? Chẳng liệu xét được cái đúng sai của lý lẽ lại a dua đón ý cầu an, xiểm nịnh nào hơn được? Quân chủ hôn ám bấy tôi xiểm nịnh, mà đặt ngồi trên bách tính, dân chúng chẳng giúp vậy. Như thế mà chẳng thay đổi, quốc gia không giống quốc gia nữa rồi!

Tử Tư nói với Vệ hầu rằng:

- Quốc sự của nhà vua sẽ ngày một sai trái thôi!

Vệ hầu hỏi:

- Vì sao?

Đáp rằng:

- Cố nhiên phải như thế. Nhà vua nói gì tự cho là đúng, mà Công khanh, Đại phu chẳng ai dám nắn sửa cái sai của vua; Công khanh, Đại phu nói gì tự cho là đúng, mà kẻ sĩ, thứ dân chẳng ai dám nắn sửa cái sai của họ. Vua tôi đã tự cho mình là giỏi rồi, mà người dưới đồng thanh khen là giỏi, khen giỏi thì thuận ý mà nhận phúc, nắn sửa thì nghịch ý lại mắc họa, thế thì

ý thiện từ đâu sinh ra được! *Kinh Thi* nói: "Cụ viết dư thánh, thù tri ô tri thư hùng?"⁽¹⁾ Chẳng cũng giống vua tôi nhà vua đó sao!

3. Lỗ Mục công hoẵng, con là Cung công Phấn kế lập.

4. Hàn Văn hầu hoẵng, con là Ai hầu kế lập.

Năm thứ hai mươi sáu (Ất Ty – TCN 376)

1. Vua nhà Chu băng, con là Liệt vương Hi kế lập.

2. Ba nước Ngụy, Hàn, Triệu cùng nhau phế Tấn Tĩnh công làm thường nhân rồi chia đất đai nước Tấn.

CHU LIỆT VƯƠNG

Năm thứ nhất (Bính Ngọ – TCN 375)

1. Có nhật thực.

2. Nước Hàn diệt nước Trịnh, rồi dời đô đến đất Trịnh.⁽²⁾

3. Triệu Kính hầu hoẵng, con của Kính hầu là Thành hầu Chung kế lập.

Năm thứ ba (Mậu Thân – TCN 373)

1. Nước Yên đánh bại quân Tề ở Lâm Hồ.

Nước Lỗ đánh nước Tề, tiến vào Dương Quan.

Nước Ngụy đánh nước Tề, quân đến Bắc Lăng.

2. Yên Hi công hoẵng, con là Hoàn công kế lập.

¹ Nghĩa là: "Ai cũng tự xem mình là thánh, sao không biết được đâu là quạ trống, quạ mái?" Câu trong thiên *Tiểu nhĩ*, bài *Chính nguyệt*.

² Kinh đô nước Hàn ban đầu đóng ở Bình Dương (thời nhà Hán là quận Hà Đông), về sau dời đến Dương Dịch. Kinh đô của nước Trịnh là Tân Trịnh (thời nhà Hán là quận Hà Nam). Hàn diệt Trịnh, chuyển kinh đô đến đó.

3. Tống Hưu công hoẵng, con là Ích công kế lập.
4. Vệ Thận công hoẵng, con của Thận công là Thanh công Huấn kế lập.

Năm thứ tư (Kỷ Dậu – TCN 372)

1. Nước Triệu đánh nước Vệ, đoạt bảy mươi ba ấp.
2. Quân Ngụy đánh bại quân Triệu ở phía bắc đất Lận.

Năm thứ năm (Canh Tuất – TCN 371)

1. Nước Ngụy đánh nước Sở, đoạt Lỗ Dương.
2. Nghiêm Toại của nước Hàn thí⁽¹⁾ Ai hầu, quý tộc trong nước lập con của Ai hầu là Ý hầu.

Khi trước, Ai hầu tuy dùng Hàn Hối làm Tướng quốc, nhưng lại yêu mến Nghiêm Toại, hai người ấy rất căm ghét nhau. Nghiêm Toại sai người đâm Hàn Hối giữa triều đường, Hối chạy đến chỗ Ai hầu, Ai hầu che chở cho Hối; thích khách đâm Hàn Hối, trúng luôn cả Ai hầu.

3. Ngụy Vũ hầu hoẵng, không lập Thái tử, con là Oanh cùng Công Trọng Hoãn tranh ngôi vị, trong nước đại loạn.

Năm thứ sáu (Tân Hợi – TCN 370)

1. Tề Uy vương đến châu vua nhà Chu. Bấy giờ nhà Chu suy yếu, chư hầu chẳng ai đến châu, duy có nước Tề đến, người thiên hạ vì thế khen Uy vương hiền.
2. Nước Triệu đánh nước Tề, quân đến đất Quyên.

¹ Bề tôi mà giết vua thì gọi là "thí".

3. Quân Ngụy đánh bại binh Triệu ở đất Hoài.

4. Tề Uy vương triệu gặp Đại phu ấp Túc Mặc, nói với ông ta rằng:

- Từ khi người đến Túc Mặc, lời chê mĩa hàng ngày truyền đến. Nhưng ta sai người đi tra xét Túc Mặc, thấy ruộng đồng mở mang, người dân no đủ, sở quan vô sự, phương đông an bình; đây là người chẳng cung phụng tả hữu của ta cầu cạnh sự giúp đỡ vậy!

Bèn phong cho ấp vạn nhà.

Lại triệu Đại phu đất A đến, nói với ông ta rằng:

- Từ khi người coi ấp A, tiếng khen truyền đến hàng ngày. Ta sai người đi tra xét ấp A, ruộng đồng chẳng mở mang, người dân đói rét. Ngày trước nước Triệu đánh đất Quyên, người không cứu; nước Vệ lấy Tiết Lăng, người chẳng biết; đây là người hậu đãi hối lộ của cải cho tả hữu của ta để cầu cạnh tiếng khen vậy!

Hôm ấy, nấu chín Đại phu đất A cùng các tả hữu từng khen ông ta. Vì thế quần thần run sợ, chẳng ai dám che đậy trí trá, đều ra sức làm việc, nước Tề đại trị, cường mạnh nhất thiên hạ.

5. Sở Túc vương hoảng, không có con, em của Túc vương là Lương Phu được lập, đây là Tuyên vương.

6. Tống Tích công hoảng, con là Dịch Thành kế lập.

Năm thứ bảy (Nhâm Tý – TCN 369)

1. Có nhật thực.

2. Chu vương băng, em là Biễn kế lập, đây là Hiến vương.

3. Đại phu nước Ngụy là Vương Thác trốn sang nước Hàn. Công Tôn Kỳ bảo Hàn Ý hầu rằng:

- Nước Ngụy đang loạn, có thể chiếm được.

Ý hầu bèn cùng Triệu Thành hầu hợp binh đánh Ngụy, giao chiến ở Trọc Trạch, đại phá quân Ngụy, rồi vây Ngụy. Thành hầu nói:

- Giết Oanh, lập Công Trọng Hoãn, cắt đất rồi lui quân, là cái lợi của cả hai nước chúng ta vậy.

Ý hầu nói:

- Không nên. Giết vua nước Ngụy, là bạo vậy; cắt đất mới lui quân, là tham vậy. Chẳng bằng chia đôi nước Ngụy. Nước Ngụy bị chia đôi, chẳng mạnh hơn nước Tống, nước Vệ, thì ta suốt đời chẳng phải lo về nước Ngụy rồi.

Vua Triệu không nghe. Ý hầu không hài lòng, bèn giữa đêm bỏ đi. Triệu Thành hầu cũng lui. Oanh bèn giết Công Trọng Hoãn rồi lên ngôi, đấy là Ngụy Huệ vương.

Thái sử công⁽¹⁾ nói: Ngụy Huệ vương sợ dĩ thân chẳng chết, nước chẳng bị chia, là vì hai nước kia mưu sự bất hòa vậy. Nếu theo kế của một trong hai nước ấy, nước Ngụy tất bị phân chia rồi. Cho nên nói: "Vua mất, mà không có đích tử, nước có thể bị phá vậy."

---ॐ---

¹ Thái sử công, tức Tư Mã Thiên vậy.

CHU KỶ

[QUYỂN THỨ HAI]



CHU HIỂN VƯƠNG

Năm thứ nhất (Quý Sửu – TCN 368)

1. Nước Tề đánh nước Ngụy, lấy Quan Tân.
2. Nước Triệu lấn nước Tề, đoạt Trường Thành.

Năm thứ ba (Ất Mão – TCN 366)

1. Hai nước Ngụy, Hàn hội ở Trạch Dương.
2. Nước Tần đánh bại binh Ngụy, Hàn ở Lạc Dương.

Năm thứ tư (Bính Thìn – TCN 365)

1. Nước Ngụy thảo phạt nước Tống.

Năm thứ năm (Đinh Tỵ – TCN 364)

1. Tần Hiến công đánh bại binh Tam Tấn ở Thạch Môn⁽¹⁾, chém sáu vạn đầu. Chu vương biệt đãi ban cho Hiến công được dùng y phục thêu hoa văn đen, trắng, xanh.

¹ Nơi này còn có tên là Nghiêu Môn Sơn (尧门山), tương truyền vua Nghiêu tạc núi làm cửa để đi qua, vì thế có tên ấy.

Năm thứ bảy (Kỷ Mùi – TCN 362)

1. Nước Ngụy đánh bại binh Hàn, Triệu ở đất Quát.
2. Hai nước Tần, Ngụy giao chiến ở Thiệu Lương, binh Ngụy thua vỡ; Công Tôn Tọa của nước Ngụy bị bắt sống.
3. Vệ Thanh công hoẵng, con là Thành hầu Tắc kế lập.
4. Yên Hoàn công hoẵng, con là Văn công kế lập.
5. Tần Hiến công hoẵng, con là Hiếu công kế lập, Hiếu công đã hai mươi một tuổi rồi. Bấy giờ từ Hoàng Hà, Hào Sơn về đông có sáu nước mạnh, vùng Hoài, Tứ có hơn chục nước nhỏ, hai nước Sở, Ngụy giáp giới với nước Tần. Nước Ngụy đắp dựng Trường Thành từ huyện Trịnh men sông Lạc lên bắc đến Thượng Quận, nước Sở từ Hán Trung xuôi nam chiếm đất Ba và Kiềm Trung. Các nước ấy đều cho nước Tần là Di Địch, xem thường ruồng duỗi, không cho cùng Trung Quốc hội minh. Vì thế Hiếu công phát phần, rải ân đức sửa chính sự, muốn khiến nước Tần cường mạnh.

Năm thứ tám (Canh Thân – TCN 361)

1. Hiếu công hạ lệnh ở trong nước rằng:

"Xưa kia Mục công của nước Tần ta, từ đất Kỳ, đất Ung sửa đức chinh binh, sang đông bình loạn nước Tấn, lấy Hoàng Hà làm mốc giới, xưng bá với Nhung Địch ở phương tây, đất rộng nghìn dặm, Thiên tử cho làm bá chủ một phương, chư hầu đều đến chúc mừng, vì hậu thế khai mở cơ nghiệp tươi sáng. Gặp lúc Lệ, Táo, Giản và Xuất công gây loạn không yên, quốc gia có mối lo bên trong, chưa rồi nhàn lo việc bên ngoài. Tam Tấn chiếm đoạt đất Hà Tây của tiên quân ta, tiếng xấu không gì lớn bằng. Hiến công tức vị, trấn võ biên cảnh, dời đô thành đến Lịch Dương, lại muốn sang đông chinh phạt, thu lại đất cũ bị mất, sửa sang chính lệnh như thời Mục công. Quả nhân nghĩ nhớ cái chí của tiên quân, thường thống hận trong lòng. Tân khách và

quần thần ai có thể xuất mưu kế của mình khiến nước Tần cường mạnh, ta sẽ phong cho quan vị tôn kính và chia cấp đất phong.”

Vì thế, Công Tôn Ưởng người nước Vệ nghe nói có lệnh ban xuống, bèn sang tây vào nước Tần.

Công Tôn Ưởng, là hậu duệ chi thứ của tông tộc nước Vệ, ưa thích cái học hình danh⁽¹⁾. Phụng sự Tướng quốc nước Ngụy là Công Thúc Tọa, Tọa biết Ưởng hiền, chưa kịp tiến cử. Lúc mắc bệnh, Ngụy Huệ vương qua thăm bệnh hỏi rằng:

- Bệnh của Công Thúc nếu không khỏi, việc xã tắc sẽ giao cho ai đây?

Công Thúc nói:

- Trung thứ tử của Tọa là Vệ Ưởng, dẫu ít tuổi nhưng có tài lạ, mong nhà vua đem việc nước giao cho hắn!

Vương nín lặng. Công Thúc nói:

- Nhà vua nếu không nghe theo, không dùng Ưởng, nhất định phải giết hắn, chớ để hắn ra khỏi biên cảnh.

Vương nhận lời rồi về. Công Thúc triệu Ưởng tạ rằng:

- Ta phải trung với vua trước rồi mới chiếu cố đến thuộc hạ, cho nên lúc trước vì vua bày mưu, rồi sau mới đem việc bảo với người. Người phải đi trốn gấp thôi!

Ưởng nói:

- Nhà vua chẳng dùng lời của ngài trọng dụng thuộc hạ, lại có thể nghe lời ngài giết thuộc hạ sao?

Rút cục không đi.

Ngụy vương đi ra, bảo tả hữu rằng:

- Bệnh của Công Thúc rất nặng, thương thay, ông ấy muốn quả nhân đem việc nước giao cho Vệ Ưởng! Xong lại khuyên quả nhân giết hắn, há chẳng phải là rất hồ đồ sao?

¹ Hình danh (刑名), là một phái học thời Chiến quốc, chủ trương theo danh nghĩa để truy cầu cái thực, thường phạt rõ ràng.

Vệ Ưởng sau khi đến nước Tần, thông qua sủng thần là Cảnh Giám để cầu kiến Hiếu công, khuyên dùng thuật khiến nước giàu dân mạnh; Hiếu công rất mừng, cùng Ưởng nghị bàn quốc sự.

Năm thứ mười (Nhâm Tuất – TCN 359)

1. Vệ Ưởng muốn thực hành biến pháp, người Tần không tán đồng. Vệ Ưởng nói với Tần Hiếu công rằng:

- Hạ dân chẳng thể cùng ta lo tính buổi đầu, mà chỉ cùng vui hưởng thành công. Bàn cái chí đức chẳng thể hòa cùng thể tục, mong thành đại công chẳng thể mưu với chúng nhân. Thế nên thánh nhân nếu có cách làm cho đất nước giàu mạnh, thì không cần câu nệ phép tắc cũ.

Cam Long nói:

- Không đúng! Theo phép cũ mà cai trị, quan lại đã quen mà dân yên.

Vệ Ưởng nói:

- Thường nhân chỉ an tâm với tục cũ, học giả đắm chìm với những điều mình đã nghe. Hai hạng người ấy thủ chức giữ phép thì được, không thể cùng bàn về những thứ ngoài phép tắc. Bậc trí giả chế định phép tắc, kẻ ngu bị phép tắc chế ước, người hiền đối lễ nghi, kẻ vô năng thì câu nệ.

Hiếu công nói: "Hay!" Liên lấy Ưởng làm Tả thứ trưởng. Rút cục chế định pháp lệnh "Biến pháp". Lệnh cho dân chúng năm nhà là một ngũ, mười nhà thành một thập, giám xét lẫn nhau, mắc tội thì liên đới; ai cáo giác kẻ gian thì được thưởng cùng mức với người chém địch, người nào không cáo giác kẻ gian thì bị phạt tội ngang mức với kẻ hàng địch. Ai có quân công, đều theo thứ bậc nhận tước thưởng; kẻ đánh nhau vì việc riêng, đều theo mức độ nặng nhẹ mà chịu hình phạt lớn nhỏ. Người ra sức

với nghiệp gốc,⁽¹⁾ cày ruộng, dệt vải làm ra nhiều thóc và lụa thì được miễn trừ sưu dịch; kẻ chạy theo cái lợi trên ngọn⁽²⁾ cùng kẻ lười mà nghèo thì bắt cả nhà làm nô bộc. Tông thất không có quân công, không được biên vào sổ tịch tông tộc. Định rõ đẳng cấp tước trật theo thứ tự, tùy vào địa vị mà được hưởng ruộng vườn, tô tước, thị thiếp, áo quần ở các mức khác nhau. Người có công thì được hiển vinh, kẻ vô công dẫu giàu có cũng không được phận vẻ vang.

Pháp lệnh đã đủ nhưng chưa ban bố, sợ dân chưa tin, vì thế Uông sai dựng một cây gỗ dài ba trượng ở cửa phía nam chợ kinh đô, treo thưởng là ai có thể dời cây gỗ đến cửa bắc thì ban thưởng mười lạng vàng. Dân thấy quái lạ, không ai dám chuyển cây gỗ. Uông lại nói:

- Ai chuyển được cây gỗ thì cho năm mươi lạng vàng!

Có một người chuyển cây gỗ, Uông liền cho năm mươi lạng. Rồi ban bố pháp lệnh.

Lệnh thi hành được một năm, dân Tần ở quốc đô nói Tân lệnh bất tiện tính kể hàng nghìn. Bấy giờ Thái tử phạm pháp, Vệ Uông nói:

- Pháp luật không thi hành được, là do người trên vi phạm.

Thái tử, là người kế thừa ngôi quốc quân vậy, không thể thi hành hình phạt, Uông phạt tội Thái phó của Thái tử là Công tử Kiên, thích chữ bôi mực vào mặt thầy của Thái tử là Công Tôn Giả. Hôm sau, người Tần đều tuân pháp lệnh. Tân lệnh thi hành được mười năm, người nước Tần trên đường không nhặt của rơi, trong núi không có trộm cướp, dân dũng cảm vì quốc gia đánh trận, khiếp sợ không đánh nhau vì việc riêng, xóm làng đại trị. Trong số dân Tần lúc trước nói lệnh bất tiện, có người đến nói lệnh tiện. Vệ Uông nói:

¹ Tức nghề nông.

² Tức những người đi buôn và theo nghề thủ công nghiệp.

- Đấy đều là bọn dân làm cho loạn phép tắc vậy!

Bèn đem họ đày ra biên ải. Từ đấy về sau, dân chúng chẳng ai dám bàn về pháp lệnh.

Thần Quang nói: Tín, là đại bảo của bậc quân chủ vậy. Quốc gia được bảo vệ nhờ dân, dân được bảo hộ dựa vào tín. Không có tín thì không lấy gì để sai khiến dân, không có dân không lấy gì để giữ nước. Vì thế bậc vương xưa không lừa dối thiên hạ, người dựng bá nghiệp chẳng lừa dối lân bang, bậc khéo trị nước không lừa dối dân của mình, người khéo trị nhà chẳng lừa dối người thân. Kẻ ngu bất thiện thì làm ngược đạo lý ấy, lừa dối lân bang của mình, lừa dối bách tính của mình, thậm chí lừa dối cả anh em của mình, lừa dối cha con của mình. Trên không tin dưới, dưới chẳng tin trên, trên dưới lia lòng, dẫn đến thất bại. Cái lợi chẳng chữa được cái hại đưa đến, cái được chẳng bù nổi cái mất mang tới, há chẳng tiếc lắm ru? Xưa kia Tề Hoàn công chẳng bội phản thề minh với Tào Mạt, Tấn Văn công chẳng tham lợi phạt đất Nguyên, Ngụy Văn hầu chẳng quên lời hẹn với người coi rừng, Tần Hiếu công chẳng phế thưởng của người chuyển cây gỗ.⁽¹⁾ Cái đạo trị quốc của bốn vị quân chủ ấy còn chưa được thuần khiết, mà Thương quân thì quá đổi khắc bạc, nhưng ở giữa thời chiến tranh công phạt, người thiên hạ theo đuổi thủ đoạn trí trá bạo lực, bọn họ

¹ Thời Xuân Thu, Tề Hoàn công đánh nước Lỗ chiếm đất, Lỗ Trang công xin hòa, Hoàn công đồng ý, cùng hội thề ở đất Kha, Tào Mạt (曹沫), tướng nước Lỗ, dùng chùy thủ uy hiếp Hoàn công bắt trả lại đất đã chiếm. Hoàn công phải theo, Tào Mạt vứt chùy thủ xuống sàn. Hoàn công hận, muốn giết Tào Mạt, bội ước. Quản Trọng can rằng: "Tham cái lợi nhỏ mà bỏ tín nghĩa, sao bằng cứ cho là hơn". Hoàn công nghe theo, vì thế chừa hậu tin phục.

Cũng ở thời Xuân Thu, Tấn Văn công vây đánh đất Nguyên, lệnh sai quân sĩ mang theo lương ăn ba ngày, ba ngày sau không hạ được thành, Tấn công hạ lệnh lui quân. Mưu sĩ nói: "Tướng đất Nguyên sắp hàng rồi, nên cho quân đội hai ngày nữa thôi." Tấn Văn công nói: "Tín, là báu vật của nước, được đất Nguyên mà mất báu vật, ta không làm vậy."

Chuyện Ngụy Văn hầu không quên cái hẹn với người coi rừng: Xem ở Chu kỷ, quyển 1, sự kiện năm thứ 23 đời Chu Uy Liệt vương.

Việc Tần Hiếu công chẳng phế thưởng của người chuyển cây gỗ, xem đoạn văn nói về biến pháp phía trên.

vẫn không dám quên dựng lập chữ tín để thu phục nhân tâm, hướng chi là người chấp chính giữa lúc bốn bề yên bình!

2. Hàn Ý hầu hoẵng, con là Chiêu hầu kế lập.

Năm thứ mười một (Quý Hợi – TCN 358)

1. Quân Tần đánh bại binh Hàn ở Tây Sơn.

Năm thứ mười hai (Giáp Tý – TCN 357)

1. Hai nước Hàn, Ngụy hội ở ấp Hạo.

Năm thứ mười ba (Ất Sửu – TCN 356)

1. Hai nước Yên, Triệu hội ở đất A.

2. Ba nước Triệu, Tề, Tống hội ở Bình Lục.

Năm thứ mười bốn (Bính Dần – TCN 355)

1. Tề Uy vương, Ngụy Huệ vương hội săn ở ngoài thành. Huệ vương hỏi:

- Nước Tề cũng có bảo vật chứ?

Uy vương nói:

- Không có.

Huệ vương nói:

- Nước của quả nhân tuy nhỏ, còn có mười viên minh châu đường kính hơn một tấc, ánh sáng chiếu rọi trước sau mười hai cỗ xe. Há đâu nước Tề lớn mà không có bảo vật sao?

Uy vương nói:

- Cái mà quả nhân xem là châu báu so với bảo vật mà Vương nói thì khác. Ta có bảy tôi là Đản Tử, sai trấn thành trì phía

nam, thì người nước Sở không dám phạm cướp, mười hai nước chư hầu ở thượng lưu sông Tứ đều đến châu. Ta có bày tôi là Phán Tử, sai giữ Cao Đường, thì người nước Triệu không dám sang đông đánh cá ở sông Hoàng Hà. Ta lại có bày tôi là Kiềm Phu, sai giữ Từ châu, thì người nước Yên tể ở cửa bắc, người nước Triệu tể ở cửa tây, người dọn đến theo hàng tới bảy nghìn nhà. Ta có bày tôi là Chung Thủ, sai phòng đạo tặc, thì người trên đường không ai nhặt của rơi. Bốn bày tôi như thế, ánh sáng chiếu rọi nghìn dặm, há chỉ là mười hai cỗ xe sao!

Huệ vương có sắc thẹn.

2. Tần Hiếu công, Ngụy Huệ vương hội ở Đỗ Bình.

3. Lỗ Cung công hoăng, con là Khang công Mao kế lập.

Năm thứ mười lăm (Đinh Mão – TCN 354)

1. Quân Tần đánh bại binh Ngụy ở Nguyên Lý, chém đầu bảy nghìn người, đoạt Thiếu Lương.

2. Ngụy Huệ vương phạt Triệu, vây Hàm Đan. Sở vương sai Cảnh Xá cứu Triệu.

Năm thứ mười sáu (Mậu Thìn – TCN 353)

1. Tề Uy vương sai Điền Kỵ cứu Triệu.

Khi trước, Tôn Tần và Bàng Quyên đều theo học binh pháp, Bàng Quyên làm Tướng quân ở nước Ngụy, tự thấy tài năng của mình chẳng theo kịp Tôn Tần, bèn triệu gọi Tôn Tần. Tần đến, Bàng Quyên bày kế dựa phép tắc chặt hai chân và thích chữ, bôi mực vào mặt Tần, muốn khiến Tần trọn đời thành phế nhân. Sứ giả nước Tề đến nước Ngụy, Tần lấy thân phận tội nhân thụ hình ngấm gắp, thuyết sứ giả nước Tề; sứ giả nước Tề bí mật để Tần lên xe chở về nước Tề. Điền Kỵ khen rồi đãi Tần làm thượng khách, tiến cử với Tề Uy vương. Uy vương hỏi về

binh pháp, bèn tôn làm thầy. Bấy giờ, Uy vương mưu cứu nước Triệu, dùng Tôn Tần làm tướng, Tôn Tần từ chối tự cho là mình là người chịu hình không làm tướng được. Uy vương bèn dùng Điền Kỵ làm tướng lại lấy Tần làm quân sư, ngồi trong xe trướng, bày kế định mưu.

Điền Kỵ muốn dẫn binh sang nước Triệu. Tôn Tần nói:

- Giải tán đám loạn đả chẳng nên dùng nắm đấm, ngăn đánh nhau không nên đánh giúp một bên, chẹn chỗ yếu hại của địch mà đánh vào chỗ hư, lợi dụng hình thế biến chuyển, thì tự nhiên hóa giải được thôi. Nay Lương, Triệu đánh nhau, xe nhẹ binh khỏe dốc kiệt ở ngoài, quân già yếu mệt lử ở trong; chẳng gì bằng tức tốc dẫn binh đến kinh đô nước Ngụy, chiếm yếu đạo giữa đường, đánh sâu vào hậu phương trống trải của họ, bên kia tất phải buông bỏ Triệu để tự cứu mình, đây là một lần cử sự mà giải vây nước Triệu lại khiến quân Ngụy khốn khó vậy.

Điền Kỵ theo kế ấy.

Mùa đông, tháng mười, thành Hàm Đan hàng Ngụy. Bình Ngụy quay về, cùng quân Tề giao chiến ở Quế Lăng, binh Ngụy đại bại.

2. Nước Hàn đánh Đông Chu, lấy Lăng Quan, Lãm Khâu.

3. Chiêu Hề Tuất làm tướng nước Sở, Giang Ất nói với Sở vương rằng:

- Có người yêu quý con chó của mình, con chó có lần đá vào giếng, người hàng xóm trông thấy, muốn đến nhà mách, con chó giữ cửa cắn người đó. Nay Chiêu Hề Tuất thường ghét việc thần đến gặp nhà vua, cũng giống như thế vậy. Và như có người thích nói cái tốt của người khác, nhà vua nói: "Đây là quân tử vậy", liền thân gần người đó; có người thích nói cái kém của người khác, nhà vua nói: "Đây là tiểu nhân vậy", liền xa lánh người đó. Nếu vậy thì trên đời có người con thí cha của mình, bề tôi thí vua của mình mà nhà vua suốt đời không biết

được. Sao vậy? Là vì nhà vua chỉ thích nghe lời nói về cái tốt của người khác mà ghét lời nói về cái kém của người khác vậy.

Sở vương nói:

- Hay, quả nhân mong nghe được cả hai lời ấy.

Năm thứ mười bảy (Kỷ Ty – TCN 352)

1. Đại lương tạo⁽¹⁾ của nước Tần phạt Ngụy.
2. Chư hầu vây nước Ngụy ở Tương Lăng.

Năm thứ mười tám (Canh Ngọ – TCN 351)

1. Vệ Ưởng của nước Tần vây Cố Dương của nước Ngụy, thu hàng đất ấy.
2. Người Ngụy trả thành Hàm Đan về nước Triệu, cùng nước Triệu kết minh ở bờ sông Chương.
3. Hàn Chiêu hầu lấy Thân Bất Hại làm Tướng quốc.

Thân Bất Hại, là tiểu thần mọn của nước Trịnh, học trước tác của Hoàng Đế, Lão tử và cái thuật hình danh, đến cầu quan với Hàn Chiêu hầu. Chiêu hầu dùng làm Tướng quốc, trong sửa sang chính giáo, ngoài ứng phó chư hầu, qua mười lăm năm, cho đến khi Thân tử chết, nước trị bình cường.

Thân tử có lần xin cho anh họ của mình làm quan, Chiêu hầu không đồng ý, Thân tử có sắc oán. Chiêu hầu nói:

- Ta sở dĩ theo học ở ngài, là muốn trị lý tốt quốc gia vậy. Nay ta nên nghe theo điều ngài thỉnh xin mà phế bỏ cái thuật của ngài, hay thi hành cái thuật của ngài mà phế bỏ lời thỉnh xin của ngài đây? Ngài từng dạy quả nhân theo công lao, xét phong

¹ Theo *Sử ký*, *Tần kỷ*. Năm thứ mười đời Hiếu công, Vệ Ưởng làm Đại lương tạo, đem binh vây An Ấp của nước Ngụy.

thứ bậc; nay cái mà ngài cầu xin riêng, quả nhân nên xử lý thế nào đây?

Thân tử bèn ra khỏi nhà mình sang ở nhà khác,⁽¹⁾ thỉnh tội rằng:

- Nhà vua thực là quân chủ hiền minh vậy.

Chiêu hầu có cái khố rách, lệnh sai cắt đi. Nội thị nói:

- Nhà vua cũng keo kiệt quá lắm, không đem cho tả hữu lại cắt đi!

Chiêu hầu nói:

- Ta nghe nói bậc minh chủ yêu tiếc một nét cau mày, một nụ cười, nét cau mày hay nụ cười đều do cảm kích phát ra. Nay chiếc khố này há lại khác với nét cau mày hay nụ cười sao? Ta tất dùng để đãi người có công vậy.

Năm thứ mười chín (Tân Mùi – TCN 350)

1. Thương Ưởng của nước Tần đắp dựng cung điện ở Hàm Dương, dời kinh đô đến đấy. Hạ lệnh trong dân cấm chỉ cha con, anh em ở lẫn một phòng.⁽²⁾ Gộp các làng xóm nhỏ, tụ thành một huyện, các huyện đặt chức Lệnh, Thừa, cả thảy lập ra ba mươi mốt huyện. Phế bỏ chế độ tỉnh điền⁽³⁾, thông thiên mạch⁽⁴⁾. Thống nhất đơn vị đo như đấu, thùng, quả cân, trượng, thước.

¹ Tò ý không được an cư, cốt để tự phạt.

² Thời cổ, các vua Trung Quốc đã dạy dỗ dân khuyên họ ở từng phòng chia biệt, nhà Tần ở xứ Tây Nhung theo thói tục ở xứ ấy, cha con ở lẫn lộn, không có tôn ti trật tự. Thương Ưởng lập biên pháp, bắt dân Tần theo tục lệ người ở Trung Nguyên.

³ Tỉnh điền (井田) là chế độ phân chia ruộng đất bắt đầu có từ thời Tây Chu, ruộng đất được chia theo hai đường dọc và hai đường ngang hình thành nên chín phần bằng nhau, đường phân giới dùng làm mương dẫn nước. Mỗi người dân làm một phần ruộng trong tám phần, phần ở giữa tất cả cùng làm, số thu hoạch ở phần đó sung vào kho công.

⁴ Thiên mạch (阡陌), tức bờ ruộng, bờ ruộng chạy theo hướng Đông Tây là thiên, chạy theo hướng Nam Bắc là mạch.

2. Quân Tần và quân Ngụy gặp nhau giao chiến ở đất Đồng.
3. Triệu Thành hầu hoảng, Công tử Tiết và Thái tử tranh đoạt ngôi vị; Công tử Tiết bại, trốn sang nước Hàn.

Năm thứ hai mươi mốt (Quý Dậu – TCN 348)

1. Thương Ưởng của nước Tần cải cách phép tính thuế, cho thi hành.

Năm thứ hai mươi hai (Giáp Tuất – TCN 347)

1. Công tử nước Triệu là Phạm tập kích Hàm Đan, không thắng, rồi chết.

Năm thứ hai mươi ba (Ất Hợi – TCN 346)

1. Quân chủ nước Tề giết Đại phu Điền Mâu.
2. Lỗ Khang công hoảng, con là Cảnh công Yến kế lập.
3. Quân chủ nước Vệ tự biếm hiệu thành Hầu, thần phục Tam Tấn.

Năm thứ hai mươi lăm (Đinh Sửu – TCN 344)

1. Chư hầu hội ở kinh sư.⁽¹⁾

Năm thứ hai mươi sáu (Mậu Dần – TCN 343)

1. Vua nhà Chu đặt Quân chủ nước Tần làm Bá, chư hầu đều chúc mừng vua Tần. Tần Hiếu công sai Công tử Thiệu Quan thống lĩnh binh sự hội chư hầu ở Phùng Trạch để triều kiến Chu vương.

¹ Tức kinh đô của nhà Đông Chu lúc ấy, là Lạc Dương vậy.

Năm thứ hai mươi tám (Canh Thìn – TCN 341)

1. Bàng Quyên của nước Ngụy thảo phạt nước Hàn. Nước Hàn xin cứu với nước Tề.

Tề Uy vương triệu đại thần, bàn mưu rằng:

- Nên cứu sớm hay cứu muộn?

Thành hầu⁽¹⁾ nói:

- Chẳng bằng đừng cứu.

Diễn Kỵ nói:

- Ta chẳng cứu thì nước Hàn bị bẻ gãy rồi sát nhập vào nước Ngụy, chẳng bằng cứu sớm.

Tôn Tần nói:

- Hai nước Hàn, Ngụy giao binh chưa khốn mà cứu viện, đấy là ta thay nước Hàn chịu binh đao của nước Ngụy, ngoài đầu lại phải nghe mệnh của nước Hàn vậy. Vả lại nước Ngụy có dã tâm phá nước Hàn, nước Hàn thấy hình thế vong quốc, tất ngoảnh mặt về đông cầu cứu với nước Tề rồi. Tới khi đó ta hãy xuất binh, vừa thêm thân thiết với nước Hàn, lại lợi dụng được cái khốn mệt của nước Ngụy, có thể thu lợi lớn mà được cái danh quý vậy.

Uy vương nói: "Hay!" Bèn ngầm hứa với sứ giả nước Hàn rồi sai về. Nước Hàn nhân vì cậy dựa nước Tề, năm lần giao chiến không thắng được, bèn ngoái sang đông ủy thác quốc gia cho nước Tề.

Nước Tề bấy giờ mới khởi binh, sai Diễn Kỵ, Diễn Anh, Diễn Phán làm tướng, Tôn Tần làm quân sư, đi cứu nước Hàn, ruổi thẳng đến kinh đô nước Ngụy. Bàng Quyên nghe tin ấy, vội bỏ nước Hàn quay về. Người Ngụy đại phát binh, dùng

¹ Trâu Kỵ làm Tướng quốc nước Tề, được phong tước Thành hầu.

Thái tử Thân làm tướng, để ngăn binh nước Tề. Tôn Tấn bảo Điền Ky rằng:

- Binh Tam Tấn bên kia vốn dững cảm mạnh tợn mà khinh rẻ quân Tề, quân Tề có tiếng là hèn nhát. Người khéo đánh trận thì dựa hình thế dùng lợi dẫn dụ địch. Binh pháp nói: "Bách lý nhi thú lợi giả quyết Thượng tướng, ngũ thập lý nhi thú giả quân bán chí"⁽¹⁾

Bèn sai quân Tề vào trong đất Ngụy đắp chực vạn bếp, hôm sau lại giảm năm vạn bếp, hôm sau nữa lại giảm hai vạn bếp. Bàng Quyên đuổi theo ba ngày, cả mừng nói:

- Ta vốn biết quân Tề hèn nhát, vào đất ta ba ngày, sẽ tốt trốn quá nửa rồi!

Bèn bỏ bộ quân của mình, cùng khinh binh tinh nhuệ gấp rút đêm ngày đuổi theo. Tôn Tấn tính hành trình của quân Ngụy, chiều tối sẽ đến Mã Lăng, đường ở Mã Lăng hẹp mà hai bên lắm ải hiểm, có thể phục binh, bèn sai người phạt vò một cây lớn, viết chữ trắng lên thân cây rằng: "Bàng Quyên chết dưới gốc cây này!" Lại lệnh sai một vạn quân bắn giỏi của nước Tề cầm cung nỏ mai phục ở hai bên đường, hẹn tối hôm ấy thấy lửa bốc lên thì cùng bắn ra. Bàng Quyên đêm ấy quả nhiên đến dưới gốc cây bị phạt, thấy chữ trắng, dùng lửa soi đọc, đọc chưa xong, vạn cây nỏ cùng bắn ra, binh Ngụy đại loạn thất tán nhau. Bàng Quyên tự biết thế cùng binh bại, bèn tự đâm cổ, nói:

- Ta khiến thằng ấy thành danh rồi!

Binh Tề thừa thắng đại phá quân Ngụy, cầm tù Thái tử Thân.

2. Thành hầu Trâu Ky ghét hận Điền Ky, sai người cầm mười lạng vàng, xem bói ở ngoài chợ, nói:

¹ Tức là: Trăm dặm tranh lợi, tắt mắt Thượng tướng quân. Năm mươi dặm tranh lợi, quân đến được một nửa.

- Ta, là người của Điền Ky vậy. Điền tướng quân ba lần đánh, ba lần thắng, muốn làm đại sự, nên chăng?

Thầy bói đi ra, Trâu Ky liền sai người bắt giữ thầy bói. Điền Ky chẳng thể tự mình, bèn thống suất binh thủ hạ của mình đánh Lâm Truy, tìm bắt Thành hầu; không thắng được, liền trốn sang nước Sở.

Năm thứ hai mươi chín (Tân Ty – TCN 340)

1. Vệ Ưởng nói với Tần Hiếu công rằng:

- Nước Tần với Ngụy, cũng ví như con người ta có bệnh trong tim gan vậy, nếu không phải là nước Ngụy nuốt Tần, thì Tần cũng phải nuốt Ngụy. Sao vậy? Là vì Ngụy chiếm phía tây dãy núi hiểm, đóng đô ở An Ấp, ngăn cách với Tần bởi sông Hoàng Hà, mà một mình chiếm riêng cái lợi miền Sơn Đông, lúc lợi thì hướng sang tây lấn Tần, lúc khốn thì ngoảnh sang đông giữ đất. Nay nước Tần có vua hiền thánh, nước nhỏ vậy được cường thịnh; mà nước Ngụy năm trước bị đại phá bởi nước Tề, chưa hầu phản lại, có thể nhân lúc này đánh Ngụy. Nước Ngụy không chống nổi Tần, tất phải dời về đông, sau đó nước Tần chiếm được cái vững của sông Hà, núi Hào, hướng về đông để khống chế chư hầu, đấy là nghiệp đế vương vậy.

Hiếu công theo lời, sai Vệ Ưởng đem binh phạt Ngụy. Vua Ngụy sai Công tử Ngang làm tướng ngăn chống Tần.

Hai quân đối nhau, Vệ Ưởng gửi thư cho Công tử Ngang nói:

"Ta trước đây giao hảo với Công tử; nay hai ta đều làm tướng hai nước, chẳng nỡ đánh nhau, muốn cùng Công tử gặp mặt ăn thề, vui uống rượu rồi bãi binh, để dân Tần và Ngụy được yên ổn."

Công tử Ngang cho là phải, liền đến phó hội; thề xong, uống rượu, nhưng Vệ Ưởng phục sẵn giáp sĩ, đánh úp bắt Công tử Ngang, nhân đó đánh binh Ngụy, quân Ngụy đại bại.

Ngụy Huệ vương sợ, sai sứ giả dâng đất Hà Tây cho Tần để giảng hòa. Rồi bỏ An Ấp, dời đô đến Đại Lương⁽¹⁾. Bấy giờ mới than rằng:

- Ta hận chẳng dùng lời của Công Thúc!

Nước Tần phong cho Vệ Ưởng mười lăm ấp ở đất Thương U⁽²⁾. Vì thế xưng hiệu là Thương quân.

2. Hai nước Tề, Triệu phạt Ngụy.

3. Sở Tuyên vương hoảng, con là Uy vương Thương kế lập.

Năm thứ ba mươi mốt (Quý Mùi – TCN 338)

1. Tần Hiếu công hoảng, con là Huệ Văn vương kế lập. Bọn Công tử Kiên báo rằng Thương quân muốn phản, phái quan lại đến bắt Thương quân. Thương quân trốn đến nước Ngụy, người Ngụy không tiếp nhận, lại quay về nước Tần. Thương quân bèn cùng đồ đảng đến ấp Thương U, phát binh lên bắc đánh đất Trịnh. Người Tần đánh Thương quân, giết hẵn, dùng xe xé xác để thị uy, diệt sạch gia tộc của Thương quân.

2. Khi trước, Thương quân làm Tướng quốc nước Tần, dùng hình pháp nghiêm khắc, từng đích thân đến sông Vị xử chém phạm nhân, nước sông Vị đỏ ngầu. Thương quân làm Tướng quốc chục năm, người đời đa phần oán. Triệu Lương gặp Thương quân, Thương quân hỏi rằng:

- Ngài xem ta trị nước Tần so với Ngũ cổ đại phu⁽³⁾ thì ai hơn?

Triệu Lương nói:

¹ Kể từ đây, nước Ngụy thường được gọi là nước Lương.

² Đất Thương U (商於), là một vùng đất trải dài từ đất Thương tới đất U, khi vua Tần cấp chỗ đất ấy cho Vệ Ưởng làm đất ăn lộc thì được gọi là đất Thương U.

³ Ngũ cổ đại phu (五穀大夫), tức Bách Lý Hề (百里奚), từng là tù binh ở nước Tấn, bỏ trốn, bị người Sở bắt giam. Tần Mục công đem năm tấm da dê (ngũ cổ) chuộc Bách Lý Hề, dùng làm đại phu, cho nên có tên ấy.

- Nghìn người vâng dạ, không bằng một lời kẻ sĩ nói thẳng. Kẻ hèn này xin nói thẳng hết ngày mà không bị giết, có được chăng?

Thương quân nói: "Được."

Triệu Lương nói:

- Ngũ cổ đại phu, là người nhà quê ở đất Kinh vậy, Mục công cất nhắc từ dưới miệng trâu mà đặt trên đầu trăm họ, nước Tần chẳng ai dám oán trách. Làm tể tướng nhà Tần sáu, bảy năm mà phía đông đánh Trịnh, ba lần lập vua nước Tấn, một lần cứu họa đất Kinh. Ngũ cổ đại phu làm Tể tướng, mệt chẳng ngồi xe, nắng không che lọng. Đi ở trong nước, không có xe tháp tùng theo sau, không có người mang giáo mác hộ vệ. Ngũ cổ đại phu chết, trai gái nước Tần rơi nước mắt, trẻ con không ca hát, người già gạo không hò. Nay lúc ngài yết kiến chấp chính, giày xéo công tộc, tàn hại bách tính. Công tử Kiến lấp cửa không ra ngoài đã tám năm rồi. Ngài lại giết Chúc Hoan, chạm mặt Công Tôn Giả. *Kinh Thi* nói rằng: "Đắc nhân giả hưng, thất nhân giả băng."⁽²⁾ Mấy việc đấy, không phải là việc có được nhân tâm vậy. Lúc ngài ra ngoài, xe chở giáp sĩ phía sau, người khỏe mạnh xương sườn dính liền nhau⁽³⁾ cùng ngồi tham thừa, kẻ cầm mâu vác kích rào bước cạnh xe. Một thứ trong số ấy không đủ, ngài nhất định không ra ngoài. *Kinh Thư* nói rằng: "Thị đức giả xương, thị lực giả vong."⁽⁴⁾ Mấy việc đấy, không phải là hành vi dựa đức vậy. Cái nguy của ngài như hạt móc buổi sớm, mà còn tham cái giàu có của đất Thương U,

¹ Xem lại việc này ở năm thứ tám, phía trên.

² Được nhân tâm thì hưng, mất nhân tâm thì bại.

³ Thời xưa cho rằng những người có dị tướng là người tài, ví như vua Thuần mạt có hai con người, Tấn Trùng Nhĩ xương sườn dính liền nhau ... Ở đây có ý nói người khỏe mạnh khác thường. Ví rằng Thương Ương khi đi ra ngoài đều phải có người khỏe mạnh bên cạnh mới đi vậy.

⁴ Dựa đức thì xương thịnh, cậy sức thì diệt vong.

yêu cái vẻ vang nắm quốc chính nước Tần, tích chứa cái oán của trăm họ. Một mai vua Tần rời bỏ tân khách, chẳng lên triều, cái lý do người nước Tần bắt ngài há nhỏ sao?

Thương quân không nghe. Năm tháng sau thì họa phát.

Năm thứ ba mươi hai (Giáp Thân – TCN 337)

1. Thân Bất Hại của nước Hàn chết.

Năm thứ ba mươi ba (Ất Dậu – TCN 336)

1. Đàn tế xã của nước Tống ở Thái Khâu bị đổ.

2. Người đất Trâu⁽¹⁾ là Mạnh Kha đến cầu kiến Ngụy Huệ vương, Vương hỏi:

- Ông lão, chẳng ngại xa nghìn dặm mà đến, có thuật làm lợi cho nước ta chăng?

Mạnh tử⁽²⁾ nói:

- Nhà vua hà tất phải nói đến lợi, chỉ nói đến nhân nghĩa mà thôi! Nhà vua nói lấy gì làm lợi cho nước ta, Đại phu nói lấy gì làm lợi cho nhà ta, sĩ thứ dân nói lấy gì làm lợi cho thân ta, trên dưới tranh nhau đuổi theo lợi thì nước nguy mất. Chưa có người nhân nào quên bỏ người thân của mình, chưa có người nghĩa nào đặt vua của mình ra sau vậy.

Huệ vương nói: "Hay!"

Khi trước, Mạnh tử thờ Tử Tư⁽³⁾ làm thầy, từng hỏi cái đạo lý đầu tiên của việc chấn dân là thế nào. Tử Tư nói:

¹ Trâu (邰), là một nước rất nhỏ thời Xuân Thu, tên ban đầu là Chu (邾), sau phụ thuộc nước Lỗ.

² Tức Mạnh Kha vậy.

³ Tử Tư (子思), tức Khổng Cấp (孔伋), là cháu nội của Khổng tử.

- Lợi là thứ đầu tiên.

Mạnh tử hỏi:

- Điều mà người quân tử dạy dân, chỉ có nhân nghĩa mà thôi, hà tất phải nói lợi?

Tử Tư nói:

- Nhân nghĩa cố nhiên là vì lợi ích vậy. Người trên bất nhân thì kẻ dưới chẳng có chỗ yên thân; người trên bất nghĩa thì kẻ dưới vui thích với sự gian dối, đấy là điều bất lợi rất lớn rồi. Cho nên Dịch nói: "Lợi, là sự hòa hợp của nghĩa vậy." Lại viết: "Dùng lợi yên thân mình, để nêu cao đạo đức." Đấy đều là những điều cốt lõi của cái lợi vậy.

Thần Quang nói: Lời của Tử Tư, Mạnh tử nói, là một vậy. Chỉ có người nhân nghĩa mới biết nhân nghĩa chính là cái lợi lớn nhất, người bất nhân không biết điều đó vậy. Cho nên Mạnh tử đối mặt với Lương vương trực tiếp tuyên dương nhân nghĩa mà không nói đến lợi, đấy là vì nói với những người khác nhau mà thành như thế vậy.

Năm thứ ba mươi tư (Bính Tuất – TCN 335)

1. Nước Tần đánh nước Hàn, hạ Nghi Dương.

Năm thứ ba mươi lăm (Đinh Hợi – TCN 334)

1. Tề, Ngụy hội ở Từ châu, tôn xưng nhau làm Vương.

2. Hàn Chiêu hầu làm cửa lâu cao, Khuất Nghi Cửu nói:

- Nhà vua tất không đi ra ở cửa này. Sao vậy? Vì không thích hợp. Cái thích hợp mà thần nói ở đây, không phải là ngày tháng vậy. Con người ta cố nhiên có khi thuận lợi, có lúc bất lợi. Trước đây nhà vua từng gặp thuận lợi rồi, nhưng không dựng cửa lâu cao. Năm trước nước Tần đánh hạ Nghi Dương của ta, năm nay trong nước hạn hán, nhà vua chẳng nhận cơ hội này

xót thương cứu giúp dân lại phung phí xa xỉ, đấy gọi là "giữa lúc khốn khó lại làm việc thừa thãi." Cho nên thần nói là không thích hợp vậy.

3. Việt vương là Vô Cường⁽¹⁾ đánh nước Tề. Tề vương sai người khuyên Việt vương rằng đánh nước Tề chẳng lợi bằng đánh Sở. Việt vương bèn đánh nước Sở. Người Sở đánh cho đại bại, thừa thắng lấy hết đất cũ của nước Ngô, sang đông đến tận Chiết Giang. Nước Việt từ đấy tan, các quý tộc tranh lập, người làm Vương, kẻ làm Quân chủ, phân tán ở ven biển, đều tự thần phục hướng về nước Sở.

Năm thứ ba mươi sáu (Mậu Tý – TCN 333)

1. Sở vương phạt nước Tề, vây Từ châu.

2. Cửa lầu cao của nước Hàn dựng xong. Chiêu hầu hoảng, con là Tuyên Huệ vương kế lập.

3. Khi trước, người ở Lạc Dương là Tô Tần khuyên Tần vương dùng thuật kiêm tính thiên hạ, Tần vương không dùng lời ấy. Tô Tần bèn bỏ đi, khuyên Yên Văn công rằng:

- Nước Yên sợ dĩ chẳng bị xâm phạm cướp đoạt, là vì được nước Triệu che chắn mặt nam của mình vậy. Và lại nước Tần đi đánh nước Yên, phải giao chiến ở ngoài nghìn dặm; nước Triệu đi đánh nước Yên, chỉ giao chiến trong vòng trăm dặm. Nay chẳng lo cái nạn trăm dặm mà xem trọng cái họa ngoài ngàn dặm, cái mưu tính sai lầm không gì hơn thế. Mong đại vương cùng nước Triệu kết thân hợp tung, thiên hạ là một, thì nước Yên nhất định không phải lo họa nữa rồi.

Văn công theo lời, cấp xe ngựa cho Tô Tần, sai đi. Tô Tần khuyên Triệu Túc hầu rằng:

¹ Việt vương Vô Cường (无疆), là cháu sáu đời của Việt vương Câu Tiễn (句踐). Câu Tiễn, Lộc Đình, Bất Thọ, Chu Câu, Vô Dư, Vô Chuyên, Vô Cường.

- Đang lúc này, các nước Sơn Đông chẳng nước nào cường mạnh hơn được nước Triệu, cái lo lắng gan ruột của nước Tần cũng chẳng đâu bằng nước Triệu. Nhưng Tần không dám cử binh đánh nước Triệu, là vì sợ hai nước Hàn, Ngụy đánh úp phía sau mình vậy. Tần đánh hai nước Hàn, Ngụy, không có núi cao sông lớn ngăn trở, cứ dần dần tằm thực, đến quốc đô mới dừng. Hai nước Hàn, Ngụy chẳng ngăn được nước Tần, tất vào xung thần với Tần; nước Tần không bị ngăn cách bởi Hàn, Ngụy thì họa lan đến nước Triệu rồi. Thần xin dùng địa đồ thiên hạ mà xét, đất của chư hầu rộng gấp năm lần đất của nước Tần, lại liệu rằng binh tốt của chư hầu đông gấp mười lần so với binh nước Tần. Sáu nước hợp nhất, hợp sức hướng về tây mà đánh Tần, nước Tần tất bị phá rồi. Những người chủ xướng liên hoành đều muốn cắt đất chư hầu dâng cho nước Tần, nước Tần thành công thì bản thân họ vinh hoa phú quý, quốc gia bị Tần giày xéo mà họ chẳng lo phiền, vì thế bọn người chủ xướng thuyết liên hoành đêm ngày dốc sức đem cái uy quyền của nước Tần dọa nạt chư hầu, để cầu cắt đất. Cho nên mong đại vương suy tính kỹ việc này! Thần xin trộm vì đại vương tính kế, chẳng gì bằng các nước Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Yên, Triệu liên kết hợp tung để chống lại nước Tần, khiến các Tướng quốc, tướng lĩnh trong thiên hạ hội ở bờ sông Hoàn, trao đổi con tin thề minh, ước hẹn rằng: "Tần đánh một nước, thì năm nước đều xuất tinh binh, hoặc bẻ gãy binh Tần, hoặc tiến quân cứu viện. Nếu nước nào không theo ước hẹn, thì năm nước cùng chung sức thảo phạt nước đó!" Chư hầu kết thân hợp tung để xua đuổi Tần, binh giáp của Tần tất chẳng dám ra khỏi Hàm Cốc để gây hại cho miền Sơn Đông rồi!

Túc hầu rất đẹp lòng, hậu đãi Tô Tần, phong cho địa vị tôn quý và ban thưởng, để đi ước hội với chư hầu.

Đúng lúc nước Tần sai tướng là Tề Thủ phạt Ngụy, đánh bại hơn bốn vạn quân, bắt tướng Ngụy là Long Giả, đoạt Điêu Âm,

lại muốn dẫn binh sang đông. Tô Tần sợ binh nước Tần đến Triệu thì phá hỏng ước hẹn hợp tung, nghĩ rằng chẳng có ai để sai sang Tần dụng kế, bèn kích giận Trương Nghi, khiến Nghi đi đến nước Tần.

Trương Nghi, người nước Ngụy, cùng Tô Tần đều thờ Quý Cốc tiên sinh⁽¹⁾ làm thầy, học cái thuật tung hoành, Tô Tần tự cho là mình không theo kịp Nghi. Nghi du thuyết các nước chư hầu không hợp ý, bị khốn ở nước Sở, Tô Tần cố triệu rồi làm nhục Nghi. Nghi sợ, nghĩ rằng chư hầu chỉ có nước Tần có thể gây khốn cho Triệu, bèn vào nước Tần. Tô Tần ngầm phái Xá nhân của mình đưa vàng và lụa cấp cho Nghi, Nghi được yết kiến Tần vương. Tần vương nghe thuyết, dùng làm Khách khanh. Xá nhân từ biệt ra đi, nói:

- Tô quân lo nước Tần đánh Triệu phá hỏng ước hẹn hợp tung, cho là ngoài ngài ra chẳng ai thao túng được nước Tần; cho nên cố tình kích giận ngài, lại sai thuộc hạ ngầm cấp của cải cho ngài, hết thấy đều là mưu kế của Tô quân vậy.

Trương Nghi nói:

- Than ôi! Thế là ta nằm trong mưu kế của người mà chẳng ngộ ra, ta chẳng theo kịp được cái sáng suốt của Tô quân rồi. Người hãy vì ta tạ với Tô quân, thời Tô quân còn, Nghi này sao dám nói lời khác!

Vì thế Tô Tần khuyên Hàn Tuyên Huệ vương rằng:

- Đất Hàn vuông hơn chín trăm dặm, binh đeo đai mặc giáp mấy chục vạn, cung khỏe, nỏ cứng, kiếm sắc trong thiên hạ đều xuất ra từ nước Hàn.⁽²⁾ Binh tốt nước Hàn hai chân đạp nỏ mà

¹ Quý Cốc tiên sinh, là nhân vật lịch sử, họ tên không rõ, có sách nói tên người này là Vương Hù (王诩) hoặc Vương Thiện (王禅), vì ở Quý cốc nên có tên là Quý Cốc tiên sinh, cũng gọi là Quý Cốc tử. Bốn người được coi là học trò của ông rất nổi tiếng là Tôn Tân, Bàng Quyên, Tô Tần và Trương Nghi.

² Nước Hàn có sắt Đường Khê, đúc kiếm cực tốt.

bắn, trăm phát không ngừng. Dùng cái dũng mãnh của binh sĩ nước Hàn, mặc giáp dày, đập nỏ cứng, đeo kiếm sắc, một chống trăm người, điều ấy chẳng cần phải nói vậy. Đại vương thờ Tần, Tần tất đòi Nghi Dương, Thành Cao, nay cho đất rồi, sang năm họ lại đòi cắt đất. Cho thì không có đất để cấp nữa, không cho thì bỏ mất cái công lúc trước, nhận họa ngày sau. Vả lại đất của đại vương có hạn mà nước Tần đòi không thôi, lấy số đất có hạn để đáp lại sự đòi hỏi không dừng, đấy gọi là "kết oán rước họa" vậy, chẳng đánh mà đất bị chiếm đoạt rồi. Lời tục nói: "Thà làm mỏ gà, không làm mỏ trâu."⁽¹⁾ Đại vương vốn hiền minh, nắm binh Hàn cường mạnh, mà có cái tiếng là mỏ trâu, thần trộm vì đại vương mà then!

Hàn vương theo lời của Tô Tần.

Tô Tần thuyết Ngụy vương rằng:

- Đất của đại vương vuông vức nghìn dặm, đất tiếng là nhỏ, nhưng ruộng vườn nhà cửa phồn thịnh, không có chỗ hoang dã làm nơi chăn thả. Dân chúng đông đúc, xe ngựa nhiều, ngày đêm qua lại không dứt, nuốm nượp chen chúc, tựa như thiên binh vạn mã. Thần trộm xét nước của đại vương chẳng kém nước Sở. Nay thần trộm nghe nói binh tốt của đại vương, hạng võ sĩ có hai chục vạn, lính đầu quần khăn xanh hai chục vạn, quân xung kích hai chục vạn, binh phục dịch chục vạn, binh xa sáu trăm cỗ, ngựa chiến năm nghìn con, lại nghe lời của quần thần, mà muốn làm bầy tôi thờ nước Tần! Thế nên Triệu vương của tề quốc sai thần dâng kế ngu, đính lập minh ước, mong đại vương minh xét quyết đoán.

Ngụy vương nghe theo lời ấy.

Tô Tần thuyết Tề vương rằng:

- Tề là nước bốn bề hiểm yếu, đất vuông hơn hai nghìn dặm, binh đeo đai mặc giáp mấy chục vạn, thóc lúa chất như gò núi.

¹ Ninh vì kê khẩu, vô vi ngư hậu.

Ba quân giỏi giang, cùng binh của năm nhà⁽¹⁾, tiến nhanh như mũi tên, tác chiến như sấm chớp, giải tán như gió mưa, ví có việc quân dịch, cũng chưa từng phải leo Thái Sơn, vượt sông Thanh Hà, qua bể Bột Hải. Trong thành Lâm Truy có bảy vạn hộ, thần trộm tính rằng, mỗi hộ chẳng dưới ba người con trai, chẳng đợi phát binh ở huyện xa, mà binh tốt ở Lâm Truy đã đủ hai mươi một vạn rồi. Lâm Truy rất giàu có đầy đủ, dân ở đấy chẳng ai không nuôi gà chọi, chó săn, đánh cờ, đá cầu. Trên đường Lâm Truy xe chạm trục, người đụng vai, vạt áo liên nhau thành màn, mồ hôi rơi thành mưa. Hai nước Hàn, Ngụy sợ dĩ rất sợ hãi nước Tần, là vì cùng với nước Tần giáp biên cảnh vậy. Xuất binh cự nhau, đánh chẳng đến mười ngày, cái cơ thắng bại tồn vong đã quyết rồi. Hàn, Ngụy đánh mà thắng được Tần, thì binh lính tổn thương quá nửa rồi, biên cảnh bốn phía chẳng giữ nổi; đánh mà không thắng, thì nỗi nguy mất nước đã đến theo sau; đấy là lý do mà Hàn, Ngụy hết sức thận trọng trong việc giao tranh với Tần, thường sẵn lòng khom lưng thần phục vậy. Nay nước Tần đánh nước Tề thì không như thế, phải đi theo đất của Hàn, Ngụy, qua đường Dương Tấn của nước Vệ, đi tắt ải hiểm Kháng Phủ, xe không đi hàng đôi, ngựa không song hành được, trăm người thủ hiểm, nghìn người chẳng dám qua vậy. Tần dẫu muốn thâm nhập thì phải như sói ngoái đầu, sợ Hàn, Ngụy đánh úp sau lưng mình, thế nên chỉ dọa nạt, hò hét, kiêu căng mà không dám tiến, thế thì cái việc Tần chẳng hại được Tề là rõ ràng rồi. Nay lại chẳng xét kỹ cái việc Tần không làm gì được Tề, lại muốn ngoảnh mặt về Tây mà thờ Tần, mưu kế của quần thần như thế thực sai lầm vậy. Nay không phải mang cái tiếng thờ Tần lại được tiếng thực là nước mạnh, vì thế thần xin đại vương có chút lưu tâm đến kế này.

¹ Phép trưng binh nước Tề, lấy năm nhà là một quĩ, mười quĩ là một làng, bốn làng thành một liên, mười liên thành một hương. Dụng binh thì mỗi nhà xuất một lính, mỗi hương 2.000 người, năm hương là một vạn, xưng là một quân. Cả nước lập thành ba quân gọi là "ngũ gia chi binh" (binh của năm nhà).

Tề vương đồng ý.

Tô Tần bèn đến phía tây nam thuyết Sở Uy vương rằng:

- Nước Sở, là cường quốc trong thiên hạ vậy, đất vuông hơn sáu nghìn dặm, binh đeo đai mặc giáp trăm vạn, binh xa nghìn cỗ, ngựa chiến vạn con, thóc lúa đủ dùng mười năm, đây là vốn liếng của bậc bá vương vậy. Nước mà Tần ghét nhất là Sở, Sở mạnh thì Tần yếu, Tần mạnh thì Sở yếu, thế hai nước chẳng thể cùng đứng. Cho nên thần xin vì đại vương tính kế, chẳng gì bằng kết thân hợp tung để cô lập nước Tần. Thần sẽ khiến các nước miền Sơn Đông dâng cống bốn mùa, vâng theo lệnh sáng của đại vương, ủy thác xã tắc, kính tông miếu, luyện binh chinh quân để tùy ý đại vương dùng. Cho nên, hợp tung thì chư hầu cắt đất để thờ Sở, liên hoành thì Sở cắt đất để thờ Tần, hai kế ấy khác xa nhau lắm vậy, đại vương chọn cách nào đây?

Sở vương cũng đồng ý theo.

Vì thế Tô Tần là người đứng đầu hiệp ước hợp tung, đồng thời làm tướng của sáu nước, lên bắc báo với nước Triệu, xe ngựa tùy tùng rất nhiều, sánh ngang với bậc vương giả.

4. Tề Uy vương hoăng, con là Tuyên vương Tích Cường kế lập; Tuyên vương biết việc Thành hầu hại Điền Ky, bèn triệu Điền Ky về, cho phục chức.

5. Yên Văn công hoăng, con là Dịch vương kế lập.

6. Vệ Thành hầu hoăng, con là Bình hầu kế lập.

Năm thứ ba mươi bảy (Kỷ Sửu – TCN 332)

1. Tần Huệ vương sai Tề Thủ lừa hai nước Tề, Ngụy, cùng nhau phạt nước Triệu, để phá hỏng ước hợp tung. Triệu Túc hầu trách Tô Tần, Tô Tần sợ, xin đi sứ nước Yên, nhất định báo phục nước Tề. Tô Tần rời nước Triệu thì ước hợp tung tan. Người Triệu khai sông Hoàng Hà tưới rót vào binh Tề, Ngụy, binh hai nước Tề, Ngụy bèn bỏ đi.

2. Nước Ngụy dâng đất Âm Tấn để cầu hòa với nước Tần, Âm Tấn thực tế là Hoa Âm.

3. Tề vương phạt nước Yên, lấy mười thành; không lâu lại trả cho nước Yên.

Năm thứ ba mươi chín (Tân Mão – TCN 330)

1. Nước Tần đánh Ngụy, vây Tiêu Thành, Khúc Ốc. Nước Ngụy đem đất Thiệu Lương, Hà Tây nhập vào đất Tần.

Năm thứ bốn mươi (Nhâm Thìn – TCN 329)

1. Nước Tần đánh nước Ngụy, vượt Hoàng Hà, đoạt Phần Âm, Bì Chi, hạ Tiêu Thành.

2. Sở Uy vương hoảng, con là Hoài vương Hòe kế lập.

3. Em của Tổng công Dịch Thành tên là Yến đánh úp Dịch Thành; Dịch Thành trốn sang nước Tề, Yến tự lập làm Quốc quân.

Năm thứ bốn mươi một (Quý Ty – TCN 328)

1. Công tử Hoa của nước Tần và Trương Nghi thống suất binh vây đất Bồ Dương của nước Ngụy, đoạt chỗ ấy. Trương Nghi nói với Tần vương, xin đem Bồ Dương trả lại cho nước Ngụy, lại sai Công tử Diêu đến nước Ngụy làm con tin. Nghi nhân đó thuyết Ngụy vương rằng:

- Tần vương đãi Ngụy rất hậu, nước Ngụy chẳng nên không dùng lễ nghĩa đáp lại nước Tần.

Ngụy vương liền đem hết mười lăm huyện nhập vào Thượng Quận để tạ Tần vương. Trương Nghi quay về, làm Tế tướng nước Tần.

Năm thứ bốn mươi hai (Giáp Ngọ – TCN 327)

1. Tần đoạt nước Nghĩa Cừ⁽¹⁾ lập thành huyện, cho vua của nước ấy làm bầy tôi.

2. Nước Tần trả lại đất Tiêu Thành và Khúc Ốc về cho nước Ngụy.⁽²⁾

Năm thứ bốn mươi ba (Ất Mùi – TCN 326)

1. Triệu Túc hầu hoằng, con là Vũ Linh vương kế lập; đặt ba người nhận chức "Bác văn sư", ba người nhận chức "Tả, Hữu tư quá"; thăm hỏi Quý thần của tiên vương là Phì Nghĩa, tăng thêm bổng lộc cho Phì Nghĩa.

Năm thứ bốn mươi bốn (Bính Thân – TCN 325)

1. Mùa hạ, tháng tư, ngày Mậu Ngọ, Quốc quân nước Tần bắt đầu xưng vương.

2. Vệ Bình hầu hoằng, con là Tự quân⁽³⁾ kế lập. Có kẻ tội nhân lao dịch ở nước Vệ trốn sang nước Ngụy, làm người trị bệnh cho Hoàng hậu của Ngụy vương. Tự quân nghe biết, xin đem năm mươi nén vàng mua hắn về. Đi lại năm lần, người Ngụy không giao, bèn đem thành Tả Thị để đổi. Tả hữu can:

- Đem một đô ấp để đổi một kẻ trốn tội, nên chăng?

Tự quân nói:

- Đây không phải là điều mà các ông biết được vậy. Người trị nước không sao nhãng việc nhỏ, thì loạn không lớn. Phép tắc

¹ Nghĩa Cừ (义渠), là tên một nước thuộc khu vực Tây Nhung, nằm tại địa giới quận Bắc Địa sau này.

² Tiêu Thành, Khúc Ốc vốn là đất của nước Ngụy, nước Tần đánh chiếm 2 năm về trước, bây giờ đem trả lại.

³ Vị quân chủ này của nước Vệ không rõ tên là gì, sử sách chỉ chép là Tự quân, tức quân vương kế tự.

không lập, kẻ đáng chết không giết, dẫu có mười thành Tả Thị cũng vô ích vậy. Phép tắc lập thành, kẻ đáng giết phải chết, có mất mười thành Tả Thị, cũng không hại vậy.

Ngụy vương nghe chuyện, nói:

- Mong muốn của bậc nhân chủ, ta không đáp ứng, là không tốt vậy.

Liên sai đem xe chở tội nhân về nước Vệ, không nhận báo đáp.

Năm thứ bốn mươi lăm (Đinh Dậu – TCN 324)

1. Trương Nghi của nước Tần thống suất binh sư phạt Ngụy, lấy đất Thiểm.

2. Tô Tần tư thông với phu nhân của Yên Văn công, Dịch vương biết việc ấy. Tô Tần sợ, bèn thuyết Dịch vương rằng:

- Thần ở tại nước Yên chẳng khiến cho Yên được coi trọng, nhưng nếu ở nước Tề thì nước Yên nhất định được coi trọng.

Dịch vương đồng ý. Tô Tần bèn vò đăc tội với Yên vương rồi bỏ trốn sang Tề, Tề Tuyên vương dùng làm Khách khanh. Tô Tần khuyên Tề vương làm cung thất cao, vườn nuôi thú lớn, để tỏ ra đặc ý, muốn khiến cho nước Tề khốn mệt để giúp nước Yên.

Năm thứ bốn mươi sáu (Mậu Tuất – TCN 323)

1. Trương Nghi của nước Tần và Tướng quốc hai nước Tề, Sở hội ở Niết Tang.

2. Hai nước Hàn, Yên đều xưng vương. Duy có Triệu Vũ Linh vương không chịu xưng vương, nói:

- Không có thực lực như thế, sao dám dùng danh phận ấy!

Bèn lệnh sai người trong nước gọi mình là "Quân".⁽¹⁾

¹ Đại đế không có thực lực nên không dám xưng Vương, chỉ dám xưng là quân chủ.

Năm thứ bốn mươi bảy (Kỷ Hợi – TCN 322)

1. Trương Nghi của nước Tần từ Niết Tang quay về, thôi chức Tướng quốc, làm Tướng quốc nước Ngụy, muốn nước Ngụy thờ nước Tần trước để chư hầu bắt chước theo. Ngụy vương không nghe. Tần vương đánh nước Ngụy, đoạt đất Khúc Ốc, Bình Chu, lại ngầm đãi Trương Nghi càng hậu hơn.

Năm thứ bốn mươi tám (Canh Tý – TCN 321)

1. Chu vương băng, con là Thận Tĩnh vương Định kế lập.

2. Yên Dịch vương hoăng, con là Khoái kế lập.

3. Tề vương đem ấp Tiết phong cho Điền Anh, hiệu là Tĩnh Quách quân. Tĩnh Quách quân nói với Tề vương rằng:

- Báo cáo của Ngũ quan, chẳng nên không tra xét mỗi ngày mấy lần vậy.

Tề vương theo lời. Không lâu sau chán ghét việc đó, đem ủy thác hết cho Tĩnh Quách quân. Tĩnh Quách quân từ đấy chuyên quyền ở nước Tề.

Tĩnh Quách quân muốn xây thành Tiết, người khách báo với Tĩnh Quách quân rằng:

- Ngài chẳng nghe nói đến con cá ở bể lớn ư? Lưới chẳng thể ngăn được nó, câu chẳng thể lôi dắt nó, nhưng nó rời xa nước, thì đàn kiến bu lại khắc chế nó. Nước Tề hiện nay, cũng là bể lớn của ngài vậy. Ngài còn quản nước Tề, đất Tiết này có là gì! Ví như làm mất nước Tề, dẫu làm thành Tiết cao đến trời, há đủ để dung thân sao?

Tĩnh Quách quân bèn bỏ không xây thành Tiết.

Tĩnh Quách quân có bốn mươi người con, con của một tiện thiếp trong số ấy tên là Văn. Văn thông minh lỗi lạc, giàu trí mưu, khuyên Tĩnh Quách quân phát tán tiền tài nuôi dưỡng kẻ

sĩ. Tỉnh Quách quân sai Văn chủ trì việc thết đãi tân khách, tân khách tranh nhau khen ngợi cái tốt của Điền Văn, đều thỉnh xin Tỉnh Quách quân dùng Văn làm người kế tự.

Tỉnh Quách quân chết, Văn kế tự làm Tiết công, xưng hiệu là Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân chiêu vời kẻ sĩ du thuyết ở các nước chư hầu cùng những kẻ có tài mắc tội trốn lánh, đều làm nhà cửa dựng cơ nghiệp, hậu đãi họ, còn cứu giúp thân thích của họ nữa, thực khách thường có mấy nghìn người, bọn họ đều tự cho rằng Mạnh Thường quân là người thân tri kỷ của mình, bởi thế danh tiếng của Mạnh Thường quân vang dội khắp thiên hạ.

Thần Quang nói: Bậc quân tử thu dưỡng kẻ sĩ, là vì dân vậy. Dịch nói: "Thánh nhân dưỡng hiền tài, ân trạch đến muôn dân." Người hiền, cái đức của họ đủ để biến đổi phong tục, cái tài của họ đủ để chấn chỉnh kỷ cương, cái sáng suốt của họ đủ để soi rọi cõi xa, cái mạnh của họ đủ để kết nhân vững nghĩa; lớn thì lợi cả thiên hạ, nhỏ thì lợi một quốc gia. Thế nên phong lộc hậu cho người quân tử để họ được giàu có, ban tước lớn cho họ để họ được tôn quý; dưỡng một người mà ơn trạch phủ khắp muôn dân, đây là đạo lý của việc nuôi dưỡng người hiền vậy. Nhưng cái cách Mạnh Thường quân dưỡng kẻ sĩ, chẳng phân rõ trí ngu, chẳng chọn xét tốt xấu, trộm dùng bổng lộc của nhà vua để kết lập bè đảng riêng cho mình, phô trương tiếng khen hư hão, trên thì dối lừa vua của mình, dưới thì hao tổn của cải của dân, đây thực là kẻ gian hùng vậy, sao đáng được tán tụng đây! Kinh Thư có câu: "Thụ vi thiên hạ vô đào chủ, tụy uyên tẩu."⁽¹⁾ Là nói về việc làm này của Mạnh Thường quân vậy.

4. Mạnh Thường quân qua thông hiếu với nước Sở, Sở vương tặng chiếc giường ngà voi, sai Đặng Đồ Trục đưa đi, Đặng Đồ Trục không muốn đi, bảo với người dưới cửa của Mạnh Thường quân là Công Tôn Tuất rằng:

¹ Chưa chấp kẻ tội nhân trốn chủ trong thiên hạ, tỵ hợp ở chốn đầm sâu.

- Giường ngà voi giá nghìn vàng, ví như có mây may tổn hại, thì bán vợ con ta đi cũng chẳng đủ đền vậy. Túc hạ có cách gì khiến kẻ hèn này không phải đưa đi, ta có thanh bảo kiếm của tiền nhân, xin dâng biểu cho túc hạ.

Công Tôn Tuất đồng ý, vào gặp Mạnh Thường quân, nói:

- Các nước nhỏ sờ dĩ đều đem tướng ấn trao cho ngài, là vì ngài có thể cứu giúp khắp những kẻ bần cùng, khiến nước vong lại còn, hậu tự dứt được kế nối, thế nên chẳng ai không bội phục cái nghĩa, hâm mộ sự liêm khiết của ngài vậy. Nay ngài bắt đầu đến nước Sở mà nhận chiếc giường ngà voi, thì không biết khi đến các nước khác họ sẽ lấy gì để đãi ngài đây?

Mạnh Thường quân nói:

- Hay!

Bèn không nhận đồ tặng. Công Tôn Tuất rảo bước đi ra, chưa bước tới gần cửa nhỏ, Mạnh Thường quân gọi quày lại, hỏi:

- Vì sao ngài bước cao chân, tâm chí húng khởi vậy?

Công Tôn Tuất đem sự thực kể lại. Mạnh Thường quân bèn sai dán bố cáo lên cửa, viết rằng:

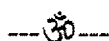
"Ai có thể nêu cao danh tiếng của Văn, ngăn chặn lỗi lầm của Văn, ví có nhận đồ trân bảo ở bên ngoài, cũng không sao, hãy mau vào đề xuất ý kiến!"

Thần Quang nói: Mạnh Thường quân có thể gọi là người biết tiếp nhận lời can gián rồi. Nếu lời của người can gián là hay, thì dẫu kẻ đó dụng tâm trí trá, lời đó vẫn sẽ dùng được, huống chi là lời can gián hay của người tận trung vô tư đem việc báo lên người trên! Kinh Thi có câu rằng: "Thái phong thái phi, vô dĩ hạ thể."⁽¹⁾ Mạnh Thường quân có được đức tính như thế vậy.

¹ Hải rau phong, rau phi, không câu nệ vì cái rễ dờ mà bỏ cái cọng ngon.

5. Hàn Tuyên Huệ vương muốn để hai vị Công Trọng, Công Thúc quản chính sự, hỏi ý Mục Lưu. Mục Lưu đáp rằng:

- Không nên. Nước Tấn xưa dùng sáu quan khanh mà nước bị phân chia,⁽¹⁾ Tề Giản công dùng Trần Thành Tử và Hám Chi mà bị giết,⁽²⁾ nước Ngụy dùng Tê Thủ, Trương Nghi mà bị mất Tây Hà với bên ngoài.⁽³⁾ Nay nhà vua dùng hai người ấy, kẻ cường mạnh thì kết bè đảng ở trong, kẻ yếu lực thì mượn quyền thế bên ngoài. Quần thần có bè đảng ở trong thì lẩn át chúa thượng, có ngoại viện thì giao nộp đất để cầu tước, nước của nhà vua nguy mất.⁽⁴⁾



¹ Lục khanh nước Tấn, tức sáu gia tộc lớn giữ chức Khanh (卿) ở nước Tấn, gồm họ Trung Hàng, họ Tuân (Trí), họ Phạm, họ Triệu, họ Ngụy, họ Hàn. Sáu họ này có công lớn, nắm quyền rồi tranh lợi, thù t oán đánh diệt nhau, cuối cùng ba họ mạnh nhất chia đoạt nước Tấn.

² Tề Giản công sai Hám Chi nắm quyền chính, Trần Thành tử sợ Hám Chi, không lâu sau giết Hám Chi, thì vua Tề.

³ Việc nước Ngụy dùng Tê Thủ và Trương Nghi, xem việc kẻ phía trên.

⁴ Đại khái, cả đoạn này muốn nói rằng: Dùng nhiều người cùng nắm giữ quyền chính thì nước dễ loạn do tranh quyền đoạt vị vậy.

CHU KỶ

[QUYỂN THỨ BA]

— 380 —

CHU THẬN TỊNH VƯƠNG

Năm thứ nhất (Tân Sửu – TCN 320)

1. Vua nước Vệ lại tự biếm hiệu thành Quân.⁽¹⁾

Năm thứ hai (Nhâm Dần – TCN 319)

1. Nước Tần phạt nước Hàn, đoạt Yến Lăng.

2. Ngụy Huệ vương hoảng, con là Tương vương kế lập. Mạnh tử vào gặp Tương vương rồi đi ra, nói với người khác rằng:

- Ta trông xa thì Vương chẳng giống người làm vua, tới gần thì chẳng thấy kính sợ. Vương thốt nhiên hỏi ta rằng: "Làm sao ổn định được thiên hạ?" Ta đáp: "Thu về một mối thì yên định được." Vương lại hỏi rằng: "Ai có thể thu thiên hạ về một mối?" Ta đáp: "Ai không giết người bừa bãi thì có thể thu thiên hạ về một mối." Vương lại hỏi rằng: "Ai sẵn lòng giúp người đó?" Ta đáp: "Thiên hạ chẳng ai không muốn giúp vậy. Nhà vua có biết cây lúa non chẳng? Vào tháng bảy tháng tám trời hạn hán, lúa non khô héo. Trời nổi mây ùn, mưa trút xuống sầm sập, thì lúa

¹ Năm thứ 23 đời Chu Hiến vương, vua nước Vệ đã biếm hiệu thành tước Hầu, vì ở giáp giới hai nước lớn là Tần, Ngụy, thế nước ngày một suy kém, lại tự biếm hiệu thành Quân.

non bùng bùng trời dậy. Vào lúc như thế, ai có thể ngăn cản nổi!"

Năm thứ ba (Quý Mão – TCN 318)

1. Năm nước Sở, Triệu, Ngụy, Hàn, Yên chung sức phạt Tần, đánh ải Hàm Cốc. Người Tần xuất binh đón đánh, binh năm nước đều thua chạy.

2. Vua nước Tống bắt đầu xưng vương.⁽¹⁾

Năm thứ tư (Giáp Thìn – TCN 317)

1. Nước Tần đánh bại binh nước Hàn ở Tu Ngưu, chém tám vạn đầu, bắt sống tướng nước Hàn là Di và Thân Sai ở Trọc Trạch. Chư hầu run sợ.

2. Đại phu của nước Tề và Tô Tần tranh giành sủng ái, sai người đâm Tô Tần, giết đi.

3. Trương Nghi khuyên Ngụy Tương vương rằng:

- Đất Lương vuông chẳng đầy nghìn dặm, lính chẳng quá ba chục vạn, địa thế bốn bề bằng phẳng, không có núi cao sông lớn ngăn trở, binh tốt phải đóng trú ở biên cảnh các nước Sở, Hàn, Tề, Triệu, quân chống giữ các nơi hiểm yếu chẳng quá chục vạn, địa thế nước Lương cố nhiên là bất lợi chiến trường vậy. Các nước chư hầu ước hẹn hợp tung, thề minh bên bờ sông Hoàn, kết thành anh em là để giữ vững cho nhau vậy. Nhưng anh em thân thiết cùng một cha mẹ, còn tranh tiền tài giết hại lẫn nhau, vậy mà muốn cậy dựa cái mưu thừa của kẻ lật lọng như Tô Tần, kẻ ấy chẳng thể thành được đã rõ ràng vậy. Đại vương chẳng thờ Tần, Tần phát binh đánh vùng Hà Ngoại, chiếm đất Quyển,

¹ Đây là Tống Khang vương (宋康王), còn gọi là Tống vương Yên (宋王偃).

Diễn, Toan Tảo, bức nước Vệ, đoạt Dương Tấn, thì nước Triệu không đi xuống phía nam được, Triệu không xuống phía nam được thì Lương không lên bắc được, Lương không lên bắc được thì đường hợp tung đứt, đường hợp tung đứt thì nước của đại vương muốn không nguy cũng chẳng thể được. Cho nên mong đại vương xét kỹ những lời bàn này mà đưa ra kế sách, lại xin ban cho hài cốt rời nước Ngụy.⁽¹⁾

Ngụy vương bèn bội ước hợp tung, rồi thông qua Nghi xin hòa với nước Tần. Trương Nghi quay về Tần, lại làm Tướng quốc.

4. Lỗ Cảnh công hoảng, con là Bình công Lữ kế lập.

Năm thứ năm (Ất Tỵ – TCN 316)

1. Hai nước Ba, Thục⁽²⁾ đánh lẫn nhau, đều cáo cấp với nước Tần. Tần Huệ vương muốn đánh Thục, cho rằng đường hẹp hiểm trở khó đến được, mà nước Hàn lại đến lẫn, do dự chưa quyết. Tư Mã Thác xin phạt Thục. Trương Nghi nói:

- Chẳng bằng đánh nước Hàn.

Huệ vương nói:

- Xin cho nghe kiến giải của ngài.

Nghi nói:

- Kết thân với nước Ngụy, giao hảo với nước Sở, phát binh ra Tam Xuyên, đánh Tân Thành, Nghi Dương, đến ngoài thành của hai nhà Chu, chiếm giữ chín đỉnh, nắm địa đồ sổ sách, bức thiên tử để hiệu lệnh thiên hạ, thiên hạ chẳng ai dám không theo, đấy là vương nghiệp vậy. Thần nghe nói "tranh danh ở

¹ Bấy giờ Trương Nghi đã thôi chức ở nước Tần, đang làm Tướng quốc nước Ngụy. Nghi nói thế tức là ý rằng mình xin từ chức ở nước Ngụy, sau khi chết rồi, hài cốt được đem về quê.

² Đây là những nước nhỏ, nằm ở phía tây hẻo lánh, đường vào gian nan hiểm trở, thuộc đất Tứ Xuyên, Thiểm Tây.

triều, tranh lợi ở chợ." Nay Tam Xuyên, Chu thất, là triều và chợ của thiên hạ vậy, mà Vương chẳng tranh chỗ đó, lại đi tranh với Nhung, Địch, thế là cách vương nghiệp quá xa rồi.

Tư Mã Thác nói:

- Không đúng. Thần nghe nói muốn nước giàu thì cốt ở chỗ mở rộng đất đai của mình; muốn binh mạnh thì cốt ở chỗ làm giàu dân chúng của mình; muốn thành nghiệp Vương thì cốt ở chỗ mở rộng cái đức của mình, ba điều ấy có đủ rồi thì nghiệp vương sẽ theo sau thôi. Nay Vương đất nhỏ dân nghèo, cho nên thần muốn theo việc dễ trước. Thực, là cái nước hẻo lánh ở phía tây lại đứng đầu dân Nhung, Địch, đang có cái loạn Kiệt, Trụ; lấy binh Tần đánh nước ấy, cũng ví như khiến sài lang xưa đuổi bầy dê. Được đất ấy đủ để mở rộng nước, được của ấy đủ để giàu cho dân, nuôi binh không phương hại đến dân chúng mà bên kia đã theo phục. Hạ một nước mà thiên hạ không cho là bạo, thu hết lợi của bốn bề⁽¹⁾ mà thiên hạ không cho là tham, thế là một lần cử sự mà được cả danh lẫn thực vậy, lại còn được cái tiếng ngăn bạo dừng loạn. Nay đánh nước Hàn, bức thiên tử, là danh xấu vậy, mà vị tất đã có lợi; lại mang cái tiếng bất nghĩa, đánh cái nước thiên hạ không muốn đánh, là nguy rồi. Thần xin luận về nguyên có của việc đó: Nhà Chu, là tông thất của thiên hạ vậy. Tề, là nước tương thân hòa mục với nước Hàn. Nhà Chu tự biết mất chín đỉnh, nước Hàn tự biết mất Tam Xuyên, hai nước ấy chung sức hợp mưu, dựa vào nước Tề, nước Triệu mà cầu nước Sở, nước Ngụy giải cứu, đem đỉnh tặng cho nước Sở, cắt đất cho nước Ngụy, Vương chẳng thể ngăn họ vậy. Đây là điều mà thần cho là nguy. Chẳng bằng đánh Thực là kế vạn toàn.

Huệ vương theo kế của Thác, khởi binh phạt Thực; tháng mười lấy được Thực, biếm Thực vương, đổi hiệu làm Hâu; rồi sai Trần Trang làm Tướng quốc nước Thực.

¹ Câu trong *Sử ký* là "thu hết cái lợi ở Tây Hải".

Nước Thục đã thuộc về Tần, Tần vì thế càng cường mạnh, giàu có, khinh rẻ chư hầu.

2. Tô Tần chết rồi, em của Tần là Đại và Lệ cũng lấy việc du thuyết để nổi danh với chư hầu. Tướng quốc nước Yên là Tử Chi cùng Tô Đại kết thông gia, muốn nắm quyền ở nước Yên. Tô Đại đi sứ nước Tề quay về, Yên vương Khoái hỏi rằng:

- Tề vương xưng bá được chăng?

Đại đáp rằng:

- Không được.

Yên vương hỏi:

- Vì có gì?

Đại thưa rằng:

- Vì nhà vua không tin bầy tôi của mình.

Vì thế Yên vương chuyên dùng Tử Chi. Lộc Mao Thọ bảo Yên vương rằng:

- Người ta cho rằng vua Nghiêu hiền, là vì đã nhường thiên hạ vậy. Nay Vương đem nước nhường cho Tử Chi, thế là Vương cùng với vua Nghiêu đồng danh vậy.

Yên vương liền đem nước giao cho Tử Chi, quyền thế của Tử Chi càng lớn. Có người nói:

- Vua Vũ tiến cử ông Ích nhưng lại dùng người của ông Khải làm quan, đến lúc già lại cho rằng Khải không xứng gánh vác thiên hạ, mới truyền ngôi cho ông Ích. Khải cùng bè đảng đánh ông Ích, đoạt ngôi, thiên hạ nói rằng vua Vũ tạo tiếng truyền thiên hạ cho ông Ích mà thực chất khiến ông Khải tự đoạt lấy. Nay Vương nói giao nước cho Tử Chi nhưng quan lại chẳng ai không phải là người của Thái tử, thế là tạo cái tiếng giao nước cho Tử Chi mà thực chất là Thái tử nắm quyền vậy.

Yên vương bèn thu ấn thụ của tất cả quan lại có phẩm trật từ ba trăm thạch trở lên giao cho Tử Chi. Tử Chi ngoảnh mặt

hướng nam coi việc nhà vua, còn Khoái già lão, không nghe chính sự, trở thành bầy tôi, việc nước đều do Tử Chi quyết.⁽¹⁾

Năm thứ sáu (Bính Ngọ – TCN 315)

1. Chu vương băng, con là Noãn vương kế lập.

CHU NOẢN VƯƠNG

Năm thứ nhất (Đinh Mùi – TCN 314)

1. Nước Tần lấn nước Nghĩa Cừ, lấy được hai mươi lăm thành.⁽²⁾

2. Người Ngụy phản nước Tần. Nước Tần phạt Ngụy, đoạt Khúc Ốc rồi đem dân chúng ở đấy trả về nước Ngụy. Lại đánh bại nước Hàn ở Ngạn Môn, Thái tử nước Hàn là Thương vào nước Tần làm con tin để cầu hòa.

3. Tử Chi của nước Yên làm vua ba năm, trong nước đại loạn. Tướng quân Thị Bì cùng Thái tử Bình hợp mưu đánh Tử Chi. Tề vương sai người báo Thái tử Bình rằng:

- Quả nhân nghe nói Thái tử sắp chính tu đại nghĩa quân thần, rõ cái lễ cha con truyền ngôi vị, nước của quả nhân chỉ mong chờ được Thái tử sai khiến.

Thái tử Bình dựa vào đấy lập đảng tụ chúng, sai Thị Bì đánh Tử Chi, không thắng. Thị Bì quay lại đánh Thái tử. Gây nạn mấy tháng, chết mấy vạn người, trăm họ hoảng sợ. Tề vương

¹ Cái gốc loạn của nước Yên chính từ đây vậy.

² Năm 327 (đời vua Chu Hiến vương), nước Tần đoạt nước Nghĩa Cừ, lập huyện, vua của nước ấy thành bầy tôi (đại khái vẫn là quốc quân, tức là nước có vua, chưa bị diệt). Nay đánh lấy hai mươi lăm thành, thì nước ấy còn nhỏ tí, cũng coi như đã diệt hẳn nước đó, nước không còn vua nữa thì không phải là nước phụ thuộc, là đất của nước Tần rồi.

lệnh sai Chương Tử thống lĩnh binh Ngũ đô⁽¹⁾, dựa vào sĩ chúng đất phương bắc phạt nước Yên. Sĩ tốt nước Yên không chiến đấu, thành không đóng cửa; người Tề bắt Tử Chi, bằm xác hắn, rồi giết Yên vương Khoái.

Tề vương hỏi Mạnh tử rằng:

- Có người bảo quả nhân chó đoạt nước Yên, có người bảo quả nhân nên lấy. Lấy cái nước vạn thặng⁽²⁾ đánh cái nước vạn thặng, năm tuần⁽³⁾ mà lấy được, sức người chẳng làm được đến thế; không lấy, tất mắc vạ trời. Nếu lấy thì sao?

Mạnh tử đáp rằng:

- Lấy mà dân nước Yên vui mừng thì lấy, khi xưa có người làm như thế, là Vũ vương vậy. Lấy mà dân nước Yên không vui mừng thì chó lấy, khi xưa có người làm như thế, là Văn vương vậy. Lấy cái nước vạn thặng đánh cái nước vạn thặng, mà bách tính đem giỏ cơm bầu nước nghênh đón vương sư, đâu phải họ mang lòng khác? Là họ tránh cái nạn nước lửa vậy. Nếu nước càng sâu, lửa càng nóng, rồi họ cũng chuyển đến nước khác mà thôi!

Tướng các nước chư hầu mưu cứu nước Yên. Tề vương hỏi Mạnh tử rằng:

- Chư hầu nhiều người mưu tính đánh quả nhân, lấy gì để đối địch họ?

Mạnh tử đáp rằng:

- Thần nghe nói có bảy mươi dặm đất mà trị thiên hạ, là vua Thang vậy; chưa nghe nói người có nghìn dặm đất mà sợ nước khác vậy. *Kinh Thư* nói: "Hề ngã hậu, hậu lai kỳ tô."⁽⁴⁾ Nay nước

¹ Đại khái là binh của năm đô ấp lớn, cũng có người nói rằng ấp có miếu của tiên vương thì gọi là đô.

² Thời xưa, đất của Thiên tử vuông nghìn dặm, xuất ra vạn cỗ xe binh (vạn thặng). Bây giờ bảy nước lớn tranh cường với nhau, đều coi là nước vạn thặng.

³ Một tuần xưa là mười ngày, năm tuần, tức năm mươi ngày vậy.

⁴ Tức là: "Trông đợi vua ta, vua đến thì ta được cứu." *Kinh Thư, Trọng Hủy cáo*.

Yên bạo ngược với dân của mình, Vương qua chinh phạt nước ấy, dân cho là mình sẽ được cứu vớt khỏi chỗ nước lửa, liền đem giỏ com bầu nước nghênh đón vương sư. Ví như giết cha anh của họ, bắt trói con em của họ, hủy hoại tông miếu của họ, dời chuyển quốc bảo của họ, như thế sao có thể được? Thiên hạ vốn sợ sự cường mạnh của nước Tề, nay đất Tề rộng gấp đôi mà chẳng thi hành nhân chính, thì đây là lý do khiến thiên hạ động binh vậy. Vương nên tức tốc ra lệnh, trả lại người già con trẻ của nước họ, dừng chuyển đồ quốc bảo của nước họ, mưu tính với quân dân nước Yên, đặt một vị vua rồi rút đi, thì vẫn kịp dừng chuyện binh đao vậy.

Tề vương không nghe.

Không lâu sau, người nước Yên phản. Tề vương nói:

- Ta rất xấu hổ với Mạnh tử.

Trần Giả nói:

- Đại vương không lo.

Bèn đến gặp Mạnh tử, hỏi:

- Chu công là người thế nào?

Mạnh tử đáp:

- Là thánh nhân thời xưa vậy.

Trần Giả hỏi:

- Chu công sai Quản Thúc giám xét hậu duệ của nhà Thương, Quản Thúc vì nhà Thương làm phản vậy. Chu công biết là Quản Thúc sẽ phản mà vẫn sai đi chẳng?

Mạnh tử nói:

- Chu công không biết vậy.

Trần Giả nói:

- Như thế thì thánh nhân cũng có lỗi lầm chẳng?

Mạnh tử nói:

- Chu công, là người em vậy, Quán Thúc, là người anh vậy, cái lỗi của Chu công chẳng cũng hợp lẽ sao? Và lại bậc quân tử thời xưa, có lỗi thì sửa đổi; người quân tử hiện nay, có lỗi thì cứ thuận theo. Bậc quân tử thời xưa, có lỗi thì như mặt trời mặt trăng bị ăn khuyết, dân chúng đều thấy được; kịp lúc họ sửa đổi, dân chúng đều ngưỡng mộ. Người quân tử hiện nay, há đâu chỉ thuận theo, lại còn tìm lời lẽ đưa đẩy!

4. Năm ấy, Tề Tuyên vương hoảng, con là Mẫn vương Địa kế lập.

Năm thứ hai (Mậu Thân – TCN 313)

1. Hữu canh của nước Tần tên là Tật phạt Triệu, hạ được đất Lận, cầm tù tướng ở đất ấy là Trang Báo.

2. Tần vương muốn phạt Tề, lo hai nước Tề, Sở kết thân hợp tung, bèn sai Trương Nghi đến Sở, khuyên Sở vương rằng:

- Đại vương nếu thực nghe lời thần, đóng quan ải tuyệt giao với nước Tề, thần xin dâng biếu sáu trăm dặm đất Thương Ư, khiến con gái nước Tần được làm thiếp hầu hạ quét tước cho đại vương, hai nước Tần, Sở lấy vợ gả chồng với nhau, mãi mãi thành nước anh em.

Sở vương vui lòng liền đồng ý. Quần thần đều chúc mừng, duy có Trần Chấn đến viếng. Sở vương giận nói:

- Quả nhân chẳng hưng binh mà được sáu trăm dặm đất, sao ngươi viếng vậy?

Trần Chấn đáp rằng:

- Không phải. Theo điều mà thần thấy, đất Thương Ư chẳng thể lấy được mà Tề, Tần sẽ hòa hợp, Tề với Tần hòa hợp thì họa tất đến thôi.

Sở vương nói:

- Giải thích thế nào đây?

Trần Chấn đáp:

- Xét ra, nước Tần sở dĩ xem trọng nước Sở, là vì Sở có nước Tề vậy. Nay đóng quan ải tuyệt giao với nước Tề thì nước Sở bị cô lập, Tần mong chờ gì ở cái nước cô lập mà cho sáu trăm dặm đất Thương Ư? Trương Nghi về đến Tần, tất phụ lại Vương. Thế là phía bắc Vương tuyệt giao với nước Tề; phía tây sinh lo lắng với Tần vậy, binh của hai nước ấy tất đều đến. Thần xin vì Vương mà tính, chẳng gì bằng ngầm giữ mình hào mà ngoài mặt ra vẻ tuyệt giao với Tề, sai người đi theo Trương Nghi, ví như họ cho ta đất, tuyệt giao với Tề chưa muộn vậy.

Sở vương nói:

- Xin Trần tử ngậm miệng lại, đừng nói nữa, đợi xem quả nhân được đất!

Bèn đem ấn Tướng quốc trao cho Trương Nghi, hậu thưởng thêm. Rồi đóng quan ải tuyệt giao với nước Tề, sai một Tướng quân đi theo Trương Nghi đến nước Tần.

Trương Nghi về, giả vờ ngã xe, ba tháng không lên triều. Sở vương nghe tin, nói:

- Nghi cho là quả nhân tuyệt giao với Tề chưa đủ sao?

Bèn sai dũng sĩ là Tống Di mượn phù tiết của Tống, lên bắc mắng chửi Tề vương,⁽¹⁾ Tề vương cả giận, nhún mình để thờ Tần, hai nước Tề, Tần hòa hảo. Trương Nghi bèn vào châu, gặp sứ giả của nước Sở, nói:

- Ngài sao chẳng nhận đất? Từ chỗ mỗ đến chỗ mỗ, rộng dài sáu dặm.

Sứ giả giận, quay về báo với Sở vương. Sở vương cả giận, muốn phát binh đánh nước Tần. Trần Chấn nói:

¹ Bấy giờ Sở đã tuyệt giao với Tề, đóng quan ải, không thông sứ, nên phải mượn phù tiết nước Tống đến Tề vậy.

- Chấn mở miệng nói được chẳng? Đánh Tần chẳng bằng nhân đây đứt lót cho Tần một tòa thành lớn, cùng Tần hợp lực mà đánh Tề, đấy là ta mất đất cho Tần mà lấy bù ở nước Tề vậy. Nay Vương đã tuyệt giao với nước Tề lại trách sự lừa dối ở Tần, thế là ta khiến hai nước Tề, Tần giao hảo mà vờ gọi binh thiên hạ đến vậy, quốc gia nhất định tổn hại lớn rồi!

Sở vương không nghe, sai Khuất Cái thống suất binh sư phạt Tần. Tần cũng phát binh sai Thứ trưởng Ngụy Chương đánh lại.

Năm thứ ba (Kỷ Dậu – TCN 312)

1. Mùa xuân, binh Tần và Sở giao chiến ở Đan Dương, quân Sở đại bại; tám vạn giáp sĩ bị chém, Khuất Cái cùng hơn bảy mươi Liet hầu, Chấp khuê bị bắt sống, Tần bèn lấy quận Hán Trung. Sở vương phát hết binh trong nước để đánh úp Tần, giao chiến ở Lam Điền, quân Sở đại bại. Hai nước Hàn, Ngụy nghe tin Sở khốn, xuôi nam tập kích Sở, đến đất Đặng. Người Sở nghe tin, bèn dẫn binh về, cắt hai thành để cầu hòa với nước Tần.

2. Quý tộc nước Yên cùng nhau lập Thái tử Bình, đấy là Chiêu vương. Chiêu vương tức vị sau khi nước Yên bị tàn phá. Phúng điệu người chết, thăm hỏi con cô, cùng trăm họ đồng cam cộng khổ, hạ thấp thân phận, hậu đãi của cải để chiêu vờ hiền tài. Bào Quách Ngỗi rằng:

- Tề nhân lúc nước Cô loạn mà đánh úp phá nước Yên, Cô rất biết Yên nước nhỏ thế yếu, chẳng đủ sức báo thù; nhưng thực mong có được hiền sĩ để cùng lo quốc sự, rửa sạch mối nhục của Tiên vương, đó là chí nguyện của Cô vậy. Tiên sinh xét thấy ai thích hợp, Cô sẽ đem thân phụng sự.

Quách Ngỗi nói:

- Thời xưa có bậc quân chủ đem nghìn lạng vàng sai Quyền nhân tìm mua thiên lý mã, ngựa đã chết, bỏ ra năm trăm lạng

vàng mua cái đầu của nó mà về. Quân chủ cả giận, Quyền nhân nói: "Ngựa chết còn mua về như thế, huống chi là ngựa sống? Ngựa tốt nay sắp đưa đến rồi!" Chẳng đến một năm, ngựa thiên lý đưa đến ba con. Nay Vương nhất định muốn vời kẻ sĩ, hãy bắt đầu từ Ngõi trước, người hiền hơn Ngõi, há chẳng từ nghìn dặm mà đến sao?

Vì thế Chiêu vương giúp Ngõi dựng cung thất rồi thờ làm thầy. Bởi thế kẻ sĩ tranh nhau tới nước Yên: Nhạc Nghị từ nước Ngụy đến, Trâu Diễn từ nước Tề lên, Kịch Tân từ nước Triệu đến. Chiêu vương liền dùng Nhạc Nghị làm Á khanh, ủy thác việc quốc chính.

3. Hàn Tuyên Huệ vương hoảng, con là Tương vương Thương kế lập.

Năm thứ tư (Canh Tuất – TCN 311)

1. Tướng quốc nước Thục giết Thục hầu.

2. Tần Huệ vương sai người báo với Sở Hoài vương, xin đem đất ở ngoài Vũ Quan đổi lấy đất Kiềm Trung. Sở vương nói:

- Không muốn đổi đất, muốn được Trương Nghi rồi sẽ dâng đất Kiềm Trung.

Trương Nghi nghe nói, xin đi. Huệ vương hỏi:

- Sở vương muốn giết ngài mới cam tâm, sao lại đi?

Trương Nghi nói:

- Tần mạnh Sở yếu. Đại vương còn, Sở vương chẳng dám bắt thần. Và lại thần thân thiết với hèn thần được sủng của Sở vương là Cận Thượng, Cận Thượng được hầu hạ người thiếp yêu của Sở vương là Trịnh Tự, lời Tự nói ra, Sở vương không gì không nghe.

Bèn qua nước Sở. Sở vương cầm tù Nghi, muốn giết đi. Cận Thượng bảo Trịnh Tự rằng:

- Tần vương rất thích Trương Nghi, sẽ lấy sáu huyện đất Thượng Dung và mỹ nữ để chuộc ông ấy. Vương trọng đất, tôn kính Tần, con gái nước Tần tất được yêu quý mà phu nhân bị sẽ đuổi thôi.

Vì thế Trịnh Tự đêm ngày khóc lóc với Sở vương, nói:

- Bầy tôi đều vì chủ của mình thôi. Nay giết Trương Nghi, nước Tần tất nổi giận. Thiếp xin cho mẹ con đều dời đến Giang Nam, để không bị làm thịt cá trên thớt của nước Tần vậy.

Sở vương bèn tha Trương Nghi lại dùng lễ hậu đãi. Trương Nghi nhân đó khuyên Sở vương rằng:

- Theo kế hợp tung không khác gì xưa bầy dê đánh mãnh hổ, không đấu lại là việc rõ rồi. Nay đại vương chẳng thờ Tần, Tần sẽ bức Hàn xưa Lương mà đánh Sở, thì nước Sở nguy mất. Tần phía tây có đất Ba, Thục, sửa thuyền tích thóc, theo sông Dân⁽¹⁾ mà xuống, một ngày đi hơn năm trăm dặm, chẳng đến chục ngày mà tới Hãn Quan, Hãn Quan kinh hãi thì từ biên cảnh về đông tất các thành đều bị lấy cả, Kiềm Trung, Vu Quận không phải là đất của đại vương nữa. Nước Tần cử giáp binh ra Vũ Quan, thì đất phương bắc của Sở bị cắt đứt. Binh Tần đánh Sở, nguy nan chỉ trong vòng ba tháng, mà Sở chờ đợi sự cứu viện của chư hầu phải hơn nửa năm, đợi cứu viện của nước yếu, quên cái họa của nước Tần mạnh, đấy là điều mà thần lo cho đại vương vậy. Đại vương nếu thực nghe lời thần, thần xin khiến cho Tần, Sở thành hai nước anh em mãi mãi, không công phạt lẫn nhau.

Sở vương đã được Trương Nghi lại không phải bỏ đất Kiềm Trung, bèn đồng ý.

Trương Nghi bèn qua nước Hàn, khuyên Hàn vương rằng:

¹ Sông này bắt nguồn từ Ba Thục, chảy men theo núi Dân xuống vùng Kinh Sở nên gọi là sông Dân.

- Đất Hàn hiểm trở ở nơi đồi núi, ngũ cốc trồng được chẳng qua chỉ có đậu và lúa mạch, lương ăn của quốc gia không đủ cho hai năm, binh tốt trước mắt chẳng hơn hai chục vạn. Binh mặc giáp của nước Tần hơn trăm vạn, quân sĩ của Sơn Đông mặc giáp đội mũ trụ hội chiến, người Tần bỏ giáp xắn tay áo xông vào trận địch, tay tả xách đầu giặc, tay hữu cắp tù binh. Dem quân sĩ như Mạnh Bôn, Ô Hoạch⁽¹⁾ để đánh cái nước yếu không thần phục, khác gì buông sức nặng nghìn quân⁽²⁾ lên quá trúng chim, tất không thể thoát vậy. Đại vương chẳng thờ Tần, Tần phát giáp binh chiếm Ngư Dương, ngăn giữ Thành Cao, thì nước của đại vương chia đôi rồi, cung Hồng Đài, vườn Tang Lâm, không phải của đại vương nữa vậy. Thần xin vì đại vương tính kế, chẳng gì bằng thờ Tần để đánh nước Sở, đã chuyển được họa lại làm nước Tần vui, kế không gì tiện hơn thế!

Hàn vương theo kế của Nghi.

Trương Nghi về Tần báo tin, Tần vương đem sáu ấp phong cho Nghi, hiệu là Vũ Tín quân. Lại sai sang đông thuyết Tề vương rằng:

- Người chủ trương hợp tung khuyên đại vương tất nói: "Nước Tề được ngăn che bởi Tam Tấn, đất rộng dân đông, binh cường sĩ dũng, đâu có trăm nước Tần, cũng không làm gì được nước Tề." Đại vương khen lời của họ mà chẳng tính đến sự thực của lời ấy. Nay hai nước Tần, Sở gả chồng lấy vợ lẫn nhau, làm nước anh em ruột thịt; nước Hàn dâng đất Nghi Dương; nước Lương bắt chước giao đất Hà Ngoại; Triệu vương vào châu, cắt đất Hà Gian để thờ nước Tần. Đại vương chẳng thờ Tần, Tần xua hai nước Hàn, Lương đánh vùng đất phía nam của Tề, đem hết binh Triệu vượt Thanh Hà, hướng tới Bác Quan, thì Lâm Truy, Tức Mặc không phải là đất của đại vương nữa vậy. Nước

¹ Ô Hoạch (乌获), Mạnh Bôn (孟贲), đều là dũng sĩ nổi danh của nước Tần thời đó.

² Quân (钧), là đơn vị cân nặng thời xưa ở Trung quốc, một quân bằng 30 cân.

đã bị đánh một ngày, dẫu muốn thờ Tần, cũng chẳng thể được vậy!

Tề vương đồng ý với Trương Nghi.

Trương Nghi rời nước Tề, sang tây khuyên Triệu vương rằng:

- Đại vương cầm đầu thiên hạ để ruồng đuổi nước Tần, binh Tần không dám ra ải Hàm Cốc đã mười lăm năm.⁽¹⁾ Uy của đại vương lan rộng ở Sơn Đông, tề ấp⁽²⁾ sợ hãi, chỉnh áo giáp, mài binh khí, ra sức làm ruộng tích thóc, lo buồn nem nếp, chẳng dám vọng động, chỉ vì đại vương có ý trách lỗi tề ấp vậy. Nay nhờ hồng phúc của đại vương, Tần đánh Ba, Thục, nuốt Hán Trung, bao trọn hai nhà Chu, giữ bến Bạch Mã. Nước Tần tuy ở xa tít, nhưng trong lòng phát phần nuốt giận đã lâu rồi. Nay nước Tần có binh tàn giáp nát đóng tại Mẫn Trì, muốn qua Hoàng Hà, vượt sông Chương, chiếm Phiên Ngô, hội dưới thành Hàm Đan, muốn theo cái cách hợp chiến ngày Giáp Tý, chính thức theo việc Vũ vương diệt Ân Trụ.⁽³⁾ Vậy nên kính sai thần báo trước cho tả hữu của đại vương biết. Nay Sở với Tần là nước anh em, mà hai nước Hàn, Lương xưng thần làm phen dậu phía đông, Tề dâng đất sản sinh ra cá và muối, đây là chặt đứt cánh tay phải của Triệu vậy. Mất cánh tay phải mà cùng người đánh đầu, mất bè cánh mà ở cạnh cô lập, muốn không nguy có được chăng? Nay Tần phát ba vị tướng thống suất quân, một cánh lấp Ngộ Đạo, báo với Tề sai họ vượt Thanh Hà, đóng quân ở phía đông Hàm Đan; một cánh đóng ở Thành Cao, xua quân Hàn, Lương ở vùng Hà Ngoại; một cánh đóng ở Mẫn Trì, ước với bốn nước hợp nhất để đánh Triệu. Triệu hàng phục thì đất tất bị chia tư. Thần trộm vì đại vương tính kế, chẳng gì bằng cùng

¹ Việc nói ở Chu kỳ, quyển 2, sự kiện năm thứ ba mươi sáu đời Chu Hiến vương.

² Từ thời xuân thu, các nước qua lại, người đi sứ đều xưng nước mình là "tề ấp".

³ Việc ngày Giáp Tý, tức là ngày mà Vũ vương diệt vua Trụ nhà Ân Thương. Đại khái muốn nói nước Tần muốn quyết đầu với nước Triệu để thống nhất thiên hạ.

Tần vương gặp mặt ước hẹn mà giao kết miệng với nhau, mãi mãi làm nước anh em vậy.

Triệu vương hứa theo lời.

Trương Nghi bèn lên bắc đến nước Yên, khuyên Yên vương rằng:

- Nay Triệu vương đã vào châu, dâng đất Hà Gian để thờ Tần. Đại vương chẳng thờ Tần, Tần sẽ xuất binh giáp xuống Vân Trung, Cửu Nguyên, xua binh Triệu mà đánh nước Yên, thì Dịch Thủy và Trường Thành không phải của đại vương nữa. Và lại ngày nay hai nước Tề, Triệu với Tần, cũng như là quận, huyện vậy, không dám xằng bậy cất quân công phạt. Nay Vương thờ Tần, thì mãi mãi không phải lo họa của Tề, Triệu nữa rồi.

Yên vương xin dâng năm tòa thành cuối đất Thường Sơn⁽¹⁾ để hòa với Tần.

Trương Nghi quay về Tần báo tin, chưa đến Hàm Dương, Tần Huệ vương hoảng, con là Vũ vương kế lập. Vũ vương từ lúc là Thái tử, không ưa Trương Nghi; lúc tức vị, quần thần nhiều người chê mĩa phi báng Nghi. Chư hầu nghe nói Nghi và Tần vương hiềm khích, đều phản liên hoành, lại hợp tung.

Năm thứ năm (Tân Hợi – TCN 310)

1. Trương Nghi khuyên Tần Vũ vương rằng:

- Thần xin vì Vương tính kế, phương đông⁽²⁾ phải có biến, thì sau Vương mới có thể cất được nhiều đất vậy. Thần nghe nói Tề vương rất ghét thần, thần ở chỗ nào, Tề tất đánh chỗ đó. Thần xin được đem tấm thân chẳng ra gì này đến nước Lương, Tề tất

¹ Thường Sơn, tức Hằng Sơn vậy. Hán Văn đế tên húy là Hằng, vì thế đổi Hằng Sơn thành Thường Sơn, đặt quận.

² Nước Tần nằm ở phía tây, vì thế nói phương đông tức là nói các nước Hàn, Ngụy chắn đường sang đông của Tần vậy.

phạt Lương, Tề, Lương giao binh chẳng thể rời nhau, Vương nhân lúc ấy đánh nước Hàn, vào Tam Xuyên, bức thiên tử, nắm địa đồ sổ tịch, đây là vương nghiệp vậy!

Tần vương đồng ý cho đi. Tề vương quả nhiên đánh nước Lương, Lương vương sợ. Trương Nghi nói:

- Vương chớ lo lắng vậy! Thần xin khiến nước Tề bãi binh.

Bèn sai Xá nhân sang nước Sở, mượn sứ giả nước Sở bảo với Tề vương rằng:

- Vương khiến Nghi có chỗ cậy dựa ở nước Tần, rất chu đáo vậy!

Tề vương hỏi:

- Vì có gì?

Sứ giả của Sở nói:

- Lúc Trương Nghi rời nước Tần, vốn giúp mưu Tần vương rồi, muốn Tề, Lương đánh nhau khiến Tần thừa cơ lấy Tam Xuyên vậy. Nay Vương quả nhiên phạt nước Lương, thế là Vương khiến trong nước mệt mỏi mà đánh nước đồng minh bên ngoài, lại làm Tần vương tin Nghi vậy.

Tề vương bèn bãi binh quay về. Trương Nghi làm Tướng quốc nước Ngụy một năm, chết.

Trương Nghi với Tô Tần đều dùng cái thuật tung hoành du thuyết chư hầu, đạt đến địa vị phú quý, người thiên hạ tranh nhau bắt chước họ. Lại có người nước Ngụy là Công Tôn Diễn, hiệu là Tề Thủ, cũng vì tài du thuyết nổi danh. Những người khác như bọn Tô Đại, Tô Lệ, Chu Tối, Lâu Hoãn, nhan nhản khắp thiên hạ, chuyên dùng lời xảo biện trí trá tranh hơn, chẳng thể tính xuể, nhưng Nghi, Tần, Diễn là giỏi nhất.

Mạnh tử luận về họ rằng: Có người bảo: "Như Công Tôn Diễn, Trương Nghi há không phải là đại trượng phu sao? Một cơn giận của họ mà chư hầu sợ, lúc họ ở yên thì thiên hạ tắt binh đao." Mạnh tử nói: "Như thế há đủ làm đại trượng phu sao! Bậc quân tử xử thế

đường đường chính chính, thì hành chính đạo thiên hạ, đặc chí thì dẫn dắt dân theo chính đạo, bất đặc chí thì thi hành riêng cái đạo của mình, phú quý không phóng lãng, bản tiện chẳng đổi chí, uy vũ chẳng thể khuất, như thế mới gọi là Đại trượng phu."

Sách Pháp ngôn của Dương tử⁽¹⁾ nói: Có người hỏi: "Trương Nghi, Tô Tần học cái thuật của Quỷ Cốc lại thực hành mưu lược hợp tung liên hoành, đều khiến cho Trung Quốc yên ổn hơn chục năm, đúng thế chẳng?" Ta đáp: "Là cái thuật dôi gạt người ta thôi, thánh nhân căm ghét cái thuật ấy." Lại hỏi: "Đọc lời của Khổng tử, mà làm cái việc của Nghi, Tần, là thế nào?" Ta đáp: "Cũng giống như có cái giọng hót của chim phượng hót nhưng mang bộ lông chim cưu vậy." Lại hỏi: "Như thế thì Tử Cống chẳng phải dạng người đó sao?" Ta đáp: "Gặp loạn mà chẳng dẹp yên loạn, Tử Cống hổ thẹn. Du thuyết mà chẳng được phú quý, Nghi, Tần hổ thẹn." Có người nói: "Tài thuật của Nghi, Tần siêu việt, chẳng theo vết người xưa, đúng chẳng?" Ta đáp: "Thời xưa vua Thuấn ruồng đuổi gian nịnh, há có thể nói chẳng xét đến cái gốc của tài sao? Thứ người tài năng điên đảo là có tài, nhưng không phải là thứ tài mà ta công nhận vậy."

2. Tần vương sai Cam Mậu giết Tướng quốc nước Thục là Trần Trang.

3. Tần vương, Ngụy vương hội ở Lâm Tấn.

4. Triệu Vũ Linh vương nạp con gái của Ngô Quảng là Mạnh Diêu, rất sủng ái, đấy là Huệ hậu. Sinh con là Hà.

Năm thứ sáu (Nhâm Tý – TCN 309)

1. Nước Tần bắt đầu đặt chức Thừa tướng⁽²⁾, lấy Sư Lý Tật làm Hữu thừa tướng.

¹ Dương tử, tức Dương Hùng (扬雄), tự Tử Vân, người Thục Quận, là nhà văn, nhà triết học, sống vào cuối thời Tây Hán.

² Chức Thừa tướng bắt đầu có từ lúc này.

Năm thứ bảy (Quý Sửu – TCN 308)

1. Hai nước Tần, Ngụy hội ở đất Ứng.

2. Tần vương sai Cam Mậu ước hẹn với Ngụy để phạt Hàn, lại sai Hướng Thọ theo giúp. Cam Mậu đến Ngụy sai Hướng Thọ quay về, bảo Tần vương rằng:

- Nước Ngụy nghe lời thần rồi, nhưng mong đại vương chờ đánh nước Hàn!

Tần vương đón Cam Mậu ở Tức Nhuỡng rồi hỏi nguyên cớ vì sao. Cam Mậu thưa rằng:

- Nghi Dương là huyện lớn, kỳ thực là quận vậy. Nay Vương đối diện nhiều ải hiểm, hành quân nghìn dặm, đánh chỗ khó. Nước Lỗ xưa có người cùng tên họ với Tăng Sâm giết người, người khác đến báo với mẹ của ông ấy, người mẹ vẫn dặt vãi như thường. Nhưng đến người thứ ba báo tin, người mẹ quăng con thoi dưới khung cửi, vượt tường mà chạy. Thần chẳng hiền bằng được Tăng Sâm, Vương tin thần lại chẳng bằng được mẹ của ông ấy, kẻ nghi ngờ thần không phải chỉ có ba người, thần lo sợ cái việc ném con thoi của đại vương vậy. Khi xưa Ngụy Văn hầu sai tướng là Nhạc Dương đánh Trung Sơn, ba năm mới hạ được.⁽¹⁾ Khi quay về luận công, Văn hầu đưa cho một cái hòm chứa thư gièm pha ông ấy. Nhạc Dương rập đầu bái hai lạy nói: "Đây không phải là công lao của thần, mà là sức của nhà vua vậy!" Nay thần là kẻ bầy tôi ở trợ, Sư Lý Tật và Công Tôn Thích hợp nhau lại nghị bàn, Vương tất nghe theo họ, thế là Vương lừa dối Ngụy vương mà thần nhận cái oán của Công Trọng Xí⁽²⁾ vậy.

Tần vương nói:

¹ Việc Nhạc Dương đánh Trung Sơn, nói đến ở Chu kỳ, quyển thứ nhất, sự kiện năm thứ 23 đời Chu Uy Liệt vương.

² Công Trọng Xí (公仲侈), tức là tướng quốc nước Hàn vậy.

- Quả nhân không nghe họ, xin cùng ngài thề minh!

Bèn ước thề ở Túc Nhưỡng.

Mùa thu, Cam Mậu và Thứ trưởng Phong xuất sư phạt Nghi Dương.

Năm thứ tám (Giáp Dần – TCN 307)

1. Cam Mậu đánh Nghi Dương, qua năm tháng không hạ được. Sư Lý Tật và Công Tôn Thích quả nhiên tranh nhau chỉ trích. Tần vương triệu Cam Mậu, muốn bãi binh. Cam Mậu nói:

- Túc Nhưỡng còn ở kia.⁽¹⁾

Tần vương nói:

- Có việc đó.

Liền đó khởi hết binh để giúp Cam Mậu, chém sáu vạn đầu, hạ Nghi Dương. Công Trọng Xỉ của nước Hàn vào tạ tội với Tần vương xin hòa.

2. Tần Vũ vương ưa dùng sức khỏe đùa dỡn, các đại lực sĩ như Nhâm Bĩ, Ô Hoạch, Mạnh Thuyết đều làm đến chức đại quan. Tháng tám, Tần vương cùng Mạnh Thuyết thi cử đỉnh, đứt mạch máu mà hoǎng; Mạnh Thuyết bị giết cả gia tộc. Vũ vương chết không có con, có người em khác mẹ là Doanh Tắc làm con tin ở nước Yên, quý tộc trong nước đón về lập làm kế vị, đó là Chiêu Tương vương. Mẹ của Chiêu Tương vương là Mị bát tử⁽²⁾, là con gái nước Sở vậy, được phong làm Tuyên thái hậu.

¹ Nhắc lại lời thề lúc trước ở Túc Nhưỡng vậy.

² Mị (𡈼), là họ thuộc hoàng tộc của nước Sở vậy. Pháp chế nhà Tần quy định: Vợ chính là Hoàng hậu, kế tiếp là Phu nhân, dưới nữa lại có Mỹ nhân, Lương nhân, Bát tử, Thất tử, Trưởng sử, Thiểu sử. Tước Mỹ nhân hưởng bổng lộc hai nghìn thạch, sánh ngang với tước Thiểu thượng tạo. Bát tử hưởng lộc nghìn thạch, sánh ngang với tước Trung canh.

3. Triệu Vũ Linh vương lên bắc cướp đất Trung Sơn, đi qua Phòng Tử, bèn đến đất Đại, lên bắc tới chỗ vô cùng⁽¹⁾, sang tây đến Hoàng Hà, trèo lên núi Hoàng Hoa, cùng Phì Nghĩa mưu bàn về "Hồ phục kị xạ"⁽²⁾ để dạy trăm họ, nói:

- Kẻ ngu chê cười, nhưng bậc hiền giả xét hiểu được. Cho dù người thiên hạ đều cười ta, đất Hồ, đất Trung Sơn, ta tất lấy được!

Bèn dùng y phục người Hồ.

Quý tộc trong nước đều không muốn theo, Công tử Thành xưng bệnh không lên triều. Triệu vương sai người bảo Công tử Thành rằng:

- Ở nhà phải nghe cha mẹ, việc nước phải theo Quốc quân. Nay quả nhân truyền lệnh đổi y phục mà Công thúc không theo, chỉ e thiên hạ bàn rằng ta tư tình vậy. Trị quốc có chương pháp, lợi cho dân là căn bản; xử lý chính sự có phép thường, chấp hành lệnh là tối thượng. Phổ cập đức luận ở chỗ ti tiện trước, mà theo pháp lệnh là ở chỗ tôn quý trước, cho nên quả nhân muốn dựa cái nghĩa của Công thúc là để thành toàn công việc cải Hồ phục vậy.

Công tử Thành rạp đầu bái hai lạy nói:

- Thần nghe nói Trung Quốc là nơi mà thánh hiền truyền giáo hóa, là chỗ mà lễ nhạc được sử dụng, là chốn mà người phương xa đến xem ngắm, là xứ mà người Man Di bắt chước vậy. Nay Vương vứt bỏ cái ý nghĩa ấy mà bắt chước y phục của

¹ Từ đất Đại lên bắc là ra ngoài biên hiểm, mấy nghìn dặm sa mạc mênh mông, vì thế nói là chỗ vô cùng.

² "Hồ phục kị xạ", là mặc y phục người Hồ cưỡi ngựa bắn tên. Đại khái, nước Triệu bấy giờ suy yếu, liên tục bị nước Tần bức, các bộ tộc rợ phương bắc cũng quấy rối thường xuyên, quân Triệu giao chiến thường thua. Triệu Vũ Linh vương quan sát thấy người Hồ mặc y phục ngắn bó sát rất gọn, tác chiến nhanh, quân sĩ nước Triệu mặc áo rộng, xe cộ nặng, tác chiến chậm nên hay thua, vì thế muốn học mặc y phục người Hồ cưỡi ngựa bắn tên, để quân đội thiện chiến.

người phương xa, thay đổi đạo xưa, trái nghịch nhân tâm, thần thực mong đại vương thận trọng xét kỹ việc này!

Sứ giả đem lời về báo. Vương tự thân mời gặp, nói:

- Biên ải nước ta phía đông có nước Tề, nước Trung Sơn, phía bắc có nước Yên, Đông Hồ, phía tây có nước Lôu Phiền, nước Tân, nước Hàn. Nay không luyện cưỡi ngựa bắn tên, thì lấy gì để thủ giữ? Trước đây Trung Sơn dựa vào binh cường của nước Tề, xâm phạm làm hại đất ta, bắt trói dân ta, lại dẫn nước rót vào ấp Hạo; nếu không được thần linh bảo hộ, thì chẳng thể giữ được mấy ngày. Tiên quân nhục thẹn vì việc đó, thế nên quả nhân quyết thay đổi y phục, học cách cưỡi ngựa bắn tên, muốn dùng để phòng cái nạn ở bốn phía biên cảnh, báo phục cái oán với Trung Sơn. Vậy mà Thúc phụ lại thuận theo tập tục của Trung Quốc, ghét cái tiếng thay đổi y phục, quên đi nỗi nhục thẹn, đấy thực không phải là điều mà quả nhân trông mong vậy.

Công tử Thành nghe mệnh, Vương bèn ban cho Hồ phục; hôm sau mặc lên triều. Vì thế bắt đầu ban lệnh mặc Hồ phục, rồi đề xướng học phép cưỡi ngựa bắn tên.

Năm thứ chín (Ất Mão – TCN 306)

1. Tần Chiêu vương sai Hướng Thọ phủ dụ Nghi Dương, lại sai Sư Lý Tật, Cam Mậu phạt nước Ngụy. Cam Mậu nói với Tần vương, đem đất Vũ Toại trả về cho nước Hàn. Hướng Thọ và Công Tôn Thích can việc ấy, không can được, vì thế oán hận gièm pha Cam Mậu. Mậu sợ, nửa đường phạt Ngụy, đến Bồ Bản, trốn đi. Sư Lý Tật cùng nước Ngụy giảng hòa, bãi binh. Cam Mậu trốn sang nước Tề.

2. Triệu vương cướp đất Trung Sơn, đến Ninh Gia; sang tây cướp đất của người Hồ, đến Du Trung. Lâm Hồ vương dâng biểu ngựa. Triệu vương về, phái Lôu Hoãn sang nước Tân, Cừ

Dịch sang nước Hàn, Vương Bôn sang nước Sở, Phú Đình sang nước Ngụy, Triệu Tước sang nước Tề; lệnh sai Đại tướng là Triệu Cố chủ trì việc của bộ lạc người Hồ, triệu họp binh lính người Hồ.

3. Sở vương cùng vua hai nước Tề, Hàn họp tung.

Năm thứ mười (Bính Thìn – TCN 305)

1. Sao chổi xuất hiện.

2. Triệu vương thảo phạt Trung Sơn, đoạt Đan Khâu, Sảng Dương, Hồng Chi Tắc; lại đoạt Thủ Hạo, Thạch Ấp, Phong Long, Đông Viên. Nước Trung Sơn dâng bốn ấp để cầu hòa.

3. Tuyên thái hậu của nước Tần có người em khác cha là Nhuông hầu Ngụy Nhiễm, em cùng cha là Hoa Dương quân Mị Nhung; các em cùng mẹ với Tần vương là Cao Lăng quân, Kính Dương quân. Ngụy Nhiễm là hiền nhất trong số ấy, từ thời Vũ vương, Huệ vương, đảm nhận chức vị cơ yếu. Vũ vương hoảng, anh em tranh lập, chỉ có một mình Ngụy Nhiễm ra sức phù giúp lập Chiêu vương. Chiêu vương tức vị, dùng Ngụy Nhiễm làm Tướng quân, phòng vệ Hàm Dương. Năm ấy, Thử trưởng Tráng, đại thần và các công tử mưu tác loạn, Ngụy Nhiễm giết bọn họ; đến cả Hoàng hậu của Huệ Văn vương cũng không được chết lành, Hoàng hậu của Chiêu Vũ vương bị đuổi về nước Ngụy, anh em của Vương có ai bất thiện, Ngụy Nhiễm đều diệt hết.⁽¹⁾ Vương còn nhỏ, Tuyên thái hậu tự quản việc, dùng Ngụy Nhiễm chấp chính, uy thế của Nhiễm rung động nước Tần.

¹ Hoàng hậu của Tần Vũ Chiêu vương là người trong tông thất nước Ngụy, mắc lỗi bị đuổi về nước cha mẹ. Ngụy Nhiễm là người trong hoàng tộc nước Sở, mang họ Mị, vì muốn giúp cháu mình là Doanh Tắc (Tần Chiêu Tương vương) nên tiêu diệt hết các phe cánh để trừ hậu họa, bấy giờ Chiêu Tương vương còn nhỏ, nên quyền quyết chính sự sẽ nằm trong tay Tuyên thái hậu (họ Mị).

Năm thứ mười một (Đinh Tỵ – TCN 304)

1. Tần vương, Sở vương hội thề ở Hoàng Cúc; nước Tần lại đem đất Thượng Dung trả về cho nước Sở.⁽¹⁾

Năm thứ mười hai (Mậu Ngọ – TCN 303)

1. Sao chổi xuất hiện.

2. Nước Tần đoạt đất Bồ Bản, Tấn Dương, Phòng Lăng của nước Ngụy; lại đoạt đất Vũ Toại của nước Hàn.

3. Ba nước Tề, Hàn, Ngụy vì nước Sở phản bội ước hợp tung, hợp binh đánh Sở. Sở vương sai Thái tử Hoành đến làm con tin ở nước Tần xin cứu. Khách khanh của nước Tần là Thông đem binh cứu Sở, ba nước dẫn binh lui về.

Năm thứ mười ba (Kỷ Mùi – TCN 302)

1. Tần vương, Ngụy vương và Thái tử của nước Hàn là Anh hội minh ở Lâm Tấn, Thái tử nước Hàn đến Hàm Dương rồi quay về; nước Tần trả lại đất Bồ Bản cho nước Ngụy.

2. Đại phu Hữu Tư của nước Tần cùng Thái tử của nước Sở tranh đấu, Thái tử giết đại phu Hữu Tư, rồi trốn về nước.

Năm thứ mười bốn (Canh Thân – TCN 301)

1. Có nhật thực toàn phần.

2. Người Tần đoạt đất Nhưỡng của nước Hàn.

3. Trưởng quan đất Thục là Huy phản lại nước Tần, Tư Mã Thác qua giết hắn.

¹ Năm thứ ba, đời Chu Noãn vương, quân Tần đánh bại quân Sở, bắt cầm tù Khuất Cái, lấy Hán Trung, Sở phải cắt hai thành để cầu hòa với Tần, nay nước Tần trả lại đất Thượng Dung cho Sở.

4. Thù trưởng nước Tần là Hoán hội binh của ba nước Hàn, Ngụy, Tề phạt nước Sở, đánh bại quân Sở ở Trọng Khâu, giết tướng nước Sở là Đường Muội; bèn đoạt đất Trọng Khâu.

5. Triệu vương thảo phạt Trung Sơn, Quốc quân Trung Sơn trốn đến nước Tề.

Năm thứ mười lăm (Tân Dậu – TCN 300)

1. Kính Dương quân của nước Tần sang làm con tin ở nước Tề.

2. Hoa Dương quân của nước Tần phạt Sở, đại phá binh Sở, chém ba vạn đầu, giết tướng nước Sở là Cảnh Khuyết, đoạt Tương Thành của nước Sở. Sở vương sợ hãi, sai Thái tử sang làm con tin ở nước Tề để xin hòa.⁽¹⁾

3. Sư Lý Tật của nước Tần chết, Tần vương dùng Lâu Hoãn người nước Triệu làm Thừa tướng.

4. Triệu Vũ Linh vương yêu con nhỏ là Triệu Hà, muốn lập Hà làm Quốc quân ngay lúc mình đang sống.

Năm thứ mười sáu (Nhâm Tuất – TCN 299)

1. Tháng năm, ngày Mậu Thân, Triệu vương đại hội triều thần ở Đông cung, truyền nước cho Triệu Hà. Vương tế tự tông miếu xong, ra coi triều chính, các đại phu đều là tôi thần. Lấy Phì Nghĩa làm Tướng quốc, tôn xưng là Lão sư Quốc quân. Vũ Linh vương tự xưng hiệu là "Chủ phụ"⁽²⁾. Chủ phụ muốn để con

¹ Lúc trước, vua Sở bị Trương Nghi lừa dối, tham lam sáu trăm dặm đất Thương Ư, bèn tuyệt giao với nước Tề. Vua Tề tức giận, nhún mình thờ Tần (xem sự kiện năm thứ 2 đời Chu Noãn vương). Lúc này quân Sở mới thua Tần, chết tướng, mất đất, sợ nước Tề nhân cơ hội đến đánh, vì thế mới mang con tin sang nước Tề xin hòa, lại thông sứ.

² Chủ phụ (主父), tức có ý rằng: Mình là cha của quốc chủ.

trị quốc, tự mình mặc y phục người Hồ, đem các sĩ đại phu lên phía tây bắc cướp đất của người Hồ. Lại tính kế từ Vân Trung, Cửu Nguyên xuôi nam đánh úp Hàm Dương, vì thế tự trá làm sứ giả, vào nước Tần, muốn quan sát địa thế nước Tần và xét tư cách con người Tần vương. Tần vương không biết, không lâu sau thấy quái lạ vì sứ giả tướng mạo khôi vĩ, không phải là khí độ của bậc nhân thần, sai người đuổi theo; Chủ phụ đã thoát ra khỏi cửa quan rồi, xét hỏi kỹ mới biết đây là Chủ phụ. Người Tần cả kinh.

2. Tề vương, Ngụy vương hội ở nước Hàn.

3. Nước Tần đánh Sở, đoạt tám thành. Tần vương gửi thư cho Sở vương nói:

"Ban đầu quả nhân cùng Vương ước làm huynh đệ, thề minh ở Hoàng Cốc,⁽¹⁾ Thái tử nước Sở vào làm tin, rất vui mừng vậy. Thái tử lại lén hiếp giết trọng thần của quả nhân, chẳng tạ lỗi mà bỏ đi.⁽²⁾ Quả nhân thực chẳng ngăn nổi nổi tức giận, sai binh lấn biên ải của quân vương.⁽³⁾ Nay nghe nói quân vương mới lệnh sai Thái tử đến làm con tin ở nước Tề để xin hòa.⁽⁴⁾ Nước của quả nhân cùng Sở nối biên cảnh, hôn nhân tương thân; mà nay Tần, Sở chẳng hòa ái, thì không lấy gì để sai khiến chư hầu. Quả nhân muốn cùng quân vương hội ở Vũ Quan, đổi mặt ước hẹn với nhau, kết minh rồi đi, đây là mong muốn của quả nhân vậy!"

Sở vương lo lắng, muốn đi lại sợ bị lừa dối, không đi lại sợ kích giận Tần. Chiêu Tuy nói:

- Không nên đi mà chỉ phát binh tự giữ thôi! Tần, là nước hồ lang, có chí thôn tính chư hầu, chẳng nên tin vậy!

¹ Việc này xảy ra vào năm thứ 11 đời Chu Noãn vương.

² Việc này xảy ra vào năm thứ 13 đời Chu Noãn vương.

³ Tần chiếm Trọng Khâu của Sở năm thứ 14 đời Chu Noãn vương.

⁴ Thái tử nước Sở sang làm con tin ở Tần, năm thứ 15 đời Chu Noãn vương.

Con của Hoài vương là Lan khuyên Hoài vương đi, Hoài vương bèn vào nước Tần. Tần vương lệnh sai một Tướng quân trá làm vua Tần, phục binh ở Vũ Quan, Sở vương đến biên ải thì cửa quan đóng lại, Sở vương bị bắt giữ, đưa cùng sang tây, đến Hàm Dương, triều bái ở Chương Đài, như lễ với phiên thần, đòi cắt đất Vu, quận Kiềm Trung. Sở vương muốn thề minh, Tần vương muốn được đất trước. Sở vương giận nói:

- Tần vương lừa ta, lại muốn cưỡng bức cắt đất của ta sao!

Bèn không chịu đáp ứng. Người Tần giữ Sở vương ở lại.

Đại thần nước Sở lo lắng, bèn bàn mưu với nhau rằng:

- Vua ta ở Tần không về được, bị bức cắt đất, mà Thái tử làm con tin ở nước Tề; nếu hai nước Tề, Tần hợp mưu, thì nước Sở không toàn vẹn nữa.

Bèn muốn lập một Vương tử ở trong nước. Chiêu Tuy nói:

- Vương và Thái tử đều bị khốn ở nước chư hầu, nay lại trái vương mệnh mà lập con thứ của Vương, thật không nên!

Bèn trá với Tề là Sở vương chết, xin đón Thái tử về nước. Tề vương triệu hội quần thần bàn mưu, có người nói:

- Chẳng gì bằng giữ Thái tử lại để đòi đất Hoài Bắc của Sở.

Tướng quốc nước Tề nói:

- Không nên! Nếu đất Dĩnh lập vua khác, thế là ta ôm con tin hư hão mà thành bất nghĩa với thiên hạ vậy.

Người kia nói:

- Không đúng, đất Dĩnh lập vua, ta nhân đó cùng vua mới trao đổi rằng: "Cho ta mảnh đất phía đông, ta sẽ giúp Vương giết Thái tử. Không như thế, bọn ta sẽ hợp ba nước⁽¹⁾ cùng lập Thái tử."

¹ Ba nước ở đây, đại ý là nói Tề, Hàn, Ngụy vậy.

Tề vương rút cục dùng kế của Tướng quốc mà đưa Thái tử về nước Sở. Người Sở lập Thái tử làm vua.

4. Tần vương nghe nói Mạnh Thường quân hiền, sai Kinh Dương quân sang làm con tin ở Tề để mời gặp. Mạnh Thường quân đi đến nước Tần, Tần vương dùng làm Thừa tướng.

Năm thứ mười bảy (Quý Hợi – TCN 298)

1. Có người báo Tần vương rằng:

- Mạnh Thường quân làm Thừa tướng nước Tần, tất vì nước Tề trước mà vì nước Tần sau; Tần nguy mất!

Tần vương bèn dùng Lâu Hoãn làm Thừa tướng, giam tù Mạnh Thường quân, muốn giết đi. Mạnh Thường quân bèn sai thuộc hạ xin người thiếp được sủng ái của Tần vương cứu giúp, người thiếp nói:

- Ta mong có được chiếc áo cừ lông cáo trắng⁽¹⁾ của ngài.

Mạnh Thường quân có cái áo cừ lông cáo trắng, nhưng đã dâng cho Tần vương rồi, không lấy gì để đáp ứng yêu cầu của người thiếp. Trong số khách của Mạnh Thường quân có người giỏi ăn trộm, bèn vào trong kho của vua Tần, ăn trộm chiếc áo cừ lông cáo trắng để dâng cho người thiếp. Người thiếp bèn giúp Mạnh Thường quân nói với Vương thả Mạnh Thường quân về nước. Về sau Vương hối hận, sai người đuổi theo. Mạnh Thường quân đến cửa quan, phép tắc ở quan ải, là gà gáy sáng thì mới cho khách ra, bấy giờ còn sớm, quân đuổi theo sắp đến, trong số khách có người khéo giả tiếng gà gáy, bèn cất tiếng gáy, gà trong thôn đã nghe tiếng đều gáy vang. Mạnh Thường quân vì thế mới thoát được về.

¹ Con cáo vốn không có màu trắng, duy có chỗ lông ở nách cáo là màu trắng, nước Tề có nhiều cáo, người ta lấy chỗ da ở nách cáo, ghép lại với nhau, khâu thành cái áo cừ trắng, gọi là "Hồ bạch cừ".

2. Người nước Sở bảo với Tần vương rằng:

- May nhờ thần linh bảo hộ, nước Sở lại có vua rồi!

Tần vương giận, phát binh ra Vũ Quan đánh Sở, chém năm vạn đầu, chiếm được mười sáu thành.

3. Triệu vương phong em của mình làm Bình Nguyên quân. Bình Nguyên quân thích dưỡng kẻ sĩ, thực khách thường có mấy nghìn người. Có người là Công Tôn Long, khéo về biện luận "kiên bạch đồng dị"⁽¹⁾, Bình Nguyên quân tôn là thượng khách. Khổng Xuyên từ nước Lỗ đến nước Triệu, cùng Công Tôn Long biện luận về quan điểm "nô tì có ba cái tai", Long phân tích biện bác rất tinh vi, Khổng Xuyên không lấy gì để đối đáp, chốc lát cáo từ mà ra, sáng hôm sau, gặp lại Bình Nguyên quân. Bình Nguyên quân nói:

- Lời của Công Tôn Long biện luận hôm qua, tiên sinh cho là thế nào?

Khổng Xuyên đáp rằng:

- Đúng. Ông ấy cơ hồ khiến cho kẻ nô tì thực có ba cái tai rồi. Tuy nhiên, thật khó mà đúng được! Kẻ hèn này muốn hỏi lại ngài: Nay bảo là có ba cái tai thì rất khó, mà không đúng sự thực vậy, nói có hai cái tai thì rất dễ, mà đúng thực như thế, chẳng biết ngài theo cái dễ mà đúng, hay cũng theo cái khó mà sai đây?

Bình Nguyên quân không biết lấy gì để đối lại. Hôm sau, bảo Công Tôn Long rằng:

- Ngài không nên cùng ông Khổng cao biện về sự vật nữa! Ông ấy đạo lý thắng ngôn từ; ngài thì lời lẽ thắng đạo lý, rút cục nhất định chịu bị bài bác.

¹ Kiên bạch đồng dị (坚白同异) là viết gộp của hai luận thuyết "kiên bạch thạch" và "hợp đồng dị", đại để ở đây là chỉ chung về việc giới biện luận, có hơi hướng nghiêng về xảo biện.

Trâu Diễn qua nước Triệu, Bình Nguyên quân sai cùng Công Tôn Long luận quan điểm "ngựa bạch không phải là ngựa". Trâu tử nói:

- Không nên. Đã gọi là biện luận, thì nên phân biệt các loại sự vật khác nhau khiến chúng không phạm lẫn nhau, bày ra các khái niệm bất đồng khiến chúng không bị hỗn tạp. Biểu đạt tâm ý hòa với khái niệm, làm rõ quan điểm của mình, khiến người khác hiểu được, chẳng mê hoặc lẫn nhau vậy. Cho nên biện luận thắng thì cũng chẳng đánh mất cái lập trường của mình, không thắng thì cũng thu được cái điều mà mình truy cầu. Như thế, việc biện luận mới có thể tiến hành vậy. Đến như việc dùng lời văn rườm rà để dẫn dắt làm bằng cứ, dùng xảo ngôn che đậy để mắng mĩa nhau, dùng câu từ hoa lệ đẹp để để đánh tráo khái niệm, dẫn dắt người khác khiến người khác không theo kịp được ý mình, như thế là hại đến cái gốc của đạo lý vậy. Nếu tranh cãi qua lại phiền nhiễu, ganh đua không dừng, chẳng thể không hại đến người quân tử, Diễn này không làm điều đó vậy.

Những người ngồi nghe đều khen hay. Công Tôn Long từ đấy bị biếm truất xa lánh.

CHU KỶ

[QUYỂN THỨ TƯ]



CHU NOẢN VƯƠNG

Năm thứ mười tám (Giáp Tý – TCN 297)

1. Sở Hoài vương trốn về nước. Người Tần phát giác ra, chặn đường quay về Sở. Hoài vương theo đường nhỏ trốn đến nước Triệu. Triệu chủ phụ đang ở đất Đại, người Triệu không dám lưu Hoài vương lại. Hoài vương muốn trốn sang nước Ngụy, người Tần đuổi kịp, bắt về nước Tần.

2. Lỗ Bình công hoảng, con là Mân công Giả kế lập.

Năm thứ mười chín (Ất Sửu – TCN 296)

1. Sở Hoài vương phát bệnh, chết ở nước Tần, người Tần đưa linh cữu về Sở. Người nước Sở đều đau xót, thương khóc như thân thích. Chư hầu vì thế không tin phục nước Tần.

2. Năm nước Tề, Hàn, Ngụy, Triệu, Tống cùng ra quân đánh nước Tần, đến Diêm Thị rồi về. Tần trả đất Vũ Toại cho nước Hàn, trả đất Phong Lăng về nước Ngụy để cầu hòa.⁽¹⁾

3. Triệu chủ phụ đi thị xét đất mới lấy được, bèn rời khỏi Đại quân; sang tây gặp vua nước Lâu Phiên ở Tây Hà, tiếp nhận binh của nước ấy.

¹ Năm thứ mười hai, Tần lấy các chỗ đất này của hai nước, nay trả lại.

4. Ngụy Tương vương hoảng, con là Chiêu vương kế lập.
5. Hàn Tương vương hoảng, con là Li vương Cữu kế lập.

Năm thứ hai mươi (Bính Dần – TCN 295)

1. Quốc úy nước Tần là Tư Mã Thác đánh Tương Thành của nước Ngụy.

2. Triệu chủ phụ cùng Tề, Yên chung diệt nước Trung Sơn, dời Vương của nước ấy đến Phu Thi. Quay về, luận công ban thưởng, đại xá tội nhân, bày tiệc rượu, hội uống năm ngày.

3. Triệu chủ phụ phong con trưởng của mình là Chương ở đất Đại, hiệu là An Dương quân.

An Dương quân vốn tính phóng túng, trong lòng không phục em của mình. Chủ phụ sai Điền Bất Lễ làm Tướng quốc cho An Dương quân. Lý Đoái bảo Phì Nghĩa rằng:

- Công tử Chương cường tráng mà chí kiêu căng, bề đẳng đông mà ham muốn lớn, Điền Bất Lễ tàn nhẫn háo sát, lại cuồng vọng, hai người ấy gặp được nhau, tất có âm mưu. Kẻ tiểu nhân có tham muốn, tất sẽ suy nghĩ hời hợt, tính toán nông cạn, chỉ thấy cái lợi, chẳng đoái nghĩ đến cái hại, vạ nạn tất không lâu nữa vậy. Ngài gánh việc nặng mà quyền thế lớn, động loạn xảy ra thì họa ập đến thân. Sao ngài chẳng xưng bệnh rồi trao việc triều chính cho Công tử Thành, tránh họa leo thân, chẳng cũng nên sao?

Phì Nghĩa nói:

- Trước đây, lúc Chủ phụ đem vua phó thác cho Nghĩa, nói: "Không thay tôn chỉ, không đổi tâm ý, một lòng vững chí, tận trung đến chết!" Nghĩa bái hai lạy thụ mệnh rồi chép vào thư tịch. Nay sợ Bất Lễ gia họa mà quên bỏ điều ta ghi chép, sự bội phản chẳng gì lớn bằng! Ngạn ngữ nói: "Kẻ chết sống lại, người sống chẳng thẹn." Ta muốn giữ lời nói, sao có thể cố bảo toàn

sinh mệnh của mình được! Ngài có lời như thế là trung với ta rồi. Tuy nhiên, ta đã có lời thề trước, nhất định chẳng dám bỏ qua!

Lý Đoái nói:

- Vâng, ngài hãy gắng lên! Ta còn gặp ngài chỉ ở năm nay nữa thôi.

Bèn khóc rồi lui ra.

Lý Đoái nhiều lần gặp Công tử Thành bàn việc phòng bị Điền Bất Lễ. Phì Nghĩa bảo kẻ hầu là Tín Kỳ rằng:

- Công tử Chương và Điền Bất Lễ nói lời thiện mà thực sự ác độc, trong lòng Chủ phụ mà ngoài làm việc tàn bạo, một khi chúng giả chế mệnh phát động chính biến, thì rất dễ thành vậy. Nay ta lo buồn việc đó, đêm quên ngủ, đói quên ăn, trộm giặc ngay bên mình, ra vào chẳng thể không phòng bị. Từ nay về sau, nếu ai muốn gặp Triệu vương tất phải gặp mặt ta đã, ta sẽ đem thân đi trước, ví như không có biến cố gì thì sau đó Vương mới gặp họ.

Tín Kỳ nói: "Hay!"

Chủ phụ sai Huệ Văn vương triệu gặp quần thần rồi tự ở bên cạnh lên coi xét, thấy con trưởng ngoảnh mặt về bắc xưng thần, chịu khuất với em của mình, trong lòng thương xót, vì thế muốn chia nước Triệu làm hai, phong Công tử Chương làm Vương ở đất Đại. Kế chưa quyết lại thôi.

Chủ phụ cùng Vương đi chơi Sa Khâu, chia nhau ở hai cung, Công tử Chương và Điền Bất Lễ đem môn đồ của mình tác loạn, trá dùng lệnh của Chủ phụ triệu kiến Vương. Phì Nghĩa vào trước, bị giết. Cao Tín lập tức cùng Vương chống đánh. Công tử Thành và Lý Đoái từ quốc đô đến, bèn khởi binh của bốn ấp đến chống nạn, giết Công tử Chương cùng Điền Bất Lễ, tiêu diệt hết bè đảng của chúng. Công tử Thành đảm nhận ngôi Tướng quốc, hiệu là An Bình quân; Lý Đoái làm Tư khấu. Bấy giờ Huệ Văn vương tuổi còn nhỏ, quyền chính trong tay Thành và Đoái.

Lúc Công tử Chương thua bại, chạy đến chỗ Chủ phụ; Chủ phụ mở cửa cho vào. Thành, Đoái liền bao vây cung của Chủ phụ. Công tử Chương chết, Thành, Đoái bàn mưu rằng:

- Vì việc của Chương, vây cung của Chủ phụ; nếu lập tức giải tán binh, lũ thuộc hạ bọn ta bị diệt hết thôi!

Bèn tiếp tục vây cung của Chủ phụ, lệnh rằng:

- Người ở trong cung ra muộn sẽ bị giết hết!

Người trong cung đều ra hết. Chủ phụ muốn ra không được, lại không có lương, tìm trứng chim sẻ mà ăn. Hơn ba tháng, chết đói ở cung Sa Khâu. Xác định đúng là Chủ phụ đã chết rồi, nước Triệu mới phát tang đến các chư hầu.

Ban đầu Chủ phụ lấy con trưởng là Chương làm Thái tử, sau khi lấy Ngô Oa⁽¹⁾, rất yêu mến, mấy năm không ra khỏi cung. Sinh được con là Hà, bèn phế con trưởng là Chương mà lập Hà. Sau khi Ngô Oa chết, sự yêu mến với Hà giảm; Chủ phụ lại thương xót Thái tử cũ, muốn lập hai Vương, còn do dự chưa quyết, cho nên loạn nổ ra.

4. Lâu Hoãn của nước Tần bị cách chức Thừa tướng, Ngụy Nhiễm thay chức Hoãn.

Năm thứ hai mươi một (Đinh Mão – TCN 294)

1. Quân Tần đánh bại quân Ngụy ở đất Giải.

Năm thứ hai mươi hai (Mậu Thìn – TCN 293)

1. Công Tôn Hi của nước Hàn và người Ngụy liên hợp đánh nước Tần. Nhường hầu tiến cử người giữ chức Tả canh là Bạch Khởi với Tần vương để thay cho Hường Thọ thống binh, kết quả đánh bại binh Ngụy, Hàn ở Y Khuyết, chém hai mươi bốn

¹ Người vùng Ngô, Sở gọi người con gái đẹp (mỹ nữ) là Oa (娃). Ngô Oa, tức là con của Ngô Quảng, tên là Mạnh Diêu (xem Chu kỷ 3, sự kiện năm thứ 310, đời vua Chu Noãn vương).

vạn đầu, bắt Công Tôn Hi, hạ được năm thành. Tần vương dùng Bạch Khởi làm Quốc úy.

2. Tần vương gửi thư cho Sở vương nói:

"Nước Sở bội phản nước Tần, Tần sẽ thống lĩnh chư hầu phạt Sở, mong Vương chính đốn sĩ tốt, để đánh một trận thật thống khoái!"

Sở vương lo sợ, bèn lại cùng nước Tần hòa thân.

Năm thứ hai mươi ba (Kỷ Ty – TCN 292)

1. Sở Tương vương nghênh đón vợ mới ở nước Tần.

Thần Quang nói: Cái vô đạo của nước Tần là quá lắm vậy, giết cha của người khác rồi bức con của họ; Sở vương chẳng cùng Tần tranh đấu về việc đó, lại nhẫn nhục với mối hận của vua cha mà thông hôn với kẻ thù! Than ôi! Quân vương nước Sở nếu thực giữ vững được cái đạo trị quốc, bày tôi nước Sở nếu thực được nhậm dụng đúng người, nước Tần đâu cường mạnh, há dễ lấn hiếp được nước Sở được sao? Tuân Khanh luận về việc này rất khéo rằng: "Cái đạo trị quốc, nếu khéo dùng thì chỉ trăm dặm đất cũng có thể độc lập được, chẳng khéo dùng thì đâu có sáu nghìn dặm đất như nước Sở cũng vẫn bị cừu nhân sai khiến." Cho nên bậc nhân chủ chẳng chuyên tâm thi hành đúng đạo mà chỉ chăm chăm mở rộng thế lực cho mình, đấy là cái nguyên nhân của việc nguy vong vậy.

2. Nguy Nhiễm của nước Tần vì mắc bệnh từ chức, Tần vương lấy Khách khanh là Chúc Thọ làm Thừa tướng.

Năm thứ hai mươi bốn (Canh Ngọ – TCN 291)

1. Nước Tần đánh nước Hàn, hạ đất Uyển.

2. Chúc Thọ của nước Tần bị cách chức. Nguy Nhiễm lại làm Thừa tướng, thụ phong ở đất Nhưỡng và đất Đào, được gọi là Nhưỡng hầu. Tần vương lại phong cho Công tử Phất ở đất Uyển, Công tử Khôi ở đất Đặng.

Năm thứ hai mươi lăm (Tân Mùi – TCN 290)

1. Nước Ngụy đem bốn trăm dặm đất Hà Đông, nước Hàn đem hai trăm dặm đất Vũ Toại dâng cho nước Tần.

2. Mang Máo của nước Ngụy dùng trá thuật bắt đầu được trọng dụng.

Năm thứ hai mươi sáu (Nhâm Thân – TCN 289)

1. Đại lương tạo của nước Tần là Bạch Khởi và Khách khanh Tư Mã Thác thảo phạt nước Ngụy, đến đất Chi, đoạt được sáu mươi một thành lớn nhỏ.

Năm thứ hai mươi bảy (Quý Dậu – TCN 288)

1. Mùa đông, tháng mười, Tần vương xưng là Tây đế, phái sứ tới khuyên Tề vương tự lập làm Đông đế, muốn ước hẹn chung sức đánh nước Triệu. Tô Đại từ nước Yên đến, Tề vương nói:

- Nước Tần phái sứ là Ngụy Nhiễm khuyên ta xưng đế, ngài cho là thế nào?

Tô Đại đáp rằng:

- Mong Vương nhận lời nhưng chớ xưng đế vậy. Tần xưng đế, nếu thiên hạ yên, Vương mới xưng đế, không muộn vậy. Tần xưng đế, nếu thiên hạ ghét, Vương nhân đó không xưng đế, để thu lấy lòng thiên hạ, đây là vốn liếng lớn vậy. Và lại đánh nước Triệu so với đánh Kiệt Tống⁽¹⁾ cái nào có lợi? Nay Vương chẳng gì bằng tạm bỏ Đế vị để thu lòng mong ngóng của thiên hạ, phát binh để thảo phạt Kiệt Tống, chinh phục được Tống thì các nước Sở, Triệu, Lương, Vệ đều sợ rồi. Thế là ta về danh nghĩa là tôn trọng nước Tần mà khiến thiên hạ ghét hận họ, đây gọi là nhún nhường để được tôn kính vậy.

¹ Xem việc này ở phần sau, sự kiện đánh nước Tống vào năm thứ hai mươi chín.

Tề vương theo kế ấy, xưng Đế hai ngày, rồi lại bỏ Đế hiệu. Tháng mười hai, Lã Lễ từ nước Tề đến nước Tần. Tần vương cũng bỏ Đế vị, lại xưng làm Vương.

2. Nước Tần đánh nước Triệu, hạ Đỗ Dương.

Năm thứ hai mươi tám (Giáp Tuất – TCN 287)

1. Nước Tần đánh Triệu, hạ được Tân Viên, Khúc Dương.

Năm thứ hai mươi chín (Ất Hợi – TCN 286)

1. Tư Mã Thác của nước Tần tiến đánh Hà Nội của nước Ngụy. Ngụy dâng thành An Ấp để cầu hòa, nước Tần đuổi dân thành An Ấp về nước Ngụy.

2. Quân Tần đánh bại binh nước Hàn ở Hạ Sơn.

3. Ở nước Tống có cái trứng chim sẻ nở ra hóa thành chim cắt. Sử quan bói quẻ về điềm ấy, nói:

- Điềm lành. Nhỏ mà sinh lớn, tất làm bá thiên hạ.

Tống Khang vương mừng, khởi binh diệt nước Đổng, phạt nước Tiết, sang đông đánh bại quân Tề, chiếm năm thành, lại xuôi nam đánh bại nước Sở, đoạt ba trăm dặm đất, sang tây đánh bại quân Ngụy, với Tề, Ngụy thành nước ngang hàng, vì thế càng tự tin vào bá nghiệp của mình. Lại muốn nghiệp bá sớm thành, nên lấy tên bầu trời, dùng roi quất đất, thiêu hủy đàn xã tắc, để tỏ ý rằng cái uy của mình khuất phục cả quỷ thần. Còn uống rượu thâu đêm trong cung, sai người trong cung hô "vạn tuế", người trên điện hô ứng, người dưới điện lại ứng theo, người ngoài cửa cũng hưởng ứng, cho đến khắp cả nước, chẳng ai dám không hô "vạn tuế". Người thiên hạ gọi ông ta là "Kiệt Tống".

Tề vương khởi binh đánh Kiệt Tống, dân tan, thành không giữ được, Tống vương trốn sang nước Ngụy, chết ở đất Ôn.

Năm thứ ba mươi (Bính Tý – TCN 285)

1. Tần vương hội với Sở vương ở đất Uyển, hội với Triệu vương ở Trung Dương.

2. Mông Vũ của nước Tần đánh nước Tề, hạ được chín thành.

3. Tề vương sau khi hạ được nước Tống sinh kiêu, bèn xuôi nam phạm nước Sở, sang tây lấn Tam Tấn, muốn nuốt hai nhà Chu, làm Thiên tử. Hồ Huyến lấy lời chính nghĩa can, bị chém trên đường đến Đan đài. Trần Cử khuyên can thẳng, bị giết ở cửa đông.

Yên Chiêu vương đêm ngày vỗ về bách tính của mình, nước Yên ngày càng giàu có, Yên vương bèn cùng Nhạc Nghị mưu phạt nước Tề. Nhạc Nghị nói:

- Tề, kế nghiệp thừa của cái nước xưng bá, đất rộng người đông, chưa dễ một mình đánh được vậy. Vương nhất quyết muốn đánh họ, chẳng gì bằng ước hẹn với nước Triệu và hai nước Sở, Ngụy.

Vì thế Yên vương sai Nhạc Nghị ước hẹn với nước Triệu, biệt phái sứ giả liên kết hai nước Sở, Ngụy, lại nhờ nước Triệu đem cái lợi của việc phạt Tề để dụ nước Tần. Chư hầu ghét cái kiêu ngạo của Tề vương, đều tranh nhau hợp mưu cùng nước Yên thảo phạt Tề.

Năm thứ ba mươi mốt (Đinh Sửu – TCN 284)

1. Yên vương khởi hết binh lực, lấy Nhạc Nghị làm Thượng tướng quân. Quốc úy nước Tần là Tư Li thống binh cùng binh của Tam Tấn hội hợp. Triệu vương đem ấn thụ Tướng quốc trao cho Nhạc Nghị, Nhạc Nghị thống nhất chỉ huy binh của các nước Tần, Ngụy, Hàn, Triệu thảo phạt nước Tề. Tề Mẫn vương đem hết binh lính trong nước ngăn chống, giao chiến ở phía tây sông Tế, binh Tề đại bại. Nhạc Nghị trở về chỗ binh Tần, Hàn,

chia binh Ngụy đi cướp đất Tống, bố trí binh Triệu đi thu lại đất Hà Gian. Tự mình thống suất binh lính nước Yên, từ phía bắc ruổi thẳng vào nước Tề. Kịch Tân nói:

- Nước Tề lớn mà nước Yên nhỏ, cậy nhờ sự trợ giúp của chư hầu để phá quân Tề, nên kịp thời đánh lấy các thành biên ải của họ để tự mở rộng lãnh thổ, đấy là cái lợi lâu dài vậy. Nay đi qua mà không đánh, lấy việc vào sâu lập danh, không tổn hại với nước Tề, không ích gì với nước Yên mà kết thành oán sâu, sau tất hối hận.

Nhạc Nghị nói:

- Tề vương khoa trương khoe công, chẳng bàn mưu với thuộc hạ, phế truất người hiền, tín nhiệm kẻ nịnh, chính lệnh tham bạo, trăm họ oán giận. Nay quân Tề đã tan vỡ hẳn, nếu ta nhân cơ hội truy kích, dân của họ tất phản, họa loạn phát từ bên trong, thì nước Tề có thể đồ được vậy. Nếu chẳng nắm lấy cơ hội, đợi bên kia hối cái sai lúc trước, sửa lỗi xót thương thuộc hạ mà vỗ về dân của họ, thì bọn ta khó mà lo tính vậy.

Bèn tiến quân vào sâu đất Tề. Người Tề quả nhiên đại loạn, mất phép thường, Tề vương trốn chạy. Nhạc Nghị tiến vào Lâm Truy, lấy bảo vật và đồ tế tự, chuyển về nước Yên. Yên vương thân đến bờ sông Tế ủy lạo quân, ban thưởng thết đãi tướng sĩ; phong Nhạc Nghị làm Xương Quốc quân, rồi sai ở lại đánh các thành còn chưa hạ được của nước Tề.

Tề vương trốn chạy đến nước Vệ, Quốc quân nước Vệ lánh ra ngoài nhường cung điện cho ở, xưng thần rồi cung phụng đầy đủ. Tề vương không khiêm tốn, quý tộc nước Vệ vì thế xúc phạm Tề vương. Tề vương trốn đến nước Trâu, nước Lỗ, có sắc kiêu căng; hai nước Trâu, Lỗ không cho vào, Tề vương bèn chạy đến đất Cử. Nước Sở sai Náo Xi thống suất binh cứu viện Tề vương, được Tề vương cho làm Tướng quốc nước Tề. Náo Xi muốn cùng nước Yên chia đất Tề, bèn bắt giữ Tề vương rồi trách tội rằng:

- Vùng Thiên Thừa, Bác Xương đất vuông vài trăm dặm, mưa máu đầm áo, Vương biết hay chăng?

Tề vương đáp:

- Biết chứ.

Náo Xi hỏi:

- Vùng Doanh, Bác đất nứt sứt vọt nước nguồn, Vương biết hay chăng?

Tề vương đáp:

- Biết chứ.

Náo Xi lại hỏi:

- Có người đến cung khuyết nghe có tiếng khóc, tìm không thấy ai, đi lại nghe thanh âm vắng vắng, Vương có biết chăng?

Tề vương nói:

- Biết chứ.

Náo Xi nói:

- Mưa máu ướt đầm áo, là trời cảnh báo vậy; đất nứt sứt vọt nước nguồn, là đất cảnh báo vậy; người đến cung khuyết thấy tiếng khóc, là người cảnh báo vậy. Trời, đất, người đều cảnh báo, mà Vương chẳng biết răn sợ, muốn không chết há được sao?

Bèn thí Vương ở Cổ Lý.

Tuân tử luận về việc này rằng: Quốc quân, là người tập trung quyền thế và lợi ích của thiên hạ vậy. Người có đạo hạnh trị nước, thì dẫn quốc gia đến đại an đại vinh, điều tốt đẹp tích chứa thành suối nguồn. Kẻ bất đạo trị nước, thì dẫn quốc gia đến đại nguy đại lụy, ngôi vị quân vương có mà như không; tới lúc hình thế xấu cực độ, quân vương muốn làm kẻ thất phu, cũng chẳng được nữa rồi. Tề vương, Tống vương⁽¹⁾ đích thực là người như thế. Cho nên bậc quân

¹ Tề Mẫn vương, Tống Khang vương.

chủ trị quốc dụng nghĩa thì thành Vương, dụng tín thì thành Bá, cơ trá quyền thuật tất phải diệt vong.

Dẫn dắt quốc gia đề xướng lễ nghĩa thì không ai gia hại được. Làm một điều bất nghĩa, giết một người vô tội mà có được thiên hạ, người có lòng nhân không làm vậy. Quân chủ vững lòng giữ nước, được như thế thực bền chắc vậy. Dùng lễ nghĩa đối đãi với người, thì sản sinh nghĩa sĩ vậy. Lấy lễ nghĩa để bày hình pháp cho quốc gia, thì làm ra nghĩa pháp vậy. Bậc nhân chủ cực lực tin tưởng, lấy mình làm gương thống suất quần thần, thì đề cao nghĩa chí vậy. Như thế thì kẻ dưới dựa nghĩa mà trông cậy vào người trên rồi, đấy là yên định được nền móng vậy. Nền móng yên định thì quốc gia yên định, quốc gia yên định thì thiên hạ yên định. Vì thế nói: "Dùng quyền lực quốc gia để thúc đẩy lễ nghĩa, một sớm mà sáng rõ, vua Thang, vua Vũ là người như thế. Đấy gọi là dụng nghĩa mà thành Vương vậy.

Đức tốt dấu chưa toàn mỹ, nghĩa đẹp dù chưa hoàn thiện, nhưng đường lối thi hành đã tạm tề chỉnh rồi, thưởng phạt đã gây được niềm tin trong thiên hạ rồi, là thần dân hiểu rõ và biết được những điều trọng yếu vậy. Chính lệnh đã bày, dấu lợi hay hại cũng không lừa dối dân chúng của mình; mình ước đã định, dấu hơn dấu thiệt cũng không lừa dối lân bang của mình. Như thế thì binh mạnh thành vững, nước địch kính sợ; cả nước thấu suốt chính lệnh ấy, lân bang tín nhiệm mình ước ấy, thì dấu chỉ là nước ở nơi xa hẻo lánh, uy danh cũng chấn động thiên hạ, Ngũ bá là người như thế. Đấy gọi là dụng tín thì thành Bá vậy.

Dẫn dắt quốc gia đuổi theo công lợi, chẳng chuyên tâm gương cao chính nghĩa, không tuân theo tín ước, chỉ truy cầu mỗi lợi; trong thì chẳng nề dối gạt dân chúng của mình để cầu mỗi lợi nhỏ, ngoài thì chẳng ngại trá lừa lân bang của mình để tìm cái lợi lớn. Trong không sửa chính sự để giữ lấy những cái mà mình có, lại thường ham muốn thứ mà người khác nắm giữ, thế thì thần dân trăm họ chẳng ai không dùng cái tâm trí trá để đối đãi với người trên rồi. Người trên dối kẻ dưới, kẻ dưới gạt người trên, khiến trên dưới tan lìa. Như thế thì

nước địch khinh thường, lân bang đông minh nghi ngờ, cơ trá quyền thuật bừa bãi thì quốc gia chẳng tránh khỏi suy nhược, hình thế xấu cực độ thì tới lúc diệt vong, Mẫn vương, Tiết công⁽¹⁾ của nước Tề là người như thế vậy. Cai quản nước Tề hùng mạnh, không chịu sửa sang lễ nghĩa, chẳng lấy chính giáo làm gốc, không khiến thiên hạ một lòng, năm năm tháng tháng gấp gáp ruổi rong chinh chiến bên ngoài. Cho nên khi cường mạnh, xuôi nam đủ để phá Sở, sang tây đủ để khuất Tần, lên bắc đủ để diệt Yên, về trung nguyên đủ để lấy Tống; cho đến lúc Yên, Triệu khởi sự đánh Tề, như bẻ gãy cành khô, thì thân chết nước vong, bị thiên hạ đánh giết, đời sau nói đến cái bạo ác tất phải đem họ ra so ví. Điều ấy không có duyên cớ gì khác, chỉ vì họ không theo lễ nghĩa mà dùng quyền mưu cơ trá vậy.

Ba điều ấy, là điều mà bậc quân chủ sáng suốt phải cần trọng lựa chọn vậy, là điều mà bậc nhân giả phải biện xét rõ ràng vậy. Khéo lựa thì không chế được người ta, không khéo lựa chọn thì bị người ta không chế.

2. Nhạc Nghị nghe nói người ở ấp Trú là Vương Trục hiền, lệnh cho quân lính trong vòng ba mươi dặm quanh ấp Trú không được vào. Sai người mời gặp Trục, Trục cảm tạ từ chối không đến. Người nước Yên dọa:

- Không đến, bọn ta sẽ làm cỏ người ở ấp Trú!

Trục nói:

- Trung thần không thờ hai vua, liệt nữ chẳng trái hai chồng. Nước phá vua trốn, ta chẳng thể cứu, mà nay lại muốn dùng binh lính để bức ép ta; ta không thể bất nghĩa mà sống, chẳng thà chịu chết là xong!

Bèn trói cổ mình vào cành cây, tung người nhảy xuống, đứt cổ chết. Binh nước Yên thừa thắng ruổi dài, các thành nước Tề đều trông gió vỡ lở. Nhạc Nghị tu chỉnh quân Yên, cấm chỉ xâm phạm cướp bóc, cho tìm nhân sĩ ẩn dật của nước Tề, dùng lễ về

¹ Tề Mẫn vương và Mạnh Thường quân.

vang dãi ngộ, nói lỏng thuế khóa cho dân, trừ bỏ pháp lệnh bạo ngược, dân Tề vui mừng. Nhạc Nghị liền phái tả quân qua sông đến Giao Đông, Đông Lai; tiền quân men Thái Sơn về đông đến biển, đánh Lang Nha; hữu quân theo Hoàng Hà, Tế Thủy xuôi xuống, đóng trú ở Đông A, Quyên Thành để liên kết với binh Ngụy; hậu quân men đất Bắc Hải để vỗ về phủ dụ Thiên Thừa; trung quân chiếm cứ Lâm Truy trấn giữ quốc đô nước Tề. Tế tự Hoàn công, Quản Trọng ở ngoài đô thành, biểu chương người hiền ở xóm làng, đắp mộ phần của Vương Trục. Người Tề nhận thực ấp và phong hiệu "quân" của nước Yên có hơn hai mươi người, tiếp nhận tước vị tính ra tới hơn trăm người. Trong vòng sáu tháng, hạ được hơn bảy mươi thành của nước Tề, đều lập thành quận huyện.

3. Vương của ba nước Tần, Hàn, Ngụy hội ở kinh sư.⁽¹⁾

Năm thứ ba mươi hai (Mậu Dần – TCN 283)

1. Hai nước Tần, Triệu hội ở đất Nhưỡng. Nước Tần đánh hạ An Thành của nước Ngụy, binh đến Đại Lương rồi quay về.

2. Lúc Náo Xi làm loạn nước Tề, con của Mẫn vương là Pháp Chương thay tên đổi họ vào làm thuê trong nhà Thái sử Kiểu ở thành Cử. Con gái của Thái sử Kiểu kinh lạ về tướng mạo của Pháp Chương, cho là người phi thường, thấy thương nên thường lấy riêng cơm áo giúp đỡ, sau cùng Pháp Chương tư thông. Vương Tôn Giả đi theo Mẫn vương, vua bị thất lạc không biết ở đâu, mẹ của Vương Tôn Giả nói:

- Mày buổi sớm ra đi mà chiều muộn mới về thì ta tựa cửa mà mong; mày chiều tối ra đi mà không quay trở lại thì ta dựa cửa trông ngóng. Nay mày thờ vua, vua trốn đi, mày chẳng biết ở đâu, còn quay về làm gì?

¹ Tức là kinh thành của vua nhà Chu vậy.

Vương Tôn Giả bèn đến giữa chợ hô lớn rằng:

- Náo Xi làm loạn nước Tề, giết Mẫn vương. Ai muốn giúp ta giết nó, thì trầy vai áo phải!⁽¹⁾

Người ở chợ đi theo đến bốn trăm người, cùng đánh Náo Xi, giết hẳn. Thế rồi các đại thần cũ của nước Tề cùng đi tìm con của Mẫn vương, muốn lập làm Vương. Pháp Chương sợ bọn họ giết mình, rất lâu mới dám tự nói thân phận, mọi người bèn lập Pháp Chương làm Tề vương, giữ thành Cử để chống quân Yên, bố cáo với người trong nước rằng:

- Vương đã được lập ở thành Cử rồi!

3. Triệu vương có được viên ngọc bích họ Hòa⁽²⁾ của nước Sở, Tần Chiêu vương muốn lấy ngọc ấy, xin dùng năm tòa thành để đổi. Triệu vương định không cho, thì lo nước Tần cường mạnh, muốn đem đổi, lại sợ bị lừa đổi. Dem việc ấy hỏi Lạn Tương Như, Tương Như đáp rằng:

- Nước Tần đem thành trì đòi đổi lấy ngọc bích mà Vương không đồng ý, thì điều trái ở ta rồi. Ta giao ngọc bích mà Tần không giao thành cho ta, thì điều trái ở Tần rồi. Cân nhắc hai kế, thà đồng ý để Tần chịu phần trái. Thần nguyện vâng mệnh đem ngọc bích đi; nếu thành của Tần không giao, thần xin đem ngọc bích quay về Triệu!

Triệu vương sai đi. Tương Như đến Tần, Tần vương không có ý giao thành cho nước Triệu. Tương Như bèn trá lừa Tần

¹ Trầy vai áo phải, tức là trể áo để hở cánh tay bên phải, tỏ ý sẵn sàng gánh vác việc lớn.

² Người nước Sở là Biện Hòa (卞和) tìm được viên ngọc trong núi, dâng lên Sở Lệ vương, Lệ vương sai thợ ngọc xem, thợ ngọc nói rằng đây là viên đá, vua cho là Biện Hòa lừa dối liền trị tội sai chặt chân trái. Lúc Sở Vũ vương được lập, Biện Hòa lại dâng ngọc, thợ ngọc lại nói là viên đá, Vũ vương lại sai chặt chân phải của Biện Hòa. Lúc Sở Văn vương được lập, Biện Hòa ôm viên đá khóc dưới chân núi Kinh đến chảy máu mắt, Văn vương nghe tin, sai thợ ngọc đeo ra xem, lấy được ngọc báu, mới đặt tên gọi là Ngọc bích họ Hòa, từ đó viên ngọc này được xem là quốc bảo của nước Sở. Về sau, không biết vì sao nước Triệu có được viên ngọc ấy.

vương, lấy lại ngọc bích,⁽¹⁾ phái người tùy tùng giấu vào lòng, theo đường tắt quay về Triệu, rồi đem thân để đời mệnh của vua Tần. Tần vương cho là hiền mà không giết, dùng lễ đãi ngộ rồi đưa về. Triệu vương lấy Tương Như làm Thượng đại phu.

4. Tụ quân của nước Vệ hoảng, con là Hoài quân kế lập. Tụ quân lúc còn tại vị thích xét ý kín của người khác, có lần viên Huyện lệnh mở cái đệm giường, bên dưới có cái chiếu rách, Tụ quân nghe biết, bèn ban cho ông ta cái chiếu mới. Huyện lệnh cả kinh, cho là Quốc quân liệu sự như thần. Lại có lần Tụ quân sai người đến chợ, qua cửa quan, dùng vàng hối lộ quan coi chợ, không lâu sau triệu gọi viên quan nọ, nói rằng: "Có người khách đi qua chợ, đưa vàng hối lộ người thì người mới cho hắn đi qua." Quan coi chợ cả sợ. Tụ quân lại sủng ái người thiếp họ Tiết, xem trọng bấy tôi Như Nhĩ, nhưng lại sợ vì yêu mến xem trọng hai người ấy thì họ che mắt mình, bèn quý trọng một thần tử khác là Bạc Nghi để làm đối trọng với Như Nhĩ, tôn sùng Ngụy phi để sánh đôi với Tiết cơ, nói: "Đây là cách khiến họ cân bằng với nhau vậy."

Tuân tử luận việc này rằng: Thành hầu, Tụ quân đều là Quốc quân tự chứa quyền mưu nhỏ mọn, chưa biết cách thu lấy lòng dân vậy. Tử Sản, thu được lòng dân, nhưng chưa sáng suốt quản chính sự vậy. Quản Trọng, sáng suốt quản chính sự, nhưng chưa biết cách đề xướng lễ nghĩa vậy. Cho nên người biết đề xướng lễ nghĩa thì làm Vương, người sáng suốt quản chính sự thì khiến quốc gia giàu mạnh, người thu được lòng dân thì khiến quốc gia được yên ổn, tự chứa quyền mưu nhỏ mọn thì quốc gia sẽ diệt vong.

¹ Lạn Tương Như đi sứ, đem ngọc đến dâng lên vua Tần ở Chương Đài, vua Tần nhận ngọc, quả nhiên không có ý giao thành. Tương Như lừa nói rằng: "Ngọc này có vết, xin được chỉ cho vua xem". Rồi cầm lại được viên ngọc, trách vua Tần bội ước, dọa đập vỡ ngọc, vua Tần sợ không dám bức, sai đưa địa đồ đến, chỉ địa giới 15 thành cắt cho Triệu, Tương Như biết vua Tần đổi trả, hẹn vua Tần trai giới năm ngày rồi sẽ giao ngọc, nhưng ngầm sai người giấu ngọc đưa về Triệu.

Năm thứ ba mươi ba (Kỷ Mão – TCN 282)

1. Nước Tần đánh nước Triệu, hạ hai thành.

Năm thứ ba mươi tư (Canh Thìn – TCN 281)

1. Nước Tần đánh nước Triệu, hạ Thạch Thành.
2. Nhường hầu của nước Tần lại làm Thừa tướng.
3. Nước Sở muốn chung sức với hai nước Tề, Hàn cùng đánh Tần, nhân đó mưu diệt nhà Chu. Chu vương phái Vũ công của Đông Chu đến bảo với Lệnh doãn nước Sở là Chiêu tử rằng:

- Nhà Chu chẳng thể diệt được vậy.

Chiêu tử nói:

- Nói cái mưu diệt nhà Chu thì không có; tuy nhiên, sao lại chẳng thể diệt được?

Vũ công nói:

- Đất đai Tây Chu, cắt chỗ dài bù chỗ ngắn, bất quá chỉ trăm dặm, chia xé đất của nhà Chu chẳng đủ để làm giàu cho quốc gia, lấy được dân chúng của nhà Chu chẳng đủ để khiến binh mạnh. Nhưng nhà Chu có cái tiếng là chủ chung của cả thiên hạ, thành ra, đánh nhà Chu thì mang cái danh là "thí quân". Tuy thế vẫn có người muốn đánh chiếm, là vì thấy đồ tế khí còn ở đấy vậy. Thịt hổ tanh hôi mà nanh vuốt hổ sắc nhọn, vẫn còn có người muốn bắt nó; giả như con nai trong rừng khoác lên mình tấm da hổ, người đi bắt nó tất đông gấp vạn lần so với người đi bắt hổ rồi. Chia xé đất đai nước Sở, đủ để khiến quốc gia giàu có, truất cái danh tiềm vương hiệu của nước Sở, đủ để tôn sùng vương thất. Nay nước Sở của ngài muốn tàn diệt cái vương triều là chủ chung của cả thiên hạ, chiếm cái khí vật truyền lại qua ba triều, đem về phương nam, thì việc binh đao chắc chắn sẽ đến thôi!

Vì thế nước Sở bỏ kế ấy không thi hành.

Năm thứ ba mươi lăm (Tân Ty – TCN 280)

1. Bạch Khởi của nước Tần đánh bại quân Triệu, chém hai vạn đầu, đoạt thành Quang Lang ở đất Đại. Nước Tần lại sai Tư Mã Thác điều phát binh ở Lũng Tây, từ đất Thục tiến đánh Kiềm Trung của nước Sở, hạ được. Nước Sở dâng đất phía bắc sông Hán và đất Thượng Dung cho nước Tần.

Năm thứ ba mươi sáu (Nhâm Ngọ – TCN 279)

1. Bạch Khởi nước Tần đánh nước Sở, lấy đất Yển, Đặng và Tây Lăng.

2. Tần vương sai sứ giả báo với Triệu vương, muốn hội hợp ở Mẫn Trì. Triệu vương không muốn tới phó hội, Liêm Pha và Lạn Tương Như tính rằng:

- Vương không đi, thì tỏ ra là nước Triệu yếu và hèn nhát.

Triệu vương bèn lên đường, Tương Như đi theo. Liêm Pha đưa đến biên cảnh, cùng Vương chia biệt, nói:

- Vương đi, tính đường đi và hội hợp xong, cho đến lúc quay về chẳng quá ba mươi ngày; ba mươi ngày không về, thì xin lập Thái tử để dứt tuyệt hy vọng của nước Tần.

Triệu vương đồng ý.

Lúc họp ở Mẫn Trì, Tần vương cùng Triệu vương uống rượu, trong lúc say sưa, Tần vương mời Triệu vương đánh đàn sắt, Triệu vương liền gảy đàn. Lạn Tương Như lại xin Tần vương đánh cái phễu, Tần vương không chịu. Tương Như nói:

- Trong vòng năm bước, thần xin được lấy máu ở cổ vấy bẩn người đại vương!⁽¹⁾

¹ Hai vua hội họp, vua Tần sai vua Triệu gảy đàn là hạ nhục vua Triệu, Tương Như liền đòi vua Tần gõ vào phễu (vò) sành để hạ nhục vua Tần, vua Tần không nghe, Tương Như dọa sẽ vấy máu cổ lên người vua Tần, là ý sẽ giết vua Tần vậy.

Tả hữu muốn đâm Tương Như, Tương Như trợn mắt mắng chúng, tả hữu đều chạy dạt. Tần vương không vui, đánh vào cái phễu một cái. Bãi tiệc, nước Tần rút cục chẳng tranh hơn được với nước Triệu; người nước Triệu cũng đặt nhiều binh để phòng bị, nước Tần chẳng dám vọng động. Triệu vương về nước, dùng Lạn Tương Như làm Thượng khanh, địa vị ở trên Liêm Pha.

Liêm Pha nói:

- Ta là tướng Triệu, có công lớn phá thành đánh trận. Lạn Tương Như vốn là kẻ thấp hèn, chỉ nhờ miệng lưỡi mà địa vị ở trên ta, ta then, không nhịn nổi việc làm người dưới của hắn!

Lại rêu rao rằng:

- Ta gặp Tương Như, nhất định làm nhục ông ta.

Tương Như nghe chuyện, liền không chịu cùng Liêm Pha hội họp; mỗi khi triều hội, thường xưng bệnh, không muốn tranh ngôi thứ với Liêm Pha. Có lần Tương Như ra ngoài thì trông xa thấy Liêm Pha, liền quay xe trốn tránh. Xá nhân của Tương Như đều thấy xấu hổ. Tương Như nói:

- Các người xem Liêm Pha tướng quân có so được với Tần vương chăng?

Chúng nói:

- Không so được.

Tương Như nói:

- Đến oai như Tần vương mà Tương Như này còn dám quát mắng ông ta giữa triều đình, nhục mạ quần thần bên ấy; Tương Như dẫu hèn nhát, há sợ Liêm tướng quân sao? Nhưng ta nghĩ, nước Tần mạnh sở dĩ không đem binh đánh nước Triệu, chỉ vì hai ta vẫn còn đây. Nay hai hổ đấu nhau, tất chẳng thể cùng sống được. Ta sở dĩ làm thế, là vì nghĩ đến việc gấp của quốc gia trước mà nghĩ đến tư thù sau vậy!

Liêm Pha nghe chuyện, cời trần vác roi đến cửa nhà Tương Như tạ tội, hai người vì thế kết tình sinh tử.

3. Khi trước, người nước Yên tấn công An Bình, viên Duyệt ở chợ Lâm Truy là Điền Đan ở tại An Bình, sai người trong tông tộc lấy sắt bịt các đầu trục xe. Lúc thành vỡ, mọi người tranh nhau ra cửa thành, đầu trục xe đều gãy hỏng, bị quân Yên cầm bắt; duy có người trong họ tộc của Điền Đan nhờ đầu trục xe bịt sắt nên thoát được, bèn trốn đến đất Tức Mặc. Bấy giờ đất Tề đều thuộc Yên, duy có thành Cử và thành Tức Mặc là chưa hạ được, Nhạc Nghị bèn gộp hữu quân và tiền quân vây thành Cử, tả quân và hậu quân vây Tức Mặc. Đại phu của Tức Mặc ra đánh trận bị chết. Người thành Tức Mặc nói:

- Lúc đánh nhau ở An Bình, người trong họ tộc của Điền Đan nhờ có trục xe bằng sắt được toàn vẹn, ông ấy là người lắm trí thao việc binh.

Liên đó cùng lập Điền Đan làm tướng để chống quân Yên. Nhạc Nghị vây hai thành, một năm không hạ được, bèn ra lệnh giải vây, đều lui ra bên ngoài thành chín dặm đắp lũy, lệnh rằng:

- Dân trong thành ra ngoài chỗ bắt, kẻ bần khốn thì cấp giúp cho họ, sai đều ở yên nghiệp cũ, để vỗ về dân mới.⁽¹⁾

Qua ba năm vẫn chưa hạ được thành. Có người sàm tấu với Yên Chiêu vương rằng:

- Nhạc Nghị mưu trí hơn người, đánh Tề, trong khoảnh khắc hạ được hơn bảy mươi thành, nay chưa hạ được chỉ còn hai thành thôi, đấy không phải là sức ông ấy chẳng thể hạ nổi, sở dĩ ba năm không đánh, là muốn cậy vào binh uy để thu phục người Tề, ngoảnh mặt về nam xưng vương thôi. Nay người Tề đã phục, sở dĩ chưa phát động, là vì vợ con ông ấy đều ở nước Yên vậy. Vả lại nước Tề lắm mỹ nữ, ông ấy nhất định sẽ quên bỏ vợ con. Mong Vương tính xét việc ấy!

Chiêu vương vì thế bày tiệc rượu lớn, lôi người nói lời ấy ra mắng rằng:

¹ Sợ dân Tề mới theo về nghĩa nhớ nước cũ làm phản nên phải vỗ về.

- Tiên vương đem cả nước dùng lễ đãi hiền tài, không phải là tham đất để lưu lại cho con cháu vậy. Gặp lúc người nhận truyền nước đức bạc, chẳng kham nổi mệnh nên người trong nước bất thuận. Nước Tề vô đạo, thừa lúc nước của Cô động loạn làm hại tiên vương.⁽¹⁾ Quả nhân kể thống ngôi vị, nổi đau xót khắc vào xương tủy, cho nên bên trong rộng rãi đón mời quần thần, bên ngoài chiêu vời tân khách, để mong báo thù; ai khiến ta có được thành công ấy, ta mong được cùng người đó chia hưởng đại quyền nước Yên. Nay Nhạc quân thân vì quả nhân phá Tề, dẹp bằng tông miếu nước ấy, rửa sạch mối thù lúc trước. Nước Tề vốn nên thuộc về Nhạc quân, chứ không phải nước Yên. Nhạc quân nếu có thể nắm nước Tề, cùng nước Yên thành nước ngang hàng, kết làm lân bang hữu hảo, để chống nạn chư hầu xâm phạm, thì đấy là phúc khí của nước Yên vậy. Sao người dám nói lời như thế?

Bèn chém hắc. Lại ban cho vợ của Nhạc Nghị dùng phục sức Vương hậu, ban cho con của Nhạc Nghị dùng y phục Công tử; xe giá bốn ngựa kéo, xe đi theo trăm cỗ, phái Tướng quốc đưa đến chỗ Nhạc Nghị, lập Nhạc Nghị làm Tề vương. Nhạc Nghị hoảng sợ không dám nhận, bái lạy thư, lấy cái chết để tự thề. Từ đấy người Tề phục nghĩa, chư hầu tin sợ, chẳng ai dám nói đến cái mưu ấy nữa.

Không lâu sau, Chiêu vương hoảng, Huệ vương kế lập. Huệ vương từ lúc còn là Thái tử, thường không thích Nhạc Nghị, Điền Đan nước Tề nghe tin, bèn tung người sang nước Yên thi hành kế phản gián, rêu rao rằng:

- Tề vương đã chết, chỉ có hai thành không hạ được nữa thôi. Nhạc Nghị và tân vương của nước Yên có hiềm khích, sợ bị giết không dám quay về, lấy việc phạt Tề để lập danh, thực

¹ Việc Yên vương Khoái nhường nước cho Tử Chi dẫn đến vong quốc chết thân, xem Chu kỷ, quyển 3, sự kiện xảy ra ở năm thứ năm đời Chu Thận Tĩnh vương.

sự muốn kết binh ngoảnh mặt về nam xưng làm Tề vương. Người Tề chưa theo phục, cho nên tạm hoãn việc đánh Túc Mặc để đợi thời cử sự. Điều mà người Tề lo sợ, là chỉ e một viên tướng khác đến, thì Túc Mặc bị tàn diệt mất.

Yên vương vốn đã ngờ Nhạc Nghị, trúng kế phản gián của nước Tề, bèn sai Kỵ Kiếp thay làm tướng mà triệu gọi Nhạc Nghị. Nhạc Nghị biết Yên vương không thích mình nên cho người thay thế, bèn trốn sang nước Triệu. Tướng sĩ nước Yên vì thế phần oán bất hòa.

Điền Đan lệnh cho người trong thành, khi ăn thì phải cúng tổ tiên ở ngoài sân, chim chóc đều bay liệng rồi hạ xuống thành. Người nước Yên rất kinh lạ, Điền Đan phao tin rằng:

- Sẽ có thần sư từ trên trời xuống dạy bảo ta.

Có tên binh sĩ nói:

- Thuộc hạ có thể làm thần sư chẳng?

Nói xong liền chạy. Điền Đan đứng dậy kéo tên lính lại, đặt ngai hướng về đông, tôn làm thần sư. Tên lính nói:

- Thuộc hạ lừa dối ngài thôi.

Điền Đan nói:

- Ngài chớ nói thế!

Bèn thờ tên lính làm thầy. Mỗi khi ban hiệu lệnh, nhất nhất xưng là phụng mệnh "thần sư". Rồi phao lên rằng:

- Ta chỉ sợ quân Yên xẻo mũi lính Tề mà họ bắt được, đặt họ đi phía trước hàng trận, thì Túc Mặc sẽ thua mất!

Người nước Yên nghe tin, làm như lời ấy. Người trong thành thấy kẻ hàng hết thấy bị cắt mũi, đều giận, thù vừng, chỉ sợ bị quân Yên bắt. Đan lại dùng kế phản gián, phao tin rằng:

- Ta lo người nước Yên đào bới mồ mà tổ tiên ta ở ngoài thành, đấy là điều khiến ta ghê sợ vậy!

Quân Yên liền đào bới hết mồ mả của người Tề lên, thiêu xác chết. Người Tề trên thành trông ra thấy thế, đều khóc lóc, muốn cùng ra đánh, nộ khí gấp mười lần lúc trước. Điền Đan biết sĩ tốt đã dùng được rồi, bèn tự thân mang ván, thuổng, cùng sĩ tốt chia nhau đắp thành, biên tên thê thiếp vào hàng ngũ; phân phát hết đồ ăn thức uống thết đãi quân sĩ. Lệnh sai binh giáp nắp kín, những người già yếu và đàn bà con gái đều lên thành, phái sứ giả ước hẹn quy hàng quân Yên; quân Yên đều hô "vạn tuế". Điền Đan lại thu vàng trong dân được nghìn dật, lệnh sai các phú hào của Túc Mặc đưa cho tướng nước Yên, nói:

- Bọn ta sắp hàng, xin đừng bắt cướp gia tộc bọn ta!

Tướng Yên cả mừng, đồng ý. Quân Yên càng thêm trể nài.

Điền Đan bèn thu nhặt trong thành, được hơn nghìn trâu, lấy lụa đỏ mặc cho chúng, vẽ văn rồng ngũ sắc, buộc mũi lao sắc nhọn ở đầu sừng, quấn cỏ lau vào đuôi, rưới mỡ vào đấy, rồi đốt cỏ lau, lại sai đục mấy chục lỗ tường thành, ban đêm thả trâu ra, năm nghìn tráng sĩ đi theo ngay phía sau. Đuôi trâu nóng, trâu nổi giận xông thẳng vào quân Yên. Quân Yên cả kinh, nhìn thấy trâu đều văn rồng, húc vào ai thì người ấy đều tử thương. Rồi người trong thành khua trống reo hò theo ra, người già yếu đều đánh đồ đồng trợ uy, thanh âm vang dội trời đất. Quân Yên kinh hoảng, thua chạy. Người Tề giết Kỵ Kiếp, đuổi theo quân thua chạy, các chỗ thành ấp đi qua đều phản lại nước Yên, lại theo về nước Tề. Binh của Điền Đan ngày càng nhiều, thừa thắng mà đánh, quân Yên ngày càng bại vong, chạy đến bờ sông Hoàng Hà, hơn bảy mươi thành của nước Tề đều trở về với nước Tề. Điền Đan bèn đi đón Tề vương ở thành Cử, đưa về Lâm Truy, Tề vương phong Điền Đan làm An Bình quân.

Tề vương lập con gái của Thái sử Kiêu là Vương hậu, sinh ra Thái tử Kiến. Thái sử Kiêu nói:

- Nữ nhân không qua môi giới, mà tự lấy chồng, không phải là dòng giống nhà ta, làm ô uế gia thế nhà ta!

Liên suốt đời không gặp Vương hậu, Vương hậu cũng không vì việc cha không gặp mà thất lễ làm con.

Triệu vương phong Nhạc Nghị ở Quan Tân, tôn kính sùng ái Nhạc Nghị, dùng Nghị cảnh giới hai nước Yên, Tề. Yên Huệ vương bèn sai người trách Nhạc Nghị, lại viết thư tạ lỗi rằng:

"Tướng quân quá tin nghe lời đồn, cho là quả nhân hiềm khích với tướng quân, bèn bỏ nước Yên theo nước Triệu. Tướng quân tự lo tính cho mình thì cũng được thôi, nhưng lấy gì để báo đáp cái tình tri ngộ của tiên vương với tướng quân đây?"

Nhạc Nghị đáp thư rằng:

"Khi xưa Ngũ Tử Tư nói được Hạp Lư nghe, nên dấu chân vua Ngô đi xa tận đất Dĩnh. Phù Sai thì không như thế, cho xác Tử Tư vào túi da ngựa thả trôi sông Giang. Ngô vương không hiểu rằng theo lời bàn của Tử Tư trước đấy có thể lập được công, cho nên đem xác Tử Tư mà không hối. Tử Tư không sớm thấy khí độ của hai vị Vương không giống nhau, vì thế đến nỗi thi thể trôi sông mà không được siêu thoát.⁽¹⁾ Ôi, thoát thân lập công để sáng tỏ cái dấu tích của tiên vương, là kế sách cao nhất của thần. Bị dèm pha hủy báng chịu nhục nhã, làm rơi rụng cái thanh danh của tiên vương, đấy là điều mà thần rất lo sợ vậy. Đã mắc cái tội khó lường, lại cầu may tìm lợi, đấy là điều mà người trọng nghĩa chẳng dám làm. Thần nghe nói, quân tử thời xưa, dấu tuyệt giao không qua lại chẳng nói xấu nhau, trung thần bỏ nước ra đi, không chê bai vua cũ để giữ sạch cái danh. Thần dù bất tài, cũng nhiều lần được thỉnh giáo người quân tử rồi. Mong quân vương minh xét."

¹ Ngũ Viên (伍員), tự Tử Tư (子胥) người nước Sở, cha của Ngũ Viên bị Sở Bình vương giết oan, Ngũ Viên trốn sang nước Ngô, được vua Ngô là Hạp Lư tin dùng. Hạp Lư nghe kể của Ngũ Viên, đánh phá nước Sở, vào kinh đô Sở là đất Sính, đuổi Sở Chiêu vương. Sau khi Hạp Lư chết, con là Phù Sai lên nối, không nghe kể của Ngũ Viên, cho nước Việt hòa, lại giết Ngũ Viên cho thầy vào túi thả trôi sông Giang. Rút cục về sau nước Ngô bị nước Việt tiêu diệt, Phù Sai tự vẫn.

Vì thế Yên vương lại dùng con của Nhạc Nghị là Gian làm Xương Quốc quân, Nhạc Nghị qua lại thông hiếu với nước Yên, cuối cùng chết ở nước Triệu, hiệu là Vọng Chư quân.

Điền Đan làm Tướng quốc nước Tề, có lần qua sông Truy, gặp một ông lão giữa trời rét cóng lội sông, sau khi lên bờ không đi được. Điền Đan liền cởi áo cừu của mình mặc cho ông lão. Tương vương rất ghét việc làm ấy, nói:

- Điền Đan thi ân với người ta như thế, là muốn lấy nước của ta chăng? Chẳng sớm liệu đi, e rằng ngày sau có biến vậy.

Ngoái nhìn xung quanh không có ai, thấy dưới chân núi có người đang xỏ hạt châu, Tương vương hô gọi rồi hỏi người đó rằng:

- Người có nghe được lời ta nói chăng?

Người đó đáp rằng:

- Có nghe thấy.

Tề vương hỏi:

- Người cho là thế nào?

Người đó thưa rằng:

- Chẳng gì bằng Vương thừa dịp xem đó là việc hay của mình. Hãy khen lòng thiện của Đan, xuống lệnh rằng: "Quả nhân lo dân đói khổ, Đan gom dân mà nuôi họ. Quả nhân lo dân rét mướt, Đan cởi áo cừu mặc cho dân. Quả nhân lo bách tính lao nhọc, thì Đan cũng lo lắng, xứng với ý của quả nhân vậy." Đan làm việc thiện mà Vương khen ngợi Đan, thì lòng thiện của Đan cũng là cái thiện của Vương vậy!

Tề vương nói: "Hay!" Bèn ban cho Đan trâu, rượu. Mấy ngày sau, người xỏ hạt châu nọ gặp Vương nói:

- Ngày Vương hội triều nên triệu gặp Điền Đan, rồi vái chào Đan trước sân chầu, ủy lạo Đan. Tiếp đó ban lệnh truyền tìm những bách tính đói rét trong nước, gom về nuôi dưỡng.

Sau đó Vương sai người đi nghe ngóng ở các làng xóm, thấy các đại phu nói với nhau rằng:

- Điền Đan yêu mến người dân, ôi, đây là lời dạy bảo của nhà vua vậy!

Điền Đan suy cử Diêu Bột với Tề vương. Vương có chín bày tôi được sủng ái, họ muốn hại An Bình quân, bèn cùng nói với Tề vương rằng:

- Lúc nước Yên đánh nước Tề, Sở vương sai tướng đem một vạn người qua giúp Tề. Nay quốc gia đã yên định mà xã tắc đã ổn vững, sao chẳng sai sứ sang tạ ơn vua Sở?

Tề vương nói:

- Trong số tả hữu, sai ai đi là thích hợp?

Cả chín thuộc hạ đều nói:

- Diêu Bột có thể đi được.

Diêu Bột đi sứ nước Sở, Sở vương nhận lễ rồi bày tiệc rượu khoản đãi, mấy tháng không về. Chín thuộc hạ kia cùng nói với Tề vương rằng:

- Chỉ một người thường mà khiến cho vua của cái nước vạn thặng cơ kéo lưu giữ, há chẳng phải là cậy dựa vào thế lực của ai đó chăng? Và lại An Bình quân đối với Vương, vị quân thần không khác mà trên dưới không chia biệt. Huống chi là cái chí của kẻ đó bất thiện, trong thì phủ dụ bách tính, ngoài lại chiêu nạp Nhung Địch, kính lễ hiền sĩ trong thiên hạ, cái chí của người đó muốn làm điều sai trái, mong Vương hãy xét kỹ.

Ngày khác, Tề vương nói:

- Gọi Tướng quốc Đan đến đây!

Điền Đan cỡi mũ, đi chân không, cỡi trần mà tiến vào, rồi lui xuống xin chịu tội chết,⁽¹⁾ năm ngày sau thì Tề vương nói:

¹ Đại khái cố ý tỏ ra vô lễ, vào châu vua không tuân quy định (mũ, áo, giày không mang), muốn cho vua Tề được hả dạ vì Đan chỉ tự coi mình như kẻ tội tởn hèn hạ.

- Ngài không có tội gì với quả nhân. Ngài giữ cái lễ bầy tôi của ngài, ta giữ cái lễ quân vương của ta, có thể thôi.

Điêu Bột từ nước Sở quay về, Tề vương ban rượu. Rượu say, Vương nói:

- Gọi Tướng quốc Đan đến đây!

Điêu Bột rời chiếu rạp đầu nói:

- Vương so lên có bằng được Chu Văn vương chăng?

Tề vương nói:

- Ta không bằng được.

Điêu Bột nói:

- Đúng, thần vốn biết Vương không bằng được. Vậy nếu so xuống, Vương có bằng được Tề Hoàn công chăng?

Tề vương nói:

- Ta không bằng được.

Điêu Bột nói:

- Đúng, thần vốn biết Vương không bằng được. Vậy mà Chu Văn vương được Lã Thượng, gọi là "Thái công"⁽¹⁾, Tề Hoàn công được Quản Di Ngô, gọi là "Trọng phụ"⁽²⁾, nay Vương có được An Bình quân mà gọi cộc lốc một chữ "Đan", sao được nói cái lời vong quốc như thế? Và lại từ khi khai mở trời đất, bắt đầu có người dân, kẻ nhân thần có công lao, ai so được với An Bình quân đây? Vương chẳng thể giữ được xã tắc của tiên vương, người nước Yên hưng đại binh đánh chiếm nước Tề, Vương chạy đến lánh ở trong núi Thành Dương, An Bình quân vào cái

¹ Tương truyền, Thái công dặn con cháu rằng sẽ có vị thánh đến giúp nước Chu. Chu Văn vương (cháu của Thái công) đi săn, gặp Lã Vọng câu cá trên sông, cùng nói chuyện, rất hài lòng, đón về, cho rằng đây chính là người mà Thái công mong đợi và tôn Lã Vọng là Thái công vọng (太公望). Chữ "vọng", là chỉ sự mong đợi.

² Tề Tương công bị giết, các con tranh ngôi, về sau Công tử Tiểu Bạch lên ngôi vua Tề, tức Tề Hoàn công, bạn của Quản Trọng là Bao Thúc Nha tiến cử Quản Trọng, Tề Hoàn công nghe theo, Quản Trọng giúp nước Tề hùng mạnh, Tề Hoàn công xưng bá thiên hạ, bèn tôn Quản Trọng là Trọng phụ, ý là tôn kính như cha.

lúc người người run rẩy giữa cái thành Tức Mặc rộng ba dặm, quách dài năm dặm, có bảy nghìn binh tốt mệt lử, mà cầm bắt Tư mã của nước Yên, thu lại nước Tề ngàn dặm đất, đây là cái công của An Bình quân vậy. Nhưng lúc bấy giờ, An Bình quân bỏ Thành Dương mà tự xưng vương, thiên hạ chẳng ai ngăn nổi. Nhưng An Bình quân tính xét đạo lý, nghĩ đến cái nghĩa, cho là không thể làm vậy, cho nên làm đường sạn đạo ván gỗ mà nghênh đón Vương cùng Vương hậu ở trong núi Thành Dương, Vương mới quay về được, coi sóc muôn dân. Nay quốc gia đã định, dân chúng đã yên rồi, Vương bèn gọi "Đan, Đan", đến đưa trẻ ranh cũng chẳng làm thế vậy. Vương hãy giết ngay chín kẻ kia để tạ lỗi với An Bình quân; không làm thế, quốc gia của Vương sẽ nguy nan vậy!

Tề vương bèn giết chín kẻ kia, rồi đuổi gia quyến của họ, lại phong thêm cho An Bình quân ấp một vạn hộ.

Điền Đan chuẩn bị đánh rợ Địch, qua gặp Lỗ Trọng Liên. Lỗ Trọng Liên nói:

- Tướng quân đánh rợ Địch, không thắng được vậy.

Điền Đan nói:

- Ta dùng binh tốt tàn bại của Tức Mặc phá quân Yên là nước vạn thắng, thu lại đất cũ của nước Tề, nay đánh rợ Địch lại không hạ được, là sao?

Rồi không cáo từ, lên xe mà đi, sau đó đánh rợ Địch. Ba tháng không thắng. Trẻ nhỏ nước Tề hát rằng:

"Mũ lớn như cái sàng,

Kiếm dài tới tận cằm,

Đánh rợ Địch không thắng,

Cốt khô đắp thành gò."

Điền Đan mới sợ hãi, hỏi Lỗ Trọng Liên rằng:

- Tiên sinh nói Đan chẳng thắng được rợ Địch, xin cho nghe cái nguyên do của nó.

Lỗ Trọng Liên nói:

- Tướng quân lúc ở tại Túc Mặc, ngồi thì bện sọt cỏ, đứng thì cầm mai thương, lĩnh binh sĩ thì hát xướng rằng: "Còn đi đâu được nữa! Tông miếu đã mất rồi! Hôm nay không ngăn địch! Biết quay về nơi đâu!" Đang lúc bấy giờ, tướng quân có lòng quyết tử, sĩ tốt không có ý tham sống, nghe lời hát của ngài chẳng ai không rơi lệ vung tay quyết chiến, đấy là lý do mà tướng quân phá được quân Yên vậy. Nay tướng quân ở phía đông có cái cung phụng của Dạ Ấp, phía tây có sự giúp vui của Truy Thượng, đai vàng đeo ngang lưng rong ruổi giữa vùng Truy, Mẫn, có lòng vui sống, mà không có ý quyết tử, đấy là lý do tướng quân không thắng được rợ Địch vậy.

Diên Đan nói:

- Đan này có tâm, tiên sinh chỉ hướng cho nó rồi!

Hôm sau, bèn khích lệ sĩ khí, đi tuần dưới thành, đứng ở chỗ mũi tên hòn đạn, thân cầm dùi trống; mới hạ được rợ Địch.

Khi trước, Tề Mẫn vương sau khi diệt nước Tống, muốn xua đuổi Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân trốn qua nước Ngụy, Ngụy Chiêu vương dùng làm Tướng quốc, cùng chư hầu chung sức đánh phá Tề. Mẫn vương chết, Tương vương phục quốc, nhưng Mạnh Thường quân một mình ở giữa các chư hầu, không lệ thuộc vào ai. Tương vương mới được lập, sợ Mạnh Thường quân, bèn cùng liên hòa. Mạnh Thường quân chết, các con tranh nhau lập, hai nước Tề, Ngụy chung diệt đất Tiết, Mạnh Thường quân tuyệt tự.

Năm thứ ba mươi bảy (Quý Mùi – TCN 278)

1. Đại lương tạo của nước Tần là Bạch Khởi đánh nước Sở, hạ đất Dĩnh, đốt sạch lăng miếu. Binh của Sở Tương vương tan tác, vì thế không đánh lại được, dời quốc đô lên phía đông bắc

tới đất Trần. Nước Tần lấy đất Dĩnh đặt làm Nam Quận, phong Bạch Khởi làm Vũ An quân.

Năm thứ ba mươi tám (Giáp Thân – TCN 277)

1. Vũ An quân của nước Tần bình đất Vu và Kiềm Trung, bắt đầu đặt quận Kiềm Trung.
2. Ngụy Chiêu vương hoăng, con là An Hi vương kế lập.

Năm thứ ba mươi chín (Ất Dậu – TCN 276)

1. Vũ An quân nước Tần phạt Ngụy, hạ được hai thành.
2. Sở vương thu nhật binh tại vùng đất phía đông, được hơn chục vạn, lại sang tây đánh lấy mười lăm ấp ở phía nam sông Giang.
3. Ngụy An Hi vương phong em của mình là Vô Kỵ làm Tín Lăng quân.

Năm thứ bốn mươi (Bính Tuất – TCN 275)

1. Tướng quốc nước Tần là Nhượng hầu đánh Ngụy. Bạo Diên của nước Hàn cứu Ngụy, Nhượng hầu đại phá Bạo Diên, chém bốn vạn đầu. Bạo Diên trốn đến Khai Phong. Nước Ngụy nộp tám thành để cầu hòa. Nhượng hầu tiếp tục đánh nước Ngụy, đuổi Mang Mỗ, tiến quân vào Bắc Trạch. Người Ngụy cắt đất Ôn để cầu hòa.

Năm thứ bốn mươi một (Đinh Hợi – TCN 274)

1. Nước Ngụy lại cùng nước Tề hợp tung. Nhượng hầu của nước Tần đánh Ngụy, đoạt bốn thành, chém bốn vạn đầu.
2. Lỗ Mẫn công hoăng, con là Khoảnh công Thù kế lập.

Năm thứ bốn mươi hai (Mậu Tý – TCN 273)

1. Hai nước Triệu, Ngụy hợp đánh Hoa Dương của nước Hàn. Người Hàn cáo cấp với nước Tần, Tần vương không cứu. Tướng quốc nước Hàn bảo Trần Thệ rằng:

- Việc gấp rồi, đầu ngài đang bệnh, vẫn mong hãy vì ta thâu đêm đi một lần!

Trần Thệ đến nước Tần, gặp Nhưỡng hầu. Nhưỡng hầu hỏi:

- Việc gấp chẳng? Vì thế mới sai ngài đến.

Trần Thệ nói:

- Chưa gấp vậy.

Nhưỡng hầu giận, nói:

- Vì sao?

Trần Thệ nói:

- Nếu nước Hàn có việc gấp thì sẽ quyền biến mà theo nước khác; vì chưa gấp, cho nên ta mới đến đây.

Nhưỡng hầu nói:

- Ta đồng ý phát binh.

Bèn cùng Vũ An quân và Khách khanh là Hồ Dương đi cứu nước Hàn, tám ngày thì đến nơi, đánh bại quân Ngụy ở dưới thành Hoa Dương, đuổi Mang Mão, bắt ba viên tướng, chém mười ba vạn đầu. Vũ An quân lại cùng Tướng quốc nước Triệu là Giả Yển giao chiến, dim chết hai vạn binh tốt của Yển ở sông Hoàng Hà. Đoàn Can Tử của nước Ngụy xin cắt đất Nam Dương cho nước Tần để cầu hòa.

Tô Đại bảo Ngụy vương rằng:

- Muốn nắm ấn Tướng quốc nước Tần, là Đoàn Can Tử vậy, muốn chiếm đất của Ngụy, là nước Tần vậy. Nay Vương lại để cái nước muốn chiếm đất không chế ấn, cái người muốn nắm ấn đi cắt đất, đất của Ngụy sẽ hết thôi! Cắt đất thờ nước Tần, cũng như ôm củi đi cứu hỏa, củi chẳng hết, lửa chẳng tắt được.

Ngụy vương nói:

- Thì đúng vậy. Tuy nhiên, việc đã bắt đầu được thi hành rồi, không thể thay đổi được nữa.

Tô Đại thừa rằng:

- Sở dĩ kẻ đánh bạc quý con kiêu⁽¹⁾, là vì thấy có lợi thì đánh xuống, không có lợi thì dừng. Nay sao Vương dùng trí chẳng giống dùng con kiêu vậy?

Ngụy vương không nghe, rút cục cắt đất Nam Dương cầu hòa, Nam Dương, thực ra là đất Tu Vũ của nước Ngụy vậy.

2. Hàn vương hoảng, con là Hoàn Huệ vương kế lập.

3. Hai nước Hàn, Ngụy đã chịu khuất với Tần, Tần vương sai Vũ An quân cùng Hàn, Ngụy phạt nước Sở, chưa xuất phát, thì sứ giả của Sở là Hoàng Hiết đến, nghe tin, sợ nước Tần thừa thắng một lần cắt quân mà diệt nước Sở, bèn dâng thư rằng:

"Thần nghe nói vật thịnh cùng cực thì quay trở lại, như hết hạ chuyển sang đông; xếp cao hết mức thì đổ, như chồng quân cờ vậy. Nay đất đai của đại quốc rải khắp hai góc thiên hạ, từ khi có sinh dân đến nay, các nước vạn thặng chưa từng có nước nào được như thế vậy.

Ba đời tiên vương của Vương chẳng quên nước Sở tiếp giáp với nước Tề, vì thế cắt đứt cái eo lưng của việc kết thân hợp tung.⁽²⁾ Nay Vương sai Thịnh Kiêu nắm việc ở nước Hàn, Thịnh Kiêu đem đất của Hàn nhập vào nước Tần, thế là Vương chẳng dùng binh giáp, chẳng cần ra uy, mà chiếm được trăm dặm đất, Vương có thể gọi là người

¹ Thời Xuân Thu Chiến Quốc có môn cờ gọi là Lục bát kỳ (六博棋), cho hai người chơi, mỗi người có sáu quân là sáu miếng gỗ, trong đó có một quân gọi là kiêu (梟), có thể ăn được hết những quân cờ khác trên bàn cờ. Người đánh bài thận trọng tính nước bài, nếu thấy lợi lớn thì ra quân bài đó, nếu đánh quân bài đó không đúng lúc chỉ thu được cái lợi nhỏ, lúc có ván bài lớn thực thì không có quân đó mà đánh nữa.

² Nước Tần nằm ở phía tây, bị hai nước Hàn, Ngụy chắn đường tiến sang phía đông, nước Triệu nằm ở phía bắc, nước Sở nằm ở phía nam. Các nước Sơn Đông hợp tung chống Tần thì địa thế của Hàn, Ngụy chính như cái eo lưng vậy, nước Tần đánh hai nước Hàn, Ngụy là cắt đứt sự liên hệ hợp tung vậy.

tài được rồi! Vương lại cất binh mà đánh Ngụy, chen cửa Đại Lương, lấy Hà Nội, hạ đất Yển, Toan Tảo, Hư, Đào, nhập vào đất Hình, binh Ngụy như mây liệng mà chẳng dám cứu, cái công của Vương cũng nhiều lắm rồi! Vương xếp giáp nghỉ binh, qua hai năm đánh tiếp, lại thôn tính được các đất Bồ, Diễn, Thủ, Viên, binh đến đất Nhân, Bình Khâu, khiến quân ở Hoàng, Tế Dương vây quanh thành tự thủ mà Ngụy vương chịu phục. Vương lại cất chiếm phía bắc Bộc Ma, nắm chỗ eo lưng của Tề, Tần, cắt đứt xương sống của Sở, Triệu, thiên hạ năm lần họp tung tụ sáu nước mà chẳng dám cứu, cái uy của Vương cũng hết mực vậy! Vương nếu có thể giữ công thủ uy, gạt bỏ hùng tâm đánh chiếm mà rộng rãi vun trồng nhân nghĩa, khiến không có họa về sau, thì Tam vương có thể thành Tứ vương, Ngũ bá có thể thành Lục bá, chẳng khó vậy!⁽¹⁾ Còn nếu như Vương cậy quân dân đông, dựa binh giáp mạnh, nhân cái uy thế đánh tan nước Ngụy, mà muốn dùng sức khiến quân vương thiên hạ phải phục tùng, thần e rằng sẽ mắc họa ngày sau vậy.

Kinh Thi có câu: "Mĩ bất hữu sơ, tiên khắc hữu chung."⁽²⁾ Kinh Dịch nói: "Hỗ thiệp thủy, nhu kỳ vi."⁽³⁾ Đây là nói ban đầu thì dễ dàng, có kết cục tốt mới khó vậy. Xưa kia nước Ngô tin nước Việt, họp quân mà đánh Tề, đã thắng người Tề ở Ngải Lăng, quay về bị Việt vương cầm bắt ở bên Tam Giang;⁽⁴⁾ họ Trí tin tưởng Hàn, Ngụy, họp quân mà đánh Triệu, đánh thành Tấn Dương, ngày thắng đã đợi rồi, Hàn, Ngụy phản lại, giết Trí bá Dao dưới Tạc Đài.⁽⁵⁾ Nay Vương ghét nước Sở chưa bị phá diệt mà quên rằng Sở bị phá diệt thì Hàn,

¹ Ý nói vua Tần có thể sánh với minh quân của ba nhà Hạ, Thương, Chu hoặc các vị Ngũ bá thời Xuân Thu.

² Việc gì cũng có cái khởi đầu, nhưng ít thấy kết cục trọn vẹn.

³ Cáo lợi qua sông, cái đuôi bị ướt.

⁴ Ngô vương Phù Sai nghe tin Tề Cảnh công chết, vua nổi ngôi nhỏ ít đức, đại thần trong nước tranh quyền, bèn đem quân đánh Tề. Ngũ Viên can ngăn nên đề phòng Việt vương Câu Tiễn đang mưu đồ với nước Ngô, Phù Sai không nghe, đem quân đánh Tề, phá quân Tề ở Ngải Lăng, vì thế càng kiêu ngạo, muốn tranh ngôi bá với nước Tấn. Về sau Phù Sai bị Câu Tiễn đánh bại, phải tự sát.

⁵ Xem Chu kỷ - quyển 1, sự kiện năm thứ 23 đời Chu Uy Liệt vương.

Ngụy lớn mạnh, thần vì Vương lo nghĩ không tán thành. Nước Sở, là nước cứu viện vậy; nước lân bang, là nước địch vậy. Nay Vương tin tưởng hai nước Hàn, Ngụy thân thiện với Vương, đấy chính là việc nước Ngô tin nước Việt, thần e rằng Hàn, Ngụy dùng lời nhún nhường tránh họa mà thực sự là dối gạt đại quốc vậy. Vì sao? Là vì Vương không có ơn nhiều đời với Hàn, Ngụy mà có oán nhiều đời với họ. Cha con anh em hai nước Hàn, Ngụy nối gót nhau mà chết ở nước Tần đến chục đời rồi, thế nên Hàn, Ngụy chẳng mất, là mối lo cho xã tắc nước Tần vậy. Nay Vương muốn cùng họ đánh Sở, chẳng cũng sai lầm sao? Vả lại đánh Sở thì xuất binh từ đâu đây? Vương sẽ mượn đường từ hai nước cứu thù là Hàn, Ngụy chăng? Cái ngày mà Vương xuất binh sẽ là ngày mà Vương lo binh không quay về vậy. Nếu Vương không mượn đường từ hai nước cứu thù Hàn, Ngụy, tất phải đánh từ Tùy Thủy, Hữu Nhuông; đấy đều là chỗ sông rộng nước sâu, rừng rú khe vực, không có gì ăn. Thế thì Vương được cái tiếng là phá nước Sở mà không thu được cái thực là thu đất vậy. Lại nữa, cái ngày mà Vương đánh Sở, bốn nước kia tất đều khởi binh mà hưởng ứng Vương; binh của hai nước Tần, Sở giao phong thì chẳng rời đi được, nước Ngụy sẽ xuất binh mà đánh đất Lưu, Phương Dư, Trất, Hồ Lăng, Năng, Tiêu, Tương, đất cũ của nước Tống tất mất hết, người Tề ngoảnh về nam đánh nước Sở, tất lấy được đất Tề Thượng, đều là chỗ đất màu mỡ, bằng phẳng thông bốn phía, như thế thì các nước thiên hạ chẳng nước nào mạnh hơn Tề, Ngụy rồi.

Thần vì Vương lo tính, không gì bằng thân thiện với nước Sở; Tần, Sở hợp làm một để đánh nước Hàn, Hàn tất khoanh tay đến châu, Vương nắm cái hiểm yếu của các dãy núi phía đông, chiếm cái lợi của Hoàng Hà uốn khúc, nước Hàn tất thành nước chư hầu ở phía trong quan ải. Như thế thì Vương dùng chục vạn binh đóng ở đất Trịnh, nước Lương tất phải ghê lòng¹, đất Hứa và Yên Lăng phải vây quanh thành tự thủ mà Thượng Thái, Triệu Lăng không qua lại

¹ Rùng mình lo lắng.

được nữa, như thế thì nước Ngụy cũng thành nước chư hầu ở phía trong quan ải rồi. Vương một lần thân thiện với nước Sở mà khiến cho chúa của hai nước vạn thặng ở phía trong quan ải cùng dòm ngó đất Tề, khi ấy đất Hữu Nhượng của Tề có thể ngồi chấp tay mà lấy được vậy. Đất của Vương giăng khắp hai biển đông tây, thất ngang thiên hạ, như thế thì Yên, Triệu không có Tề, Sở, mà Tề, Sở không có Yên, Triệu vậy. Rồi sau mới bức động hai nước Yên, Triệu, khuấy đảo Tề, Sở, bốn nước ấy chẳng đợi khổ mà đã chịu hàng phục rồi."

Tần vương theo lời ấy, lệnh cho Bạch Khởi dùng quân, sai Hoàng Hiết về nước, ước hẹn kết thân với Sở.

--- ॐ ---

CHU KỶ

[QUYỂN THỨ NĂM]



CHU NOẢN VƯƠNG

Năm thứ bốn mươi ba (Kỷ Sửu – TCN 272)

1. Nước Sở phái Tả đồ Hoàng Hiệt hầu hạ Thái tử Hoàn làm con tin ở nước Tần.
2. Nước Tần đặt quận Nam Dương.
3. Ba nước Tần, Ngụy, Sở cùng đánh nước Yên.
4. Yên Huệ vương hoảng, con là Vũ Thành vương kế lập.

Năm thứ bốn mươi tư (Canh Dần – TCN 271)

1. Lạn Tương Như nước Triệu phạt Tề, binh đến ấp Bình.
2. Điền bộ lại của nước Triệu là Triệu Xa thu tô thuế, người nhà của Bình Nguyên quân không chịu nộp; Triệu Xa dùng phép tắc xử trị, giết chết chín người quản việc nhà của Bình Nguyên quân. Bình Nguyên quân giận, muốn giết Triệu Xa. Triệu Xa nói:

- Ngài là quý công tử nước Triệu, nay dung túng cho người nhà mà không vâng phép công thì phép nước bị xâm phạm; phép nước bị xâm phạm thì quốc gia suy yếu; quốc gia suy yếu thì chưa hầu khởi binh xâm phạm, thế thì không có nước Triệu vậy. Ngài giữ được sự phú quý này nữa chăng? Dùng địa vị tôn

quý của ngài, vâng giữ phép tắc thì trên dưới công bằng, trên dưới công bằng thì quốc gia hùng mạnh; quốc gia hùng mạnh thì nước Triệu vững, mà ngài là quý thích, há bị người thiên hạ xem thường sao?

Bình Nguyên quân cho là hiền, giới thiệu với Triệu vương. Triệu vương sai quản lý việc thu thuế của quốc gia, quốc gia giàu có thái bình, dân sung túc mà phủ khổ đầy chật.

Năm thứ bốn mươi lăm (Tân Mão – TCN 270)

1. Nước Tần đánh Triệu, vây thành Át Dữ. Triệu vương triệu bọn Liêm Pha, Nhạc Thừa rồi hỏi họ rằng:

- Có thể cứu chỗ đó chăng?

Mọi người đều nói:

- Đường xa hiểm trở, khó cứu.

Hỏi Triệu Xa, Triệu Xa thưa rằng:

- Đường xa hiểm trở, cũng ví như hai con chuột đấu ở trong hang, con nào dũng mãnh thì thắng.

Triệu vương bèn lệnh sai Triệu Xa đem binh cứu chỗ ấy. Đi khỏi Hàm Đan ba mươi dặm thì dừng, lệnh trong quân rằng:

- Kẻ nào dùng việc quân can ngăn thì chém!

Bình Tần đóng ở phía tây thành Vũ An, bày binh gỗ trống âm ỹ, ngói trên nóc nhà thành Vũ An đều chấn động. Viên Quân lại trong quân Triệu nói rằng nên gấp cứu thành Vũ An, Triệu Xa lập tức chém hấn. Rồi vững lũy hai mươi tám ngày không đi, lại xây thêm doanh lũy. Có tên lính do thám của Tần trà trộn vào quân Triệu, Triệu Xa cho nó ăn ngon rồi thả đi. Tên lính do thám quay về báo với tướng Tần, tướng Tần cả mừng, nói:

- Rồi khỏi nước ba mươi dặm mà án binh bất động, lại tăng doanh lũy, Át Dữ không phải là đất của Triệu nữa vậy!

Triệu Xa đã thả tên do thám đi rồi, bèn sai quân cuốn giáp tiến vội, một ngày một đêm thì đến nơi, còn cách Át Dữ hơn năm mươi dặm thì đóng quân, dựng xong doanh lũy. Quân Tần nghe tin, đem hết binh giáp tiến đến. Có tên lính trong quân Triệu là Hứa Lịch xin can về việc quân, Triệu Xa bèn gọi hắn. Hứa Lịch nói:

- Người Tần không ngờ quân Triệu đến chỗ này, họ đến đây khi thế thịnh, tướng quân tất phải tập trung binh lực bày trận để đợi chúng; không như thế, tất bại.

Triệu Xa nói:

- Xin thụ giáo!

Hứa Lịch xin chịu hình, Triệu Xa nói:

- Hãy đợi lệnh sau quân lệnh ở Hàm Đan.

Hứa Lịch lại xin can, nói:

- Ai tiến chiếm đỉnh núi phía Bắc trước thì thắng, ai đến sau thì bại.

Triệu Xa đồng ý, lập tức phái một vạn người mau chóng lên núi. Binh Tần đến sau, tranh núi không lên được; Triệu Xa tung binh đánh quân Tần, quân Tần đại bại, giải vây được Át Dữ rồi về. Triệu vương phong Xa làm Mã Phục quân, cùng Liêm Pha, Lạn Tương Như đồng ngôi vị; lấy Hứa Lịch làm Quốc úy.

2. Những hầu giới thiệu Khách khanh tên là Táo với Tần vương, sai đi đánh nước Tề, lấy được đất Cương, đất Thọ để mở rộng ấp Đào của mình.

Khi trước, người nước Ngụy là Phạm Tuy⁽¹⁾ theo Trung đại phu Tu Giả đi sứ nước Tề, Tề Tương vương nghe nói Phạm Tuy giỏi biện luận, ban riêng cho vàng và bò, rượu. Tu Giả cho là Tuy đem việc kín của nước Ngụy báo với Tề, khi quay về liền báo với Tướng quốc nước mình là Ngụy Tề. Ngụy Tề giận, sai

¹ Có sách dịch là Phạm Thu (范雎).

dùng roi đánh Phạm Tuy, gãy răng và xương sườn. Tuy giả vờ chết, bị người ta dùng chiếu bó lại, quăng trong nhà xí, sai khách say rượu đái lên người Tuy, để răn bảo người sau, khiến không ai dám nói bừa. Phạm Tuy bảo người coi nhà xí rằng:

- Ngài có thể đưa ta ra được, ta nhất định sẽ hậu tạ.

Người coi giữ nhà xí xin đem kẻ chết trong chiếu vứt bỏ đi. Ngụy Tề say, nói:

- Được thôi.

Phạm Tuy vì thế thoát được. Ngụy Tề hối, lại gọi người tìm bắt. Người nước Ngụy là Trịnh An Bình bèn giấu Phạm Tuy đưa đi trốn náu, Tuy đổi họ tên thành Trương Lộc.

Yết giả nước Tần là Vương Kê đi sứ đến nước Ngụy, Phạm Tuy trong đêm đến gặp Vương Kê. Kê ngầm chở Tuy cùng quay về Tần, tiến cử với Tần vương, Tần vương gặp Tuy ở Li cung. Phạm Tuy vờ như không biết đường ngõ liền bước vào trong, Tần vương đến, bọn hoạn quan giận đuổi Tuy, nói:

- Vương đến đấy!

Phạm Tuy nói bừa rằng:

- Nước Tần có vua đầu, chỉ có Thái hậu và Nhuỡng hầu thôi!

Vương nghe loáng thoáng lời ấy, bèn đuổi tả hữu ra, rồi quỳ xuống thỉnh cầu rằng:

- Tiên sinh có điều gì dạy bảo quả nhân?

Phạm Tuy nói:

- Dạ, dạ.

Cứ như thế ba lần. Tần vương nói:

- Tiên sinh rút cục vẫn chẳng muốn dạy bảo quả nhân sao?

Phạm Tuy nói:

- Không dám như thế vậy! Thần, là bầy tôi ở trọ, giao tình sơ qua với nhà vua, nhưng cái mà thần muốn trình bày đều là việc

nấn sửa cho vua, can hệ đến cốt nhục thân nhân nhà vua, muốn dốc lòng ngu trung nhưng chưa biết chân tâm của vua, đây là lý do Vương hỏi ba lần mà thần không dám đáp lại vậy. Thần biết là hôm nay nói trước mặt nhà vua, rồi ngày mai bị người ta giết chết, nhưng thần chẳng dám né tránh vậy. Vả lại cái chết, là điều mà người ta không có cách gì tránh được, ví như có thể làm được chút gì đó bổ ích với nước Tần mà chết, thì đây là tâm nguyện lớn của thần vậy. Chỉ sợ sau khi thần chết, người thiên hạ ngậm miệng buộc chân, chẳng ai chịu hướng đến nước Tần thôi.

Tần vương quỳ dài nói:

- Tiên sinh, sao nói như vậy được! Nay quả nhân được gặp tiên sinh, đây là trời vì quả nhân mà phiên nhiều tiên sinh để bảo tồn tông miếu của tiên vương vậy. Bất kể việc lớn nhỏ, trên tới Thái hậu, dưới đến đại thần, mong tiên sinh nhất nhất chỉ giáo cho quả nhân, đừng nghi ngờ quả nhân vậy!

Phạm Tuy lạy, Tần vương cũng lạy. Phạm Tuy nói:

- Tần là nước lớn, sĩ tốt dũng mãnh, lấy đó để trị chư hầu, ví như xưa chó Lô của nước Hàn⁽¹⁾ đuổi đánh con thỏ què vậy, thế mà phải đóng cửa ải mười lăm năm, không dám xua binh nhòm ngó các nước vùng Sơn Đông, đây là vì Nhượng hầu giúp mưu nước Tần mà không trung, mà kế của Vương cũng có chỗ sai lầm vậy.

Tần vương quỳ dài nói:

- Quả nhân mong được nghe chỗ sai lầm của mình!

Nhưng tả hữu có nhiều người nghe trộm, Phạm Tuy không dám nói đến nội chính, nói việc ngoài trước, để xét hứng thú của Vương cao thấp thế nào. Nhân đó dâng lời rằng:

- Nhượng hầu vượt qua nước Hàn, nước Ngụy mà đánh đất Cương, đất Thọ của nước Tề, không phải là kế hay vậy. Tề Mẫn

¹ Chó Lô (尸), là giống chó săn của nước Hàn, rất tinh khôn.

vương phía nam đánh Sở, phá quân giết tướng, hai lần mở đất nghìn dặm, nhưng rút cục nước Tề không thêm được thước tắc đất đai nào, há phải vì vua Tề không muốn lấy đất đâu? Thực bởi hình thế chẳng thể làm như vậy. Chư hầu thấy nước Tề mỗi một, khởi binh phạt Tề, đại phá nước ấy, nước Tề suýt diệt vong, đấy là Tề đánh Sở mà vô bổ nước Hàn, nước Ngụy vậy. Nay Vương chẳng gì bằng giao hiếu với nước xa đánh nước gần, được tắc đất nào thì đấy là tắc đất của Vương, được thước đất nào thì đấy là thước đất của Vương. Nay hai nước Hàn, Ngụy nằm ở Trung nguyên, là chỗ then chốt của thiên hạ vậy. Vương nếu muốn dựng nghiệp bá, tất phải thân với Trung nguyên để biến mình thành trung tâm của thiên hạ của thiên hạ, từ đó uy bức nước Sở, nước Triệu. Nếu nước Sở mạnh thì ta giúp nước Triệu; nước Triệu mạnh thì ta giúp nước Sở, hai nước Sở, Triệu đều quy phục ta, nước Tề tất sợ hãi rồi, nước Tề đã quy phục ta, thì hai nước Hàn, Ngụy là vật trong tay ta vậy.

Tần vương nói: "Hay!" Bèn dùng Phạm Tuy làm Khách khanh, cùng mưu bàn việc binh.

Năm thứ bốn mươi sáu (Nhâm Thìn – TCN 269)

1. Trung canh của nước Tần là Hồ Thương đánh Ất Dữ của nước Triệu, không hạ được.

Năm thứ bốn mươi bảy (Quý Ty – TCN 268)

1. Tần vương dùng mưu của Phạm Tuy, sai Ngũ đại phu tên Oản phạt Ngụy, hạ đất Hoài.

Năm thứ bốn mươi tám (Giáp Ngọ – TCN 267)

1. Thái tử nước Tần là Điều làm con tin ở nước Ngụy, chết.

Năm thứ bốn mươi chín (Ất Mùi – TCN 266)**1. Nước Tần hạ được đất Hình Khâu của nước Ngụy.**

Phạm Tuy ngày càng thân gần với Tần vương, nắm quyền, nhân cơ hội khuyên Tần vương rằng:

- Thần lúc ở Sơn Đông, nghe nói nước Tề có Mạnh Thường quân, không nghe nói có vua Tề, nghe nói nước Tần có Thái hậu, Nhuống hầu, không nghe nói có vua Tần. Đại để nắm quyền trị quốc thì gọi là vua, có thể quyết việc lợi hại thì gọi là vua, nắm giữ quyền sinh quyền sát thì gọi là vua. Nay Thái hậu tự tiện hành sự chẳng đoái hoài gì đến ai, Nhuống hầu đi sứ không hề báo cáo, Hoa Dương, Kinh Dương quyết đoán việc không úy kỵ người nào, Cao Lăng tiến lui không thỉnh ý, nước có bốn hạng người cao quý ấy mà không nguy, là việc chưa hề có vậy. Vì vua ở dưới bốn hạng người cao quý ấy, nên người ta mới nói là không có vua vậy. Nhuống hầu đi sứ nắm quyền nặng của vua, quyết đoán không chế chư hầu, chẻ phù⁽¹⁾ với thiên hạ, đi chinh phạt các nước, chẳng ai dám không nghe; chiến thắng lấy được thì cái lợi quy về đất Đào, chiến bại thì kết oán với trăm họ mà họa quy về xã tắc. Thần lại nghe nói, cây nhiều quả thì cành gãy toác, cành gãy toác thì hại ruột cây; đồ ấp phong lớn quá thì quốc gia nguy, bày tôi được tôn kính quá thì quyền của nhà vua bị hạ thấp. Náo Xi quản nước Tề, bắn vào đuôi vua, rút gân nhà vua, treo nhà vua lên xà nhà ở miếu, qua đêm thì chết.⁽²⁾ Lý Đoái quản nước Triệu, giam tù Chủ phụ ở Sa Khâu, trăm ngày thì chết đói.⁽³⁾ Nay thần xét thấy bốn hạng

¹ Phù (符), còn gọi là phù tín, là một cái thẻ (vật làm tin). Quân vương ghi hiệu lệnh trên thẻ, rồi chẻ làm hai mảnh, một nửa giao cho đối phương, (có thể là tôi thần, có thể là quân chủ nước khác, hay người thừa hành nhiệm vụ nào đó), một nửa thì giữ lại, khi dùng hai mảnh ghép lại mà khớp đúng, thì cứ theo lệnh ghi trên đó mà làm.

² Việc Náo Xi giết Tề Mẫn vương, xem ở Chu ký, quyển 4, sự kiện năm thứ ba mươi một, đời Chu Noãn vương.

³ Việc Lý Đoái giết Triệu chủ phụ, xem ở Chu ký, quyển 4, sự kiện năm thứ hai mươi, đời Chu Noãn vương.

người cao quý kia nắm việc, đấy cũng là loại như Náo Xi, Lý Doái vậy. Cái nguyên nhân vong quốc của thời Tam đại, là vì nhà vua giao hết quyền chính cho đại thần, mặc sức uống rượu săn bắn; những kẻ mà vua trao quyền ghen người hiền ghét kẻ tài, ngăn chế người dưới, che mắt người trên để thành toàn việc riêng của mình, chẳng giúp kế cho chủ, nhưng người chủ không tỉnh ngộ, cho nên đánh mất nước của mình. Nay ở nước Tần, từ người có phẩm trật cho tới các vị đại quan, rồi đến cả tá hữu của Vương, chẳng ai không phải là người của Tướng quốc, thấy Vương đứng một mình ở triều, thần trộm vì Vương lo sợ, e rằng vạn đời sau, người có nước Tần, sẽ không phải là con cháu của Vương nữa vậy!

Vương cho là đúng, vì thế phế Thái hậu, đuổi Nhượng hầu, Cao Lăng quân, Hoa Dương quân, Kinh Dương quân ra ngoài quan ải, dùng Phạm Tuy làm Thừa tướng, phong làm Ứng hầu.

Ngụy vương sai Tu Giả mang lễ đi sứ nước Tần, Ứng hầu mặc áo rách, đi bộ đến yết kiến. Tu Giả kinh ngạc hỏi:

- Phạm Thúc¹ vẫn không việc gì sao?

Bèn lưu lại ngồi ăn uống, lấy một chiếc áo lụa dày tặng cho. Phạm Tuy giúp Tu Giả đánh xe đến phủ Thừa tướng, nói:

- Ta vì ngài vào trước thông báo với Thừa tướng.

Tu Giả thấy lạ vì Phạm Tuy rất lâu không ra, hỏi người giữ cửa, người giữ cửa nói:

- Không có ai là Phạm Thúc; người lúc mới rồi là Thừa tướng Trương quân của ta vậy.

Tu Giả biết mình bị lừa, bèn quỳ bằng đầu gối lết vào tạ tội. Ứng hầu ngồi, trách mắng Tu Giả, lại nói:

- Mày sợ dĩ không phải chết, vì còn có ý mến nhớ cố nhân, tặng ta cái áo lụa dày thôi!

¹ Phạm Tuy (范雎), tự là Thúc (叔), nên cũng gọi là Phạm Thúc.

Bèn sai bày biện yến tiệc, mời các tân khách của chư hầu; bắt Tu Giả ngồi ở dưới thềm, đặt rom cỏ và đậu đen ở trước mặt như cho ngựa ăn, rồi sai quay về báo với Ngụy vương rằng:

- Phải tức tốc mang đầu Ngụy Tề đến. Nếu không, ta sẽ làm cỏ thành Đại Lương.

Tu Giả trở về, đem việc báo với Ngụy Tề. Ngụy Tề trốn sang nước Triệu, nấu ở trong nhà Bình Nguyên quân⁽¹⁾.

2. Triệu Huệ Văn vương hoảng, con là Hiếu Thành vương Đan kế lập; dùng Bình Nguyên quân làm Tướng quốc.

Năm thứ năm mươi (Bính Thân – TCN 265)

1. Tuyên thái hậu của nước Tần hoảng. Tháng chín, Nhuống hầu về đến ấp Đào.

Thần Quang nói: Nhuống hầu dẫn lập Chiêu vương, vì Vương đẹp trừ vạ hại; tiến cử Bạch Khởi làm tướng, phía nam đánh lấy đất Yển, đất Dĩnh, phía đông mở đất đến nước Tề, khiến chư hầu thiên hạ rạp đầu mà thờ Tần, nước Tần ngày một lớn mạnh, đều là công của Nhuống hầu vậy. Dẫu rằng Nhuống hầu chuyên quyền phóng túng, kiêu ngạo tham lam rước họa đến thân, cũng chưa đến mức như lời của Phạm Tuy nói. Mà như Tuy, cũng chẳng phải là người một lòng vì nước Tần vạch mưu, mà chỉ là muốn được ở địa vị của Nhuống hầu, cho nên mới chẹn họng ông ta rồi đoạt lấy ngôi vị ấy thôi. Vì thế khiến Tần vương dứt tuyệt cái nghĩa mẫu tử, vứt bỏ ân tình cậu cháu. Rút lại, Phạm Tuy đích thực là hạng xảo trá và gian hiểm vậy!

2. Tần vương dùng con là An Quốc quân làm Thái tử.

3. Nước Tần đánh nước Triệu, lấy ba thành. Triệu vương mới kế lập, Thái hậu nắm quyền, cầu cứu với nước Tề. Người Tề nói:

¹ Bình Nguyên quân Triệu Thắng (赵胜), em của Triệu Huệ Văn vương.

- Tất phải dùng Trường An quân⁽¹⁾ làm con tin.

Thái hậu không chịu. Bình Tề không xuất phát, các đại thần ra sức khuyên can. Thái hậu nói thẳng với tả hữu rằng:

- Kẻ nào còn nói việc đưa Trường An quân đi làm con tin, già này tất phỉ nhổ vào mặt kẻ đó!

Tả sư Xúc Long muốn gặp Thái hậu, Thái hậu bưng giận đợi Xúc Long vào. Tả sư công thông thả bước rồi ngồi xuống, tự tạ tội rằng:

- Lão thần có bệnh ở chân, không gặp Thái hậu đã lâu rồi, trộm vì lý do đó tự khoan thứ cho mình; nhưng sợ rằng thân thể Thái hậu có chỗ không thoải mái, cho nên mong trông thấy Thái hậu.

Thái hậu nói:

- Già này nhờ xe kiệu mà đi được.

Xúc Long hỏi:

- Ăn uống không suy giảm chứ?

Thái hậu nói:

- Chỉ ăn cháo thôi.

Sắc diện không vui của Thái hậu tiêu tan dần. Tả sư công nói:

- Đứa con hèn mọn của lão thần là Thư Kỳ còn rất nhỏ, nó chẳng ra gì, mà sức thần suy kém, lại rất mực yêu mến nó, mong nó được bổ vào chỗ khuyết của đội Hắc y⁽²⁾ để bảo vệ cung vua, thần liều chết đem việc tâu lên!

Thái hậu nói:

- Xin vâng. Nó bao nhiêu tuổi rồi?

Tả sư công thưa rằng:

¹ Trường An quân (长安君), là con út của Triệu Huệ Văn vương vậy, là người được Thái hậu nước Triệu rất yêu mến.

² Hắc y (y phục đen), tức là màu y phục của đội thị vệ trong cung vua vậy.

- Nó mười lăm tuổi rồi. Tuy còn nhỏ, mong còn kịp lúc thần chưa vùi xác nơi ngòai rãnh.

Thái hậu nói:

- Bậc trượng phu cũng yêu mến con nhỏ chẳng?

Tả sư công đáp rằng:

- Còn quá cả đàn bà nữa.

Thái hậu cười nói:

- Quá đàn bà thì rất lạ.

Tả sư công đáp:

- Lão thần trộm cho rằng lão bà yêu mến Yên hậu⁽¹⁾ hơn cả Trường An quân.

Thái hậu nói:

- Ngài lầm rồi! Không bằng Trường An quân, kém rất xa.

Tả sư công nói:

- Cha mẹ yêu mến con nhỏ của mình thì vì nó tính kế sâu xa. Lão bà lúc đưa tiễn Yên hậu, nín gót chân mà khóc, nghĩ đến cảnh xa xôi, cũng thương xót lắm đấy. Đã đi rồi, chẳng phải là không thương nhớ vậy, lúc tế tự thì lão bà khấn nguyện cho Yên hậu rằng: "Mong chó bị đuổi về!" Há chẳng phải vì Yên hậu tính kế lâu dài, mong con cháu Yên hậu nối nhau làm Vương sao?

Thái hậu nói:

- Phải rồi.

Tả sư công nói:

- Nay xét lại ba đời trước, đến như con cháu Triệu vương được phong hầu, kế nối của họ có còn ai chẳng?

Thái hậu nói:

- Không có ai.

¹ Con gái của Triệu thái hậu gả cho vua nước Yên, cho nên gọi là Yên hậu.

Tả sư công nói:

- Từ đấy mà nói, họa gần thì đến ngay thân mình, họa xa thì tới con cháu. Há phải các con giữ tước hầu của bậc nhân chủ đều không có tài năng đâu? Chỉ vì ở ngôi tôn quý mà không có công, lộc hậu mà không lao nhọc, lại ôm giữ nhiều khí vật nặng của quốc gia vậy. Nay lão bà quý trọng cái địa vị của Trường An quân, mà phong cho Trường An quân chỗ ruộng đất màu mỡ, cấp cho nhiều khí vật nặng, lại không nhân lúc này khiến Trường An quân lập công với nước, một mai núi lớn đổ sụp,⁽¹⁾ Trường An quân lấy gì để gửi thân ở nước Triệu đây?

Thái hậu nói:

- Vâng, tùy ý ngài sai khiến nó!

Thế rồi lệnh cho Trường An quân sửa soạn trăm cỗ xe đi làm con tin ở nước Tề. Binh Tề bèn xuất phát, quân Tần lui.

4. An Bình quân nước Tề là Điền Đan chỉ huy binh Triệu đánh nước Yên, đoạt đất Trung Dương; lại đánh nước Hàn, lấy đất Chú Nhân.

5. Tề Tương vương hoảng, con là Kiến kế lập. Kiến ít tuổi, việc nước đều quyết bởi Vương thái hậu.

Năm thứ năm mươi một (Đinh Dậu – TCN 264)

1. Vũ An quân của Tần đánh nước Hàn, lấy được chín thành, chém năm vạn đầu.

2. Điền Đan làm Tướng quốc nước Triệu.

Năm thứ năm mươi hai (Mậu Tuất – TCN 263)

1. Vũ An quân của Tần đánh nước Hàn, đoạt đất Nam Dương; đánh đường núi Thái Hàng, cắt đứt con đường đó.

¹ Ý nói lúc Thái hậu chết.

2. Khoảnh Tương vương của nước Sở bệnh nặng. Hoàng Hiết nói với Ứng hầu rằng:

- Nay Sở vương bệnh nặng sợ không khỏi, chẳng gì bằng Tần cho Thái tử của Sở về nước. Thái tử được lập, nhất định càng phải thờ phụng nước Tần mà vô cùng cảm kích ân đức của Tướng quốc, thế thì được nước lân bang kết hảo mà có thêm sự trợ giúp của cái nước vạn thặng vậy. Nếu không cho về, thì Thái tử chỉ là kẻ áo vải ở thành Hàm Dương thôi. Nước Sở đổi lập vua khác, tất chẳng thờ Tần, đấy là đánh mất nước lân bang mà dứt tuyệt sự hòa hiếu của nước vạn thặng, không phải là kế hay vậy.

Ứng hầu đem lời ấy báo với Tần vương. Tần vương nói:

- Nên sai sứ phó của Thái tử về trước thăm bệnh vua Sở, sau khi quay lại mới bàn việc đó.

Hoàng Hiết bàn mưu với Thái tử rằng:

- Nước Tần giữ thái tử lại, là muốn dùng việc này để cầu lợi vậy. Nay lực của Thái tử chưa thể mang lại cái lợi cho nước Tần, mà hai người con của Dương Văn quân đều ở Sở. Nếu Vương thất nhiên trọn mệnh, Thái tử chẳng có ở đó, con của Dương Văn quân tất được lập, Thái tử chẳng được thờ phụng tông miếu nữa rồi. Chẳng gì bằng trốn khỏi nước Tần, cùng đi với sứ giả. Thần xin ở lại, lấy cái chết để đối phó với vua Tần!

Thái tử liền thay y phục giả làm sứ giả nước Sở đánh xe ra khỏi cửa quan; còn Hoàng Hiết ở lại lữ xá, thường xưng là Thái tử có bệnh từ chối lai vãng. Liệu chừng Thái tử đi đã xa, bèn tự đến nói với Tần vương rằng:

- Thái tử nước Sở đã về, đi rất xa rồi. Hiết tình nguyện xin được ban tội chết!

Tần vương giận, muốt xử tội Hiết. Ứng hầu nói:

- Hiết là kẻ nhân thần, hiến thân cứu chủ, Thái tử được lập, tất tin dùng Hiết. Chẳng bằng không bắt tội mà cho Hiết về nước, để kết thân với nước Sở.

Tần vương theo lời ấy.

Hoàng Hiết về Sở được ba tháng, mùa thu, Khoảnh Tương vương hoẵng, Khảo Liệt vương tức vị; dùng Hoàng Hiết làm Tướng quốc, phong cho Hiết đất Hoài Bắc, hiệu là Xuân Thân quân.

Năm thứ năm mươi ba (Kỷ Hợi – TCN 262)

1. Nước Sở dâng đất Châu Ư cho nước Tần để cầu hòa.

2. Vũ An quân của Tần đánh Hàn, hạ Dã Vương, đường tới Thượng Đảng bị cắt đứt, người giữ Thượng Đảng là Phùng Đình bàn với dân của mình rằng:

- Đường đến đất Trịnh⁽¹⁾ đã đứt, binh Tần tiến ngày một gần, nước Hàn chẳng thể cứu ứng, chi bằng đem đất Thượng Đảng quy thuận nước Triệu. Nước Triệu thu nhận bọn ta, thì Tần tất đánh họ; Triệu bị Tần đánh, nhất định phải thân với nước Hàn; hai nước Hàn, Triệu là một, thì có thể đối địch với nước Tần rồi.

Bèn phái sứ giả đến báo với nước Triệu rằng:

- Nước Hàn chẳng thể giữ được Thượng Đảng, muốn dâng đất ấy cho Tần, quan dân đất ấy đều thích nước Triệu, không muốn phụ thuộc Tần. Chỗ đó có mười bảy thành ấp, xin tình nguyện dâng hiến cho đại vương!

Triệu vương đem việc báo với Bình Dương quân Triệu Báo, Triệu Báo nói:

- Thánh nhân xem cái lợi vô có là họa rất lớn.

Triệu vương nói:

- Người ta yêu thích cái đức của ta, sao lại nói là vô có?

¹ Nước Hàn đã diệt nước Trịnh, dời kinh đô đến đất Tân Đô. Đường từ Thượng Đảng về kinh phải đi qua Dã vương, nước Tần đã hạ Dã vương, cho nên Phùng Đình nói đường đến đất Trịnh bị cắt đứt.

Triệu Báo thưa rằng:

- Nước Tần tằm thực đất Hàn, cắt đứt chỗ trung gian, khiến họ không thể qua lại được, cho nên tự đem đất Thượng Đảng mà trao cho ta vậy. Nước Hàn sợ dĩ không dâng đất cho Tần, là muốn đem cái họa ấy giá cho nước Triệu. Tần xuất binh lao nhọc mà nước Triệu thu nhận cái lợi ấy, dẫu ta cường mạnh còn chẳng thể làm thế huống chi là nhược tiểu, nhược tiểu lại cố tranh giành với nước cường mạnh ư? Đấy không phải cái lợi vô có sao? Chẳng bằng đừng nhận.

Triệu vương lại đem việc báo với Bình Nguyên quân, Bình Nguyên quân khuyên nhận đất ấy. Triệu vương bèn sai Bình Nguyên quân qua nhận đất, phong Thái thú đất ấy làm Hoa Dương quân, ban cho đô ấp ba vạn hộ làm đất phong, lại phong Huyện lệnh ở đấy làm Hầu, ban cho ba ấp nghìn hộ, quan dân đều được thêm tước ba cấp. Phùng Đình rơi nước mắt không ra gặp sứ giả, nói:

- Ta chẳng nỡ bán đất của chủ mà ăn lộc ở đấy vậy!

Năm thứ năm mươi lăm (Tân Sửu – TCN 260)

1. Tả thứ trưởng của nước Tần là Vương Hột đánh Thượng Đảng, hạ chỗ ấy. Dân chúng Thượng Đảng chạy sang nước Triệu. Triệu phái Liêm Pha đóng quân ở Trường Bình, để chi viện cho dân Thượng Đảng. Vương Hột liền tiến đánh nước Triệu. Quân Triệu mấy lần giao chiến không thắng, mất một Tỳ tướng và bốn viên Úy. Triệu vương cùng Lâu Xương và Ngụ Khanh bàn mưu, Lâu Xương xin phái sứ giả có địa vị lớn cầu thân với Tần. Ngụ Khanh nói:

- Nay hòa hay không là ở nước Tần; Tần dĩ nhiên là muốn phá quân của Vương rồi, dẫu qua đó cầu thân, Tần sẽ không nghe. Chẳng bằng phái sứ giả đem đồ trân bảo theo dựa hai

nước Sở, Ngụy. Sở, Ngụy nhận, thì Tần ngò là thiên hạ hợp tung, cầu thân mới có thể thành được vậy.

Triệu vương không nghe, sai Trịnh Chu đi cầu thân với Tần, Tần nhận cho hòa. Triệu vương bảo Ngụ Khanh rằng:

- Nước Tần tiếp đãi Trịnh Chu rồi.

Ngụ Khanh đáp rằng:

- Vương tất không cầu thân được mà quân bị đánh bại thôi. Vì sao? Sứ giả thiên hạ mừng chiến thắng đều ở tại nước Tần rồi. Trịnh Chu, là người cao quý vậy, Tần vương và Ứng hầu tất phải tôn trọng ông ấy để tỏ ý với người thiên hạ. Thiên hạ thấy Vương cầu thân với Tần, tất không đến cứu Vương; Tần biết thiên hạ không cứu Vương, thì cầu thân chẳng thể thành được nữa.

Không lâu sau, nước Tần quả nhiên tuyên truyền việc Trịnh Chu đến cầu hòa, nhưng không cùng nước Triệu giảng hòa.

Nước Tần nhiều lần đánh bại binh Triệu, Liêm Pha vững lũy không xuất chiến. Triệu vương cho rằng Liêm Pha thất bại nhiều lần nên khiếp nhát không ra đánh, giận, mấy lần trách mắng. Ứng hầu lại sai người mang nghìn vàng đến nước Triệu làm kế phản gián, nói:

- Điều nước Tần lo sợ, duy có việc con của Mã Phục quân là Triệu Quát làm tướng thôi! Liêm Pha dễ đổi phó, sắp hàng rồi!

Triệu vương bèn dùng Triệu Quát thay Pha làm tướng. Lạn Tương Như nói:

- Vương dùng Quát chỉ vì nghe danh, cũng như gấn tạm trực đàn mà gảy thôi. Quát chỉ biết đọc sách của cha để lại, chẳng biết tùy cơ ứng biến vậy.

Wương không nghe.

Ban đầu, Triệu Quát theo học binh pháp từ nhỏ, cho là thiên hạ chẳng ai đối địch được mình; Quát từng cùng cha mình là Xa

bàn việc binh, Xa không bắt bẻ được, nhưng vẫn không cho là Quát có tài. Mẹ Quát hỏi duyên cớ vì sao, Xa nói:

- Binh đao, là đi vào chỗ chết vậy, mà Quát nói năng xem là thường. Ví như nước Triệu không dùng Quát thì thôi, nếu dùng Quát làm tướng, phá nát quân Triệu tất là nó vậy.

Lúc Quát sắp khởi hành, mẹ của Quát dâng thư, nói không nên sai Quát đi. Triệu vương hỏi: "Vì sao?"

Mẹ của Quát thưa rằng:

- Ban đầu thiếp thờ cha nó, bấy giờ làm tướng, người được ông ấy đích thân bưng bát dâng thức ăn có mấy chục người, được ông ấy xem là bằng hữu đến mấy trăm, những thứ mà Vương và tông thất ban thưởng, ông ấy chia hết cho Quân lại và Sĩ đại phu; ngày nhận mệnh làm tướng, không hỏi đến việc nhà. Nay Quát một sớm làm tướng, ngoảnh mặt về đông⁽¹⁾ nhận bái, Quân lại không dám ngẩng lên nhìn nó; vàng lụa Vương ban cho, đều đem về cất ở nhà, hàng ngày đều xét xem nhà cửa ruộng vườn có thể mua được thì mua. Vương cho là nó bằng được cha, nhưng cha con nó dụng tâm không giống nhau, xin Vương đừng sai nó đi!

Triệu vương nói:

- Bà đừng nói nữa, ta đã quyết rồi!

Mẹ Quát nói:

- Ví như nó có chỗ không xứng ý, thiếp xin không bị bắt tội theo!

Triệu vương đồng ý.

Tân vương nghe tin Quát đã làm tướng nước Triệu, bèn ngầm sai Vũ An quân làm Thượng tướng quân, đổi Vương Hột làm phó tướng, lệnh trong quân rằng:

¹ Ngày xưa vua ngồi hướng bắc quay mặt hướng nam, Tướng quân và Thừa tướng ngồi hướng Tây quay mặt về hướng Đông. Triệu Quát khác hẳn cha là Triệu Xa, rất không khiêm tốn.

- Ai dám tiết lộ việc Vũ An quân làm tướng thì chém!

Triệu Quát đến chỗ đóng quân, thay đổi hết các ước thúc, đổi đặt Quân lại, xuất binh đánh quân Tần. Vũ An quân vò thua chạy, giăng hai đội kỳ binh để chặn đánh. Triệu Quát thừa thắng đuổi đến vách lũy quân Tần, nhưng lũy vững thủ chắc không vào được; hai vạn năm nghìn kỳ binh cắt đứt đường phía sau quân Triệu, lại có năm nghìn quân kỵ ngăn đường về doanh lũy. Quân Triệu bị chia làm đôi, đường vận lương đứt tuyệt. Vũ An quân xuất khinh binh ra đánh, quân Triệu giao chiến bất lợi, liền đắp lũy đất thủ vững để đợi quân cứu đến. Tần vương nghe nói đường vận lương của quân Triệu cách tuyệt, đích thân đến Hà Nội điều phát dân chúng từ mười lăm tuổi trở lên đến hết Trường Bình, ngăn trở cứu binh và quân vận lương của nước Triệu. Quân Tề, quân Sở đi cứu Triệu. Người Triệu thiếu đói, xin thóc ở nước Tề, Tề vương không cho. Chu tử nói:

- Nước Triệu với Tề, Sở, che chắn cho nhau, cũng ví như môi với răng vậy, môi hở thì răng lạnh; hôm nay Triệu mất, hôm sau họa đến Tề, Sở rồi. Cái việc cứu Triệu, giống như bưng vại sành rót nước xuống chảo nóng. Và lại cứu Triệu, là cao nghĩa vậy; đẩy lui binh Tần, là nổi uy vậy; có cái nghĩa cứu giúp nước mất, được cái uy đẩy lui cường Tần. Chẳng làm việc ấy lúc này lại yêu tiếc thóc, về quốc kế là sai rồi!

Tề vương không nghe.

Tháng chín, quân Triệu bị cắt đường vận lương bốn mươi sáu ngày, binh sĩ ở trong đều ngấm tàn sát ăn thịt lẫn nhau. Triệu Quát đến đánh lũy gấp, muốn chia quân làm bốn đội, thay nhau đánh bốn, năm lần, không ra được. Triệu Quát tự thống suất binh tinh nhuệ đánh đấu, bị quân Tần bắn giết. Binh Triệu đại bại, rút cục bốn mươi vạn người đều hàng. Vũ An quân nói:

- Lúc trước quân Tần đã hạ Thượng Đảng, dân Thượng Đảng chẳng thích theo Tần lại theo về nước Triệu. Binh Triệu phản phúc, không giết hết bọn chúng, e rằng thành loạn.

Bèn dùng kế trá lừa chôn sống hết binh Triệu, chỉ sót lại hai trăm bốn mươi người ít tuổi cho về nước Triệu, trước sau bắt chém bốn mươi lăm vạn người; nước Triệu rung động.

Năm thứ năm mươi sáu (Nhâm Dần – TCN 259)

1. Tháng mười, Vũ An quân chia quân làm ba: Vương Hột đánh Vũ An, Bì Lao của nước Triệu, hạ được. Tư Mã Ngạnh lên bắc bình định Thái Nguyên, chiếm hết đất Thượng Đảng. Hai nước Hàn, Ngụy sai Tô Đại đem lễ hậu đến nói với Ứng hầu rằng:

- Vũ An quân sắp vây Hàm Đan chẳng?

Ứng hầu nói:

- Đúng.

Tô Đại nói:

- Triệu mất thì Tần là vua của vua rồi; Vũ An quân làm Tam công, ngài làm người dưới của ông ta có được chẳng? Dẫu muốn không làm người dưới của ông ấy, cũng chẳng thể được. Nước Tần từng đánh nước Hàn, vây Hình Khâu, bức khốn Thượng Đảng, dân chúng Thượng Đảng đều làm phản theo Triệu, thiên hạ chẳng thích làm dân nước Tần đã lâu rồi. Nay nước Triệu mất, dân phía bắc chạy vào nước Yên, dân phía đông chạy vào nước Tề, dân phía nam chạy vào nước Hàn, nước Ngụy, thì số dân nước ngài thu được không đáng là bao. Chi bằng nhân lúc này cắt đất của Triệu, không để Vũ An quân độc chiếm công lao vậy.

Ứng hầu nói với Tần vương rằng:

- Binh Tần lao nhọc, xin hãy đồng ý cho hai nước Hàn, Triệu cắt đất cầu hòa, tạm thời cho sĩ tốt được nghỉ ngơi.

Vương theo lời ấy, nước Hàn cắt thành Viên Ung, nước Triệu cắt sáu thành để cầu hòa, tháng giêng, các bên đều bãi binh. Vũ An quân vì thế cùng Ứng hầu thành hiềm khích.

Triệu vương sắp sai Triệu Hác kết ước với nước Tần, cắt sáu huyện. Ngụ Khanh bảo Triệu vương rằng:

- Lúc nước Tần đánh nước của Vương, vì mệt mỏi mà rút về chẳng? Hay còn dư sức để tiến, nhưng yêu mến Vương mà không đánh chẳng?

Triệu vương nói:

- Tần không còn dư sức, tất vì mệt mỏi mà quay về vậy.

Ngụ Khanh nói:

- Nước Tần dốc sức đánh không lấy được cái chỗ muốn lấy, mệt mỏi mà quay về, Vương lại đem cái chỗ họ dốc sức đánh không lấy được trao cho họ, đấy là giúp cho nước Tần để tự đánh mình vậy. Năm tới nước Tần đánh Vương, Vương vô phương cứu chữa rồi.

Kế của Triệu vương chưa định. Lâu Hoãn đến nước Triệu, Triệu vương cùng Lâu Hoãn bàn kế. Lâu Hoãn nói:

- Ngụ Khanh chỉ biết một mà không biết hai. Tần, Triệu gây nạn mà thiên hạ đều vui, sao vậy? Họ đều nói: "Ta hãy dựa thế kẻ mạnh mà thu lợi ở kẻ yếu thôi." Nay nước Triệu chẳng gì bằng gấp cắt đất cầu hòa để thiên hạ nghỉ ngơi, lại khiến Tần thỏa lòng. Không như thế, thiên hạ sẽ nhân cái giận của Tần, thừa lúc nước Triệu mệt mỏi, chia xé nước Triệu, nước Triệu diệt vong, còn gì để đối phó với Tần nữa!

Ngụ Khanh nghe tin, lại gặp Triệu vương nói:

- Ngụy thay cái kế của Lâu tử, làm thế thì càng khiến thiên hạ nghỉ ngơi, mà nước Tần há vừa lòng sao? Há chẳng phải là tỏ

ra với thiên hạ rằng mình yếu sao? Vả lại thần nói đừng cho, không nhất định là đừng cho vậy. Nước Tần đòi Vương sáu thành, mà Vương đem sáu thành đút cho nước Tề. Nước Tề, là nước thâm thù với nước Tần, nghe nói Vương làm việc ấy tất chẳng đợi Vương nói hết lời đã lập tức xuất binh. Thế thì Vương mất đất cho Tề mà được bù lại ở Tần, mà tỏ rõ với thiên hạ là nước Triệu dám làm vậy. Vương đem điều ấy nói ra, binh chưa ngó tới biên cảnh, thần đã thấy nước Tần đem của quý đến nước Triệu, trái lại nước Tần phải cầu hòa với Vương. Hai nước Hàn, Ngụy nghe biết việc ấy, tất đều xem trọng Vương, thế thì Vương làm một việc mà kết tình thân ba nước, lại khiến tình thế của mình với nước Tần thay đổi vậy.

Triệu vương nói: "Hay!" Bèn sai Ngụ Khanh sang đông gặp Tề vương, cùng nước Tề mưu chống Tần. Ngụ Khanh chưa quay về, sứ giả nước Tần đã ở nước Triệu rồi. Lâu Hoãn nghe tin, trốn đi. Triệu vương phong cho Ngụ Khanh một tòa thành.

Lúc Tần bắt đầu đánh Triệu, Ngụy vương hỏi kế các đại phu, mọi người đều cho rằng Tần đánh Triệu, đối với nước Ngụy là có lợi. Khổng Bân hỏi:

- Sao nói vậy?

Mọi người đáp:

- Tần thắng Triệu, thì ta nhân đó chế phục Triệu; Tần không thắng Triệu, thì ta có thể thừa lúc họ mệt mỏi mà đánh họ.

Tử Thuận⁽¹⁾ nói:

- Không phải, nước Tần từ đời Hiếu công đến nay, giao chiến chưa từng chịu khuất, nay lại trọng dụng lương tướng, có gì mệt mỏi để ta thừa cơ được?

Các đại phu nói:

¹ Tử Thuận (子顺), tức Khổng Bân (孔斌).

- Ví như Tần thắng Triệu, với ta có tổn hại gì? Nỗi nhục của nước lân bang, là cái phúc của nước ta vậy.

Tử Thuận nói:

- Tần, là nước tham bạo vậy, họ thắng Triệu, tất lại đòi hỏi ở nước khác, ta e là lúc ấy nước Ngụy phải chịu sự công kích của nước Tần vậy. Người xưa có nói: "Yến tước trong tổ trên xà nhà, mẹ con âu yếm nhau, đập cánh cùng vui sướng, tự cho là yên rồi. Bếp lò đột nhiên bốc lửa, mái nhà bùng cháy, yến tước không lo lắng gì, chẳng biết là họa sắp đến mình vậy. Nay các ông chẳng ngộ ra rằng một khi nước Triệu bị phá thì họa sẽ đến mình, há chẳng phải là người mà lại giống yến tước sao?

Tử Thuận, là cháu sáu đời của Khổng tử vậy.⁽¹⁾

Khi trước, Ngụy vương nghe nói Tử Thuận hiền, phái sứ giả mang biểu vàng thoi và lụa bó, đón mời dùng làm Tướng quốc. Tử Thuận nói:

- Nếu Vương có thể tin dùng cái đạo của ta, đạo của ta vốn là đạo an bang trị thế vậy, đâu phải ăn cơm rau uống nước lã, ta vẫn vui lòng. Nếu chỉ muốn ta mặc sắc phục cho tôn quý tấm thân, cấp cho bổng dày lộc hậu, ta vẫn làm kẻ thường dân thôi! Ngụy vương đâu thiếu một kẻ thất phu?

Sứ giả cố mời, Tử Thuận bèn đến nước Ngụy; Ngụy vương ra ngoài thành nghênh đón dùng làm Tướng quốc. Tử Thuận bèn triệt bỏ quan lại hèn kém được sủng ái, dùng người hiền tài, tước đoạt bổng lộc của kẻ không nhận việc ban cho người có công. Những kẻ bị mất chức đều không hài lòng, bèn bịa đặt lời báng bổ. Văn Tư đem lời ấy báo với Tử Thuận. Tử Thuận nói:

- Dân chúng chẳng thể cùng ta lo việc buổi ban đầu! Người khéo xử lý chính sự thời xưa, từ lúc ban đầu chẳng thể tránh

¹ Khổng tử sinh ra Bá Ngự, Bá Ngự sinh ra Tử Tư, Tử Tư sinh ra Tử Thương, Tử Thương sinh ra Tử Gia, Tử Gia sinh ra Tử Kinh, Tử Kinh sinh ra Tử Cao, Tử Cao sinh ra Tử Thuận.

được sự phi báng. Tử Sản làm Tướng quốc nước Trịnh, sau ba năm lời phi báng mới dừng; tiên quân ta làm Tướng quốc nước Lỗ, sau ba tháng lời phi báng mới dừng. Nay ta sửa đổi chính sự ít ngày, đâu chẳng theo kịp người hiền, há phải tính xét đến lời phi báng?

Văn Tư nói:

- Chẳng hay lời phi báng với tiên quân khi xưa là thế nào?

Tử Thuận nói:

- Tiên quân làm Tướng quốc nước Lỗ, có người hát chê tiên quân rằng: "Áo da che gối, bắt hẩn không tội. Che gối áo da, trói hẩn thực tốt." Sau ba tháng, phong khí và giáo hóa đã thành, dân chúng lại ca tụng rằng: "Áo cừ mũ đoạn, nghĩ điều dân mong. Mũ đoạn áo cừ, vì dân hết lòng."⁽¹⁾

Văn Tư mừng nói:

- Nay ta mới biết tiên sinh chẳng khác bậc thánh hiền xưa.

Tử Thuận làm Tướng quốc nước Ngụy cả bảy chín tháng, bày đại kế thường không được dùng, bèn búi ngủi nói:

- Nói ra chẳng được dùng, đấy là lời của ta không thích hợp vậy. Lời nói chẳng hợp ý quân chủ, ta giữ chức quan, hưởng dụng bổng lộc, đấy là ngồi không ăn lộc thôi, tội của ta rất nặng rồi!

Liên xưng bệnh từ chức. Có người bảo Tử Thuận rằng:

- Vương chẳng dùng ngài, sao ngài không đến xứ khác?

Tử Thuận đáp:

- Đến xứ nào đây? Các nước vùng Sơn Đông sắp bị Tần thôn tính; nước Tần hành vi bất nghĩa, về đạo lý chẳng thể đến được.

Bèn nghỉ ở nhà. Tần Viên cố hỏi Tử Thuận rằng:

- Chỗ mà người hiền ở, nhất định giáo hóa chấn hưng dẫn đến đại trị. Nay ngài làm Tướng quốc nước Ngụy, chưa nghe

¹ Mặc áo da hươu có tấm che gối, mũ đoạn áo cừ, là chỉ quan lại quyền quý.

nói có chính tích gì đặc biệt mà tự lui về, ta đoán rằng cái chí của ngài không được thỏa, sao lại từ chức nhanh như vậy?

Tử Thuận nói:

- Vì không có chính tích gì đặc biệt, cho nên ta tự lui về. Và lại người bệnh đã chết thì không có thầy thuốc giỏi nào chữa trị được. Nay nước Tần có lòng kiêm nuốt thiên hạ, dùng cái đạo nhân nghĩa thờ họ, cố nhiên là chẳng được an toàn; cứu nguy vong chẳng kịp, còn nói gì đến hưng giáo hóa! Xưa kia Y Chí ở triều Hạ, Lã Vọng ở triều Thương, mà bệnh của hai nước không chữa trị được, há phải là Y, Lã không muốn cứu giúp nước sao? Mà vì đại thế không thể vãn hồi được vậy.⁽¹⁾ Hiện nay các nước vùng Sơn Đông hủ bại mà chẳng thể chấn hưng được, Tam Tấn cắt đất để cầu an, hai nhà Chu gây đổ quy thuận nước Tần, các nước Yên, Tề, Sở đã khuất phục rồi. Từ đấy mà xét, chẳng quá hai mươi năm nữa, các nước thiên hạ quy thuộc về với nước Tần hết thôi!

2. Tần vương muốn giúp Ứng hầu báo cừu rửa hận, nghe nói Ngụy Tề ở chỗ Bình Nguyên quân, bèn dùng lời ngon ngọt dụ Bình Nguyên quân đến Tần rồi bắt giữ, phái sứ giả đến báo Triệu vương rằng:

- Không lấy được đầu của Ngụy Tề, ta không thả em của Vương về cửa quan!

Ngụy Tề cùng quần, đến chỗ Ngụy Khanh, Ngụy Khanh bỏ ấn Tướng quốc cùng Ngụy Tề đều đi trốn. Khi đến nước Ngụy, muốn nhờ Tín Lăng quân để trốn sang nước Sở. Tín Lăng quân ngần ngại, ra gặp họ, Ngụy Tề giận, tự sát. Triệu vương đem

¹ Y Chí (伊摯), tức Y Doãn (伊尹), là hiền tướng nhà Thương, từng giữ chức quan nhỏ tại vương triều nhà Hạ, vì vua Kiệt bạo ngược, dân chúng oán hận, Y Doãn can rằng: "Nếu Đại vương cứ thế này, nước sẽ diệt vong." Vua Kiệt nói: "Ta cũng giống mặt trời trên cao, nếu mặt trời tắt thì ta mới bị diệt thôi."

Lã Vọng (呂望), tức Khương Tử Nha (姜子牙), là người có công lớn giúp hai vua Văn vương và Vũ vương lập nên cơ nghiệp nhà Chu. Theo *Sử ký*, Thái công (Lã Vọng) kiến thức uyên bác, từng thờ vua Trụ, vua Trụ vô đạo, Thái công bỏ đi.

đầu của Ngụy Tề đến dâng Tần vương, nước Tần bèn thả Bình Nguyên quân về.

Tháng chín, Ngũ đại phu Vương Lăng của Tần lại đem binh đánh nước Triệu. Vũ An quân mắc bệnh, không đi được.

Năm thứ năm mươi bảy (Quý Mão – TCN 258)

1. Tháng giêng, Vương Lăng đánh Hàm Đan, cơ hồ thất lợi, Tần vương liền điều phát thêm binh tốt cho Lăng; Lăng chết mất bốn nghìn người. Vũ An quân khỏi bệnh, Vương muốn sai ra thay Lăng. Vũ An quân nói:

- Thành Hàm Đan thực chưa dễ đánh vậy; vả lại quân cứu của chư hầu sắp đến. Chư hầu bên kia oán hận nước Tần lâu ngày rồi, nước Tần tuy thắng ở Trường Bình, nhưng sĩ tốt tử vong quá nửa, trong nước rỗng không, lại đi xa cách tuyệt núi sông mà đánh quốc đô của nước khác; nước Triệu ngăn chống ở trong, chư hầu đánh ở ngoài, quân Tần bị đánh vỡ là điều tất nhiên vậy.

Tần vương thấy tự mình hạ lệnh mà Bạch Khởi không chịu, bèn sai Ưng hầu khuyên giải. Vũ An quân nhất định chối có bệnh, không tiếp; Tần vương bèn dùng Vương Hột thay Lăng.

Triệu vương sai Bình Nguyên quân đi cầu cứu với nước Sở, Bình Nguyên quân muốn lựa hai mươi người văn võ toàn tài trong số môn hạ thực khách của mình để đi cùng, được mười chín người, những người còn lại đều không đủ tư cách. Mao Toại tự tiến cử mình với Bình Nguyên quân, Bình Nguyên quân nói:

- Phàm là hiền sĩ ở đời, cũng ví như cái dùi trong túi vải, mũi nhọn của nó sẽ xuất lộ ra ngoài. Nay tiên sinh ở trong số môn hạ của Thắng đã ba năm rồi, tả hữu chưa hề có lời khen ngợi ngài, Thắng này cũng chưa hề nghe nói các việc mà tiên sinh làm, rõ là tiên sinh không có chỗ khả thủ vậy. Tiên sinh chẳng có tài cán gì, nên ở lại.

Mao Toại nói:

- Hôm nay thuộc hạ xin được ở trong túi vải của ngài! Nếu Toại này sớm được ở trong túi vải, thì đã rơi hẳn ra ngoài rồi, chứ không chỉ xuất lộ cái mũi nhọn ra ngoài mà thôi.

Bình Nguyên quân bèn cho Toại đi cùng, mười chín người nhìn nhau mà cười. Bình Nguyên quân đến nước Sở, cùng Sở vương nói về cái lợi cái hại của việc hợp tung, từ lúc mặt trời lên thì bắt đầu bàn, đến giữa trưa không quyết được. Mao Toại liền vỗ kiếm trèo bậc thềm mà lên, bảo Bình Nguyên quân rằng:

- Cái lợi cái hại của hợp tung, nói hai lời thì quyết thôi! Hôm nay mặt trời ló ra thì bàn, giữa trưa chẳng quyết được, sao vậy?

Sở vương nổi giận quát rằng:

- Không mau dứt đi! Ta và chủ nhân ngời bàn chuyện, sao ngươi dám làm vậy?

Mao Toại vỗ kiếm rồi tiến lên nói:

- Đại vương sở dĩ dám quát mắng Toại này, là vì cậy nước Sở người đông thế mạnh. Nay trong vòng chục bước chân thôi, Vương chẳng thể cậy nước Sở người đông thế mạnh! Tính mệnh của Vương nằm ở trong tay Toại này. Chủ của ta ở trước mặt, quát mắng ta là sao? Vả lại Toại này nghe nói vua Thang dùng bảy mươi dặm đất mà làm vua thiên hạ, Văn vương dùng trăm dặm đất mà khiến chư hầu thần phục, há phải sĩ tốt của họ đông nhiều đâu? Nay nước Sở đất rộng năm nghìn dặm, binh cầm kích trăm vạn, đây là vốn liếng của bậc bá vương vậy. Dựa vào sự cường mạnh của nước Sở, thiên hạ chẳng thể chống được. Bạch Khởi, là thằng trẻ ranh thôi, thống suất mấy vạn quân, hưng sư động chúng cùng nước Sở giao chiến, đánh trận thứ nhất lấy được Yển, Dĩnh, đánh trận thứ hai đốt sạch lăng miếu, đánh trận thứ ba lăng nhục tiền nhân của Vương, đây là cái hận trăm đời mà người nước Triệu then thay cho Vương, vậy mà Vương chẳng xấu hổ. Hợp tung là vì Sở, không phải là vì Triệu vậy. Chủ ta ở trước mặt, Vương quát mắng vậy là sao?

Sở vương nói:

- Dạ, dạ. Thực như lời tiên sinh nói, ta nguyện đem cả xã tắc để theo.

Mao Toại hỏi:

- Hợp tung đã định chưa?

Sở vương nói:

- Định rồi.

Mao Toại bảo tả hữu của Sở vương rằng:

- Lấy máu gà, chó, ngựa đến đây!

Mao Toại bưng mâm đồng rồi quỳ xuống dâng lên nói với Sở vương rằng:

- Xin Vương hãy uống máu ước thệ để định hợp tung; kể đến là chủ ta, thứ nữa là Toại này.

Bèn ước định hợp tung trên điện đường. Mao Toại tay tả cầm mâm huyết, tay hữu vẫy mười chín người nói:

- Các ông cùng nhau uống chỗ máu này ở dưới điện! Các ông theo đi, đấy gọi là "dựa vào người khác thành việc" vậy.

Bình Nguyên quân ước định hợp tung xong thì quay về, đến nước Triệu, nói:

- Thắng này chẳng dám xem tướng kẻ sĩ thiên hạ nữa!

Bèn dùng Mao Toại làm thượng khách.

Sau đó Sở vương sai Xuân Thân quân đem binh cứu Triệu, Ngụy vương cũng sai Tướng quân Tấn Bỉ đem chục vạn binh cứu Triệu. Tần vương sai người bảo Ngụy vương rằng:

- Ta đánh nước Triệu, sớm tối sẽ hạ được, chư hầu ai dám cứu Triệu, ta hạ được Triệu rồi, tất dòi binh đến đánh nước đó trước!

Ngụy vương sợ hãi, phái sứ ngăn Tấn Bỉ lại, lưu binh giữ Nghiệp Thành, đánh tiếng cứu Triệu, kỳ thực hai lòng. Lại sai Tướng quân Tân Viên Diễn ngấm vào thành Hàm Đan, thông

qua Bình Nguyên quân khuyên Triệu vương, muốn cùng tôn Tần làm Đế khiến bên ấy lui binh. Người nước Tề là Lỗ Trọng Liên ở tại Hàm Đan, nghe tin, qua gặp Tân Viên Diễn nói:

- Nước Tần kia bỏ lễ nghĩa mà xem trọng cái công chém đầu người.⁽¹⁾ Cái nước phóng túng như thế mà làm Đế thiên hạ, thì Liên này nguyện nhảy xuống bể Đông mà chết, chẳng muốn làm dân nước ấy vậy! Vả lại nước Lương chưa nhìn thấy cái hại của việc Tần xưng Đế thôi, ta sẽ khiến Tần vương đem Lương vương ra nấu chín làm mắm!

Tân Viên Diễn tấm tức không hài lòng, hỏi:

- Tiên sinh có thể khiến Tần vương nấu chín Lương vương làm mắm sao?

Lỗ Trọng Liên nói:

- Đương nhiên! Ta sẽ nói cho ngài nghe. Xưa kia, Cửu hầu, Ngạc hầu, Văn vương, là tam công của vua Trụ vậy. Cửu hầu có người con gái đẹp, dâng cho vua Trụ, vua Trụ chán ghét cô ta, bèn nấu chín Cửu hầu làm mắm; Ngạc hầu ra sức can ngăn, hết mực biện hộ, nên vua Trụ xẻ thịt ông ta phơi khô, Văn vương nghe tin, buồn ngủi than thở, nên bị giam tù trăm ngày ở ngục Dữu Lý, định sai người giết chết. Nay Tần là nước vạn thặng vậy; Lương, cũng là nước vạn thặng vậy, đều có cái danh xưng Vương, sao mới thấy nước Tần thắng một trận, đã muốn phục tùng mà tôn Tần làm Đế, rút cục lại khiến mình đến cái chỗ chịu phơi khô làm mắm sao! Vả lại Tần vương không bị ngăn chặn mà xưng Đế, thì sẽ thi hành lễ nghi của thiên tử để ra hiệu lệnh với thiên hạ, sẽ hoán đổi đại thần của các chư hầu, bên ấy sẽ triệt bỏ những người mà họ cho là không ra gì rồi dùng những người họ cho là hiền, triệt bỏ những người mà họ ghét rồi dùng những người mà họ yêu, bên ấy lại sai con gái và hạng tì thiếp sàm nịnh làm phi tần các vua chư hầu, ở trong cung

¹ Nước Tần từ khi thực hiện "Biến pháp" của Thương Ưởng, chú trọng việc đánh giết, xem việc chém địch lập công là công lao hàng đầu.

nước Lương, Lương vương làm sao mà an nhiên được? Mà tướng quân có cách gì để nhận được sự sùng ái như trước đây?

Tân Viên Diễn đứng dậy, lạy hai lạy nói:

- Ta đến hôm nay mới biết tiên sinh là bậc cao sĩ trong thiên hạ vậy! Ta xin về, không dám bàn việc tôn Tân làm Đế nữa!

2. Yên Vũ Thành vương hoảng, con là Hiếu vương kế lập.

3. Khi trước, Công tử của nước Ngụy là Vô Kỵ, là người nhân nghĩa lại nhún mình tiếp đãi kẻ sĩ, thu dưỡng ba nghìn thực khách. Nước Ngụy có vị ẩn sĩ là Hầu Doanh, bảy mươi tuổi, nhà nghèo, làm quan giữ cửa thành Di Môn ở Đại Lương. Công tử đặt tiệc rượu đại hội tân khách, khách yên định chỗ ngồi rồi, công tử mang xe ngựa đi, để trống chỗ ngồi bên tả,⁽¹⁾ tự đi đón Hầu Sinh⁽²⁾. Hầu Sinh vén mũ áo rách, bước thẳng lên xe ngồi bên tả Công tử, không chối nhường; Công tử cầm dây cương càng thêm cung kính. Hầu Sinh bảo Công tử rằng:

- Kẻ hèn này có người khách làm nghề giết mổ ngoài chợ, xin ngài chịu khó đánh xe ngựa qua đó.

Công tử đánh xe vào chợ, Hầu Sinh xuống xe gặp khách của mình là Chu Hối, ngóng nhìn nghiêng ngựa, cố ý đứng lâu, cùng người khách nói chuyện, liếc mắt nhìn Công tử, sắc mặt của Công tử lại càng ôn hòa; Hầu Sinh bèn từ tạ người khách rồi lên xe, đến nhà Công tử. Công tử dẫn Hầu Sinh lên ngồi ở ghế trên, giới thiệu và khen ngợi Hầu Sinh với hết thầy tân khách, tân khách đều kinh ngạc.

Đúng lúc binh Tần vây đánh nước Triệu, phu nhân của Bình Nguyên quân nước Triệu là chị gái của Công tử Vô Kỵ vậy, Bình Nguyên quân phái sứ giả xe ngựa liên tiếp đến nước Ngụy, trách Công tử rằng:

¹ Thời cổ, khi ngồi xe, chỗ bên tả là dành cho người tôn quý. Để trống chỗ bên tả đi đón là để tỏ ý tôn trọng Hầu Doanh.

² Hầu Sinh, tức Hầu Doanh.

- Thắng này sở dĩ tự phụ về chỗ kết nghĩa hôn nhân, vì cho rằng Công tử nghĩa khí cao, có thể cứu giúp nguy khốn cho người khác vậy. Nay thành Hàm Đan trong sớm tối phải đầu hàng nước Tần mà binh cứu của Ngụy không đến, dẫu Công tử khinh Thắng này mà bỏ mặc, há chẳng thương hại chị gái của Công tử sao?

Công tử lo lắng, mấy lần xin Ngụy vương sắc lệnh cho Tấn Bì tiến binh cứu Triệu, lại phái biện sĩ tân khách tìm đủ cách du thuyết, Ngụy vương rút cục không nghe. Công tử bèn tụ tập tân khách thuộc hạ được hơn trăm cỗ xe, muốn đến liều mạng chiến đấu ở nước Triệu; qua cửa Di Môn, vào gặp Hầu Sinh. Hầu Sinh nói:

- Công tử gắng lên nhé, ta già lão chẳng thể đi theo được!

Công tử bỏ đi, được mấy dặm, trong lòng sầu muộn không vui, lại quay về gặp Hầu Sinh. Hầu Sinh cười nói:

- Thuộc hạ cố nhiên biết Công tử sẽ quay lại vậy! Nay Công tử không có cách nào khác nên muốn đến chỗ quân Tần, thế cũng ví như đem thịt quăng cho hổ đói, có công dụng gì đâu!

Công tử lạy hai lạy hỏi kế. Hầu Sinh bèn đuổi hết người ra rồi nói:

- Ta nghe nói binh phù của Tấn Bì để trong phòng ngủ của Vương, mà nàng Như Cơ rất được Vương sủng ái, có thể lấy trộm binh phù. Ta từng nghe nói Công tử vì Như Cơ báo thù cho cha của nàng, Như Cơ muốn giúp Công tử, có chết cũng không từ chối. Công tử nếu thực một lần mở miệng, thì tất có được hổ phù, đoạt lấy binh quyền của Tấn Bì, lên bắc cứu nước Triệu, sang tây đuổi quân Tần, đấy là cái công của Ngủ bá vậy.

Công tử theo như lời ấy, quả nhiên lấy được hổ phù. Công tử sắp đi, Hầu Sinh nói:

- Tướng ở ngoài, quân lệnh có chỗ không theo. Nếu Tấn Bì ghép phù mà không trao binh quyền, xin thỉnh ý Vương, thì

việc sẽ nguy. Thuộc hạ có người khách là Chu Hối, người ấy là lực sĩ, có thể đi cùng Công tử. Nếu Tấn Bì nghe theo, thì rất tốt; nếu không nghe, nên sai Chu Hối đâm chết hẳn!

Vì thế Công tử mời Chu Hối đi cùng. Đến thành Nghiệp, Tấn Bì ghép phù, nghi ngờ việc đó, nhắc tay nhìn Công tử nói:

- Ta cầm mười vạn binh, đóng đồn ở biên cảnh, nay ngài một mình một xe đến thay ta, là nghĩa thế nào?

Chu Hối lấy cây trùy sắt bốn mươi cân giấu ở trong ống áo đánh Tấn Bì chết, Công tử bèn sắp xếp binh của Tấn Bì, lệnh trong quân rằng:

- Ai có cha, con đều ở trong quân thì cha quay về! Ai có anh, em đều ở trong quân thì anh trở về! Ai là con một không có anh em thì quay về nuôi cha mẹ!

Chọn được tám vạn người, thống lĩnh quân tiến lên.

Vương Hột vây đánh Hàm Đan không hạ được, chur hầu đến cứu, giao chiến mấy lần bất lợi. Vũ An quân nghe tin nói:

- Vương không nghe kế của ta, nay thì thế nào rồi?

Tần vương nghe chuyện, rất tức giận, cưỡng ép Vũ An quân cầm binh. Vũ An quân xưng bệnh nặng, không chịu dậy.

Năm thứ năm mươi tám (Giáp Thìn – TCN 257)

1. Tháng mười, Tần vương cách chức Vũ An quân thành Sĩ ngũ⁽¹⁾, chuyển đến đất Âm Mật.

Tháng mười hai, lại điều phát quân đóng bên cạnh huyện Phần Thành. Vũ An quân bệnh, chưa đi được, chur hầu đánh Vương Hột, Vương Hột mấy lần lui binh, sứ giả đến cáo cấp hàng ngày, Vương bèn sai người đuổi Vũ An quân đi, không

¹ Sĩ ngũ (士伍), tức là chỉ được chỉ huy năm binh tốt. Như vậy Bạch Khởi từ chức Tướng quân thống lĩnh muôn người, bị cắt hết chức tước, đất phong, thành lính.

cho ở lại trong thành Hàm Dương. Vũ An quân ra cách cửa tây thành Hàm Dương chực dậm, đến Đỗ Bưu. Tần vương cùng Ưng hầu và quần thần bàn tính rằng:

- Bạch Khởi dời đi, ý còn tấm tức có lời oán giận.

Vương bèn sai sứ giả đi ban bảo kiểm cho Bạch Khởi, Vũ An quân liền tự sát. Người Tần thương xót Vũ An quân, các nơi hương ấp đều tế tự.

Nguy công tử Vô Kỵ đại phá binh Tần dưới thành Hàm Đan, Vương Hột giải vây thành Hàm Đan, bỏ chạy. Trịnh An Bình bị quân Triệu vây khốn, đem hai vạn người đến hàng nước Triệu, Ưng hầu vì thế mắc tội.⁽¹⁾

Công tử Vô Kỵ đã bảo tồn được nước Triệu, nhưng không dám về Ngụy, cùng tân khách ở lại nước Triệu, sai bộ tướng đem quân của mình quay về. Triệu vương cùng Bình Nguyên quân bàn tính, đem năm tòa thành phong cho Công tử Vô Kỵ. Triệu vương tưới nước quét sạch đường tự mình đi nghênh đón, giữ lễ chủ nhân đối đãi, dẫn Công tử đến bậc thềm phía tây trèo lên điện. Công tử khép nép từ chối, theo bậc thềm phía đông trèo lên, tự nói tội mình nặng, đã phụ nước Ngụy, lại không có công với nước Triệu. Triệu vương cùng Công tử uống rượu đến tận tối mịt, miệng chẳng nói việc dâng năm thành, vì sợ là Công tử quá khiêm nhường. Triệu vương đem ấp Hoắc tặng Công tử làm ấp thang mộc⁽²⁾. Nước Ngụy cũng trả lại ấp Tín Lăng cho Công tử.

Công tử nghe nói trong nước Triệu có vị xử sĩ là Mao Công ẩn mình giữa đám đánh bạc, Tiết Công nấu mình trong nhà

¹ Trịnh An Bình giúp Phạm Tuy gặp Vương Kê, vì thế Phạm Tuy được làm Thừa tướng nước Tấn. Phạm Tuy lại tiên cử Trịnh An Bình, Trịnh An Bình hàng nước Triệu, theo quy định của nước Tần, người nào tiến cử kẻ không xứng bị xử đồng tội với kẻ đó, cho nên Phạm Tuy mắc tội.

² Thang mộc (汤沐), nghĩa đen là "tắm gội". Thời xưa Thiên tử ban đất cho chư hầu, chư hầu dùng nguồn lợi (thuế) thu được ấp ấy dùng vào việc tắm gội để trai giới giữ thanh khiết cho mình. Đại khái, đây là ấp riêng, được vua cấp cho tối thân.

người bán tương, muốn tìm gặp bọn họ; hai người không chịu tiếp kiến, Công tử bèn một mình đi bộ đến nhà cùng họ đi chơi. Bình Nguyên quân nghe chuyện liền chê Công tử. Công tử nói:

- Ta nghe nói Bình Nguyên quân hiền, nên bỏ nước Ngụy mà cứu Triệu. Nay xem cái cách mà Bình Nguyên quân giao du, chỉ rộng rãi cất nhắc để tự khoe thôi, chẳng phải là cầu kẻ sĩ vậy. Vốn dĩ Vô Kỵ theo hai người này giao du, còn sợ họ không muốn chơi với mình, Bình Nguyên quân lại thấy thế làm thế nào?

Vì thế sửa soạn hành trang muốn đi. Bình Nguyên quân còi mũ đến tạ lỗi, Ngụy Vô Kỵ bèn lưu lại.

Bình Nguyên quân muốn phong thưởng cho Lỗ Liên,⁽¹⁾ sứ giả ba lần đi lại trở về, rút cục Lỗ Liên không chịu nhận. Bình Nguyên quân đem nghìn vàng đến chúc thọ Lỗ Liên, Lỗ Liên cười nói:

- Cái quý đối với kẻ sĩ trong thiên hạ, là giúp người khác trừ họa giải nạn mà không lấy bất cứ thứ gì. Ví như có lấy, thì đấy là việc làm của hạng con buôn vậy!

Bèn từ biệt Bình Nguyên quân mà đi, suốt đời không gặp lại nữa.

2. Vợ của Thái tử nước Tần là Hoa Dương phu nhân, không có con; Hạ Cơ sinh con là Dị Nhân. Dị Nhân làm con tin ở nước Triệu; nước Tần mấy lần đánh nước Triệu, vì thế người nước Triệu không dùng lễ đãi ngộ. Dị Nhân vì là cháu dòng thứ của vua Tần, làm con tin ở nước chư hầu, xe ngựa đồ dùng hàng ngày không đủ, sinh hoạt rất khổ, phiền muộn bất đắc chí.

Nhà buôn lớn người đất Dương Dịch là Lã Bất Vi tới Hàm Đan, gặp Dị Nhân, nói:

- Món hàng này lạ có thể tích trữ!

Bèn qua gặp Dị Nhân, nói rằng:

¹ Thường công cho Lỗ Trọng Liên vì bệ đã gây cái mưu của Tần Viên Diễn khuyên Tần xưng Đế vậy. Xem ở sự kiện năm thứ năm mươi bảy phía trên.

- Ta có thể làm cửa nhà ngài lớn lên.

Dị Nhân cười nói:

- Hãy tự làm cho cửa nhà ông lớn lên đã.

Bất Vi nói:

- Ngài không biết rồi, cửa nhà tôi phải đợi cửa nhà ngài mới lớn được.

Dị Nhân trong lòng hiểu cái điều mà Bất Vi nói, bèn dẫn vào cùng ngồi, nói chuyện kín. Bất Vi nói:

- Tần vương già rồi. Thái tử yêu mến Hoa Dương phu nhân. Phu nhân không có con. Anh em ngài hơn hai mươi người, Tử Hề⁽¹⁾ có cơ nghiệp nước Tần, Sĩ Thương lại phụ tá ông ấy, ngài ở hàng giữa, không được yêu mến lắm, làm con tin mãi ở nước chư hầu, dẫu Thái tử tức vị, thì ngài cũng chẳng thể tranh giành ngôi kế vị rồi.

Dị Nhân nói:

- Như thế phải làm sao?

Bất Vi nói:

- Có thể lập con đích kế tự, chỉ có Hoa Dương phu nhân thôi. Bất Vi dẫu nghèo, xin đem nghìn vàng vì ngài sang tây du thuyết, lập ngài làm người kế tự.

Dị Nhân nói:

- Nếu đúng như kế của ngài, ta xin được chia nước Tần cùng ngài chung hưởng.

Bất Vi bèn đem năm trăm cân vàng giúp cho Dị Nhân, để kết giao tân khách. Lại dùng năm trăm cân vàng mua vật quý trân bảo, thân hành đem sang phương tây, gặp người chị của Hoa Dương phu nhân, nhờ đem những vật ấy dâng biểu Hoa Dương phu nhân, nhân đó khen Dị Nhân là người hiền, tân

¹ Tử Hề (子侯), là con của Thái tử nước Tần vậy.

khách rộng khắp thiên hạ, thường ngày đêm khóc nhớ Thái tử cùng phu nhân, lại nói:

- Dị Nhân xem phu nhân là người trời!

Phu nhân cả mừng.

Bất Vi sai người thông qua chị gái của phu nhân nói:

- Dùng nhan sắc thờ người, nếu sắc suy kém thì lòng yêu mến nhạt. Nay phu nhân được sủng ái mà không có con, vậy mà chẳng nhân lúc tuổi hoa tươi đẹp sớm tự giao kết với một người hiền hiếu trong số các con, suy cử làm đích tử, một mai nhan sắc suy kém, lòng yêu mến giảm, đâu muốn mở miệng nói ra một lời cũng khó nói được! Nay Dị Nhân là người hiền, lại tự biết mình là con hàng giữa không được làm người kế tự, phu nhân nếu nhân lúc này đề bạt ông ta, thế là Dị Nhân không có nước mà thành có nước, phu nhân không có con mà thành có con, như thế thì suốt đời phu nhân được sủng ái ở nước Tần rồi.

Phu nhân cho là đúng, nhân lúc nhàn rỗi bèn nói với Thái tử rằng:

- Người con là Dị Nhân rất hiền, người qua lại đều khen nó.

Liên đó khóc nói:

- Thiếp bất hạnh không có con, mong có được Dị Nhân làm con để gửi thân thiếp!

Thái tử đồng ý, cùng phu nhân khắc ngọc phù ước hẹn lập Dị Nhân làm người kế tự, nhân đó tặng Dị Nhân tiền của, rồi xin Bất Vi giúp đỡ Dị Nhân. Danh tiếng của Dị Nhân rất nổi ở các nước chư hầu.

Lã Bất Vi chọn một người rất đẹp trong số các nàng hầu ở thành Hàm Đan ở cùng với mình, biết người ấy đã có mang, Dị Nhân tới nhà Bất Vi uống rượu, gặp nàng hầu đó liền xin. Bất Vi vờ giận dữ, không lâu sau đem dâng biểu Dị Nhân, có thai đủ tháng thì sinh con là Chính, Dị Nhân bèn lập nàng hầu ấy làm Phu nhân.

Lúc thành Hàm Đan bị vây, người Triệu muốn giết Dị Nhân, Dị Nhân cùng Bất Vi đem sáu trăm cân vàng cho kẻ coi giữ, trốn thoát đến chỗ quân Tần, vì thế được về nước. Dị Nhân mặc y phục nước Sở rồi gặp Hoa Dương phu nhân, phu nhân nói:

- Ta là người Sở vậy, sẽ xem ngươi như đứa con ta sinh ra.

Nhân đó đổi tên Dị Nhân thành Sở.⁽¹⁾

Năm thứ năm mươi chín (Ất Ty – TCN 256)

1. Nước Tần phái tướng là Cưu đem quân đánh nước Hàn, đoạt đất Dương Thành, Phụ Thử, chém bốn vạn đầu. Lại tiến đánh nước Triệu, lấy hơn hai mươi huyện, bắt chém chín vạn người. Noãn vương sợ, bỏ nước Tần, cùng chư hầu ước hẹn hợp tung, đem quân tinh nhuệ của các nước ra cửa Y Khuyết tấn công quân Tần, khiến quân Tần không thông đường đến Dương Thành được. Tần vương sai tướng quân Cưu đánh Tây Chu, Noãn vương vào nước Tần, rập đầu nhận tội, dâng hết ba mươi sáu ấp của mình, hộ khẩu là ba vạn. Tần vương nhận đất dâng biếu, cho Noãn vương trở về đất Chu.⁽²⁾ Năm ấy, Noãn vương băng.



¹ Sau này Dị Nhân thường được gọi là Từ Sở.

² Đời vua Chu Khảo vương (cha của Chu Uy Liệt vương), phong cho em mình là Cơ Yết đất Hà Nam, giữ chức như Chu công phụ chính triều đình. Cơ Yết trở thành Hà Nam Hoàn công, mở đầu chi thứ ở phía đông của nhà Đông Chu. Sau khi Chu Noãn vương dâng đất cho nhà Tần, dân Đông Chu chạy sang phía đông với Đông Chu quân (hậu duệ của Cơ Yết). Các sử gia (kể cả Tư Mã Quang) cho rằng, đến lúc này thì chấm dứt triều đại nhà Chu, một số khác cho rằng vì Đông Chu quân vẫn còn nên triều Chu chỉ chấm dứt khi Tướng quốc Lã Bất Vi của nhà Tần, tiêu diệt hẳn Đông Chu, chiếm đoạt hết đất đai, là năm 249 TCN. Ở đây nói Noãn vương về đất Chu, tức là nói quay về chỗ Đông Chu quân vậy.

TẦN KỶ

[QUYỂN THỨ NHẤT]



CHIÊU TƯƠNG VƯƠNG

Năm thứ năm mươi hai⁽¹⁾ (Bính Ngọ – TCN 255)

1. Quận thú Hà Đông là Vương Kê mắc tội cùng chư hầu liên thông, bị chém vớt xác ngoài chợ. Ứng hầu vì thế buồn bực không vui. Tần vương lâm triều than thở, Ứng hầu hỏi duyên cớ vì sao, Vương nói:

- Nay Vũ An quân chết, rồi Trịnh An Bình, Vương Kê đều làm phản, trong không có lương tướng mà ngoài lắm nước đối địch, ta vì thế lo buồn!

Ứng hầu sợ, không biết tính kế ra sao.

Khách nước Yên là Sái Trạch nghe biết việc ấy, sang tây vào nước Tần, trước hết sai người rêu rao với Ứng hầu rằng:

- Sái Trạch, là kẻ có tài hùng biện trong thiên hạ; kẻ đó gặp Vương, tất khiến ngài gặp khốn mà đoạt ngôi vị của ngài.

Ứng hầu giận, sai người triệu Sái Trạch. Sái Trạch gặp Ứng hầu, dùng lễ xất xược. Ứng hầu không hài lòng, nhưng vẫn nhún nhường nói:

¹ Sau khi nhà Chu bị diệt, các nước lớn thời Chiến quốc vẫn tồn tại và tranh đấu. Đến năm 221 TCN Tần Thủy Hoàng mới diệt xong sáu nước, lập nhà Tần. Vì nhà Tần là triều đại kế nối nhà Chu nên Tư Mã Quang viết *Tư trị thông giám* sắp xếp lịch sử giai đoạn kể từ năm 255 vào *Tần kỷ*. Bấy giờ là năm thứ năm mươi hai đời Tần Chiêu vương.

- Người rêu rao nói muốn thay ngôi Tướng quốc của ta, xin được nghe căn cứ của lời ấy.

Sái Trạch nói:

- Ôi, sao ngài thấy muộn vậy! Bốn mùa có thứ tự, thành công rồi thì lui về. Ngài há chẳng thấy Thương quân ở nước Tần, Ngô Khởi ở nước Sở, đại phu Chung ở nước Việt sao?⁽¹⁾ Đáng để ngưỡng mộ chẳng?

Ứng hầu nói bừa rằng:

- Sao không đáng! Ba người ấy, nghĩa cao chót vọt, trung hết mực vậy. Bậc quân tử sát thân thành danh, chết không hối hận.

Sái Trạch nói:

- Người ta lập công, há chẳng mong cho bản thân mình được thành toàn sao! Thân danh đều vẹn, là nhất vậy; danh thành khuôn mẫu mà thân chết, là kém một bậc; danh nhục mà vẹn thân, là hạ đẳng vậy. Như Thương quân, Ngô Khởi, đại phu Chung, bọn họ đều là hạng nhân thần tận trung lập công to, có thể nói là đáng ngưỡng mộ rồi. Hoành Yêu, Chu công,⁽²⁾ há chẳng vừa trung vừa trí sao! Ba người kia đáng ngưỡng mộ, vị nào so được với Hoành Yêu, Chu công đây?

¹ Thương quân, tức Thương Ưởng (商鞅), việc Thương Ưởng bị giết, xem ở Chu kỳ quyển 2, sự kiện năm thứ 31 đời Chu Hiến vương.

Việc Ngô Khởi (吴起) bị giết, xem ở Chu kỳ quyển 1, sự kiện năm thứ 21 đời Chu An vương.

Văn Chung (文种), là đại phu nước Việt. Việt vương Câu Tiễn bị vua Ngô là Phù Sai bắt, chịu nhục hầu hạ Phù Sai ở Cối Kê, về sau Câu Tiễn được Phù Sai tha về, Văn Chung giúp Câu Tiễn chấn hưng nước Việt, rút cục đánh bại nước Ngô, bắt Phù Sai, rửa sạch nỗi nhục, nhưng Phù Sai lại nghi ngờ giết chết Văn Chung.

² Hoành Yêu (閼天) là đại thần phụ tá Chu Văn vương. Chu Văn vương bị vua Trụ giam ở Dữu Lý, Hoành Yêu và một hiền thần khác là Thái Diên (太颠) bày kế dâng mỹ nữ và bảo vật cho vua Trụ, cứu được Văn vương. Lúc Vũ vương phạt Trụ, hai người đều cầm kiếm hộ vệ Vũ vương, người đời ca tụng là hiền thần, nhưng vì không có ai ghi chép lại công tích nên chỉ còn tên tuổi mà sự tích thất lạc hết.

Chu công, tức Chu Công Đán vậy.

Ứng hầu nói: "Phải."

Sái Trạch nói:

- Thế thì về mặt hậu đãi người quen cũ, chẳng quên bỏ công thần, quân chủ của ngài so được với Hiếu công, Sở vương, Việt vương chẳng?

Ứng hầu nói:

- Chưa biết thế nào.

Sái Trạch nói:

- Công lao của ngài có so được với ba vị Thương quân, Ngô Khởi, đại phu Chung chẳng?

Ứng hầu nói:

- Ta không bằng.

Sái Trạch nói:

- Vậy mà ngài chẳng lui thân, mỗi họa đáng lo hơn ba vị kia rồi. Ngạn ngữ nói: "Mặt trời giữa trưa thì xế bóng, trăng tròn đầy thì phải khuyết." Tiến lui, đầy vơi, biến hóa theo thời, là đạo thường của thánh nhân vậy. Nay oán thù ngài đã trả, ân đức ngài đã báo, sở nguyện đã đạt rồi mà không thay đổi cái kế của mình, ta trộm vì ngài mà lo lắng.

Ứng hầu bèn đón rước cho làm thượng khách, nhân đó tiến cử với Tần vương. Vương triệu gặp cùng nói chuyện, rất hài lòng, bái làm Khách khanh. Ứng hầu liền đó tạ lỗi xưng bệnh xin từ chức. Tần vương thích kế hoạch của Sái Trạch, bèn lấy Trạch làm Tướng quốc. Trạch làm Tướng quốc mấy tháng, bị cách chức.

2. Xuân Thân quân của nước Sở dùng Tuân Khanh làm Lan Lăng lệnh⁽¹⁾.

¹ Lan Lăng, là huyện. Theo quy định thời bấy giờ, với huyện có trên vạn hộ thì quan quản huyện được gọi là Huyện lệnh, nếu huyện dưới vạn hộ thì gọi là Trưởng huyện.

Tuân Khanh, người nước Triệu, tên Huống, từng cùng Lâm Vũ quân luận việc dùng binh ở trước mặt Triệu Hiến Thành vương. Triệu vương nói:

- Xin hỏi cái cốt yếu của phép dụng binh?

Lâm Vũ quân thưa rằng:

- Trên được thiên thời, dưới được địa lợi, quan sát biến động của địch, phát động sau mà đến trước, đây là yếu thuật của phép dụng binh vậy.

Tuân Khanh nói:

- Không đúng. Đạo lý việc dùng binh thời xưa mà thần nghe nói, đại khái gốc rễ của dụng binh công chiến, là ở việc thống nhất dân chúng. Cung tên chẳng phù hợp, thì Hậu Nghệ⁽¹⁾ chẳng thể bắn trúng được; sáu ngựa không hợp sức, thì Tào Phủ⁽²⁾ chẳng đánh xe đi xa được; sĩ dân không theo phục, thì vua Thang, vua Vũ chẳng thể tất thắng được. Thế nên người khéo nương dựa dân, là người giỏi dụng binh vậy. Vậy thì mấu chốt của đạo dụng binh chỉ ở chỗ khéo dựa sức dân mà thôi.

Lâm Vũ quân nói:

- Không đúng. Cái quý của phép dụng binh là thế và lợi vậy, hành động chủ yếu là cách biến trá. Khéo dụng binh thì hành sự cấp tốc kín đáo, chẳng ai liệu được binh xuất động từ đâu; phép dụng binh của Tôn, Ngô,⁽³⁾ là vô địch thiên hạ, há nhất định phải nương dựa vào dân sao?

Tuân Khanh nói:

¹ Hậu Nghệ (后羿), là nhân vật trong huyền sử Trung Hoa. Theo *Trúc thư kỷ niên*, Hậu Nghệ là vua nước Hữu Cung, có sức khỏe, tài bắn tuyệt luân, giỏi nhất thiên hạ thời bấy giờ.

² Tào Phủ (造父) là người đánh xe của Chu Mục vương, nuôi ngựa rất giỏi, khi đánh dẹp Từ Yển vương có công, được phong tước ở Triệu Thành, là tổ tiên của họ Triệu sau này.

³ Túc Tôn Vũ (孙武) và Ngô Khởi (吴起), những người giỏi rất về binh pháp.

- Không phải. Đạo dụng binh mà thần nói, là đạo dụng binh của người nhân, là chí hướng của bậc Vương vậy. Cái mà ngài xem trọng, là quyền mưu và thế lợi vậy. Cách dụng binh của người nhân, là không thể lừa dối vậy. Để đối phương lừa dối được, thì đấy là thứ binh lừa dối, suy mỗi, là hạng vua trên tôi dưới hời hợt, tan đức lìa lòng. Cho nên dùng Hạ Kiệt trá lừa Hạ Kiệt, còn khéo dối gian cầu may được, chứ dùng Hạ Kiệt lừa dối vua Nghiêu, cũng ví như đem trứng chọi đá, lấy ngón tay khuấy nước sôi, như nhảy vào chỗ nước lửa, lao vào sẽ chết chìm chết cháy thôi. Vậy nên binh của bậc nhân, trăm tướng một lòng, ba quân hợp sức; bày tôi đối với Quốc quân, kẻ dưới đối với người trên, như con phụng sự cha, như em phụng sự anh, như cánh tay che chắn cho đầu, mắt, bảo vệ cho bụng ngực vậy. Trí trá mà đánh úp một cánh quân như thế, thì cũng giống như kinh động người ta trước rồi đánh sau. Và lại người nhân trị cái nước mười dặm thì có tai mắt nghe ngóng trăm dặm, trị cái nước trăm dặm thì có tai mắt canh chừng nghìn dặm, trị cái nước nghìn dặm thì có tai mắt khắp bốn bể, tắt tai thính mắt sáng cảnh giới, muôn người như một vậy. Cho nên binh của bậc nhân, tụ thì thành cụm đông, tán thì hóa hàng trận, đuổi thì như kiếm Mạc Tà,⁽¹⁾ vây thì như bằm chặt; lao thì thế như kiếm sắc, đâm thì địch tất nát tan; quây trại đóng quân thì vững như bàn thạch, xung trận thì địch võ phải lui. Và lại vua của cái nước bạo ngược, ai theo giúp hấn đến đánh ta? Theo hấn đến đánh ta, tất phải là dân của hấn vậy. Nhưng dân của hấn thân thiết mừng đón ta như cha mẹ, họ yêu thích ta như hoa tiêu lan⁽²⁾; ngược lại, họ đoái nghĩ đến Quân chủ của mình thì thấy như châm như chích, như kẻ cừ thù; cái tình thường của người ta, dẫu là Hạ Kiệt, Đạo Chích, há chịu vì kẻ mình ghét mà tàn hại người mình

¹ Mạc Tà (莫邪) và Can Tương (干将) là hai thanh bảo kiếm rất sắc bén, do hai vợ chồng người nước Ngô là Can Tương (chồng) và Mạc Tà (vợ) theo lệnh của Ngô vương Hạp Lư đúc thành.

² Một loại hoa thơm ngát.

yêu thích sao? Đấy cũng giống như con cái tự hại cha mẹ của mình vậy. Bên kia tất đến mách bảo ta, kẻ địch sao có thể trá lừa ta được? Thế nên người nhân trị quốc, nước ngày một thịnh, chư hầu thuận trước thì được yên, theo sau thì gặp nguy, chống lại thì bị tước đoạt, phản loạn thì bị diệt vong. *Kinh Thi* nói: "Vũ vương tái phát, hữu kiên binh việt, như hỏa liệt liệt, tắc mạc cảm át?"⁽¹⁾ Là nói về việc này vậy.

Hiếu Thành vương, Lâm Vũ quân nói:

- Phải. Xin hỏi phép dùng binh của bậc vương giả, bày đạo lý thế nào? Thi hành thế nào mới tốt?

Tuân Khanh nói:

- Phàm là vua hiền thì nước trị, vua vô năng thì nước loạn; chuộng lễ quý nghĩa thì nước trị, phế lễ khinh nghĩa thì nước loạn. Nước trị thì mạnh, nước loạn thì yếu, đấy là cái gốc của việc mạnh yếu vậy. Người trên đáng trông cậy thì người dưới chịu sai khiến vậy; người trên không đáng trông cậy thì người dưới không chịu bị sai khiến vậy. Người dưới chịu sai khiến thì mạnh, người dưới không chịu để sai khiến thì yếu, trọng hiền sĩ thì mạnh, không trọng hiền sĩ thì yếu; yêu mến dân thì mạnh, không yêu mến dân thì yếu; chính lệnh được dân tin thì mạnh, chính lệnh không được dân tin thì yếu; coi trọng việc dùng binh thì mạnh, xem thường việc dùng binh thì yếu, quyền hành trong tay một người thì mạnh, quyền hành trong tay hai người thì yếu, đấy là lẽ thường của sự mạnh yếu vậy;

Người nước Tề chuộng thuật kỹ kích²⁾, dùng thuật ấy chém một đầu địch thì ban cho tám lạng vàng, đấy không phải là cái

¹ Câu trong thiên *Thương tụng*, bài *Trường phát*. Tạm dịch thơ:

Vua Thang dụng cờ.

Kinh cảm phủ việt.

Thế lừa bừa bừa.

Ài người cần được?

² Một loại kỹ thuật chiến đấu được dùng nhiều trong chiến trận thời xưa.

gốc của việc ban thưởng vậy.⁽¹⁾ Thế nên gặp kẻ địch nhược tiểu, thì xúm xít ra sức; gặp đại địch cứng khỏe, thì vỡ lở tan lìa; như chim cùng bay trên trời, nghiêng ngửa ngược xuôi vô định, là đạo binh vong quốc, là thứ binh suy nhược, đây là loại binh hèn thuê mướn ngoài chợ để tác chiến cho mình thôi. Vũ tốt⁽²⁾ của nước Ngụy, lựa chọn có tiêu chuẩn nhất định; phải mặc giáp dày ba chỗ⁽³⁾, kéo nỏ nặng mười hai thạch, vai vác năm mươi mũi tên, tay cầm mác, đầu đội mũ trụ, lưng đeo kiếm, mang lương ăn ba ngày, mỗi ngày đi nhanh trăm dặm; ai đạt được tiêu chuẩn Vũ tốt thì được miễn trừ đao dịch⁽⁴⁾, được chia cấp đất đai nhà cửa. Thế rồi khí lực của họ sau mấy năm thì suy giảm, mà lợi ích của họ lại không bị tước đoạt, ví như thay đổi phép tuyển chọn thì chẳng dễ chu toàn. Cho nên, cương thổ nước Ngụy dẫu lớn, thuế khóa thu được tất ít, đây là mối nguy hại với việc binh của quốc gia vậy. Nước Tần, sinh kế của dân rất hạn hẹp, quốc gia sai khiến dân khốc liệt, dùng uy thế bức hiếp dân ra trận, khiến dân trốn nấu nôi hiểm ác, đánh trận thắng thì tưởng thưởng, dân chúng thạo việc trốn nấu xem là thường, khi bại trận liền bị xử phạt, đây là lý do khiến dân của họ đặt cái lợi lên hàng đầu, không chiến đấu thì không có con đường nào khác. Dùng thưởng công để so sánh thứ bậc, chém được năm đầu giáp sĩ thì được sai khiến năm nhà, đây là lý do lớn nhất khiến nước Tần lớn mạnh và vững ổn hơn các nước khác. Vậy nên nước Tần qua bốn đời nối nhau không suy,⁽⁵⁾ đây không phải là may mắn, mà là tất yếu vậy;

¹ Đại khái, cứ chém được đầu giặc là thưởng, thua trận cũng thưởng; nếu không chém được giặc, dẫu thắng trận cũng không thưởng. Vì thế nói đó không phải là cái gốc của việc khen thưởng.

² Binh sĩ vũ dũng, khỏe mạnh. Có phép chế tuyển chọn riêng, được chế định vào thời Ngụy vũ hầu, gọi là "Vũ tốt chế".

³ Thân trên mặc áo giáp, bắp vế buộc giáp, cẳng chân buộc giáp, thế là ba chỗ.

⁴ Thời phong kiến xưa, quan lại bắt dân làm việc của nhà vua, gọi là đao (徭), người phải đi lính thú gọi là dịch (役). Dao dịch là làm các việc mà chính quyền sai khiến.

⁵ Bốn đời vua Tần: Hiếu công, Huệ Văn vương, Chiêu Vũ vương, Chiêu Tương vương.

Vì thế thuật kỹ kích của nước Tề chẳng thể dùng để chống Vũ tốt của nước Ngụy, Vũ tốt của nước Ngụy chẳng thể dùng để chống binh tinh nhuệ của nước Tần, binh tinh nhuệ của nước Tần chẳng thể dùng để đối địch với quân có phép tắc của Hoàn, Văn,⁽¹⁾ quân có phép tắc của Hoàn, Văn chẳng thể dùng để đối địch với quân nhân nghĩa của Thang, Vũ,⁽²⁾ nếu đối địch với nhau, thì cũng như dùng vật khô giòn quật vào đá thô. Hết thấy mấy quốc gia ấy, đều tìm phương cách treo thưởng, binh tướng chạy theo lợi ích, như bọn làm thuê ganh đua bán sức; không có kẻ nào yêu kính người trên, nguyện vì Quốc quân liều chết, yên lòng với ước thúc quản chế, giữ tiết tháo hiếu trung. Chư hầu nếu có nước nào hết mực giữ đạo nhân nghĩa, thì có thể nổi lên mà kiềm tính mấy nước kia, khiến họ lâm cảnh nguy cấp. Cho nên việc chiêu sĩ tuyển binh của mấy quốc gia đó, xem trọng uy thế và biến trá, chuộng công lợi, nhiễm dân thành tập tục. Chỉ có nước tôn phụng lễ nghĩa và giáo hóa, quốc gia mới tề chỉnh, đoàn kết một lòng thôi. Thế nên nước dùng trá thuật đấu với nước trá thuật, khéo vụng còn có sự khác biệt; lấy nước trá thuật đấu với cái nước tề chỉnh, cũng ví như dùng trùy đao phá núi Thái mà thôi;⁽³⁾

Cho nên lúc Thương Thang, Chu Vũ giết Hạ Kiệt, Ân Trụ, ung dung chỉ huy, mà nước cường bạo chẳng thể không thần phục, giết Kiệt, Trụ như đánh giết kẻ thất phu. Cho nên Thái thế viết: "Độc phu Trụ"⁽⁴⁾, là nói cái việc như thế vậy. Vì thế binh lớn tề chỉnh thì khống chế thiên hạ, binh nhỏ tề chỉnh thì trị được nước lân bang. Còn như chiêu vò tuyển mộ, xem trọng uy thế biến trá, binh lính ham công chuộng lợi, thì thắng thua

¹ Tức Tề Hoàn công và Tấn Văn công, hai người trong Ngũ bá.

² Tức Thành Thang và Chu Vũ vương, hai người trong Tam vương.

³ Trùy đao, là loại đao mũi thẳng, rất sắc nhọn, nhưng nhỏ bé, dùng đao này để phá núi Thái to lớn thì vô dụng vậy.

⁴ Nói "độc phu", cũng như là nói "kẻ thất phu", câu ấy cũng dùng để chỉ quân vương vô đạo. Trong sách Mạnh Tử có câu: "Ta chỉ nghe giết kẻ thất phu là Trụ, chứ không nghe giết vua bao giờ."

vô thường, thoát co thoát duỗi, khi mất khi còn, cường nhược bất định thôi. Thì đấy gọi là binh đạo tặc, người quân tử không theo cái đạo lý ấy.

Hiếu Thành vương, Lâm Vũ quân nói:

- Đúng. Xin hỏi về đạo làm tướng.

Tuân Khanh nói:

- Trí mưu cao nhất là sáng suốt xét đoán, hành động hay nhất là không mắc sai lầm, việc làm tốt nhất là không phải hối hận; việc chi cần không hối là đủ, chẳng nên truy cầu tận thiện tận mỹ vậy. Sờ dĩ chế lệnh, định phép, là muốn nghiêm chỉnh, uy trọng; khen thưởng, trừng phạt, là muốn chấp hành, thủ tín; dựng lũy, tích của, là muốn bền chắc, chu toàn; chuyển phát, tiến lui, là muốn yên ổn, thận trọng, mau chóng, cấp tốc; dò địch xét biến, là muốn hành động kín đáo, thâm nhập địch quân; gặp địch quyết chiến, chắc thắng được thì đánh ngay, chưa chắc thắng thì không đánh, sáu điều ấy gọi là "lục thuật". Không vì quyền chức mà vứt bỏ sách lược thủ thắng; không vì vội với thắng lợi mà quên đi khả năng thất bại; không vì chấn nhiếp bên trong mà xem thường địch bên ngoài; không vì thấy cái lợi mà chẳng quan tâm đến cái hại; không vì muốn lo tính chu đáo mà dùng tiền của bừa bãi, năm điều ấy gọi là "Ngũ quyền";

Làm tướng không nhận mệnh quân chủ có ba điều: Có thể giết nhưng không được sai họ tiến vào chỗ tuyệt địa; có thể giết nhưng không được sai họ đánh chỗ không thể thắng; có thể giết nhưng không được sai họ lừa dối bách tính, ba điều ấy gọi là "Tam chí";

Phàm là tướng nhận mệnh ở chủ mà điều động ba quân, ba quân đã định, tướng lại đúng thứ tự, muôn việc đều đúng phép tắc, thì quân chủ chẳng thể khiến họ mừng, địch nhân chẳng thể khiến họ giận, tướng lĩnh như thế gọi là "Chí thần". Trước khi hành sự tất phải nghĩ sâu tính kỹ, cẩn thận lúc cuối như lúc ban đầu, trước sau như một, nghĩ tính như thế gọi là "Đại cát";

Rút lại, cả trăm thứ việc, nếu thành công tất nhờ nghiêm kính, nếu thất bại tất bởi xem thường. Cho nên nghiêm kính hơn xem thường thì thắng, xem thường hơn nghiêm kính thì diệt; kế mưu quá tham muốn thì thuận, tham muốn quá kế mưu thì hỏng. Đánh trận như thủ giữ, hành quân như lâm trận, coi thành công như may mắn. Tính mưu nghiêm kính không xem thường; xét việc nghiêm kính không xem thường; đối đãi thuộc hạ nghiêm kính không xem thường; đối đãi binh sĩ nghiêm kính không xem thường; đối đãi địch nhân nghiêm kính không xem thường; năm điều ấy gọi là "Ngũ vô khoáng". Cẩn thận thi hành "Lục thuật", "Ngũ quyền", "Tam chí", lại tuân thủ nghiêm túc nguyên tắc nghiêm kính, không xem thường, những người như thế được gọi là Tướng lĩnh của thiên hạ, hòa hợp được với thần minh rồi.

Lâm Vũ quân nói:

- Đúng. Xin cho hỏi về quân chế của bậc thánh vương.

Tuân Khanh nói:

- Tướng cầm cờ đánh trống hiệu lệnh ba quân, chết chẳng lia cờ trống, tướng cầm cương đánh xe, chết chẳng buông dây cương, trăm quan nghiêm cẩn giữ chức phận, chết chẳng rời cương vị, sĩ đại phu tận tâm dốc sức, chết chẳng bỏ đội ngũ. Nghe trống vang thì tiến, nghe chiêng ngân thì lui. Lấy phục tùng mệnh lệnh làm đầu, lập công là hạng dưới. Lệnh không được tiến mà tiến, cũng như lệnh không được lui mà lui, tội lỗi ngang bằng nhau. Không sát hại người già con trẻ, không giẫm xéo nát lúa, kẻ không đánh mà lui thì không đuổi bắt, kẻ ương bướng chống cự thì không tha miễn, kẻ bỏ chạy đến hàng thì không bắt. Hễ giết chóc, thì không giết đến bách tính, mà giết kẻ làm loạn bách tính vậy. Trong số bách tính có người che chở bảo vệ giặc, thì kẻ đó cũng là giặc vậy;

Vì thế, kẻ không đánh mà lui thì sống, kẻ ngoan cố kháng cự thì chết, kẻ nhanh chân đến hàng thì hiển lên cho tướng soái. Vì

Từ Khải được phong ở đất Tống, Tào Xúc Long dứt mệnh ở trong quân, người nhà Thương quy phục nhà Chu, được nuôi dưỡng không khác gì người nhà Chu, cho nên kẻ ở gần hát xướng ca tụng Thiên tử nhà Chu, người phương xa gắng sức nhanh chân mà chạy đến.⁽¹⁾ Từ đấy, dù là nước bị lậu ở tận biên hoang hẻo lánh, Thiên tử nhà Chu vẫn phái người đến vỗ yên, khiến bách tính an cư lạc nghiệp, người khắp bốn bể như trong một nhà, ân uy của vương triều nhà Chu rọi chiếu đến các thuộc quốc, chẳng đâu không quy thuận phục tùng, thế nên quân vương của nhà Chu được gọi là "nhân sư"⁽²⁾. *Kinh Thi* viết: "Tự tây tự đông, tự nam tự bắc, vô tư bất phục."⁽³⁾ Lời thơ đã nói lên điều ấy vậy. Bậc vương giả có trừng phạt mà không gây chiến, lấy thành trì mà không phải tấn công, đối trận mà không phải xuất kích, địch nhân trên dưới hân hoan đến chúc mừng, chẳng phải diệt thành trấn, không tập kích địch nhân, không để quân ở lâu bên ngoài, binh sư đi trận không quá thời hạn, cho nên dân chúng của cái nước loạn vui mừng với chính sự của bậc vương giả, không yên tâm với chính sự của chúa thượng nước mình, mong quân binh của bậc vương giả đến vậy.

Lâm Vũ quân nói: "Hay!"

Trần Hiêu hỏi Tuân Khanh rằng:

- Tiên sinh luận việc binh, thường lấy nhân nghĩa làm gốc, người nhân thì yêu người, người nghĩa thì theo lý, như thế làm sao dùng binh được? Vì dùng binh là phải tranh đoạt vậy.

Tuân Khanh nói:

- Đấy không phải là cái mà ngài biết được vậy. Người nhân vốn yêu người, vì yêu người, cho nên ghét kẻ làm hại điều nhân

¹ Vi Từ Khải (微子启) là hiền thần nhà Thương, vua Trụ bạo ngược, Vi Từ bỏ trốn. Vũ vương giết vua Trụ, phong cho Vi Từ ở đất Tống; Tào Xúc Long (曹触龙), là bày tôi của vua Kiệt nhà Hạ, là người xiểm nịnh bất chính, bị giết.

² Nhân sư (人师), chỉ người có phẩm đức xuất chúng, làm thầy của muôn người.

³ Từ đông sang tây, từ nam lên bắc, chẳng đâu không phục.

vậy; người nghĩa thì theo lý, vì theo lý, cho nên ghét kẻ làm loạn lý vậy. Dùng binh, là để cấm bạo trừ hại, không phải là để tranh đoạt vậy.

3. Yên Hiếu vương hoăng, con là Hi kế lập.

4. Dân nhà Chu theo hướng đông bỏ trốn. Người Tần đoạt bảo khí của nhà Chu, chuyển Chu Văn công của Tây Chu đến làng Dát Hồ.

5. Sở vương chuyển Quốc quân của nước Lỗ đến đất Cử rồi chiếm đất của nước Lỗ.

Năm thứ năm mươi ba (Đinh Mùi – TCN 254)

1. Tướng Cưu của nước Tần phạt nước Ngụy, đoạt Ngô Thành. Hàn vương đến triều kiến. Nước Ngụy đem cả nước theo mệnh.

Năm thứ năm mươi tư (Mậu Thân – TCN 253)

1. Vương tể Thượng đế ở đàn Nam giao tại đất Ung.

2. Nước Sở thiên đô đến Cự Dương.

Năm thứ năm mươi lăm (Kỷ Dậu – TCN 252)

1. Vệ Hoài quân đến triều kiến Ngụy vương, người Ngụy bắt rồi giết đi; lại lập em của Vệ Hoài quân, đây là Nguyên quân. Nguyên quân, là con rể vua Ngụy vậy.

Năm thứ năm mươi sáu (Canh Tuất – TCN 251)

1. Mùa thu, Chiêu vương hoăng, Hiếu Văn vương kế lập. Tôn Đường Bát tử làm Đường thái hậu, lấy Tử Sở làm Thái tử.

Quý tộc nước Triệu đem vợ con của Tử Sở về nước Tần. Hàn vương mặc áo xô đến nước Tần tế viếng.

2. Yên vương Hi sai Lật Phúc giao hảo với nước Triệu, đem năm trăm dật vàng⁽¹⁾ bày tiệc rượu khoản đãi Triệu vương. Lật Phúc quay về nói với Yên vương rằng:

- Trai tráng nước Triệu đều chết ở Trường Bình,⁽²⁾ con côi của họ chưa trưởng thành, có thể đánh được vậy.

Yên vương triệu Xương quốc quân Nhạc Gian hỏi về việc ấy, Nhạc Gian đáp rằng:

- Nước Triệu tứ phía đối mặt cường địch, dân nước ấy quen việc binh, không nên đánh.

Yên vương nói:

- Ta dùng năm người mà đánh một người.

Nhạc Gian đáp:

- Không nên.

Yên vương giận. Quần thần đều cho là nên đánh, vì thế điều phát hai nghìn chiến xa, Lật Phúc làm tướng đánh đất Hạo, Khanh Tần đánh đất Đại.

Tướng Cừ nói:

- Cùng nước người thông quan ải ước hẹn kết giao, đem năm trăm dật vàng cùng vua nước ấy uống rượu, sứ giả về báo tin lại đánh nước người, là điềm không lành; binh đi tất không lập được công lao.

Yên vương không nghe, tự thống lĩnh một cánh quân đi theo. Tướng Cừ níu kéo dây thao của Yên vương, Vương lấy chân đạp Tướng Cừ. Tướng Cừ khóc nói:

- Thần chẳng vì mình, mà vì Vương vậy!

¹ Mỗi dật (溢) vàng bằng hai mươi lạng.

² Việc quân Triệu bị Tần đánh bại thê thảm ở Trường Bình, xem ở Chu ký, quyển thứ năm, sự kiện năm thứ 55 đời Chu Noãn vương.

Bình nước Yên đến Tống Tử, Triệu vương lệnh sai Liêm Pha làm tướng, đón chặn quân Yên, đánh bại Lật Phúc ở đất Hạo, đánh bại Khanh Tần ở đất Đại, truy đuổi lên bắc hơn năm trăm dặm, bèn vây nước Yên. Yên vương sai người xin hòa, người nước Triệu nói:

- Nhất định phải sai Tướng Cừ đến bàn mới xét cho hòa.

Yên vương sai Tướng Cừ làm Tướng quốc đến xin hòa, bình Triệu vì thế giải vây lui về.

3. Bình Nguyên quân của nước Triệu chết.

HIẾU VĂN VƯƠNG

Năm thứ nhất (Tân Hợi – TCN 250)

1. Mùa đông, tháng mười, ngày Kỷ Hợi, Hiếu Văn vương tức vị, sau ba ngày thì hoảng, Tử Sở kế lập, đây là Trang Tương vương; tôn Hoa Dương phu nhân làm Hoa Dương thái hậu, Hạ Cơ làm Hạ thái hậu.

2. Tướng nước Yên đánh Liêu Thành của nước Tề, hạ được. Có người vu gièm tướng ấy với Yên vương, tướng nước Yên giữ Liêu Thành không dám về nước. Điền Đan của Tề đánh thành ấy, hơn năm không hạ được. Lỗ Trọng Liên bèn viết thư, buộc vào mũi tên, bắn vào trong thành cho tướng Yên, giúp bày kế lợi hại rằng:

"Ta vì ngài tính kế, ngài chẳng quay về nước Yên thì quy thuận nước Tề. Nay thủ giữ tòa thành cô độc, binh Tề ngày một đông mà quân cứu nước Yên không đến, ngài sẽ làm gì nữa?"

Tướng nước Yên nhận được thư, khóc ba ngày, do dự chẳng thể tự quyết. Muốn quay về nước Yên, thì đã có hiềm khích, muốn quy hàng nước Tề, lại vì đã bắt chém rất nhiều người Tề, sợ rằng đã hàng rồi mà sau lại bị nhục. Vì thế bùi ngùi than rằng:

- Để người ta đâm chém, thà rằng tự đâm mình!

Bèn tự sát. Liêu Thành loạn, Điền Đan đánh hạ Liêu Thành. Khi quay về, nói công tích của Lỗ Trọng Liên với Tề vương, muốn phong tước cho. Trọng Liên trốn đến góc biển, nói:

- Để được phú quý mà phải khuất thân với người khác, ta thà bần tiện mà được phóng khoáng tùy tâm mặc lòng!

Ngụy An Hi vương hỏi Từ Thuận rằng ai là cao sĩ thiên hạ, Từ Thuận nói:

- Trên đời không có người như vậy; nếu hạ xuống một bậc, Lỗ Trọng Liên là người đó chẳng?

An Hi vương nói:

- Lỗ Trọng Liên cưỡng ép mình làm như thế, không phải là bản tính tự nhiên vậy.

Từ Thuận nói:

- Người ta đều làm thế cả. Làm việc đó không dừng, mới thành người quân tử; làm việc đó không thay đổi, thói quen và bản tính dần tương hợp với nhau, thì thành tự nhiên vậy.

TRANG TƯƠNG VƯƠNG

Năm thứ nhất (Nhâm Tý – TCN 249)

1. Lã Bất Vi nhận chức Tướng quốc.

2. Đông Chu quân cùng chư hầu mưu phạt Tần; Vương sai Tướng quốc thống suất binh sư đi đánh diệt Đông Chu, dời Đông Chu quân đến làng Dương Nhân. Nhà Chu không còn tế tự.⁽¹⁾ Triều Chu lúc mất hẳn, cả thủy có bảy ấp là: Hà Nam, Lạc Dương, Cốc Thành, Bình Âm, Yển Sư, Củng, Câu Thị.

3. Trang Tương vương phong Lã Bất Vi làm Văn Tín hầu, cấp cho mười vạn hộ của Lạc Dương, Hà Nam làm đất phong.

¹ Nhà Chu đến đây là mất hẳn, không còn tế tự nữa.

4. Mông Ngao thảo phạt nước Hàn, đoạt Thành Cao, Huỳnh Dương, bắt đầu đặt quận Tam Xuyên.

5. Nước Sở diệt nước Lỗ, dời Lỗ Khoảnh công đến đất Biện, biếm thành thường dân.

Năm thứ hai (Quý Sửu – TCN 248)

1. Có nhật thực.

2. Mông Ngao đánh nước Triệu, đoạt ba mươi bảy thành ở các đất Du Thứ, Lang Mạnh.

3. Xuân Thân quân của nước Sở nói với Sở vương rằng:

- Đất Hoài Bắc giáp biên với nước Tề, để phòng việc gấp, xin lập chỗ đó thành quận rồi phong cho thần ở Giang Đông.

Sở vương đồng ý. Xuân Thân quân dựa thành gò của nước Ngô cũ để lập đô ấp. Cung thất cực lớn.

Năm thứ ba (Giáp Dần – TCN 247)

1. Vương Hột đánh các thành ở Thượng Đảng, hạ được hết, bắt đầu đặt quận Thái Nguyên.

2. Mông Ngao xuất binh phạt Ngụy, đoạt đất Cao Đô và đất Cáp. Binh Ngụy mấy lần chiến bại, Ngụy vương lo lắng, bèn sai người mời Tín Lăng quân ở nước Triệu. Tín Lăng quân sợ đắc tội, không chịu trở về, răn môn hạ rằng:

- Ai dám giúp sứ nước Ngụy thông tin tức thì chém!

Tân khách chẳng ai dám can gián. Mao công, Tiết công gặp Tín Lăng quân nói:

- Công tử sở dĩ được chư hầu kính trọng, chỉ vì có nước Ngụy vậy. Nay nước Ngụy nguy cấp mà Công tử chẳng đau tiếc, một sớm người Tần hạ được Đại Lương, san phẳng tông miếu của tiên vương, Công tử còn mặt mũi nào đứng trong thiên hạ nữa!

Nói chưa xong, Tín Lãng quân biến sắc, mau chóng gióng xe quay về nước Ngụy. Ngụy vương cầm tay Tín Lãng quân mà khóc, cho làm Thượng tướng quân. Tín Lãng quân sai người cầu viện với chư hầu. Chư hầu nghe tin Tín Lãng quân lại làm tướng nước Ngụy, đều phái binh cứu Ngụy. Tín Lãng quân thống suất quân năm nước đánh bại Mông Ngao ở phía tây Hoàng Hà, Mông Ngao trốn chạy. Tín Lãng quân truy đuổi đến ải Hàm Cốc, áp sát quân Tần rồi mới quay về.

Con của Súc Cao người đất An Lãng nước Ngụy làm quan ở nước Tần, nước Tần sai giữ thành Quán. Tín Lãng quân đánh không hạ được, sai người báo An Lãng quân rằng:

- Ngài sai Súc Cao đến đây, ta sẽ cấp cho chức Ngũ đại phu, sai làm Chấp tiết úy.

An Lãng quân nói:

- An Lãng, là nước nhỏ vậy, ta chẳng thể sai khiến hết được dân của mình.⁽¹⁾ Sứ giả hãy tự đến mời ông ấy.

Rồi sai quan lại dẫn sứ giả đến chỗ Súc Cao. Sứ giả truyền đạt mệnh lệnh của Tín Lãng quân, Súc Cao nói:

- Tín Lãng quân mướn Cao vậy, mới sai Cao đánh thành Quán. Cái việc cha đánh con giữ, người ta chê cười; làm kẻ tôi thần mà bỏ chức, là phản bội chủ vậy. Cha dạy con bội phản, cũng không phải là điều mà Tín Lãng quân thích vậy. Dám xin lay hai lay mà từ chối.

Sứ giả về báo với Tín Lãng quân. Tín Lãng quân cả giận, phái sứ giả đến chỗ An Lãng quân nói:

- Đất An Lãng, cũng vẫn là đất của Ngụy vậy. Nay ta đánh thành Quán mà không hạ được, thì binh Tần đến đánh ta, xã tắc tất nguy mất. Mong nhà vua trời Súc Cao lại rồi đưa đến đây!

¹ An Lãng, là đất mà vua Ngụy là An Tương vương phong cho em của mình, đất hẹp, nước nhỏ, thế lực kém, uy quyền của vua cũng rất tầm thường, vua không có uy rất khó sai bảo dân. Ý tứ của An Lãng quân là vậy.

Nếu nhà vua không đến, Vô Kỵ sẽ phát chục vạn binh sư đến dưới thành An Lăng.

An Lăng quân nói:

- Lúc tiên quân ta là Thành hầu, nhận chiếu của Trương vương giữ thành này, tự tay nhận hiến chương cất giấu trong Thái phủ. Thiên đầu của hiến chương viết rằng: "Bầy tôi thí vua, làm con thí cha, phép thường chẳng tha. Nước dầu đại xá, tội dăng thành hàng, trốn tránh cái chết, không được tha miễn." Nay Súc Cao từ chối địa vị lớn để bảo toàn cái nghĩa cha con, mà ngài nói "phải bắt sống đưa đến đây", thế thì khiến ta phụ lại chiếu của Trương vương mà phế bỏ lời hiến chương trong Thái phủ vậy, ta dầu chết, nhất định chẳng dám làm!

Súc Cao nghe được lời ấy, nói:

- Tín Lăng quân là người mạnh tợn lại độc đoán, lời ấy nhất định khiến quốc gia chuốc họa. Ta bảo toàn cho mình, không trái cái nghĩa nhân thần rồi, sao có thể khiến vua ta mắc họa bởi nước Ngụy được!

Bèn đến khách xá của sứ giả, đâm cổ mà chết. Tín Lăng quân nghe chuyện, mặc áo the trắng ở buồng riêng, sai sứ giả tạ lỗi với An Lăng quân rằng:

- Vô Kỵ này là kẻ tiểu nhân vậy, vì lo nghĩ khốn quẫn, lỡ lời với ngài, xin lạy hai lạy tạ tội!

Vương sai người đem vạn cân vàng đến Ngụy để ly gián Tín Lăng quân, tìm được người khách của Tấn Bỉ⁽¹⁾, sai hắn khuyên Ngụy vương rằng:

- Tín Lăng quân lưu vong ở ngoài chục năm rồi, nay lại làm tướng, chư hầu đều chúc mừng, thiên hạ chỉ nghe nói có Tín Lăng quân mà chẳng nghe nói có Ngụy vương nữa.

¹ Tấn Bỉ là tướng Ngụy, bị Tín Lăng quân sai Chu Hối giết, việc này nói ở Chu kỳ quyển 5, sự kiện năm thứ 56, đời Chu Hoàn vương. Khách của Tấn Bỉ thù ghét Công tử Vô Kỵ, vì thế nước Tấn mua chuộc hắn.

Vương lại nhiều lần sai người đến chúc mừng Tín Lăng quân rằng: "Được làm Ngụy vương chưa vậy?" Ngụy vương ngày ngày nghe lời gièm pha, chẳng thể không tin, bèn sai người thay Tín Lăng quân lĩnh binh. Tín Lăng quân tự biết mình lại vì gièm pha bị phế truất, bèn tạ lỗi có bệnh không triều kiến, đêm ngày lấy tửu sắc tự vui, được bốn năm thì chết.

Hàn vương đến điều tang, con của Tín Lăng quân cho việc đó là vinh, đem việc báo với Tử Thuận, Tử Thuận nói:

- Ngài nhất định phải dùng lễ chế mà từ chối! Theo lễ: "Vua lân quốc đến điều tang, quốc quân trong nước là chủ lễ." Nay Ngụy vương không sai ngài làm chủ lễ, thì ngài không đủ tư cách nhận lễ của Hàn vương vậy.

Con của Tín Lăng quân bèn từ chối nhận lễ của Hàn vương.

3. Tháng năm, ngày Bính Ngọ, Vương hoảng. Thái tử Chính kế lập, bấy giờ sinh được mười ba năm, việc nước đều do Văn Tín hầu quyết định, hiệu xưng là "Trọng phụ".

4. Đất Tấn Dương thuộc nước Tần phản loạn.

THỦY HOÀNG ĐẾ

Năm thứ nhất (Ất Mão – TCN 246)

1. Mông Ngao đánh dẹp bình định Tấn Dương.

2. Nước Hàn muốn làm nước Tần mỗi mệt, khiến họ không đánh phương đông nữa, bèn sai thợ giỏi thủy lợi là Trịnh Quốc sang làm gián điệp ở nước Tần, khuyên hưng tu thủy lợi, đào một con kênh bắt đầu từ Trọng Sơn dẫn nước sông Kinh, men Bắc Sơn, sang đông tưới rót vào sông Lạc. Trong lúc đang tiến hành, Tần vương phát giác được ý đồ của nước Hàn, muốn giết Trịnh Quốc, Trịnh Quốc nói:

- Thần dẫu giúp nước Hàn kéo dài vận mệnh thêm mấy năm, nhưng kênh nếu thành, cũng là cái lợi vạn đời của nước Tần vậy.

Tần vương vì thế sai hoàn thành nốt công trình ấy. Kênh dẫn nước phù sa bón tưới cho hơn bốn vạn khoảnh ruộng, mỗi mẫu đất thu được sáu hộc bốn đấu thóc, đất Quan Trung từ đấy càng phì nhiêu.

Năm thứ hai (Bính Thìn – TCN 245)

1. Tướng Tần đánh đất Quyển, chém ba vạn thủ cấp.
2. Nước Triệu dùng Liêm Pha làm "Giả tướng quốc",⁽¹⁾ đánh nước Ngụy, chiếm đất Phồn Dương.

Triệu Hiếu Thành vương hoẵng, con là Diệu Tương vương kế lập, sai Vũ tướng quân Nhạc Thừa thay chức Liêm Pha. Liêm Pha giận, đánh Vũ tướng quân; Vũ tướng quân chạy. Liêm Pha trốn sang hàng nước Ngụy; rất lâu sau, nước Ngụy không tin dùng. Bình Triệu nhiều lần bị vây khốn bởi quân Tần, Triệu vương muốn dùng lại Liêm Pha, Liêm Pha cũng mong lại được ra sức vì nước Triệu. Triệu vương sai sứ giả đi xét kỹ xem Liêm Pha còn dùng được không. Cừ thù của Liêm Pha là Quách Khai nhiều lần cho sứ giả vàng, khiến hấn gièm mĩa Liêm Pha. Lúc Liêm Pha gặp sứ giả, ăn hết một đấu gạo, mười cân thịt, mặc giáp lên ngựa, để tỏ ra là mình còn dùng được. Sứ giả quay về báo:

- Liêm tướng quân tuy già lão, song vẫn còn ăn khỏe; nhưng cùng ngồi với thần, trong chốc lát đi đại tiện đến ba lần.

Triệu vương cho là Liêm Pha đã già, bèn không triệu nữa. Người nước Sở ngầm sai sứ đến Ngụy đón về. Liêm Pha làm tướng nước Sở, không lập được công, nói:

- Ta mong được dùng người Triệu.

Rút cục Liêm Pha chết ở Thọ Xuân.

¹ Ý nói chỉ nhận chức tạm thời, không chính chức.

Năm thứ ba (Đinh Ty – TCN 244)

1. Trong nước đói lớn.
2. Mông Ngao đánh nước Hàn, lấy được mười hai thành.
3. Triệu vương dùng Lý Mục làm tướng, đánh nước Yên, lấy được Vũ Toại, Phương Thành.

Lý Mục, là tướng giỏi ở biên ải phía bắc, thường giữ đất Đại và Nhạn Môn để phòng bị người Hung Nô, được tuyền nghi đặt quan lại, tô thuế ở thành thị đều chuyển vào Mạc phủ⁽¹⁾, làm phí dụng cho sĩ tốt, mỗi ngày giết mấy con trâu để nuôi quân lính, sai tập cưỡi ngựa bắn cung, canh giữ đài lửa cẩn thận, dùng nhiều người làm do thám, lập ước thúc rằng:

- Hung Nô vào cướp thì phải lập tức thu thập của cải tự bảo vệ. Ai dám bắt giặc thì chém!

Hung Nô mỗi lần xâm nhập, đài lửa cảnh báo cẩn thận, mọi người lập tức thu giữ của cải không ra đánh. Cứ như thế mấy năm, cũng không mất mát gì. Người Hung Nô đều cho là Lý Mục nhát, đến binh sĩ ở biên giới cũng cho rằng tướng của mình hèn. Triệu vương trách cứ, Lý Mục vẫn như cũ. Triệu vương giận, sai người khác ra thay Lý Mục. Hơn một năm, thường ra đánh Hung Nô, bất lợi, tổn thất rất nhiều, dân biên giới không thể chăn thả làm ruộng. Triệu vương lại mời Lý Mục, Lý Mục lấp cửa cự tuyệt, xưng bệnh không ra, Triệu vương cưỡng ép phải dậy, Lý Mục nói:

- Vương nhất định muốn dùng thần, phải như lúc trước, thần mới dám vâng mệnh.

Triệu vương đồng ý. Lý Mục đến biên ải, lại ước thúc như trước. Hung Nô mấy năm không cướp bóc được gì, rút cục cho rằng Lý Mục là người khiếp nhát. Quân sĩ ở biên ải được ban thưởng nhiều mà không được dùng, đều mong ra đánh một

¹ Mạc phủ (莫府), tức phủ đệ của tướng soái cầm quân.

trận. Vì thế Lý Mục bèn chọn đủ một nghìn ba trăm cỗ xe, tuyển một vạn ba nghìn con ngựa, năm vạn tráng sĩ từng được thưởng trăm lạng vàng,⁽¹⁾ cung thủ mười vạn người, đều sai học tập chiến đấu; thả hết súc vật khắp nơi, dân chúng ở đầy đồng. Quân Hung Nô vào ít, giả thua chạy không đánh thắng, đem vút bỏ mấy chục người. Thiến vu nghe tin ấy, thống suất đại chúng tiến vào. Lý Mục bày nhiều trận pháp lạ, chỉ huy hai cánh quân tá hữu đánh chúng, đại phá Hung Nô, giết quân kỵ của chúng hơn chục vạn; diệt Xiêm Lam, phá Đông Hồ, thu hàng Lâm Hồ. Thiến vu trốn chạy, hơn chục năm không dám đến gần biên giới nước Triệu.

Trước đây, các nước đai mũ⁽²⁾ văn minh trong thiên hạ có bảy nước, trong đó có ba nước giáp biên ải với Nhung, Địch: Nước Tần từ đất Lũng về tây có các tộc Nhung là Miên Chư, Cồn Nhung, Địch, Hoan, từ đất Kỳ, Lương, Kính, Tất lên bắc có các tộc Nhung là Nghĩa Cừ, Đại Lệ, Ô Chi, Cù Diễn; phía bắc nước Triệu có các tộc Nhung là Lâm Hồ, Lâu Phiên; phía bắc nước Yên có các tộc Đông Hồ, Sơn Nhung; các bộ tộc ấy đều phân tán ở trong khe lũng, tự có Quân trưởng, tuy thường có hơn trăm bộ lạc tụ ở một chỗ, nhưng chẳng có ai thống nhất họ làm một. Ít lâu sau, bộ tộc Nghĩa Cừ đắp thành quách tự giữ, nhưng nước Tần dần dần thực đất của bọn họ, đến đời Huệ vương bèn đánh hạ hai mươi lăm thành của tộc Nghĩa Cừ. Đến thời Chiêu vương, Tuyên thái hậu dụ dỗ vua của tộc Nghĩa Cừ, giết ông ta ở Cam Tuyền, rồi phát binh đánh tộc Nghĩa Cừ, diệt bộ tộc ấy, bắt đầu đắp Trường thành ở Lũng Tây, Bắc Địa, Thượng Quận để ngăn chống người Hồ. Triệu Vũ Linh vương lên bắc phá các tộc Lâm Hồ, Lâu Phiên, đắp Trường thành, từ chân núi Âm Sơn đất Đại,

¹ Ở đây chỉ chung những người từng giết địch lập công và được thưởng, không phải con số cụ thể.

² Người Trung Quốc sống ở khu vực Hoa Hạ luôn tự hào rằng nơi họ sống là chỗ mà thánh nhân truyền giáo hóa, quy định lễ nghĩa, quan lại đeo đai mũ; còn các nước khác xung quanh là man di, mọi rợ, côi trần xưng vương.

đến Cao Khuyết, lập ải hiểm. Rồi đặt ra các quận Vân Trung, Nhạn Môn, Đại Quận. Sau đấy tướng nước Yên là Tần Khai làm con tin ở chỗ người Hồ, người Hồ rất tín nhiệm; sau khi về nước Yên lại tập kích phá tộc Đông Hồ, người Đông Hồ lui lên bắc nghìn dặm. Nước Yên cũng đắp Trường thành, từ Tào Dương đến Tương Bình, đặt ra các quận Thượng Cốc, Ngư Dương, Hữu Bắc Bình, Liêu Đông để ngăn chống người Hồ. Cho đến cuối thời Chiến quốc thì người Hung Nô bắt đầu lớn mạnh.

Năm thứ tư (Mậu Ngọ – TCN 243)

1. Mùa xuân, Mông Ngao đánh nước Ngụy, đoạt đất Sương, đất Hữu Quý. Tháng ba, dừng tiến quân.

2. Con tin của Tần ở nước Triệu trở về; Thái tử nước Triệu ở Tần mới được quay về Triệu.

3. Tháng bảy, có nạn hoàng trùng⁽¹⁾, phát sinh dịch bệnh. Lệnh cho bách tính rằng ai nạp nghìn thạch thóc thì được bãi tước một cấp.

4. Ngụy An Hi vương hoẵng, con là Cảnh Mẫn vương lập.

Năm thứ năm (Kỷ Mùi – TCN 242)

1. Mông Ngao phạt Ngụy, chiếm ba mươi thành của các đất Toan Tảo, Yên, Hư, Trường Bình, Ung Khâu, Sơn Dương; bắt đầu đặt ra Đông Quận.

2. Khi trước, Kịch Tân ở nước Triệu rất thân thiết với Bàng Noãn, không lâu sau đến làm quan ở nước Yên. Yên vương thấy nước Triệu nhiều lần bị khốn với nước Tần, Liêm Pha bỏ đi rồi Bàng Noãn làm tướng, muốn nhân lúc nước Triệu mệt mỏi mà đánh, hỏi ý Kịch Tân, Kịch Tân thưa rằng:

¹ Nạn châu chấu phá hoại mùa màng.

- Bàng Noãn dễ đối phó thôi!

Yên vương sai Kịch Tân làm tướng đánh nước Triệu. Nước Triệu sai Bàng Noãn ngăn chống, giết Kịch Tân, bắt giết hai vạn binh Yên.

3. Chư hầu lo nước Tần công phạt không có lúc dừng.

Năm thứ sáu (Canh Thân – TCN 241)

1. Các nước Sở, Triệu, Ngụy, Hàn, Vệ hợp tung để đánh Tần, Sở vương làm Tung ước trưởng, Xuân Thân quân nắm quân vụ, đoạt Thọ Lăng. Đến Hàm Cốc, binh Tần ra nghênh chiến, binh năm nước đều thua bại bỏ chạy. Sở vương vì việc quân thất lợi liền quy tội cho Xuân Thân quân, Xuân Thân quân vì thế dần dần bị xa lánh. Người đất Quan Tân là Chu Anh bảo Xuân Thân quân rằng:

- Mọi người đều cho rằng Sở là nước mạnh, chỉ vì ngài chấp chương mà thành ra yếu nhược. Nhưng Anh này không cho là vậy. Thời tiên quân, nước Tần thân thiện với nước Sở, hai mươi năm không đánh nước Sở, vì sao? Là vì nước Tần vượt ải hiểm Mãnh Ách mà đánh Sở, thì không tiện; mượn đường giữa Đông Chu và Tây Chu, sau lưng hai nước Hàn, Ngụy mà đánh Sở, thì không được. Nay thì không như thế. Nước Ngụy sớm tối sẽ mất, chẳng thể tiếc đất Hứa, đất Yên Lăng, Ngụy mà cắt đất ấy cho Tần, binh Tần sẽ chỉ còn cách đất Trần một trăm sáu mươi dặm. Như điều mà thần xét, đã trông thấy cái ngày Tần, Sở đấu nhau vậy.

Nước Sở vì thế bỏ đất Trần, dời đến Thọ Xuân, hạ lệnh gọi đó là đất Dĩnh.⁽¹⁾ Xuân Thân quân đến nước phong ở đất Ngô, từ xa coi việc Tương quốc.

¹ Năm thứ 37 đời Chu Noãn vương, Bạch Khởi của nước Tần hạ đất Dĩnh, nước Sở dời đô về đất Trần, đến lúc này lại chuyển từ đất Trần đến Thọ Xuân lập kinh đô, gọi Thọ Xuân là đất Dĩnh.

2. Nước Tần hạ Triều Ca của nước Ngụy và Bộc Dương của nước Vệ. Vệ Nguyên quân thống suất gia thuộc của mình dời đến trú ở Dã Vương, cậy dựa thế núi hiểm để giữ đất Hà Nội của nước Ngụy.⁽¹⁾

Năm thứ bảy (Tân Dậu – TCN 240)

1. Tần đánh Ngụy, đoạt đất Cấp.
2. Hạ thái hậu hoăng.
3. Mông Ngao chết.

Năm thứ tám (Nhâm Tuất – TCN 239)

1. Nước Ngụy cắt đất Nghiệp cho nước Triệu.
2. Hàn Hoàn Huệ vương hoăng, con là An kế lập.

Năm thứ chín (Quý Hợi – TCN 238)

1. Tần đánh Ngụy, đoạt hai thành Viên, Bồ.
2. Mùa hạ, tháng tư, tiết trời cực rét, dân chúng có người chết cồng.
3. Vương nghỉ lại ở đất Ung.
4. Ngày Kỷ Dậu, Vương cử hành lễ đội mũ, đeo đai kiếm.⁽²⁾
5. Dương Doan Hòa đánh nước Ngụy, đoạt đất Diễn Thị.
6. Khi trước, lúc Vương tức vị, còn ít tuổi, Thái hậu thường cùng Văn Tín hầu tư thông. Vương dần trảng niên, Văn Tín hầu

¹ Nước Vệ bị đánh nhiều lần, mất gần hết đất đai. Sau khi mất nốt đô ấp Bộc Dương phải lui về Dã Vương, là một huyện rất nhỏ nằm sát quận Hà Nội của đất Ngụy. Bây giờ giữ đất Hà Nội cũng là giữ an toàn cho mình.

² Năm ấy, Tân Thủy Hoàng 20 tuổi, mới cử hành lễ ấy.

sợ việc bị phát giác, họa đến mình, bèn đem Xá nhân của mình là Lao Ái giả làm hoạn quan, tiến dâng cho Thái hậu. Thái hậu sủng hạnh Lao Ái, sinh được hai con, phong Ái làm Trường Tín hầu, cho đất Thái Nguyên lập nước Ái, chính sự đều quyết ở tay Ái; khách xin làm Xá nhân của Ái rất đông. Tả hữu của Vương có người cùng Lao Ái tranh cãi, liền tố cáo rằng Ái thực không phải là hoạn quan, Vương lệnh giao Ái cho quan lại xử trị. Ái sợ, bèn giả dấu ấn của Vương phát binh, muốn đánh vào cung Kỳ Niên gây bạo loạn. Vương sai Tướng quốc Xương Bình quân, Xương Văn quân phát binh tốt đánh Ái, giao chiến ở Hàm Dương, chém mấy trăm đầu; Lao Ái thua chạy, bị bắt. Mùa thu, tháng chín, diệt ba họ nhà Ái; bè đảng của Lao Ái đều bị diệt cả nhà, dùng xe xé xác; Xá nhân tội nhẹ bị đẩy đến đất Thục, cả thảy là bốn nghìn nhà. Lại dời Thái hậu đến cung Ung Dương, giết hai con của Thái hậu. Hạ lệnh rằng:

- Ai dám vì việc của Thái hậu can gián, nhất luật bị giết chóc, chặt tứ chi, để thây đắp đồng dưới cung khuyết!

Hai mươi bảy người vì việc đó bị chết. Khách nước Tề là Mao Tiêu dâng danh thiếp xin can. Vương sai người bảo Mao Tiêu rằng:

- Mày không thấy thây người đắp đồng dưới cửa khuyết kia sao?

Mao Tiêu đáp rằng:

- Thần nghe nói trên trời có "Nhị thập bát tú"⁽¹⁾, nay kẻ chết có hai mươi bảy người, thần đến đây cố nhiên là muốn cho đủ số thôi. Thần không phải là hạng sợ chết vậy.

Sứ giả chạy vào bẩm lại lời ấy. Những người đồng ấp cùng bọn với Mao Tiêu sợ tội liên đới, đều vác y vật của mình lên lưng mà trốn. Vương cả giận nói:

¹ Nhị thập bát tú, là 28 vì sao trên trời, chia thành bốn nhóm, mỗi nhóm bảy ngôi, theo cách chia chòm sao trong thiên văn học Trung Quốc cổ đại.

- Người này cố tình tới mạo phạm ta, mau lấy vạc lớn ra nấu chín nó, thầy nó há được đắp đống dưới cửa khuyết sao!

Vương chống kiếm mà ngồi, miệng sùi bọt. Sứ giả triệu Mao Tiêu vào, Mao Tiêu thông thả tiến lên phía trước, lạy hai lạy rồi đứng dậy, nói lớn rằng:

- Thần nghe nói: "Kẻ sống không kiêng nói việc chết; người có nước không kiêng nói chuyện vong quốc; kiêng nói đến việc chết chẳng thể sống mãi được; kiêng nói chuyện vong quốc chẳng thể khiến nước trường tồn." Cái đạo lý sống chết tồn vong, là điều mà bậc thánh chủ muốn nghe gấp, Bệ hạ có muốn nghe lời đó chăng?

Vương hỏi:

- Hãy nói xem sao?

Mao Tiêu nói:

- Bệ hạ có hành vi cuồng bạo, há chẳng tự biết sao? Dùng xe xé xác "giả phụ"⁽¹⁾, đập chết hai em trong túi, dày ả mẹ ở cung Ung Dương, chém giết kẻ sĩ can gián; hành vi của Kiệt, Trụ cũng chẳng đến nỗi như thế vậy! Nay thiên hạ nghe nói hành vi bạo ngược ấy, lòng người đều tan như ngói lở, không ai hướng đến nước Tần, thần trộm vì Bệ hạ mà lo thay! Thần đã nói xong rồi!

Bèn cởi áo nép người dưới hình cụ đội tội. Vương vội xuống điện, tự tay nâng Mao Tiêu lên, nói:

- Tiên sinh hãy đứng dậy mặc áo vào, ta xin nghe lời dạy của ngài!

Bèn ban cho Mao Tiêu tước Thượng khanh. Vương tự đánh xe, để trống chỗ ngồi bên tả, qua nghênh đón Thái hậu quay về cung Hàm Dương, khôi phục tình mẫu tử như trước.

7. Sở Khảo Liệt vương không có con, Xuân Thân quân lo việc ấy, tìm những người phụ nữ có tướng mạo con, dâng lên

¹ Giả phụ (假父), tức cha giả. Lao Ái gian dâm với Thái hậu, mẹ Tần vương, Mao Tiêu gọi Lao Ái là "giả phụ" của Tần vương là lẽ ấy.

Sở vương, rút cục không ai sinh nở. Người nước Triệu là Lý Viên muốn dâng em gái mình cho vua Sở, ngờ rằng em mình không mẫn con, sợ là lâu ngày sẽ không giữ được sự sủng ái, bèn tính kế xin làm Xá nhân của Xuân Thân quân. Thời gian sau xin Xuân Thân quân về thăm nhà, cố ý quá kỳ hạn mới quay lại. Xuân Thân quân hỏi lý do, Lý Viên nói:

- Tề vương sai người xin cưới em gái thuộc hạ, thuộc hạ cùng sứ giả uống rượu, cho nên lỡ kỳ hẹn.

Xuân Thân quân hỏi:

- Đã đưa sính lễ chưa?

Lý Viên đáp:

- Chưa có vậy.

Xuân Thân quân bèn nạp em gái Lý Viên. Ít lâu sau có mang, Lý Viên sai em gái mình nói với Xuân Thân quân rằng:

- Sở vương quý mến sủng ái ngài, dẫu huynh đệ cũng chẳng bằng. Nay ngài làm Tướng quốc nước Sở hơn hai mươi năm⁽¹⁾ mà Vương không có con, nếu sau này trăm tuổi sẽ đổi lập huynh đệ, ai được lập cũng sẽ yêu quý người thân của mình, ngài sao giữ mãi được sự sủng ái này nữa! Mà không chỉ thế, ngài được quý sủng, nắm quyền đã lâu, nhiều lần thất lễ với anh em của Vương, anh em được lập, họa sẽ đến thân ngài thôi. Nay thiếp có mang mà người khác không ai biết, thiếp được ngài sủng ái chưa lâu, thực nếu ngài lấy thân phận tôn quý, tiến dâng thiếp cho Vương, Vương tất sủng ái thiếp. Thiếp may nhờ trời mà có con trai, thì là con của ngài kế vương vị vậy. Nước Sở ngài chiếm được cả, so với cái việc bản thân lâm họa bất trắc thì thế nào?

Xuân Thân quân cho là kế rất đúng. Bèn đưa em gái Lý Viên ra ngoài, cho ở biệt quán riêng rồi nói chuyện với Sở vương. Vương triệu, rất sủng ái, sau sinh được con trai, lập làm Thái tử.

¹ Xuân Thân quân làm tướng quốc nước Sở từ năm thứ 53 đời Chu Noãn vương, đến bây giờ là hơn 20 năm.

Em gái của Lý Viên làm Vương hậu, Lý Viên cũng được quý sủng nắm quyền, nhưng lại sợ Xuân Thân quân tiết lộ lời của mình, ngầm nuôi dưỡng tử sĩ, muốn giết Xuân Thân quân để diệt khẩu; quý tộc trong nước không ít kẻ biết việc ấy.

Sở vương bệnh, Chu Anh bảo Xuân Thân quân rằng:

- Thế gian có cái phúc khó lường, cũng có cái họa khó lường. Nay ngài ở cái thời khó lường, thờ vị quân chủ khó lường, sao lại không dùng con người khó lường nhỉ?⁽¹⁾

Xuân Thân quân hỏi:

- Thế nào gọi là cái phúc khó lường?

Chu Anh nói:

- Ngài làm tướng nước Sở hơn hai mươi năm rồi, dẫu có cái danh Tướng quốc, kỳ thực là Vương vậ. Nay Vương bệnh nặng, hoảng trong sớm tối, Vương hoảng thì ngài làm Tướng quốc cho ấu chủ, nhân đó nắm quyền nước, Vương lớn lên thì trả lại quyền chính, nếu không như thế thì ngoảnh mặt về nam xưng Cô, đấy gọi là cái phúc khó lường vậy.

Xuân Thân quân lại hỏi:

- Thế nào gọi là cái họa khó lường?

Chu Anh đáp:

- Lý Viên không trị quốc nhưng là cừu địch của ngài vậy, chẳng quản binh mà nuôi dưỡng tử sĩ lâu ngày rồi. Vương hoảng, Lý Viên tất vào trước, chiếm quyền giết ngài diệt khẩu, đấy gọi là cái họa khó lường vậy.

Lại hỏi:

¹ Trong nguyên văn dùng lặp hai chữ "vô vọng", có thể hiểu là "không mong đợi, thốt nhiên mà đến", đại khái là điều không thể định liệu trước được, đến rất bất ngờ, tạm dịch là "khó lường". Như thế thì phúc khó lường, họa khó lường là điều đến bất ngờ; thời khó lường, tức là sống chết vô thường rất khó đoán định; vị vua khó lường, tức là mừng giận không lộ, khó mà xét đoán; con người khó lường, tức là lạnh dữ không ai biết ra sao, không thể đề phòng được.

- Thế nào là con người khó lòng?

Chu Anh đáp:

- Ngài bố trí cho thuộc hạ chức Lang trung, Vương hoăng, Lý Viên vào trước, thuộc hạ vì ngài giết hấn, như thế gọi là con người khó lòng vậy.

Xuân Thân quân nói:

- Túc hạ bỏ chuyện đó đi. Lý Viên, là người mềm yếu, kẻ hèn này lại đối xử với hấn rất tốt. Sao đến nỗi thế?

Chu Anh biết lời của mình không được dùng, sợ hãi bỏ đi. Mười bảy ngày sau, Sở vương hoăng, Lý Viên quả nhiên vào trước, mai phục tử sĩ ở trong cửa Cức Môn. Xuân Thân quân vào, tử sĩ đâm chết, quăng đầu ra ngoài cửa Cức Môn; tiếp đó sai quan lại đi giết hết gia thuộc của Xuân Thân quân. Thái tử được lập, đấy là Sở U vương.

Sách Pháp ngôn của Dương tử viết: Có người hỏi "Tín Lăng quân, Bình Nguyên quân, Mạnh Thường quân, Xuân Thân quân có ích với quốc gia chăng?" Ta nói rằng: "Chúa thượng lỗi chính sự, gian thần trộm quốc mệnh, bọn họ với quốc gia có ích gì đâu!"

8. Vương vì Văn Tín hầu thờ phụng tiên vương công lao rất lớn,⁽¹⁾ không nỡ giết.

Năm thứ mười (Giáp Tý – TCN 237)

1. Mùa đông, tháng mười, Văn Tín hầu bị cách chức Tướng quốc, rồi đến nước phong.

Tông thất đại thần nghị bàn rằng:

- Người của các nước chư hầu đến nước Tần làm quan, đều vì quân chủ của họ mà du thuyết ly gián vua tôi nước Tần thôi, xin hãy đuổi tất cả bọn họ đi.

¹ Văn Tín hầu Lã Bất Vi có công lập Tần Trang Tương vương, việc nói ở Chu kỳ, quyển thứ năm, sự kiện năm thứ 58, đời Chu Noãn vương.

Vì thế mở cuộc truy xét lớn, xua đuổi tân khách. Khách khanh người nước Sở là Lý Tư cũng ở trong số người bị đuổi, sắp đi, dâng thư rằng:

"Xưa kia Mục công tìm kẻ sĩ, phía Tây tuyển được Do Dư ở đất Nhung, phía Đông thu được Bách Lý Hề ở đất Uyển, nghênh đón Kiên Thúc ở đất Tống, cầu được Phi Báo, Công Tôn Chi ở đất Tấn, thôn tính được hai mươi nước, rút cục làm bá ở Tây Nhung. Hiếu công dùng pháp trị của Thương Ưởng, các chư hầu hòa thân phục tùng, nước Tần đến nay đại trị cường mạnh, Huệ vương dùng kế của Trương Nghi, phá tan kế hợp tung của sáu nước, khiến họ phải thờ nước Tần. Chiêu vương được Phạm Tuy, tăng cường quyền lực của vương thất, lập tuyệt tư môn. Bốn vị quân chủ kia, đều nhờ công lao của tân khách. Từ đây mà xét, tân khách có chỗ nào phụ bạc với nước Tần đâu?

Sắc đẹp, âm nhạc, châu báu, ngọc ngà chẳng sinh ở nước Tần mà Vương lại tìm kiếm để sử dụng, hưởng thụ; nhưng lựa chọn người thì không như thế, không hỏi nên chăng, bất kể ngay gian; không phải là người Tần thì bỏ, là khách thì đuổi. Thế tức là Vương trọng sắc đẹp, âm nhạc, châu báu, ngọc ngà mà khinh rẻ người tài vậy. Thần nghe nói: Núi Thái không từ một hòn đất, nên mới thành vĩ đại; sông bể không từ dòng nước nhỏ, nên mới thành sâu rộng. Bậc vương giả không đuổi dân chúng thấp hèn, nên mới sáng được cái đức của mình; đấy là cái lý do khiến Ngũ đế, Tam vương thành vô địch vậy. Nay Vương lại vứt bỏ lũ dân đen để giúp cho nước địch, đuổi tân khách để họ ra sức với chư hầu, đấy gọi là đem vũ khí cấp cho giặc cướp, mang lương ăn cấp cho đạo tặc vậy."

Vương bèn triệu Lý Tư, khôi phục lại chức quan, bỏ lệnh ruồng đuổi tân khách. Bấy giờ Lý Tư đã đi đến ấp Ly liền quay lại. Vương rút cục dùng mưu của Lý Tư, ngầm phái kẻ sĩ ăn nói giỏi đem vàng ngọc đi du thuyết chư hầu, danh sĩ chư hầu ai có thể mua chuộc bằng tiền thì dùng tiền để liên kết với họ, ai không chịu thì dùng kiếm sắc đâm chết, hoặc ly gián tình cảm quân thần của họ, rồi sau mới sai tướng giỏi đem quân đánh, trong vòng mấy năm, rút cục kiêm tính thiên hạ.

Năm thứ mười một (Ất Sửu – TCN 236)

1. Nước Triệu đánh nước Yên, đoạt đất Ly Dương. Bình chưa bãi, tướng quân Vương Tiễn, Hoàn Nghĩ, Dương Đaoan Hòa của nước Tần đánh Triệu, tấn công đất Nghiệp, đoạt chín thành. Vương Tiễn đánh Át Dữ, Liêu Dương; Hoàn Nghĩ đoạt đất Nghiệp, An Dương.

2. Triệu Điều Tương vương hoảng, con là U Mâu vương Thiên kế lập. Mẹ của Thiên, là kỹ nữ hát xướng, được Điều Tương vương sủng hạnh, Điều Tương vương phế con đích mà lập Thiên. Thiên vốn có tiếng là người không có đức hạnh, vang danh cả nước.

3. Văn Tín hầu tới nước phong hơn một năm, tân khách và sứ giả của các nước chư hầu đến thăm nối nhau trên đường. Vương sợ sinh biến, bèn viết thư cho Văn Tín hầu nói:

"Ngài có công lao gì với nước Tần, mà Tần phong ngài ở Hà Nam, ăn lộc mười vạn hộ. Thân thích gì với nước Tần, mà hiệu xưng là Trọng Phụ? Nay ngài và gia thuộc phải dời đến đất Thục."

Văn Tín hầu tự biết mình dần bị xâm bức, lo sợ bị giết.

Năm thứ mười hai (Bính Dần – TCN 235)

1. Văn Tín hầu uống thuốc độc chết, được chôn táng ngầm. Vua Tần lệnh: "Xá nhân của Văn Tín hầu đến viếng, đều bị đuổi ra khỏi biên cảnh." Lại nói:

- Từ nay về sau, kẻ nắm quốc sự vô đạo như Lao Ái, Bất Vi, sẽ tịch thu gia sản, chiếu theo việc này!

Sách Pháp ngôn của Dương tử viết: Có người hỏi ta: "Lã Bất Vi là người trí rồi chẳng? Xem con người là món hàng, mang ra trao đổi." Ta đáp rằng: "Ai nói Bất Vi là người trí? Dùng nước phong đánh đổi việc diệt tộc. Lã Bất Vi làm cái việc trộm cắp, có cái gian

hùng của kẻ đào tường khoét vách vậy! Kẻ đào tường khoét vách, ta thấy cái sức mang nổi một thạch, chưa từng thấy đào tường khoét vách có chí chiếm Lạc Dương vậy."

2. Từ tháng sáu đến tháng tám trời không mưa.

3. Tần phát binh của bốn quận giúp Ngụy đánh nước Sở.

Năm thứ mười ba (Đinh Mão – TCN 234)

1. Hoàn Nghĩ đánh nước Triệu, đánh bại tướng Triệu là Hồ Triếp ở Bình Dương, chém mười vạn đầu. Triệu vương dùng Lý Mục làm Đại tướng quân, hai bên giao chiến ở Nghi An, Phì Hạ, binh Tần đại bại, Hoàn Nghĩ trốn về nước Tần. Triệu vương phong Lý Mục làm Vũ An quân.

Năm thứ mười bốn (Mậu Thìn – TCN 233)

1. Hoàn Nghĩ đánh nước Triệu, đoạt Nghi An, Bình Dương, Vũ Thành.

2. Hàn vương nạp đất, dâng đại ấn quốc quân, xin làm phiên thần, sai Hàn Phi mang lễ vật đến thăm hỏi.

Hàn Phi, là công tử nước Hàn, thích cái học hình danh, pháp thuật, thấy nước Hàn bị suy yếu, mấy lần dâng thư can Hàn vương, nhưng Hàn vương không dùng. Vì thế Hàn Phi căm ghét những người trị quốc không chuyên tâm tìm kiếm nhân tài, nhậm dụng người hiền; trái lại cử dụng lũ sâu mọt, phù phiếm, dâm loạn, cho chúng ở địa vị cao hơn người có công lao và tài thực, lúc khoan hoãn thì sủng ái kẻ hám danh, khi nguy cấp thì dùng võ sĩ mang khôi giáp, vì thế kẻ được nuôi dưỡng không phải là những người cần dùng, người cần dùng lại không phải là những người được nuôi dưỡng. Phi thương xót người thanh liêm, chính trực không được bọn tôi thần tà vạy

dung tha, quan sát sự biến đổi tồn vong của các nước thời xưa, sáng tác *Cô phần*, *Ngũ đồ*, *Nội ngoại trữ*, *Thuyết lâm*, *Thuyết nan*, gồm năm chục thiên, hơn mười vạn chữ.⁽¹⁾

Vương nghe nói Phi hiền, muốn gặp. Đúng lúc Phi vì nước Hàn đi sứ đến nước Tần, nhân đó dâng thư khuyên Vương rằng:

"Nay đất Tần vuông mấy nghìn dặm, hùng binh xưng trăm vạn, hiệu lệnh nghiêm minh, thưởng phạt công bằng, thiên hạ không nước nào sánh được. Thần liêu chết mong ngóng gặp đại vương, nói cái cách phá kế liên minh hợp tung của thiên hạ. Nếu đại vương thực nghe điều thần nói, một lần cử sự mà thế hợp tung của thiên hạ không bị phá, nước Triệu không lấy được, nước Hàn không diệt được, hai nước Sở, Ngụy không thần phục, hai nước Tề, Yên không thân gần, cái danh bá vương không thành, chư hầu bốn phương không đến châu, đại vương hãy chém thần để làm gương cho mọi người trong cả nước, lấy đấy để răn bảo kẻ vì vương mưu việc bất trung vậy."

Vương hài lòng với lời ấy, chưa kịp nhậm dụng. Lý Tư ganh ghét Hàn Phi, nói:

- Hàn Phi là công tử nước Hàn vậy. Nay Vương muốn kiêm tính chư hầu, nhưng Phi rút cục chỉ vì nước Hàn chứ không vì nước Tần, đấy là cái tình thường của con người. Nay Vương chẳng dùng Phi, giữ lại lâu mà cho hắn về, đấy là tự di họa cho mình; chi bằng dùng phép nước giết hắn.

Vương cho là đúng, giao Phi xuống cho quan lại xử trị. Lý Tư sai người đưa thuốc độc cho Phi, lệnh phải sớm tự sát. Hàn Phi muốn tự bày tỏ nỗi oan, không được tiếp kiến. Sau đấy Vương hối, sai người tha Phi, nhưng Phi đã chết rồi.

Sách Pháp ngôn của Dương tử nói: Có người hỏi ta: "Hàn Phi viết sách 'Thuyết nan' mà rút cục lại chết bởi 'Thuyết nan', dám hỏi

¹ *Cô phần* (sự phần nộ của người cô độc), *Ngũ đồ* (năm thứ sâu mọt), *Nội ngoại trữ* (những lời bàn về việc trong và việc ngoài), *Thuyết lâm* (chuyện người xưa), *Thuyết nan* (cái khó của việc du thuyết).

vì sao lại có sự trái ngược như vậy?"⁽¹⁾ Ta nói rằng: "Cái khó của việc du thuyết, đại khái đây là nguyên nhân dẫn Phi đến chỗ chết vậy." Người đó hỏi: "Sao vậy?" Ta đáp rằng: "Bậc quân tử theo lẽ hành động, xét nghĩa mà dùng, hợp ý thì tiến, không hợp ý thì lui, vững tin với cái thuyết của mình thì không lo không hợp ý người khác. Thuyết người mà lo lắng lời ấy không hợp ý, tất sẽ không từ thủ đoạn vậy." Có người hỏi: "Phi lo cái thuyết của mình không hợp ý người khác, là không đúng chăng?" Ta đáp: "Khuyên người khác mà chẳng theo đạo lý, là điều đáng lo vậy. Theo đúng đạo lý mà không hợp ý người khác, thì không có gì phải lo vậy."

Thần Quang nói: Thần nghe nói bậc quân tử thân với người thân của mình thì thân gần với người thân của người khác, yêu quý cái nước của mình thì yêu quý cái nước của người khác, vì thế công huân nổi rõ, danh tiếng tốt đẹp mà hưởng phúc dày. Nay Phi giúp nước Tân vạch kế mưu, lại muốn diệt cái nước của tổ tiên mình để chứng minh học thuyết, dẫu chết vẫn còn dư tội vậy, sao đáng để xót thương!

Năm thứ mười lăm (Kỷ Ty – TCN 232)

1. Vương hưng đại binh đánh nước Triệu, một đạo thẳng đến đất Nghiệp, một đạo đến Thái Nguyên, đánh hạ Lang Mạnh, Phiên Ngô, gặp Lý Mục liền lui về.

2. Khi trước, Thái tử Đan của nước Yên từng làm con tin ở nước Triệu, thân thiết với Vương. Vương tức vị, Đan làm con tin ở nước Tần, Vương đãi ngộ không dùng lễ. Đan tức giận, trốn về nước Yên.

Năm thứ mười sáu (Canh Ngọ – TCN 231)

1. Nước Hàn dâng đất Nam Dương. Tháng chín, phát binh tốt đến nước Hàn nhận đất.

¹ Ý rằng Hàn Phi đã biết cái khó của việc du thuyết, viết ra thành sách, nhưng lại chết vì việc du thuyết, hành động và lời nói của Phi là trái ngược nhau.

2. Nước Ngụy dâng nạp đất.

3. Động đất lớn, từ Nhạc Từ sang tây, lên bắc đến Bình Âm, đài quán, phòng ốc, tường rào quá nửa bị sụt lở, đất nứt từ đông sang tây một trăm ba mươi bộ.

Năm thứ mười bảy (Tân Mùi – TCN 230)

1. Nội sử Thắng diệt nước Hàn, bắt sống Hàn vương An, đem đất Hàn lập quận Dĩnh Xuyên.

2. Hoa Dương thái hậu hoăng.

3. Nước Triệu mất mùa, đói lớn.

4. Vệ Nguyên quân hoăng, con là Giác kế lập.

Năm thứ mười tám (Nhâm Thân – TCN 229)

1. Vương Tiễn đóng binh ở đất Thượng đánh hạ Tĩnh Hình, Doan Hòa đóng binh ở Hà Nội, cùng tiến đánh nước Triệu. Tướng Triệu là Lý Mục, Tư Mã Thượng ngăn chống. Người Tần đem nhiều vàng bạc mua chuộc tên sủng thần của Triệu vương là Quách Khai, sai hắn gièm chê Mục và Thượng, nói họ muốn làm phản. Triệu vương sai Triệu Thông và tướng nước Tề là Nhan Tự thay họ. Lý Mục không chịu vâng mệnh, người nước Triệu bắt rồi giết Mục, phế Tư Mã Thượng.

Năm thứ mười chín (Quý Dậu – TCN 228)

1. Vương Tiễn đánh quân Triệu, đại phá quân ấy, giết Triệu Thông, Nhan Tự bỏ trốn, vì thế quân Tần hạ Hàm Đan, bắt sống Triệu vương Thiên. Vương đến Hàm Đan, những người có thù oán cũ với người nhà của mẫu thân mình đều giết hết.⁽¹⁾ Lúc quay lại, đi qua Thái Nguyên, Thượng Quận về nước.

¹ Mẹ của Tần Thủy Hoàng, là mỹ nữ người Hàm Đan, nước Triệu. Xem Chu ký, quyển thứ 5, sự kiện năm thứ 58, đời Chu Noãn vương.

2. Thái hậu hoăng.

3. Vương Tiễn đóng trú ở Trung Sơn áp sát nước Yên. Công tử Gia của nước Triệu thống suất mấy trăm người trong tông tộc trốn đến đất Đại, tự lập làm Đại vương. Nước Triệu mất, các đại phu dần dần đến theo phụng Đại vương, cùng nước Yên hợp binh, đóng quân ở Thượng Cốc.

4. Sở U vương hoăng, người trong nước lập em của U vương là Hác. Tháng ba, người anh khác mẹ của Hác là Phụ Sô giết Hác, tự lập làm Vương.

5. Ngụy Cảnh Mẫn vương hoăng, con là Giả kế lập.

6. Thái tử Đan nước Yên oán hận Vương, muốn báo thù, đem việc hỏi Thái phó của mình là Cúc Vũ. Cúc Vũ đề nghị phía tây hẹn với Tam Tấn, phía nam ước với Tề, Sở, phía bắc cầu kết Hung Nô, để mưu đồ nước Tần. Thái tử nói:

- Cái kế của Thái phó, dằng dai lâu ngày, thực khiến người ta buồn bực, e là chẳng thể đợi được vậy.

Không lâu sau, Tướng Tần là Phàn Ô Kỳ đặc tội ở bản quốc, trốn đến nước Yên; Thái tử thu nhận, cấp nhà cho ở. Cúc Vũ can rằng:

- Tần vương vốn dĩ bạo ngược lại tích giận với nước Yên đã lâu, đủ khiến người ta ghê lòng, huống chi nay lại nghe tin Phàn tướng quân ở tại nước Yên nữa! Đấy gọi là đem thịt vớt trên đường đi của con hổ đói vậy. Xin Thái tử gấp đuổi Phàn tướng quân vào đất Hung Nô đi!

Thái tử nói:

- Phàn tướng quân gặp cảnh cùng khốn không đường chạy, đem thân theo về với Đan, đây là lúc Đan phải quên thân báo vệ ông ấy, xin ngài hãy tính lại cách khác!

Cúc Vũ nói:

- Ôi, làm việc nguy để cầu yên, gây họa để cầu phúc, kẻ nông cạn mà tích oán sâu, liên kết với một người mới, chẳng quan

tâm đến cái hại lớn của quốc gia, đây gọi là chất oán để giúp họa rồi.

Thái tử không nghe. Lại nghe nói người nước Vệ là Kinh Kha hiền, hạ mình đem lễ hậu xin gặp mặt. Bảo Kha rằng:

- Nay nước Tần đã bắt sống Hàn vương, lại cất binh xuôi nam đánh nước Sở, phía bắc áp sát nước Triệu, Triệu không chống nổi Tần, thì họa tất đến nước Yên. Nước Yên nhỏ yếu, nhiều lần khốn bởi binh đao, sao đủ sức để chống Tần! Chư hầu đã theo phục Tần rồi, chẳng ai dám hợp tung. Theo ngu kế riêng của Đan, nếu thực có được một dũng sĩ trong thiên hạ đi sứ sang Tần, bức ép Tần vương, khiến hắn phải trả lại tất cả đất đai mà Tần đã chiếm của chư hầu, như Tào Mạt đã làm với Tề Hoàn công,⁽¹⁾ thì rất tốt rồi; không được như thế, thì nhân đó mà đâm chết hắn. Đại tướng nước Tần cầm quân ở ngoài mà trong nước có loạn thì vua tôi nghi ngờ nhau, nhân cơ hội ấy, chư hầu tất hợp tung, phá Tần tất xong. Xin Kinh khanh lưu ý cho!

Kinh Kha đồng ý việc ấy. Vì thế Thái tử cho Kinh Kha làm Thượng khanh, ở nhà thượng đẳng, ngày ngày đến trước cửa, ra sức phụng dưỡng Kinh Kha, không gì không đáp ứng.

Lúc Vương Tiễn diệt nước Triệu, Thái tử nghe tin đó rất sợ, muốn phái Kinh Kha đi. Kinh Kha nói:

- Nay đi mà không có thứ gì làm tin, thì không thể tiếp cận Tần vương được. Nếu thực có được cái đầu của Phàn tướng quân và địa đồ đất Đốc Kháng của nước Yên để dâng lên Tần vương, thì Tần vương tất vui lòng tiếp kiến thần, phải như thế thần mới có cách để báo đáp.

Thái tử nói:

¹ Tề Hoàn công làm bá thời Xuân Thu, đánh nước Lỗ, nước Lỗ thua ba trận, mất đất, phải xin hòa, Hoàn công đồng ý, hai bên cùng thề ở đất Kha, Tào Mạt (曹沫), tướng nước Lỗ ngay giữa hội dùng chủy thủ uy hiếp Hoàn công bắt trả lại đất đã chiếm. Hoàn công sợ hãi phải theo lời.

- Phàn tướng quân cùng khốn đến theo Đan, Đan chẳng nỗ làm vậy!

Kinh Kha bèn gặp riêng Phàn Ô Kỳ nói:

- Nước Tần đối đãi tướng quân, có thể gọi là rất tàn nhẫn rồi, cha mẹ họ hàng của tướng quân đều bị chém giết! Nay nghe nói nước Tần treo thưởng cái đầu của tướng quân giá nghìn cân vàng, ấp vạn nhà, tướng quân tính sao?

Phàn Ô Kỳ than thở rồi sa nước mắt, nói:

- Phải tính sao đây?

Kinh Kha nói:

- Ta xin có được cái đầu của của tướng quân để dâng lên Tần vương, Tần vương tất mừng mà tiếp kiến ta. Tay tả ta nắm lấy ống tay áo của hần, tay hữu ta đâm vào bụng hần, thế thì cái thù của tướng quân báo được, mà cái nhục bị xâm lăng của nước Yên cũng trừ được rồi!

Phàn Ô Kỳ nói:

- Đây là điều mà ngày đêm ta nghĩ rằng nát ruột vậy!

Bèn tự vẫn. Thái tử nghe tin, vội chạy đến phục xuống khóc, nhưng không biết làm sao, bèn bỏ đầu Phàn Ô Kỳ vào hòm rồi niêm phong lại. Thái tử đã tìm sẵn một thanh chủ thủ sắc bén nhất thiên hạ, sai thợ lấy thuốc độc nung cho ngấm vào trong, đem đi thử với người sống, máu chảy rướm như sợi tơ, không ai không chết ngay. Bèn sửa soạn hành trang để phái Kinh Kha đi, dùng dũng sĩ của nước Yên là Tần Vũ Dương làm phó cho Kinh Kha, sai họ vào nước Tần.

TẦN KỶ

[QUYỂN THỨ HAI]

380

THỦY HOÀNG ĐẾ

Năm thứ hai mươi (Giáp Tuất – TCN 227)

1. Kinh Kha đến Hàm Dương, nhờ sủng thần của Tần vương là Mông Gia dùng lời nhún nhường để cầu kiến; Tần vương cả mừng, mặc triều phục, bày lễ Cữu tân⁽¹⁾ rồi gặp Kinh Kha. Kinh Kha bung địa đồ rồi tiến lên chỗ Tần vương, địa đồ mở hết thì thanh chủy thủ hiện ra, Kinh Kha liền nắm ống áo của Tần vương; dao chưa chạm đến thân, Vương kinh hãi đứng dậy, ống áo đứt. Kinh Kha đuổi theo Tần vương, Tần vương vòng quanh chân cột mà chạy. Quần thần đều hốt hải, việc xảy ra thốt nhiên ngoài ý muốn, đều mất hết cả thần thái. Phép chế nước Tần quy định, quần thần hầu trên điện không được mang một tấc binh khí, tả hữu liền dùng tay không đánh Kinh Kha, lại hô:

- Vương đẩy kiếm ra sau lưng!

Kiếm đẩy ra sau lưng, Vương bèn rút ra đánh Kinh Kha, chặt đứt bắp vế bên tả của hắn. Kinh Kha què, bèn phi chủy thủ vào Tần vương, trúng cây cột đồng. Kinh Kha tự biết việc không xong, chửi rằng:

¹ Lễ Cữu tân (九賓), là Cữu nghi trong Chu lễ. Đại khái gồm chín người tiếp đãi thuộc các hạng là: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam, Cô, Khanh, Đại phu, Sĩ.

- Sở dĩ việc chẳng thành, vì ta muốn bắt sống uy hiếp nó, tất lấy được khế ước chiếm đất để báo đáp Thái tử vậy!

Sau đấy Kinh Kha bị phân thân thị chúng. Tần vương vì thế cả giận, phát thêm binh đến nước Triệu, lệnh sai Vương Tiễn đem binh tiến đánh nước Yên, cùng quân Yên, Đại giao chiến ở phía tây sông Dịch, đại phá binh hai nước.

Năm thứ hai mươi một (Ất Hợi – TCN 226)

1. Mùa đông, tháng mười, Vương Tiễn hạ Kế Thành, Yên vương cùng Thái tử thống suất tinh binh nước mình sang đông bảo vệ Liêu Đông, Lý Tín đuổi đánh gấp. Đại vương là Gia gửi thư cho Yên vương, khuyên giết Thái tử Đan dâng đầu cho Tần vương. Đan trốn náu ở vùng sông Diễn, Yên vương sai người chém Đan, muốn dâng lên Tần vương, Tần vương tiếp tục tiến binh đánh Yên vương.

2. Vương Bôn đánh nước Sở, chiếm được hơn chục thành. Tần vương hỏi tướng quân Lý Tín rằng:

- Ta muốn lấy đất Kinh,⁽¹⁾ tướng quân tính liệu dùng bao nhiêu người thì đủ?

Lý Tín nói:

- Chẳng dùng quá hai mươi vạn người.

Tần vương đem việc ấy hỏi Vương Tiễn, Vương Tiễn nói:

- Không đủ sáu mươi vạn người chẳng thể xong việc.

Tần vương nói:

- Vương tướng quân già lão rồi, sao khiếp nhát vậy.

Bèn sai Lý Tín, Mông Diêm thống lĩnh hai mươi vạn người đi đánh nước Sở; Vương Tiễn vì thế xưng bệnh từ chức quay về quê ở Tân Dương.

¹ Đất Kinh nói ở đây là đất Sở vậy. Thủy Hoàng tránh tên húy của Trang Tương vương là Sở, cho nên gọi đất Sở là đất Kinh.

Năm thứ hai mươi hai (Bính Tý – TCN 225)

1. Vương Bôn phạt Ngụy, dẫn nước sông Biện Hà tưới rớt vào thành Đại Lương. Tháng ba, thành lở. Ngụy vương vờ đầu hàng, bị giết, Tần bèn diệt nước Ngụy.

Tần vương sai người báo An Lăng quân rằng:

- Quả nhân muốn dùng năm trăm dặm đất để đổi lấy đất An Lăng.

An Lăng quân nói:

- Đại vương gia ân, dùng chỗ lớn đổi chỗ nhỏ, thực may lắm. Thế nhưng, thần nhận đất phong từ tiên vương nước Ngụy, mong suốt đời giữ chỗ này, chẳng dám đổi!

Tần vương khen nghĩa rồi đồng ý theo thỉnh cầu.

2. Lý Tín đánh Bình Dục, Mông Điền đánh đất Tầm, đại phá quân Sở. Tín lại tiến đánh Yển Dĩnh, phá được. Vì thế dẫn binh sang tây, cùng Mông Điền hội ở Thành Phụ. Người Sở nhân cơ hội theo sát phía sau, ba ngày ba đêm không dừng nghỉ, đánh bại Lý Tín, đánh vào vách lũy của hai cánh quân, giết bảy viên Đô úy; Lý Tín trốn về nước Tần.

Tần vương nghe tin, cả giận, đích thân đến Tần Dương tạ lỗi với Vương Tiễn rằng:

- Quả nhân không dùng mưu của tướng quân, Lý Tín quả nhiên làm nhục quân Tần. Tướng quân dẫu bệnh, há nỡ bỏ quả nhân sao?

Vương Tiễn từ chối nói:

- Thần bị bệnh chẳng thể cầm quân.

Vương nói:

- Thôi mà! Chớ nói nữa!

Vương Tiễn nói:

- Nếu bắt đắ dĩ dùng thần, không đủ sáu mươi vạn quân thì không được!

Vương nói:

- Ta theo kế của tướng quân rồi!

Vì thế Vương Tiễn thống lĩnh sáu mươi vạn người đánh Sở. Vương đưa tiễn đến Bá Thượng, Vương Tiễn thỉnh xin rất nhiều nhà cửa ruộng vườn tốt. Vương hỏi:

- Tướng quân xuất chinh, lo gì nghèo khó nữa!

Vương Tiễn nói:

- Làm tướng của Vương, đâu có công, rút cục chẳng được phong hầu, cho nên thần nhân lúc đang được đại vương xem trọng, xin ban ruộng đất làm sản nghiệp cho con cháu thôi.

Vương cả cười.

Vương Tiễn đi rồi, đến quan ải, sai năm vị sứ giả quay về xin thêm ruộng tốt. Có người nói:

- Những thứ tướng quân xin ban tặng cũng quá nhiều rồi!

Vương Tiễn nói:

- Không phải. Vương tâm tính kiêu ngạo không tin người, nay đem hết giáp sĩ cả nước phó thác cho ta, nếu ta chẳng nhiều lần xin ruộng đất làm sản nghiệp cho con cháu tỏ ý vì Vương ra sức, sẽ khiến Vương vô duyên có nghi ngờ ta vậy.

Năm thứ hai mươi ba (Đinh Sửu – TCN 224)

1. Vương Tiễn từ đất Trần xuôi nam đến Bình Dục. Người Sở nghe tin Vương Tiễn tăng binh mà đến, bèn đem hết binh lực trong nước để ngăn chống; Vương Tiễn giữ vững doanh lũy không cùng quân Sở giao chiến. Người Sở nhiều lần khiêu chiến, quân Tần nhất định không ra. Vương Tiễn hàng ngày sai binh lính nghỉ ngơi tắm gội, cho ăn món ngon, vỗ về quân lính;

tự thân cùng sĩ tốt ăn uống. Rất lâu sau, Vương Tiễn sai người hỏi rằng:

- Trong quân chơi trò gì?

Chúng đáp rằng:

- Đang chơi trò ném đá, nhảy vượt.

Vương Tiễn nói:

- Quân lính có thể dùng được rồi!

Quân Sở không có cách gì giao chiến được, bèn lui về phía đông. Vương Tiễn đuổi theo, lệnh sai tráng sĩ đột kích, đại phá quân Sở, đến phía nam huyện Kỳ, giết tướng quân nước Sở là Hạng Yên, binh Sở vì thế thua vỡ bỏ chạy. Vương Tiễn thừa thắng chiếm đoạt bình định các thành ấp.

Năm thứ hai mươi bốn (Mậu Dần – TCN 223)

1. Vương Tiễn, Mông Vũ bắt được Sở vương là Phụ Sô, đem đất Sở đặt làm quận Sở.

Năm thứ hai mươi lăm (Kỷ Mão – TCN 222)

1. Nước Tần đại hưng binh, sai Vương Bôn đánh Liêu Đông, bắt sống, cầm tù Yên vương Hi.

Thần Quang nói: Thái tử Yên Đan chẳng nhận nổi phần hận một sớm lại mạo phạm nước Tần hổ lang, lo tính khinh suất, mưu kế nông cạn, chuốc oán rước họa mau chóng, khiến tông miếu tế tự của Thiệu công thốt nhiên tan nát, tội nào lớn bằng! Vậy mà kẻ bàn luận có người cho rằng Thái tử Đan là người hiền, há chẳng phải rất sai lầm sao?

Người trị lý quốc gia, bổ dụng quan dùng người tài, lập phép tắc dùng lễ chế, vỗ về dân dùng ân đức, kết lân bang dùng tín nghĩa; vì thế quan lại có người tài, chính sự đúng lễ tiết, trăm họ nhớ ân đức, lân bang giữ tín nghĩa. Được như thế, thì quốc gia yên vững như bàn

thạch, khí thế như lửa rừng rừng, lao vào thì tan biến, phạm phải thì cháy xém, đâu có cái nước cường bạo cùng tồn tại, há đủ để sợ sao? Thái tử Đan bỏ điều ấy không làm, lại đem cái nước vạn thặng giải trừ cơn giận của kẻ thất phu, buông tuồng theo kế mưu của kẻ đạo tặc, công danh bị hủy hoại, bản thân bị chém giết, xã tắc thành gò hoang, chẳng cũng đau xót lắm sao?

Quỳ gối mà tiến, lết đất mà đi, không phải là kính vậy; đã nói là làm, coi trọng lời hứa, không phải là tín vậy; vung vãi bạc vàng, phát tán ngọc khí, không phải là thi ân vậy; đâm cổ tự vẫn, phanh bụng rạch ruột, không phải là dũng vậy. Rút lại, mưu tính không xa mà hành động chẳng hợp lẽ, đây là hạng người như Bạch công Thắng của nước Sở⁽¹⁾ mà thôi!

Kinh Kha nghĩ nhớ cái ân riêng sâu nặng của Thái tử Đan, chẳng đoái hoài đến người trong bảy họ, muốn dùng thanh chủy thủ tám thước làm mạnh nước Yên lại làm yếu nước Tần, chẳng cũng ngu ám sao? Cho nên Dương tử luận việc ấy nói rằng, cái chết của Yêu Ly là cái chết của loại sâu kiến, cái chết của Nhiếp Chính là cái chết của tráng sĩ, cái chết của Kinh Kha là cái chết của thích khách, đều chẳng thể gọi là nghĩa. Lại nói: "Với Kinh Kha, người quân tử chỉ xem là hạng đạo tặc." Lời ấy thực xác đáng thay!⁽²⁾

¹ Bạch công Thắng, tức Mị Thắng (牟勝), là người trong tông thất nước Sở. Mị Thắng theo cha lưu lạc tại nước Trịnh, cha của Mị Thắng mưu loạn bị giết, Mị Thắng theo Ngũ Viên sang nước Ngô. Sở Chiêu vương chết, Huệ vương kế nối, đón Mị Thắng về nước, phong cho ở đất Bạch, nên gọi là Bạch công. Bạch công Thắng xin chú của mình là Từ Tây khi đó làm Lệnh doãn nước Sở cấp binh cho mình để đánh nước Trịnh báo thù việc cha bị giết, Từ Tây đồng ý. Sau đó nước Tần đánh nước Trịnh, Từ Tây lại cứu nước Trịnh, Bạch công Thắng tức giận, làm loạn giết Từ Tây, giam tù vua Sở, cướp ngôi. Bạch công Thắng ở ngôi không được một năm, Diệp công Thâm Chu Lương đánh dẹp Bạch công Thắng, Bạch công Thắng trốn đến Sơn Trung rồi tự vẫn.

² Yêu Ly (要离), là người nước Ngô, vì Ngô vương Hạp Lư đâm Khánh Kỵ. Yêu Ly ngồi chung thuyền, lừa sơ hở đâm giáo qua bụng Khánh Kỵ. Khánh Kỵ vẫn dư sức nhấc bổng Yêu Ly lên chìm xuống sông ba lần, đặt lên đầu gối mà cười. Ở đây so Yêu Ly với sâu kiến là nói sức chẳng đủ chỉ làm cái việc như sâu kiến cắn đốt trộm thôi vậy.

Việc về Nhiếp Chính, xem Chu kỳ quyền 1, sự kiện năm thứ 5, đời Chu An vương.

2. Vương Bôn đánh nước Đại, bắt vua nước Đại là Gia.⁽¹⁾

3. Vương Tiễn định được hết đất phía nam sông Giang của nước Sở, thu hàng các quân trưởng Bách Việt, đặt quận Cối Kê.

4. Tháng năm, hạ lệnh cho phép người khắp thiên hạ được tụ hội yến ẩm.

5. Khi trước, Quân vương hậu của nước Tề⁽²⁾ hiền, kính cần thờ phụng nước Tần, thù tét với các nước chư hầu; nước Tề lại dựa biển lớn phía đông, không giáp với nước Tần. Nước Tần ngày đêm tiến đánh các nước Tam Tấn, Yên, Sở, năm nước lo tự cứu mình, cho nên Tề vương Kiến⁽³⁾ được lập hơn bốn mươi năm, nước Tề không chịu cảnh binh đao. Lúc Quân vương hậu sắp chết, răn bảo Tề vương là Kiến rằng:

- Trong số quần thần nên dùng người mờ, người mờ ...

Tề vương nói:

- Xin được chép lại.

Quân vương hậu nói: "Tốt!"

Tề vương cầm bút và thẻ thư cung kính nhận lời, Quân vương hậu nói:

- Lão bà đã quên mất rồi!

Quân vương hậu chết, Hậu Thắng làm Tướng quốc nước Tề, nhiều lần nhận vàng bạc của gián điệp nước Tần. Tần khách đi vào nước Tần, nước Tần lại cho họ rất nhiều vàng bạc. Tần khách đều thành phản gián, khuyên Tề vương triều bái nước Tần, chẳng sửa sang phòng bị chiến tranh, chẳng giúp năm nước đánh Tần, nước Tần vì thế diệt được năm nước.

¹ Việc Công tử Gia nước Triệu trốn sang nước Đại, xem ở Tần kỷ, quyển thứ nhất, sự kiện năm thứ 19.

² Tức con gái của Thái sử Kiểu, lấy Tề Tương vương lúc đi trốn quân Yên vậy. Xem Chu kỷ, quyển thứ tư, sự kiện năm thứ 32 đời Chu Noãn vương.

³ Tức con của Tề Tương vương với Quân vương hậu.

Tề vương sắp đến triều bái, Ung Môn tư mã tiến lên nói:

- Sở dĩ lập Vương, là vì xã tắc, hay vì Vương?

Tề vương nói:

- Vì xã tắc.

Tư mã nói:

- Đã vì xã tắc lập Vương, vì sao Vương vứt bỏ xã tắc mà vào nước Tần?

Tề vương bèn quay xe về.

Đại phu của Tức Mặc nghe tin, gặp Tề vương nói:

- Đất Tề vuông mấy nghìn dặm, binh đeo đai giáp mấy trăm vạn. Các đại phu Tam Tấn đều chẳng tiếp nhận sự thống trị của nước Tần, mà trốn ở vùng A, Chân đến mấy trăm người; Vương thu dụng mà giao cho họ trăm vạn bộ chúng, khiến họ thu lại đất cũ của Tam Tấn, thế thì quan ải Lâm Tấn có thể tiến vào được rồi. Đại phu của Yến Dĩnh chẳng muốn vì Tần, mà ở tại Nam Thành đến mấy trăm người, Vương thu dụng mà trao cho họ trăm vạn quân lính, khiến họ thu đất Sở cũ, thế thì Vũ Quan có thể tiến vào được rồi.⁽¹⁾ Như thế, thì cái uy của nước Tề có thể lập, nước Tần có thể vong, há chỉ là bảo vệ quốc gia của mình mà thôi!

Tề vương không nghe.

Năm thứ hai mươi sáu (Canh Thìn – TCN 221)

1. Vương Bôn từ đất Yên xuôi nam đánh nước Tề, vọt tiến vào Lâm Truy, dân chúng chẳng dám chống đánh. Nước Tần sai người dụ Tề vương, hẹn phong cho năm trăm dặm đất, Tề vương bèn hàng. Tần vương đày Tề vương đến đất Cung, ở

¹ ải Lâm Tấn là cửa ải từ đất Hà Đông tiến vào nước Tần, ải Vũ Quan là cửa ải từ nước Sở tiến vào đất Tần.

giữa vùng cây tùng cây bách, bị đói mà chết. Người nước Tề oán Tề vương Kiến chẳng sớm cùng chư hầu hợp tung, nghe theo kẻ gian nịnh và tân khách khiến quốc gia phải diệt vong, bèn làm bài ca về việc ấy rằng:

"Tùng kia, bách kia!

Khiến Kiến ở đất Cung, là tân khách ư!"

Là vì ghét hận việc Kiến dùng tân khách mà không thăm xét kỹ lưỡng vậy.

Thần Quang nói: *Cái thuyết hợp tung, liên hoành dẫn phản phúc vô thường, nhưng cốt lõi của việc hợp tung phù hợp với lợi ích của sáu nước vậy. Các bậc thánh sáng thời xưa phong dựng muôn nước, thân thiện với chư hầu, sai họ hội châu để giao du qua lại với nhau, thết đãi yến tiệc để tăng tình hữu hảo, thông qua hội minh để liên kết bền chặt, thực không có ý gì khác, chỉ muốn các nước đồng lòng hợp sức để bảo vệ quốc gia. Ví như sáu nước dùng tín nghĩa để thân thiện với nhau, thì nước Tần dẫn cường bạo, sáu nước há có thể bị diệt vong sao? Đại khái Tam Tấn, là phen đậu của Tề, Sở; Tề, Sở, là cái gốc vững của Tam Tấn; hình thế nhờ cậy nhau, trong ngoài nương dựa nhau. Thế nên Tam Tấn mà đánh Tề, Sở, là tự đứt gốc rễ của mình vậy; Tề, Sở mà đánh Tam Tấn, là tự triệt phen đậu của mình vậy. Sao được phép triệt phen đậu của mình để thân gần trộm giặc, lại nói là "trộm giặc sẽ yêu mến ta mà không đánh", đây há chẳng phải là việc rất hoang đường sao?*

2. Vương mới thôn tính thiên hạ, tự cho là mình kiêm đủ đức sáng của Tam hoàng, công nghiệp vượt quá Ngũ đế, bèn đổi hiệu là "Hoàng đế", mệnh ban ra gọi là "chế", lệnh ban ra gọi là "chiếu", Hoàng đế tự xưng là "trẫm".⁽¹⁾ Truy tôn Trang Tương vương làm Thái thượng hoàng. Chế nói:

¹ Về Tam hoàng và Ngũ đế, các học giả không thống nhất với nhau về những người được xưng hiệu này. Đại khái, Tam hoàng và Ngũ đế là những vị vua thời thượng cổ, được dân chúng đặc biệt kính trọng. Tần Thủy Hoàng ghép lấy hai chữ trong Tam hoàng, Ngũ đế, xưng là "Hoàng đế".

"Quân vương sau khi chết thì căn cứ hành trạng lúc sinh tiền định thụy,⁽¹⁾ làm thế là việc người con nghị luận về cha, bày tỏ nghị luận về vua, rất vô vị. Từ nay trở đi, phế bỏ phép đặt thụy. Trẫm là Thủy Hoàng đế, đời sau theo số mà tính, nhị thế, tam thế đến vạn thế, truyền tới vô cùng."

3. Khi trước, vào thời Uy vương, Tuyên vương nước Tề, Trâu Diễn soạn luận thuyết "Ngũ đức chung thủy"⁽²⁾; đến lúc Thủy Hoàng kiêm tính thiên hạ, người Tề tấu báo lên. Thủy Hoàng bắt đầu chọn dùng thuyết ấy, cho rằng nhà Chu được Hỏa đức, nhà Tần thay nhà Chu, theo đó cái đức mà Hỏa không thắng được, là Thủy đức vậy. Vì thế đổi ngày đầu năm, ngày triều cống chúc mừng bắt đầu từ ngày sóc⁽³⁾ tháng mười; y phục, cờ mao, cờ tiết đều chuộng màu đen; số đếm lấy số sáu làm đơn vị.

Thừa tướng Vương Oản nói:

- Đất Yên, Tề, Kinh⁽⁴⁾ ở xa, chẳng đặt vương, thì không lấy gì để trấn vỗ các chỗ đó. Xin hãy dựng lập cho các con.

Thủy Hoàng đưa lời ấy xuống nghị bàn. Đình úy Lý Tư nói:

Trước thời Tần Thủy Hoàng, không dùng danh từ "ché" và "chiếu", đến bấy giờ mới dùng. Về quy định, "ché" quan trọng hơn "chiếu" vì "ché" là mệnh nhà vua ban ra, "chiếu" là lệnh của nhà vua, có thể ban thông qua người khác, chỉ thiên tử mới được dùng "ché".

Danh từ "trẫm", theo đạo giáo, là chỉ lực lượng siêu nhiên thần bí, không ai thấy được, chỉ cảm nhận được mà thôi, Tần Thủy Hoàng theo đề nghị của Lý Tư, dùng từ "trẫm" để tự xưng.

¹ Thời thượng cổ không đặt thụy, cho đến thời nhà Chu bắt đầu căn cứ hành trạng của vua lúc còn sống mà đặt thụy. Ví dụ, vua nổi tiếng về văn trị thì gọi là Văn vương, nổi tiếng về võ trị thì gọi là Vũ vương; nếu tối tăm hôn ám, ác độc, hèn kém thì gọi là U vương, Lệ vương.

² Ngũ đức (五德), là chỉ năm đức tính của Ngũ hành (Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy); chung thủy, là "đầu cuối", chỉ sự vận động vòng tròn của Ngũ hành. Ý nói ngũ hành đáp đối nhau, đi theo vòng tròn: Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, đi hết vòng lại quay lại mãi mãi như thế.

³ Ngày sóc là ngày đầu tháng, ngày hối là ngày cuối tháng. Vì nhà Tần lấy ngày đầu tháng 10 làm đầu năm, các năm kể từ bấy giờ trở đi đều bắt đầu là tháng 10.

⁴ Kinh, tức là đất Sở vậy. Vì bấy giờ tránh húy của Trang Tương vương (Tử Sở) nên gọi như thế.

- Các vua Văn, Vũ nhà Chu phong dựng con em cùng họ làm vua rất đông, nhưng con cháu đời sau thành họ rất xa, đánh lẫn nhau như cừ thù, Thiên tử nhà Chu chẳng thể ngăn cấm được. Nay bốn bề nhờ uy thần của Bệ hạ được nhất thống, đều thành quận, huyện, các con và bầy tôi có công được thu tô thuế, được ban thưởng hậu, như thế đã rất đầy đủ lại dễ khống chế, người thiên hạ không có ý khác, thì đấy chính là cái thuật trị an vậy. Đặt chư hầu thì không tiện.

Thủy Hoàng nói:

- Thiên hạ đều khốn khổ vì chinh chiến không dừng, là vì có Hầu có Vương mà ra. Cậy nhờ tông miếu, thiên hạ vừa mới yên định, lại dựng lập các nước, đấy là tự gây việc binh đao vậy; mong được yên ổn nghỉ ngơi, há chẳng rất khó sao? Lời bàn của Đĩnh úy là đúng.⁽¹⁾

Liền chia thiên hạ thành ba mươi sáu quận, mỗi quận lại đặt chức Thú, Ủy, Giám. Rồi lệnh thu hết binh khí trong thiên hạ tụ ở Hàm Dương, nấu đúc thành chuông và mười hai người đồng, đều nặng nghìn thạch, đặt giữa cung đình. Thống nhất phép chế và dụng cụ cân đo như thạch, trượng, thước. Dời mười hai vạn nhà phú hào trong thiên hạ đến Hàm Dương.

Các miếu điện và Chương Đài, Thượng Lâm của nước Tần đều đặt ở phía nam sông Vị. Mỗi khi phá được một chư hầu, Tần vương đều sai vẽ mô phỏng cung thất của nước đó, rồi dựng một tòa ở sườn núi phía bắc Hàm Dương. Phía nam các cung này soi xuống sông Vị, từ Ung Môn hướng về đông đến chỗ sông Kinh, sông Vị giao nhau, các mái điện, đường phước đạo⁽²⁾, lầu gác nối liền, các mỹ nhân và chiêng trống bắt được ở các nước chư hầu đều sung hết vào trong ấy.

¹ Như vậy, từ đời Tần Thủy Hoàng trở đi, về chính trị, Trung Quốc quản lý thống nhất từ trung ương, đây chính là chế độ phong kiến tập quyền.

Đĩnh úy, là chức quan chương quản việc hình ngục.

² Phức đạo (复道), là đường đi trên không, được xây như cái cầu, bắc nối các kiến trúc lầu gác của cung điện với nhau, có đường phía trên, phía dưới (nên gọi là phức).

Năm thứ hai mươi bảy (Tân Tỵ – TCN 220)

1. Thủy Hoàng đi tuần Lũng Tây, Bắc Địa, đến núi Kê Đầu, đi qua Hồi Trung.

2. Sai dựng Tín cung ở mé nam sông Vị, dựng xong, truyền lệnh đổi tên thành Cực Miếu. Từ Cực Miếu đắp đường thông đến Ly Sơn, sai dựng cung Cam Tuyền phía trước điện, đắp đống đạo⁽¹⁾ kéo dài đến tận Hàm Dương, sửa Trì đạo⁽²⁾ thông đường đi khắp thiên hạ.

Năm thứ hai mươi tám (Nhâm Ngọ – TCN 219)

1. Thủy Hoàng sang đông tuần thú các quận huyện, lên núi Trâu Dịch, dựng bia đá ca tụng công nghiệp. Vì thế triệu tập bảy mươi một vị nho sinh nước Lỗ, đến dưới núi Thái Sơn, nghị bàn việc phong thiện.⁽³⁾ Trong số nho sinh có người nói:

- Thời cổ làm lễ phong thiện, dùng cỏ bồ lột bánh xe, sợ làm hại đến cỏ cây và đất đá ở trên núi; lúc quét đất tế tự, chiếu ngồi đều dùng bẹ cỏ bện thành.

Mọi người nghị bàn đều không giống nhau. Thủy Hoàng cho rằng lời bàn của mọi người rất khó thi hành, vì thế phế truất bọn nho sinh. Rồi lệnh sai thông đường xe đi, từ phía nam núi Thái Sơn lên đến đỉnh núi, dựng bia đá ca tụng công đức; từ phía bắc núi Thái Sơn xuôi xuống, đến núi Lương Phụ tế đất. Nghi thức tế lễ đều chọn dùng hình thức tế tự của Thái chúc lệnh nước Tần thời xưa lúc tế Thượng đế ở đất Ung, nhưng lễ

¹ Dững đạo (甬道), là con đường mà hai bên đắp dựng vách lũy, đi phía trong đường ấy, người bên ngoài không thể nhìn thấy, ngăn chống được các cuộc tấn công bằng tên, đường đi lại ngang tắt như ngõ xóm.

² Trì đạo (驰道), là con đường lớn rất rộng rãi, xe ngựa của vua rong ruổi (trì) trên con đường ấy, hai bên trồng nhiều cây cho mát mẻ.

³ Phong (封), là lễ tế trời; thiện (禪), là lễ tế đất. Nghi thức tế lễ tham khảo thêm ở *Sử ký* của Tư Mã Thiên, *Phong thiện thư*.

phong thiện ra sao đều chôn giấu bí mật, người đời không có cách gì ghi chép lại được.

Thế rồi Thủy Hoàng sang đông đi tuần các đất ven biển, tế lễ núi cao khe lớn và Bát thần.⁽¹⁾ Thủy Hoàng xuôi nam trèo lên núi Lang Nha, rất vui sướng, ở lại ba tháng, dựng đài Lang Nha, lập bia ca tụng công đức, tỏ rõ cái ý đã có được thiên hạ.

Khi trước, người nước Yên là bọn Tống Vô Ky, Tiệp Môn Tử Cao nói rằng thế gian có thuật thay hình hóa cốt, đắc đạo thành tiên, bọn kẻ sĩ hủ lậu và quái dị ở các nước Yên, Tề đều tranh nhau truyền thụ học tập thuật ấy. Từ Tề Uy vương, Tề Tuyên vương đến Yên Chiêu vương đều tin lời bọn họ, sai người ra biển tìm kiếm ba ngọn núi thần Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu, nói rằng ba ngọn núi ấy ở giữa biển Bột Hải, cách chỗ có người ở không bao xa. Người phàm muốn đến được chỗ đấy thì phải có gió đẩy thuyền đi. Đã từng có người đến, thấy những người tiên và thuốc trường sinh bất tử đều ở đấy. Lúc Thủy Hoàng đến ven biển, các phương sĩ đất Tề là bọn Từ Phát tranh nhau dâng thư nói việc ấy, xin được trai giới, cùng đồng nam đồng nữ đi tìm ba ngọn núi thần. Vì thế Thủy Hoàng phái Từ Phát đem mấy nghìn đồng nam đồng nữ ra bể tìm tiên. Thuyền bơi giữa biển, đều gặp gió nghịch thổi quay về, họ nói:

- Chưa đến được tận nơi, nhưng trông xa đã thấy chỗ đó.

Thủy Hoàng quay về, đi qua Bành Thành, cử hành trai giới cầu đảo, muốn vớt đỉnh của nhà Chu trên sông Tứ, sai nghìn người lặn xuống sông tìm, không được. Bèn sang hướng tây nam vượt sông Hoài, đến Hành Sơn, Nam Quận. Xuôi sông Giang đến đền Trương Sơn, gặp gió lớn, cơ hồ không thể qua sông. Thủy Hoàng hỏi Bác sĩ rằng:

- Trương Quân là vị thần nào?

¹ Bát thần (八神) tức các thần quản trời, đất, việc binh, âm, dương, nhật, nguyệt và thần quản bốn mùa.

Bác sĩ đáp rằng:

- Nghe nói con gái vua Nghiêu, tức vợ vua Thuấn, chôn táng ở đây.

Thủy Hoàng cả giận, sai ba nghìn kẻ tù đồ chặt sạch cây cối ở Tương Sơn khiến đất đá trở màu đỏ. Rồi từ Nam Quận qua Vũ Quan quay về Hàm Dương.

2. Khi trước, người nước Hàn là Trương Lương, cha ông năm đời của Lương là Tướng quốc nước Hàn. Lúc nước Hàn mất, Lương phát tán sản nghiệp nghìn vàng, muốn vì nước Hàn báo thù.

Năm thứ hai mươi chín (Quý Mùi – TCN 218)

1. Thủy Hoàng tuần du phương đông, đến vùng Bắc Lang Sa huyện Dương Vũ, Trương Lương lệnh sai lực sĩ mang chùy sắt rình đánh Thủy Hoàng, đánh nhằm phải xe của tùy tùng. Thủy Hoàng kinh hãi, sai tìm kiếm, không bắt được; lệnh sai mở cuộc lùng soát lớn khắp thiên hạ trong mười ngày.

Thủy Hoàng trèo lên núi Chi Phù, sai khắc bia đá; xong, đến Lang Nha, theo đường Thượng Đảng quay về Hàm Dương.

Năm thứ ba mươi mốt (Ất Dậu – TCN 216)

1. Lệnh sai dân đen trong cả nước tự khai báo số ruộng đất của mình.

Năm thứ ba mươi hai (Bính Tuất – TCN 215)

1. Thủy Hoàng đến Kiệt Thạch, sai Lô Sinh người nước Yên đi tìm người tiên là Tiễn Môn, khắc bia ở cửa Kiệt Thạch. Phá hủy thành quách, khai thông đê điều.

Thủy Hoàng tuần du biên bắc, từ Thượng Quận về kinh. Lô Sinh được sai ra biển quay về, nhân đó tấu dâng sách *Lục đồ thư* viết: "Làm mất nhà Tần là Hồ vậy." Thủy Hoàng bèn phái Tướng quân Mông Diêm phát binh ba mươi vạn người, lên phía bắc đánh rợ Hung Nô.⁽¹⁾

Năm thứ ba mươi ba (Đinh Hợi – TCN 214)

1. Điều phát những kẻ trốn nợ, người ở rể, hạng đi buôn làm binh lính, đánh cướp đất Lục Lương của Nam Việt, đặt ra các quận Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận; đem những kẻ mắc lỗi bị đầy ải cả thảy năm mươi vạn người đến Ngũ Lĩnh đóng trú, ở lẫn với người Nam Việt.

2. Mông Diêm xua đuổi người Hung Nô, thu lại đất Hà Nam lập thành bốn mươi tư huyện. Cho đắp trường thành, dựa vào địa hình để khống chế các chỗ hiểm yếu; bắt đầu từ Lâm Thao đến Liêu Đông, kéo dài hơn vạn dặm. Mông Diêm vượt Hoàng Hà, chiếm Sơn Dương, đi lượn lên hướng bắc. Binh lính phơi sương gió ở bên ngoài hơn chục năm, Mông Diêm thường ở Thượng Quận chỉ huy quân; uy chấn Hung Nô.

Năm thứ ba mươi tư (Mậu Tý – TCN 213)

1. Phạt tội các quan coi việc hình ngục không ngay thẳng, biết người có tội mà tha khỏi ngục, biết người vô tội mà cố khép tội, sai đi đắp trường thành hoặc đến làm lính thú ở đất Nam Việt.

Thừa tướng Lý Tư dâng thư rằng:

¹ Người Hung Nô, còn gọi là rợ Hồ, Tần Thủy Hoàng cho rằng theo lời sấm ngữ, rợ Hồ sẽ khiến nhà Tần mất nước, vì thế điều quân lên phía bắc đánh phá họ. Thế nhưng thực tế, sau này nhà Tần mất là bởi Tần nhị thế (Hồ Hợi).

"Thời trước các chư hầu cùng tranh đấu, hậu đãi chiêu vờn những kẻ du thuyết. Nay thiên hạ đã định, pháp lệnh xuất ra từ một chỗ, trăm họ thì nhà nhà phải dốc sức với việc công, nông, kẻ sĩ thì học tập pháp lệnh. Nay các nho sinh không theo thời nay mà học thời cổ, để chê bai đương thời, mê loạn dân đen, thay nhau chê cười phép nước, đem ra dạy dỗ người ta. Nghe lệnh trên ban xuống thì đều lấy cái sở học của mình ra nghị bàn, vào triều thì trong lòng chê bai, ra triều thì bàn tán nơi ngõ xóm, khoe chủ để tự lập danh, nêu cái lạ để tỏ chí cao, cầm đầu kẻ dưới để tạo lời phi báng. Như thế mà chẳng cấm, thì uy thế của vua giảm sút ở trên, mà bè đảng nổi lên ở dưới. Cấm là có lợi! Thần thỉnh xin cho sử quan đốt hết các sách sử nếu không phải là sách của nhà Tần. Trừ những người làm chức Bác sĩ, người thiên hạ có ai cất giấu Kinh Thư, Kinh Thi, sách vở của trăm nhà, đều phải đem đến chỗ các quan Thú, Ủy đốt hết đi. Ai dám nói bàn với nhau về Thi, Thư thì chém bỏ xác giữa chợ; lấy việc đời xưa chê bai đời nay thì diệt tội; quan lại biết mà không tố cáo thì cũng đồng tội. Lệnh ban xuống ba mươi ngày, ai không đốt sách thì khắc chữ vào mặt đầy đi xây trường thành. Các thứ sách không bỏ là sách thuốc, sách bói toán, sách dạy trồng trọt. Ai muốn học pháp lệnh thì thờ quan lại làm thầy.

Chế nói: "Được."

Người đất Ngụy là Trần Dư bảo Khổng Phụ rằng:

- Nhà Tần sắp diệt thư tịch của tiên vương, mà ngài là người nắm giữ thư tịch,⁽¹⁾ thật nguy lắm thay!

Từ Ngư nói:

- Người đời xem những thứ học thức mà ta nghiên cứu là vô dụng, biết ta chỉ có bằng hữu. Triều Tần không có ai là bằng hữu của ta cả, ta có nguy hiểm gì đâu! Ta sẽ giấu kín thư tịch để đợi có người tìm đến; có người tìm đến, ta không lo gì nữa rồi.

¹ Khổng Phụ (孔鮒), tự Từ Ngư (子魚), là cháu tám đời của Khổng tử. Nói thư tịch của "tiên vương", tức là nói các sách của thánh vương xưa mà Khổng tử biên soạn, chỉnh lý vậy. Đại khái, đó là các sách thuộc Lục kinh.

Năm thứ ba mươi lăm (Kỷ Sửu – TCN 212)

1. Để sai Mông Diêm sửa thông đường, từ Cửu Nguyên đến Vân Dương, đục núi lấp lũng một nghìn tám trăm dặm, mấy năm không hoàn thành.

2. Thủy Hoàng cho rằng người ở Hàm Dương đông mà cung điện của tiên vương nhỏ, bèn sai xây dựng cung điện trong vườn Thượng Lâm phía nam sông Vị, trước hết sai làm điện phía trước cung A Phòng, dài năm trăm bộ, rộng năm mươi trượng, trên có thể ngồi một vạn người, dưới có thể dựng cờ cao năm trượng, xung quanh làm đường gác, từ dưới điện chạy thẳng đến núi Nam Sơn, ở đỉnh Nam Sơn cho dựng cửa khuyết. Làm phúc đạo, từ cung A Phòng vượt sông Vị, nối liền với Hàm Dương, để tượng trưng đường đi của sao Thiên Cực, sao Các Đạo, cắt ngang sông Ngân đến chòm sao Doanh Thất. Những kẻ bị tội thiên ở Án Cung và những kẻ có tội bị gia hình gồm hơn bảy mươi vạn người, chia ra sai đi xây cung A Phòng hoặc đắp núi Ly Sơn. Đào loại đá thường dùng làm quách ở núi Bắc Sơn, lấy gỗ từ đất Thục, đất Kinh, chuyển đến đây. Ở Quan Trung tính ra dựng ba trăm cung, vùng quan ngoại dựng hơn bốn trăm cái. Rồi dựng bia đá trong địa giới huyện Cù ở bờ biển Đông Hải, cho là cửa phía đông của nước Tần. Nhân đấy dời ba vạn nhà đến Ly Ấp, năm vạn nhà đến Vân Dương, những nơi này đều được miễn trừ tô thuế dao dịch mười năm.

3. Lô Sinh nói với Thủy Hoàng rằng:

- Trong phương thuật có phép: Bậc nhân chủ bất ngờ vì hành để tránh ác quý. Tránh được ác quý, thì chân nhân mới đến. Mong rằng chúa thượng ở cung nào thì chó để ai được biết, sau đó mới có thể lấy thuốc bất tử vậy!

Thủy Hoàng nói:

- Ta kính mộ bậc chân nhân!

Vì thế tự xưng là "Chân nhân", không xưng "Trẫm". Rồi lệnh cho hai trăm bảy mươi cung quán trong vòng hai trăm dặm quanh Hàm Dương, làm phức đạo, dựng đạo nối liền nhau; đem màn trướng, chiêng trống, mỹ nữ sung vào đó, đều phải kiểm xét xếp đặt, không được xê dịch. Những chỗ mà vua đi đến, kẻ nào nói chỗ vua ở, bị tội chết.

Thủy Hoàng đến cung Lương Sơn, từ trên núi thấy xe ngựa của Thừa tướng rất đông, không hài lòng. Trong số người tại đó có kẻ báo với Thừa tướng, sau đó Thừa tướng giảm bớt xe ngựa. Thủy Hoàng giận nói:

- Người trong đám này có kẻ tiết lộ lời ta nói!

Xét hỏi, chẳng ai nhận, Thủy Hoàng liền sai bắt những người ở bên cạnh mình lúc đó, giết hết đi. Từ đấy về sau, chẳng ai biết vua đang ở đâu. Quần thần tấu báo hay nhận các phán quyết, đều ở cung Hàm Dương.

Hầu Sinh, Lô Sinh cùng bàn luận với nhau chê bai Thủy Hoàng, liền đó bỏ đi. Thủy Hoàng nghe tin, cả giận nói:

- Bọn Lô Sinh, ta quý trọng ban thưởng cho chúng rất hậu, nay lại phi báng ta! Bọn nho sinh ở Hàm Dương, ta sai người xét hỏi, có kẻ đặt lời nhảm nhí làm loạn bọn dân đen.

Vì thế sai Ngự sử xét hỏi hết thấy bọn nho sinh. Nho sinh cáo giác lời dấy lẫn nhau, Thủy Hoàng tự mình định tội hơn bốn trăm sáu mươi người phạm điều cấm, đều chôn sống hết bọn họ ở Hàm Dương, sai bố cáo cho thiên hạ biết để làm răn cho người sau. Lại đây thêm nhiều kẻ mắc tội ra biên giới.

Con trưởng của Thủy Hoàng là Phù Tô can rằng:

- Các nho sinh đều tụng đọc, học theo Khổng tử. Nay chúa thượng toàn dùng pháp luật nặng trói buộc họ, thần sợ rằng thiên hạ không yên.

Thủy Hoàng giận, sai Phù Tô lên bắc coi xét quân của Mông Diêm ở Thượng Quận.

Năm thứ ba mươi sáu (Canh Dần – TCN 211)

1. Đá trời rơi ở Đông Quận. Có người khắc chữ lên hòn đá ấy rằng: "Thủy Hoàng chết thì đất chia." Thủy Hoàng sai Ngự sử đến tra hỏi, chẳng ai chịu nhận; Thủy Hoàng bèn bắt hết những người ở gần chỗ đá rơi, giết bọn họ, đốt cháy hòn đá.

2. Di dời ba vạn nhà đến Du Trung ở phía bắc sông Hoàng Hà, mỗi hộ được ban tước thêm một cấp.

Năm thứ ba mươi bảy (Tân Mão – TCN 210)

1. Mùa đông, tháng mười, ngày Quý Sửu, Thủy Hoàng xuất du; Tả thừa tướng Lý Tư đi theo, Hữu thừa tướng Khứ Tật giữ Hàm Dương. Thủy Hoàng có hơn hai mươi người con, con út là Hồ Hợi được yêu mến nhất, xin theo; chúa thượng đồng ý.

Tháng mười một, đi đến Vân Mộng, vọng tế vua Thuấn ở núi Cửu Nghi. Xuôi sông Giang xuống, xem Tịch Kha, vượt bãi nổi, qua Đan Dương, đến Tiền Đường, tới Chiết Giang. Gặp sóng dữ, bèn sang tây một trăm hai mươi dặm, vượt quãng sông hẹp. Lên núi Cối Kê, tế Đại Vũ, trông ra Nam Hải; dựng bia đá ca tụng công đức. Rồi quay về, qua đất Ngô, từ huyện Giang Thừa qua sông, men biển lên phía bắc, đến Lang Nha, Chi Phù. Thấy con cá lớn, bắt chết cá. Rồi men biển đi về phía tây, đến bến Bình Nguyên thì mắc bệnh.

Thủy Hoàng ghét nói đến cái chết, quần thần chẳng ai dám nói việc chết. Bệnh rất nặng, bèn lệnh cho Trung xa phủ lệnh kiêm Phù tử sự Triệu Cao viết thư gửi cho Phù Tô rằng: "Hãy về dự tang, linh cửu ta về tới Hàm Dương thì táng." Thư đã phong kín để ở chỗ Triệu Cao, chưa giao cho sứ giả.

Mùa thu, tháng bảy, ngày Bính Dần, Thủy Hoàng băng ở Bình Đài thuộc Sa Khâu. Thừa tướng Lý Tư vì chúa thượng băng ở ngoài, sợ các công tử và thiên hạ có biến, bèn bí mật việc

đó, không phát tang, chở quan tài trong một chiếc xe mát,⁽¹⁾ cho một hoạn quan được vua yêu ngồi ở bên. Các nơi đi đến, dâng thức ăn, trăm quan tấu việc như thường, hoạn quan ở trong xe phê chuẩn lời tấu. Chỉ có Hồ Hợi, Triệu Cao và năm sáu hoạn quan được vua yêu mến biết nội tình.

Khi trước, Thủy Hoàng tôn trọng sủng ái anh em họ Mông, tín nhiệm bọn họ. Mông Diêm được dùng làm tướng ở ngoài, Mông Nghị thường ở triều đình tham mưu nghị bàn, có tiếng là trung tín, nên dẫu là chư tướng hay Thừa tướng, chẳng ai dám cùng họ tranh cao thấp.

Triệu Cao, sinh ra thì bị thiếu, Thủy Hoàng nghe nói hắn có sức khỏe, thông hiểu về hình pháp, đề bạt cho làm Trung xa phủ lệnh, sai dạy Hồ Hợi học xét quyết tố tụng; Hồ Hợi rất sủng ái hắn. Triệu Cao mắc tội, Thủy Hoàng sai Mông Nghị trừng trị, Nghị xét rằng Cao ứng phép phải xử tử. Thủy Hoàng cho là Cao linh mẫn với công việc, tha tội, khôi phục chức quan cho hắn. Triệu Cao vốn đã được Hồ Hợi sủng hạnh, lại càng oán họ Mông, bèn khuyên Hồ Hợi, xin trá xưng là có di mệnh của Thủy Hoàng sai giết Phù Tô mà lập Hồ Hợi làm Thái tử. Hồ Hợi ưng kế ấy. Triệu Cao nói:

- Chẳng mưu bàn với Thừa tướng, sợ việc chẳng thể thành.

Bèn gặp Thừa tướng Lý Tư nói:

- Chúa thượng ban chiếu thư và ấn phù cho con trưởng, đều ở chỗ Hồ Hợi. Quyết định ngôi Thái tử là ở miệng Quân hầu và Cao này thôi. Việc này phải làm thế nào đây?

Tư nói:

- Sao được nói cái lời vong quốc như thế! Đây không phải là việc mà bọn nhân thần nên nghị bàn vậy!

Cao nói:

¹ Đại khái là chiếc xe có cửa hai bên, điều chỉnh được nóng lạnh, khi mở ra thì mát, khi đóng lại thì ấm.

- Các mặt tài năng, mưu lược, công huân, không gây oán thù, được con trưởng tin tưởng, năm điểm ấy của Quân hầu có so được với Mông Điềm chăng?

Tư nói:

- Ta không theo kịp vậy.

Cao nói:

- Như thế thì khi con trưởng tức vị, tất dùng Mông Điềm làm Thừa tướng, Quân hầu rút cục chẳng thể mang cái ấn thông hầu¹ về làng xóm là việc rõ rồi! Hồ Hợi nhân từ, trung hậu, có thể lập làm người kế tự! Mong Quân hầu xét kỹ kế mà quyết định đi!

Thừa tướng Tư cho là đúng, bèn cùng bàn mưu, trá xưng là nhận chiếu của Thủy Hoàng, lập Hồ Hợi làm Thái tử; lại đổi thư ban cho Phù Tô, trách mắng rằng không mở mang đất đai dựng lập công lao, khiến sĩ tốt hao tổn nhiều, lại mấy lần dâng thư, nói thẳng phi báng, còn đêm ngày oán vọng không được nghỉ quay về làm Thái tử; Tướng quân Điềm chẳng nấn sửa lỗi của Phù Tô, biết cái mưu ấy; đều ban lệnh phải tự sát, đem binh quyền giao cho Tì tướng Vương Ly.

Phù Tô mở thư, khóc, vào nội thất, muốn tự sát. Mông Điềm nói:

- Bệ hạ ở ngoài, chưa lập Thái tử; sai thuộc hạ lĩnh ba mươi vạn quân trấn giữ biên ải, Công tử làm Giám quân, đây là gánh việc nặng trong thiên hạ vậy. Nay một vị sứ giả đến, bọn ta lập tức tự sát, sao biết không phải là trá lừa! Hãy thỉnh ý lại rồi chết, cũng chưa muộn vậy.

Sứ giả mấy lần thúc giục họ. Phù Tô bảo Mông Điềm rằng:

- Cha ban lệnh con phải chết, sao còn phải thỉnh ý lại!

¹ Là ấn Liệt hầu vậy.

Lập tức tự sát. Mông Điềm không chịu chết, sứ giả giao cho quan lại thuộc hạ, tù cầm ở Dương Chu; đổi đặt Xá nhân của Lý Tư làm Hộ quân, rồi quay về báo cáo.

Hồ Hợi nghe tin Phù Tô đã chết, lập tức muốn phóng thích Mông Điềm. Gặp đúng lúc Mông Nghị theo lệnh Thủy Hoàng đi cầu cúng các thần sông núi, quay về tới nơi, Triệu Cao nói với Hồ Hợi rằng:

- Tiên đế muốn tiến cử người hiền lập Thái tử lâu rồi, nhưng Nghị can gián cho là không nên; chẳng gì bằng giết hẳn!

Bèn tù cầm Nghị ở Đại Quận.

Đoàn xe đi từ Tỉnh Hình đến Cửu Nguyên. Gặp lúc trời nắng nóng, xe bốc mùi thối, bèn chiếu lệnh cho quan lại đi theo xe chở một thạch cá ướp để lẫn mùi thối. Xe thẳng đường đến Hàm Dương, phát tang. Thái tử Hồ Hợi kế ngôi vị.

Tháng chín, táng Thủy Hoàng ở Ly Sơn, đổ đồng nung chảy lấp ba mạch suối ngầm dưới đất rồi đưa quách vào; đem đồ vật trân quý cất đầy trong đó. Lệnh sai thợ làm máy bắn nỏ, hễ có ai đào gần đến tên nỏ liền bắn ra. Lại lấy thủy ngân làm trăm con suối, sông lớn, bể rộng, các máy móc khiến sông biển tưới rót vào nhau. Bên trên có đủ thiên văn, phía dưới có đủ địa lý. Ở hậu cung ai không có con, đều lệnh sai chết theo. Chôn táng đã xong, có kẻ nói những người thợ làm máy móc, đều biết hết việc, sẽ tiết lộ các bí mật. Vì thế khi đại sự xong xuôi, liền sai lấp bọn họ ở trong huyết mộ.

2. Nhị Thế muốn giết anh em Mông Điềm. Con của anh trai Nhị Thế là Tử Anh can rằng:

- Triệu vương Thiên giết hại Lý Mục mà dùng Nhan Tự, Tề vương Kiến giết trung thần đời trước mà dùng Hậu Thắng, rút cục đều vong quốc. Họ Mông, là đại thần, là mưu sĩ của nhà Tần, mà Bệ hạ muốn một sớm dứt bỏ bọn họ. Giết chóc trung thần mà lập người không có tiết hạnh, đấy là vứt bỏ sự tín nhiệm

của quần thần ở trong, làm tan rã ý chí chiến đấu của tướng sĩ ở ngoài vậy!

Nhị Thế không nghe, bèn giết Mông Nghị và Nội sử Điem. Điem nói:

- Từ tiên quân ta tới con cháu, trung tín lập công tích chưa đã ba đời rồi. Nay ta thống lĩnh binh mã ba chục vạn, thân dầu bị tù cấm, thế lực đủ để phản loạn. Nhưng tự biết rằng phải chết để giữ nghĩa, chẳng dám nhục đến lời giáo huấn của tiên nhân để tỏ rõ rằng không quên ân đức của tiên đế vậy!

Bèn uống thuốc độc tự sát.

Sách Pháp ngôn của Dương Hùng viết: Có người hỏi ta: "Mông Điem trung mà bị giết, thế thì trung nghĩa có tác dụng gì?" Ta đáp rằng: "Xẻ núi, lấp lũng, xây đắp trường thành, bắt đầu từ Lâm Thao, liên tiếp đến Liêu Thủy, sức người chẳng đủ mà thi thể chất chồng, lòng trung chẳng đủ để giúp quân vương vậy."

Thần Quang nói: Đang lúc Thủy Hoàng tàn hại thiên hạ mà Mông Điem vâng chịu sự sai khiến, cái bất nhân của Điem có thể thấy được rồi. Nhưng Điem thấu hiểu về cái nghĩa của kẻ tôi thân, dầu vô tội bị giết, mà có thể giữ tiết chịu chết không hai lòng, cái nghĩa ấy cũng đủ để khen ngợi vậy.

NHỊ THẾ HOÀNG ĐẾ

Năm thứ nhất (Nhâm Thìn – TCN 209)

1. Mùa đông, tháng mười, ngày Mậu Dần, đại xá thiên hạ.

2. Mùa xuân, Nhị Thế sang đông đi tuần các quận huyện, Lý Tư đi theo; đến Kiệt Thạch, lại men biển xuôi nam đến Cối Kê; rồi khắc chữ lên hết thảy những bia đá mà Thủy Hoàng đã dựng, bên cạnh đó chép tên các đại thần đi theo, để biểu chương công cao đức thịnh của tiên đế rồi quay về.

Mùa hạ, tháng tư, Nhị Thế về đến Hàm Dương, bảo Triệu Cao rằng:

- Con người ta sinh ra sống ở thế gian, cũng ví như cỗ xe sáu ngựa Ký phóng vụt qua lỗ vách vậy. Ta đã cai quản thiên hạ, muốn được hưởng hết cái vui tai mắt, đến tận cùng cái chỗ khiến lòng người vui thích, cho đến cuối đời, có được chăng?

Cao nói:

- Những điều ấy bậc quân chủ hiền minh có thể làm, nhưng vị vua hôn ám lại phải tránh vậy. Tuy nhiên, nay vẫn có thứ chưa làm được, thần xin được nói ra: Cái mưu ở Sa Khâu, các công tử và đại thần đều nghi ngờ; mà các công tử đều là anh của Đế, đại thần lại là người được tiên đế sắp đặt. Nay Bệ hạ mới tức vị, tâm ý các thuộc hạ ấy còn tấm tức, đều bất phục, sợ rằng sẽ sinh biến; thần thường đau đầu sợ hãi, chỉ e chẳng được chết lành, Bệ hạ há được yên vui như thế sao?

Nhị Thế nói:

- Phải làm sao bây giờ?

Triệu Cao nói:

- Bệ hạ nên nghiêm phép nước dùng hình khốc liệt, khiến kẻ liên đới phải chịu tội chung với kẻ mắc tội, tru diệt hết các đại thần và người trong tông thất; rồi sau mới thu nhận đề bạt dân hèn, kẻ nghèo thì cho giàu, kẻ hèn thì cho quý. Trừ bỏ hết các bày tôi cũ của tiên đế, đổi dùng những người thân thích của Bệ hạ, như thế thì đức tốt quy về Bệ hạ, họa hại tiêu trừ mà gian mưu lấp kín, quần thần chẳng ai không chịu ân thấm đẫm, on lớn đức dày, Bệ hạ có thể cao gối vô lo, mặc lòng hưởng trọn niềm vui rồi. Kế sách chẳng gì hơn thế!

Nhị Thế ưng lời ấy. Bèn tu sửa phát luật, đòi hỏi càng nghiêm khắc hơn, đại thần và các công tử mắc lỗi, lập tức giao xuống cho Cao xử trị. Vì thế mười hai công tử bị chém quăng thây ở chợ Hàm Dương, mười công chúa bị xé xác ở huyện Đổ,

tài vật thu vào phủ quan, những kẻ bị mắc tội liên đới chẳng thể nào tính xuế.

Công tử Tương Lư anh em ba người bị giam tù ở trong cung, bị luận tội sau cùng. Nhị Thế sai sứ giả tới mắng Tương Lư rằng:

- Công tử không trọn phận tôi thần, tội đáng chết! Quan lại đến chấp pháp.

Tương Lư nói:

- Nghi lễ chốn khuyết đình, ta chưa từng dám không theo; ngôi thứ chốn miếu đường, ta chưa từng dám thất tiết; nhận mệnh ứng đối, ta chưa từng dám lỡ lời; sao gọi là không trọn phận tôi thần? Xin cho ta biết tội rồi chết!

Sứ giả nói:

- Ta không được dự bàn, chỉ phụng chiếu thư hành sự!

Tương Lư bèn ngẩng mặt lên trời, kêu lớn ba tiếng "Trời ơi", nói:

- Ta vô tội!

Anh em ba người đều sa nước mắt, tuốt kiếm tự sát. Tông thất sợ run. Công tử Cao muốn trốn đi, sợ gia tộc bị bắt, bèn dâng thư nói:

"Thời tiên đế chưa mắc bệnh, thân vào cửa thì được ban đồ ăn, ra ngoài thì được ngồi xe kiệu, áo quần trong ngự phủ thân được ban, ngựa quý giữ trong chuồng thân được tặng. Đáng lý thân phải chết theo mà không làm được, làm người con bất hiếu, làm tôi thần bất trung. Bất hiếu bất trung thì không có tư cách để đứng ở đời, thân xin được chết theo tiên đế, mong được chôn dưới chân núi Ly Sơn. Chỉ xin được bệ hạ đoái thương!"

Thư dâng lên, Nhị Thế rất đẹp lòng, triệu gặp Triệu Cao rồi đưa thư cho xem, nói:

- Việc này gọi là việc nguy cấp phải làm thế!

Triệu Cao nói:

- Làm bầy tôi lo giữ mạng chẳng kịp, sao dám nghĩ mưu tác loạn nữa.

Nhị Thế đồng ý với thư thỉnh cầu, ban mười vạn tiền để táng.

Lại dựng cung A Phòng. Trung tập tất cả năm vạn dũng sĩ, cho lập đồn bảo vệ Hàm Dương. Sai họ dạy bắn tên. Bấy giờ chó, ngựa, chim muông phải nuôi ăn nhiều, cung ứng chẳng đủ, liền hạ lệnh điều phát ở các quận huyện, sai chuyển chở thóc đậu, rom cỏ đến đô thành, dân phu chuyển chở phải tự mang theo lương ăn; trong vòng ba trăm dặm quanh thành Hàm Dương không được ăn chỗ lương thóc đó.

3. Mùa thu, tháng bảy, người huyện Dương Thành là Trần Thắng, người đất Dương Hạ là Ngô Quảng khởi binh ở huyện Kỳ. Bấy giờ, vua Tần điều phát dân nghèo đi đồn thú ở Ngư Dương, chín trăm người đóng trú tại làng Đại Trạch, Trần Thắng, Ngô Quảng đều làm đồn trưởng. Gặp lúc trời mưa to, đường đất bắt thông, tính ra đã lỡ kỳ hạn. Lỡ kỳ hạn, theo luật đều bị tội chém. Trần Thắng, Ngô Quảng nhân vì thiên hạ sâu oán, bèn giết viên Úy, triệu gọi bọn thuộc hạ nói:

- Các ông đều lỡ kỳ hạn đáng tội chém; ví như có không bị chém, thì mười người đi thú cũng chết đến sáu, bảy. Vả lại kẻ tráng sĩ không chết thì thôi, đã chết thì phải nêu danh lớn! Vương, Hầu, Tướng quân, Thừa tướng há đâu cứ phải người dòng dõi mới làm nên!

Chúng đều theo lời. Trần Thắng, Ngô Quảng bèn trá xưng là Công tử Phù Tô và Hạng Yên,⁽¹⁾ lập đàn thề minh, xưng hiệu là Đại Sở; Trần Thắng tự lập làm Tướng quân, Ngô Quảng làm Đô úy. Rồi đánh làng Đại Trạch, hạ được; lại thu binh ở đấy

¹ Đại đế, bấy giờ dân chúng còn rất nhiều người chưa biết Công tử Phù Tô và Hạng Yên đã chết. Trong dân nhiều người nói Công tử Phù Tô vẫn ở biên ải phía bắc, còn Hạng Yên sau khi nước Sở mất, bỏ trốn trong dân. Vì thế Trần Thắng, Ngô Quảng trá xưng danh hai người ấy để hiệu triệu dân.

đánh đất Kỳ, cũng hạ được. Thắng bèn lệnh sai người ấp Phù Ly là Cát Anh đem binh chiêu hàng phía đông đất Kỳ, đánh các đất Trất, Toản, Khố, Giá, Tiếu, đều hạ được. Trên đường đi thu binh; gần đến đất Trần, đã có sáu bảy trăm cỗ xe, hơn nghìn quân kỵ, binh tốt mấy vạn người. Lại đánh đất Trần, quan Thú, Úy của đất Trần đều không có ở đấy, chỉ có viên Thủ thừa giao chiến trong cửa lâu, đánh không nổi; Thủ thừa chết, Trần Thắng bèn vào chiếm đất Trần.

Khi trước, người ở Đại Lương là Trương Nhĩ, Trần Dư kết giao thâm cố⁽¹⁾ với nhau. Tần diệt Ngụy, nghe nói hai người là danh sĩ nước Ngụy, treo thưởng hậu tìm bắt họ. Trương Nhĩ, Trần Dư bèn đổi tên họ, cùng đến đất Trần, làm người giữ cổng làng để tự sinh nhai. Viên lại trong làng từng có lần lấy roi đánh Trần Dư, Trần Dư muốn cự lại, Trương Nhĩ dẫm vào gót chân Dư, ngầm bảo hãy chịu đòn. Viên lại bỏ đi, Trương Nhĩ bèn kéo Trần Dư đến dưới gốc cây dâu trách Trần Dư rằng:

- Lúc trước ta nói với anh thế nào? Nay mới bị cái nhục nhỏ mà muốn giết viên lại sao?

Trần Dư tạ lỗi.

Sau khi Trần Thiệp⁽²⁾ vào đất Trần, Trương Nhĩ, Trần Dư đến cửa yết kiến. Trần Thiệp vốn nghe tiếng hai người hiền, cả mừng. Hào kiệt và người già ở đất Trần xin lập Thiệp làm Sở vương, Thiệp đem việc hỏi Trương Nhĩ, Trần Dư. Hai người đáp rằng:

- Nhà Tần vô đạo, diệt xã tắc của người khác, tàn ngược bách tính; Tướng quân tính kế xông vào nơi muôn chết, vì thiên hạ trừ hại. Nay mới đến đất Trần mà tự xưng Vương, như thế là tỏ rõ ý tứ với thiên hạ. Xin tướng quân đừng xưng vương, gấp rút dẫn binh đi sang tây; sai người lập con cháu của sáu

¹ Kết giao cùng sống chết vậy.

² Trần Thắng (陈胜), tự là Thiệp (涉).

nước, tự dựng lập bè đảng cho mình; khiến nhà Tần thêm nhiều kẻ địch; địch đông thì sức của nó phân tán. Ta mưu với nhiều người thì binh cường. Như thế thì ngoài đồng không có binh giao phong, trong huyện không ai giữ thành, ta diệt nhà Tần bạo ngược, chiếm lấy Hàm Dương, để hiệu lệnh chư hầu; chư hầu đã mất mà được lập lại, ta dùng đức chính thu phục họ, thì đế nghiệp thành rồi! Nay một mình xưng vương ở Trần, sợ rằng người thiên hạ giải tán mất.

Trần Thiệp không nghe, bèn tự lập làm Vương, lấy hiệu là "Trương Sở".

Đang lúc bấy giờ, các quận huyện khốn khổ vì pháp luật của nhà Tần, tranh nhau giết các Trưởng lại để hưởng ứng Trần Thiệp. Yết giả từ phương đông đến, đem việc phản loạn báo lên. Nhị Thế giận, giao Yết giả xuống cho quan lại trị tội. Sau sứ giả đến, chúa thượng hỏi việc phản loạn, bọn họ đáp rằng: "Lũ chuột đạo tặc như chó rình cắn trộm, bị Quận thú, Quận úy đuổi bắt, nay đã bắt được hết, chẳng đáng lo vậy." Chúa thượng hài lòng.

Trần vương dùng Ngô Thúc làm "giả vương",⁽¹⁾ đốc lĩnh chư tướng sang tây đánh Huỳnh Dương.

Trương Nhĩ, Trần Dư lại khuyên Trần vương, xin đem binh của mình lên bắc lấy đất Triệu. Vì thế Trần vương dùng bạn thân cũ của mình là Vũ Thần người đất Trần làm tướng quân, Thiệu Tao làm hộ quân, dùng Trương Nhĩ, Trần Dư làm Tả, Hữu hiệu úy, binh tốt ba nghìn người, đánh lấy đất Triệu.

Trần vương lại lệnh sai người quận Nhữ Âm là Đặng Tông đánh lấy quận Cửu Giang. Lúc bấy giờ, binh đất Sở tụ thành từng nhóm mấy nghìn người chẳng thể tính xuể.

¹ Trần Thắng xưng vương ở đất Trần, gọi là Trần vương. Ngô Thúc (吳叔), tức Ngô Quảng (吳廣), tự là Thúc. Giả vương tức là vua giả, tạm thời có danh hiệu để đốc suất quân khởi nghĩa.

Cát Anh đến Đông Thành, lập Tương Cương làm Sở vương. Nghe nói Trần vương đã lập, liền giết Tương Cương rồi quay về tấu báo. Trần vương vẫn giết Cát Anh.

Trần vương lệnh sai Chu Phất lên bắc đánh chiếm đất Ngụy. Lấy người đất Thượng Thái tên là Thái Tứ, hiệu là Phòng quân, làm Thượng trụ quốc.

Trần vương nghe nói Chu Chương là người hiền ở đất Trần, thạo việc binh, bèn cho lĩnh ấn Tướng quân, sang tây đánh Tần.

Bọn Vũ Thần từ Bạch Mã qua sông Hoàng Hà, đến các huyện khuyên dụ hào kiệt ở đấy, các hào kiệt đều hưởng ứng; bọn Vũ Thần liền đi thu binh, được mấy vạn người; bọn họ gọi Vũ Thần là Vũ Tín quân. Đánh hạ được hơn chục thành ở đất Triệu, các thành khác cố thủ không hàng; Vũ Thần bèn dẫn binh lên hướng đông bắc đánh Phạm Dương. Người đất Phạm Dương là Khoái Triệt khuyên Vũ Tín quân rằng:

- Túc hạ nhất định muốn đánh thắng rồi sau mới cướp đất, phá thành rồi sau mới lấy thành, ta trộm nghĩ là sai vậy. Nếu túc hạ thực nghe kế của ta, có thể không đánh mà thành phải hàng, không giao chiến mà cướp được đất, truyền hịch mà nghìn dặm bình định; nên chăng?

Vũ Tín quân nói:

- Ý là thế nào?

Triệt nói:

- Phạm Dương lệnh là Từ công, sợ chết lại tham lam, muốn đầu hàng trước người thiên hạ. Nếu ngài cho rằng ông ta là quan lại do nhà Tần đặt ra, tru diệt ông ta như giết quan lại ở mười thành lúc trước, thì các thành ở biên địa đều là thành đồng vách sắt, chẳng thể đánh được vậy. Nếu ngài đưa cho ta ấn hầu để trao cho Phạm Dương lệnh, sai ông ta ngồi lên chiếc xe trục đỏ, ruổi ngựa bên ngoài thành đất Yên, Triệu, người ở các thành đất Yên, Triệu có thể không phải đánh mà quy hàng rồi.

Vũ Tín quân nói: "Hay!" Bèn dùng trăm cỗ xe, hai trăm quân kỵ, mang ấn hầu đi đón rước Từ công. Người đất Yên, Triệu nghe tin, hơn ba mươi thành không đánh đã hàng.

Trần vương đã phái Chu Chương đi, cho rằng chính sự nhà Tần hỗn loạn, có ý khinh Tần, không đặt phòng bị. Bác sĩ Khổng Phụ can rằng:

- Thần nghe binh pháp nói: "Chẳng cậy việc địch không đến đánh ta, mà cậy việc ta không để bị địch đánh." Nay Vương cậy vào việc địch không đến đánh mà chẳng dựa vào lực của mình, nếu mắc sai lầm bị bẻ gãy thì chẳng thể phẫn chấn lại, hối không kịp vậy.

Trần vương nói:

- Việc quân của quả nhân, không phiên tiên sinh phải lo tính.

Chu Chương đi thu binh đến quan ái, xe nghìn cỗ, binh tốt mấy chục vạn, đến đất Hí, đóng quân lại. Nhị Thế vì thế cả kinh, cùng quần thần bàn mưu rằng:

- Phải làm sao đây?

Thiếu phủ Chương Hàm nói:

- Trộm giặc đã đến, người đông thế mạnh, nay phát binh ở các huyện phụ cận cũng chẳng kịp nữa rồi. Tội đồ ở Ly Sơn đông, xin tha cho bọn họ, trao cho binh khí để đánh giặc.

Nhị Thế bèn đại xá thiên hạ, sai Chương Hàm tha cho tội đồ ở Ly Sơn và con cháu của nô tỳ, điều phát hết thảy bọn họ để đánh quân Sở, quân Sở đại bại. Chu Chương trốn chạy.

Trương Nhĩ, Trần Dư tới Hàm Đan, nghe tin Chu Chương thua chạy, lại nghe nói chư tướng nhiều người giúp Trần vương lấy đất quay về, bị gièm chê mắc tội phải chết, bèn khuyên Vũ Tín quân tự xưng vương. Tháng tám, Vũ Tín quân tự lập làm Triệu vương, lấy Trần Dư làm Đại tướng quân, Trương Nhĩ làm Hữu thừa tướng, Thiệu Tao làm Tả thừa tướng; sai người báo với Trần vương. Trần vương cả giận, muốn diệt tộc bọn Vũ Tín

quân rồi phát binh đánh Triệu. Thượng trụ quốc là Phòng quân can rằng:

- Nhà Tần chưa mất mà giết người nhà bọn Vũ Tín quân, đấy là sinh ra một nước Tần nữa vậy; chẳng bằng nhân đấy mà chúc mừng ông ta, sai gấp rút dẫn binh sang tây đánh Tần.

Trần vương cho là đúng, theo kế ấy, dời người nhà của bọn Vũ Tín quân vào trong cung, phong con của Trương Nhĩ là Trương Ngao làm Thành Đô quân, sai sứ giả đến chúc mừng Triệu vương, thúc giục nên mau chóng phát binh sang tây vào quan ải.

Trương Nhĩ, Trần Dư khuyên Triệu vương rằng:

- Vương làm vua đất Triệu, vốn không phải là bản ý của Sở vương, chúc mừng Vương chỉ là kế thôi. Sở diệt xong Tần, tất đem binh đánh Triệu. Xin Vương chớ đem binh sang tây, mà lên bắc lấy đất Yên, Đại; xuôi nam thu đất Hà Nội để tự mở rộng địa bàn. Nước Triệu phía nam ngăn giữ Đại Hà, phía bắc có đất Yên, Đại, nước Sở dẫu thắng Tần, tất chẳng dám khống chế nước Triệu; không thắng được Tần, tất phải xem trọng nước Triệu. Triệu thừa lúc Tần, Sở mệt mỏi, có thể đắc chí với thiên hạ.

Triệu vương cho là đúng, vì thế không tiến binh sang tây, mà sai Hàn Quảng chiếm đất Yên, Lý Lương cướp đất Thường Sơn, Trương Yểm đoạt đất Thượng Đảng.

Tháng chín, người huyện Bái⁽¹⁾ là Lưu Bang khởi binh ở đất Bái, người huyện Hạ Tương là Hạng Lương khởi binh tại đất Ngô, người đất Địch là Điền Đan khởi binh ở đất Tề.

Lưu Bang, tên tự là Quý, người mũi gờ, trán rộng, bắp vế bên tả có bảy mươi hai nốt ruồi. Là người nhân ái thích thi ân, tâm ý khoáng đạt; có khí độ lớn, không quan tâm đến việc làm

¹ Nhà Tần đặt quận Tứ Thủy, huyện Bái thuộc quận Tứ Thủy. Đến thời nhà Hán, đổi quận Tứ Thủy thành quận Bái, sở trị đặt tại Tương Thành, huyện Bái được gọi là Tiểu Bái.

ăn của người trong nhà. Ban đầu làm Đình trưởng⁽¹⁾ ở Tứ Thượng, người huyện Đan Phụ là Lã công, thích giúp người, thấy dung mạo và hình dạng của Quý, cho là người có tài lạ, đem con gái gả cho.

Ít lâu sau, Quý lấy thân phận là Đình trưởng phụng mệnh huyện đưa tội đồ đến Ly Sơn, trên đường đi nhiều người bỏ trốn. Tự liệu rằng khi gần đến nơi chúng đều trốn hết, khi đến cái đình ở giữa đầm phía tây ấp Phong, bèn dừng lại uống rượu, ban đêm, thả hết các tội đồ mà mình đưa đi, nói:

- Các ông đều trốn đi, ta cũng từ chỗ này mà trốn thôi!

Hơn chục tráng sĩ trong số tội đồ tình nguyện đi theo Quý.

Lưu Quý uống rượu say, đang đêm đi đường tắt đến giữa đầm, một con rắn lớn chắn trên đường, Quý rút kiếm chém chết rắn. Có bà lão khóc rằng:

- Con ta, là con của Bạch đế vậy, hóa thành con rắn, nằm trên đường; mà nay Xích đế giết chết!

Liền đó thốt nhiên không thấy đâu nữa.

Lưu Quý trốn náu giữa vùng đầm lạch núi non giữa huyện Mang và huyện Năng, vùng ấy nhiều lần nảy sinh việc quái lạ; con em trong huyện Bái nghe tin, đa phần muốn đến theo dựa Quý.

Lúc Trần Thiệp nổi dậy, Bái lệnh muốn đem quân huyện Bái hưởng ứng. Chủ lại Tiêu Hà và ngục duyện Tào Tham nói:

- Ngài làm quan lại nhà Tần, nay muốn phản lại, thống suất con em đất Bái, e là họ không nghe. Xin ngài hãy triệu những người trốn tránh ở ngoài, có thể được vài trăm người, nhân đó bức ép bọn họ, mọi người chẳng dám không theo.

Bái lệnh bèn sai Phàn Khoái triệu Lưu Quý. Lúc ấy bộ chúng của Lưu Quý đã có mấy trăm người rồi; Bái lệnh sau hồi, sợ

¹ Theo phép chế nhà Tần, mười làng là một đình. Đình trưởng quản mười làng.

rằng sẽ có biến, bèn đóng cửa thành thủ giữ, muốn giết Tiêu, Tào. Tiêu, Tào sợ, trèo thành ra ngoài hàng Lưu Quý để giữ mình. Lưu Quý bèn viết thư lên tám lạng bắn lên thành, gửi các vị phụ lão huyện Bái, giúp bày kế lợi hại. Các vị phụ lão bèn thống suất con em cùng giết Bái lệnh, mở cửa thành đón rước Lưu Quý, lập làm Bái công.⁽¹⁾ Bọn Tiêu, Tào giúp thu nhặt con em huyện Bái, được ba nghìn người, đem quân ấy hưởng ứng chư hầu.

Hạng Lương, là con của Hạng Yên, tướng nước Sở cũ vậy, từng giết người, cùng con của anh trai là Tịch trốn lánh cừ thù ở Ngô Trung. Hiền sĩ đại phu ở Ngô Trung đều dưới tài bọn họ. Tịch thời trẻ đọc sách, không thành, bỏ đi; học kiếm, cũng không xong. Hạng Lương giận. Tịch nói:

- Biết viết chữ, để đủ chép tên họ mà thôi! Biết đánh kiếm, chỉ địch được một người, không đáng học; nên học cái đánh được vạn người!

Vì thế Hạng Lương bèn dạy Tịch binh pháp. Tịch cả mừng, song chỉ học để biết đại lược, lại không chịu học đến nơi đến chốn.

Tịch mình cao tám thước, sức có thể cử đỉnh, tài cán, khí độ hơn hẳn người thường. Cối Kê thú Ân Thông nghe tin Trần Thiệp nổi dậy, muốn phát binh hưởng ứng Thiệp, sai Hạng Lương và Hoàn Sở cầm quân. Bấy giờ, Hoàn Sở trốn ở vùng đầm lầy. Lương nói:

- Hoàn Sở đi trốn, người ta chẳng ai biết ông ấy ở đâu, duy có Tịch biết mà thôi.

Lương bèn dẫn Tịch cầm kiếm ở ngoài. Lương lại quay vào, cùng ngồi với quan Thú, nói:

¹ Thời Xuân thu, vua Sở tiếm vương hiệu, đại phu nước Sở đa phần được phong là Huyện công, đại loại như Thân công, Diệp công, Lỗ Dương công. Nay mọi người lập Lưu Quý làm Bái công, là theo phép ấy.

- Xin gọi Tịch vào, sai nhận mệnh đi triệu Hoàn Sở.

Quan thú nói: "Phải."

Lương gọi Tịch vào. Chốc lát, nháy mắt bảo Tịch rằng:

- Làm được rồi!

Tịch liền rút kiếm chém đầu quan Thú. Hạng Lương cầm đầu quan Thú, đeo ấn của hắn. Môn hạ cả kinh, nhiễu loạn; Tịch đánh giết ngót trăm người, cả phủ đều khiếp hãi phủ phục, chẳng ai dám đứng dậy. Lương bèn triệu những quan lại và hào kiệt quen biết từ trước, hiểu dụ nói cái lý do khởi đại sự, sau đó cất binh ở Ngô Trung, sai người thu gom quân dưới các huyện, được tám nghìn tinh binh. Lương làm Cối Kê thú, Tịch làm Tì tướng, trấn vỗ các huyện thuộc. Tịch lúc ấy mới hai mươi bốn tuổi.

Điền Đàm, là người trong họ tộc của vua nước Tề ngày trước vậy. Em họ của Đàm là Vinh, em của Vinh là Hoàn, đều hào sảng mạnh mẽ, gia tộc cường thịnh, được lòng người. Chu Phất đi chiêu hàng đến đất Dịch, thành Dịch thủ giữ. Điền Đàm vờ trối các gia nô của mình lại, đem theo đám người trẻ tuổi đến phủ đình, muốn yết kiến Huyện lệnh thỉnh xin giết gia nô, lúc gặp Dịch lệnh, liền đánh giết hắn, rồi triệu con em hào kiệt và quan lại nói:

- Chư hầu đều phản Tần tự lập. Đất Tề, là nước dựng lập từ thời cổ; Đàm, là người họ Điền, đáng làm Vương!

Bèn tự lập làm Tề vương, phát binh để đánh Chu Phất. Quân của Chu Phất rút lui. Điền Đàm thống suất binh đi về hướng đông đánh chiếm bình định đất Tề.

Hàn Quảng đem binh lên bắc chiêu hàng đất Yên, hào kiệt đất Yên muốn cùng nhau lập Quảng làm Yên vương. Quảng nói:

- Mẹ Quảng ở nước Triệu, không nên làm thế!

Người đất Yên nói:

- Nước Triệu hiện nay phía tây lo nước Tần, phía nam lo nước Sở, sức họ chẳng cấm chế ta được. Vả lại nước Sở mạnh thế, còn chẳng dám hại gia quyến văn quan võ tướng của Triệu vương, nước Triệu há dám hại người nhà của tướng quân sao?

Hàn Quảng bèn tự lập làm Yên vương. Qua mấy tháng, nước Triệu đưa mẹ và gia thuộc của Yên vương về nước Yên.

Triệu vương cùng Trương Nhĩ, Trần Du lên bắc cướp đất ở biên giới nước Yên, Triệu vương ngầm ra ngoài, bị quân Yên bắt được. Tướng nước Yên cầm tù Triệu vương, muốn đòi cắt đất; sứ giả đến xin, tướng nước Yên liền giết sứ giả. Có tên "hòa đầu quân"⁽¹⁾ trong quân Triệu chạy đến vách lũy quân Yên, gặp tướng nước Yên nói:

- Ngài có biết Trương Nhĩ, Trần Du muốn gì chẳng?

Tướng Yên nói:

- Muốn đòi được vua của họ về thôi!

Tên "hòa đầu quân" trong quân Triệu cười nói:

- Ngài chưa biết cái điều mà hai người ấy muốn vậy. Đại đế là Vũ Thần, Trương Nhĩ, Trần Du, vẫy roi ngựa mà hạ được mấy chục thành đất Triệu, bọn ấy đều muốn ngoảnh mặt về nam làm vương, há phải là muốn làm khanh, tướng suốt đời đâu! Nghĩ lại thì vì cái thế của họ mới định, chưa dám chia ba mà làm vương, cho nên tạm thời xét niên kỷ lớn nhỏ lập Vũ Thần làm vương trước, lấy đó để giữ lòng dân Triệu. Bây giờ đất Triệu đã theo phục, hai người ấy cũng muốn chia đất Triệu mà làm vương, chỉ là thời cơ chưa thể làm được thôi. Nay ngài lại cầm tù Triệu vương, hai người kia về mặt danh nghĩa xin thả Triệu vương, thực ra lại muốn nước Yên giết ông ta; hai người đó sẽ chia nước Triệu tự lập. Chỉ một nước Triệu còn coi thường nước Yên, huống chi có đến hai vị vua hiền trái nằng

¹ Hòa đầu quân, tức là lính chuyên việc thổi nấu trong quân vậy.

phải dặt mà trách cái tội giết Triệu vương của ngài, thì việc diệt nước Yên rất dễ rồi!

Tướng nước Yên bèn thả Triệu vương, tên "hỏa đầu quân" đánh xe đưa Triệu vương về.

4. Chu Phất từ đất Dịch về, đến đất Ngụy, muốn lập Công tử của nước Ngụy ngày trước là Ninh Lăng quân tên Cửu làm Vương. Cửu đang ở đất Trần, không đến được đất Ngụy. Đất Ngụy đã định, chư hầu đều muốn lập Chu Phất làm Ngụy vương. Phất nói:

- Thiên hạ hỗn loạn thì trung thần mới xuất hiện. Nay thiên hạ cùng làm phản nhà Tần, theo đạo nghĩa tất phải lập dòng dõi của Ngụy vương mới phải.

Chư hầu cố xin lập, Phất nhất định từ chối; sai người nghênh đón Ngụy Cửu ở đất Trần, đi lại đến năm lần, Trần vương mới sai đi, lập Ngụy Cửu làm Ngụy vương, Phất làm Tướng quốc nước Ngụy.

5. Năm ấy, Nhị Thế phế truất quân chủ nước Vệ là Giác làm thứ dân, nước Vệ dứt tuyệt tể tự.

---ॐ---

TẦN KỶ

[QUYỂN THỨ BA]

— 38 —

NHỊ THỂ HOÀNG ĐẾ

Năm thứ hai (Quý Ty – TCN 208)

1. Mùa đông, tháng mười, quan Tứ Xuyên giám của nhà Tần là Bình đem binh vây Bái công ở đất Phong, Bái công ra đánh phá được hãn; lệnh sai Ứng Xi giữ đất Phong.

Tháng mười một, Bái công dẫn binh đến đất Tiết, Tứ Xuyên thú là Tráng thua binh ở đất Tiết, trốn đến đất Thích; Tả tư mã của Bái công bắt được giết hãn.

2. Chu Chương rút lui khỏi ải Hàm Cốc, dừng binh đóng trại ở Tào Dương, hơn hai tháng sau, Chương Hàm truy đuổi đánh bại Chu Chương; Chương lại chạy tới Mẫn Trì, hơn chục ngày sau, Chương Hàm đánh, đại phá Chương. Chu Chương tự vẫn, quân lính vì thế không đánh nữa.

Ngô Thúc vây Huỳnh Dương, Lý Do⁽¹⁾ làm Tam Xuyên thú, giữ Huỳnh Dương, Thúc không đánh hạ được. Tướng quân nước Sở là bọn Điền Tang bàn mưu với nhau rằng:

- Quân của Chu Chương đã bị phá rồi, binh Tần sớm tối sẽ đến đây. Ta vây thành Huỳnh Dương không hạ được, lúc binh Tần đến, quân ta tất đại bại, chẳng gì bằng để ít binh lại giữ Huỳnh Dương, còn đem tất cả tinh binh ra đón đánh quân Tần.

¹ Lý Do (李由), là con của Lý Tư vậy.

Nay giả vương kiêu căng, không hiểu lẽ quyền biến của việc binh, chẳng đủ để cùng lo tính việc, e là sẽ thất bại.

Nhân đó cùng giả truyền lệnh của Trần vương giết chết Ngô Thúc, dâng đầu lên cho Trần vương. Trần vương sai sứ ban cho Điền Tang ấn Lệnh doãn nước Sở, dùng Điền Tang làm Thượng tướng. Điền Tang bèn sai chư tướng là bọn Lý Quy giữ thành Huỳnh Dương, tự mình đem tinh binh sang tây đón đánh quân Tần ở Ngao Thương, hai bên giao chiến; Điền Tang tử trận, quân thua vỡ. Chương Hàm tiến binh đánh bọn Lý Quy dưới chân thành Huỳnh Dương, phá được, bọn Lý Quy chết.

Người đất Dương Thành là Đặng Duyệt lĩnh binh trú ở đất Đàm, biệt tướng của Chương Hàm tiến đánh phá được Đặng Duyệt. Người đất Chí là Ngũ Phùng đem binh trú ở đất Hứa, Chương Hàm đánh phá Ngũ Phùng. Quân của hai người đều vỡ lở, chạy vào đất Trần, Trần vương giết Đặng Duyệt.

3. Nhị Thế nhiều lần trách mắng Lý Tư rằng:

- Người giữ vị Tam công, sao để trộm giặc nổi lên như thế?

Lý Tư sợ, nhưng xem trọng tước lộc, không biết tính thế nào, bèn a dua đón ý Nhị Thế, dâng thư ứng đáp rằng:

"Bậc quân chủ hiền minh, tất có cái tài thi hành thuật 'độc trách'⁽¹⁾ vậy. Cho nên Thân tử⁽²⁾ nói: 'Có được thiên hạ mà không được mặc lòng phóng túng', thế tức là 'lấy thiên hạ làm gông cùm', điều ấy vốn không có lý do gì khác, mà chỉ là không biết độc trách, đến nỗi thân mình lao nhọc vì dân thiên hạ, như Đường Nghiêu, Đại Vũ vậy, cho nên mới gọi là 'gông cùm'. Người làm vua chẳng học theo cái thuật sáng của Thân, Hàn, thi hành cái đạo 'độc trách', chuyên tâm sai khiến thiên hạ để mình tự vui thích, mà chỉ dốc sức khổ thân nhọc trí, đem thân xác phục dịch trăm họ, tức là làm cái việc lao dịch của lũ dân đen, đấy không phải là chăm nuôi thiên hạ vậy, sao đủ để quý đây?"

¹ Độc trách, là dùng hình phạt nghiêm khắc khiến người ta sợ hãi pháp luật vậy.

² Thân tử, tức Thân Bất Hại (申不害), pháp gia thời Chiến quốc.

Cho nên bậc quân chủ sáng suốt thi hành cái thuật đốc trách để chuyên quyền độc đoán ở trên, thế thì quyền lực chẳng thể ở người dưới, rồi sau đó mới có thể diệt trừ con đường nhân nghĩa, lấp tuyệt lời biện luận của kẻ du thuyết, thỏa mãn cái tâm ý phóng túng của mình mà chẳng ai dám chống đối. Như thế quân thần và trăm họ cố ngăn cái lỗi sai của mình còn chẳng kịp, sao dám nghĩ đến chuyện làm loạn nữa!"

Nhị Thế hài lòng, vì thế thi hành đốc trách càng nghiêm ngặt, ai thu thuế của dân nặng thì là đấy là quan lại sáng suốt, kẻ giết nhiều người thì đấy là trung thần, vì thế người trên đường đến một nửa mắc tội hình, người chết chất đống ngoài chợ; dân nhà Tần càng sợ hãi, nghĩ cách làm loạn.

4. Lý Lương của nước Triệu đã bình định được Thường Sơn, quay về báo với Triệu vương. Triệu vương lại sai Lương đi đánh lấy Thái Nguyên; đến ấp Thạch, binh Tần chặn ở Tỉnh Hình, không tiến được. Tướng Tần trả thư tín của Nhị Thế để chiêu hàng Lý Lương. Lương nhận được thư, không tin, quay về Hàm Đan, xin thêm binh. Chưa về đến nơi, trên đường đi gặp chị gái của Triệu vương ra ngoài ăn yến uống rượu, Lương từ xa trông thấy, cho rằng đấy là Triệu vương, phục xuống bái yết ở bên đường. Chị gái của Triệu vương say, không biết đấy là quan tướng, sai quân kỵ tới từ tạ. Lý Lương vốn là người sang, đứng dậy, hô then với các quan theo hầu. Quan lại đi theo có người nói:

- Thiên hạ phản nhà Tần, ai có tài thì được lập trước. Và lại Triệu vương vốn xuất thân là người dưới của tướng quân, nay một người đàn bà lại không chịu xuống xe đáp lễ tướng quân, xin sai người đuổi theo giết đi!

Lý Lương đã nhận được thư của Tần, cho nên muốn phản lại Triệu, còn chưa quyết định; vì thế nổi giận, phái người đuổi theo giết chị gái của Triệu vương, liền đó đem binh đánh úp Hàm Đan. Binh giữ Hàm Đan không biết, rút cục giết chết Vũ Thần, Thiệu Tao. Nhiều người nước Triệu là tai mắt của Trương Nhĩ, Trần Dư, vì thế nên hai người trốn thoát được.

5. Bọn Tần Gia người đất Trần, Chu Kê Thạch người Phù Ly khởi binh, vây Đông Hải thú ở đất Đàm. Trần vương nghe tin, sai Vũ Bình quân tên Bạt làm tướng quân, đốc xét các lộ quân vây đất Đàm. Tần Gia không thụ mệnh, tự lập làm Đại tự mã; không chịu phụ thuộc Vũ Bình quân, bảo với Quân lại trong quân rằng:

- Vũ Bình quân ít tuổi, không hiểu việc binh, chớ nghe theo!

Tiếp đó giả truyền mệnh lệnh của Trần vương giết chết Vũ Bình quân.

6. Nhị Thế phái thêm Trường sử Tư Mã Hân, Đồng Ế giúp Chương Hàm đánh đạo tặc. Chương Hàm đã phá được Ngũ Phùng, đánh Thượng trụ quốc Phòng quân ở đất Trần, giết hãn; lại tiến đánh quân của Trương Hạ ở phía tây đất Trần. Trần vương ra đốc chiến. Trương Hạ chết.

Tháng chạp,⁽¹⁾ Trần vương đến Nhữ Âm, quay về, đến Hạ Thành Phủ, người đánh xe của Trần vương là Trang Giả giết Trần vương, ra hàng quân Tần.

Khi trước, Trần Thiệp đã làm Vương, rất nhiều người quen cũ đến nương nhờ. Bố vợ của Thiệp cũng đến, Trần vương dùng lễ chún tân⁽²⁾ đối đãi, chỉ vái dài không bái lạy. Bố vợ giận nói:

- Cậy loạn tiếm hiệu, mà ngạo mạn với bậc trưởng bối, chẳng thể lâu dài được rồi!

Bèn không từ biệt mà đi. Trần vương quỳ xuống tạ lỗi, cha vợ không ngoái đầu lại. Một vị khách ra vào ngày càng phóng túng, nói đến tình cũ với Trần vương. Có người nói với Trần vương rằng:

- Người khách ngu không biết gì, chuyên nói xằng, làm giảm sự tôn nghiêm của ngài.

¹ Tháng tắt niên tế chạp (腊) được gọi là tháng chạp, nhà Tần lấy tháng mười làm đầu năm, như vậy lúc này là tháng chín.

² Lễ đối đãi tân khách thường dân.

Trần vương chém người khách. Những người quen cũ đều tự kéo nhau đi, từ đấy không ai thân với Trần vương.

Trần vương dùng Chu Phòng làm Trung chính, Hồ Vũ làm Tư quá, chuyên xét lỗi sai của quần thần. Chư tướng đi chiêu hàng các nơi về, có ai không theo mệnh lệnh, hai người liền trói lại mà trị tội, chuyên làm việc hà khắc để tỏ ra trung thành; ai không hợp ý họ, không cần giao xuống pháp quan tra xét, họ thường tự mình xử trị. Chư tướng vì thế không thân gần theo dựa, đấy là cái lý do khiến Trần Thắng thất bại vậy.

Người hầu cận cũ của Trần vương là tướng quân Lã Thần lập Thương đầu quân⁽¹⁾, nổi dậy ở Tân Dương, đánh đất Trần, hạ được, giết Trang Giả, gọi đất Trần là nước Sở; táng Trần vương ở đất Năng, đặt thụy là Ẩn vương.

Khi trước, Trần vương lệnh sai Tổng Lưu người đất Chí đem binh bình định Nam Dương, vào Vũ Quan. Lưu chiêu hàng được Nam Dương, nhưng nghe tin Trần vương đã chết, Nam Dương lại theo về Tần; Tổng Lưu đem quân ra hàng, Nhị Thế sai dùng xe xé xác để thị chúng.

7. Chu Phát của nước Ngụy thống suất binh cướp đất Phong, đất Bái, sai người chiêu dụ Ứng Xi. Ứng Xi vốn không muốn quy thuộc Bái công, lập tức dâng đất Phong xin hàng nước Ngụy. Bái công đánh Ứng Xi, không hạ được.

8. Trương Nhĩ, Trần Dư của nước Triệu thu nhặt binh sĩ tàn mạt, được mấy vạn người, đánh Lý Lương; Lương thua bại, trốn đến quy hàng Chương Hàm.

Tân khách có người khuyên Trương Nhĩ, Trần Dư rằng:

- Hai ngài là lữ khách ở trọ, mà muốn phụ giúp nước Triệu, thì rất khó đứng một mình; hãy lập con cháu vua Triệu, lấy nghĩa để phù giúp họ, mới thành công được.

¹ Đại khái, đây là đạo quân đội mũ xanh, hoặc buộc khăn xanh lên đầu.

Hai người tìm được Triệu Hiết. Mùa xuân, tháng giêng, Nhĩ và Dư lập Hiết làm Triệu vương, trú ở Tín Đô.

9. Ninh Quân và Tần Gia người huyện Đông Dương nghe nói quân của Trần vương thua bại, bèn lập Cảnh Câu làm Sở vương, dẫn binh đến Phương Dư, muốn đánh quân Tần ở Định Đào; sai Công Tôn Khánh đi sứ đến nước Tề, muốn cùng quân Tề hợp sức tiến. Tề vương nói:

- Trần vương thua bại, chẳng rõ sống chết thế nào, nước Sở sao không thỉnh xin với nước Tề mà tự ý lập Vương!

Công Tôn Khánh nói:

- Nước Tề không thỉnh ý nước Sở mà tự lập Vương, vì sao nước Sở phải thỉnh xin nước Tề mới được lập Vương? Vả lại Sở là nước đầu tiên khởi sự, về lý đáng được hiệu lệnh thiên hạ.

Diên Đàm bèn giết Công Tôn Khánh.

Tả, Hữu hiệu úy của nhà Tần lại đánh đất Trần, hạ được. Lã tướng quân chạy, sau khi thu hợp binh ly tán, cùng đạo tặc ở huyện Phiên Dương là Kinh Bồ tương ngộ, hợp binh đánh Tả, Hữu hiệu úy, phá chúng ở Thanh Ba, lại lấy đất Trần làm đô thành nước Sở.

Kinh Bồ, người đất Lục, vốn họ Anh, vì mắc tội bị thích chữ vào mặt¹, là kẻ chịu hình bị đưa đến Ly Sơn. Tù đồ ở Ly Sơn mấy chục vạn người, Bồ cùng những kẻ cầm đầu trong số tù đồ và các hào kiệt giao kết, thống suất đồng bọn trốn đến sông Giang làm quần đạo. Phiên Dương lệnh là Ngô Nhuế rất được lòng người ở vùng sông hồ, hiệu là Phiên quân. Bồ qua gặp Ngô Nhuế, bộ chúng của Bồ có mấy nghìn người. Phiên quân bèn đem con gái gả cho Bồ, sai đem binh đánh quân Tần.

10. Sở vương Cảnh Câu ở tại đất Lưu, Bái công tới theo. Trương Lương cũng tụ tập được hơn trăm trai tráng muốn đến

¹ Tức bị tội "kinh", tên gọi Kinh Bồ có nguồn gốc từ đó.

theo Cảnh Câu, trên đường gặp Bái công, bèn quy thuộc; Bái công bái Lương làm Cửu tướng⁽¹⁾. Lương nhiều lần đem *Thái công binh pháp*⁽²⁾ nói với Bái công; Bái công khen, thường dùng kế sách của Lương; Lương đem sách ấy nói với người khác, họ đều không hiểu. Lương nói:

- Bái công là người nhà trời chăng?

Vì thế lưu lại không đi.

Bái công và Lương cùng tới gặp Cảnh Câu, muốn xin binh để đánh đất Phong. Bấy giờ Tư mã của Chương Hàm là Ni đem binh lên bắc định đất Sở, diệt sạch dân chúng đất Tương, đến đất Năng. Người huyện Đông Dương là Ninh Quân và Bái công đem quân sang tây, cùng binh Tần giao chiến ở phía tây huyện Tiêu, bắt lợi, quay về, thu binh tụ ở đất Lưu.

Tháng hai, đánh đất Năng, sau ba ngày hạ được; thu binh ở đất Năng được sáu nghìn người, cùng quân cũ hợp lại thành chín nghìn người.

Tháng ba, đánh ấp Hạ, hạ được; lại quay về đánh đất Phong, vẫn không hạ nổi.

11. Người quận Quảng Lăng là Triệu Bình theo lệnh của Trần vương đi đánh Quảng Lăng, không hạ được. Nghe nói Trần vương thua chạy, Chương Hàm sắp đến, Bình bèn vượt sông Giang, giả truyền lệnh của Trần vương, bái Hạng Lương làm Thượng trụ quốc⁽³⁾ của nước Sở, nói:

- Phía đông sông Giang đã định, hãy mau dẫn binh sang tây đánh Tần!

¹ Cửu tướng (麇将), là chức quan chủ quản về xe, ngựa.

² Sách binh pháp của Khương Tử Nha.

³ Chức Thượng trụ quốc (上柱国) bắt đầu có từ thời Xuân Thu, là hiệu phong chỉ người thống soái cao cấp trong quân đội. Đến thời Chiến quốc nước Sở, nước Triệu đặt chức này, ngôi vị ở dưới Lệnh doãn, Tướng quốc. Vốn là chức quan bảo vệ quốc đô. Nay bài chức này ý nói Hạng Lương là cây cột cái chống đỡ quốc gia.

Lương bèn đem tám nghìn người vượt sông Giang sang tây. Nghe tin Trần Anh đã hạ được Đông Dương, Lương liền phái sứ giả muốn liên hòa để cùng sang tây.

Trần Anh, là Lệnh sử cũ của huyện Đông Dương, cư trú trong huyện, vốn là người thành tín cẩn trọng, xứng là bậc trưởng giả. Bọn trai tráng ở Đông Dương giết Huyện lệnh, tụ nhau được hai vạn người, muốn lập Anh làm Vương. Mẹ của Anh bảo Anh rằng:

- Từ khi ta về làm dâu nhà này, chưa hề nghe nói tổ tiên mày đời trước có người sang quý. Nay đột nhiên có cái danh lớn, là điềm không lành; chẳng gì bằng dựa vào người khác. Nếu việc thành, vẫn được phong hầu; việc có thất bại, cũng dễ trốn tránh, không bị người đời chỉ danh tính vậy.

Anh vì thế không dám làm Vương, bảo Quân lại của mình rằng:

- Họ Hạng đời đời làm tướng, nổi danh ở nước Sở; nay muốn cử đại sự, tướng soái không có người như thế thì không nên việc được. Bọn ta dựa vào một họ tộc danh tiếng, diệt Tần tất xong!

Bộ chúng của Anh đều nghe theo, Anh bèn đem hết binh lính quy thuộc Hạng Lương.

Anh Bố đã phá được quân Tần, dẫn binh sang đông; nghe tin Hạng Lương sang tây vượt sông Hoài, Bố cùng Bồ tướng quân đều đem binh của mình quy thuộc Lương. Bộ chúng của Hạng Lương cả thảy sáu bảy vạn người, đóng quân ở Hạ Bi.

Cảnh Câu và Tần Gia trú binh ở phía đông Bành Thành, muốn ngăn chống Hạng Lương. Lương bảo với Quân lại rằng:

- Trần vương là người khởi sự trước tiên, giao chiến bất lợi, không biết đang ở đâu. Nay Tần Gia bội phản Trần vương mà lập Cảnh Câu, đây là đại nghịch vô đạo!

Bèn tiến binh đánh Tần Gia, quân của Tần Gia thua bại, bỏ chạy. Lương truy đuổi chúng, đến tận Hồ Lăng, Gia quay lại

đánh. Trọn một ngày đêm, Gia chết, quân hàng. Cảnh Câu bỏ chạy, chết ở đất Lương.

Lương đã kiêm tính được quân của Tần Gia, đóng ở Hồ Lăng, sắp dẫn quân sang tây. Quân của Chương Hàm đến đất Lật, Hạng Lương sai biệt tướng là Chu Kê Thạch, Dư Phàn Quân cùng Chương Hàm giao chiến. Dư Phàn Quân chết, quân của Chu Kê Thạch thua bại, trốn chạy đến Hồ Lăng. Lương bèn dẫn binh vào đất Tiết, giết Chu Kê Thạch.

Bái công đem hơn trăm quân kỵ qua gặp Lương; Lương giúp cho Bái công năm nghìn binh tốt, mười tướng Ngũ đại phu. Bái công quay về, dẫn binh đánh đất Phong, hạ chỗ đấy. Úng Xi trốn sang đất Ngụy.

Hạng Lương sai Hạng Vũ đi riêng đánh Tương Thành, Tương Thành giữ vững, nhất thời không hạ nổi; lúc hạ được thành, chôn sống hết người trong thành, rồi quay về báo tin.

Lương nghe tin Trần vương đã chết thật, bèn triệu các biệt tướng hội ở đất Tiết tính việc, Bái công cũng đến hội. Người huyện Cư Sào là Phạm Tăng, đã bảy mươi tuổi, thường ở nhà, thích kể lạ, qua khuyên Hạng Lương rằng:

- Trần Thắng thất bại, là lý đương nhiên. Tần diệt sáu nước, nước Sở là vô tội nhất. Từ khi Hoài vương vào đất Tần không trở lại,⁽¹⁾ người Sở vẫn thương xót ông ấy đến bây giờ. Thế nên, Sở Nam công⁽²⁾ nói: "Nước Sở đâu chỉ còn ba hộ, tiêu diệt nhà Tần, tất phải là nước Sở." Lúc Trần Thắng cầm đầu khởi sự, không lập con cháu vua Sở mà tự lập, cái thế của ông ta chẳng thể lâu dài. Nay ngài khởi sự ở Giang Đông, các tướng nước Sở đều như ông nổi tranh nhau đến theo ngài, là vì nhà ngài đòi

¹ Việc nói ở Chu kỳ quyển 4, sự kiện năm thứ 19 đời Chu Noãn vương.

² Phục Kiền nói: Nam công, là lão nhân phương nam. Ngưu Hi viết sách *Chỉ lâm* cho rằng: Nam công, là đạo sĩ, hiểu rõ việc phế hưng, biết rằng làm mất nước Tần tất là nước Sở.

đòi làm tướng nước Sở, họ cho rằng ngài có thể lập lại con cháu vua Sở làm Vương vậy.

Hạng Lương cho lời ấy là đúng, bèn tìm người cháu của Sở Hoài vương tên là Tâm ở trong chốn dân gian, làm người đi chăn dê thuê; mùa hạ, tháng sáu, lập người đó làm Sở Hoài vương, để đáp ứng lòng mong mỏi của dân.

Trần Anh làm Thượng trụ quốc, nhận đất phong gồm năm huyện, cùng Hoài vương đóng đô ở Hu Di. Hạng Lương tự xưng hiệu là Vũ Tín quân.

Trương Lương khuyên Hạng Lương rằng:

- Ngài đã lập hậu duệ vua Sở; trong các công tử nước Hàn có Hoàn Dương quân tên Thành rất hiền, nên lập làm Vương, để gây dựng bè đảng.

Hạng Lương sai Trương Lương tìm Hàn Thành, lập Thành làm Hàn vương, lấy Lương làm Tư đồ, cùng Hàn vương lĩnh hơn nghìn người sang tây cướp đất Hàn, lấy được mấy thành, nhưng quân Tần lập tức đoạt lại các chỗ đó; quân Hàn qua lại đánh quanh quẩn ở miền Dĩnh Xuyên.

12. Chương Hàm đã phá được Trần vương, bèn tiến binh đánh Ngụy vương ở Lâm Tế. Ngụy vương sai Chu Phát rời thành, xin cứu với hai nước Tề, Sở; Tề vương Đàm và tướng Sở là Hạng Tha đều đem binh đi theo Phát cứu Ngụy vương. Ban đêm Chương Hàm sai binh lính bịt miệng đột kích, đại phá quân Tề, Sở ở dưới thành Lâm Tế, giết Tề vương và Chu Phát. Ngụy vương Cữu hẹn đem dân mình ra hàng; ước định xong, liền tự thiêu mà chết. Em của Ngụy vương là Báo trốn chạy đến nước Sở, Sở Hoài vương cấp giúp cho Ngụy Báo mấy nghìn người, muốn đoạt lại đất Ngụy. Điền Vinh nước Tề thu nhặt binh sót lại của anh mình là Đàm, chạy sang đông đến Đông A; Chương Hàm truy đuổi vây Vinh. Người nước Tề nghe tin Điền Đàm chết, bèn lập em của Tề vương Kiến ngày trước là Giả làm

Vương, Điền Giác làm Tướng quốc, em của Giác là Gian làm Tướng quân, để ngăn chống chư hầu.

Mùa thu, tháng bảy, mưa lớn liên miên. Vũ Tín quân dẫn binh đánh Kháng Phụ, nghe nói Điền Vinh bị nguy cấp, bèn dẫn binh đánh phá quân của Chương Hàm dưới thành Đông A; Chương Hàm thua chạy sang hướng tây. Điền Vinh dẫn binh qua phía đông về nước Tề. Một mình Vũ Tín quân truy đuổi quân thua, sai Hạng Vũ và Bái công đi riêng đánh Thành Dương, làm cỏ thành ấy. Quân Sở đóng trú ở phía đông Bộc Dương, lần nữa cùng Chương Hàm giao chiến, lại phá được. Chương Hàm chấn chỉnh lại quân lính, giữ Bộc Dương, đào hào dẫn nước quanh thành thủ giữ. Bái công, Hạng Vũ rút đi, đến đánh Định Đào.

Tháng tám, Điền Vinh đuổi đánh Tề vương Giả, Giả trốn chạy đến nước Sở. Điền Gian trước đây đến nước Triệu xin cứu binh, vì thế ở lại không dám quay về. Điền Vinh bèn lập con của Đàm là Phát làm Tề vương, Vinh làm Tướng quốc. Điền Hoàn làm tướng quân, bình định đất Tề.

Binh của Chương Hàm ngày càng thịnh. Hạng Lương mấy lần sai sứ đến báo hai nước Tề, Triệu phát binh cùng đánh Chương Hàm. Điền Vinh nói:

- Khi nào nước Sở giết Điền Giả, nước Triệu giết Điền Giác, Điền Gian, ta mới xuất binh.

Hai nước Sở, Triệu không đồng ý. Điền Vinh giận, rút cục không chịu xuất binh.

13. Lang trung lệnh Triệu Cao cậy ân chuyên quyền phóng túng, vì oán riêng giết chóc rất nhiều người; sợ rằng đại thần vào châu tấu báo nói các việc làm của mình, bèn khuyên Nhị Thế rằng:

- Thiên tử sở dĩ được tôn quý, là bởi quần thần chỉ nghe thấy tiếng, mà chẳng ai được trông thấy mặt vậy. Vả lại Bệ hạ

còn rất trẻ, chưa tinh thông hết các việc; nay ngồi ở triều đình xử chính sự, việc trách phạt tiến cử nếu có chỗ không thỏa đáng, thì đại thần sẽ thấy được sở đoản của Bệ hạ, đấy không phải là cách để tỏ cái thánh minh của mình với thiên hạ vậy. Nay chẳng gì bằng Bệ hạ hãy cứ chấp tay rũ áo ở chốn thâm cung, cùng thần và các Thị trung luyện học pháp lệnh để đợi tấu báo việc, như thế thì các đại thần chẳng dám tấu báo việc còn nghi ngờ, thiên hạ sẽ xưng tụng Bệ hạ là vua thánh rồi.

Nhị Thế dùng kế ấy, bèn không ngồi ở triều đường tiếp kiến đại thần, thường ở trong cung cấm; Triệu Cao châu chực bên cạnh độc nắm đại quyền, các việc đều do Triệu Cao quyết.

Triệu Cao nghe nói Lý Tư có lời bàn chê chuyện đó, bèn gặp Thừa tướng Lý Tư nói:

- Lũ đạo tặc ở Quan Đông nhiều, nay chúa thượng ra sức xúc tiến điều phát dao dịch, sửa dựng cung A Phòng, tụ tập chó ngựa và các vật vô dụng. Ta muốn can ngăn, nhưng vì địa vị thấp hèn không nói được. Đấy chính là việc của quân hầu, sao quân hầu không can gián?

Lý Tư nói:

- Cố nhiên là thế vậy, ta muốn nói điều đó lâu rồi. Nhưng nay chúa thượng không ngồi ở triều đình, thường ở chốn thâm cung. Điều mà ta muốn nói, chẳng thể truyền đến được, muốn yết kiến, lại không có cơ hội nào.

Triệu Cao nói:

- Ngài thực muốn khuyên can, ta xin vì ngài rình xem lúc nào chúa thượng rồi nhàn, sẽ nói với ngài.

Vì thế Triệu Cao giữa lúc đang hầu hạ Nhị Thế ăn yến nghe nhạc, mỹ nữ ở trước mặt, sai người báo với Thừa tướng rằng:

- Chúa thượng đang rồi nhàn, nên tấu việc.

Thừa tướng đến cửa cung xin yết kiến. Như thế ba lần. Nhị Thế giận nói:

- Ta thường có nhiều ngày rồi rồi, Thừa tướng không đến; nay ta đang nghỉ ngơi ăn yến, Thừa tướng liền đến xin tấu việc! Thừa tướng khinh ta trẻ tuổi, kiến thức hạn hẹp chẳng?

Triệu Cao nhân đó nói:

- Cái mưu ở Sa Khâu, Thừa tướng cùng tham dự.⁽¹⁾ Nay Bệ hạ đã được lập làm Đế, mà sự quý hiển của Thừa tướng không tăng thêm, cái ý của ông ấy hẳn cũng muốn được cắt đất làm vương thôi. Vả lại Bệ hạ không hỏi thần, nên thần chẳng dám nói. Con trưởng của Thừa tướng là Lý Do làm Tam Xuyên thú, bọn trộm cướp Trần Thắng đều là con dân ở huyện bên cạnh của Thừa tướng, vì thế cho nên quần đạo đất Sở công nhiên hoành hành,⁽²⁾ đi qua Tam Xuyên, quan Thú chẳng chịu đánh. Cao nghe nói bọn họ có thư từ qua lại với nhau, chưa thẩm xét được rõ, nên thần chưa dám đem việc báo lên. Vả lại, Thừa tướng ở ngoài, quyền thế nặng hơn Bệ hạ.

Nhị Thế cho là đúng, muốn xét tội Thừa tướng; nhưng lại e là chưa thẩm xét kỹ, bèn sai người tra xét thực trạng việc Tam Xuyên thú tư thông với bọn cướp trước. Lý Tư nghe tin ấy, liền dâng thư nói các khuyết điểm của Triệu Cao rằng:

"Triệu Cao chuyên quyền thưởng phạt, so với Bệ hạ không khác biệt. Xưa kia Điền Thường làm Tướng quốc của Giản công, chiếm riêng ân uy, dưới được trăm họ ủng hộ, trên được lòng quần thần, rút cục thì Giản công mà đoạt lấy nước Tề,⁽³⁾ đấy là điều mà thiên hạ biết

¹ Việc này xem ở Tần kỷ, quyển thứ hai, sự kiện năm thứ 37, đời Tần Thủy Hoàng.

² Lý Tư là người huyện Thượng Thái quận Nhữ Nam, Trần Thắng là người huyện Dương Thành quận Dĩnh Xuyên, hai quận Nhữ Nam và Dĩnh Xuyên gần kề nhau, Trần Thắng nổi dậy chống Tần, cho nên Triệu Cao dựng có đề vụ gièm hại Lý Tư.

³ Điền Thường (田常), tức Điền Hằng, nắm trọng quyền nước Tề, dựng lập uy tín bằng cách cho dân vay thóc bằng đấu to, thu nợ bằng đấu nhỏ, dân Tề biết ơn, lại còn mở cửa đón tân khách, không cấm đoán, sĩ nhân nước Tề ca ngợi. Vua Tề là Giản công vì nhớ cái ân lúc Hám Chi theo giúp mình khi lưu vong ở nước Lỗ, cất nhắc Hám Chi nắm trọng trách triều đình, chia quyền với Điền Hằng, Điền Hằng không hài lòng, bèn mưu trừ họ Hám để nắm quyền một mình, nhân đó giết cả Tề Giản công, lập em của Giản công làm vua. Mấy đời sau, họ Điền cướp nước Tề.

rõ vậy. Nay Cao có chí tà ác phóng túng, hành vi phản nghịch âm hiểm, tư gia giàu có, như họ Điền ở nước Tề rồi, mà vẫn tham lam không chán, cầu lợi chẳng dừng, quyền thế địa vị gần bằng bậc nhân chủ, tham muốn của hắn không cùng, trộm cắp uy tín của Bệ hạ, cái chí của hắn cũng như Hàn Khởi làm Tướng quốc của Hàn An⁽¹⁾ vậy. Nếu Bệ hạ chẳng lo tính đối phó, thần e rằng hắn tất sinh biến vậy."

Nhị Thế nói:

- Đâu có! Cao vốn là hoạn quan vậy; nhưng hắn chẳng vì được ở yên mà có chí phóng túng, chẳng vì ở chỗ nguy mà thay đổi lòng trung, phẩm hạnh liêm khiết giữ thiện, tự nỗ lực để có vị trí ấy, vì lòng trung được tiến cử, vì thủ tín được giữ chức, trẫm xác thực ông ta là người hiền; mà ngài lại nghi ngờ ông ấy, sao vậy? Và lại trẫm không cậy dựa Triệu Cao, thì sẽ dùng ai đây? Huống chi Triệu quân là người sáng suốt liêm khiết, có sức có tài, dưới biết dân tình, trên hợp ý trẫm; ngài chớ nghi ngờ ông ấy!

Nhị Thế vốn yêu mến Triệu Cao, sợ Lý Tư giết hắn, bèn bảo riêng với Triệu Cao. Cao nói:

- Người mà Thừa tướng lo sợ chỉ có Cao; Cao chết rồi, Thừa tướng sẽ lập tức làm ngay cái việc mà Điền Thường đã làm.

Bấy giờ đạo tặc ngày càng đông, mà binh tốt của Quan Trung điều phát sang đông đánh giặc cướp không dừng. Hữu thừa tướng Phùng Khứ Tật, Tả thừa tướng Lý Tư, Tướng quân Phùng Kiếp dâng lời can rằng:

- Quân đạo Quan Đông cùng nổi dậy, nhà Tần phát binh tru diệt, đánh giết rất nhiều, nhưng vẫn chẳng dừng được. Phần lớn lũ giặc đều là lính thú dịch, kẻ lo vận chuyển trên cạn dưới nước, làm việc lao khổ, thuế khóa nặng nề. Xin hãy dừng việc xây cung A Phòng, giảm bớt lính thú dịch và kẻ chuyển vận ở bốn phía biên giới.

¹ Hàn An (韩安), tức Hàn Phế vương, là vua vong quốc của nước Hàn vậy. Nhân vật Hàn Khởi (韩玘) không có sự tích gì khác được ghi lại.

Nhị Thế nói:

- Người có thiên hạ sở dĩ được tôn quý, là vì được phóng túng theo ý riêng, thỏa mãn cái ham muốn cùng cực, bậc quân chủ xem trọng việc làm rõ pháp luật, người dưới chẳng ai dám làm trái, lấy điều đó để khống chế bốn bể thôi. Quân chủ nhà Ngụ, nhà Hạ, tuy là thiên tử cao quý, bản thân ở chỗ thực sự cùng khổ để hiến thân vì trăm họ, ngôi chúa thượng như thế có gì đáng bắt chước đâu? Và lại tiên đế nổi lên từ địa vị chư hầu, kiêm tính thiên hạ, thiên hạ đã định, bên ngoài đuổi từ Di để giữ yên biên cảnh, làm cung thất để biểu chương cái đặc ý của mình; các ngươi hãy xét công nghiệp mà tiên đế đã khai sáng. Nay trăm tức vị, trong vòng hai năm, quần đạo cùng nổi dậy, các ngươi chẳng cấm được, lại muốn bãi bỏ các việc mà tiên đế làm, đây là trên không có gì để báo đền tiên đế, dưới không tận trung ra sức vì trăm, còn giữ chức làm gì!

Bèn bắt Khử Tật, Tư, Kiếp giao cho quan lại, thẩm vấn xét tội của họ. Khử Tật, Phùng Kiếp tự sát; duy có Lý Tư bị tổng ngục. Nhị Thế giao cho Triệu Cao xử trị, tra xét kết tội trạng Lý Tư và con là Lý Do mưu phản, bắt hết tông tộc, tân khách. Triệu Cao trị tội Tư, đánh hơn nghìn roi, đau đớn không chịu nổi, tự nhận xằng tội trạng.

Tư sở dĩ không tự sát, vì cậy mình có tài biện luận, có công, thực không có lòng phản, muốn dâng thư tự biện giải, mong Nhị Thế tình ngộ mà tha cho. Bèn từ trong ngục dâng thư rằng:

"Thần làm Thừa tướng trị dân, đã hơn ba mươi năm rồi. Thần đến vào lúc đất Tần chật hẹp, chẳng quá nghìn dặm, binh mấy chục vạn. Thần dốc hết tài mọn, ngầm sai phái mưu thần, cho họ vàng bạc châu báu, sai họ du thuyết chư hầu; bí mật tu sửa giáp binh, tu chỉnh chính giáo, cho kẻ chiến đấu dũng cảm làm quan, tôn kính công thần; cho nên rút cục uy hiếp nước Hàn, làm yếu nước Ngụy, phá nước Yên, nước Triệu, dẹp bằng nước Tề, nước Sở, cuối cùng kiêm tính sáu

nước, cầm tù vua của họ, lập Tần vương làm Thiên tử. Lại lên bắc đuổi các rợ Hồ, Mịch, xuôi nam định Bách Việt, để nêu rõ cái mạnh của triều Tần. Lại cải cách các loại văn tự khắc vẽ, thống nhất đấu, hộc, đo lường, quy định văn chương, ban bố với thiên hạ, để lập nên danh tiếng của nhà Tần. Đấy đều là các tội của thần vậy, thần đáng chết đã lâu rồi! Chỉ vì chúa thượng ra ân cho thần được dốc hết tài năng nên thần mới được sống đến hôm nay. Mong Bệ hạ xét soi."

Thư dâng lên, Triệu Cao sai viên lại vứt đi, không tấu báo lên, nói:

- Tù phạm sao được phép dâng thư!

Triệu Cao sai hơn chục khách của mình trá làm Ngự sử, Yết giả, Thị trung, thay nhau đến tra vấn xét hỏi Tư, Tư lại đem thực tình ra đáp lại họ, Cao sai người đánh roi Tư. Về sau Nhị Thế sai người đến chứng nghiệm lời cung của Tư, Tư cho là xét hỏi cũng như mấy lần trước, rút cục không dám thay lời khai, nhận rằng mình phạm tội, Cao tấu lên rằng Tư nhận hết tội. Nhị Thế mừng nói:

- Không có Triệu quân, ta suýt bị Thừa tướng làm hại rồi!

Lúc người mà Nhị Thế sai đi xét tội trạng của Tam Xuyên thú Lý Do đến nơi, thì binh Sở đã đánh giết Do rồi. Sứ giả về, đúng lúc Thừa tướng bị bắt giao cho ngục lại, Triệu Cao tạo xằng lời cung để hợp với tội trạng của Lý Tư, vì thế luận xử Tư chịu ngũ hình, chém ngang lưng ngoài chợ Hàm Dương.

Tư ra khỏi nhà ngục, cùng con giữa đều bị áp giải, ngoảnh sang bảo con rằng:

- Ta muốn cùng ngươi lần nữa dắt con chó vàng, ra khỏi cửa đông ấp Thượng Sái đuổi con thỏ khôn, há có được chăng?

Cha con cùng khóc với nhau rồi bị di diệt cả ba họ. Nhị Thế bèn dùng Triệu Cao làm Thừa tướng, việc bất kể lớn nhỏ đều do Cao quyết.

14. Hạng Lương đã phá được Chương Hàm ở Đông A, dẫn binh qua phía tây, lên hướng bắc đến Định Đào, lần nữa phá quân Tần. Hạng Vũ, Bái công lại cùng quân Tần giao chiến ở Ung Khâu, đại phá chúng, chém Lý Do. Hạng Lương càng khinh rẻ quân Tần, có sắc kiêu căng. Tống Nghĩa can rằng:

- Sau chiến thắng mà tướng kiêu binh biếng, tất sẽ bại. Nay binh tốt hơi biếng nhác rồi, binh Tần thì ngày càng tăng, ta vì ngài mà lo lắng!

Hạng Lương không nghe, bèn sai Tống Nghĩa đi sứ nước Tề, trên đường đi gặp sứ giả nước Tề là Cao Lăng quân, tên Hiến. Nghĩa hỏi:

- Ngài muốn gặp Vũ Tín quân chăng?

Sứ giả nói: "Phải."

Nghĩa nói:

- Ta xét thấy Vũ Tín quân tất thua bại. Ngài thông thả mà đi thì thoát chết, đi nhanh thì sẽ mắc họa.

Nhị Thế điều hết quân thêm cho Chương Hàm để đánh quân Sở, đại phá quân Sở ở Định Đào, Hạng Lương tử trận.

Bảy giờ trời mưa liên miên, suốt từ tháng bảy đến tháng chín không dừng. Hạng Vũ và Bái công đánh Ngoại Hoàng không hạ được, rút đi, đánh Trần Lưu; nghe tin Vũ Tín quân chết, sĩ tốt lo sợ, hai người bèn cùng Tướng quân Lã Thần dẫn binh sĩ sang đông, dòi Hoài vương từ Hu Di đến đóng đô ở Bành Thành. Lã Thần đóng quân ở phía đông Bành Thành; Hạng Vũ đóng quân ở phía tây Bành Thành; Bái công đóng quân ở đất Năng.

15. Ngụy Báo hạ được hơn hai mươi thành ở đất Ngụy; Sở Hoài vương lập Báo làm Ngụy vương.

16. Tháng chín nhuận, Sở Hoài vương hợp quân của Lã Thần và Hạng Vũ, tự mình thống suất quân ấy; lấy Bái công

làm Trưởng quận Năng, phong tước Vũ An hầu, thống suất binh của quận Năng; phong Hạng Vũ làm Trưởng An hầu, hiệu là Lỗ công; Lã Thần làm Tư đồ, cha của Thần là Lã Thanh làm Lệnh doãn.

17. Chương Hàm đã phá được Hạng Lương, cho là binh đất Sở không đáng lo, bèn vượt Hoàng Hà, lên bắc đánh nước Triệu, đại phá quân Triệu; dẫn binh đến Hàm Đan, dời dân ở đây tới Hà Nội, san phẳng thành quách ở Hàm Đan. Trương Nhĩ cùng Triệu vương Hiết chạy vào thành Cự Lộc. Vương Ly vây thành ấy. Trần Dư lên bắc thu nhật binh ở Thường Sơn, được mấy vạn người, đóng quân ở phía bắc Cự Lộc; Chương Hàm đóng quân ở Cức Nguyên, phía nam Cự Lộc. Nước Triệu nhiều lần xin cứu với nước Sở.

Cao Lăng quân là Hiên ở nước Sở, gặp Sở vương nói:

- Tổng Nghĩa xét rằng quân của Vũ Tín quân tất bại, sau mấy ngày, quân quả nhiên thua. Binh chưa giao chiến mà thấy trước cái điềm thất bại, có thể gọi là người biết binh pháp rồi!

Hoài vương triều Tổng Nghĩa cùng tính việc. Hoài vương rất hài lòng, bèn bổ trí Nghĩa làm Thượng tướng quân, Hạng Vũ làm thứ tướng, Phạm Tăng làm mật tướng, để đi cứu nước Triệu. Các biệt tướng đều thuộc quyền Tổng Nghĩa, Nghĩa xưng hiệu là "Khanh tử quán quân."⁽¹⁾

Ban đầu, Sở Hoài vương cùng chư tướng ước hẹn: "Ai vào được Quan Trung trước thì làm Vương." Đang lúc bấy giờ, binh Tần cường mạnh, thường thừa thắng truy đuổi quân thua, chư tướng chẳng ai xem việc vào Quan Trung trước là có lợi; duy có mình Hạng Vũ oán hận nhà Tần đã giết Hạng Lương, hăng hái xin cùng Bái công sang tây vào Quan Trung. Các lão tướng của Hoài vương nói:

¹ Như Thuần viết: "Khanh", là hiệu của quan đại phu, "tử", là tước, "quán quân", là người đứng đầu; Văn Dĩnh lại cho rằng: "Khanh tử", là tước hiệu cũng như nói là "Công tử" vậy, chức Thượng tướng quân đương nhiên là đứng đầu.

- Hạng Vũ là người mạnh tợn giáo hoạt, từng đánh Tương Thành, diệt sạch Tương Thành không sót thứ gì, dân chúng đều chôn sống hết; các nơi đi qua không đâu không tàn diệt. Và lại, quân Sở mấy lần đánh thắng, nhưng lúc trước Trần vương, Hạng Lương đều đã thất bại, chỉ bằng đổi phái một vị trưởng giả, trợ giúp nhân nghĩa mà sang tây, cáo dụ các vị phụ huynh ở Tần. Các phụ huynh ở Tần khổ vì chủ của mình đã lâu rồi, nay nếu thực được một vị trưởng giả đến, không xâm phạm bạo ngược, thì có thể đánh hạ được. Chẳng nên sai Hạng Vũ đi; chỉ có Bái công vốn là trưởng giả rất khoan hậu, có thể sai đi.

Hoài vương vì thế không đồng ý với thỉnh cầu của Hạng Vũ, mà phái Bái công sang tây cướp đất, thu nạp binh tốt tàn mạt của Trần vương, Hạng Lương để đánh Tần.

Bái công đi từ đất Nãng đến Dương Thành, Giang Lý đánh vào doanh lũy của quân Tần, phá hai đạo quân ở đấy.

Năm thứ ba (Giáp Ngọ – TCN 207)

1. Mùa đông, tháng mười, tướng nước Tề là Điền Đô trái lệnh Điền Vinh, trợ giúp nước Sở cứu Triệu.

2. Bái công phá được Đông Quân úy ở Thành Vũ.

3. Tống Nghĩa đi đến An Dương, lưu lại bốn mươi sáu ngày không tiến. Hạng Vũ nói:

- Quân Tần vây Triệu gấp, nên nhanh chóng dẫn binh vượt sông; Sở đánh ở ngoài, Triệu ứng bên trong, phá quân Tần tất xong!

Tống Nghĩa nói:

- Không đúng. Đánh vào lưng trâu, chỉ giết được nặng, chẳng thể giết được chảy rận.⁽¹⁾ Nay Tần đánh Triệu, nếu đánh thắng thì binh mới, ta thừa lúc chúng mệt mỏi mà đánh; nếu

¹ Câu này có nhiều cách giải thích khác nhau, ở đây dịch theo chú của Sư Cổ.

đánh không thắng, thì ta dẫn binh khua trống mà kéo về tây, tất lấy được đất Tần rồi. Cho nên chẳng gì bằng để Tần, Triệu đấu nhau trước. Mặc giáp dày, cầm đao sắc, Nghĩa này chẳng bằng ngài, ngài mà trù tính, chế định sách lược, ngài không bằng Nghĩa.

Nhân đó lệnh trong quân rằng:

- Kẻ nào mạnh như hổ, buống như dê, tham như sói, cứng đầu chẳng thể sai khiến, đều chém hết!⁽¹⁾

Thế rồi phái con mình là Tống Tương sang làm tướng nước Tề, đích thân đưa tiễn đến đất Vô Diêm, uống rượu đại hội. Trời lạnh, mưa to, sĩ tốt đói rét cứng đờ. Hạng Vũ nói:

- Đáng lý phải hợp sức mà đánh Tần, lại dùng dằng không tiến. Nay năm đói, dân nghèo, sĩ tốt ăn cơm lẫn với đậu, quân không thấy lương, lại mở hội lớn uống rượu. Chẳng dẫn binh vượt Hoàng Hà⁽²⁾, nhân đó lấy lương ăn của Triệu, cùng Triệu chung sức đánh Tần, lại nói "thừa lúc chúng mệt mỏi". Lấy sự cường mạnh của nước Tần, đánh cái nước Triệu mới dựng, về thế tất lấy được! Nước Triệu mất thì Tần càng cường mạnh, có mệt mỏi gì đâu mà thừa cơ được! Và lại binh ta mới bị phá, vua ngài không yên chiếu, vết sạch binh lương trong cũi giao cho một mình tướng quân, lẽ yên nguy của quốc gia, là ở lần cử sự này, nay chẳng thương xót sĩ tốt lại mưu lợi riêng,⁽³⁾ đấy không phải tội trung của xã tắc vậy!

Tháng mười một, Hạng Vũ vào châu Thượng tướng quân Tống Nghĩa lúc sáng sớm, lập tức chém đầu Nghĩa ở trong trướng. Đi ra, lệnh trong quân rằng:

- Tống Nghĩa cùng nước Tề mưu phản nước Sở. Sở vương mật lệnh sai Tịch giết hẳn!

¹ Nghĩa cậy quyền chủ tướng phát lệnh, câu này ám chỉ Hạng Vũ ương buống.

² Ở đây là sông Chương, một nhánh của sông Hoàng Hà cũ.

³ Mưu lợi riêng, tức là cử con mình sang làm tướng nước Tề vậy.

Lúc bấy giờ, chư tướng đều khiếp phục, chẳng ai dám cự, đều nói:

- Người đầu tiên lập Sở vương, là người nhà của tướng quân vậy; nay tướng quân lại tru giết kẻ loạn.

Bèn cùng nhau lập Vũ làm "giả Thượng tướng quân"⁽¹⁾. Sai người đuổi theo con của Tống Nghĩa, đuổi kịp ở đất Tề, giết hắn. Rồi phái người quay về báo mệnh với Hoài vương. Hoài vương liền sai Vũ làm Thượng tướng quân.

4. Tháng mười hai, lúc Bái công dẫn binh đến đất Lật, gặp Cương Vũ hầu⁽²⁾, đoạt hơn bốn nghìn quân của hắn, gộp với quân mình; cùng quân của tướng nước Ngụy là Hoàng Hân, Vũ Mãn hợp đánh quân Tần, phá chúng.

5. Cháu của Tề vương Kiến trước kia là Điền An đánh hạ Tế Bắc, theo Hạng Vũ cứu nước Triệu.

6. Chương Hàm đắp đống đạo liên tiếp men Hoàng Hà, giúp cung ứng lương cho Vương Ly. Binh lương của Vương Ly nhiều, đánh Cự Lộc gấp, trong thành Cự Lộc lương hết, binh thiếu, Trương Nhĩ nhiều lần sai người gọi Trần Dư tiến quân. Trần Dư tính liệu rằng binh của mình ít, chẳng địch nổi quân Tần, không dám tiến. Qua mấy tháng, Trương Nhĩ cá giận, oán Trần Dư, sai Trương Yểm, Trần Trạch đến trách Dư rằng:

- Ban đầu ta với ngài kết tình thâm cố, nay Vương và Nhĩ này sớm chiều sẽ chết, mà ngài nắm mấy vạn binh, chẳng chịu cứu nhau, cái tình gặp nạn cùng sống chết lại thế sao! Nếu thực giữ tín, sao ngài không xông vào quân Tần để cùng liều chết, như thế còn có một hai phần hy vọng thắng quân Tần bảo toàn được tính mệnh.

Trần Dư nói:

¹ Vì chưa được lệnh của Sở Hoài vương nên gọi là "giả" vậy.

² Cương Vũ hầu, người này lạc mất tên họ, chỉ còn tước hiệu, cũng không rõ là tướng của Sở hay của Ngụy.

- Ta liệu rằng tiến quân rút cục chẳng thể cứu được Triệu, chỉ chết sạch toàn quân. Và lại sợ dĩ Dư này chẳng chết cùng, là muốn vì Triệu vương và Trương quân báo thù Tần. Nay nhất định cùng chết, cũng như lấy thịt vớt cho hổ đói, ích gì?

Trương Yểm, Trần Trạch mong được cùng chết với Nhĩ. Dư bèn sai Yểm, Trạch đem năm nghìn người thử quân Tần trước, đến nơi, đều chết cả. Lúc bấy giờ, binh Tề, Yên đều đến cứu Triệu, Trương Ngao cũng lên bắc thu nhặt binh ở đất Đại, được hơn vạn người, đến, đều đắp lũy bên cạnh Dư, chưa dám đánh quân Tần.

Hạng Vũ đã giết Khanh tử quán quân, uy chấn nước Sở, bèn phái Đương Dương quân, Bồ tướng quân lĩnh hai vạn binh tốt vượt Hoàng Hà cứu Cự Lộc. Chiến sự dần có lợi, cắt được đường đạo của Chương Hàm, quân của Vương Ly thiếu lương. Trần Dư lại xin binh. Hạng Vũ liền dẫn hết binh vượt Hoàng Hà, đều dìu thuyền, đập vỡ tất cả nòi chõ, đốt sạch lều trại, mang theo lương ăn ba ngày, để tỏ ý sĩ tốt quyết tâm liều chết, không có lòng quay về. Vì thế đến vây Vương Ly, cùng quân Tần gặp nhau, đánh chín trận, đại phá quân Tần; Chương Hàm dẫn binh rút lui. Binh của chư hầu bấy giờ mới dám tiến đánh quân Tần, bèn giết Tô Giác, bắt sống Vương Ly; Thiệp Nhàn không hàng, tự thiêu mà chết.

Lúc ấy uy thế binh Sở át quân chư hầu; quân cứu Cự Lộc hơn chục vách lũy, chẳng ai dám tung binh ra đánh. Đến lúc Sở đánh Tần, tướng lĩnh chư hầu đứng trên vách lũy ngắm xem. Chiến sĩ nước Sở chẳng ai không một chống mười, tiếng hô vang động trời đất, quân chư hầu chẳng ai không người người run sợ. Vì thế lúc phá xong quân Tần, Hạng Vũ triệu gặp các tướng chư hầu; tướng chư hầu vào viên môn, chẳng ai không quỳ gối mà tiến, không người nào dám ngẩng lên nhìn! Hạng Vũ từ đấy bắt đầu làm Thượng tướng quân chư hầu, chư hầu đều thống thuộc Vũ.

Bấy giờ Triệu vương Hiết và Trương Nhĩ mới ra được khỏi thành Cự Lộc tạ chư hầu. Trương Nhĩ và Trần Dư gặp nhau, Nhĩ trách Trần Dư vì không chịu cứu Triệu; lúc hỏi Trương Yểm, Trần Trạch đang ở đâu, ngờ là Trần Dư giết họ, mấy lần truy vấn Dư. Dư giận nói:

- Chẳng ngờ nổi oán vọng của ngài với ta sâu đến thế! Há phải ta tiếc không dám bỏ chức tướng quân đâu?

Bèn cởi bỏ ấn thụ, đẩy cho Trương Nhĩ; Trương Nhĩ cũng kinh ngạc không tiếp nhận. Trần Dư đứng dậy đi ra nhà xí, khách có người khuyên Trương Nhĩ rằng:

- Thuộc hạ nghe nói: "Trời cho mà không lấy, sẽ rước vạ vào mình." Nay Trần tướng quân trao ấn cho ngài, ngài không nhận; trái ý trời là điềm không lành. Hãy nhận ngay đi!

Trương Nhĩ bèn đeo ấn, thu nhận bộ hạ của Dư. Nhưng Trần Dư quay vào, vẫn oán Trương Nhĩ không thôi, rồi rảo bước ra ngoài, một mình cùng mấy trăm người quen thân lúc trước ở dưới cò đến cái đầm ven sông Hoàng Hà săn bắn, đánh cá. Triệu vương Hiết quay về Tín Đô.

Mùa xuân, tháng hai, Bái công lên bắc đánh Xương Ấp, gặp Bành Việt; Bành Việt đem binh của mình theo Bái công.

Việt, là người Xương Ấp, thường đánh cá trong đầm Cự Dã, làm cướp. Trần Thắng, Hạng Lương nổi dậy, trai tráng trong đầm hơn trăm người tụ nhau lại, đến theo Bành Việt, nói:

- Xin ông Trọng⁽¹⁾ hãy làm thủ lĩnh.

Việt tạ rằng:

- Ta không muốn vậy.

Bọn trai tráng cương xin, Việt bèn đồng ý; cùng họ ước định hôm sau vào lúc mặt trời mọc thì tập hợp, ai đến muộn thì

¹ Bành Việt (彭越), tự là Trọng (仲).

chém. Hôm sau mặt trời ló rạng, hơn chục người đến muộn, người sau chót giữa trưa mới tới. Vì thế Việt tạ lỗi rằng:

- Ta già lão, các ông cường ta làm thủ lĩnh. Hôm nay nhiều người đến trễ hẹn, ta chẳng nỡ giết hết, xin giết một người đến sau cùng.

Bèn lệnh sai Hiệu trưởng⁽¹⁾ chém kẻ đó. Chúng đều cười nói:

- Sao đến nỗi thế! Lần sau không dám nữa.

Việt sai lôi một người ra chém, bày đàn tế, hiệu lệnh thuộc hạ, chúng đều kinh sợ, chẳng ai dám ngẩng lên nhìn. Liên đó cướp đất, thu binh tốt thất tán của chư hầu, được hơn nghìn người, bèn trợ giúp Bái công đánh Xương Ấp.

Xương Ấp chưa hạ được, Bái công dẫn binh sang tây qua Cao Dương. Người ấp Cao Dương là Lịch Thực Kỳ, gia cảnh nghèo khó, lang thang phiêu dạt, làm người canh cổng làng. Tên kỵ sĩ dưới trướng của Bái công tên Thích là người cùng làng với Thực Kỳ, Thực Kỳ đến gặp, bảo rằng:

- Tướng của chư hầu đi qua Cao Dương mấy chục người, ta hỏi thì thấy các tướng ấy đều nóng nảy hẹp hòi, ưa lễ nghi vụn vặt, tự phụ, không nghe thấy những lời khoát đạt rộng rãi. Ta nghe nói Bái công ngạo mạn lại khinh người, có nhiều mưu lớn, đây thực là người ta muốn theo, nhưng chẳng có ai vì ta tiến cử. Nếu ngài gặp Bái công, cứ nói rằng: "Trong làng của thuộc hạ có Lịch Sinh, tuổi hơn sáu mươi, mình cao tám thước, người đời đều gọi ông ta là người cuồng. Ông ta tự nói: 'Ta không phải người cuồng'."

Tên kỵ sĩ nói:

- Bái công không thích nho sinh, các quan khách đội mũ nhà nho đến, Bái công liền cởi mũ của họ, đá vào trong, lúc cùng

¹ Hiệu (校), là một đơn vị trong biên chế quân đội thời xưa, quân số chưa rõ. Hiệu trưởng tức là người đứng đầu một hiệu.

người ta nói chuyện, thường lớn tiếng mắng chửi, không thể lấy thân phận nhà nho thuyết phục ông ấy được.

Lịch Sinh nói:

- Cứ nói thế cho ta.

Kỵ sĩ nhân lúc thông thả nói lại với Bái công, đúng như lời mà Lịch Sinh giới thiệu.

Bái công đến nhà trạm của ấp Cao Dương, sai người triệu Lịch Sinh. Lịch Sinh đến, vào bái yết, Bái công đang ngồi xồm trên giường, sai hai người con gái rửa chân mà tiếp kiến Lịch Sinh. Lịch Sinh vào, vái dài mà không lạy, nói:

- Túc hạ muốn trợ giúp nhà Tần đánh chư hầu chăng? Hay muốn thống suất chư hầu phá nhà Tần?

Bái công mắng rằng:

- Thằng học trò đốn mạt! Thiên hạ đều khốn khổ vì nhà Tần rất lâu rồi, cho nên chư hầu theo nhau mà đánh Tần, sao mày lại bảo tao giúp Tần đánh chư hầu hả?

Lịch Sinh nói:

- Nếu nhất định tụ đồ chúng, hợp nghĩa binh diệt nhà Tần vô đạo, chẳng nên ngồi xồm tiếp bậc trưởng giả!

Bái công bèn ngừng rửa chân, đứng dậy, sửa áo, mời Lịch Sinh ngồi ghế trên, tạ lỗi. Lịch Sinh nhân đấy nói về thời hợp tung liên hoành của sáu nước. Bái công mừng, ban đồ ăn cho Lịch Sinh, hỏi rằng:

- Kế sách phải tính thế nào?

Lịch Sinh nói:

- Túc hạ khởi sự quần tụ bộ chúng ô hợp, thu binh tốt tán loạn, chẳng đầy vạn người; muốn dùng họ đánh thẳng vào nước Tần mạnh, đấy gọi là "dùng tay sờ miệng hổ" vậy. Trần Lưu, là chỗ xung yếu trong thiên hạ, liên thông bốn phía năm

ngã; nay trong thành đó lại chứa nhiều thóc. Thuộc hạ quen Huyện lệnh ở đấy, xin được đi sứ đến đó khiến ông ấy hàng túc hạ; ví như ông ấy không nghe, túc hạ dẫn binh đánh, thuộc hạ làm nội ứng.

Vì thế phái Lịch Sinh đi, Bái công đem quân theo sau, bèn hạ được Trần Lưu; phong Lịch Thực Kỳ làm Quảng Dã quân. Lịch Sinh nói với em mình là Thương. Bấy giờ Thương tụ trai tráng được bốn nghìn người, đến quy thuộc Bái công, Bái công dùng làm tướng, đem binh của Trần Lưu đi theo. Lịch Sinh thường làm thuyết khách, đi sứ các nước chư hầu.

7. Tháng ba, Bái công đánh Khai Phong, chưa hạ được, liền sang tây cùng tướng Tần là Dương Hùng hội chiến ở Bạch Mã, lại giao chiến ở phía đông làng Khúc Ngộ, đại phá quân Tần. Dương Hùng chạy đến Huỳnh Dương, Nhị Thế sai sứ đi chém Dương Hùng để thị chúng.

Mùa hạ, tháng tư, Bái công xuôi nam đánh Dĩnh Xuyên, giết sạch dân ở đấy. Nhân được Trương Lương giúp, bèn cướp đất Hàn. Bấy giờ biệt tướng nước Triệu là Tư Mã Ngang đang muốn vượt Hoàng Hà vào Quan Trung. Bái công bèn lên bắc đánh Bình Âm, cắt đứt bến sông phía nam Hoàng Hà, giao chiến ở phía đông Lạc Dương. Quân bất lợi, liền xuôi nam ra ải Hoàn Viên, Trương Lương dẫn binh theo Bái công; Bái công lệnh sai Hàn vương Thành ở lại giữ Dương Địch, còn mình cùng Lương đều xuôi nam.

Tháng sáu, Bái công giao chiến với Nam Dương thú là Nghĩ ở phía đông huyện Sưu, phá hấn, chiếm quận Nam Dương; Nam Dương thú lui chạy giữ thành, thủ ở huyện Uyển. Bái công dẫn binh qua huyện Uyển, sang tây; Trương Lương can rằng:

- Bái công dẫu muốn mau chóng vào Quan Trung, binh Tần còn đông, dựa hiểm chống cự; nay chẳng hạ Uyển thành, Uyển

thành theo sau đánh úp, quân Tần mạnh ở trước mặt, đẩy là đường lối nguy hiểm vậy!

Vì thế Bái công đang đêm dẫn quân theo đường khác quay về, xếp gọn cờ xí, lúc trời chưa sáng rõ, vây Uyển thành ba vòng. Nam Dương thú muốn tự đâm cổ chết, Xá nhân của hắn là Trần Khôi nói:

- Khoan hãy chết chưa muộn vậy!

Bèn trèo thành ra gặp Bái công nói:

- Ta nghe nói túc hạ có giao ước: "Ai vào Hàm Dương trước thì làm Vương ở Quan Trung". Nay túc hạ lưu lại đánh Uyển thành. Uyển là sở trị của quận có mấy chục thành liên tiếp, quan dân ở đây tự cho rằng hàng tất chết, cho nên đều lên thành thủ vững. Nay túc hạ hết ngày mới dừng đánh, quân sĩ tử thương tất nhiều; nếu túc hạ dẫn binh rời Uyển thành, người huyện Uyển tất theo chân túc hạ. Túc hạ trước là lỡ cái ước hẹn vào Hàm Dương, sau là có cái họa quân huyện Uyển mạnh. Ta xin vì túc hạ tính kế, chẳng gì bằng ước hẹn cho hàng, gia phong cho quan Thú của họ; nhân đó sai họ ở lại giữ, dẫn binh tốt của họ cùng đi về phía tây. Các thành chưa hạ được, nghe tiếng sẽ tranh nhau mở cửa để đợi túc hạ, túc hạ đi thông suốt chẳng có gì phải phiền nhiễu.

Bái công nói:

- Hay!

Mùa thu, tháng bảy, Nam Dương thú là Nghĩ hàng, được phong làm Ân hầu, lại phong cho Trần Khôi ấp nghìn hộ.

Bái công dẫn binh sang tây, các chỗ đi qua không đâu không hàng phục. Đến Đan Thủy, Cao Vũ hầu là Tai, Tương hầu là Vương Lăng hàng. Quay về đánh Hồ Dương, gặp biệt tướng của Phiên quân là Mai Huyền, cùng Huyền đánh đất Tích, đất Ly, hai nơi ấy đều hàng. Các nơi Bái công đi qua lấy được cả, dân Tần đều vui mừng.

8. Quân của Vương Ly đã bị diệt sạch, Chương Hàm đóng quân ở Cức Nguyên, Hạng Vũ đóng quân ở phía nam sông Chương, cầm giữ nhau chưa đánh. Quân Tần mấy lần lui, Nhị Thế sai người trách Chương Hàm, Chương Hàm sợ, sai Trương sử là Hân thỉnh báo việc; Hân đến Hàm Dương, lưu lại ngoài cửa Tư mã ba ngày, Triệu Cao không cho gặp, tỏ ý không tin tưởng. Trương sử Hân sợ, trốn về chỗ quân của mình, không dám đi đường cũ. Triệu Cao sai người đuổi theo, không kịp. Hân đến quân doanh, báo rằng:

- Triệu Cao chuyên quyền ở triều, người dưới không ai làm được gì. Nay nếu đánh thắng, Cao nhất định ghen công của ta; không thắng được, chẳng tránh khỏi chết. Xin tướng quân tính kỹ!

Trần Dư lại gửi thư cho Chương Hàm nói:

"Bạch Khởi làm tướng nước Tần, phía nam đánh dẹp Yến Dĩnh, phía bắc chôn sống Mã Phục, đánh thành cướp đất, chẳng thể tính xuể, mà rút cục bị ban chết.⁽¹⁾ Mông Điềm làm tướng nước Tần, phía bắc đuổi người Nhung, mở đất Du Trung mấy nghìn dặm, rút cục bị chém ở Dương Chu.⁽²⁾ Sao vậy? Là vì hai người lăm công lao, nước Tần chẳng thể phong hết đất đai cho họ, vì thế tìm cách giết họ đi. Nay tướng quân làm tướng nước Tần đã ba năm rồi, quân sĩ tổn thất

¹ Bạch Khởi (白起), tướng tài của nước Tần, đánh Yến Dĩnh (việc nói ở Chu ký, quyển 4, sự kiện năm thứ 36 và 37 đời Chu Noãn vương), đánh nước Triệu, giết Mã Phục, tức Triệu Quát, hiệu là Mã Phục quân, chôn sống 40 vạn quân Triệu ở Trường Bình (việc nói ở Chu ký, quyển 5, năm thứ năm mươi lăm, đời Chu Noãn vương), ba năm sau nữa, Bạch Khởi bị Phạm Tuy vu gièm, Tần vương ban kiếm, lệnh cho Bạch Khởi tự xức, rút cục chết ở Đỗ Bưu.

² Mông Điềm (蒙恬), cũng là tướng nước Tần, cha con mấy đời có công lớn với nước Tần, đuổi Hung Nô, đắp Trường thành, mở rộng biên cương nước Tần lên phía bắc. (Việc Mông Điềm bị giết, xem ở Tần ký, quyển 2, sự kiện năm thứ 37 đời Tần Thủy Hoàng). Có một chi tiết không chính xác, là Mông Điềm uống thuốc độc chết, ở đây nói là bị chém. Có lẽ Trần Dư nói sai, Tư Mã Quang chép nguyên văn lời là thư ấy.

thương vong tính kể chục vạn; mà chư hầu như ông nổi dậy ngày một nhiều thêm. Triệu Cao kia vốn a dua nịnh hót đã lâu ngày, nay việc gấp, cũng sợ Nhị Thế giết bỏ, cho nên hắn muốn tìm cách giết tướng quân để lấp lỗi, rồi sai người thay tướng quân để thoát cái họa của mình. Tướng quân ở ngoài đã lâu, trong triều lắm người hiềm khích, có công cũng bị giết, không có công cũng bị giết. Và lại trời làm mất nhà Tần, bất kể người ngu kẻ trí đều biết như thế. Nay tướng quân bên trong chẳng thể can thẳng, ở ngoài làm tướng nước vong, trợ trợ điếng một mình mà muốn tồn tại mãi, há chẳng đáng thương sao! Tướng quân sao chẳng quay binh cùng chư hầu hợp tung, ước hẹn cùng đánh Tần, chia đất Tần mà làm vương, ngoảnh mặt hướng nam xưng Cô! Như thế chẳng hơn cảnh thân mình chịu búa rìu, vợ con bị giết chóc hay sao?

Chương Hàm hồ nghi, ngầm sai lính do thám tên là Thủy Thành đi sứ gặp Hạng Vũ, muốn ước hẹn. Ước hẹn còn chưa xong, Hạng Vũ sai Bồ Tướng quân đêm ngày dẫn binh vượt bến Tam Hộ, đóng quân ở mé nam sông Chương, cùng quân Tần giao chiến, lần nữa phá quân Tần. Hạng Vũ đem hết binh sĩ đánh quân Tần trên sông Ô Thủy, đại phá chúng. Chương Hàm sai người gặp Hạng Vũ, muốn giao ước. Hạng Vũ triệu các Quân lại bàn rằng:

- Lương thảo thiếu, ta muốn theo giao ước của hắn.

Bọn Quân lại đều nói: "Hay!"

Hạng Vũ bèn cùng Hàm ước hẹn gặp nhau ở Ân Khư, phía nam sông Hoàn. Thề minh xong, Hàm tiến lên gặp Hạng Vũ mà sa nước mắt, nói các việc mà Triệu Cao làm. Hạng Vũ bèn lập Chương Hàm làm Ung vương, bố trí ở trong quân Sở; sai Trương sử Hân làm Thượng tướng quân, thống lĩnh quân Tần làm tiên phong.

9. Người đất Hà Khâu là Thân Dương xuôi Hà Nam, dẫn binh theo Hạng Vũ.

10. Khi trước, Trung thừa tướng⁽¹⁾ Triệu Cao, muốn thao túng đại quyền nước Tần, sợ quần thần không theo, bèn thử nghiệm trước, mang một con hươu dâng lên cho Nhị Thế nói:

- Đây là con ngựa.

Nhị Thế cười nói:

- Thừa tướng làm chẳng? Gọi hươu là ngựa?

Hỏi tả hữu, có người lặng im, có người nói là ngựa để a dua thuận ý Triệu Cao, có người nói là hươu. Cao nhân đó ngầm dùng phép tắc hãm hại những người nói đó là hươu. Sau đấy quần thần đều sợ Cao, chẳng ai dám nói lỗi sai của hắn.

Cao lúc trước nhiều lần nói: "Lũ giặc trộm vùng Quan Đông không làm được gì." Đến lúc Hạng Vũ cầm bắt bọn Vương Ly, mà quân của bọn Chương Hàm mấy lần thua bại, dâng thư xin viện binh. Từ quan ải về phía đông, đại đế đều phản lại quan lại nhà Tần, hưởng ứng chư hầu; chư hầu đều tự thống suất bộ chúng của mình hướng sang tây.

Tháng tám, Bái công thống lĩnh mấy vạn người đánh Vũ Quan, diệt sạch thành ấy. Triệu Cao sợ Nhị Thế giận, rước họa đến thân, bèn tạ rằng có bệnh, không triều kiến.

Nhị Thế nằm mộng thấy con hổ trắng cắn con ngựa bên trái trong cỗ xe của mình, giết nó, trong lòng không vui, lấy làm lạ hỏi người bói mộng. Người bói mộng nói:

- Là do thủy thần sông Kinh gây họa.

Nhị Thế bèn trai giới ở cung Vọng Di, muốn cúng thủy thần sông Kinh, dìm bốn con ngựa trắng xuống sông. Sai sứ giả trách mắng Triệu Cao về việc giặc cướp. Cao sợ, bèn bí mật cùng con rể là Hàm Dương lệnh Diêm Nhạc và em của mình là Triệu Thành bàn mưu rằng:

¹ Sau khi Lý Tư bị giết, Nhị thế bãi Triệu Cao làm Trung thừa tướng, đại khái Triệu Cao là hoạn quan, được phép ra vào nơi cung cấm nên có thêm chữ "Trung" trong chức quan.

- Chúa thượng chẳng nghe lời khuyên can; nay việc gấp, muốn giá họa cho ta. Ta muốn đổi chúa thượng, thay lập Tử Anh. Tử Anh là người nhân ái kiệm ước, trăm họ đều kính trọng nghe lời ông ấy.

Bèn sai Lang trung lệnh làm nội ứng, trá xưng là có đại tặc, lệnh sai Nhạc triệu quan lại phát binh tốt truy đuổi, bức mẹ của Nhạc đến nhà của Cao. Lại sai Nhạc lĩnh quan binh hơn nghìn người đến cửa điện cung Vọng Di, trối Vệ lệnh Bộc xạ, nói:

- Giặc vào đây, sao không ngăn chúng?

Vệ lệnh nói:

- Khắp các nhà đã bày binh tốt rất cẩn mật, làm sao có giặc được, ai dám vào cung?

Nhạc bèn chém Vệ lệnh, đem quan quân sẵn vào cung, vừa đi vừa bắn quan lang và hoạn quan. Các quan lang và hoạn quan cả kinh, có người chạy, có người chống cự; kẻ kháng cự liền bị giết ngay, mấy chục người bị giết. Lang trung lệnh và Nhạc đều vào, bắn tên vào nóc màn chỗ Nhị Thế ngồi. Nhị Thế giận, triệu gọi tả hữu; tả hữu đều hoảng loạn không dám đấu. Có viên hoạn quan hầu bên cạnh, không dám bỏ đi. Nhị Thế lui vào phía trong, hỏi hấn rằng:

- Sao người không sớm báo với ta, để đến nỗi thế này?

Tên hoạn quan nói:

- Thần chẳng dám nói, nên mới được toàn mạng; nếu thần nói sớm, đã bị giết rồi, sao sống được đến hôm nay?

Diêm Nhạc tiến đến trước mặt Nhị Thế, mắng rằng:

- Túc hạ kiêu căng phóng túng, chém giết bừa bãi vô đạo, thiên hạ cùng phản túc hạ; túc hạ tự tính đi!

Nhị Thế hỏi:

- Ta có được gặp Thừa tướng không?

Nhạc nói:

- Không được!

Nhị Thế nói:

- Ta muốn làm Vương một quận.

Nhạc không đồng ý. Nhị Thế lại nói:

- Ta muốn làm vạn hộ hầu.

Nhạc cũng không đồng ý, Nhị Thế nói:

- Ta xin cùng vợ con làm dân đen, ngang bằng với các công tử khác.

Diêm Nhạc nói:

- Thần nhận mệnh ở Thừa tướng, vì thiên hạ giết túc hạ; túc hạ dẫu nhiều lời, thần không dám báo lại!

Bèn chỉ huy binh sĩ của mình tiến đến. Nhị Thế tự sát. Diêm Nhạc quay về báo với Triệu Cao. Triệu Cao bèn triệu tập hết các đại thần và công tử, báo thực trạng việc giết Nhị Thế, nói:

- Nước Tần vốn là nước xung vương, Thủy Hoàng thống trị cả thiên hạ, cho nên xưng đế. Nay sáu nước lại tự lập, đất của Tần càng nhỏ đi, vẫn xưng Đế là chỉ có danh hão, không nên; nên làm vương như trước là tiện.

Bèn lập Tử Anh làm Tần vương. Dùng lễ dân đen táng Nhị Thế ở trong vườn Nghi Xuân, phía nam huyện Đỗ.

Tháng chín, Triệu Cao lệnh cho Tử Anh trai giới, đến bái tông miếu, nhận ngọc tỷ; trai giới năm ngày. Tử Anh cùng hai con của mình bàn mưu rằng:

- Thừa tướng Cao giết Nhị Thế ở cung Vọng Di, sợ bị quần thần giết, bèn trá dùng nghĩa lập ta. Ta nghe nói Triệu Cao và nước Sở ước hẹn, diệt tông thất nhà Tần mà chia nhau làm Vương Quan Trung. Nay sai ta trai giới, ra bái miếu, đây là muốn nhân cơ hội giết ta trong miếu. Ta xưng bệnh không đi, Thừa tướng tất tự đến, hấn đến thì ta giết hấn.

Cao sai người mời Tử Anh mấy lần, Tử Anh không đi. Cao quả nhiên tự đến, hỏi:

- Bái tông miếu là việc quan trọng, sao Vương lại không đi?

Tử Anh bèn đâm chết Triệu Cao ở Trai cung, giết ba họ nhà Cao để thị chúng.

Tử Anh phát binh chống cự ở ải Nghiêu, Bái công muốn đánh chúng. Trương Lương nói:

- Binh Tần còn mạnh, chưa thể coi thường. Xin hãy phái người giương thêm cờ xí ở trên núi làm nghi binh, sai Lịch Thực Kỳ, Lục Giả qua thuyết tướng Tần, dùng lợi để nhử họ.

Tướng Tần quả nhiên muốn liên hòa; Bái công định ưng cho. Trương Lương nói:

- Nay mới chỉ có các tướng Tần muốn phản, sợ rằng sĩ tốt của chúng không theo; chẳng gì bằng ta nhân lúc chúng trễ nãi mà đánh chúng.

Bái công liền dẫn binh đi vòng qua ải Nghiêu, vượt núi Quỷ, đánh úp quân Tần, đại phá chúng ở phía nam Lam Điền. Rồi tiến đến Lam Điền, lại giao chiến đánh chúng ở phía bắc, binh Tần đại bại.

HÁN KỶ

[QUYỂN THỨ NHẤT]



THÁI TỔ CAO HOÀNG ĐẾ

Năm thứ nhất⁽¹⁾ (Ất Mùi – TCN 206)

1. Mùa đông, tháng mười, Bái công đến Bá Thượng. Tần vương Tử Anh ngồi xe gỗ, ngựa bạch kéo, dây ấn buộc cổ, mang ấn tín, phù tiết của hoàng đế, xin hàng ở gần Chỉ Đạo. Chư tướng có người nói nên giết Tần vương. Bái công nói:

- Lúc trước Hoài vương phái ta đi, vốn cho là ta có thể khoan dung người. Và lại, người ta đã hàng, giết đi là điềm không lành.

Bèn đem Tần vương giao cho quan lại thuộc hạ.

Giả Nghị luận rằng: Nước Tần cậy dựa mảnh đất còn con, mà đạt đến cái quyền của nước vạn thặng, chiêu gọi tám châu⁽²⁾ mà chưa hầu cùng hàng phải đến châu, qua trăm năm có lẽ, rồi sau sáu cõi thành một nhà, dựa núi Hào, Hàm Cốc làm cung điện; nhưng chỉ một kẻ thất phu gây loạn mà thất miếu gãy đổ, thân chết bởi tay kẻ khác, bị thiên hạ chê cười, sao vậy? Là vì nhân nghĩa chẳng thi hành mà hình thế đánh giết mỗi thời mỗi khác vậy.

¹ Tử Anh đầu hàng Bái công, triều đại nhà Tần chấm dứt. Kể từ năm 206 trước công nguyên cho đến năm 202 trước công nguyên là giai đoạn hai phe quân phiệt là Hán và Sở tranh quyền, đây gọi là thời kỳ "Hán Sở tranh hùng", quân Hán thắng, Lưu Bang (Quý) lập ra nhà Hán, vì thế kể từ năm 206, bắt đầu được tính là Hán kỷ.

² Nước Tần ban đầu chỉ giữ đất Ung châu, sáu nước kia đều là nước ngang hàng với Tần, nắm giữ tám châu. Nước Tần cậy hùng mạnh chia chẻ, ức hiếp các nước mà các nước phải đến châu, dần dần nước Tần diệt cả sáu nước.

Bái công sang phía tây tiến vào Hàm Dương, chư tướng đều tranh nhau chạy đến phủ khố giữ kim ngân tài vật lấy chia nhau; một mình Tiêu Hà tiến vào phủ Thừa tướng của triều Tần thu nhật sổ sách, văn thư, sổ hộ tịch cất giấu, vì thế Bái công biết được các chỗ hiểm yếu trong thiên hạ, sổ hộ khẩu nhiều ít, tài lực mạnh yếu ở các nơi ra sao. Bái công thấy cung thất, màn trướng, chó ngựa, các thứ vật quý, bảo khí, cung nữ tính kể nghìn, có ý muốn lưu lại ở đấy. Phàn Khoái can rằng:

- Bái công muốn có được thiên hạ chăng? Hay muốn làm một vị phú ông chăng? Đại khái đây là những đồ vật hoa lệ xa xỉ, đều là những thứ dẫn nhà Tần đến diệt vong vậy, Bái công dùng làm gì! Xin hãy gấp rút quay về Bá Thượng, chớ lưu lại trong cung!

Bái công không nghe. Trương Lương nói:

- Nhà Tần làm điều vô đạo, cho nên Bái Công đến được chỗ này. Người vì thiên hạ diệt trừ giặc ác, nên như mặc áo tang, lấy việc vỗ về dân làm gốc. Nay vừa mới vào nước Tần, lập tức ham thích cái thú vui của họ, đấy gọi là "Giúp vua Kiệt làm điều bạo ngược" vậy. Và lại lời trung trái tai, nhưng có lợi cho việc làm, thuốc đắng khó nuốt, nhưng có lợi cho chữa bệnh, xin Bái Công hãy nghe theo lời Phàn Khoái!

Bái công bèn quay về đóng quân ở Bá Thượng.

Tháng mười một, Bái công triệu hết các vị phụ lão và hào kiệt ở các huyện đến, bảo rằng:

- Các vị phụ lão khổ vì pháp luật hà khắc của nhà Tần đã lâu rồi! Ta cùng chư hầu ước định: "Ai vào được Quan Trung trước thì làm vương." Ta sẽ làm vương Quan Trung. Nay xin giao ước với các phụ lão, pháp luật có ba điều thôi: Ai giết người thì phải chết, ai làm người khác bị thương hay ăn trộm thì đúng tội mà xử. Ngoài ra trừ bỏ hết luật pháp của nhà Tần, quan dân đều ở yên như cũ. Ta đến đây, là vì các vị phụ lão trừ hại, không phải đến để xâm bạo, không có gì phải sợ hãi! Và lại, ta sẽ dĩ quay về

đóng quân ở Bá Thượng, là để đợi quân của chư hầu đến mà định điều giao ước thôi.

Bèn sai người cùng quan lại nhà Tần đi tuần các huyện, làng, ấp, cáo dụ điều ấy. Dân Tần cả mừng, tranh nhau mang bò, dê, rượu, thức ăn đến để khao quân sĩ. Bái công lại từ chối không nhận, nói:

- Kho thóc nhiều, không thiếu, không muốn làm phí tổn của dân.

Dân chúng lại càng mừng rỡ, chỉ sợ Bái công không làm Tần vương.

Hạng Vũ đã định được Hà Bắc, bèn thống suất binh chư hầu muốn sang tây vào Quan Trung. Trước đấy, quan binh, sai dịch, lính thú của chư hầu từng đi qua đất Tần, quan lại binh tốt trong đất Tần đa phần đối đãi với họ không ra gì. Lúc Chương Hàm đem quân Tần hàng chư hầu, quan binh chư hầu thừa thắng đối xử với họ như nô lệ, tù binh, khinh thị nhục mạ bọn họ. Quan binh nhà Tần đa phần đều oán thán, nói trộm với nhau rằng:

- Bọn Chương tướng quân trá lừa chúng ta đầu hàng chư hầu. Nay vào Quan Trung đánh được nhà Tần, thì rất tốt; ví như không thắng, chư hầu sẽ bắt chúng ta đem về đông, nhà Tần lại giết chết cha mẹ, vợ con ta, phải làm sao đây?

Chư tướng nghe loáng thoáng lời họ bàn, đem báo với Hạng Vũ. Hạng Vũ triệu Kinh Bố và Bồ tướng quân tính kế rằng:

- Quan binh nhà Tần còn đông, bụng chúng không phục, đến Quan Trung mà chúng không theo, việc tất nguy. Chẳng gì bằng đánh giết chúng, chỉ để lại bọn Chương Hàm, Trương sư Hân và Đô úy Ế vào đất Tần thôi.

Vì thế quân Sở đang đem đến đánh úp và chôn sống hơn hai mươi vạn lính Tần ở phía nam thành Tân An.

3. Có người khuyên Bái công rằng:

- Đất Tần giàu có gấp mười lần so với cả thiên hạ, địa hình lại hiểm yếu. Nghe nói Hạng Vũ phong Chương Hàm làm Ung vương, là vua Quan Trung; nay hần đến, e rằng Bái công không giữ được đất này. Nên gấp rút sai binh giữ ải Hàm Cốc, không cho quân chư hầu tiến vào, rồi dần dần trung binh ở Quan Trung để tự tăng thực lực, ngăn chống bọn họ.

Bái công cho là kế đúng, theo lời.

Không lâu sau Hạng Vũ đến Hàm Cốc quan, cửa quan đóng, nghe nói Bái công đã định Quan Trung, cả giận, sai bọn Kinh Bố đánh phá Hàm Cốc quan.

Tháng mười hai, Hạng Vũ tiến đến đất Hí. Tả tư mã của Bái công là Tào Vô Thương sai người đến nói với Hạng Vũ rằng:

- Bái công muốn làm vương Quan Trung, lệnh sai Tử Anh làm Thừa tướng, đồ trân bảo đều lấy hết!

Là có ý muốn được Hạng Vũ phong thưởng. Hạng Vũ cả giận, thết đãi sĩ tốt, hẹn đến sáng sớm sẽ đánh quân của Bái công. Đang lúc bấy giờ, binh của Hạng Vũ bốn mươi vạn, xung là trăm vạn, đóng tại Hồng Môn thuộc huyện Tân Phong; binh của Bái công mười vạn, xung là hai mươi vạn, ở tại Bá Thượng.

Phạm Tăng khuyên Hạng Vũ rằng:

- Bái công lúc ở Sơn Đông, tham tài, háo sắc, nay vào Quan Trung, tài vật không lấy thứ gì, không sủng hạnh đàn bà con gái, thế thì cái chí của hần không nhỏ! Ta sai người xem khí mây chỗ hần ở, đều là khí long hổ, hóa thành ngũ sắc, đấy là khí tượng thiên tử vậy. Nên đánh gấp, chớ để lỡ.

Tả doãn nước Sở là Hạng Bá, Bá là chú của Hạng Vũ vậy, vốn thân thiết với Trương Lương, bèn đang đêm ruổi ngựa đến quân doanh Bái công, gặp riêng Trương Lương, bảo rõ hết các việc, muốn gọi Lương cùng bỏ đi với mình, nói:

- Không đi là chết cùng đấy!

Trương Lương nói:

- Ta vì Hàn vương mà theo Bái công; nay Bái công có chuyện nguy cấp, lại bỏ trốn, là bất nghĩa, ta chẳng thể không nói với ông ấy.

Lương bèn đi vào, kể hết chuyện với Bái công. Bái công cả kinh. Lương nói:

- Công tính xem sĩ tốt của mình có đủ để chống lại Hạng Vũ chăng?

Bái công lặng yên một lúc, nói:

- Cố nhiên là không bằng. Phải làm sao bây giờ?

Trương Lương nói:

- Thuộc hạ xin đến báo với Hạng Bá, nói Bái công không dám phản vạ.

Bái công nói:

- Ngài cùng Hạng Bá quen nhau từ trước sao?

Trương Lương nói:

- Thời nhà Tần, Hạng Bá giao du với Lương, ông ấy từng giết người, được Lương cứu sống, nay có việc nguy cấp, cho nên ông ấy đến báo với Lương.

Bái công nói:

- Hạng Bá với ngài ai lớn tuổi hơn?

Lương nói:

- Ông ấy lớn tuổi hơn thuộc hạ.

Bái công nói:

- Ngài giúp ta gọi ông ấy vào, ta sẽ đãi ông ấy như huynh trưởng.

Trương Lương ra, cố mời Hạng Bá, Hạng Bá liền vào gặp Bái công. Bái công bưng rượu chúc thọ, hẹn làm thông gia, nói:

- Ta vào Quan Trung, to hào không dám động, biên tên quan dân vào sổ tịch, niêm phong phủ khố để đợi tướng quân. Ta sợ dĩ phái tướng trấn giữ quan ải, là để phòng bị đạo tặc ra vào và những việc bất trắc thôi. Ngày đêm mong tướng quân đến, há dám làm phản sao! Mong ngài hãy nói lại cặn kẽ với tướng quân là ta chẳng dám vong ân bội đức vậy!

Hạng Bá xin vâng, bảo Bái công rằng:

- Ngày mai ngài nhất định phải tự thân đến sớm để tạ lỗi với Hạng vương!

Bái công nói:

- Xin vâng.

Vì thế Hạng Bá lại đi ngay trong đêm, về đến quân doanh, đem hết những lời Bái công nói báo lại với Hạng Vũ; nhân đó nói rằng:

- Bái công không phá Quan Trung trước, Công há dám vào chẳng? Nay người ta có công lớn mà mình đánh họ, là bất nghĩa vậy, chỉ bằng nhân đây đối đãi tốt với họ!

Hạng Vương đồng ý.

Sáng hôm sau Bái công đem theo hơn trăm quân kỵ đến gặp Hạng Vũ ở Hồng Môn, tạ rằng:

- Ta cùng tướng quân chung sức mà đánh Tần, tướng quân đánh Hà Bắc, ta đánh Hà Nam, chẳng ngờ ta vào được Hàm Cốc quan trước đánh phá Tần, được gặp lại tướng quân ở đây. Nay vì lời nói của kẻ tiểu nhân, khiến tướng quân với ta thành hiềm khích!

Hạng Vũ nói:

- Đây là Tả tư mã của Bái công là Tào Vô Thương nói. Không như thế, Tịch này đâu đến nổi!

Hạng Vũ liền lưu Bái công lại cùng uống rượu. Phạm Tăng mấy lần liếc mắt với Hạng Vũ, hai ba lần nâng cái vòng ngọc

quyết ra hiệu,⁽¹⁾ Hạng Vũ lặng yên không đáp ứng. Phạm Tăng đứng dậy, ra ngoài, triệu Hạng Trang đến, bảo rằng:

- Quân vương là người bất nhân!⁽²⁾ Ngươi hãy tiến vào chúc thọ, chúc thọ xong, xin múa kiếm, nhân đó đâm Bái công ở chỗ ngồi, giết hẳn đi. Không làm thế, lũ thuộc hạ bọn ta đều thành tù binh cả đấy!

Trang liền vào chúc thọ, chúc thọ xong, nói:

- Trong quân không có gì làm vui, tôi xin được múa kiếm.

Hạng Vũ nói:

- Được.

Hạng Trang rút kiếm bắt đầu múa. Hạng Bá cũng tuốt kiếm đứng dậy múa, thường lấy thân mình che cho Bái công, Trang không đâm được.

Bấy giờ Trương Lương đến cửa trại gặp Phàn Khoái. Phàn Khoái hỏi:

- Việc hôm nay thế nào?

Lương nói:

- Hiện giờ Hạng Trang tuốt kiếm múa, ý chừng hẳn nhằm vào Bái công vậy.

Khoái nói:

- Việc này gấp rồi, ta xin vào, cùng hẳn liều chết!

Khoái lập tức đeo kiếm cầm thuẫn bước vào. Vệ sĩ ở cửa trại muốn ngăn không cho vào, Phàn Khoái nghiêng thuẫn khua một cái, vệ sĩ ngã lăn ra đất. Khoái liền vào, vén màn đứng thẳng, trừng mắt nhìn Hạng Vũ, tóc trên đầu dựng đứng, khoe mắt rách toạc! Hạng Vũ chống kiếm rồi quỳ nhóm dậy hỏi:

¹ Ngọc quyết (玉玦). Nửa vòng ngọc đeo thì gọi là quyết, chữ quyết (玦) này đồng nghĩa với chữ quyết (決), là quyết đoán. Phạm Tăng nhắc Hạng Vũ quyết ngay việc giết Lưu Bang.

² Thiếu nhân tâm.

- Khách là ai thế?

Trương Lương nói:

- Đây là Tham thừa Phàn Khoái của Bái công vậy.

Hạng Vũ nói:

- Tráng sĩ! Hãy ban cho tráng sĩ một chén rượu.

Tả hữu lập tức cho Khoái một chén rượu. Khoái bái tạ, đứng dậy, thẳng người mà uống. Hạng Vũ nói:

- Ban cho tráng sĩ một đùi lợn!

Tả hữu lập tức mang cho Khoái một đùi lợn sống. Phàn Khoái liền úp cái thuẫn xuống đất, đặt đùi lợn lên trên, tuốt kiếm xẻo thịt mà nhai. Hạng Vũ nói:

- Tráng sĩ uống được rượu nữa chăng?

Phàn Khoái nói:

- Thần chết còn chả tránh, một chén rượu sao lại chối từ! Tần vương lòng dạ hổ lang, giết người như sợ không đủ, dùng hình như sợ chẳng kịp; thiên hạ đều phản lại. Hoài vương cùng chư tướng giao ước rằng: "Ai phá Tần vào Hàm Dương trước, thì phong vương." Nay Bái công phá Tần trước, vào được Hàm Dương, to hào chẳng dám phạm, lui quân về Bá Thượng để đợi tướng quân. Lao khổ mà công cao như thế, chưa được phong tước thưởng gì, mà tướng quân lại tin nghe lời kẻ gian tế, muốn giết người có công, đấy là nối theo con đường của nhà Tần đã mất rồi, ta trộm nghĩ tướng quân không nên làm vậy!

Hạng Vũ chưa biết lấy gì để ứng đối, nói:

- Ngồi đi!

Phàn Khoái tới chỗ Lương ngồi xuống.

Ngồi một lát, Bái công đứng dậy ra nhà xí, nhân đó gọi Phàn Khoái ra. Bái công nói:

- Nay ta ra ngoài, chưa từ biệt, phải làm sao bây giờ?

Phản Khoái nói:

- Nay người ta là dao thót, mình là cá thịt, từ biệt làm gì!

Vì thế Bái công bèn bỏ đi. Hồng Môn cách Bá Thượng bốn chục dặm, Bái công liền bỏ xe lại, một mình cưỡi ngựa thoát thân. Bốn người bạn Phản Khoái, Hạ Hầu Anh, Cật Cường, Kỳ Tín cầm kiếm, thuấn chạy bộ, men núi Ly Sơn xuôi xuống qua lối Chi Dương, theo đường nhỏ rào bước tới Bá Thượng. Lưu Trương Lương ở lại sai tạ tội với Hạng Vũ, đem ngọc bạch bích dâng biểu Vũ, chén ngọc tặng cho Á phụ¹. Bái công bảo Lương rằng:

- Theo đường này đến chỗ quân ta, bất quá chỉ hai mươi dặm thôi. Liệu chừng khi ta về đến quân doanh, ngài hãy vào.

Bái công đi rồi, phóng chừng đã về đến trong quân, Trương Lương vào tạ rằng:

- Bái công quá chén, không thể vào từ biệt, sai thần là Lương dâng lên một đôi ngọc bích kính biểu tướng quân, một đôi chén ngọc kính biểu Á phụ túc hạ.

Hạng Vũ nói:

- Bái công đang ở đâu?

Lương nói:

- Nghe nói tướng quân có ý trách lỗi, Bái công thoát thân đi một mình, đã về đến quân doanh rồi.

Hạng Vũ liền nhận ngọc bích, đặt ở chỗ ngồi. Á phụ nhận chén ngọc, vút xuống đất, rút kiếm đập chén vỡ tan, nói:

- Ôi! Thằng trẻ ranh không đáng để cùng bàn mưu! Người đoạt thiên hạ của tướng quân, nhất định là Bái công vậy, bọn ta nay mai sẽ bị bắt làm tù đồ hết thôi!

Bái công về đến quân doanh, lập tức giết Tào Vô Thương.

¹ Á phụ (亞父), tức Phạm Tăng vậy.

Ở lại mấy ngày, Hạng Vũ dẫn binh sang tây, làm cỏ thành Hàm Dương, giết vua Tần đã hàng là Tử Anh, đốt cung thất nhà Tần, lửa cháy ba tháng không tắt, thu lấy của cải châu báu và phụ nữ đem về phía đông. Dân nhà Tần rất thất vọng.

Hàn Sinh khuyên Hạng Vũ rằng:

- Quan Trung dựa sông dài núi hiểm, bốn phía có ải kín, đất đai phì nhiêu, có thể đóng đô xây nghiệp bá.

Hạng Vũ thấy cung thất nhà Tần đều đã bị đốt phá, lại nghĩ nhớ muốn quay về phương đông, nói:

- Phú quý chẳng quay về cố hương, cũng như mặc áo gấm đi đêm, còn có ai biết đến?

Hàn Sinh lui về nói:

- Người ta nói rằng người nước Sở cũng giống như con khi đội mũ thôi, quả đúng!

Hạng Vũ nghe được lời ấy, nấu chín Hàn Sinh.

Hạng Vũ sai người về thỉnh mệnh Hoài vương. Hoài vương nói:

- Cứ như ước hẹn.

Hạng Vũ giận⁽¹⁾ nói:

- Hoài vương, do người nhà ta lập thôi, không có công chinh phạt, sao được làm chủ giao ước! Lúc thiên hạ bắt đầu khởi sự, lợi dụng việc lập chư hầu cốt để đánh Tần. Nhưng thân mặc giáp dày tay cầm gươm nhọn, phơi sương ở ngoài đồng ba năm, diệt Tần định thiên hạ, đều là sức lực của chư quân văn võ và Tịch này. Hoài vương dẫu không có công, vẫn nên chia đất mà phong vương cho ông ấy.

Chư tướng đều nói: "Phải!"

¹ Hạng Vũ xin thỉnh mệnh là có ý muốn làm vua Quan Trung, nhưng Sở Hoài vương muốn theo ước hẹn rằng: "Ai vào Quan Trung trước thì làm vua ở đây", vì thế Hạng Vũ mới tức giận.

Mùa xuân, tháng giêng, Vũ vờ tôn Hoài vương làm Nghĩa đế, nói:

- Đế vương thời cổ, đất vuông nghìn dặm, đều trú ở miền thượng du.

Thế rồi dời Nghĩa đế về phía nam sông Giang, định đô ở đất Sâm.

Tháng hai, Vũ chia thiên hạ phong vương cho chư tướng. Vũ tự lập làm Tây Sở bá vương, làm vua chín quận đất Lương, đất Sở, đóng đô ở Bành Thành.

Vũ và Phạm Tăng ngờ sợ Bái công, nhưng hai bên đã giảng hòa, lại sợ việc phụ ước,⁽¹⁾ bèn ngầm bàn mưu rằng: "Đất Ba, đất Thục đường hiểm, người bị nhà Tần lưu đầy đều chuyển đến ở đấy." Liên nói:

- Đất Ba, đất Thục cũng là Quan Trung vậy.

Cho nên lập Bái công làm Hán vương, làm vua đất Ba, Thục, Hán Trung, đóng đô ở Nam Trịnh. Rồi chia đất Quan Trung làm ba phần, phong vương cho ba hàng tướng nước Tần, để họ chẹn đường Hán vương. Chương Hàm là Ung vương, làm vua từ Hàm Dương về tây, đóng đô ở Phế Khâu. Trương sư Hân, vốn là quan coi ngục ở Lịch Dương, từng có ơn đức với Hạng Lương; Đô úy Đồng Ế, vốn khuyên Chương Hàm hàng Sở, cho nên lập Hân làm Tắc vương, làm vua từ Hàm Dương về đông, đến sông Hoàng Hà, đóng đô ở Lịch Dương, lập Ế làm Dịch vương, làm vua đất Thượng Quận, đóng đô ở Cao Nô.

Hạng Vũ muốn tự chiếm đất Lương, bèn chuyển Ngụy vương Báo làm Tây Ngụy vương, làm vua đất Hà Đông, đóng đô ở Bình Dương.

Thân Dương, người đất Hà Khâu, là sủng thần của Trương Nhĩ, trước đây đã hạ quận Hà Nam, đón quân Sở bên sông

¹ Không dám phụ ước vì sợ thiên hạ cho rằng bất tín, sẽ phản.

Hoàng Hà, cho nên Vũ lập Thân Dương làm Hà Nam vương, đóng đô ở Lạc Dương.

Hàn vương Thành vẫn ở đô chỗ cũ, kinh đô ở Dương Địch.

Tướng nước Triệu là Tư Mã Ngang bình định quận Hà Nội, nhiều lần lập công, cho nên Vũ lập Ngang làm Ân vương, làm vua đất Hà Nội, đóng đô ở Triều Ca.

Chuyển Triệu vương Hiết làm Đại vương.

Tướng quốc nước Triệu là Trương Nhĩ vốn hiền, lại theo vào Hàm Cốc quan, cho nên Vũ lập Nhĩ làm Thường Sơn vương, làm vua đất Triệu, sở trị ở Trương Quốc.

Đương Dương quân Kinh Bố làm tướng Sở, thường cầm đầu trong quân, cho nên Vũ lập Bố làm Cửu Giang vương, định đô ở đất Lục.

Phiên quân Ngô Nhuế thống suất dân Bách Việt giúp chư hầu, lại theo vào Hàm Cốc quan, cho nên Vũ lập Nhuế làm Hành Sơn vương, đóng đô ở đất Chu.

Trụ quốc của Nghĩa Đế là Cung Ngao đem binh đánh Nam Quận, công nhiều, cho nên Vũ lập Ngao làm Lâm Giang vương, đóng đô ở Giang Lăng.

Chuyển Yên vương Hàn Quảng làm Liêu Đông vương, đóng đô ở Vô Trung.

Tướng nước Yên là Tang Đồ theo Sở cứu Triệu, nhân đó theo vào Hàm Cốc quan, cho nên Vũ lập Đồ làm Yên vương, đóng đô ở đất Kế.

Chuyển Tề vương Điền Phát làm Giao Đông vương, đóng đô ở Tức Mặc.

Tướng nước Tề là Điền Đô theo Sở cứu Triệu, nhân đó theo vào Hàm Cốc quan, cho nên Vũ lập Đô làm Tề vương, đóng đô ở Lâm Truy.

Hạng Vũ đang lúc vượt sông Hoàng Hà cứu Triệu, Điền An hạ được mấy thành ở Tế Bắc, dẫn binh của mình hàng Hạng Vũ, cho nên Vũ lập An làm Tế Bắc vương, định đô ở Bác Dương.

Điền Vinh mấy lần phụ lại Hạng Lương, lại không chịu đem binh theo quân Sở đánh Tần, cho nên không được phong đất.

Thành An quân Trần Dư bỏ tướng ấn mà đi, không theo vào Hàm Cốc quan, cũng không được phong. Tần khách rất nhiều người khuyên Hạng Vũ rằng:

- Trương Nhĩ, Trần Dư hai người như một, có công với nước Triệu, nay Nhĩ làm Vương, chẳng nên không phong cho Dư.

Vũ bắt đắc dĩ, nghe nói Dư bấy giờ ở Nam Bì, liền phong cho ba huyện của xứ đó.

Tướng của Phiên quân là Mai Huyền lập nhiều công, được phong thập vạn hộ hầu.

Hán vương giận, muốn đánh Hạng Vũ. Chu Bột, Quán Anh, Phàn Khoái đều khuyên đánh, Tiêu Hà can rằng:

- Làm Vương ở Hán Trung dẫu xấu, nhưng chẳng hơn so với chết sao?

Hán vương hỏi:

- Làm sao mà chết được?

Hà nói:

- Nay binh ta chẳng bằng họ, đánh trăm trận trăm bại, không chết làm sao được! Người có thể khuất thân dưới một người rồi đuổi mình ở trên cái nước vạn dặm, là vua Thang vua Vũ vậy. Thần mong đại vương làm vua Hán Trung, dưỡng dân chúng của mình để chiêu dẫn hiền tài, thu dụng của cải ở đất Ba, đất Thục, quay về định Tam Tần, thiên hạ có thể đồ được vậy.

Hán vương nói: "Hay!" Bèn đến nước phong; lấy Tiêu Hà làm Thừa tướng.

Hán vương ban cho Trương Lương trăm dật vàng, hai đấu trân châu, Lương đem hết dâng lên cho Hạng Bá. Hán vương cũng nhân đấy lệnh sai Trương Lương tặng lễ hậu cho Hạng Bá, nhờ Bá xin với Hạng Vũ cho mình hết đất đai Hán Trung, Hạng Vũ đồng ý.

Mùa hạ, tháng tư, chư hầu giải tán rồi chủ soái, đều về nước phong, Hạng vương sai ba vạn binh tốt theo Hán vương đến nước phong. Quân Sở và quân chư hầu mướn mộ Hán vương đi theo đến mấy vạn, từ phía nam huyện Đỗ tiến vào trong đất Thục. Trương Lương đưa tiến tới Bao Trung, Hán vương phái Lương quay về nước Hàn, Lương nhân đó khuyên Hán vương đốt tuyệt sạn đạo⁽¹⁾ ở các nơi đi qua, để phòng quân chư hầu đến phạm, lại tỏ ý với Hạng Vũ rằng mình không có ý quay về đông.

4. Điền Vinh nghe tin Hạng Vũ đã chuyển Tề vương Phất về Giao Đông, lại dùng Điền Đô làm Tề vương, cả giận. Tháng năm, Vinh phát binh chống đánh Điền Đô, Điền Đô trốn sang nước Sở. Vinh lưu Tề vương Phất lại, không cho đi Giao Đông, Phất sợ Hạng Vũ, ngầm trốn về nước phong. Vinh giận, tháng sáu, đuổi đánh giết Phất ở Tức Mặc, tự lập làm Tề vương.

Bấy giờ Bành Việt ở Cự Dã, bộ chúng hơn vạn người, không thống thuộc vào đâu. Vinh giao ấn tướng quân cho Bành Việt, sai đánh Tế Bắc. Mùa thu, tháng bảy, Việt đánh giết Tế Bắc vương là An. Vinh vì thế kiêm tính đất làm vua Tam Tề, lại sai Việt đánh nước Sở. Hạng vương lệnh sai Tiêu Công Giác đem binh đánh Việt, Việt đại phá quân Sở.

5. Trương Nhĩ đến nước phong, Trần Dư càng giận nói:

- Trương Nhĩ với Dư này, công lao ngang nhau, nay Trương Nhĩ làm Vương, Dư chỉ được làm Hầu, thế là Hạng Vũ không công bằng!

¹ Đường vào đất Thục núi non hiểm trở bạt ngàn, phải đục sườn núi bắc ván gỗ làm đường đi, cho nên gọi là sạn đạo (栈道).

Bèn ngầm sai Trương Đồng và Hạ Duyệt khuyên Tề vương Vinh rằng:

- Hạng Vũ làm chúa tế thiên hạ mà không công bằng, phong hết chư tướng của mình ở chỗ đất tốt, chuyển các vua cũ đến chỗ đất xấu. Nay Triệu vương phải lên bắc ở đất Đại, Dư này cho là không nên đi. Nghe nói đại vương khởi binh, không theo lệnh bất nghĩa, mong đại vương giúp cho Dư binh lực để đánh Thường Sơn, khôi phục vương vị Triệu vương, xin đem nước Triệu làm phen dầu che chở cho nước Tề.

Tề vương đồng ý, phái binh đi theo Trần Dư.

6. Hạng vương vì Trương Lương từng theo Hán vương, Hàn vương Thành lại không có công, cho nên không phái Thành đến nước phong, sai theo mình đến Bành Thành, phế làm Nhượng hầu, sau đó lại giết đi.

7. Khi trước, người huyện Hoài Âm là Hàn Tín, gia cảnh bần hàn, không có đức hạnh nên không được tuyển chọn làm Lại, lại chẳng có tài buôn bán mưu sinh, thường theo người khác ăn chực, người ta đa phần chán ghét. Tín câu cá ở dưới thành, có người đàn bà đập vại⁽¹⁾ ven sông thấy Tín đói, cho Tín ăn. Tín mừng, bảo người đàn bà đập vại rằng:

- Ta nhất định dùng trọng ân báo đáp bà.

Người đàn bà giận nói:

- Đại trượng phu chẳng thể tự nuôi thân, ta thương vương tôn mà cho ăn, há mong được báo đáp sao!

Có người trẻ tuổi trong số những kẻ giết mổ ở Hoài Âm khinh rẻ Tín nói:

- Mày tuy cao lớn, thích mang đao kiếm, trong lòng thì nhất thôi.

¹ Đập vại: Thời xưa giặt quần áo thường mang ra sông, suối, nhúng quần áo xuống nước, rồi vớt lên dùng vò đập cho sạch thay cho việc vò áo vậy.

Liên nhân đẩy nhục mạ Tín giữa đám đông, nói:

- Tín, mày có dám chết, thì hãy đâm ta; nếu không dám chết, thì chui dưới háng ta!

Bấy giờ Tín nhìn người kia chăm chăm, rồi cúi xuống lườn qua háng, bò lổm ngổm dưới đất. Người cả chợ đều cười Tín, cho là hèn nhát.

Lúc Hạng Lương vượt sông Hoài, Tín chống kiếm đi theo, ở dưới cò chẳng ai biết tiếng. Hạng Lương bại, Tín lại quy thuộc Hạng Vũ, Vũ dùng làm Lang trung. Tín nhiều lần bày kế sách can Vũ, Vũ không dùng. Hán vương vào đất Thục, Tín bỏ Sở theo Hán, chưa ai biết tiếng. Tín làm chức Liên ngao⁽¹⁾, mắc tội đáng chém. Mười ba người trong bọn ấy đều đã chém hết, đến lượt Tín, Tín bèn ngẩng lên nhìn, vừa hay thấy Đằng công⁽²⁾ đi đến, liền nói:

- Chúa thượng chẳng muốn lấy thiên hạ chẳng? Vì sao chém tráng sĩ?

Đằng công thấy lạ vì lời ấy, khen tướng mạo của Tín, cời trói mà không chém; cùng nói chuyện, rất hài lòng, nói với Hán vương. Hán vương bái Tín làm Trị túc đô úy⁽³⁾, cũng chưa cho là Tín có tài lạ vậy.

Tín nhiều lần cùng Tiêu Hà nói chuyện, Hà cho là người tài. Hán vương đến Nam Trịnh, chư tướng và sĩ tốt đều ca hát nghĩ nhớ về đông, đa phần bỏ trốn trên đường. Tín phỏng đoán rằng bọn Hà đã mấy lần nói với Hán vương, Vương không dùng mình, bèn trốn đi. Hà nghe tin Tín trốn, không kịp báo lên, tự đuổi theo Tín. Có người nói với Vương rằng:

- Thừa tướng Hà bỏ trốn.

¹ Liên ngao (连敖), là chức quan nhỏ chuyên tiếp đãi tân khách.

² Túc Hạ Hầu Anh, ban đầu theo Cao tổ làm Đằng lệnh, vì thế có hiệu Đằng công.

³ Trị túc đô úy (治粟都尉), cũng là một chức quan nhỏ, chương quản việc cấp thóc lúa, tiền của, là thuộc quan của Đô úy vậy.

Vương cả giận, như mất cả tay phải, tay trái. Qua hai ngày, Hà đến yết kiến Hán vương. Vương vừa giận vừa mừng, mắng Hà rằng:

- Ngươi bỏ trốn, là sao?

Hà đáp:

- Thần không dám trốn vậy, thần đuổi theo kẻ bỏ trốn thôi.

Vương hỏi:

- Ngươi đuổi theo ai?

Hà đáp:

- Hàn Tín vậy!

Vương lại mắng rằng:

- Chư tướng bỏ trốn đến mấy chục, ngươi chẳng đuổi theo ai, lại đuổi theo Hàn Tín, ngươi nói dối!

Hà nói:

- Chư tướng dễ kiếm được thôi, còn như Tín, là kẻ quốc sĩ vô song. Vương nếu nhất định muốn làm Vương ở Hán Trung lâu dài, thì không có chỗ cho Tín; nếu nhất định muốn tranh thiên hạ, ngoài Tín ra không thể cùng ai bàn tính công việc được. Vương hãy lựa chọn rồi quyết định đi!

Hán vương nói:

- Ta cũng muốn về đông chứ, sao chịu uất ức ở chỗ này!

Hà nói:

- Quyết kế muốn sang đông, dùng được Tín, Tín lập tức lưu lại, không dùng được Tín, rút cục Tín sẽ trốn đi thôi.

Hán vương nói:

- Ta vì ngài dùng hẳn làm tướng.

Hà nói:

- Dẫu làm tướng, Tín cũng chẳng ở lại.

Vương nói:

- Dùng hấn làm đại tướng.

Hà nói:

- May lắm!

Bấy giờ Hán vương muốn triệu Tín bái chúc. Hà nói:

- Vương vốn ngạo mạn, vô lễ. Nay bái đại tướng, như hô gọi đưa tiểu nhân, đấy là lý do mà Tín bỏ đi vậy. Vương nhất định muốn bái Tín, hãy chọn ngày tốt, trai giới, lập đàn tràng, bày đủ lễ, như thế mới được.

Hán vương đồng ý. Chư tướng đều mừng, người người đều tự cho là mình sẽ được làm đại tướng. Đến lúc bái đại tướng, lại là Hàn Tín, toàn quân đều kinh ngạc.

Tín bái lễ xong, lên ngôi ở trên. Vương hỏi:

- Thừa tướng nhiều lần nói đến tướng quân. Tướng quân có kế gì để dạy bảo quả nhân?

Tín khiêm nhường tạ, nhân đấy hỏi Vương rằng:

- Nay Vương hướng sang đông tranh giành thiên hạ, há chẳng phải là tranh với Hạng vương sao?

Hán vương nói:

- Đúng!

Tín nói:

- Đại vương tự tính, sự dũng cảm, táo tợn, nhân từ, hùng mạnh của đại vương có so được Hạng vương không?

Hán vương yên lặng hồi lâu, nói:

- Ta không bằng vậy.

Tín lại hai tay nói:

- Trong ý nghĩ Tín cũng cho là đại vương không bằng vậy. Nhưng thần đã từng thờ hấn, nên xin nói Hạng vương là người

thế nào: Hạng vương giận dữ quát thét, nghìn người đều mất vía, nhưng chẳng biết nhậm dụng hiền tướng; đấy là cái dững của kẻ thất phu thôi. Hạng vương tiếp đãi người, cung kính từ ái, nói năng ôn hòa, người ta bệnh tật, chảy nước mắt khóc, cùng chia đồ ăn uống, nhưng đến lúc dùng người, kẻ có công đáng phong tước, lại để ẩn khuất hủ nát, tiếc chẳng ban cho, đấy là lòng nhân của đàn bà vậy. Hạng vương dẫu làm bá thiên hạ khiến chư hầu thần phục, chẳng ở Quan Trung mà đóng đô ở Bành Thành; trái lời giao ước của Nghĩa đế, phong người thân tín mà mình yêu mến làm Vương, chư hầu bất bình; còn đuổi cả chủ cũ mà lấy văn võ của họ làm Vương, lại đuổi Nghĩa đế dời ông ấy đến Giang Nam, các chỗ đi qua không đâu không tàn diệt; trăm họ không thân gần theo dựa, chỉ khiếp uy mà miễn cưỡng theo thôi. Tiếng tuy làm Bá, thực ra là mất lòng thiên hạ, cho nên cái mạnh của hắn dễ thành suy yếu. Nay đại vương thực có thể làm trái con đường của hắn, dùng người vũ dũng trong thiên hạ, đối thủ nào chẳng diệt được? Lấy thành ấp trong thiên hạ, phong cho công thần, người nào chẳng theo phục? Lấy binh chính nghĩa một lòng hướng về đông, đến đâu chẳng phá tan? Và lại, vua đất Tam Tần là tướng nhà Tần, thống lĩnh con em người Tần đã mấy năm rồi, người mà bọn họ giết hại không tính xuể, họ lại lừa dối sĩ chúng của mình, đầu hàng chư hầu, lúc đến Tân An, Hạng vương trá lừa chôn sống hơn hai mươi vạn binh tốt nhà Tần đã hàng, duy có Hàm, Hân và Ế được thoát. Cha anh người Tần oán ba người này, hận khắc vào xương tủy. Nay nước Sở cưỡng dùng uy cho ba người ấy làm Vương, dân Tần chẳng ai yêu mến họ vậy. Đại vương lúc tiến vào Vũ Quan, tư hào không phạm đến, trừ bỏ luật pháp hà khắc của nhà Tần, cùng dân Tần giao ước pháp luật chỉ ba điều, dân Tần chẳng ai không muốn được đại vương làm vua đất Tần. Theo giao ước với chư hầu, đại vương đáng được làm Vương ở Quan Trung, dân Quan Trung đều biết thế, thế nhưng

đại vương mất chức phải vào Hán Trung, dân Tần chẳng ai không tiếc hận. Nay đại vương cất quân sang đông, Tam Tần có thể truyền hịch mà định vậy.

Vì thế Hán vương cả mừng, tự cho rằng mình biết được Tín muộn, bèn nghe kế của Tín, sắp đặt chư tướng để tính kế đánh, lưu Tiêu Hà thu tô thuế ở đất Ba, đất Thục, cung cấp lương ăn cho quân.

Tháng tám, Hán vương dẫn binh từ Cố Đạo tiến ra, tập kích đất Ung, Ung vương Chương Hàm đón đánh quân Hán ở Trần Thương. Binh của Ung vương bại, chạy về, rồi dừng lại, giao chiến ở Hào Trĩ, lại thua bại, chạy đến Phế Khâu. Hán vương bèn định đất Ung, sang đông đến Hàm Dương, dẫn binh vây Ung vương ở Phế Khâu, rồi phái chư tướng cướp đất. Tắc vương Hán, Định vương Ế đều hàng, Hán vương lấy đất của họ đặt ra Vị Nam, Hà Thượng, Thượng Quận. Lệnh sai tướng quân Tiết Âu, Vương Hấp tiến ra Vũ Quan, nhân đó hội với binh của Vương Lăng đi đón Thái công và Lã hậu. Hạng vương nghe tin ấy, phát binh chặn ở Dương Hạ, quân Hán không tiến được.

Vương Lăng, người huyện Bái, lúc trước tự dâng mấy trăm người, chiếm Nam Dương, đến bấy giờ đem binh quy thuộc Hán. Hạng vương bắt mẹ của Lăng đến trong quân, sứ giả của Lăng đến, Hạng vương đặt mẹ của Lăng ngồi quay mặt hướng đông,⁽¹⁾ muốn chiêu dụ Lăng. Mẹ của Lăng tiễn riêng sứ giả đi, khóc nói:

- Mong người vì lão bà nói với Lăng: Hãy khéo thờ Hán vương, Hán vương là bậc trưởng giả, rút cục sẽ lấy được thiên hạ, chớ vì việc của lão bà mà mang hai lòng. Lão sẽ lấy cái chết để tiễn đưa sứ giả!

Bèn dùng kiếm tự vẫn mà chết. Hạng vương giận, nấu chín mẹ của Lăng.

¹ Thời xưa, người ngồi quay mặt về hướng đông, là ở địa vị tôn quý vậy.

8. Hạng vương dùng Ngô lệnh ngày trước là Trịnh Xương làm Hàn vương, để cự quân Hán.

9. Trương Lương gửi thư cho Hạng vương nói:

"Hàn vương bị mất chức phong, chỉ muốn được đất Quan Trung. Được như lời ước hẹn thì dừng, chẳng dám sang đông."

Tiếp đó lấy thư phản của hai nước Lương, Tề gửi cho Hạng vương, nói:

- Nước Tề muốn cùng nước Triệu hợp lực diệt nước Sở.

Hạng vương vì thế không có ý tây tiến, mà lên bắc đánh nước Tề.

10. Yên vương Quảng không chịu đến Liêu Đông. Tang Đồ đánh giết Quảng, thôn tính đất của Quảng.

11. Năm ấy, Hán vương dùng Nội sử Chu Hà người đất Bái làm Ngự sử đại phu.

12. Hạng vương sai người thúc Nghĩa đế đi đến đất Sâm, tả hữu và quần thần dần dần phản lại Nghĩa đế.

Năm thứ hai (Bính Thân – TCN 205)

1. Mùa đông, tháng mười, Hạng vương mật sai Cửu Giang vương, Hành Sơn vương, Lâm Giang vương đánh Nghĩa đế, giết Nghĩa đế trên sông Giang.

2. Trần Dư đem hết binh của ba huyện, hợp với binh Tề, cùng đánh úp Thường Sơn. Thường Sơn vương Trương Nhĩ thua bại, chạy theo Hán, yết kiến Hán vương ở Phế Khâu, Hán vương đãi ngộ hậu. Trần Dư nghênh đón Triệu vương ở đất Đại, lại làm Triệu vương. Triệu vương nhớ ơn Trần Dư, lập Dư làm Đại vương. Trần Dư vì Triệu vương yếu nhược, nước mới định, không đến nước phong, lưu lại giúp đỡ Triệu vương; rồi sai Hạ Duyệt làm Tướng quốc giữ đất Đại.

3. Trương Lương từ nước Hàn theo đường tắt quay về với Hán, Hán vương lấy Lương làm Thành Tín hầu. Lương ốm bệnh, chưa từng một mình làm tướng cầm quân, thường làm mưu thần vạch kế sách, luôn theo bên cạnh Hán vương.

4. Hán vương đến huyện Thiểm, trấn vỗ các vị phụ lão vùng quan ngoại⁽¹⁾.

5. Hà Nam vương Thân Dương đầu hàng, Hán vương đặt đất ấy thành quận Hà Nam.

6. Hán vương dùng cháu của Hàn Tương vương là Tín làm Thái úy nước Hàn, đem binh đoạt đất Hàn. Tín gấp rút đánh Hàn vương Xương ở Dương Thành, Xương hàng. Tháng mười một, lập Tín làm Hàn vương. Tín thường thống suất binh nước Hàn đi theo Hán vương.

7. Hán vương quay về đô ấp Lịch Dương.

8. Chư tướng đánh hạ được Lũng Tây.

9. Mùa xuân, tháng giêng, Hạng vương lên bắc đến Thành Dương. Tề vương Vinh đem binh hội chiến, thua bại, chạy đến Bình Nguyên, dân Bình Nguyên giết Vinh. Hạng vương lại lập Điền Giả làm Tề vương. Tiếp đó lên bắc đến Bắc Hải, đốt sạch thành quách, phòng ốc, chôn sống binh hàng của Điền Vinh, bắt trói hết người già, con trẻ, phụ nữ, các nơi đi qua đều tàn diệt. Dân Tề tự nhau nổi dậy phản Hạng vương.

10. Tướng của Hán vương hạ quận Bắc Địa, cầm tù em của Ung vương là Bình.

11. Tháng ba, Hán vương từ Lâm Tấn vượt Hoàng Hà. Ngụy vương Báo hàng, đem binh đi theo. Hán vương lại đánh hạ Hà Nội, bắt sống Ân vương Ngang, đặt quận Hà Nội.

12. Khi trước, người huyện Dương Vũ là Trần Bình, gia cảnh bần hàn, thích đọc sách. Trong làng có lễ tế thần xã (tế thần đất), Bình làm người chia thịt tế, chia rất đều. Các vị phụ lão nói:

¹ Quan ngoại (关外), là vùng đất phía ngoài tứ quan của Quan Trung vậy.

- Giỏi lắm, thằng nhỏ họ Trần làm người chia thịt tể được!

Bình nói:

- Ôi chà! Nếu Bình được làm tể tướng thiên hạ, cũng giỏi như chia thịt thôi!

Lúc chư hầu phản Tần, Bình thờ Ngụy vương Cửu ở Lâm Tế, làm Thái bộc, khuyên Ngụy vương, không được nghe theo. Có người gièm pha, Bình trốn đi. Sau thờ Hạng Vũ, được ban tước làm Khanh. Ân vương phản, Hạng Vũ sai Bình đánh thu hàng hần, quay về, được bái làm Đô úy, ban thưởng hai mươi dật vàng.

Không lâu sau đó, Hán vương đánh hạ đất Ân. Hạng vương giận, muốn giết tướng lại tham gia bình định đất Ân lúc trước. Bình sợ, bèn phong kín vàng và ấn của mình lại, sai sứ trả về cho Hạng vương, một mình theo đường nhỏ lên đi, chống kiếm bỏ trốn, vượt Hoàng Hà, theo Hán vương ở Tu Vũ, nhờ Ngụy Vô Tri cầu kiến Hán vương. Hán vương triệu vào, ban cho ăn, sai về nhà trọ nghỉ. Bình nói:

- Thần vì việc mà đến, điều thần muốn nói không để được qua hôm nay.

Vì thế Hán vương cùng Bình nói chuyện, lấy làm thích thú. Hán vương hỏi:

- Ngài ở trong quân Sở nhận chức quan gì?

Bình nói:

- Làm Đô úy.

Hôm ấy, Hán vương bái ngay Bình làm Đô úy, sai làm Tham thừa, Diên hộ quân. Chư tướng hết thấy đều huyền não,⁽¹⁾ nói:

- Đại vương thu được thằng lính bỏ trốn của nước Sở mới một ngày, chưa biết tài của nó cao thấp thế nào, mà lập tức cho ngồi cùng xe, lại sai nó giám hộ bậc trưởng giả!

¹ Diên hộ quân (典护军), là chức quan giám hộ chư tướng.

Hán vương nghe nói thế, càng sủng ái Bình hơn.

13. Hán vương xuôi nam vượt bến Bình Âm, đến Tân Thành thuộc Lạc Dương. Tam lão⁽¹⁾ là Đồng công chặn Vương lại, khuyên rằng:

- Thần nghe nói "Thuận đức thì thịnh, nghịch đức thì vong". Lại có câu "Xuất sư vô danh, việc tất chẳng thành". Vì thế mới nói: "Làm rõ quân giặc, địch mới chịu phục." Hạng Vũ là kẻ vô đạo, đuổi giết chủ của mình, là giặc của thiên hạ vậy. Người nhân không dùng cái dũng, người nghĩa không dùng đến sức, đại vương nên thống suất ba quân tướng sĩ vì Nghĩa để mặc áo tang, để báo rõ với chư hầu rồi đánh hắn, thì người trong bốn bể chẳng ai không mộ đức, đấy là hành vi của Tam vương vậy.

Bởi thế Hán vương vì Nghĩa để phát tang, trải vai áo bên tả mà khóc lớn, cử ai khóc lớn ba ngày, phái sứ giả báo tin với chư hầu rằng:

- Thiên hạ cùng nhau lập Nghĩa đế, ngoảnh mặt về bắc thờ ông ấy. Nay Hạng Vũ đuổi giết Nghĩa đế ở Giang Nam, đại nghịch vô đạo! Quả nhân phát hết binh Quan Trung, thu quân sĩ Tam Hà,⁽²⁾ cưỡi thuyền theo sông Giang, sông Hán mà xuống, nguyện theo các Vương chư hầu đánh kẻ giết hại Nghĩa đế của nước Sở!

Sứ giả đến nước Triệu, Trần Dư nói:

- Hán vương giết Trương Nhĩ, ta mới theo.

Vì thế Hán vương tìm một người giống Trương Nhĩ rồi chém kẻ đó, đem đầu đến tặng Trần Dư, Dư bèn phát binh trợ giúp Hán.

14. Em của Vinh là Hoành thu binh tốt tản mát, được mấy vạn người, khởi binh ở Thành Dương. Mùa hạ, tháng tư, lập

¹ Phép chế nhà Tần quy định, mười làng là một đình, đình có chức Trưởng. Mười đình là một hương, hương có Tam lão. Trưởng hay Tam lão quản về việc giáo hóa.

² Tam Hà (三河), tức là vùng Hà Đông, Hà Nam, Hà Nội vậy.

con của Vinh là Quảng làm Tề vương, để cự Sở. Hạng vương vì thế lưu lại, liên tục giao chiến, chưa hạ được, tuy nghe tin Hán vương sang đông, nhưng vì đã đánh Tề, muốn phá xong Tề rồi mới đánh Hán. Hán vương nhân cơ hội ấy thống suất binh chư hầu, cả thầy năm mươi sáu vạn người đi đánh Sở. Đến Ngoại Hoàng, Bành Việt đem hơn ba vạn binh của mình theo Hán. Hán vương nói:

- Bành tướng quân thu đất Ngụy được hơn chục thành, muốn gấp rút lập con cháu vua Ngụy. Nay Tây Ngụy vương là Báo, đích thực là con cháu vua nước Ngụy.

Bèn bái Bành Việt làm Tướng quốc nước Ngụy, sai lĩnh binh của mình chiếm và bình định đất Lương. Hán vương bèn vào Bành Thành, thu của báu, mỹ nhân ở đấy, ngày ngày đặt tiệc rượu đại hội.

Hạng vương nghe tin, lệnh cho chư tướng đánh Tề, rồi tự mình đem ba vạn tinh binh xuôi nam, theo đất Lỗ ra khỏi Hồ Lăng đến huyện Tiêu. Sáng sớm, đánh quân Hán rồi theo hướng đông đến Bành Thành, giữa trưa, đại phá quân Hán. Quân Hán đều chạy, xô nhau nhảy xuống sông Cốc và sông Tứ, chết hơn chục vạn người. Binh tốt Hán đều xuôi nam chạy vào núi, quân Sở lại truy kích đến bờ sông Tuy ở phía đông Linh Bích; quân Hán lui, bị quân Sở đè lấn, hơn chục vạn binh tốt đều lao xuống sông Tuy, nước sông không chảy được. Quân Sở vây Hán vương ba vòng. Đúng lúc có gió lớn từ hướng tây bắc nổi lên, gãy cây, tốc mái nhà, cát đá bay, trời tối mịt mù, cuốn theo hướng quân Sở, thế trận đại loạn, tan rã, Hán vương nhờ thế cùng mấy chục quân kỵ trốn đi.

Hán vương muốn qua đất Bái thu thập gia quyến, nhưng quân Sở cũng sai người đến đất Bái bắt người nhà Hán vương, cả nhà đều đi trốn, không cùng Hán vương tương kiến.

Hán vương trên đường đi gặp Hiếu Huệ và Lỗ Nguyên công chúa, liền mang lên xe chở đi. Quân kỵ của Sở truy đuổi,

Hán vương nguy cấp, đẩy hai con xuống xe. Đằng công làm Thái bộc, thường xuống xe nhật hai người lên, cứ như thế ba lần, nói:

- Nay dầu gấp, xe không thể đi nhanh, nhưng sao lại vứt bỏ con!

Rồi thông thả đi. Hán vương giận, hơn chục lần muốn chém Đằng công. Đằng công rút cục bảo hộ, cứu thoát hai con của Hán vương. Thẩm Thực Kỳ theo Thái công và Lã hậu lên đi tìm Hán vương, không gặp nhau, lại gặp quân Sở, quân Sở bèn đem họ về, Hạng vương thường bố trí họ ở trong quân làm con tin.

Bấy giờ, anh của Lã hậu là Chu Lã hầu lĩnh binh giúp Hán vương, trú ở Hạ Ấp, Hán vương lên đến theo Chu Lã hầu, dần dần thu nhật sĩ tốt của mình. Chư hầu đều phản Hán, lại giúp Sở. Tắc vương Hân, Địch vương Ế trốn đi hàng Sở.

15. Điền Hoành tiến đánh Điền Giả, Giả chạy đến hàng nước Sở, người Sở giết đi, Hoành vì thế lại bình định đất Tam Tề.

16. Hán vương hỏi quần thần rằng:

- Ta muốn bỏ hết đất đai từ Hàm Cốc Quan về đông, cho làm đất phong, ai có thể cùng ta chung sức nên công nghiệp?

Trương Lương nói:

- Cửu Giang vương Bô, là kiêu tướng của nước Sở, có hiềm khích với Hạng vương; Bành Việt liên hợp với nước Tề phản Sở ở đất Lương; hai người ấy nên dùng gấp. Trong số tướng của Hán vương, chỉ có Hàn Tín có thể phó thác đại sự, đảm đương một mặt. Nếu muốn bỏ đất, giao cho ba người ấy, thì Sở có thể phá được vậy!

Khi trước, lúc Hạng vương đánh Tề, điều phát binh ở Cửu Giang, Cửu Giang vương Bô xưng bệnh không đến, phái tướng của mình đem mấy nghìn người đi theo. Quân Hán phá Bành Thành của Sở, Bô lại xưng bệnh không giúp Sở. Sở vương vì thế oán Bô, mấy lần sai sứ đến trách, triệu Bô. Bô càng sợ, không

dám qua. Hạng vương đang lo Tề, Triệu ở phương bắc, sợ họa Hán ở phía tây, mà người giúp được mình chỉ có Cửu Giang vương, thêm nữa cũng coi trọng cái tài của Bô, muốn thân thiết trọng dụng, cho nên chưa đánh.

Hán vương từ Hạ Ấp dời quân đến đất Năng, sau đến đất Ngu, bảo tả hữu rằng:

- Người như các ông, không đáng cùng bàn việc thiên hạ!

Yết giả Tùy Hà tiến lên nói:

- Chẳng rõ Bệ hạ nói ý gì!

Hán vương nói:

- Ai có thể vì ta đi sứ Cửu Giang vương, khiến hắn phát binh phản Sở, giữ Hạng vương lại mấy tháng, ta chắc sẽ lấy được trọn vẹn thiên hạ.

Tùy Hà nói:

- Thần xin đi sứ đến đó!

Hán vương sai hai mươi người theo Tùy Hà cùng đi.

17. Tháng năm, Hán vương đến Huỳnh Dương, các lộ binh thua bại đều hội hợp, Tiêu Hà cũng điều phát tất cả già trẻ không đúng tuổi đăng binh của Quan Trung đến hết Huỳnh Dương, quân Hán phần chần trở lại. Sở khởi binh ở Bành Thành, thường thừa thắng truy đuổi binh bại, cùng quân Hán giao chiến ở phía nam Huỳnh Dương, giữa miền Kinh, Sách.

Quân kỵ của Sở đến đông, Hán vương chọn người có thể làm tướng quân kỵ ở trong quân, chúng đều suy cử Lý Tất, Lạc Giáp là người đất Trọng Tuyên vốn là kỵ sĩ của nước Tần cũ. Hán vương muốn hỏi hai người, Tất và Giáp nói:

- Chúng thần vốn là dân nhà Tần, sợ quân lính không tin, xin được làm phò cho tả hữu giỏi kỵ xạ của đại vương.

Hán vương bèn bái Quán Anh làm Trung đại phu lệnh, Lý Tất, Lạc Giáp là Tả, Hữu hiệu úy, thống lĩnh quân kỵ đánh kỵ

binh của Sở ở phía đông Huỳnh Dương, đại phá quân Sở, quân Sở vì thế không thể qua được Huỳnh Dương mà sang tây. Hán vương đóng quân ở Huỳnh Dương, đắp dững đạo thông đến Hoàng Hà, để lấy thóc ở Ngao Thương.

18. Bọn Chu Bột, Quán Anh nói với Hán vương rằng:

- Trần Bình dầu đẹp như hạt ngọc trên mũ, trong bụng vị tất đã có tài thực. Thần nghe nói lúc Bình ở nhà tư thông với chị dâu, thờ nước Ngụy không được dung, trốn theo Sở, bắt trung, lại trốn theo Hán. Hôm nay đại vương cho hấn quan vị tôn quý, sai làm Hộ quân. Thần nghe nói Bình nhận vàng của chư tướng, ai đưa nhiều vàng thì được ở chỗ tốt, ai đưa ít vàng thì ở chỗ xấu. Bình, là loạn thần phản phúc, xin Vương hãy xét kỹ!

Hán Vương nghi ngờ Bình, triệu Ngụy Vô Tri đến trách, Vô Tri nói:

- Điều mà thần nói là về tài vậy, điều mà bệ hạ hỏi là về đức vậy. Nay có người hiếu hạnh như Vĩ Sinh, Hiếu Kỷ,⁽¹⁾ mà không có ích gì trong việc quyết thắng phụ, Bệ hạ dùng hạng người như thế làm gì? Sở, Hán đang cầm giữ nhau, thần tiến cử kẻ sĩ có mưu lạ, chỉ xem cái kế của người đó thực có lợi cho quốc gia hay không thôi. Việc tư thông với chị dâu hay lấy vàng, sao đáng để nghi ngờ?

Hán Vương triệu Bình đến trách rằng:

- Tiên sinh thờ Ngụy bắt trung, qua thờ Sở rồi bỏ đi, nay lại theo ta ruổi rong, người giữ tín nghĩa lại hai lòng ba ý thế sao?

Bình nói:

- Thần thờ Ngụy vương, Ngụy vương chẳng thể dùng lời của thần, cho nên bỏ đi thờ Hạng vương. Hạng vương không thể tin người, người mà ông ấy yêu dùng, không phải người họ

¹ Vĩ Sinh (尾生), là người giữ tín nổi tiếng thời cổ. Hiếu Kỷ (孝己), là con vua Cao Tông nhà Thương, nổi tiếng về đức hạnh.

Hạng, thì là anh em bên vợ, dẫu có kẻ sĩ kỳ tài vẫn chẳng thể dùng. Nghe nói Hán vương biết dùng người, nên thần theo đại vương. Thần mình trần đến đây, không nhận vàng thì không lấy gì dùng. Nếu thần vạch kế có chỗ nào dùng được, xin đại vương dùng kế, nếu không dùng được, vàng còn đây cả, xin phong lại nộp vào phủ quan, thần xin từ chức mà về.

Hán vương bèn tạ lỗi, ban thưởng hậu, bái làm Hộ quân trung úy, quản hết chư tướng, chư tướng không dám nói lại nữa.

19. Ngụy vương Báo bái yết, xin về thăm bệnh người thân, về đến nơi, ngăn bến sông Hà, làm phản giúp Sở.

20. Tháng sáu, Hán vương quay về Lịch Dương.

21. Ngày Nhâm Ngọ, Hán vương lập con là Lưu Doanh làm Thái tử, miễn xá tội nhân.

22. Binh Hán dẫn nước rót vào thành Phế Khâu, Phế Khâu hàng, Chương Hàm tự sát. Quân Hán định được hết đất Ung, đặt ra quận Trung Địa, Bắc Địa, Lũng Tây.

23. Vùng Quan Trung đói lớn, một斛 gạo giá một vạn tiền, người ăn thịt lẫn nhau. Hán vương lệnh sai dân chúng đến đất Thục, đất Hán mưu sinh.

Khi trước, lúc nhà Tần bị diệt vong, hào kiệt tranh lấy vàng ngọc, chỉ có họ Nhậm ở Tuyên Khúc chôn giấu kho thóc. Lúc Sở, Hán cự giữ nhau ở Huỳnh Dương, dân không cấy trồng được, thế rồi vàng ngọc của hào kiệt về hết chỗ họ Nhậm, họ Nhậm vì thế nổi lên, giàu có mấy đời.

24. Mùa thu, tháng tám, Hán vương đến Huỳnh Dương, lệnh sai Tiêu Hà giữ Quan Trung phụng sự Thái tử, chế pháp lệnh ước thúc, lập tông miếu, xã tắc, cung thất, huyện ấp, có việc không kịp tấu báo thì quyết, châm chước các việc thích hợp mà thi hành, chúa thượng đến, đem việc báo lên. Hà tính sổ hộ khẩu của Quan Trung, vận chuyển lương thảo, điều phát binh sĩ để cấp cho quân, chưa từng thiếu thốn đứt đoạn.

25. Hán vương sai Lịch Thực Kỳ đi thuyết Ngụy vương Báo, lại triệu đến. Báo không nghe, nói:

- Hán vương ngạo mạn lại khinh người, mắng chửi chư hầu và quần thần như mắng nô tài, ta chẳng muốn gặp ông ta nữa!

Vì thế Hán vương dùng Hàn Tín làm Tả thừa tướng, cùng Quán Anh, Tào Tham đều đi đánh nước Ngụy.

Hán vương hỏi Thực Kỳ:

- Đại tướng nước Ngụy là ai?

Thực Kỳ đáp:

- Là Bách Trục.

Hán vương nói:

- Thằng đấy miệng còn răng sữa, sao có thể đương nổi Hàn Tín được!

Lại hỏi:

- Tướng quân kỵ là ai vậy?

Đáp rằng:

- Là Phùng Kính.

Hán vương nói:

- Thằng đấy là con của Phùng Vô Trạch, tướng nước Tần vậy, tuy hiền, nhưng chẳng thể chống nổi Quán Anh.

Lại hỏi:

- Tướng quân bộ là ai thế?

Thực Kỳ đáp:

- Là Hạng Tha.

Hán vương nói:

- Chẳng thể địch nổi Tào Tham. Ta không lo rồi!

Hàn Tín cũng hỏi Lịch Sinh:

- Nước Ngụy không dùng Chu Thúc làm đại tướng sao?

Lịch Sinh⁽¹⁾ nói:

- Dùng Bách Trục vậy.

Tín nói:

- Là trẻ ranh thôi!

Bèn tiến binh.

Ngụy vương tụ nhiều binh ở Bồ Bản để ngăn hướng tiến từ Lâm Tấn, Tín bèn thêm quân làm nghi binh, bày thuyền bè tỏ ý muốn vượt Lâm Tấn; nhưng lại sai phục binh theo đường Hạ Dương dùng thùng gỗ cho quân vượt sông, tập kích An Ấp. Ngụy vương Báo kinh hãi, dẫn binh đón đánh Tín. Tháng chín, Tín đánh bắt được Báo, đưa đến Huỳnh Dương; đất Ngụy bình được hết, đặt ra quận Hà Đông, Thượng Đảng, Thái Nguyên.

Lúc quân Hán bại ở Bành Thành lui về tây, Trần Dư cũng phát giác ra Trương Nhĩ không chết, lập tức phản Hán. Hàn Tín đã định được đất Ngụy, sai người xin Hán vương ba vạn binh, muốn lên bắc lấy đất Yên, Triệu, sang đông đánh Tề, xuôi nam cắt đứt đường vận lương của Sở. Hán vương đồng ý, bèn phái Trương Nhĩ cùng đi với Tín, dẫn binh sang đông, lên bắc đánh đất Triệu, đất Đại. Tháng chín nhuận, Tín phá quân nước Đại, cầm bắt Hạ Duyệt ở Át Dữ.

Sau khi Tín hạ Ngụy phá Đại, Hán vương liền sai người thu lấy tinh binh của Tín đưa đến Huỳnh Dương để chống Sở.

---ॐ---

¹ Lịch Thực Kỳ (郦食其), cũng gọi là Lịch Sinh, hoặc Lịch Tự Cơ.

HÁN KỶ

[QUYỂN THỨ HAI]

— 380 —

THÁI TỔ CAO HOÀNG ĐẾ

Năm thứ ba (Đinh Dậu - 204)

1. Mùa đông, tháng mười, Hàn Tín, Trương Nhĩ đem mấy vạn binh sang đông đánh Triệu. Triệu vương và Thành An quân Trần Dư nghe tin, tụ binh ở cửa Tỉnh Hình, xưng là có hai mươi vạn quân.

Quảng Vũ quân Lý Tả Xa khuyên Thành An quân rằng:

- Hàn Tín, Trương Nhĩ thừa thắng rời nước đi đánh nơi xa, khí thế của chúng chẳng nên đối địch. Ta nghe nói: "Nghìn dặm chuyển vận lương, sĩ tốt có sắc đói; đội củi củi củi nấu, quân lính chẳng được no." Nay đường ở Tỉnh Hình, xe chẳng thể sóng đôi, quân kỵ không thể sắp hàng; đi mấy trăm dặm, lương thực của họ tất tụt lại phía sau. Xin túc hạ hãy cho ta ba vạn kỵ binh, theo lối tắt tuyệt đường xe truy trọng của chúng; túc hạ cứ lũy cao hào sâu chớ cùng chúng giao chiến. Bên kia tiến không được đánh, lui không thể về, ở ngoài đồng không cướp được gì, chẳng đến chục ngày mà đầu hai tướng có thể đặt dưới cò; không như thế tất bị hai người kia cầm bắt đấy.

Thành An quân thường tự xưng là binh nghĩa, không dùng mưu lừa kế lạ, nói:

- Binh của Hàn Tín ít lại mỗi một, quân như thế lại trốn tránh không đánh, thì chớ hầu cho là ta khiếp nhát mà coi thường đến đánh ta thôi.

Hàn Tín sai người đi dò xét, biết bên kia không dùng kế của Quảng Vũ quân, cả mừng, bèn dẫn quân đi thẳng xuống. Chưa đến cửa Tinh Hình, còn cách ba mươi dặm dừng lại nghỉ, nửa đêm truyền lệnh xuất phát, tuyển hai nghìn quân khinh kỵ, mỗi người cầm một lá cờ đỏ, đi theo đường tắt nấp dựa vào núi trông sang quân Triệu. Cáo giới quân lính rằng:

- Quân Triệu thấy ta chạy, tất bỏ trống lũy đuổi theo ta, các người tiến gấp vào lũy của Triệu, nhổ cờ của quân Triệu, dựng cờ đỏ của Hán.

Rồi lệnh sai tỳ tướng của mình cho quân ăn qua loa, nói:

- Hôm nay phá Triệu xong sẽ hội tiệc!

Chư tướng chẳng ai tin, giả vờ đáp: "Dạ." Tín nói:

- Quân Triệu đã chiếm trước chỗ tiện lợi lập lũy, và lại chúng chưa thấy cờ trống đại tướng bên ta nên chưa chịu tiến đánh, đây là chúng sợ ta đến chỗ hiểm trở rồi quay lại vậy.

Bèn sai vạn người đi tiên phong, tiến ra, dựa lưng vào sông bày trận, quân Triệu trông sang thấy thế cả cười.

Trời sáng rõ, Tín dựng cờ đại tướng, khua trống ra khỏi cửa Tinh Hình, quân Triệu mở lũy ra đánh, đại chiến hồi lâu. Bấy giờ Tín và Trương Nhĩ vờ vứt bỏ cờ trống, chạy đến chỗ đạo quân ở bờ sông. Quân ở bờ sông rẽ ra cho họ tiến vào, rồi lại đánh dữ dội. Quân Triệu quả nhiên bỏ trống lũy ra tranh cờ trống của Hán, đuổi theo Tín, Nhĩ. Tín và Nhĩ đã nhập vào đạo quân ở bờ sông, quân sĩ đều liêu tử chiến, không thể nào đánh bại được. Hai nghìn quân kỵ kỳ binh mà Tín đã cho đi lúc trước cùng ngóng khi quân Triệu để trống lũy đuổi theo đoạt lợi, liền ruổi nhanh vào lũy của Triệu, nhổ hết cờ xí của Triệu, dựng hai nghìn cờ đỏ của Hán. Quân Triệu đã không thể bắt được bọn Tín, muốn quay về lũy, thấy trong lũy đều là cờ đỏ của Hán, thì cả kinh, cho rằng quân Hán đã bắt được tướng của Triệu vương rồi, binh sĩ bèn loạn, trốn chạy, tướng Triệu dẫu chém họ, vẫn

không cấm được. Vì thế binh Hán giáp kích, đại phá quân Triệu, chém Thành An quân ở bờ sông Chi, cầm bắt Triệu vương Hiết.

Chư tướng báo công dâng lên thủ cấp và tù binh, đều chúc mừng, nhân đó hỏi Tín rằng:

- Binh pháp nói: "Bên phải sau lưng thì núi gò, trước mặt bên trái thì sông đầm." Nay thì tướng quân lệnh cho bọn ta quay lưng ra sông bày trận, nói rằng: "Phá Triệu xong sẽ hội tiệc", bọn ta không phục, nhưng rút cục lại thắng. Đây là thuật gì vậy?

Tín nói:

- Thuật ấy ở trong binh pháp, chỉ là các ông không xét kỹ đó thôi! Binh pháp chẳng nói: "Hãm vào đất chết rồi sau mới sống, dắt đến chỗ mất rồi sau mới còn" sao? Vả lại Tín này không có được các tướng sĩ từng được huấn luyện, dấy gọi là: "Xua người ngoài chợ mà đi đánh trận", tình thế ấy tất phải đặt họ vào đất chết, khiến người người phải tự vì mình chiến đấu. Nếu ta đặt họ vào chỗ đất sống, họ đều chạy cả, ta còn dùng họ được sao?

Chư tướng đều phục, nói:

- Hay, đây không phải là điều bọn ta theo được vậy.

Tín treo thưởng ai bắt được Quảng Vũ quân thì ban nghìn vàng. Có người trói Quảng Vũ quân đưa đến dưới cờ, Tín cỡi trói cho, đặt ngồi hướng đông, thờ làm thầy. Hỏi rằng:

- Kê hèn này muốn lên Bắc phạt nước Yên, sang Đông đánh nước Tề, làm thế nào để lập được công?

Quảng Vũ quân từ chối tạ rằng:

- Ta là giặc tù bại trận, sao đủ xét nặng nhẹ mưu bàn đại sự!

Tín nói:

- Kê hèn này nghe nói: Bách Lý Hề ở nước Ngưu thì nước Ngưu mất, ở nước Tần thì nước Tần làm bá,⁽¹⁾ đây không phải là ông

¹ Bách Lý Hề, đại phu nước Ngưu thời Xuân Thu. Ngưu công không dùng được kế, nước Ngưu mất. Tần Mục công tin dùng Bách Lý Hề, nước Tần làm bá Tây Nhung.

ấy ngu dốt ở nước Ngụ mà sáng suốt ở nước Tần vậy, đấy chỉ vì ông ấy được dùng hay không, được nghe hay không thôi. Ví như Thành An quân nghe theo kế của túc hạ, thì Tín này đã bị cầm bắt rồi, vì ông ấy không dùng mưu của túc hạ, cho nên Tín mới được hầu chuyện thôi. Nay kẻ hèn này một lòng theo kế sách, mong túc hạ chớ chối từ!

Quảng Vũ quân nói:

- Nay tướng quân lợi Tây Hà, cầm tù Ngụy vương, bắt sống Hạ Duyệt; sang đông hạ Tĩnh Hinh, chưa trọn buổi mà phá được hai mươi vạn quân, giết Thành An quân; danh vang hải nội, uy chấn thiên hạ, nông phu chẳng ai không nghỉ cấy ruộng cày, mặc đẹp ăn ngon, nghiêng tai để đợi mệnh, đấy là cái sở trường của tướng quân vậy. Thế nhưng quân nhọc lính mỏi, kỳ thực khó dùng. Nay tướng quân muốn cất số quân mới trú lâu dưới chân tòa thành vững nước Yên, muốn đánh không nổi, tấn công không hạ được, quân tình lộ, khí thế suy, dằng dai lâu ngày, lương thực cạn kiệt. Nước Yên đã chẳng phục, nước Tề tất cự giữ biên cảnh để tự cường. Yên, Tề và tướng quân cầm giữ nhau mà không hạ được, thì cán cân Lưu, Hạng chưa phân định, đấy là cái sở đoản của tướng quân vậy. Người giỏi dùng binh, không lấy sở đoản đánh sở trường mà lấy sở trường đánh sở đoản.

Hàn Tín nói:

- Như thế thì làm thế nào?

Quảng Vũ quân thưa rằng:

- Nay ta vì tướng quân tính kế, chẳng gì bằng xếp giáp nghi binh, trấn vỗ dân Triệu, người trong trăm dặm, trâu rượu đem đến hàng ngày, để thết sĩ đại phu. Phía bắc chặn đường sang Yên, rồi sau phái kẻ biện sĩ mang một phong thư, phôi lộ cái sở trường của mình với Yên, nước Yên tất chẳng dám không nghe theo. Nước Yên đã theo, ta lại về đông đến nước Tề, dẫu có kẻ

trí mưu, cũng chẳng biết giúp kế gì cho Tề rồi. Như thế, việc thiên hạ có thể tính được. Binh pháp có cái thuật tạo thanh thế trước rồi sau mới hành động thực, là như thế đấy!

Hàn Tín nói: "Hay!" Bèn theo kế sách, phái sứ giả đến nước Yên, nước Yên trông gió mà ngả theo. Tín phái sứ giả đến báo với Hán vương, nhân đó xin dùng Trương Nhĩ làm Triệu vương, Hán vương ưng cho. Nước Sở nhiều lần sai kỳ binh vượt Hoàng Hà đánh Triệu. Trương Nhĩ, Hàn Tín qua lại cứu Triệu, thừa thế bình định thành ấp nước Triệu, phát binh đến giúp Hán vương.

2. Ngày Giáp Tuất là ngày hối, có nhật thực.

3. Tháng mười một, ngày Quý Mão là ngày hối, có nhật thực.

4. Tùy Hà đến Cửu Giang, Thái tử Cửu Giang tiếp đãi Hà, ba ngày không được gặp Kinh BỐ. Tùy Hà nói với Thái tử rằng:

- Vương không gặp Hà, hẳn cho là Sở mạnh, Hán yếu vậy. Đây chính là lý do mà ta đi sứ. Ví như Hà này được gặp, lời nói ra mà đúng, thì đây là điều đại vương muốn nghe, lời nói ra mà sai, thì cứ khiến hai mươi người bọn Hà chịu búa rìu ở chợ Cửu Giang, đủ để tỏ rằng đại vương bội Hán mà theo giúp Sở vậy.

Thái tử bèn nói lời ấy với Cửu Giang vương.

Vương gặp Tùy Hà. Tùy Hà nói:

- Hán vương sai ta kính dâng thư lên cho đại vương xem, ta trộm thấy lạ là sao đại vương thân với Sở như vậy?

Cửu Giang vương nói:

- Quả nhân ngoảnh về bắc thờ Hạng vương như tôi thờ vua.

Tùy Hà nói:

- Đại vương và Hạng vương cùng hàng là chư hầu, ngoảnh mặt về bắc mà thờ ông ấy, hẳn vì cho rằng nước Sở mạnh, có thể đem nước mình ủy thác vậy. Hạng vương đánh Tề, thân vác ván đắp lũy, xông lên trước sĩ tốt. Đại vương đáng phải đem hết dân chúng của Cửu Giang đi, thân hành thống lĩnh họ, làm

tiên phong cho Sở, vậy mà chỉ phái bốn nghìn người để giúp Sở. Ngoảnh mặt về bắc thờ người, lại làm như thế sao? Lúc Hán vương vào Bành Thành, Hạng vương chưa ra khỏi nước Tề vậy. Đại vương đáng lý phải đem hết binh của Cửu Giang vượt sông Hoài, ngày đêm hội chiến dưới chân Bành Thành; đại vương cầm năm đạo quân vạn người, không một người nào vượt sông Hoài, ngồi chấp tay rũ áo quan sát xem ai thắng. Ủy thác nước mình cho người, lại làm như thế sao? Đại vương giữ cái danh sông hướng theo Sở mà tự gửi thân theo dựa, muốn được hậu đãi, ta trộm cho rằng cách của đại vương không khả thủ vậy! Nhưng đại vương sở dĩ không phản bội Sở, vì cho là Hán yếu. Có điều binh Sở dẫu mạnh, nhưng bị thiên hạ gán cho cái tiếng bất nghĩa, là bởi họ đã bội minh ước mà giết Nghĩa đế vậy. Hán vương thu hợp chư hầu, lui giữ Thành Cao, Huỳnh Dương, chuyển thóc từ Thục và Hán xuống, lũy cao hào sâu, chia binh tốt thủ giữ, tuần xét chỗ hiểm. Người Sở vào sâu nước địch tám, chín trăm dặm, người già kẻ yếu chuyển lương ngoài nghìn dặm. Quân Hán vững thành bất động, quân Sở tiến thì không đánh được, lui thì không thể thoát, cho nên nói binh Sở không đáng để cậy dựa vậy. Nếu Sở thắng Hán, thì chư hầu tự thấy nguy mà cứu nhau, cái mạnh của nước Sở, chỉ đáng để chiêu gọi quân thiên hạ đến đánh mình thôi. Thế nên Sở không bằng Hán, cái thế ấy dễ thấy vậy. Nay đại vương không giúp Hán vạn toàn mà tự thác vào Sở nguy vong, ta trộm cho là đại vương làm việc sai lầm! Ta không cho là binh của Cửu Giang đủ để diệt được Sở, đại vương phát binh mà bội Sở, Hạng vương tất lưu lại, chỉ chừng mấy tháng, Hán vương có thể lấy được toàn bộ thiên hạ. Ta xin cùng đại vương cầm kiếm mà quay về Hán, Hán vương tất cắt đất mà phong cho đại vương, hưởng chi Cửu Giang dĩ nhiên là sở hữu của đại vương rồi.

Cửu Giang vương nói:

- Xin phụng mệnh.

Bèn ngầm hứa phản Sở giúp Hán, nhưng chưa dám tiết lộ.

Sứ giả của Sở ở Cửu Giang, nghỉ trong truyền xá, đang gấp đốc Bồ phát binh. Tùy Hà đi thẳng vào, ngồi trên ghế sứ giả nước Sở, nói:

- Cửu Giang vương đã theo Hán, sao vì Sở phát binh được?

Bồ ngạc nhiên. Sứ giả nước Sở đứng dậy. Hà nhân đó khuyên Bồ rằng:

- Việc đã kết thành, nên giết ngay sứ giả nước Sở, không để hấn quay về, rồi mau chóng đến hợp lực với Hán.

Bồ nói:

- Xin như lời dạy bảo.

Vì thế giết sứ giả, liền đó khởi binh đánh Sở.

Nước Sở phái Hạng Thanh, Long Thư tiến đánh Cửu Giang, qua mấy tháng, Long Thư phá vỡ quân Cửu Giang. Bồ muốn dẫn binh chạy đến với Hán, sợ binh Sở giết, bèn đi lén với Tùy Hà cùng về với Hán vương. Tháng mười hai, Cửu Giang vương đến chỗ quân Hán. Hán vương đang ngồi xồm trên giường rửa chân, triệu Bồ vào gặp. Bồ cả giận, hối vì đã đến, muốn tự sát; nhưng lúc về đến nhà, màn trướng, đồ ăn uống, quan viên theo hầu đều như chỗ Hán vương ở, Bồ lại mừng rỡ vì được quá kỳ vọng. Vì thế bèn sai người về Cửu Giang. Bấy giờ Sở đã sai Hạng Bá thu binh của Cửu Giang, giết hết vợ con của Bồ. Sứ giả của Bồ tìm được nhiều người quen cũ và sủng thần của Bồ, đem mấy nghìn người quay về chỗ Hán vương. Hán vương thêm binh cho Cửu Giang vương, cùng đóng trại ở Thành Cao.

Quân Sở mấy lần xâm phạm cắt đứt đường đạo của Hán, quân Hán thiếu lương. Hán vương cùng Lịch Thực Kỳ mưu làm yếu thực lực của Sở. Thực Kỳ nói:

- Xưa kia vua Thang phạt Kiệt, phong con cháu vua Kiệt ở đất Kỳ, Vũ vương đánh Trụ, phong hậu duệ vua Trụ ở đất Tống. Nay nhà Tần vứt đức bỏ nghĩa, xâm phạt chư hầu, diệt

xã tắc của họ, khiến con cháu họ không tắc đất cấm dùi. Nếu Bệ hạ thực lập lại được con cháu sáu nước, thì vua tôi, trăm họ cả sáu nước hết thấy đều cảm ơn đức của Bệ hạ, chẳng ai không ứng gió mộ nghĩa, nguyện làm tôi thần. Đức nghĩa đã thi hành, Bệ hạ ngoảnh mặt về nam xưng bá, nước Sở tất phải khép vạt áo đến châu.

Hán vương nói:

- Hay! Nên mau khắc ấn, tiên sinh tiện dịp đi sứ đeo ấn theo luôn.

Thực Kỳ chưa đi, Trương Lương từ ngoài vào yết kiến. Hán vương đang ăn, nói:

- Từ Phòng⁽¹⁾, hãy lại đây! Có người khách bàn giúp ta kế bẻ gãy thực lực của nước Sở.

Bèn đem hết các lời của Lịch Sinh bảo với Lương rồi hỏi:

- Thế nào?

Lương nói:

- Ai giúp Bệ hạ vạch kế này? Sự nghiệp của Bệ hạ hỏng rồi!

Hán vương hỏi:

- Sao thế?

Lương đáp rằng:

- Thần xin mượn nắm đũa ở trước mặt, vì đại vương mà trừ tính: Xưa kia Thang, Vũ phong cho con cháu của Kiệt, Trụ⁽²⁾ là tính liệu rằng mình không chế được sự sống chết của bọn họ; nay Bệ hạ có thể không chế được tính mệnh của Hạng Tịch không? Đây là lý do thứ nhất không thể phong con cháu sáu nước vậy. Vũ vương vào đất Ân, biểu chương Thương Dung tại cổng làng, thả Cơ Tử ra khỏi tù, đắp đất tại mộ phần của Tỷ

¹ Trương Lương ((张良), tự Từ Phòng (子房).

² Vua Thành Thang diệt vua Kiệt nhà Hạ, phong con cháu vua Kiệt ở đất Kỷ. Chu Vũ vương diệt vua Trụ nhà Ân, phong dựng con cháu vua Trụ ở đất Tống.

Can;⁽¹⁾ nay Bệ hạ có thể làm điều đó không? Đây là lý do thứ hai không thể phong con cháu sáu nước vậy. Vũ vương phát thóc ở Cự Kiều, tung tiền ở Lộc Đài, cấp cho người cùng khổ;⁽²⁾ nay bệ hạ có thể làm như thế không? Đây là lý do thứ ba không thể phong cho con cháu sáu nước vậy. Diệt nhà Ân xong, Vũ vương đổi chiến xa thành xe kéo, cầm ngược giáo mác, tỏ ý với thiên hạ rằng không dùng binh nữa; nay Bệ hạ có thể làm như thế không? Đây là lý do thứ tư không thể phong cho con cháu sáu nước vậy. Vũ vương thả ngựa chiến ở phía nam Hoa Sơn, để tỏ ý không dùng đến ngựa; nay Bệ hạ có thể làm điều đó không? Đây là lý do thứ năm không thể phong cho con cháu sáu nước vậy. Vũ vương thả trâu ở phía bắc Đào Lâm, để tỏ ý không dùng trâu vào việc chuyển chở nữa; nay bệ hạ có thể làm thế không? Đây là lý do thứ sáu không thể phong cho con cháu sáu nước vậy. Kẻ du sĩ trong thiên hạ, bỏ thân thích của mình, lìa phần mộ cha ông, rời xa cố cựu, theo Bệ hạ ngược xuôi, chỉ ngày đêm mong có được một thước đất đai. Nay lập lại con cháu sáu nước, du sĩ thiên hạ đều quay về thờ chủ của mình, theo thân thích của mình, trở lại với cố cựu của mình, với phần mộ cha ông, Bệ hạ nhờ ai để lấy thiên hạ đây? Đây là lý do thứ bảy không thể phong cho con cháu sáu nước vậy. Và lại, hiện nay

¹ Thương Dung (商容) là quan phụ trách nhạc lễ của vua Trụ nhà Ân, từng quỳ nơi cửa cung can Trụ vương đừng làm việc ác, vua Trụ tức giận biếm chức đuổi về quê. Chu Vũ vương đánh thắng vua Trụ, tiến vào đất nhà Ân, treo cờ ở cửa làng để biểu dương cái trung hiền của Thương Dung.

Cơ Tử (箕子), tên Tư Dư (胥余), là chú của Trụ vương, làm quan Thái sư. Cơ Tử nhiều lần can ngăn Trụ vương, không được nghe theo, bắt đày, phát cuồng, gầy khúch đàn "Cơ Tử thào" để tỏ nỗi bi phần. Vua Trụ giận, bắt Cơ Tử giam vào ngục, biếm thành nô bộc. Vũ vương diệt vua Trụ, tha Cơ Tử ra khỏi ngục.

Tỷ Can (比干), chú của Trụ vương, là trung thần, nhiều lần can gián và chỉ trích vua Trụ. Trụ vương tức giận. Nghe nói trái tim của Tỷ Can có bảy lỗ, Trụ vương lệnh sai mổ bụng Tỷ Can lấy tim ra xem. Vũ vương diệt vua Trụ, sai đắp mộ phần của Tỷ Can để biểu trưng trung thần.

² Cự Kiều (巨桥), là kho thóc rất lớn do Trụ vương sai xây dựng. Lộc đài (鹿台), là một cái đài lớn, tích chứa rất nhiều tiền bạc, của cải. Sau khi Vũ vương đánh thắng vua Trụ, sai phát thóc ở Cự Kiều, tiền bạc ở Lộc đài phân phát cứu tế cho dân.

chỉ có nước Sở là lớn mạnh nhất, sáu nước được lập sẽ lại chịu khuất mà theo Sở, Bệ hạ sao bắt được họ thần phục mình? Đây là lý do thứ tám không thể phong cho con cháu sáu nước vậy. Nếu thực dùng mưu của khách, sự nghiệp của bệ hạ hỏng mất!

Hán vương dừng ăn, nhả cơm, mắng rằng:

- Thằng học trò hèn hạ, suýt nữa mày làm hỏng việc của ông.

Bèn ra lệnh tức tốc hủy ấn.

Tuân Duyệt luận rằng: Cái thuật lập kế sách quyết thắng, cốt yếu có ba điều: Thứ nhất là hình, thứ hai là thế, thứ ba là tình. Hình, là nói cái tính toán đại thể lẽ được mất vậy. Thế, là nói việc ứng phó tình huống, cơ hội tiến lui vậy. Tình, là nói cái tâm ý và chỉ hướng có phù hợp thực tế hay không. Cho nên kế sách giống nhau, sự việc tương đồng, nhưng công hiệu rất khác nhau, là do cách vận dụng ba thuật ấy không giống nhau vậy.

Lúc trước Trương Nhĩ, Trần Du khuyên Trần Thiệp khôi phục sáu nước, tự vun trồng bè đảng;⁽¹⁾ Lịch Sinh cũng khuyên Hán vương. Sở dĩ nói lời giống nhau mà lẽ được mất khác nhau, là vì lúc Trần Thiệp nổi dậy, thiên hạ đều muốn tiêu diệt nhà Tần; nhưng lúc Sở, Hán phân tranh còn chưa định thế cục, thiên hạ chưa hẳn đã muốn diệt họ Hạng. Cho nên lập lại sáu nước, với Trần Thiệp, đấy gọi là tự vun trồng bè đảng mà tăng thêm cường địch với nhà Tần; vả lại Trần Thiệp chưa thể độc chiếm đất đai thiên hạ, đấy gọi là lấy cái không phải sở hữu của mình đem cho người khác, thi hành cái ân hão mà thu được cái phúc thực. Lập lại sáu nước, với Hán vương, đấy gọi là cắt cái chỗ mình đã sở hữu làm vốn cho kẻ địch, trộm cái tiếng suông mà nhận cái họa thực. Đây là việc giống nhau mà hình khác nhau vậy.

Lúc Tống Nghĩa khuyên hãy đợi cho Tần, Triệu mệt mỏi, so với lời khuyên Biện Trang đâm hổ thì cũng giống vậy.⁽²⁾ Nếu thi hành ở

¹ Xem việc này ở Tần ký, quyển 2, sự kiện năm thứ nhất đời Tần Nhị thế, đoạn Trương Nhĩ, Trần Du khởi sự.

² Xem việc ở Tần ký, quyển 3, sự kiện năm thứ ba đời Tần Nhị thế, đoạn Tống Nghĩa cứu Triệu.

thời Chiến quốc, lân quốc tương tranh, không có cái gấp gáp tức thời, thì có thể được. Vì cục diện Chiến quốc xác lập đã lâu ngày rồi, một trận thắng bại vị tất đã quyết tồn vong vậy; cái thế của họ không phải là nguy cấp đến mức tiêu vong bởi nước địch, tiến phải dựa vào thuận lợi, lui có thể tự bảo toàn, cho nên có thể tích lực đợi thời, thừa lúc địch mệt mỏi, cái hình thế là như thế vậy. Nhưng cái lúc Sở, Triệu mới khởi sự, với nhà Tần thế chẳng cùng tồn tại, cái cơ an nguy, biến đổi trong khoảnh khắc, tiến thì thành công, lui thì chịu họa. Đây là việc giống nhau mà thế khác nhau vậy.

Chiến dịch phạt Triệu, quân của Hàn Tín đóng ở bờ sông Chi mà quân Triệu chẳng thể đánh bại được. Cái nạn ở Bành Thành, Hán vương tác chiến ở bờ sông Tuy, sĩ tốt đều chạy đến chỗ sông Tuy mà binh Sở đại thắng. Sao vậy? Triệu đem binh cả nước ra nghênh chiến quân Hán, thấy lợi liền tiến, biết khó thì lui, trong lòng vốn sẵn ý định, không ra sức quyết kế liều chết; Hàn Tín quân cô đóng ở bờ sông, sĩ tốt tất phải liều chết, không ai có ý hai lòng, đây là cái lý do mà Tín chiến thắng vậy. Hán vương xâm nhập nước địch, bày rượu đại hội, sĩ tốt an nhàn vui hưởng, ý chí đánh trận không vững; nước Sở có cái uy thế cường mạnh mà tan vỡ quốc đô, sĩ tốt đều có khí phản kích, gấp đến cứu vãn chỗ thua bại, quyết cái vận mệnh một sớm, đây là lý do quân Hán thua bại vậy. Và lại Hàn Tín tuyển tinh binh để giữ chắc trận địa, mà quân Triệu nhìn trước ngoái sau đi đánh họ; Hạng Vũ tuyển tinh binh phát động tấn công, còn Hán đem binh tốt nhón nhác để ứng phó. Đây là việc giống nhau mà tình khác nhau vậy.

Cho nên nói: Ứng biến quyền nghi chẳng thể dự sẵn, hình thế biến hóa chẳng thể liệu trước; tùy thời mà chuyển đổi, ứng việc mà biến hóa, đây là mấu chốt của việc bày đặt kế sách vậy.

Biện Trang tử (卞庄子), đại phu nước Lỗ thời Xuân Thu, có sức khỏe. Một lần đi săn, thấy hổ, muốn đâm. Đứa trẻ ở quán trọ nói: "Hai con hổ sắp ăn thịt con trâu, ăn ngon miệng sẽ tranh giành cắn lẫn nhau. Chúng đánh nhau thì con lớn bị thương, con nhỏ tắt chết. Nhắm con bị thương mà đâm, thì làm một việc được cả hai." Biện Trang tử nghe theo, quả nhiên thu được hai con hổ.

5. Hán vương hỏi Trần Bình rằng:

- Thiên hạ hỗn loạn, khi nào thì yên định đây?

Trần Bình nói:

- Bầy tôi của Hạng vương cứng đầu ngang ngạnh, thuộc hạ chẳng qua chỉ có mấy người là Á phụ, Chung Ly Muội, Long Thư và Chu Ân mà thôi. Đại vương nếu có thể vớt mấy vạn cân vàng, thì hành kế phản gián, ly gián quân thần bọn họ, khiến bọn họ nghi ngờ nhau. Hạng vương là người đa nghi, dễ tin lời gièm, họ tất giết lẫn nhau ở bên trong. Quân Hán nhân đó cất binh đến đánh, việc phá Sở nhất định xong.

Hán vương nói:

- Hay!

Bèn xuất ra bốn vạn cân vàng giao cho Bình, tùy ý thi hành, không hỏi đến việc chi dùng thế nào. Bình đem nhiều vàng bạc, tung phản gián vào trong quân Sở, rêu rao rằng: "Bọn Chung Ly Muội làm tướng của Hạng vương, công lao nhiều, nhưng rút cục không được cắt đất phong vương, muốn cùng Hán vương hợp làm một, để diệt họ Hạng mà chia đất nước Sở làm vương."

Hạng Vũ quả nhiên không tin bọn Chung Ly Muội nữa.

Mùa hạ, tháng tư, Sở vây Hán ở Huỳnh Dương, rất gấp. Hán vương xin hòa, cắt từ Huỳnh Dương về phía tây thuộc Hán. Á phụ khuyên Vũ đánh gấp Huỳnh Dương, Hán vương lo lắng. Hạng Vũ sai sứ giả đi sứ đến Hán, Trần Bình sai làm cỗ thái lao⁽¹⁾ đãi. Lúc đưa cỗ lên, thấy sứ giả nước Sở, lập tức giả vờ kinh ngạc nói:

- Ta tưởng sứ giả của Á phụ, hóa ra là sứ của Hạng vương!

Bèn sai đem cỗ đi, đổi cơm rau bày ra đãi sứ giả nước Sở. Sứ giả nước Sở quay về, báo lại đầy đủ với Hạng vương. Hạng vương quả nhiên nghi ngờ Á phụ.

¹ Thái lao (大牢), là cỗ sang trọng, trên mâm cỗ có ba thứ thịt là trâu, lợn và dê.

Á phụ muốn đánh gấp hạ thành Huỳnh Dương, Hạng vương không tin, không chịu nghe. Á phụ nghe tin Hạng vương nghi ngờ mình, bèn giận nói:

- Việc lớn thiên hạ định được rồi, quân vương tự làm lấy, xin cho ta mang nắm xương tàn về nhà!

Rồi về, chưa đến Bành Thành, nhọt ở lưng vỡ ra mà chết.

Tháng năm, tướng quân Kỷ Tín nói với Hán vương rằng:

- Việc gấp rồi! Thần xin lừa dối quân Sở, Vương nên theo đường nhỏ ra thành.

Vì thế Trần Bình nhân đêm tối cho hai nghìn đàn bà con gái ra cửa đông, quân Sở bốn mặt đánh họ. Kỷ Tín bèn ngồi lên xe của Vương, mái vàng, cấm cò tả đạo, nói:

- Lương thực hết, Hán vương ra hàng.

Quân Sở đều hô vạn tuế, đến cửa đông thành ngắm xem. Vì thế Hán vương cùng mấy chục tên quân kỵ ra cửa tây trốn đi, lệnh sai Hàn vương Tín cùng Chu Hà, Ngụy Báo, Tung Công giữ Huỳnh Dương.

Vũ thấy Kỷ Tín, hỏi:

- Hán vương ở đâu?

Kỷ Tín nói:

- Đã ra khỏi thành đi rồi.

Vũ bèn thiêu sống Tín.

Chu Hà, Tung Công bàn nhau rằng:

- Ông vua phản quốc, khó cùng giữ thành!

Bèn giết Ngụy Báo.⁽¹⁾

Hán vương ra khỏi Huỳnh Dương, đến Thành Cao, vào Hàm Cốc quan, thu nhật binh lính muốn lần nữa sang đông. Viên Sinh khuyên Hán vương rằng:

¹ Ngụy Báo lúc trước từng phản Hán vương, hai người sợ bị phản nên giết.

- Hán và Sở cự nhau ở Huỳnh Dương mấy năm, quân Hán thường bị nguy khốn. Xin quân vương hãy tiến ra Vũ Quan, Hạng Vũ nhất định dẫn binh xuôi nam đuổi theo. Vương cứ lũy cao hào sâu chớ ra đánh, để Huỳnh Dương và Thành Cao có thời gian nghỉ ngơi, rồi sai bọn Hàn Tín đi chiêu phủ vỗ yên đất Triệu ở phía bắc Hoàng Hà, liên kết các nước Yên, Tề, quân vương bấy giờ mới quay lại Huỳnh Dương. Như thế, quân Sở phải phòng nhiều mặt, thế lực chia, quân Hán được nghỉ ngơi, giao chiến lần nữa, phá Sở tất xong!

Hán vương theo kế ấy, xuất quân ra vùng Uyển, Diệp, cùng Kinh Bồ đi thu thập binh mã. Vũ nghe tin Hán vương tại đất Uyển, quả nhiên dẫn binh xuôi nam; Hán vương vững lũy không cùng Vũ giao chiến.

Lúc Hán vương bại ở Bành Thành, tan quân lui về tây, Bành Việt mất hết các thành trấn mà mình hạ được, một mình đem binh lên bắc đóng ở bờ sông Hoàng Hà, thường qua lại làm binh lưu động đánh Sở giúp Hán, cắt đường vận lương của Sở. Tháng ấy, Bành Việt vượt sông Tuy, cùng Hạng Thanh và Tiết Công giao chiến ở Hạ Bi, phá được, giết chết Tiết Công. Vũ bèn sai Chung Công thủ giữ Thành Cao, rồi tự sang đông đánh Bành Việt. Hán vương liền dẫn binh lên bắc, đánh phá Chung Công, lại đóng quân ở Thành Cao.

Tháng sáu, Vũ đã phá đuổi Bành Việt, nghe nói Hán vương lại đóng quân ở Thành Cao, bèn dẫn binh sang tây hạ thành Huỳnh Dương, bắt sống được Chu Hà. Vũ bảo Hà rằng:

- Giúp ta, ta sẽ cho ngươi làm Thượng tướng quân, phong ba vạn hộ.

Chu Hà mắng rằng:

- Mày không mau hàng Hán, chẳng mấy sẽ thành giặc tù thôi! Mày không phải là đối thủ của Hán vương vậy!

Vũ nấu chín Chu Hà, đồng thời giết Tung Công rồi bắt sống Hàn vương Tín, bèn vây Thành Cao. Hán vương bỏ trốn, một

mình cùng Đổng công chung xe ra cửa Ngọc Môn của Thành Cao, lên bắc vượt Hoàng Hà, nghỉ đêm tại truyền xá Tiểu Tu Vũ. Sáng sớm, xưng là sứ giả của nhà Hán, tiến vào lũy của quân Triệu. Trương Nhĩ, Hàn Tín còn chưa dậy, Hán vương vào chỗ nằm của hai người, đoạt lấy ấn phù để triệu tập chư tướng, hoán đổi vị trí của họ. Tín và Nhĩ thức dậy, mới biết là Hán vương đến, cả kinh.

Hán vương đã đoạt được quân của hai người, lập tức sai Trương Nhĩ đi tuần hành, phòng giữ đất Triệu. Bái Hàn Tín làm Tướng quốc, thu binh chưa điều phát của Triệu đi đánh Tề. Chư tướng dần thoát ra khỏi Thành Cao theo Hán vương. Quân Sở bèn hạ Thành Cao, muốn sang tây. Hán vương sai binh cự quân Sở ở huyện Củng, khiến quân Sở không sang được phía tây.

6. Mùa thu, tháng bảy, sao chổi xuất hiện ở chỗ sao Đại Giác.

7. Lâm Giang vương Cung Ngao hoẵng, con là Úy nổi tự.

8. Hán vương được quân của Hàn Tín, sĩ khí lại phấn chấn. Tháng tám, dẫn binh đến bờ sông Hoàng Hà, hướng về nam, đóng quân ở Tiểu Tu Vũ, muốn cùng quân Sở tái chiến. Lang trung Trịnh Trung khuyên ngăn Hán vương, nên hào cao lũy sâu chớ cùng giao chiến. Hán vương nghe kế ấy, sai tướng quân Lưu Giả, Lô Oản thống lĩnh hai vạn binh tốt, mấy trăm quân kỵ, vượt bến Bạch Mã, vào đất Sở, giúp Bành Việt, đốt chỗ tụ lương của Sở, phá cơ sở của họ, khiến họ không lấy gì để cấp quân lương cho Hạng vương. Binh Sở đánh Lưu Giả, Giả liền vững lũy không chịu giao chiến, rồi cùng Bành Việt bảo vệ lẫn nhau.

9. Bành Việt công đoạt đất Lương, hạ mười bảy thành của Tuy Dương, Ngoại Hoàng. Tháng chín, Hạng vương bảo Đại tư mã Tào Cữu rằng:

- Hãy giữ Thành Cao cẩn thận! Nếu Hán vương muốn khiêu chiến, chớ cùng hấn đánh nhau, cốt sao cho hấn không sang

được phía đông mà thôi. Trong mười lăm ngày ta tất định được đất Lương, lại về hợp binh với tướng quân.

Vũ dẫn binh về đông, đánh các thành của Trần Lưu, Ngoại Hoàng, Tuy Dương, đều hạ được.

Hán vương muốn bỏ Thành Cao lui về phía đông, đóng ở đất Củng, đất Lạc để cự quân Sở. Lịch Sinh nói:

- Ta nghe nói: "Biết thế nào là trời của trời, nghiệp vương mới có thể thành." Vua thì lấy dân chúng làm trời, còn dân chúng thì lấy cái ăn làm trời. Ngao Thương, là chỗ chuyển vận lương thóc của thiên hạ từ lâu rồi, ta nghe nói nơi ấy ở dưới đất cát giấu thóc lúa rất nhiều. Quân Sở hạ được Huỳnh Dương, không giữ chắc Ngao Thương, lại dẫn quân về đông, sai những kẻ tội nhân làm lính thú chia nhau giữ Thành Cao, đây thực là trời đem của giúp cho nhà Hán vậy. Hiện nay quân Sở dễ đánh, mà Hán lại lui về, là tự vứt cái chỗ tiện lợi của mình, ta trộm cho là sai rồi! Và lại hai kẻ mạnh không thể cùng đứng. Sở, Hán cầm giữ nhau lâu không quyết thắng phụ, thiên hạ nghiêng ngả, nông phu bỏ cày bừa, nữ tử bỏ khung cửi, lòng người thiên hạ chưa biết định về đâu vậy. Xin túc hạ lại gấp tiến binh, thu lấy Huỳnh Dương, chiếm thóc của Ngao Thương, chặn chỗ hiểm của Thành Cao, chặn con đường đi Thái Hàng, chiếm cửa ải Phí Hồ, giữ lấy bến Bạch Mã, để tỏ rõ với chư hầu cái thế không chế địa hình, thì thiên hạ biết được cái chỗ theo về rồi.

Vương theo lời, bèn lại mưu lấy Ngao Thương.

Thực Kỳ lại khuyên Vương rằng:

- Hiện nay đất Yên, đất Triệu đã định, duy nước Tề là chưa hạ được. Tông tộc các nhà họ Điền cường mạnh, dựa biển tựa núi, có sông Hà, sông Tế che chở, phía nam gần với nước Sở, người Tề hay quyền biến đối trá, túc hạ tuy phái mấy vạn binh sư đi, nhưng chưa thể trong vòng một năm hay mấy tháng mà phá được vậy. Ta xin được phụng minh chiếu đi thuyết phục

Tề vương, khiến nước Tề giúp Hán mà xưng làm phiên thuộc ở phía đông.

Hán vương nói: "Hay!"

Bèn sai Lịch Sinh đi thuyết Tề vương rằng:

- Vương có biết thiên hạ theo về ai chẳng?

Tề vương nói:

- Không biết! Thiên hạ theo về đâu?

Lịch Sinh nói:

- Theo về Hán!

Tề vương hỏi:

- Tiên sinh vì sao nói thế?

Lịch Sinh nói:

- Hán vương vào được Hàm Dương trước, Hạng vương phụ ước, phái Hán vương đến Hán Trung. Hạng vương lưu đầy giết Nghĩa đế, Hán vương nghe tin, khởi binh của đất Ba, đất Thục đánh Tam Tần, ra khỏi cửa quan tìm hỏi chỗ Nghĩa đế chết. Rồi thu binh của thiên hạ, lập con cháu của chư hầu, thành ấp nào hàng lập tức phong hầu cho các tướng, của cải thu được lập tức đem chia cho quân sĩ, cùng thiên hạ chung cái lợi, kẻ anh hào hiền tài đều vui vẻ chịu sai khiến. Hạng vương có cái tiếng là kẻ bội ước, phụ bạc giết Nghĩa đế, với người có công thì không nhớ đến, với kẻ có tội thì chẳng hề quên, đánh trận thắng mà không được thưởng, hạ được thành mà chẳng được phong, không phải họ Hạng thì chẳng được dùng, thiên hạ phản lại, hiền tài oán thán, nên chẳng ai chịu vì Hạng vương ra sức. Bởi thế đại nghiệp thiên hạ theo về với Hán vương, có thể ngồi mà tính được vậy! Hán vương phát binh Thục, Hán, định Tam Tần, lợi qua Tây Hà, phá tan Bắc Ngụy, ra ải Tinh Hình, giết Thành An quân, đấy không phải là sức người, mà là phúc trời vậy! Nay quân Hán đã chiếm được kho lương Ngao Thương, giữ cái

hiếm Thành Cao, lấy được bến Mạnh Tân, lấp đường núi Thái Hàng, chặn cửa ải Phi Hồ, thiên hạ ai quy phục sau sẽ mất trước vậy. Vương hãy mau theo Hán vương trước, nước Tề mới có thể được bảo toàn, không như thế, cái nguy vong có thể đứng mà đợi vậy!

Trước đây, Tề nghe nói Hàn Tín mới lĩnh binh sang đông, sai Hoa Vô Thương, Điền Giải đem trọng binh đóng ở Lịch Hạ, để ngăn chống quân Hán. Lúc đón nhận lời của Lịch Sinh, phái sứ cùng Hán cầu hòa, bèn bãi binh phòng thủ Lịch Hạ, cùng Lịch Sinh hàng ngày mặc sức uống rượu làm vui.

Tín dẫn quân sang đông, chưa vượt bến sông Bình Nguyên, nghe tin Lịch Thực Kỳ đã thuyết được nước Tề quy hàng, Tín muốn dừng. Biện sĩ Khoái Triệt khuyên Tín rằng:

- Tướng quân nhận chiếu đánh Tề, còn Hán vương chỉ mật sai sứ thuyết nước Tề, đâu có chiếu chỉ gì cho tướng quân, vì sao tướng quân lại dừng? Và lại Lịch Sinh, là một kẻ sĩ, chỉ nép dưới đòn xe ngựa ba tấc lưỡi, hạ được hơn bảy mươi thành của nước Tề; tướng quân đem mấy vạn bộ chúng, hơn năm mới hạ được hơn năm chục thành của nước Triệu. Làm tướng quân mấy năm, lại không bằng công của một gã nho sĩ sao?

Tín liền cho là đúng, bèn vượt Hoàng Hà.

Năm thứ tư (Mậu Tuất – TCN 203)

1. Mùa đông, tháng mười, Tín tập kích phá quân Tề ở Lịch Hạ, bèn tiến đến Lâm Truy, Tề vương cho là Lịch Sinh bán đứng mình, bèn nấu chín Lịch Sinh, rồi dẫn binh nhằm hướng đông chạy đến Cao Mật, sai sứ giả đến Sở xin cứu. Điền Hoàn trốn đến Bác Dương, Thủ tướng⁽¹⁾ Điền Quang chạy đến Thành Dương, Tướng quân Điền Ký đóng trú ở Giao Đông.

¹ Đại khái giống chức Tướng quốc, nhưng cai quản quận quốc hoặc nước chư hầu.

2. Đại tư mã nước Sở là Tào Cửu giữ Thành Cao, quân Hán mấy lần khiêu chiến, quân Sở không ra. Hán vương sai người nhục mạ, suốt mấy ngày liền, Cửu giận, lĩnh binh vượt sông Tỹ. Sĩ tốt qua được nửa chừng, binh Hán đến đánh, đại phá quân Sở, lấy hết được vàng ngọc, của cải của quân Sở, Cửu và Tư Mã Hân đều tự cắt cổ trên bờ sông Tỹ. Hán vương dẫn binh vượt Hoàng Hà, lại lấy được Thành Cao, đóng quân ở Quảng Vũ, dùng lương ở Ngao Thương.

Hạng Vũ hạ được hơn chục thành của đất Lương, nghe nói Thành Cao bị phá, bèn dẫn binh quay về. Quân Hán đang vây Chung Ly Muội ở phía đông Huỳnh Dương, nghe tin Vũ đến, trốn hết vào chỗ hiểm. Vũ cũng đóng quân ở Quảng Vũ, cùng quân Hán cầm giữ nhau. Qua mấy tháng, Quân Sở thiếu lương. Hạng vương lo lắng, bèn bày một cái thớt, đặt Thái công lên trên, sai người đến bảo với Hán vương rằng:

- Nay không mau hàng, ta nấu chín Thái công!

Hán vương nói:

- Ta và Vũ đều ngoảnh mặt về bắc thụ mệnh của Hoài vương, thề ước kết huynh đệ, cha ta tức là cha ngươi, nếu nhất định muốn nấu thịt cha, hãy chia cho ta một bát canh!

Hạng vương giận, muốn giết Thái công. Hạng Bá nói:

- Việc thiên hạ chưa thể biết được, vả lại người làm việc thiên hạ thì không nghĩ đến nhà, dẫu giết Thái công cũng vô ích, chỉ thêm họa thôi!

Hạng vương theo lời.

Hạng vương bảo Hán vương rằng:

- Thiên hạ sục sôi mấy năm nay, chỉ vì hai chúng ta thôi. Ta muốn cùng Hán vương giao chiến, quyết một trận thư hùng, không để cha con dân chúng trong thiên hạ khốn khổ vì chiến tranh vậy.

Hán vương cười tạ rằng:

- Ta thà đấu trí, không thêm đấu lực.

Hạng Vương ba lần sai tráng sĩ ra khiêu chiến. Hán vương có tên quân kỵ bắn giỏi là Lâu Phiên liên tục bắn chết họ. Hạng vương cả giận, bèn tự mặc giáp cầm kích khiêu chiến. Lâu Phiên muốn bắn Hạng vương, Hạng vương trợn mắt quát, Lâu Phiên mắt không dám nhìn, tay không dám bắn, bèn bỏ chạy vào lũy, không dám ra nữa. Hán vương sai người lên ra hỏi, mới biết đấy là Hạng vương, Hán vương cả sợ.

Bấy giờ Hạng vương và Hán vương đóng quân sát gần nhau, gặp nhau ở Quảng Vũ cách khe núi mà nói chuyện. Vũ muốn cùng Hán vương đơn thân đánh đấu. Hán vương kể tội Vũ rằng:

- Vũ bội ước, phong ta đến Thục, Hán làm vương, là một tội. Giả mệnh lệnh của vua giết Khanh tử quán quân, là hai tội. Cứu Triệu xong không quay về báo với vua, lại tự tiện bức binh chư hầu vào Quan Trung, là ba tội. Đốt cung thất nhà Tần, đào mả Thủy Hoàng để, thu của cải nhà Tần, là bốn tội. Giết vua Tần đã hàng là Tử Anh, là năm tội. Lừa dối chôn sống hai mươi vạn con em nhà Tần ở Tân An, là sáu tội. Lấy đất tốt phong cho chư tướng rồi đầy đuổi vua cũ của đất ấy, là bảy tội. Xua đuổi Nghĩa đế khỏi Bành Thành, tự đặt làm kinh đô của mình, đoạt đất của Hán vương, nuốt đất Lương, đất Sở, dành cho mình nhiều đất, là tám tội. Sai người ngầm giết Nghĩa đế ở Giang Nam, là chín tội. Chấp chính không công bằng, làm chủ ước bất tín, để thiên hạ không có chỗ dung, đại nghịch vô đạo, là mười tội. Ta đem binh nghĩa hợp chư hầu giết tên giặc tàn ác, sai bọn tội nhân chịu hình phạt đánh giết người, sao phải khổ nhục cùng người đánh đấu?

Vũ cả giận, dùng nỏ ngầm bắn trúng Hán vương. Hán vương bị thương ở ngực, lại sờ vào ngón chân nói:

- Thăng giặc bắn trúng ngón chân tao.

Hán vương bị thương nằm nghỉ. Trương Lương gắng xin Hán vương dậy đi úy lạo quân, để yên lòng sĩ tốt, không cho quân Sở thừa thắng. Hán vương ra trước hàng quân, bệnh thêm nặng, liền ruồi ngựa về Thành Cao.

3. Hàn Tín đã bình Lâm Truy, bèn theo hướng đông đuổi Tề vương. Hạng vương sai Long Thư thống lĩnh binh, xưng là có hai mươi vạn quân, đi cứu Tề, cùng Tề vương hợp quân tại Cao Mật.

Có người khách khuyên Long Thư rằng:

- Quân Hán đi đánh nơi xa, dốc sức chiến đấu, khí thế của họ chẳng nên đối địch. Hai quân Tề, Sở giao chiến ở đất mình, binh sĩ dễ trốn. Chẳng gì bằng hào sâu lũy cao, bảo Tề vương sai bày tôi tin cần đi chiêu phủ các thành đã mất, những nơi đó nghe tin vua vẫn còn, có quân Sở đến cứu, tất phản Hán. Binh Hán là khách trú ở đất Tề cách quê hai nghìn dặm, các thành của Tề đều phản họ, cái thế của họ không có lương ăn, có thể không đánh mà họ phải hàng vậy.

Long Thư nói:

- Ta bình sinh biết Hàn Tín là người thế nào, dễ đối phó thôi! Tín ăn chực của người đàn bà đập vãi trên sông, là không có kế sách tự nuôi thân; chịu nhục chui luồn dưới háng kẻ khác, là không có may mắn dũng khí;⁽¹⁾ chẳng đủ để sợ vậy. Và lại đi cứu Tề, không đánh mà chúng hàng, ta có công gì? Nay đánh mà thắng chúng, một nửa nước Tề có thể lấy được vậy.

Tháng mười một, liên quân Tề, Sở cùng binh Hán cách sông Duy mà bày trận. Hàn Tín ban đêm sai người làm hơn vạn cái túi, đổ đầy cát vào, đem lấp sông ở thượng lưu. Rồi dẫn quân qua sông nửa chừng đánh Long Thư, vò không thắng, quay lưng chạy về. Long Thư quả nhiên mừng nói:

¹ Xem việc nói về lai lịch của Hàn Tín ở Hán ký, quyển 1, sự kiện năm thứ nhất.

- Ta vốn biết Tín hèn nhát vậy!

Bèn truy đuổi Tín. Tín sai người dỡ các túi cát, nước lớn chảy ào đến, quân của Long Thu quá nửa không qua sông được. Tín cấp tốc đánh giết Long Thu, quân ở bờ đông sông Duy tan chạy, Tề vương Quảng bỏ trốn. Tín bèn truy đuổi bại binh đến Thành Dương, bắt sống Tề vương Quảng.

Tướng Hán là Quán Anh bắt sống Thủ tướng Điền Quang của nước Tề, tiến đến Bác Dương. Điền Hoàn nghe nói Tề vương chết, tự lập làm Tề vương, quay về đánh Anh, Anh đánh bại quân của Hoàn ở dưới thành huyện Doanh. Điền Hoàn trốn chạy đến đất Lương, hàng Bành Việt. Anh tiến đánh tướng Tề là Điền Hấp ở huyện Thiên Thừa, Tào Tham đánh Điền Ký ở Giao Đông, đều giết họ, bình định được hết đất Tề.

4. Lập Trương Nhĩ làm Triệu vương.

5. Hán vương khỏi bệnh, sang tây vào Quan Trung. Đến Lịch Dương, bêu đầu Tắc vương ngày trước là Hân trên cọc gỗ ở chợ Lịch Dương.⁽¹⁾ Lưu lại bốn ngày, rồi quay lại chỗ quân Hán, đóng trú ở Quảng Vũ.

6. Hàn Tín sai người nói với Hán vương rằng:

- Nước Tề trá nguy hay thay đổi, là cái nước phản phúc vậy; biên giới phía nam là nước Sở. Thần xin làm Giả vương⁽²⁾ để trấn vỗ nước Tề.

Hán vương mở thư xem, cả giận, mắng rằng:

- Ta đang nguy khốn ở chỗ này, sớm tối mong mày đến giúp ta, mà mày lại muốn tự lập làm vương!

Trương Lương, Trần Bình ngầm giăm vào chân Hán vương, nhân đấy ghé vào tai nói nhỏ rằng:

¹ Lúc trước Tư Mã Hân tự đâm cổ chết bên sông Tý. Nay Hán vương mới bêu đầu Tư Mã Hân ở chợ Lịch Dương.

² Tức vua giả (chỉ tạm thời coi việc).

- Hán đang bất lợi, há có thể cấm Tín tự xưng vương chẳng? Chi bằng nhân đây mà lập, đối đãi tốt, khiến Tín vì mình tự trấn vỗ nước Tề. Không như thế, tất sinh biến.

Hán vương cũng ngộ ra, nhân đây lại mắng rằng:

- Đại trượng phu bình định chư hầu tức là "vua thực" rồi, còn "vua giả" gì nữa!

Mùa xuân, tháng hai, phái Trương Lương đem ấn tín đi lập Hàn Tín làm Tề vương, trung binh của Tín đến đánh Sở.

7. Hạng vương nghe tin Long Thư chết, cả sợ, sai Vũ Thiệp người đất Hu Di qua khuyên Tề vương Tín rằng:

- Thiên hạ đều khổ vì nhà Tần đã lâu rồi, cùng nhau chung sức đánh Tần. Tần đã phá xong, tính công cắt đất, chia cương thổ làm vương, để sĩ tốt nghỉ ngơi. Nay Hán vương lại hưng binh sang đông, lấn phần của người, đoạt đất của người. Đã phá Tam Tần, dẫn binh ra Hàm Cốc quan, thu binh của chư hầu để sang đông đánh Sở, chí của hắn là chưa nuốt hết thiên hạ thì không chịu dừng, tham không biết chán như thế thực là quá vậy! Và lại Hán vương không nên tin hắn, bản thân rơi vào tay Hạng vương mấy lần rồi, Hạng vương thương hại mà cho sống, nhưng được thoát, liền bội ước, lại đánh Hạng vương, không thể thân gần tin tưởng cái người như thế. Nay túc hạ tuy tự cho rằng mình với Hán vương giao tình hậu, vì ông ta dốc sức dụng binh, nhưng rút cục tất bị ông ta bắt thôi. Túc hạ sở dĩ được kéo dài đến nay, là vì Hạng vương hãy còn vậy. Hiện nay việc thành bại của hai vương, mấu chốt là ở túc hạ, túc hạ ngoảnh đầu hướng về tây thì Hán vương thắng, ngoảnh đầu hướng về đông thì Hạng vương thắng. Hôm nay Hạng vương mất, thì kế tiếp là đến túc hạ. Túc hạ với Hạng vương là chỗ quen biết cũ, sao chẳng phản Hán cùng Sở liên hòa, chia ba thiên hạ làm vương một phần? Nay vứt bỏ thời cơ này mà tự quyết tâm theo Hán để đánh Sở, là bậc trí giả lại như thế sao?

Hàn Tín tạ rằng:

- Ta thờ Hạng vương, quan chức chẳng quá Lang trung, địa vị chẳng quá lính cầm kích đứng hầu, lời nói không được nghe, vạch kẻ chẳng được dùng, cho nên mới phản Sở theo Hán. Hán vương trao cho ta ấn Thượng tướng quân, giao cho ta mấy vạn binh, cởi áo cho ta mặc, nhường cơm cho ta ăn, nói thì nghe theo, bày kế thì được dùng, cho nên ta được đến thế này. Phàm là người ta rất mực thân gần tin cậy mình, mình lại bội phản là điều không lành, ta đâu chết không thay đổi! Xin ngài giúp Tín này tạ lỗi với Hạng vương.

Vũ Thiệp đi rồi, Khoái Triệt biết quyền quyết thiên hạ là ở Tín, bèn dùng thuật xem tướng người để thuyết Tín rằng:

- Kẻ hèn này coi mặt của tướng quân, bất quá chỉ phong hầu, lại nguy hiểm không yên; xem lưng của tướng quân, sang chẳng thể nói hết.

Hàn Tín nói:

- Vì sao nói thế?

Khoái Triệt nói:

- Lúc thiên hạ mới khởi sự, cái mối lo chỉ ở chỗ diệt nhà Tần mà thôi. Nay Sở, Hán phân tranh, khiến gan mật người thiên hạ phơi đầy đất, cha con phơi xương cốt ngoài đồng, chẳng thể tính xuể. Người Sở nổi lên ở Bành Thành, rồi đánh đuổi vòng quanh, thừa lợi cuốn chiếu, uy chấn thiên hạ, nhưng rồi binh khốn giữa miền Kinh, Sách, bị ngăn trở ở núi Tây chẳng thể tiến được, đến nay đã ba năm rồi. Hán vương thống lĩnh mấy chục vạn quân, giữ đất Cùng, Lạc, cây cái hiểm của núi sông, một ngày đánh mấy trận, không được thước tắc công lao, bị bẻ gãy đại bại, chẳng thể tự cứu. Đấy gọi là người trí kẻ dũng đều bị khốn vậy. Trăm họ cực kỳ mỏi mệt oán giận, không có chỗ để theo dựa. Cứ như ta tính, cái thế lúc này, nếu không có bậc hiền thánh trong thiên hạ thì cố nhiên không thể dẹp nổi mối họa

trong thiên hạ. Hiện nay tính mạng của hai vị quân chủ, đều treo dưới tay túc hạ, túc hạ theo Hán thì Hán thắng, giúp Sở thì Sở thắng. Nếu thực túc hạ nghe kể của ta, thì chẳng gì bằng làm lợi cho cả đôi bên khiến họ đều tồn tại, chia ba phần thiên hạ, dựng đỉnh mà giữ, trong tình thế ấy chẳng bên nào dám động binh trước. Dựa vào sự hiền thánh của túc hạ, có giáp sĩ đông, giữ nước Tề cường mạnh, hợp tung Yên, Triệu, tiến ra chỗ đất trống mà kiểm chế hậu phương của họ, thuận theo ý nguyện của dân, hướng sang tây cứu mệnh cho bách tính, thì thiên hạ theo gió mà hưởng ứng thôi, ai dám không nghe! Cắt đất của nước lớn, làm yếu thế nước mạnh để lập chư hầu, chư hầu đã lập, thiên hạ theo phục, lại quy đức về nước Tề. Giữ lấy cái vững của nước Tề, khống chế lưu vực của hai sông Giao, Tứ, cung kính chấp tay vái nhường, thì quân vương trong thiên hạ sẽ theo nhau mà triều cống với Tề rồi. Đại để ta nghe nói: "Trời cho mà không lấy, sẽ phải nhận điều xấu. Thời đến mà không làm, sẽ phải nhận tai ương." Xin túc hạ hãy nghĩ kỹ lời này!

Hàn Tín nói:

- Hán vương đãi ta rất hậu, ta há có thể tham lợi mà bội nghĩa sao?

Khoái Triệt nói:

- Ban đầu Thường Sơn vương và Thành An quân⁽¹⁾ đều là kẻ áo vải, cùng nhau kết giao tình thâm cố; sau cãi nhau vì chuyện Trương Yểm, Trần Trạch, Thường Sơn vương giết Thành An quân ở phía nam sông Chi, đầu vút một nơi chân rơi một néo. Hai người ấy giao tình với nhau, thân thiết nhất trong thiên hạ, nhưng rồi rút cục giết lẫn nhau. Sao vậy? Là vì họa sinh ra ở chỗ ham muốn nhiều mà lòng người thì khó lường vậy. Nay túc hạ muốn thi hành trung tín để giữ giao tình với Hán vương, tất chẳng thể vững chắc hơn mối thân thiết của hai người kia

¹ Túc Trương Nhĩ và Trần Dư vậy.

vậy, mà làm việc to lớn hơn chuyện Trương Yểm và Trần Trạch, thế nên ta cho rằng nếu túc hạ tin Hán vương tất sẽ không hại mình, là rất sai lầm! Xưa Đại phu Chung bảo tồn cái nước Việt đã mất, dựng nghiệp bá cho Câu Tiễn, lập công thành danh mà thân vong, đã thú hết thì chó săn bị nấu. Lấy việc kết giao bằng hữu mà nói, thì giao tình của túc hạ với Hán vương không bằng được Trương Nhĩ đối với Thành An quân. Lấy sự trung tín mà nói, thì cái trung tín của túc hạ chẳng hơn được Đại phu Chung đối với Câu Tiễn vậy. Hai điều trên là đủ để xem xét rồi, xin túc hạ hãy nghĩ kỹ việc đó! Và lại, ta nghe nói "dũng mưu lẫn chủ thì nguy thân, công trù thiên hạ thì khó thưởng". Nay túc hạ mang cái uy lẫn chủ, ôm cái công khó thưởng, theo Sở thì người Sở không tin, về Hán thì người Hán hoảng sợ. Túc hạ muốn mang cái uy thế và công lao ấy về đâu để an thân?

Hàn Tín tạ rằng:

- Tiên sinh hãy về nghỉ thôi, ta sẽ nghĩ kỹ việc này.

Mấy ngày sau, Khoái Triệt lại khuyên rằng:

- Khéo nghe xét, là để dự tính việc, khéo tính kế, là mấu chốt của việc làm. Nghe sai tính lỗi mà được yên ổn lâu là việc ít có rồi! Cho nên hiểu biết, thì quyết đoán; ngờ vực, thì hại việc vậy. Xét kỹ cái kế mòn mòn, thì bỏ sót vận lớn thiên hạ, trí đủ dự biết việc, quyết mà chẳng dám làm, là họa cho trăm việc vậy. Đại để công nghiệp thì khó thành mà dễ bại, thời cơ thì khó được mà dễ mất. Thời cơ đến, chẳng có hai lần!

Hàn Tín do dự, chẳng nỡ bội Hán, lại tự cho là mình công nhiều, Hán rút cục chẳng đoạt đất Tề của mình, bèn tạ lỗi với Khoái Triệt. Triệt vì thế bỏ đi, vò diên làm thầy đồng.

8. Mùa thu, tháng bảy, lập Kinh Bổ làm Hoài Nam vương.

9. Tháng tám, tộc người Mạch và người Yển phương bắc phái quân kêu kỵ trợ giúp quân Hán.

10. Hán vương xuống lệnh: "Quân sĩ chẳng may bị chết, quan lại phải dùng áo quan khâm liệm, chuyển người chết về nhà họ." Người bốn phương vì thế dốc lòng theo về.

11. Năm ấy, lấy Trung úy Chu Xương làm Ngự sử đại phu. Xương, là em họ của Chu Hà vậy.

12. Hạng Vũ tự biết mình thiếu viện trợ, lương thực hết, Hàn Tín lại tiến binh đánh Sở, Vũ lo lắng. Hán vương phái Hầu công thuyết Vũ xin Thái công về. Vũ bèn cùng Hán ước hẹn, chia đôi thiên hạ, cắt từ Hồng Câu sang tây thuộc về Hán, từ Hồng Câu sang đông thuộc về Sở.

Tháng chín, Sở trả Thái công và Lã hậu về Hán, giải tán thế trận rồi dẫn binh về hướng đông. Hán vương muốn quay về phương tây, Trương Lương, Trần Bình khuyên rằng:

- Hán đã có quá nửa thiên hạ, chư hầu đều theo dựa. Binh Sở mỏi mệt, lương thực hết, đây là lúc trời làm mất nước Sở vậy. Nay thả họ mà không đánh, đây gọi là: "Dưỡng hổ tự di họa" vậy!

Hán vương theo lời ấy.

HÁN KỶ

[QUYỂN THỨ BA]



THÁI TỔ CAO HOÀNG ĐẾ

Năm thứ năm (Kỷ Hợi – TCN 202)

1. Mùa đông, tháng mười, Hán vương truy kích Hạng Vũ đến Cỗ Lăng, hẹn Tề vương Tín và Ngụy tướng quốc Bành Việt cùng hội binh đánh Sở. Tín, Việt không đến, quân Sở đánh quân Hán, đại phá binh Hán. Hán vương lại vững lũy cố thủ, bảo Trương Lương rằng:

- Chư hầu không theo, phải làm sao?

Lương thưa rằng:

- Binh Sở sắp vỡ, nhưng hai người ấy chưa được phong đất, họ không đến là đương nhiên. Quân vương nếu có thể cùng họ chia thiên hạ, thì gọi họ đến được ngay. Tề vương Tín được lập, không phải là ý của quân vương, Tín cũng chẳng tự gắng sức. Bành Việt vốn định được đất Lương, ban đầu, quân vương vì Ngụy Báo nên phong Việt làm Tướng quốc nước Ngụy, giờ Báo đã chết, Việt cũng muốn xưng vương, vậy mà quân vương chẳng sớm quyết định. Nay có thể lấy đất từ Tuy Dương lên bắc đến Cốc Thành phong vương cho Bành Việt, lấy từ đất Trần sang đông đến biển, phong cho Hàn vương Tín⁽¹⁾. Nhà Tín ở đất Sở, ý

⁽¹⁾ Ở đây có lẽ nguyên tác chép nhầm, đúng ra phải là Tề vương Tín.

của hán muốn về lại ấp cũ. Nếu đem các chỗ đất ấy hứa cấp cho hai người, khiến họ đều tự chiến đấu, thì quân Sở dễ phá vỡ.

Hán vương theo lời. Vì thế Hàn Tín, Bành Việt đều dẫn binh đến.

Tháng mười một, Lưu Giả xuôi nam vượt sông Hoài, vây Thọ Xuân, phái người dụ Đại tư mã của nước Sở là Chu Ân. Ân phản Sở, đem quân huyện Thư làm cỏ đất Lục, điều phát binh cả quận Cửu Giang nghênh đón Kinh Bố, cùng đi làm cỏ Thành Phụ, theo Lưu Giả cùng hội quân.

Tháng mười hai, Hạng vương đến Cai Hạ, binh ít, lương hết, cùng quân Hán giao chiến không thắng, lui vào lũy, quân Hán và binh chư hầu vây kín mấy vòng. Ban đêm, Hạng vương nghe quân Hán khắp bốn mặt đều ca giọng nước Sở, bèn cả kinh nói:

- Quân Hán đã lấy được đất Sở chẳng? Sao người nước Sở đông như vậy!

Liên đang đêm thức dậy, uống rượu ở trong trướng, kháng khái hát khúc bi ai, lệ rơi mấy hàng, tả hữu đều khóc, chẳng ai nỡ ngẩng lên nhìn. Bấy giờ Hạng vương cười con tuấn mã tên Chuy⁽¹⁾, tráng sĩ cưỡi ngựa dưới cờ hơn tám trăm người, giữa đêm, phá vỡ vòng vây ở phía nam xông ra ruổi ngựa chạy. Trời sáng rõ, quân Hán phát giác ra, sai tướng quân kỵ là Quán Anh đem năm nghìn quân kỵ truy đuổi. Hạng vương vượt sông Hoài, quân kỵ theo kịp còn có hơn trăm người. Đến Âm Lăng, đi lạc đường, hỏi một lão nông, lão nông nói dối rằng:

- Đi về bên tả.

Hạng vương bèn đi về phía tả, bị hãm trong đầm lầy, cho nên quân của Hán vương mới đuổi kịp.

Hạng vương lại dẫn binh về hướng đông, đến Đông Thành, chỉ còn có hai mươi tám quân kỵ. Quân kỵ của Hán đuổi theo

¹ Chuy (驄), là ngựa lông trắng pha sắc xanh đen, một giống ngựa quý, chạy rất khỏe.

mấy nghìn. Hạng vương tự liệu chẳng thoát được, bảo quân kỵ của mình rằng:

- Từ khi ta khởi binh đến nay, đã tám năm rồi, thân trải hơn bảy mươi trận chiến, chưa từng thua bại bỏ chạy, nên làm bá thiên hạ. Nhưng hôm nay rút cục bị khốn ở chỗ này, đây là trời diệt ta, không phải cái tội ta đánh kém vậy! Hôm nay ta gắng quyết tử, nguyện vì các người đánh một trận thật thống khoái, nhất định phải phá vỡ vòng vây, chém tướng, chặt cò, thắng ba lần, để các người biết rằng đây là trời diệt ta, không phải cái tội ta đánh kém vậy.

Bèn chia quân kỵ của mình thành bốn đội, quay bốn hướng. Quân Hán vây Hạng vương mấy vòng. Hạng vương bảo quân kỵ của mình rằng:

- Ta vì các người giết một tên tướng của bên kia!

Bèn lệnh cho kỵ sỹ lao xuống bốn phía, hẹn qua phía đông núi tập hợp làm ba nơi. Thế rồi Hạng vương thét lớn phi ngựa xuống, quân Hán đều chạy dạt, bèn chém một viên tướng Hán. Bấy giờ, Lang trung kỵ là Dương Hỉ truy đuổi Hạng vương, Hạng vương trợn mắt quát hấn, Hỉ cả người lẫn ngựa đều kinh hãi, chạy lui liền mấy dặm. Hạng vương cùng quân kỵ hội ở ba chỗ, quân Hán không biết Hạng vương ở đâu, bèn chia quân làm ba, lại vây kín. Hạng vương bèn phi ngựa, lại chém một viên Đô úy, giết mấy trăm người, rồi tụ họp kỵ binh của mình, chỉ mất có hai quân kỵ thôi. Bèn hỏi quân kỵ của mình rằng:

- Thế nào?

Quân kỵ đều rạp xuống thưa:

- Đúng như lời đại vương!

Bấy giờ Hạng vương muốn sang đông vượt Ô Giang. Đình trưởng Ô Giang dừng thuyền đội, bảo Hạng vương rằng:

- Giang Đông tuy nhỏ, đất vuông nghìn dặm, dân mấy chục vạn, cũng đủ làm vương vậy. Xin đại vương mau chóng vượt

sông! Nay chỉ một mình thần có thuyền, quân Hán đến, không có cách gì qua sông.

Hạng vương cười nói:

- Trời diệt ta, ta vượt sông làm gì! Và lại Tịch này cùng tám nghìn con em Giang Đông vượt sông Giang sang tây, nay không có lấy một người trở về! Ví thử các bậc cha anh ở Giang Đông thương mà cho ta làm vương, ta còn mặt mũi nào gặp họ. Dầu họ không nói, Tịch này há chẳng then với lòng mình sao?

Bèn đem con ngựa Chuy mà mình cưỡi ban cho Đình trường, lệnh sai kỵ binh đều xuống ngựa đi bộ, cầm binh khí ngăn tiếp chiến. Một mình Tịch giết chết mấy trăm quân Hán, thân cũng bị hơn mười vết thương. Ngoảnh sang thấy Kỵ tư mã của Hán là Lã Mã Đồng, bèn nói:

- Người chẳng phải là người quen cũ của ta sao?

Mã Đồng đối mặt nhìn, chỉ tay bảo Trung lang kỵ Vương Ế rằng:

- Người này là Hạng vương vậy.

Hạng vương bèn nói:

- Ta nghe nói Hán vương treo thưởng đầu ta nghìn vàng, ấp phong vạn hộ. Ta ban ân cho người.

Bèn tự đâm cổ mà chết. Vương Ế lấy đầu, các kỵ binh còn lại giày xéo lên nhau giành lấy thầy Hạng vương, giết nhau đến mấy chục người. Sau cùng, Dương Hi, Lã Mã Đồng và Lang trung Lã Thắng, Dương Vũ đều lấy được một phần thân thể. Năm người cùng hợp thi thể, khớp đúng, cho nên chia số hộ ấp, phong năm người đều làm Liệt hầu.⁽¹⁾

Đất Sở định được hết, duy có đất Lỗ không hàng. Hán vương dẫn binh thiên hạ đến muốn diệt sạch dân Lỗ. Đến dưới thành,

¹ Theo *Hán thư*: Lã Mã Đồng làm Trung Thủy hầu, Vương Ế làm Đồ Diễn hầu, Dương Hi làm Phong Xích Tuyên hầu, Dương Vũ làm Ngô Phòng hầu, Lã Thắng làm Niết Dương hầu.

vẫn nghe thấy tiếng đàn và thanh âm tụng đọc. Vì Lỗ là nước giữ lễ nghĩa, dân vì chủ tử tiết, Hán vương bèn đem đầu Hạng vương cho các bậc phụ huynh đất Lỗ xem, đất Lỗ mới hàng. Hán vương dùng lễ Lỗ công táng Hạng vương ở Cốc Thành, đích thân phát tang cử ai, khóc Hạng vương mà đi. Những người trong gia thuộc họ Hạng đều không giết. Phong bốn người bọn Hạng Bá đều làm Liệt hầu, ban cho họ Lưu, các dân chúng bị bắt cướp đến nước Sở trước đây đều quy thuộc về bọn họ.

Thái sử công nói: Hạng Vũ nổi lên giữa nơi thảo dã, trong vòng ba năm, thống suất năm nước chư hầu⁽¹⁾ diệt Tần, phân cắt thiên hạ mà phong vương hầu, chính lệnh do Vũ xuất ra, địa vị tuy không trọn vẹn, nhưng từ thời cận cổ đến nay chưa từng có ai được như thế vậy! Đến lúc Vũ bội ước Quan Trung nghĩ nhớ đất Sở,⁽²⁾ đuổi Nghĩa đế mà tự lập, lại trách vương hầu phản mình, thực rất không thông rồi! Tự khoe khoang cái công chinh phạt, phát huy cái trí của riêng mình mà chẳng chịu bắt chước người xưa, cho rằng công nghiệp bá vương, có thể dùng vũ lực để trị lý. Sau năm năm, rút cục đánh mất cái nước của mình, thân chết ở Đông Thành, vẫn còn không tỉnh ngộ, chẳng tự trách mình, lại còn nói "Trời diệt ta, không phải cái tội ta đánh kém", há chẳng sai lầm sao?

Sách Pháp ngôn của Dương tử viết: Có người hỏi ta: "Sở vương binh bại tại Cai Hạ, lúc sắp chết, nói: 'Là trời diệt ta!' Có tin được chăng?" Ta đáp rằng: "Hán vương phát huy được hết kế mưu của quần thần, quần thần phát huy được hết sức lực của mọi người. Sở vương ghét bỏ kế sách của quần thần mà tự phát huy cái sức lực của mình. Phát huy hết cái trí lực của mọi người thì thắng, chỉ dựa vào cái trí lực của bản thân mình thì bại. Trời có can hệ gì đâu!"

2. Hán vương quay về, đến Định Đào, ruổi ngựa vào lũy của Tề vương Tín, đoạt lấy quân của Tín.

¹ Năm nước chư hầu ở đây là Tề, Triệu, Hàn, Ngụy, Yên vậy.

² Đây là bội ước không phong Lưu Bang làm vua Quan Trung vậy. Nghĩ nhớ đất Sở tức là bỏ Quan Trung quay về Bành Thành vậy.

3. Lâm Giang vương Cung Úy không hàng, Hán vương phái Lô Oản, Lưu Giả đánh bắt sống Cung Úy.

4. Mùa xuân, tháng giêng, đổi lập Tề vương Tín làm Sở vương, làm vua Hoài Bắc, đóng đô ở Hạ Bi. Phong Tướng quốc nước Ngụy là Kiến Thành hầu Bành Việt làm Lương vương, làm vua đất cũ của nước Ngụy, đóng đô ở Định Đào.

5. Hán vương xuống lệnh rằng:

"Bình không được nghỉ đã tám năm rồi, muôn dân rất khổ sở. Nay việc thiên hạ đã xong hết, tù phạm khắp thiên hạ trừ những kẻ đã bị phán quyết tội chém đều được xá miễn."

6. Các vương chư hầu đều dâng sớ xin suy tôn Hán vương làm Hoàng đế. Tháng hai, ngày Giáp Ngọ, Vương lên ngôi Hoàng đế ở phía bắc sông Phiếm. Đổi ngôi Vương hậu thành Hoàng hậu, Thái tử thành Hoàng thái tử; truy tôn người mẹ đã chết của mình làm Chiêu Linh phu nhân.

Hạ chiếu rằng:

"Hành Sơn vương lúc trước là Ngô Nhuế, lĩnh binh Bách Việt, phù tá chư hầu, tru diệt nhà Tần tàn bạo, có công lớn, chư hầu lập làm Vương. Hạng Vũ xâm đoạt đất phong của Nhuế, gọi Nhuế là Phiến quân. Nay lấy Nhuế làm Trường Sa vương."

Lại viết:

"Việt vương lúc trước là Vô Chư, nối đời thờ phụng tế tự tổ tông nước Việt, nhà Tần xâm đoạt đất của Vô Chư, khiến xã tắc nước Việt không được hưởng huyết thực. Chư hầu phạt Tần, Vô Chư tự thân thống suất binh vùng Mân Trung để giúp diệt Tần, Hạng Vũ phế đi mà không lập. Nay lấy Vô Chư làm Mân Việt vương, làm vua đất Mân Trung."

7. Đế sang tây đóng đô ở Lạc Dương.

8. Mùa hạ, tháng năm, binh sĩ đều giải tán quay về quê.

9. Đế hạ chiếu rằng:

"Dân chúng trước đây có kẻ tự nhau giữ chỗ núi đầm, không được biên chép vào sổ hộ tịch. Nay thiên hạ đã định, lệnh cho mọi người đều tự quay về các huyện của mình, cho khôi phục tước cũ, ruộng đất; quan lại chiếu theo nghĩa pháp luật để giáo huấn, biện nghĩa lý hiểu dụ bọn họ, không được dùng roi vũ nhục binh tốt trong quân; người có tước vị từ Thất đại phu trở lên, đều cho hưởng thực ấp,⁽¹⁾ tước vị bên dưới hạng Thất đại phu, đều được miễn thuế thân và thuế hộ, không phải làm sai dịch."

10. Đế bày tiệc rượu ở phía nam cung Lạc Dương, nói:

- Triệt hầu⁽²⁾, chư tướng không nên giấu trăm, đều phải nói tình thực: Ta sở dĩ lấy được thiên hạ là vì sao? Họ Hạng vì lý do gì đánh mất thiên hạ?

Cao Khởi, Vương Lăng đáp rằng:

- Bệ hạ sai người đánh thành cướp đất, đánh được thành, lấy được đất, liền đem nơi ấy cấp cho họ, cùng người thiên hạ chung cái lợi. Hạng Vũ thì không như thế, ai có công thì làm hại họ, ai hiền năng thì nghi ngờ họ, đấy là lý do mà họ Hạng đánh mất thiên hạ vậy.

Chúa thượng nói:

- Các ngươi chỉ biết một mà chưa biết đến hai. Phàm là vận trù kế sách trong màn trướng, quyết thắng ngoài ngàn dặm, ta không bằng được Tử Phòng. Trấn giữ quốc gia, vỗ về trăm họ, cấp vận lương thảo không dứt, ta không bằng được Tiêu Hà. Thống suất trăm vạn quân, hễ đánh tất thắng, tiến tất lấy được, ta không bằng được Hàn Tín. Ba người này đều là bậc nhân kiệt, ta có tài dùng họ, đấy là lý do mà ta lấy được thiên hạ vậy.

¹ Phép chế nhà Tần quy định, chỉ từ hạng Liệt hầu trở lên mới được hưởng thực ấp. Nay quy định từ hạng Thất đại phu (bậc bảy, Công đại phu) được hưởng thực ấp.

² Triệt hầu (徹侯), là Thông hầu (通侯) vậy, ý nói công đức thông đến vương thất. Về sau tránh húy của Hán Vũ đế (Lưu Triệt) nên đổi chữ triệt (徹), thành chữ thông (通), cũng gọi là Liệt hầu (列侯).

Hạng Vũ có một Phạm Tăng mà chẳng dùng được, đây là cái lý do ta bắt được hần vậy.

Quần thần thành tâm chịu phục.

Hàn Tín đến đất Sở, triệu người đàn bà đập vải cho mình ăn lúc trước, ban cho nghìn vàng. Lại triệu gã trai trẻ từng bắt mình luồn qua hàng,⁽¹⁾ dùng hần làm Trung úy. Rồi bảo với chư tướng rằng:

- Người này là tráng sĩ vậy. Đang lúc hần làm nhục ta, ta há không giết được hần sao? Nhưng giết hần thì không có danh nghĩa gì, cho nên ta nhẫn nhịn, nhờ đó mới có lúc này.

11. Bành Việt đã nhận thụ phong của Hán, Điền Hoành sợ bị giết,⁽²⁾ cùng năm trăm thuộc hạ của mình trốn ra bể, ở trong đảo. Để cho là anh em Điền Hoành vốn từng bình định đất Tề, người hiền nước Tề đa phần theo phục họ, nay ở bể khơi, không chiêu phủ, e rằng sau thành loạn. Bèn sai sứ giả xá tội cho Hoành, triệu Hoành đến. Hoành tạ rằng:

- Thần nấu chín sứ giả của Bệ hạ là Lịch Sinh,⁽³⁾ nay nghe nói em của Sinh là Thương làm tướng nhà Hán, thần lo sợ, chẳng dám phụng chiếu, xin được làm kẻ thường dân, ở lại giữ đảo giữa biển.

Sứ giả quay về báo, Đế bèn hạ chiếu cho Vệ úy Lịch Thương rằng:

"Tề vương Điền Hoành sắp đến, ai dám động đến nhân mã đi theo Hoành, lập tức bị giết sạch gia tộc!"

¹ Xem việc nói về lai lịch của Hàn Tín ở Hán ký, quyển 1, sự kiện năm thứ nhất đời Hán Cao tổ.

² Nước Tề giết sứ nhà Hán là Lịch Sinh (xem sự kiện năm thứ tư đời Hán Cao tổ), Điền Hoành tự lập làm vua nước Tề, chống lại Quán Anh (tướng của Hán vương), sau đó thua, theo hàng Bành Việt. Bây giờ Bành Việt hợp tác với Hán chống Sở, đến bây giờ, Bành Việt nhận thụ phong của nhà Hán, phải theo lệnh vua Hán, vì thế Điền Hoành sợ vua Hán sai Bành Việt bắt tội mình, bèn bỏ trốn.

³ Xem việc này ở Hán ký, quyển 2, sự kiện năm thứ tư đời Hán Cao tổ.

Tiếp đó lại sai sứ giả cầm phù tiết đem lời chiếu lệnh của Đế với Lịch Thương báo hết với Hoành, nói:

- Điền Hoành về, cao thì được phong vương, thấp phải được phong hầu, nếu không về, sẽ phát binh giết cả nhà.

Hoành bèn cùng hai người khách lên xe dịch trạm đến Lạc Dương. Cách Lạc Dương chưa đến ba mươi dặm, đến trạm đổi ngựa Thi Hương. Hoành tạ sứ giả rằng:

- Kẻ nhân thần gặp thiên tử, phải tắm gội sạch sẽ.

Liền dừng lại, bảo người khách của mình rằng:

- Hoành này ban đầu cùng Hán vương đều ngoảnh mặt về nam xưng Cô. Nay Hán vương làm Thiên tử, còn Hoành thành người tù vong quốc, ngoảnh mặt về bắc thờ ông ấy, đây vốn là điều cực kỳ nhục nhã rồi. Huống chi ta từng nấu chín anh của kẻ khác, lại cùng kẻ đó phụng thờ quân chủ. Dẫu người kia sợ chiếu lệnh của Thiên tử không dám hành động, riêng ta há chẳng thẹn với lòng mình sao! Và lại Bệ hạ sở dĩ muốn gặp ta, chẳng qua là muốn thấy diện mạo của ta thôi. Nay hãy chém đầu ta, ruồi ngựa trong vòng ba mươi dặm, thần thái dung mạo còn chưa thay đổi, vẫn có thể xem được.

Bèn tự dùng dao cắt cổ, cho khách đem đầu mình dâng lên, theo sứ giả ruồi ngựa về tấu báo. Đế nói:

- Than ôi! Nổi lên từ hạng áo vải, anh em ba người thay nhau làm Vương, há chẳng hiền sao!

Đế vì Hoành rơi nước mắt, rồi bái hai người khách làm Ky đô úy, phát hai nghìn binh tốt, dùng vương lễ an táng Hoành. Táng xong, hai người khách đào sẵn hai cái hố bên cạnh mộ của Hoành, đều tự cắt cổ mình, ngã xuống hố ấy. Đế nghe tin, cả kinh, cho là khách của Hoành đều hiền, còn lại năm trăm người ở trên đảo, lại sai sứ đến triệu họ. Về đến nơi, thì nghe nói Điền Hoành đã chết, họ cũng đều tự sát.

12. Khi trước, người nước Sở là Quý Bố làm tướng của Hạng Tịch, nhiều lần khiến Đế quẫn nhục. Sau khi Hạng Tịch bị diệt, Đế treo thưởng nghìn vàng cho ai tìm được Bố, ai dám che giấu trong nhà, trị tội ba họ. Bố bèn cắt tóc làm kẻ nô bộc, tự bán mình vào nhà Chu Gia. Chu Gia trong lòng biết người đấy là Quý Bố, liền mua để ở lâu có ngoài đồng, đích thân đến Lạc Dương gặp Đổng công, nói rằng:

- Quý Bố có tội gì đâu! Bầy tôi đều ra sức vì chủ của mình, đấy là chức phận thôi. Bầy tôi của Hạng Tịch há giết được hết sao? Nay chúa thượng mới lấy được thiên hạ, mà chỉ vì oán riêng tìm bắt một người; sao chẳng rộng rãi như vậy? Và lại Quý Bố là người hiền, Hán lại tìm bắt ông ấy gấp, ông ấy không lên bắc chạy đến chỗ người Hồ cũng xuôi nam theo người Việt thôi. Ghét hận kẻ tráng sĩ để buộc họ phải giúp cho nước địch, đấy là điều khiến Ngũ Tử Tư quất roi trên mộ của Bình Vương vậy.⁽¹⁾ Sao ngài chẳng nhân lúc rảnh rỗi nói với hoàng thượng?

Đổng công đợi lúc rảnh rỗi, nói với chúa thượng, như lời của Chu Gia chỉ bảo. Chúa thượng bèn tha tội cho Bố, triệu bá làm Lang trung, Chu Gia từ đấy không gặp lại Quý Bố nữa.

Cậu của Bố là Đinh công, cũng làm tướng của Hạng Vũ, đuổi đánh khiến Đế khốn quẫn ở phía tây Bành Thành. Đoàn binh chạm nhau, Đế nguy cấp, ngoảnh sang bảo Đinh công rằng:

- Hai người hiền há lại làm khốn nhau sao?

Đinh công dẫn binh lui về. Lúc Hạng vương bị diệt, Đinh công yết kiến. Đế đem Đinh công ra răn trong quân, nói:

- Đinh công là bầy tôi bất trung của Hạng vương, khiến Hạng vương mất thiên hạ là người này!

Bèn chém Đinh công, nói:

¹ Ngũ Tử Tư (伍子胥), tức Ngũ Viên (伍員), là con của Ngũ Xa. Sở Bình vương tin lời xàm giết Ngũ Xa, Tử Tư trốn sang nước Ngô, sau này mượn binh Ngô phá nước Sở, vào kinh đô nước Sở là đất Dĩnh. Bấy giờ Sở Bình vương đã chết, Tử Tư quất má Bình vương, quất roi lên mộ để báo thù.

- Để kẻ làm bầy tôi đòi sau chó bắt chước Đĩnh công vậy!

Thần Quang nói: Cao tổ từ lúc khởi sự ở đất Phong, đất Bái đến lúc bấy giờ, chiêu tập bậc hào kiệt, thu nạp kẻ vong loạn, cũng đã rất nhiều rồi. Lúc tức Đế vị, mà chỉ có mình Đĩnh công vì bất trung mà chịu chém giết, là vì sao? Là vì việc tiến đánh so với giữ thành, về hình thế không giống nhau vậy. Đang khi quần hùng ganh đua, dân không định được chủ, kẻ đến hàng được tiếp nhận, cố nhiên là thích hợp vậy. Lúc quý hiền làm Thiên tử, trong bốn biển chẳng ai không thần phục, ví như chẳng làm sáng lễ nghĩa để bảo rõ với mọi người, khiến cho kẻ làm bầy tôi người người hai lòng để rình cầu cái lợi lớn, thì quốc gia có thể yên ổn lâu dài sao? Thế nên quyết đoán dùng đại nghĩa, khiến người thiên hạ đều hiểu rõ rằng làm bầy tôi bất trung thì không có chốn dung thân, mà trong lòng nghĩ nhớ cái ân đã kết, đều có đến mức cho mình được sống, vẫn phải chiếu theo lễ nghĩa không khoan thứ vậy. Chém giết một người mà nghìn vạn người sợ, lo nghĩ xét việc như thế há chẳng vừa sâu sắc vừa cao xa sao? Con cháu hưởng lộc trời hơn bốn trăm năm, là thích đáng rồi!

13. Người nước Tề là Lâu Kính đi thú dịch ở Lũng Tây, ghé qua Lạc Dương, rồi thanh gổ ngang trên đầu xe,⁽¹⁾ mặc áo da dê, thông qua người nước Tề là Ngu tướng quân thỉnh xin gặp chúa thượng. Ngu tướng quân muốn cho Lâu Kính áo mới, Lâu Kính nói:

- Ta có áo lụa, mặc áo lụa đi yết kiến, có áo thô, mặc áo thô đi yết kiến, dứt khoát không dám đổi y phục!

Ngu tướng quân liền vào nói với chúa thượng, chúa thượng triệu kiến, hỏi han. Lâu Kính nói:

- Bệ hạ đóng đô ở Lạc Dương, phải chăng là muốn cùng nhà Chu so sánh sự thịnh trị chẳng?

Chúa thượng nói: "Phải."

¹ Xe thời xưa một người kéo, hai hoặc ba người đẩy phía sau, đầu có thanh gỗ mắc ngang, người kéo xe mặc vai mình vào đó kéo xe. Ý nói bỏ việc kéo xe vậy.

Lâu Kính nói:

- Bệ hạ lấy thiên hạ so với nhà Chu có khác biệt. Tổ tiên của nhà Chu, từ thời Hậu Tắc được phong ở đất Thai, chồng đức tích thiện hơn chục đời, cho đến đời Thái vương, Vương Quý, Văn vương, Vũ vương thì chư hầu tự theo về, bèn diệt nhà Ân làm Thiên tử. Đến lúc Thành vương tức vị, Chu công giúp đỡ, bèn dựng Lạc ấp, cho rằng chỗ đấy là trung tâm của thiên hạ, chư hầu từ bốn phương đến cống nạp, lộ trình ngang nhau. Có đức thì dễ làm vương, không có đức thì dễ diệt vong, cho nên lúc nhà Chu thịnh, thiên hạ hòa hợp, chư hầu và tứ Di chẳng đâu không theo phục, họ bắt chước nhau đến cống nạp. Lúc nhà Chu suy, thiên hạ không ai đến châu, nhà Chu chẳng thể khống chế. Đấy không chỉ vì đức của nhà Chu bạc, mà là hình thế yếu kém vậy. Nay bệ hạ khởi sự ở đất Phong, đất Bái, cuốn Thục Hán, định Tam Tần, cùng Hạng Vũ giao chiến ở vùng Huỳnh Dương, Thành Cao, đánh lớn bảy mươi trận, đánh nhỏ bốn mươi trận, khiến dân thiên hạ gan óc lầy đất, cha con phơi xương giữa đồng, chẳng thể tính xuể, thanh âm kêu khóc chưa dứt, vết thương chưa lành, mà muốn so với sự thịnh của Thành, Khang,⁽¹⁾ thần trộm cho là không xứng vậy. Và lại đất Tần núi trùm sông cuộn, bốn mặt là quan ải che chắn vững, thốt nhiên nguy cấp, trăm vạn binh có thể tập hợp đủ vậy. Cái gốc vững của người Tần, là nhờ vào chỗ đất đai hết sức màu mỡ, nơi đó gọi là kho trời vậy. Bệ hạ vào Quan Trung mà định đô, Sơn Đông dẫu loạn, đất cũ của Tần vẫn có thể bảo toàn được. Ôi, cùng người ta tranh đấu, mà không chẹn yết hầu đánh sau lưng họ, thì chưa thể toàn thắng vậy. Nay bệ hạ hãy giữ chỗ đất cũ của nước Tần, đấy cũng là chẹn yết hầu thiên hạ mà đánh sau lưng họ vậy.

Để hỏi ý quần thần. Quần thần đều là người ở Sơn Đông, tranh nhau nói:

¹ Tức là thời Chu Thành vương và Chu Khang vương kế nối nhau. Bấy giờ thái bình thịnh trị, được dân chúng ca tụng là "Thành Khang chi trị".

- Chu vương thống trị mấy trăm năm, nhà Tần có hai đời thì diệt vong. Lạc Dương phía đông có Thành Cao, phía tây có Hào Sơn, Mẫn Trì, dựa lưng vào Hoàng Hà, nhìn ra hai sông Y, Lạc, cái vững hiểm của Lạc Dương cũng đủ để tin cậy vậy.

Chúa thượng hỏi Trương Lương. Lương nói:

- Lạc Dương tuy có địa thế hiểm vững ấy, nhưng chỗ trung tâm hẹp, chẳng quá mấy trăm dặm, ruộng đất xấu, bốn mặt thụ địch, đây không phải là chỗ dụng võ. Quan Trung, bên tả có núi Hào, núi Hàm; bên hữu có đất Lũng, đất Thục, đồng ruộng phì nhiêu nghìn dặm; phía nam có cửa cái dồi dào của đất Ba, đất Thục; phía bắc có cái lợi đồng cỏ đất Hồ. Có ba mặt hiểm trở phòng giữ, chỉ dùng một mặt đông để khống chế chư hầu. Chư hầu yên ổn, thì sông Hà, sông Vị chuyển vận khắp thiên hạ, đem về tây cấp cho kinh sư. Chư hầu có biến, thì thuận dòng xuôi xuống, đủ để chuyên chở; đây gọi là thành vàng nghìn dặm, là kho phủ trời cho. Lời của Lâu Kính là đúng vậy.

Chúa thượng ngay hôm ấy gióng xe ngựa sang tây, định đô ở Trường An. Bái Lâu Kính làm Lang trung, hiệu là Phụng Xuân quân, ban cho họ Lưu.

14. Trương Lương vốn lắm bệnh, theo chúa thượng vào Hàm Cốc quan, thường ngồi yên ở nhà dưỡng khí, không ăn thóc gạo, lấp cửa không ra ngoài, nói:

- Nhà ta nhiều đời làm Tướng quốc nước Hàn. Lúc nước Hàn bị diệt, ta chẳng tiếc của cải vạn cân vàng, vì nước Hàn báo thù cường Tần, người thiên hạ chấn động.⁽¹⁾ Nay dùng ba tactic lưới làm thầy bậc đế vương, được phong vạn hộ hầu, đây là địa vị tốt bậc của kẻ áo vải, với Lương thế là đủ rồi. Ta xin bỏ việc nhân gian, muốn theo Xích Tùng Tử⁽²⁾ ngao du nhân tản mà thôi.

¹ Xem Tần ký, quyển 2, sự kiện năm thứ 29 đời Tần Thủy Hoàng.

² Xích Tùng Tử (赤松子), là người tiên, tương truyền ông là Vũ sư thời vua Thần Nông, từng dạy vua Thần Nông thuật đi vào đám lửa mà không bị cháy. Sau ông đến núi Côn Lôn, thường ở trong nhà đá của Tây Vương Mẫu, thích rong chơi bay lượn trong mưa gió.

Thần Quang nói: Đại khái người ta có sinh tất có tử, ví như qua đêm đến sáng là lẽ tất nhiên; từ xưa đến nay, cố nhiên chưa từng có ai vượt lẽ thường mà một mình tồn tại vậy. Vốn dĩ Tử Phòng là người sáng suốt, xét thấu lý lẽ, đủ để biết rằng cái đạo thần tiên là hư ảo dối trá rồi; nhưng Lương muốn theo Xích Tùng Tử ngao du nhân tảo, thì cái trí của Lương có thể nói là rất sâu sắc vậy. Ôi, ở giữa chỗ công danh, là chỗ khó xử trí đối với kẻ nhân thần. Những người được Cao đế xưng tụng, chỉ có tam kiệt mà thôi; Hoài Âm bị diệt trừ, Tiêu Hà bị hạ ngục, đấy há không phải vì duyên có phúc lộc đầy tràn mà chẳng biết dừng sao? Cho nên Tử Phòng mượn ý thác thân với thần tiên, vứt bỏ việc nhân gian, xem công danh là vật ở ngoài thân, vứt vinh lợi mà chẳng hề đoái hoài, đấy chính là "sáng suốt giữ thân mình", Tử Phòng là người như thế vậy.

15. Tháng sáu, ngày Nhâm Thìn, đại xá thiên hạ.

16. Mùa thu, tháng bảy, Yên vương Tang Đồ làm phản. Chúa thượng tự đem quân đi đánh dẹp.

17. Triệu Cảnh vương Trương Nhĩ, Trường Sa vương Ngô Nhuế đều hoăng.

18. Tháng chín, cầm tù Tang Đồ. Ngày Nhâm Tý, lập Thái úy⁽¹⁾ Trường An hầu Lô Oản làm Yên vương. Nhà Lô Oản và Cao đế chung công ngõ,⁽²⁾ Oản lại sinh cùng ngày với chúa thượng, chúa thượng sủng ái Oản, quần thần chẳng ai dám oán thán, cho nên Oản được đặc cách lập làm Vương.

19. Tướng cũ của Hạng vương là Lữ Kỳ phản. Chúa thượng tự đánh phá Kỳ.

20. Tháng chín nhuận, tu sửa cung Trường Lạc.

21. Tướng của Hạng vương là Chung Ly Muội, vốn cùng Sở vương Tín thân thiện. Sau khi Hạng vương chết, Muội trốn về

¹ Thái úy (太尉), là chức quan của nhà Tần, quản việc võ. Theo phép chế nhà Hán, Thái úy cùng Thừa tướng, Ngự sử đại phu là Tam công.

² Nguyên văn: Lý hân (里閭), tức là công lý. Ngày xưa năm nhà gọi là một lân, năm lân gọi là một lý, các nhà trong một lý sống chung ở một khu, đặt một công.

theo Tín. Hán vương oán hận Muội, nghe nói Muội ở tại nước Sở, hạ chiếu sai Sở vương bắt Muội. Tín mới đến nước phong, đi tuần các huyện ấp, ra vào bày binh hộ vệ.

Năm thứ sáu (Canh Tý – TCN 201)

1. Mùa đông, tháng mười, có kẻ dâng thư tố cáo Sở vương Tín làm phản. Đế đem việc hỏi chư tướng, chúng đều nói:

- Nên gấp phát binh, chôn sống thẳng trẻ ranh ấy!

Đế lặng yên. Lại hỏi Trần Bình, Trần Bình nói:

- Người ta dâng thư nói Tín phản, Tín biết việc đó chăng?

Đế nói:

- Không biết được.

Trần Bình hỏi:

- Tinh binh của Bệ hạ so được với quân Sở không?

Chúa thượng nói:

- Không hơn được.

Bình hỏi:

- Chư tướng của Bệ hạ, có ai dùng binh hơn được Hàn Tín không?

Chúa thượng nói:

- Chẳng ai theo kịp vậy.

Bình nói:

- Nay binh chẳng tinh nhuệ bằng quân Sở, tướng chẳng theo kịp, cất binh đánh hấn, đây là thúc hấn phải đánh vậy, thần trộm thấy nguy cho Bệ hạ!

Chúa thượng hỏi:

- Phải làm thế nào?

Bình nói:

- Thiên tử thời xưa đi tuần thú, hội chư hầu. Bệ hạ rời cung ra thị sát, vờ đi chơi đầm Vân Mộng, hội chư hầu ở đất Trần. Đất Trần, giáp địa giới phía tây của đất Sở, Tín nghe nói Thiên tử đi chơi hội họp, tất cho là vô sự mà ra ngoài thành nghênh tiếp, lúc hăn bái yết Bệ hạ nhân cơ hội cầm bắt hăn, đấy là việc chỉ cần đến sức của một lực sĩ thôi.

Để cho là đúng, bèn phái sứ giả thông báo với chư hầu là hội ở đất Trần, nói "Ta sẽ đi về phương nam tuần du đầm Vân Mộng." Sau đó chúa thượng lập tức khởi hành.

Sở vương Tín nghe tin, tự ngờ sợ, không biết phải làm sao. Có người khuyên Tín rằng:

- Hãy chém Chung Ly Muội để yết kiến chúa thượng, chúa thượng tất mừng, không lo họa.

Tín theo lời.

Tháng mười hai, chúa thượng hội chư hầu ở đất Trần, Tín mang đầu Muội đến yết kiến. Chúa thượng lệnh sai võ sĩ trói Tín, chớ ở sau xe. Tín nói:

- Quả như người ta nói: "Thỏ khôn ranh hết, chó giỏi bị nấu. Chim bay cao hết, cung tốt bị cắt. Nước địch bị phá, mưu thần diệt vong." Thiên hạ đã định, ta bị nấu là đáng lắm!

Chúa thượng nói:

- Có người tố cáo ngươi làm phản.

Bèn sai lấy gông cùm trói Tín rồi quay về, nhân đó đại xá thiên hạ.

Diễn Khảng chúc mừng chúa thượng rằng:

- Bệ hạ bắt được Hàn Tín, lại sửa dựng Tần Trung⁽¹⁾. Tần, là cái nước có hình thế chế thắng, sông dài núi hiểm, địa thế tiện lợi; từ chỗ đấy đem binh xuống đánh chư hầu, ví như người ở

¹ Người vùng Sơn Đông gọi Quan Trung là Tần Trung vậy.

trên mái nhà đổ chầu nước xuống. Xét nước Tề, phía đông có cái phì nhiêu của Lang Nha, Tức Mặc, phía nam có cái vững của Thái Sơn, phía tây giới hạn bởi Hoàng Hà nước đục, phía bắc có cái lợi của Bột Hải; đất vuông hai nghìn dặm, quân cầm kích trăm vạn. Đây là xứ có địa hình chế thắng như nước Tần vậy, nếu không phải là con em thân thích, thì chẳng nên sai đi làm vương nước Tề.

Chúa thượng nói: "Hay!" Bèn ban cho Khảng năm trăm cân vàng.

Chúa thượng quay về, đến Lạc Dương, tha Hàn Tín, phong làm Hoài Âm hầu. Tín biết Hán vương ghét sợ cái tài của mình, nhiều lần xưng bệnh, không triều kiến và theo đi xuất hành, trong lòng thường tấm tức, hổ thẹn vì mình cùng địa vị với bọn Giáng, Quán.⁽¹⁾ Tín từng qua gặp tướng quân Phàn Khoái. Khoái quỳ bái nghênh tiếp, mở miệng xưng "thần", nói:

- Đại vương lại chịu đến chỗ thần sao!

Tín ra cửa, cười rằng:

- Ta được sống, lại ngang hàng với bọn Khoái!

Chúa thượng từng ung dung cùng Tín nói chuyện về cái tài của chư tướng cầm được quân ít hay nhiều. Chúa thượng hỏi:

- Như ta có thể cầm được bao nhiêu quân?

Tín nói:

- Bệ hạ chẳng qua chỉ cầm được chục vạn.

Chúa thượng hỏi:

- Với ngài thì thế nào?

Tín đáp:

- Thần thì càng nhiều càng tốt.

Chúa thượng cười hỏi:

¹ Tức Giáng hầu Chu Bột và Quán Anh.

- Càng nhiều càng tốt, sao bị ta cầm bắt?

Tín nói:

- Bệ hạ không giỏi cầm quân nhưng giỏi cầm tướng, đấy là lý do mà Tín bị bệ hạ cầm bắt vậy. Và lại cái tài của Bệ hạ, được gọi là "trời ban cho, đấy không phải sức người" vậy.

2. Ngày Giáp Thân, bắt đầu chế phù phong các công thần làm Triệt hầu. Tiêu Hà được phong làm Toán hầu, một mình hưởng thực ấp nhiều. Công thần đều nói:

- Bọn thần thân mặc giáp cứng, cầm đao sắc, nhiều thì đánh hơn trăm trận, ít thì đánh mấy chục hợp. Nay Tiêu Hà chưa từng có công hãn mã,⁽¹⁾ chỉ cầm bút mực nghị luận, lại được phong thưởng cao hơn bọn thần, sao vậy?

Đế nói:

- Các người có biết việc đi săn chăng? Với việc đi săn, đuổi giết thú, là việc của con chó vậy; nhưng thả dây buộc chó và chỉ chỗ của con thú, là việc của người vậy. Nay các người chỉ có cái tài đuổi bắt thú thôi, đấy là cái công của con chó vậy; đến như Tiêu Hà, có tài thả dây chỉ chỗ, đấy là cái công của người vậy.

Quần thần đều không dám nói.

Trương Lương là mưu thần, cũng không có công chiến đấu. Đế cho tự chọn ba vạn hộ ở đất Tề. Lương nói:

- Ban đầu, thần khởi sự ở Hạ Bi, cùng chúa thượng hội gặp ở đất Lưu, đấy là trời đem thần trao cho Bệ hạ. Bệ hạ dùng kế của thần, may mắn mà có lúc trúng. Thần mong được phong ở đất Lưu là đủ rồi, chẳng dám nhận lấy ba vạn hộ.

Đế bèn phong Trương Lương làm Lưu hầu.

Lại phong Trần Bình làm Hộ Dũ hầu, Bình từ chối rằng:

- Đấy không phải là công của thần vậy.

¹ Hãn mã (汗马), ý nói là có công đánh trận, người ngựa đổ mồ hôi.

Chúa thượng nói:

- Ta dùng mưu của tiên sinh, khắc địch chế thắng, đây không phải công thì là gì?

Bình nói:

- Không có Ngụy Vô Tri, thần sao được tiến cử?

Chúa thượng nói:

- Người như ngài, có thể gọi là không quên gốc rồi!

Bèn lại thưởng cho cả Ngụy Vô Tri.⁽¹⁾

3. Để vì thiên hạ mới định, con còn nhỏ, anh em lại ít, xét cái gương nhà Tần vì cô lập mà vong, muốn phân phong rộng rãi cho người cùng họ để trấn võ thiên hạ. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Bính Ngọ, chia đất của Sở vương Tín thành hai nước: Lấy năm mươi ba huyện từ sông Hoài về đông lập anh họ của mình là Tướng quân Lưu Giả làm Kinh vương; lấy ba mươi sáu huyện của Tiết Quận, Đông Hải, Bành Thành lập em của mình là Văn Tín quân Lưu Giao làm Sở vương. Ngày Nhâm Tý, lấy năm mươi ba huyện của các quận Vân Trung, Nhạn Môn, Đại Quận lập anh mình là Nghi Tín hầu Lưu Hỉ làm Đại vương; lấy bảy mươi ba huyện của các quận Giao Đông, Giao Tây, Lâm Truy, Tế Bắc, Bác Dương, Thành Dương lập con người vợ thừa hàn vi của mình⁽²⁾ là Lưu Phỉ làm Tề vương; những người dân nào nói được tiếng Tề đều chia về nước Tề.

4. Chúa thượng thấy Hàn vương Tín có tài võ lược, vùng sở hạt phía bắc gần Cùng, Lạc, phía nam sát với Uyển, Diệp, phía đông có miền Hoài Dương, đầy đều là chỗ có binh cứng khỏe.

¹ Trần Bình được Ngụy Vô Tri tiến cử, việc nói ở Hán ký, quyển thứ nhất, sự kiện năm thứ hai đời Hán Cao tổ. Trần Bình muốn Ngụy Vô Tri được phong nên nói câu đó để nhắc Hán Cao tổ.

² Hán Cao tổ lúc còn làm Đình trưởng, lấy người con gái họ Tào, sinh ra Lưu Phỉ (刘肥) nhưng không lập làm chính thất, mà lập người vợ khác là Lã Trĩ (Lã hậu). Sau này lúc lập Thái tử, Cao tổ lập Lưu Doanh (Huệ đế, con của chính thất là Lã hậu), chứ không lập Lưu Phỉ dù Lưu Phỉ mới là con trưởng.

Bèn lấy ba mươi mốt huyện của quận Thái Nguyên lập nước Hàn, chuyển Hàn vương Tín làm vua từ Thái Nguyên lên phía bắc để ngăn chống người Hồ, đóng đô ở Tấn Dương. Tín dâng thư nói:

"Phía bắc nước Hàn sát biên ải, người Hung Nô thường vào cướp; Tấn Dương cách biên bắc rất xa, xin được dời sở trị đến Mã Ấp."

Chúa thượng đồng ý.

5. Chúa thượng đã phong cho hơn hai mươi đại công thần, những người còn lại ngày đêm tranh công không quyết định được, cho nên chưa thể tiến hành phong tước. Chúa thượng ở cung điện phía nam Lạc Dương, từ đường phước đạo trông ra thấy chư tướng qua lại ngồi trên bãi cát nói chuyện với nhau. Chúa thượng hỏi:

- Họ nói gì thế?

Lưu hầu nói:

- Bệ hạ không biết sao? Đây là họ mưu phản thôi!

Chúa thượng nói:

- Thiên hạ gần yên định rồi, có gì họ lại mưu phản?

Lưu hầu nói:

- Bệ hạ nổi lên từ hạng áo vải, dựa vào những người ấy lấy được thiên hạ. Nay Bệ hạ làm Thiên tử, mà người được phong đều là người quen cũ hoặc thân thích, còn người bị giết đều là người mà bình thời Bệ hạ thù oán. Nay Quân lại tính công, cho là lấy hết đất thiên hạ cũng không đủ để phong khắp hết thảy mọi người. Bọn ấy sợ bệ hạ không thể phong cho tất cả, lại ngờ rằng mình sẽ bị giết vì lỗi lầm ngày trước, cho nên tụ nhau lại mưu làm phản thôi.

Chúa thượng vì thế lo lắng, hỏi:

- Phải làm thế nào?

Lưu hầu nói:

- Trong số những người mà bình thời chúa thượng vốn ghét, quần thần cùng biết, thì ai là người bị ghét nhất?

Chúa thượng nói:

- Ứng Xi với ta có oán cũ, mấy lần từng khiến ta khốn nhục. Ta muốn giết hắn, chỉ vì hắn lập được nhiều công, cho nên không nỡ.

Lưu hầu nói:

- Nay gấp phong cho Ứng Xi trước, thì quần thần sẽ người người tự yên thôi.

Vì thế chúa thượng bày tiệc rượu, phong Ứng Xi làm Thập Phương hầu. Rồi cấp tốc thôi thúc Thừa tướng, Ngự sử định công tiến hành phong đất. Quần thần giải tán tiệc rượu, đều mừng rỡ, nói:

- Ứng Xi còn được phong tước hầu, bọn ta không lo rồi!

Thần Quang nói: Trương Lương là mưu thần của Cao đế, được ủy thác làm kẻ phúc tâm, việc thích hợp mà biết thì không gì không nói ra; đã nghe được lời mưu phản của chư tướng, lại nhất định đợi Cao đế chính mắt thấy bọn họ nói bàn với nhau, rồi sau mới nói ra là sao? Đại khái là vì Cao đế mới có được thiên hạ, nhiều lần thi hành thưởng phạt dựa vào sự yêu ghét, có lúc tổn hại đến sự công bằng, quần thần vì thế thường có lòng oán vọng, tự thấy nguy; cho nên Lương mượn việc ấy dâng lời trung để thay đổi cái tâm ý của Đế, khiến người trên không mắc lỗi thiên lệch tư tình, người dưới không có ý nghĩ nghi ngờ sợ hãi, quốc gia không lo họa, lợi đến đời sau. Như Lương, có thể gọi là người khéo khuyên ngăn rồi.

6. Liệt hầu đều đã thụ phong, Đế chiếu lệnh định thứ vị cho mười tám công thần hàng đầu.⁽¹⁾ Chúng đều nói:

¹ Mười tám người là: Tiêu Hà, Tào Tham, Trương Ngao, Chu Bột, Phàn Khoái, Lich Thương, Hề Quyên, Hạ Hầu Anh, Quán Anh, Phó Khoan, Cận Hấp, Vương Lăng, Trần Vũ, Vương Hấp, Tiết Âu, Chu Xương, Đinh Phục, Xung Đạt.

- Bình Dương hầu Tào Tham, thân bị bảy mươi vết thương, đánh thành chiếm đất, công lao rất nhiều, xứng là đệ nhất.

Yết giả, Quan nội hầu Ngạc Thiên Thu tiến lên nói:

- Quần thần nghị bàn đều sai. Xét ra Tào Tham tuy có cái công đánh cướp đất, đấy chỉ là việc nhất thời thôi. Chúa thượng với Sở cự nhau năm năm, quân mất lính trốn, nhiều lần cải trang ẩn lánh, nhưng Tiêu Hà thường từ Quan Trung phái quân bù bổ vào số binh theo hạn ngạch, không cần đợi chúa thượng phát lệnh triệu, mà mấy vạn bộ chúng đến thì vừa khớp đúng với số thiếu, rất nhiều lần rồi. Lại nữa là trong quân không thấy lương, Tiêu Hà chuyển vận từ Quan Trung đến, cung cấp không khuyết thiếu. Bệ hạ mấy lần mất Sơn Đông, Tiêu Hà thường giữ vận Quan Trung để đợi Bệ hạ. Đấy là cái công vận đòi vậy. Nay dẫu không có cả trăm người Tào Tham, khuyết tổn gì với Hán? Nhà Hán được bọn họ, vị tất đã đủ cậy dựa để bảo toàn. Cái công nhất thời lại hơn được cái công vận đòi sao? Tiêu Hà xứng là hạng nhất, Tào Tham hạng nhì.

Chúa thượng nói: "Hay!"

Vì thế bèn ban đặc ân cho Tiêu Hà được đeo kiếm đi giầy lên điện, vào triều không phải bước rào. Chúa thượng nói:

- Ta nghe nói: "Tiến cử người hiền, được nhận thưởng cao". Tiêu Hà công lao tuy cao, nhưng được Ngạc quân biện xét mới sáng rõ.

Vì thế liền ban cho Ngạc Thiên Thu thực ấp, phong tước An Bình hầu. Hôm ấy, phong cho tất cả mười một người là anh em, cha con của Tiêu Hà, đều hưởng thực ấp, lại phong thêm cho Hà hai nghìn hộ.

7. Chúa thượng quay về Lịch Dương.

8. Mùa hạ, tháng năm, ngày Bính Ngọ, tôn Thái công làm Thái thượng hoàng.

9. Khi trước, người Hung Nô sợ nhà Tần, dời lên phương bắc hơn chục năm. Lúc nhà Tần bị diệt, người Hung Nô lại dần dần tiến xuống phía nam qua sông Hoàng Hà.

Thiên vu là Đầu Mạn có Thái tử tên là Mặc Đốn. Về sau Đầu Mạn sủng ái Yên chi⁽¹⁾, sinh con trai, Đầu Mạn muốn lập người con đó. Bấy giờ, tộc Đông Hồ lớn mạnh, tộc Nguyệt Chi cường thịnh, Đầu Mạn bèn sai Mặc Đốn đi làm con tin ở tộc Nguyệt Chi. Không lâu sau, Đầu Mạn đánh người của tộc Nguyệt Chi, người tộc Nguyệt Chi muốn giết Mặc Đốn. Mặc Đốn ăn trộm một con ngựa tốt, trốn về Hung Nô. Đầu Mạn cho là hùng tráng, lệnh sai thống suất một vạn quân kỵ.

Mặc Đốn bèn chế ra minh đích⁽²⁾, sai bộ hạ luyện cưỡi ngựa bắn tên, lệnh rằng:

- Khi minh đích được bắn ra mà kẻ nào không cùng bắn thì chém kẻ đó!

Mặc Đốn liền lấy minh đích tự bắn con ngựa tốt của mình, tiếp đó lại tự bắn người vợ yêu của mình, tả hữu có kẻ không dám bắn, Mặc Đốn đều chém những kẻ đó. Mãi sau lại dùng minh đích bắn con ngựa tốt của Thiên vu, tả hữu đều bắn con ngựa đó. Vì thế Mặc Đốn biết là họ đều dùng được. Mặc Đốn theo Đầu Mạn đi săn, lấy minh đích bắn Đầu Mạn, tả hữu của Mặc Đốn cũng đều theo minh đích mà bắn. Bởi thế giết chết Đầu Mạn, lại giết hết các bà mẹ kế cùng những người em và các đại thần không theo mệnh. Mặc Đốn tự lập làm Thiên vu.

Người Đông Hồ nghe tin Mặc Đốn tự lập, bèn sai sứ đến báo Mặc Đốn rằng:

- Ta muốn có được con Thiên lý mã thời Đầu Mạn.

¹ Yên chi (阏氏, là tên gọi các người thiếp của Thiên vu, tương tự như Hoàng hậu của nhà Hán. Nhưng hơi khác nhà Hán, Thiên vu Hung Nô có thể có nhiều Yên chi.

² Minh đích (鸣镝), là một loại tên, mũi bịt sắt, rất sắc nhọn, khi bắn đi xé gió, phát ra âm thanh.

Mặc Đốn hỏi quần thần, quần thần đều nói:

- Đây là ngựa báu của nước Hung Nô vậy, đừng cho!

Mặc Đốn nói:

- Vì giao hảo với người nước lân bang, há đâu lại yêu tiếc một con ngựa!

Bèn cho họ Thiên lý mã. Không bao lâu, người Đông Hồ lại sai sứ đến bảo Mặc Đốn rằng:

- Ta muốn lấy một Yên chi của Thiên vu.

Mặc Đốn lại hỏi tả hữu, tả hữu đều giận nói:

- Người Đông Hồ vô đạo mới đòi Yên chi! Xin đánh chúng!

Mặc Đốn nói:

- Vì sao giao hảo với người nước lân bang lại yêu tiếc một nữ tử được?

Bèn tặng Yên chi mà mình yêu cho người Đông Hồ. Vua của người Đông Hồ càng thêm kiêu.

Giữa chỗ đất của Hung Nô và Đông Hồ, có một khoảng đất không ai cư trú, rộng nghìn dặm, các bên đều giữ biên giới của mình, lập Âu thoát¹. Người Đông Hồ sai sứ đến bảo Mặc Đốn rằng:

- Chỗ đất ấy bỏ không, ta muốn có chỗ đó.

Mặc Đốn hỏi quần thần, quần thần có người nói:

- Chỗ đất bỏ không ấy, cho họ cũng được, không cho cũng được.

Vì thế Mặc Đốn cả giận nói:

- Đất đai, là gốc của quốc gia, sao lại cho được!

Những người nói cho đất, đều bị chém.

Mặc Đốn lên ngựa, lệnh rằng:

¹ Âu thoát (瓠脱), là cái nhà nhỏ bằng đất làm nơi ở cho quân trú, dò xét cảnh giới.

- Người trong nước ai đến muộn thì chém!

Sau đó sang tập kích người Đông Hồ. Người Đông Hồ ban đầu khinh thường Mặc Đốn, không phòng bị. Mặc Đốn bèn diệt nước Đông Hồ.

Quay về rồi, lại sang tây đánh đuổi nước Nguyệt Chi, xuôi nam thôn tính đất phía nam Hoàng Hà của Lô Phiền vương và Bạch Dương vương, tiếp đó xâm lấn đất Yên, đất Đại, thu hết đất cũ của Hung Nô mà nhà Tần sai Mông Diêm cướp đoạt¹ và quan ải cũ phía nam sông Hoàng Hà của nhà Hán đến tận các huyện Triều Na, Phu Thi. Bấy giờ binh Hán đang cùng Hạng Vũ cầm giữ nhau, Trung Quốc mệt mỏi vì binh đao, vì thế Mặc Đốn được tự cường, quân sĩ cầm cung có hơn ba mươi vạn, uy thế chấn phục các nước.

Mùa thu, Hung Nô vây Hàn vương Tín ở Mã Ấp. Tín nhiều lần phái sứ giả đi sứ người Hồ, xin hòa giải. Nhà Hán phát binh cứu, lại nghi ngờ Tín ngầm sai sứ giả đi, có ý hai lòng, sai người trách mắng Tín. Tín sợ bị giết, tháng chín, dâng cả thành Mã Ấp hàng Hung Nô. Mặc Đốn của Hung Nô nhân đó dẫn binh xuôi nam vượt núi Câu Chú, đánh Thái Nguyên, đến Tấn Dương.

10. Để trừ bỏ hết lễ nghi phiên toái của nhà Tần, lập phép đơn giản dễ dùng. Quần thần uống rượu tranh công, say sưa, có người hô hoán bừa bãi, rút kiếm chém cột trụ, Đế rất chán ghét chuyện đó. Thúc Tôn Thông khuyên chúa thượng rằng:

- Các nhà nho khó giúp để lấy thiên hạ, nhưng có thể cùng họ giữ thành quả. Thần xin trưng triệu các nho sinh ở đất Lỗ, cùng đệ tử của thần chung sức khởi dựng lễ nghi triều đình.

Đế nói:

- Có phiên phúc lắm không?

Thúc Tôn Thông nói:

¹ Việc Mông Diêm chiếm đoạt đất đai của Hung Nô nói ở Tần kỷ, quyển 2, sự kiện năm thứ 33.

- Nhạc của thời Ngũ đế khác nhau, lễ nghi thời Tam vương không giống nhau. Lễ chế, phải theo thời thế, nhân tình biến đổi mà tiết chế phép tắc sao cho phù hợp vậy. Thần xin chọn rộng lễ chế thời cổ đại, cùng nghi thức của nhà Tần trộn lẫn để tạo dựng lễ nghi.

Chúa thượng nói:

- Hãy làm thử, phải khiến cho lễ nghi dễ hiểu, phải tính liệu những việc mà ta có thể làm được để chế định.

Vì thế Thúc Tôn Thông đi sứ, trưng triệu hơn ba mươi nho sinh ở đất Lỗ. Có hai nho sinh đất Lỗ không chịu đi, nói:

- Chủ mà ngài thờ phụng cơ hồ gần một chục,⁽¹⁾ ngài đều ra mặt nịnh nọt để được thân gần quý hiển. Nay thiên hạ mới định, người chết chưa táng, người bị thương chưa khỏi, lại muốn chế lễ tác nhạc. Cái khởi điểm của lễ nhạc, là tích đức trăm năm rồi sau mới có thể hưng vậy. Ta chẳng nhẫn tâm giúp ngài làm việc đó. Ngài hãy đi đi, đừng làm ô uế bọn ta!

Thúc Tôn Thông cười nói:

- Các người thực là nho sinh nông cạn hủ lậu, không biết sự biến đổi của thời thế!

Bèn đem những người mình trưng triệu sang tây, cùng với bọn tả hữu có học thức của chúa thượng và hơn trăm đệ tử của mình, chẳng dây lập đàn, dùng bó cỏ tạo thứ tự để biểu thị ngôi thứ, luyện tập lễ nghi ở ngoài đồng. Hơn một tháng, nói với chúa thượng rằng:

- Có thể xem thử được rồi.

Chúa thượng sai hành lễ, nói:

- Ta có thể theo lễ này.

Bèn lệnh cho quần thần luyện tập.

¹ Đại khái những người Thúc Tôn Thông từng thờ là: Thủy Hoàng, Nhị thế, Trần Thiệp, Hạng Lương, Hoài vương, Hạng Vũ và Cao đế.

Năm thứ bảy (Tân Sửu – TCN 200)

1. Mùa đông, tháng mười, cung Trường Lạc xây xong, chư hầu, quần thần đều hội châu chúc mừng. Trước lúc trời sáng, Yết giả chủ trì lễ, theo thứ tự dẫn người vào cửa điện, bày thành hàng theo hai hướng đông, tây. Quan thị vệ đứng thẳng thành hai hàng dưới điện, đều cầm binh khí, giương cờ xí. Bấy giờ Hoàng đế ngồi kiệu phủ trưởng từ trong phòng ra, quan viên truyền hô cảnh giới, sau đó dẫn các vương hầu cho đến quan viên sáu trăm thạch theo thứ tự tới chúc mừng, chẳng ai không run sợ kính cẩn. Đến lúc lễ xong, lại bày phép dâng rượu. Các thị thần ngồi trên điện, đều phủ phục, cúi đầu, noi thứ tự cao thấp dâng rượu chúc thọ hoàng thượng. Rót rượu chín lần, Yết giả nói: "Bãi tửu", Ngự sử chấp pháp xét có ai không làm đúng nghi lễ, lập tức dẫn đi. Triều hội xong bày tiệc rượu, không ai dám huyền não thất lễ. Bấy giờ Đế nói:

- Hôm nay ta mới biết sự tôn quý của Hoàng đế vậy!

Bèn bái Thúc Tôn Thông làm Thái thường, ban thưởng năm trăm cân vàng.

Thời trước, nhà Tần có thiên hạ, thu thập hết lễ nghi của lục quốc, tuyển chọn những quy tắc tôn sùng quân chủ, ức biếm tội thần để bảo tồn. Lúc Thông chế lễ nghi, có chỗ thêm bớt, đại để đều theo phép cũ của nhà Tần, từ xưng hiệu thiên tử xuống đến quan lại lớn nhỏ và cung thất, quan danh, ít có chỗ biến cải. Các sách vở về lễ nghi, các luật, lệnh thu nhật sau đó đều được biên chép lại, cất giấu ở chỗ quan Tư pháp. Bởi pháp gia không sao chép truyền lại, nên dân chúng và quan lại chẳng ai nói bàn gì về việc đó.

Thần Quang nói: Cái công hiệu của lễ là rất lớn rồi! Dem dùng ở bản thân, thì động hay tĩnh có quy tắc mà hết thấy hành vi hoàn bị; dem dùng ở nhà, thì trong ngoài có chia biệt mà chín họ hòa mục; dem dùng ở thôn xóm, thì lớn nhỏ có luân thường mà phong tục và giáo

hóa tốt đẹp; đem dùng với bang quốc, thì vua tôi có thứ tự mà chính trị ổn định; đem dùng với thiên hạ, thì chư hầu thuận phục mà kỷ cương nghiêm chỉnh; há phải là chỉ dùng lễ ở nghi thức trên chiếu hay trong chỗ cửa ngõ phủ đình mà duy trì trật tự được sao! Vốn dĩ Cao tổ là người sáng trí thấu đạt, nghe lời khuyên của Lục Giả mà khen thiện,⁽¹⁾ thấy nghi lễ của Thúc Tôn mà cảm thán; nhưng sở dĩ vẫn chẳng thể so được với các vương thời Tam đại, vì kém cõi ở chỗ không chịu học mà thôi. Đương lúc bấy giờ, nếu có được bậc đại nho giúp đỡ, giúp dùng lễ chế để trị thiên hạ, công huân đức nghiệp của Cao tổ há chỉ như thế mà thôi! Tiếc thay, cái khí độ của Thúc Tôn sinh rất nhỏ vậy! Ông ta chỉ trộm cắp cái vỏ ngoài thô thiển của lễ chế, vay mượn để nương theo thời thế, hợp với phong tục, cầu lấy sung hạnh mà thôi, vì thế khiến lễ chế của tiên vương chìm đắm không chấn hưng nổi, cho đến tận bây giờ, há chẳng rất thống hận sao! Bởi thế Dương tử đối với việc này chê trách rằng: "Trước đây đất Lỗ có bậc đại nho, người chép sử không biên danh tự. Có người hỏi: 'Vì sao nói ông ấy là bậc đại nho?' Ta đáp: 'Thúc Tôn Thông chế định lễ nghi quân thần, triệu nho sinh ở đất Lỗ, có hai người được triệu không đến, họ xưng là bậc đại nho.' Có người hỏi: 'Như thế thì dấu tích của Trọng Ni ở khắp các nước chư hầu là không đúng chăng?' Ta đáp: 'Dấu tích của Trọng Ni, là tự theo ý mình hành sự vậy. Nếu như gượng uốn theo cái ý của người khác, dấu có định ra quy củ, chuẩn mực, sao có thể gọi là đúng mà đem dùng!'" Khen cho lời nói của Dương tử! Bậc đại nho, há lại chịu phá vỡ cái gốc quy củ, chuẩn mực của mình để đuổi theo công lợi nhất thời sao?

2. Chúa thượng tự lĩnh binh đi đánh Hàn vương Tín, phá quân Tín ở Đồng Đê, chém tướng của Tín là Vương Hi. Tín chạy trốn vào đất Hung Nô. Người đất Bạch Thổ là bọn Mạn Khâu Thần, Vương Hoàng lập hậu duệ của nước Triệu là Triệu Lợi làm vương, lại thu nhặt binh thua bại thất tán của Tín, cùng

¹ Xem việc này ở Hán ký, quyển 4, sự kiện năm thứ mười một đời Hán Cao tổ. Đoạn kể việc Lục Giả khen ngợi Kinh Thi và Kinh Thư với Cao tổ.

Tín và Hung Nô mưu đánh Hán. Hung Nô sai Tả, Hữu hiền vương đem hơn vạn quân kỵ, cùng bọn Vương Hoàng đóng trại ở Quảng Vũ hướng về nam, đến tận Tấn Dương, binh Hán đánh chúng, Hung Nô thường thua chạy, rồi lại đồn tụ, binh Hán thừa thắng đuổi chúng. Đúng lúc tiết trời cực rét, có mưa tuyết, sĩ tốt rét công, cứ mười người thì có đến hai ba người bị rụng ngón tay.

Chúa thượng trú ở Tấn Dương, nghe nói Mặc Đốn trú ở Đại Cốc, muốn đánh hắn, sai người đi dò xét Hung Nô. Mặc Đốn giấu tráng sĩ và trâu ngựa béo của mình, chỉ cho thấy binh sĩ già yếu và gia súc gầy mòn. Sứ giả chục người nối nhau đến, đều nói Hung Nô có thể đánh được. Chúa thượng lại sai Lưu Kính đi sứ Hung Nô, còn chưa về, tất cả ba mươi hai vạn binh Hán đã lên bắc đuổi Hung Nô, vượt núi Câu Chử. Lưu Kính về, báo rằng:

- Hai nước đánh nhau, đáng lẽ họ phải khoa trương, cho thấy cái sở trường của mình. Nay thần qua bên kia, lại chỉ thấy gia súc gầy mòn, binh sĩ già yếu, đấy tất họ muốn ta thấy cái sở đoản, phục kỳ binh để tranh lợi. Ngu thần cho rằng Hung Nô không thể đánh vậy.

Bấy giờ, binh Hán đã xuất động, chúa thượng giận, mắng Lưu Kính rằng:

- Thằng mọi nước Tề nhờ miệng lưỡi được làm quan,⁽¹⁾ nay lại nói xằng ngăn trở quân ta!

Bèn cùng Kính lại đưa đến Quảng Vũ.

Đến đến Bình Thành trước, binh vẫn chưa đến. Mặc Đốn tung bốn mươi vạn quân kỵ tinh nhuệ, vây Đế ở Bạch Đăng bảy ngày, binh Hán trong ngoài không thể cứu ứng đưa lương cho nhau được.

¹ Lưu Kính (Lâu Kính) lúc trước khuyên Hán Cao tổ dời từ Lạc Dương về định đô tại Trường An, xem việc này ở phía trên (sự kiện năm thứ sáu).

Để dùng bí kế⁽¹⁾ của Trần Bình, sai sứ giả ngầm tặng nhiều của cải cho Yên chi. Yên chi bảo Mặc Đốn rằng:

- Hai quân chủ chẳng nên làm khốn nhau. Nay lấy được đất Hán, thì Thiên vu rút cục chẳng thể ở đó được vậy. Và lại Hán chủ cũng có thần linh bảo hộ, Thiên vu hãy xét kỹ!

Mặc Đốn ước hẹn hội sư với Vương Hoàng, Triệu Lợi, nhưng binh của Hoàng và Lợi không đến, ngờ rằng họ cùng Hán mưu ngầm, bèn giải vây một góc. Đúng lúc trời có mây mù lớn, quân Hán sai người qua lại, người Hồ không phát giác được. Trần Bình xin lệnh cho mỗi cây nỏ cứng lắp hai mũi tên, hướng ra ngoài để cự địch, rồi theo chỗ vòng vây mở xông thẳng ra ngoài. Để ra khỏi vòng vây, muốn ruổi ngựa chạy, Thái phó Đằng công cố đi thông thả. Đến Bình Thành, đại quân Hán cũng đến, quân kỵ người Hồ bèn giải vây rút đi. Hán đế cũng bãi binh, lệnh sai Phàn Khoái lưu lại bình định đất Đại.

Chúa thượng đến Quảng Vũ, tha Lưu Kính, nói:

- Ta chẳng dùng lời của ngài, bị khốn ở Bình Thành. Nay ta đã chém mười tên sứ giả lúc trước rồi!

Bèn phong cho Kính hai nghìn hộ, làm Quan nội hầu, hiệu là Kiến Tín hầu.

Để xuôi nam đến Khúc Nghịch, nói:

- Huyện này hùng tráng thay! Ta đi khắp thiên hạ, chỉ thấy Lạc Dương và chỗ này thôi.

Bèn đổi phong Trần Bình làm Khúc Nghịch hầu, ăn lộc hết cả huyện ấy. Bình theo Đế đi chinh phạt, cả thầy sáu lần bày kế lạ, mỗi lần lại được phong thêm ấp.

¹ Bí kế (秘计), tức là kế bí mật không ai biết được. Ứng Thiệu viết về việc này như sau: Trần Bình sai thợ giỏi vẽ hình người con gái rất đẹp, ngầm gửi cho Yên chi, nói: "Nhà Hán có mỹ nữ như thế, nay Hoàng đế nguy gấp, muốn dâng tặng vua Hung Nô." Yên chi sợ Hán làm thế thì mỹ nữ kia đoạt sự sủng ái của mình, bèn khuyên Mặc Đốn, vì thế Mặc Đốn giải vây cho Cao tổ. Nói là bí kế, vì kế đó làm mất thể diện của vua Hán, cho nên bí mật không lưu truyền.

3. Tháng mười hai, chúa thượng về, đi qua nước Triệu. Triệu vương Ngao giữ lễ con rể⁽¹⁾ rất khiêm nhường. Chúa thượng ngồi xổm ngao mạn mắng nhiếc Ngao. Tướng quốc nước Triệu là bọn Quán Cao, Triệu Ngộ đều giận nói:

- Vua ta, là vị vua hèn kém vậy!

Bèn khuyên Triệu vương rằng:

- Hào kiệt thiên hạ cùng nổi dậy, ai có tài thì được lập trước. Nay vương thờ Đế rất cung kính, mà Đế vô lễ, bọn ta xin vì Vương giết ông ta!

Trương Ngao tự cắn ngón tay mình bật máu, nói:

- Các người sao nói lời lầm lẫn thế! Tiền nhân ta vong quốc, cậy nhờ Đế mới được phục quốc,⁽²⁾ đức trạch lưu truyền đến con cháu, một may có được đều là nhờ sức của Đế vậy. Xin các người chớ mở miệng nói nữa!

Bọn Quán Cao, Triệu Ngộ đều bảo nhau rằng:

- Đây là bọn ta sai vậy. Vua ta là bậc trưởng giả, không bội đức. Vả lại bọn ta theo nghĩa không chịu bị nhục; nay Đế làm nhục vua ta, nên bọn ta mới định giết Đế, sao để vua ta bị ô uế được! Nếu việc thành thì quy công về cho vua, việc bại thì chỉ thân mình mắc tội thôi!

4. Hung Nô đánh đất Đại. Đại vương Trọng bỏ nước tự quay về kinh, được tha tội, cho làm Cáp Dương hầu. Ngày Tân Mão, lập hoàng tử Như Ý làm Đại vương.

5. Mùa xuân, tháng hai, chúa thượng đến Trường An. Tiêu Hà sửa dựng cung Vị Ương, chúa thượng thấy cung ấy tráng lệ, rất tức giận, bảo Hà rằng:

- Thiên hạ loạn lạc, lao khổ mấy năm, thành bại chưa thể biết được, vì sao dựng cung thất quá mức vậy!

¹ Trương Ngao lấy con gái của Cao tổ là Lỗ Nguyên công chúa nên giữ lễ con rể.

² Trương Nhĩ vong quốc nói ở Hán kỷ quyển thứ nhất, sự kiện năm thứ nhất. Việc phục quốc nói ở Hán kỷ, quyển 2, sự kiện năm thứ ba.

Hà nói:

- Chính lúc thiên hạ chưa định, cho nên mới nhân cơ hội sửa dựng cung thất. Huống chi Thiên tử xem bốn bể là nhà, cung điện không xa hoa tráng lệ thì không lấy gì để gia tăng sự uy nghiêm. Vả lại làm thế là khiến cho đời sau không thể làm gì hơn được nữa.

Chúa thượng đẹp lòng.

Thần Quang nói: Bậc thánh vương xem nhân nghĩa là tươi đẹp, coi đạo đức là tôn uy, chưa hề nghe nói dựa vào cung thất để trấn vỗ thiên hạ vậy. Thiên hạ chưa định, đáng phải khắc chế ý riêng để tiết kiệm chi dùng, nhanh chóng cấp giúp cho dân; vậy mà lại mưu làm cung thất xem đây là việc hàng đầu, há có thể nói là đã biết rõ chức trách của mình! Xưa kia Đại Vũ ở cung điện thấp mà Hạ Kiệt làm cung Khuyinh.⁽¹⁾ Khai sáng công nghiệp đem truyền xuống cho quân vương đời sau, tự thân thi hành kiệm ước để làm gương con cháu, mà đời cuối vẫn còn sa vào dâm loạn xa xỉ, huống chi lại tỏ rõ sự xa xỉ với con cháu đời sau sao! Còn nói "khiến cho đời sau không thể làm gì hơn được nữa", há chẳng sai lầm sao! Cho đến thời Hiếu Vũ, rút cục vì làm cung thất khiến thiên hạ mệt mỏi, việc ấy chưa hẳn không phải có duyên do từ Toản hầu vậy.

6. Chúa thượng từ Lịch Dương dời đô về Trường An.⁽²⁾

7. Bắt đầu đặt chức quan Tông chính, để quản lý tông thất hoàng tộc.

8. Mùa hạ, tháng tư, Đế xuất hành đến Lạc Dương.

---ॐ---

¹ Vua Đại Vũ khai sáng nhà Hạ, ở cung điện thấp nhỏ, ra sức với việc thủy lợi, khiến dân no ấm, đến thời vua Kiệt, làm cung Khuyinh tráng lệ, khiến tài lực quốc gia hao kiệt, cuối cùng mất nước.

² Lúc trước xây kinh đô chưa xong, nay xây xong mới về ở.

HÀN KỶ

[QUYỂN THỨ TƯ]



THÁI TỔ CAO HOÀNG ĐẾ

Năm thứ tám (Nhâm Dần – TCN 199)

1. Mùa đông, chúa thượng đánh du đảng của Hàn vương Tín ở Đông Viên, đi qua Bách Nhân. Bọn Quán Cao sai người ẩn trong vách nhà xí, định đâm chúa thượng. Chúa thượng muốn nghỉ lại, trong lòng chợt động, hỏi rằng:

- Huyện này tên là gì?

Chúng nói:

- Là huyện Bách Nhân.

Chúa thượng nói:

- Bách nhân, là bị người ta bức bách vậy.⁽¹⁾

Bèn không nghỉ lại mà đi. Tháng mười hai, Đế từ Đông Viên quay về Trường An.

2. Mùa xuân, tháng ba, Đế đến Lạc Dương.

3. Đế xuống lệnh: Thương nhân không được mặc đồ gấm, lụa thêu, lụa bóng hoa, vải dệt có vân, vải dệt mịn, vải gai mỏng, vải len. Không được cầm binh khí, ngồi xe, cưỡi ngựa.

4. Mùa thu, tháng chín, Đế từ Lạc Dương về Trường An; Hoài Nam vương, Lương vương, Triệu vương, Sở vương đều đi theo.

¹ Chữ bách (柏), tên một loại cây, cùng nghĩa với chữ bách (迫), nghĩa là bức bách.

5. Mặc Đốn của Hung Nô nhiều lần xâm nhiễu biên bắc, chúa thượng lo việc ấy, hỏi Lưu Kính⁽¹⁾, Lưu Kính nói:

- Thiên hạ mới yên, sĩ tốt nhọc mệt bởi việc binh, chưa nên dùng vũ lực chế phục vậy. Mặc Đốn giết cha thay lập, lấy các vợ của cha, dùng sức lập uy, chưa thể dùng nhân nghĩa thuyết phục vậy. Chỉ nên dùng kế sách lâu dài, khiến con cháu hấn xung thần thôi, nhưng e là Bệ hạ không làm được.

Chúa thượng hỏi:

- Là sao?

Kính đáp rằng:

- Bệ hạ nếu có thể đem Trường công chúa dòng đích gả cho hấn, thưởng hậu của cải, bên kia tất mộ nghĩa, cho công chúa làm Yên chi, sinh được con trai, tất sẽ làm Thái tử. Bệ hạ mỗi năm bốn mùa đem thứ nhà Hán thừa mà bên kia thiếu, cho tặng nhiều lần, nhân đó sai biện sĩ giỏi tới dùng lễ tiết khuyên dụ. Mặc Đốn tại thế, đương nhiên là con rể nhà Hán; hấn chết, cháu ngoại Bệ hạ làm Thiên vu; Bệ hạ há từng nghe nói cháu ngoại dám hành lễ ngang hàng với ông ngoại chăng? Như thế có thể không phải đánh mà khiến họ dần thần phục. Nếu Bệ hạ chẳng thể sai Trường công chúa đi, mà lấy người trong tông thất hay người của hậu cung trá xưng là công chúa, bên kia biết được, chẳng chịu yêu quý thân gần, cũng vô ích vậy.

Đế nói: "Hay!"

Liền muốn phái Trường công chúa đi. Lã hậu ngày đêm khóc lóc nói:

- Thiếp chỉ có thái tử và một con gái, sao lại vứt bỏ đến đất Hung Nô?

Chúa thượng rút cục không phái Trường công chúa đi.

¹ Lưu Kính được ban họ Lưu, thành Lưu Kính vậy.

Năm thứ chín (Quý Mão – TCN 198)

1. Chúa thượng lấy con gái của một gia nhân xưng là Trương công chúa, đem gả cho Thiên vu, sai Lưu Kính qua Hung Nô kết ước hòa thân.

Thần Quang nói: Kiến Tín hầu nói Mặc Đôn là giặc tàn bạo, chẳng thể dùng nhân nghĩa thuyết phục, lại muốn cùng hắn kết ước hôn nhân, sao lại nói trước sau mâu thuẫn vậy? Ôi, cái ân cốt nhục, thứ tự trên dưới, chỉ có người nhân nghĩa là hiểu rõ được, mà lại muốn dùng cái cách như thế để chế phục Mặc Đôn sao? Đại khái Đế vương thời xưa chế ngự Di Địch, họ phục thì dùng đức để vỗ về, họ phản thì dùng uy để trấn nhiếp, chưa hề nghe nói cái cách thông qua hôn nhân kết ước vậy. Và lại Mặc Đôn coi cha mình như cầm thú mà bắt giết ông ta, thì bố vợ có là gì đâu? Cái kế sách của Kiến Tín hầu cố nhiên là rất sơ suất rồi. Huống chi Lỗ Nguyên đã là Vương hậu của Triệu vương,⁽¹⁾ lại có thể đoạt về sao?

2. Lưu Kính từ chỗ Hung Nô quay về, liền nói:

- Bạch Dương vương và Lâu Phiến vương của Hung Nô ở phía nam Hoàng Hà, cách Trường An khoảng bảy trăm dặm, quân khinh kỵ đi một ngày đêm có thể đến được Tần Trung. Tần Trung mới bị tàn phá, dân ít, đất đai phì nhiêu, nên sung thêm dân. Lúc chư hầu mới nổi dậy, nếu không có những người như họ Điền của nước Tề, các họ Chiêu, Khuất, Cảnh của nước Sở thì chẳng thể hưng khởi được. Nay Bệ hạ dẫu định đô ở Quan Trung, nhưng thực sự là thiếu dân, phía đông có cường tộc của sáu nước, một mai có biến, bệ hạ cũng chưa thể kê cao gối mà nằm vậy. Thần xin Bệ hạ cho dời con cháu của sáu nước cùng các hào kiệt và những gia đình có tiếng vào Quan Trung. Lúc vô sự có thể dùng để phòng bị người Hồ, chư hầu có biến, cũng đủ sức thống suất họ đến phương đông thảo phạt. Đây là cái thuật làm gốc mạnh ngọn yếu vậy.

¹ Bây giờ Lỗ Nguyên đang là vợ của Triệu vương Trương Ngao, đã nói rõ ở trên.

Chúa thượng nói: "Hay!"

Tháng mười một, dời năm họ lớn của các nước Tề, Sở là họ Chiêu, họ Khuất, họ Cảnh, họ Hoài, họ Điền cùng các hào kiệt đến Quan Trung, cấp cho họ ruộng tốt, nhà cửa, cả thảy hơn chục vạn khẩu.

3. Tháng mười hai, chúa thượng đến Lạc Dương.

4. Mưu của Quán Cao⁽¹⁾ bị người nhà của kẻ cừ thù dò biết, bèn cáo biến lên chúa thượng. Vì thế chúa thượng ra lệnh bắt Triệu vương và những kẻ phản. Bọn Triệu Ngộ hơn chục người tranh nhau tự cắt cổ, duy có Quán Cao giận mắng rằng:

- Ai khiến các ông làm thế? Nay Vương thực không dự mưu, mà lại bắt cả Vương. Các ông đều chết cả, ai sẽ bảm bạch rằng Vương không dự mưu làm phản?

Bèn vào xe cũi kín mít, cùng Triệu vương đến Trường An. Cao đối đáp với quan vấn ngục rằng:

- Chỉ mình ta dính vào việc đó, Vương thực không biết.

Viên lại trừng trị, đánh mấy nghìn roi, dùng dao đâm, thân mình không có chỗ nào lành, rút cục không nói lời khác. Lã hậu mấy lần nói:

- Trương vương vốn lấy công chúa, chắc không làm việc ấy.

Chúa thượng giận nói:

- Nếu Trương Ngao chiếm được thiên hạ, há lại thiếu đứa con gái như của bà sao?

Rồi không nghe. Đình úy đem lời cung của Quán Cao tấu lên. Chúa thượng nói:

- Thực là tráng sĩ! Ai biết hần? Lấy tình riêng hỏi xem.

Trung đại phu Tiết công nói:

¹ Bọn Quán Cao mưu tính giết Hán Cao tổ, việc nói ở Hán ký, quyển 3, sự kiện năm thứ bảy.

- Thần với hần là người cùng ấp, vốn biết hần, người ấy vốn lập nghĩa ở nước Triệu, không chịu xâm nhục, là người thủ tín giữ nghĩa.

Chúa thượng sai Tiết công cầm phù tiết đến hỏi Quán Cao trước rào cũi xe tù. Tiết công hỏi han nỗi lao khổ, như lúc vui vẻ bình thường, nhân đó hỏi:

- Trương vương quả thực có dự vào kế mưu ấy không?

Cao nói:

- Cái tình người há có ai lại không yêu cha mẹ, vợ con mình? Nay ba họ nhà ta đều bị luận tội chết, ta há yêu tiếc Vương hơn người thân của mình sao? Vốn dĩ Vương thực sự không phản, chỉ bọn ta làm việc đó.

Rồi kể cặn kẽ cái lý do mưu phản lúc trước và nói thực trạng Vương không biết việc ấy. Vì thế Tiết công vào, đem hết việc báo lên. Mùa xuân, tháng hai, chúa thượng tha Triệu vương Ngao, phế làm Tuyên Bình hầu, chuyển Đại vương Như Ý làm Triệu vương.

Chúa thượng khen Quán Cao là người hiền, sai Tiết công báo rõ với Quán Cao rằng:

- Trương vương đã được thả rồi.

Nhân đó tha cho Quán Cao. Quán Cao mừng hỏi:

- Vua ta thực được thả rồi sao?

Tiết công nói:

- Phải.

Lại nói:

- Chúa thượng khen túc hạ, nên thả túc hạ ra.

Quán Cao nói:

- Ta sợ dĩ không chết, khắp thân thể không lành, chỉ vì muốn bẩm rằng Trương vương không mưu phản vậy. Nay Vương đã

được ra, chức trách của ta đã hết, chết không hận rồi. Vả lại là kẻ nhân thần có cái tiếng thí vua, còn mặt mũi nào mà phụng sự chúa thượng nữa! Dẫu cho chúa thượng chẳng giết, ta há chẳng thẹn với lòng mình sao?

Bèn ngẩng đầu lên tự đứt đứt họng mình, rồi chết.

Tuân Duyệt luận rằng: Quán Cao cầm đầu gây mưu loạn, là giặc thí vua; dẫu có thể làm chứng minh oan cho vua của mình, cái khí độ nhỏ chẳng thể lấp tội đại nghịch, cái phẩm hạnh riêng không thể chuộc được trọng tội. Theo đại nghĩa kinh Xuân Thu, noi theo chính đạo là trọng yếu nhất, tội của Quán Cao không thể tha vậy.

Thần Quang nói: Cao tổ vì kiêu ngạo làm mất bấy tôi, Quán Cao vì căm phẫn làm hại Quốc quân. Khiến cho Quán Cao phản nghịch, là lỗi của Cao tổ vậy; khiến cho Trương Ngao mất nước, là tội của Quán Cao vậy.

5. Để hạ chiếu:

"Những kẻ phạm tội trước ngày Bính Dần, trừ hạng bị phán tử tội, đều tha cho."

6. Tháng hai, Đế từ Lạc Dương về Trường An.

7. Lúc trước, chúa thượng ban chiếu: "Quần thần và tân khách nước Triệu, ai dám theo Trương vương, đều bị diệt tộc." Lang trung Điền Thúc, Mạnh Thư đều tự cắt tóc, đeo xiềng cổ làm gia nô của Triệu vương đi theo. Lúc Trương Ngao được tha rồi, chúa thượng khen bọn Điền Thúc, Mạnh Thư là người hiền. Triệu gặp, cùng nói chuyện, thấy tài cán của họ vượt hơn quần thần của triều đình. Chúa thượng bái hết làm Quận thú, Tướng quốc của chư hầu.

8. Mùa hạ, tháng sáu, ngày hối, có nhật thực.

9. Đổi chức Thừa tướng của Tiêu Hà thành Tướng quốc.⁽¹⁾

¹ Bắt đầu từ đây, nhà Hán đặt chức Tướng quốc tại triều đình.

Năm thứ mười (Giáp Thìn – TCN 197)

1. Mùa hạ, tháng năm, Thái thượng hoàng băng ở cung Lịch Dương. Mùa thu, tháng bảy, ngày Quý Mão, táng Thái thượng hoàng ở ấp Vạn Niên. Sở vương, Lương vương đều đến đưa táng. Thả các tù phạm ở Lịch Dương.⁽¹⁾

2. Thích Cơ người Định Đào được chúa thượng sủng ái, sinh Triệu vương Như Ý. Chúa thượng vì Thái tử là người nhân đức, nhu nhược, cho là Như Ý giống mình, tuy phong làm Triệu vương, nhưng thường lưu lại ở Trường An. Chúa thượng đi tuần Quan Đông, Thích Cơ thường đi theo, đêm ngày kêu khóc, muốn lập con mình. Lã hậu tuổi cao, thường ở lại giữ Trường An, càng bị xa lánh. Chúa thượng muốn phế Thái tử mà lập Triệu vương, đại thần tranh cãi việc ấy, đều không thuyết phục được. Ngự sử đại phu Chu Xương ngang ngạnh tranh cãi ở triều đình, chúa thượng hỏi lý do tại sao. Xương vốn nói lắp, lại đang giận dữ, nói:

- Miệng thần chẳng thể nói ra, nhưng thần thì ... thì ... biết việc đó không được! Bệ hạ muốn phế Thái tử, thần ... thì ... thì không phụng chiếu!

Chúa thượng thích chí bật cười. Lã hậu ở Đông sương phòng⁽²⁾ nghiêng tai nghe ngóng, sau việc ấy, đến gặp Xương, quỳ gối cảm tạ, nói:

- Không có ngài, Thái tử cơ hồ đã bị phế.

Bấy giờ Triệu vương mười tuổi, chúa thượng lo rằng sau khi mình trăm tuổi thì Triệu vương không thể tự bảo toàn. Phù tử ngự sử Triệu Nghiêu xin bố trí một Tướng quốc tôn quý và cương cường giúp Triệu vương, mà từ Lã hậu, Thái tử, cho đến quần thần vốn kính sợ người đó. Chúa thượng hỏi:

¹ Thân Toàn chú: Vì lăng Vạn Niên ở huyện Lịch Dương nên thả tù phạm ở đó.

² Đông sương phòng, là gian phòng ở phía đông, kề gian chính điện.

- Ai là người thích hợp?

Nghiêu nói:

- Ngự sử đại phu Chu Xương là người ấy vậy.

Chúa thượng bèn dùng Xương làm Tướng quốc nước Triệu, rồi lấy Nghiêu thay Xương làm Ngự sử đại phu.

3. Khi trước, chúa thượng dùng Dương Hạ hầu Trần Hi làm Tướng quốc, giám quản quân ở biên giới hai nước Triệu, Đại. Hi qua từ biệt Hoài Âm hầu. Hoài Âm hầu nắm tay Hi, đuổi hết những người ở xung quanh, cùng Hi tản bộ trong sân, ngẩng mặt lên trời than rằng:

- Ngài cho ta nói mấy lời được chăng?

Hi đáp:

- Xin nghe lệnh tướng quân!

Hoài Âm hầu nói:

- Chỗ mà ngài trú, là nơi tinh binh trong thiên hạ ở vậy. Mà ngài, là người được Bệ hạ sủng ái tin tưởng. Nếu có người nói ngài làm phản, Bệ hạ tất không tin; nói lần nữa, Bệ hạ sẽ nghi ngờ; nói lần thứ ba, Bệ hạ tất giận mà tự đem quân đến. Ta vì ngài từ bên trong khỏi sự, thiên hạ có thể đồ được vậy.

Trần Hi vốn biết tài năng của Tín, tin ngay, nói:

- Xin kính cẩn vâng lời chỉ giáo!

Hi thường ngưỡng mộ hành vi dưỡng kẻ sĩ của Ngụy Vô Ky, cho đến lúc làm Tướng quốc giữ biên ải, một lần nghỉ về quê, đi qua nước Triệu, tân khách đi theo hơn nghìn cỗ xe, quán xá ở Hàm Đan đều đầy chật. Tướng quốc nước Triệu là Chu Xương xin về triều gặp chúa thượng, nói việc tân khách của Hi rất đông, nắm binh ở ngoài mấy năm, e là có biến. Chúa thượng sai người tra xét những việc phạm pháp của bọn tân khách, đa phần liên quan đến Hi. Hi sợ, Hàn vương Tín nhân đó sai bọn Vương Hoàng, Mạn Khâu Thần khuyên dụ Hi.

Thái thượng hoàng băng, chúa thượng sai người triệu Hi, Hi xưng bệnh không đến. Tháng chín, Hi liền cùng bọn Vương Hoàng làm phản, tự lập làm Đại vương, đánh cướp quanh đất Triệu, đất Đại. Chúa thượng từ phương đông đến đánh. Tới Hàm Đan, mừng nói:

- Hi không giữ Hàm Đan lại chẹn giữ sông Chương, ta biết hẳn không có tài rồi!

Chu Xương tấu:

- Hai mươi lăm thành của quận Thường Sơn thì có hai mươi thành bị mất, xin giết hết các quan Thú, Ủy ở đấy.

Chúa thượng nói:

- Các quan Thú, Ủy làm phản chẳng?

Xương đáp:

- Không.

Chúa thượng nói:

- Đây là lực của họ không đủ, không có tội.

Chúa thượng lệnh cho Chu Xương tuyển tráng sĩ nước Triệu có thể sai làm tướng, Xương bầm là tìm được bốn người, đưa đến. Chúa thượng mừng rằng:

- Lũ trẻ ranh có thể làm tướng sao?

Bốn người hổ thẹn, đều phục xuống đất. Chúa thượng phong cho mỗi người một nghìn hộ, dùng làm tướng. Tả hữu can rằng:

- Người theo Bệ hạ vào đất Thục, đất Hán, đánh Sở, thường còn chưa hết. Nay phong bọn này, vì công gì?

Chúa thượng nói:

- Đây không phải là điều các người biết được. Trần Hi phản, đất Triệu, Đại đều bị Hi chiếm. Ta dùng vũ hịch trung binh thiên hạ, chưa có ai đến, nay tính ra chỉ có binh trong thành Hàm Đan thôi. Ta há tiếc bốn nghìn hộ, chẳng dùng chỗ ấy để vỗ về con em nước Triệu!

Chúng đều nói:

- Hay!

Để lại nghe nói tướng của Hi đều là thương nhân cũ, liền nói:

- Ta biết phải cho chúng cái gì rồi.

Bèn dùng nhiều vàng mua chuộc bộ tướng của Hi, tướng của Hi đa phần đến hàng.

Năm thứ mười một (Ất Tỵ – TCN 196)

1. Mùa đông, chúa thượng ở tại Hàm Đan. Tướng của Trần Hi là Hầu Sưởng đem hơn vạn người đến đánh quấy, Vương Hoàng lĩnh hơn nghìn quân kỵ đóng ở Khúc Nghịch, Trương Xuân đem hơn vạn binh tốt vượt Hoàng Hà đánh Liêu Thành, tướng quân nhà Hán là Quách Mông cùng tướng nước Tề đón đánh, đại phá chúng. Thái úy Chu Bật theo đường Thái Nguyên vào bình đất Đại, đến Mã Ấp, thành Mã Ấp không chịu hàng, Chu Bật đánh giết rất nhiều. Triệu Lợi giữ Đông Viên, Để đánh hạ thành ấy, lệnh đổi tên chỗ ấy thành Chân Định. Để treo thưởng nghìn vàng bắt Vương Hoàng và Mạn Khâu Thần, thuộc hạ dưới trướng của hai người bắt sống họ. Vì thế quân của Trần Hi bại.

Hoài Âm hầu Hàn Tín xưng bệnh, không theo đánh Trần Hi, ngầm sai người đến chỗ Hi, cùng thông mưu. Tín bàn mưu với gia thần đang đêm giả chiếu nhà vua tha những kẻ phạm tội và nô lệ của phủ quan, muốn phát động họ đánh úp Lã hậu và Thái tử; bố trí đã xong xuôi, đợi Hi báo tin. Có tên Xá nhân đắc tội với Tín, bị Tín cầm tù, muốn giết hẳn.

Mùa xuân, tháng giêng, em của tên Xá nhân đó báo sự biến lên trên, tố cáo việc Tín muốn làm phản với Lã hậu. Lã hậu muốn triệu Tín, nhưng sợ việc quá đột ngột, Tín không chịu đến; bèn cùng với Tiêu tướng quốc bàn mưu, vờ sai người từ

chỗ chúa thượng về, nói đã bắt được Hi, hần đã chết, các Liệt hầu và quần thần đều đến chúc mừng. Tướng quốc lừa Tín, nói:

- Ngài đầu ối, cũng gắng vào mừng.

Tín vào, Lã hậu sai võ sĩ trói Tín, chém ở nhà treo chuông trong cung Trường Lạc. Tín sắp bị chém, nói:

- Ta hối không dùng kế của Khoái Triệt,⁽¹⁾ nên mới bị lũ đàn bà con nít lừa dối, há chẳng phải là ý trời sao?

Lã hậu bèn đi diệt ba họ nhà Tín.

Thần Quang nói: Người đời có kẻ cho rằng Hàn Tín là người đầu tiên giúp dựng kế lớn, cùng Cao tổ khởi sự từ Hán Trung, định Tam Tần, rồi chia binh lên hướng bắc, cầm bắt vua Ngụy, chiếm đất Đại, diệt nước Triệu, bức nước Yên, lại sang đông đánh Tề mà lấy đất ấy, xuôi nam diệt Sở tại Cai Hạ, Hán triều nhờ đó lấy được thiên hạ, đại để đều là công của Tín vậy. Xem việc Tín cự tuyệt lời khuyên của Khoái Triệt, ngênh đón Cao tổ ở đất Trần,⁽²⁾ há phải là có tâm ý làm phản đâu! Thật bởi bị mất chức Vương thành ra tấm tức, rồi sau mới mắc vào tội bội nghịch. Đến như Lô Oản là người đồng hương có ân tình cũ, còn được làm Yên vương ngoảnh mặt về nam xưng Cô, mà Tín lấy thân phận là Liệt hầu nhận đặc cách tham dự hội triều; há chẳng phải là Cao tổ cũng có chỗ phụ lại Hàn Tín sao? Thần cho rằng Cao tổ dùng mưu trá lừa cầm bắt Tín ở đất Trần, nói rằng phụ lại Tín cũng có chỗ đúng; tuy nhiên, Tín vẫn có chỗ mắc lỗi vậy. Ban đầu, Hán và Sở đang cự nhau ở Huỳnh Dương, Tín diệt Tề, chẳng quay về tấu báo mà tự xưng Vương;⁽³⁾ rồi sau Hán truy kích Sở đến Cổ Lăng, ước định với Tín cùng đánh Sở mà Tín không đến;⁽⁴⁾ đương lúc bấy giờ, Cao tổ nhất

¹ Xem kế của Khoái Triệt ở Hán kỷ quyền 2, sự kiện năm thứ tư đời Hán Cao tổ.

² Xem việc Cao tổ giả đi tuần du ở đầm Vân Mộng lừa bắt Tín ở Hán kỷ quyền 3, sự kiện năm thứ sáu đời Hán Cao tổ.

³ Xem việc Hàn Tín xin xưng làm Giả vương tại đất Tề ở Hán kỷ quyền 2, sự kiện năm thứ tư đời Hán Cao tổ.

⁴ Xem việc Hán Cao tổ đuổi đánh Hạng Vũ ở Cổ Lăng, Tín không đến giúp tại Hán kỷ quyền 3, sự kiện năm thứ năm đời Hán Cao tổ.

định đã có ý diệt Tín đi rồi, chỉ vì sức chưa đủ đẩy thôi, đến lúc thiên hạ đã định, Tín còn có chỗ cậy dựa sao? Chớp thời cơ để mưu cầu lợi ích, là chí hướng của kẻ tiểu nhân nơi ngõ chợ; lập công lao rồi báo đức, là tấm lòng của bậc quân tử có đức. Tín dùng cái chí của kẻ tiểu nhân nơi ngõ chợ mưu lợi cho bản thân, mà mong người khác dùng tấm lòng của bậc quân tử có đức đáp lại, chẳng cũng khó sao! Thế nên Thái sử công luận về Tín rằng: Ví như Hàn Tín học cái đạo khiêm nhường, không khoe công, không tự phụ tài năng, thì đến nỗi như thế sao! Công huân của Tín với nhà Hán, có thể sánh với mấy người Chu công, Triệu công, Thái công, đời sau vẫn được hưởng huyết thực rồi! Vậy mà Tín không dốc lòng làm thế, thiên hạ đã định rồi, lại mưu phản nghịch; tông tộc bị di diệt, chẳng cũng thích đáng sao!

2. Tướng quân Sài Vũ chém Hàn vương Tín ở Sâm Hợp.

3. Chúa thượng về đến Lạc Dương, nghe nói Hoài Âm hầu chết, vừa mừng vừa thương, hỏi Lã hậu rằng:

- Tín sắp chết có nói gì không?

Lã hậu nói:

- Tín nói hận không dùng kế của Khoái Triệt.

Chúa thượng nói:

- Khoái Triệt là biện sĩ người nước Tề vậy.

Bèn hạ chiếu sai người nước Tề bắt Khoái Triệt. Khoái Triệt đến, chúa thượng nói:

- Mày dạy Hoài Âm hầu làm phản chẳng?

Triệt đáp rằng:

- Đúng, thần có dạy hần. Thằng trẻ ranh đó không dùng kế của thần, cho nên tự bị di diệt đến thế; nếu hần dùng kế của thần, Bệ hạ há được yên ổn mà diệt hần sao!

Chúa thượng giận nói:

- Hãy nấu nó!

Triệt nói:

- Than ôi! Ta bị nấu oan uống thay!

Chúa thượng hỏi:

- Mày dạy Hàn Tín phản, oan uống gì?

Triệt đáp:

- Nhà Tần làm mất con hươu, thiên hạ cùng đuổi bắt, ai tài cao chân nhanh thì bắt được trước. Con chó của Chích⁽¹⁾ sữa vua Nghiêu; đây không phải vì vua Nghiêu bắt nhân, là chó thì cố nhiên sữa kẻ không phải chủ của nó. Đương lúc bấy giờ, thần chỉ biết có Hàn Tín, không biết đến Bệ hạ vậy. Và lại kẻ mài giáo sắc, cầm dao nhọn muốn làm cái việc mà Bệ hạ làm rất nhiều, chỉ vì sức của họ không đủ thôi, Bệ hạ có thể nấu hết bọn họ được chăng?

Chúa thượng nói:

- Thả nó ra.

4. Đế lập con là Hằng làm Đại vương, đóng đô ở Tấn Dương.

5. Đại xá thiên hạ.

6. Lúc chúa thượng đánh Trần Hi, trung binh ở nước Lương; Lương vương xưng bệnh, sai tướng đem binh đến Hàm Đan. Chúa thượng giận, sai người trách Lương vương. Lương vương sợ, muốn tự đến tạ lỗi. Tướng của Lương vương là Hồ Triếp nói:

- Vương ban đầu không đến, bị trách mới đến, đến tất bị cầm bắt rồi. Chẳng bằng nhân thế phát binh làm phản.

Lương vương không nghe. Thái phó của Lương vương đắc tội, trốn đến chỗ Hán vương, tố cáo Lương vương và Hồ Triếp mưu phản. Vì thế chúa thượng sai sứ giả đến ngầm bắt Lương vương, Lương vương không phát hiện được, liền bị cầm tù đưa tới Lạc Dương. Hữu ti phán:

¹ Chích (跖), là tên kẻ trộm hung ác sống ở thời vua Nghiêu.

- Chúng có phản nghịch đã đủ,⁽¹⁾ xin trị tội theo pháp luật.

Chúa thượng xá tội cho làm thứ dân, truyền lệnh sai đến ở huyện Thanh Y xứ Thục. Bành Việt sang tây đến đất Trịnh, vừa gặp Lã hậu từ Trường An tới. Bành vương khóc lóc với Lã hậu, tự nói mình vô tội, mong được về ở đất cũ Xương Ấp.⁽²⁾ Lã hậu nhận lời, cùng về phía đông. Đến Lạc Dương, Lã hậu bẩm với chúa thượng rằng:

- Bành vương là tráng sĩ, nay đầy đến đất Thục, đây là tự lưu họa về sau, chi bằng giết ngay đi. Thiếp đã cẩn thận đưa hắn đi cùng về đây.

Thế rồi Lã hậu bèn lệnh cho Xá nhân của mình tố cáo Bành Việt lại mưu phản. Đình úy Vương Diêm Khai tấu xin giết cả họ nhà Bành Việt, chúa thượng chuẩn tấu. Tháng ba, di diệt cả ba họ nhà Việt. Chém bêu đầu Việt ở Lạc Dương, hạ chiếu rằng:

"Ai dám thu nhặt thi thể hay ngoái nhìn, lập tức bắt ngay."

Đại phu nước Lương là Loan Bối đi sứ nước Tề, quay về, tấu báo việc ở dưới đầu Việt, cúng tế rồi khóc. Quan lại bắt đem việc báo lên. Chúa thượng sai triệu gọi Bối, mắng, muốn nấu chín Bối. Lúc nâng Bối lên để thả vào vạc nước sôi, Bối ngoảnh đầu nói:

- Xin được nói một lời rồi chết.

Chúa thượng hỏi:

- Nói gì?

Bối nói:

- Đang lúc chúa thượng nguy khốn ở Bành Thành, thua bại ở vùng Huỳnh Dương, Thành Cao, cái lý do mà Hạng vương không thể hướng về tây, chỉ vì Bành Việt chiếm đất Lương, cùng Hán hợp tung làm khó cho Sở vậy. Đang lúc bấy giờ, Bành

¹ Hồ Triếp khuyên Lương vương Bành Việt phản, Việt lại không giết Hồ Triếp, như thế là chứng có phản nghịch có đủ vậy.

² Năm thứ hai đời Tần Nhị thế, Bành Việt khởi sự ở Xương Ấp.

vuơng ngoái đầu một cái, giúp Sở thì Hán bị phá, giúp Hán thì Sở bị phá. Và lại lúc hội ở Cai Hạ, không có Bành vương, họ Hạng chẳng vong. Thiên hạ đã định, Bành vương được chẻ phù thụ phong, cũng muốn truyền đến vạn đời. Nay Bệ hạ một lần trung binh ở nước Lương, Bành vương ốm không đi được, mà Bệ hạ nghi ngờ cho là phản; hình trạng phản chưa đủ, liền lấy việc vụn vặt kết án để diệt đi. Thần sợ rằng công thần người người tự thấy nguy vậy. Nay Bành vương đã chết, thần sống chẳng bằng chết, xin nấu ngay đi!

Chúa thượng vì thế tha tội cho Bồ, bái làm Đô úy.

7. Ngày Bính Ngọ, lập Hoàng tử Khôi làm Lương vương; ngày Bính Dần, lập hoàng tử Hữu làm Hoài Dương vương. Bãi bỏ Đông Quận, gộp vào nước Lương; bãi bỏ quận Dĩnh Xuyên, gộp vào nước Hoài Dương.

8. Mùa hạ, tháng tư, Đế từ Lạc Dương quay về Trường An.

9. Tháng năm, Đế hạ chiếu lập Nam Hải úy của nhà Tần lúc trước là Triệu Đà làm Nam Việt vương, sai Lục Giả đi trao ti thụ, cùng chẻ phù thông sứ, sai hòa hợp vớ về Bách Việt, để không thành họa hại ở biên cảnh phía nam.

Khi trước, thời Tần Nhị Thế, Nam Hải úy Nhâm Ngao ốm sắp chết, triệu gọi Long Xuyên lệnh Triệu Đà, nói rằng:

- Nhà Tần vô đạo, thiên hạ khốn khổ. Nghe nói bọn Trần Thắng tác loạn, thiên hạ chưa biết lúc nào yên. Nam Hải xa xôi hẻo lánh, ta sợ giặc cướp xâm phạm đến đất này, muốn hưng binh chặn đứt con đường mới để tự phòng bị, đợi xem chư hầu có biến; đúng lúc mắc bệnh nặng. Và lại đất Phiên Ngung dựa núi hiểm, có bể nam ngăn cách, đông tây mấy nghìn dặm, có rất nhiều người Trung Quốc phụ giúp; chỗ này cũng là nơi chủ chốt của một châu, có thể lập nước được. Trường lại trong quận, không có ai đáng để bàn việc, cho nên ta mới triệu ngài đến bảo việc này.

Nói xong lập tức trao thư cho Đà, sai tạm coi việc của Nam Hải úy. Ngao chết, Đà liền phát hịch văn báo với các quan ải Hoàn Phố, Dương Sơn, Hoàng Khê rằng:

- Giặc cướp sắp đến, phải gấp chặn đường, tụ binh tự giữ!

Nhân đó dần dần dùng phép tắc giết các Trưởng lại mà nhà Tần đặt ở đó, dùng đồng đảng của mình tạm thay chức. Sau khi nhà Tần bị phá diệt, Đà lập tức đánh chiếm Quế Lâm, Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vũ vương.

Lục Sinh⁽¹⁾ đến, Ủy Đà búi tóc, ngồi xõm tiếp Lục Sinh. Lục Sinh thuyết Đà rằng:

- Túc hạ là người Trung Quốc, anh em, thân thích, mộ phần tổ tiên tại Chân Định. Nay túc hạ trái thiên tính, bỏ đại mẫu,⁽²⁾ muốn lấy cái nước Việt mỏng mỏng cùng Thiên tử đối kháng thành nước địch, họa sắp đến thân rồi. Vả lại nhà Tần lỗi chính sự, chư hầu hào kiệt đều nổi lên, duy có Hán vương vào cửa quan trước, chiếm Hàm Dương. Hạng Vũ bội ước, tự lập làm Tây Sở bá vương, chư hầu đều thành bộ thuộc, có thể gọi là rất cường mạnh vậy. Nhưng Hán vương khởi sự ở Ba, Thục, vùng roi lấy thiên hạ, rút cục giết Hạng Vũ, diệt nước Sở; trong vòng năm năm, hải nội bình định. Đấy không phải sức người, mà là ý trời sắp đặt vậy. Thiên tử nghe nói Quân vương làm vua Nam Việt, chẳng giúp Thiên tử giết kẻ bạo nghịch, văn quan võ tướng muốn đem binh đến giết Vương. Thiên tử thương trăm họ mới lao khổ, nên tạm nghỉ ngơi, phái ta trao cho Quân vương ấn nhà vua, chẻ phù thông sứ. Quân vương đáng lý phải ra ngoài thành đón rước, ngoảnh mặt về bắc xưng thần; thế mà lại muốn lấy cái nước Việt mới tạo dựng chưa xong, quật cường không

¹ Lục Sinh (陆生), tức Lục Giả (陆贾), người huyện Chân Định, quận Hằng Sơn.

² Người Hán trị vùng Hoa Hạ, coi mình là trung tâm thiên hạ, là xứ sở văn minh theo giáo hóa thánh hiền, xưng là nước đại mẫu, xem thường các tộc khác xung quanh, gọi các xứ ấy là Man Di, không biết giáo hóa.

chịu phục như thế! Nhà Hán nếu nghe biết, sẽ đào bới đốt phá phần mộ tổ tiên của Vương, di diệt tông tộc, sai một thiên tướng thống lĩnh mười vạn quân đến nước Việt, thì nước Việt sẽ giết Vương rồi hàng nhà Hán như lật bàn tay thôi!

Vì thế Úy Đà vụt ngồi thẳng dậy, tạ Lục Sinh rằng:

- Ta ở trong đất Man Di lâu, bỏ mất lễ nghĩa.

Nhân đó hỏi Lục Sinh rằng:

- Ta so với Tiêu Hà, Tào Tham, Hàn Tín ai cao minh hơn?

Lục Sinh nói:

- Vương tựa như cao minh hơn.

Úy Đà lại hỏi:

- Ta so với Hoàng đế ai hiền hơn?

Lục Sinh nói:

- Hoàng đế kế nối cơ nghiệp của Tam hoàng, Ngũ đế, thống trị Trung Quốc; người Trung Quốc tính kế ức, đất vuông vạn dặm, muôn vật phong phú; quyền chính trong tay một nhà, từ khi trời đất tách chia đến nay chưa hề có ai được vậy. Nay dân chúng của Vương bất quá chỉ mấy chục vạn, đều là Man Di, ở giữa nơi núi non biển cả gập ghềnh, cũng ví như một quận của nhà Hán thôi, sao lại so sánh với nhà Hán được!

Úy Đà cả cười nói:

- Ta không khởi sự ở Trung Quốc, nên làm Vương ở chỗ này; ví như ta ở Trung Quốc, sao phải lo không bằng được nhà Hán!

Bèn lưu Lục Sinh lại cùng uống rượu, sau mấy tháng, nói:

- Trong nước Việt không có ai đáng để ta cùng nói chuyện. Đến khi tiên sinh tới, khiến ta hàng ngày được nghe những điều mình chưa được nghe.

Bèn ban cho Lục Sinh một đầy châu báu giá nghìn vàng, ngoài ra đồ vật khác đưa tặng cũng đáng giá nghìn vàng. Lục

Sinh rút cục bái Đà làm Nam Việt vương, sai xưng thần, vâng chế ước của nhà Hán. Rồi quay về báo tin, Đế rất đẹp lòng, bái Giả làm Thái trung đại phu.

Lục Sinh thường ở trước mặt Đế xưng tụng *Thi, Thu*. Đế liền mắng Lục Sinh rằng:

- Ông mày ngồi trên ngựa mà lấy được thiên hạ, cần gì *Kinh Thi* với *Kinh Thu*!

Lục Sinh nói:

- Ngồi trên ngựa lấy được thiên hạ, há có thể ngồi trên ngựa để trị thiên hạ chăng? Vả như Thang, Vũ dùng nghịch mà lấy được thuận mà giữ; văn vũ kiêm dùng, là cái thuật lâu dài vậy. Xưa kia Ngô vương Phù Sai, Trí Bá, Tần Thủy Hoàng, đều vì lạm dụng vũ lực mà vong. Ví như sau khi nhà Tần đã kiêm nuốt thiên hạ, lại thi hành nhân nghĩa, theo phép tắc của thánh vương xưa, Bệ hạ sao có thể chiếm được thiên hạ!

Đế có sắc then, nói:

- Ngài hãy thử vì ta chép ra cái lý do nhà Tần mất thiên hạ, cái lý do ta có được thiên hạ và đạo lý thành bại của các quốc gia thời xưa.

Lục Sinh bèn thuật lại đại lược những điểm triệu tồn vong của một quốc gia, cả thảy là mười hai thiên. Mỗi khi tấu lên một thiên, Đế chưa từng không khen hay, tả hữu thường hô "vạn tuế", gọi sách ấy là *Tân ngữ*.

10. Đế mắc bệnh, ghét gặp người khác, nằm trong cung cấm, chiếu lệnh cho quân giữ cửa không được cho quần thần vào gặp, bọn đại thần Giáng, Quán chẳng ai dám vào, đến hơn chục ngày. Vũ Dương hầu Phàn Khoái đẩy cửa nách xông thẳng vào, đại thần theo sau. Chúa thượng một mình nằm gối đầu lên tên hoạn quan. Bọn Khoái gặp chúa thượng, rơi nước mắt nói:

- Ban đầu, Bệ hạ cùng bọn thần nổi dậy ở đất Phong, đất Bái, bình định thiên hạ, tráng liệt làm sao! Nay thiên hạ đã định, sao

lại mỗi một như vậy? Huống chi Bệ hạ bệnh nặng, đại thần hoảng sợ; Bệ hạ chẳng gặp bọn thần bàn tính việc, chỉ ở cùng một viên hoạn quan đến chết sao? Và lại Bệ hạ không nhớ đến việc của Triệu Cao ư?

Đế cười rồi đứng dậy.

11. Mùa thu, tháng bảy, Hoài Nam vương Kinh Bố phản.

Khi trước, Hoài Âm hầu chết, Bố trong lòng sợ hãi. Lúc Bành Việt bị giết, ướp thịt làm mắm đem phát cho chư hầu. Sứ giả đến Hoài Nam, Hoài Nam vương đang đi săn, thấy thịt ướp mắm, liền hoảng sợ, ngầm lệnh sai bộ thuộc tỵ binh, rình xét cáo cấp ở các quận bên cạnh. Người thiếp được Bố sủng ái bị bệnh xin đến chỗ thầy thuốc, nhà thầy thuốc và nhà quan Trung đại phu Phì Hách đối cửa, Hách bèn hậu tặng của cải, theo người thiếp ăn uống ở nhà thầy thuốc; Hoài Nam vương ngờ là Hách cùng người thiếp của mình dâm loạn, muốn bắt Hách. Hách ngồi xe trạm dịch đến Trường An báo sự biến lên chúa thượng, thư nói:

"Bố có mầm mống mưu phản, nên giết trước khi Bố phát động."

Chúa thượng đọc thư của Hách, nói với Tiêu tướng quốc, Tướng quốc nói:

- Bố chẳng đến nỗi làm việc ấy, e rằng người ta thù oán mà vu xằng. Xin hãy trối Hách lại, rồi sai người ngầm tra xét Hoài Nam vương.

Hoài Nam vương thấy Hách có tội trốn đi báo sự biến, cho nên ngờ Hách nói ra việc kín trong nước; sứ giả nhà Hán lại đến, có vẻ như tra xét; Bố bèn diệt cả gia tộc nhà Hách, phát binh làm phản. Thư báo tin Bố phản truyền lên, chúa thượng bèn tha Phì Hách, dùng làm tướng quân.

Chúa thượng triệu chư tướng hỏi kế. Mọi người đều nói:

- Phát binh đánh dẹp, chôn sống thẳng ranh ấy thôi, hẳn làm được gì!

Nhữ Âm hầu Đẳng công triệu quan Lệnh doãn của Sở cũ là Tiết công đến hỏi. Lệnh doãn nói:

- Đấy đương nhiên là phải làm phản.

Đẳng công nói:

- Chúa thượng cắt đất mà phong ông ấy, ban tước vị cho làm vương, sao ông ấy lại phản vậy?

Lệnh doãn nói:

- Năm ngoái giết Bành Việt, năm trước đấy giết Hàn Tín; ba người này, công lao và địa vị như nhau, tự ngờ rằng họa đến thân mình, cho nên phản thôi!

Đẳng công nói lời ấy với chúa thượng, chúa thượng bèn triệu kiến, hỏi Tiết công. Tiết công đáp rằng:

- Việc Bố phản không đáng lạ vậy. Ví như Bố theo thượng kế, đất Sơn Đông không phải của nhà Hán nữa; nếu theo trung kế, việc thắng hay bại chưa thể biết được; nếu theo hạ kế, Bệ hạ có thể cao gối mà nằm thôi.

Chúa thượng hỏi:

- Thế nào gọi là thượng kế?

Tiết công đáp:

- Phía đông lấy đất Ngô, phía tây lấy đất Sở, thôn tính đất Tề, lấy đất Lỗ, truyền hịch đến các nước Yên, Triệu, cố thủ ở đất của mình, như thế đất Sơn Đông không phải là của nhà Hán nữa.

Lại hỏi:

- Thế nào gọi là trung kế?

Tiết công đáp:

- Phía đông lấy đất Ngô, phía tây lấy đất Sở, nuốt đất Hàn, lấy đất Ngụy, chiếm kho thóc Ngao Thương, chặn cửa Thành Cao, như thế ai thắng ai bại chưa thể biết được vậy.

Chúa thượng hỏi:

- Thế nào gọi là hạ kế?

Tiết công đáp:

- Phía đông lấy đất Ngô, phía tây lấy Hạ Thái, đưa truy trọng đến đất Việt, tự mình về Trường Sa, như thế Bệ hạ có thể cao gối mà nằm, nhà Hán vô sự thôi!

Chúa thượng hỏi:

- Hẳn sẽ theo kế nào?

Tiết công đáp:

- Sẽ theo hạ kế.

Chúa thượng hỏi:

- Vì sao hẳn bỏ thượng kế, trung kế mà theo hạ kế?

Tiết công nói:

- Bỏ, vốn là tù đồ ở Ly Sơn vậy, tự mình làm đến chức vạn thặng, thế nên hành sự đều chỉ vì bản thân mình, không nghĩ đến trăm họ và con cháu vạn đời sau vậy, cho nên nói hẳn sẽ theo hạ kế.

Chúa thượng nói: "Hay!" Bèn phong cho Tiết công một nghìn hộ. Rồi lập Hoàng tử Lưu Trường làm Hoài Nam vương.

Bấy giờ chúa thượng mắc bệnh, muốn sai Thái tử đi đánh Kinh BỐ. Tân khách của Thái tử là Đông Viên Công, Khỉ Lý Quý, Hạ Hoàng Công, Giác Lý tiên sinh⁽¹⁾ khuyên Kiến Thành hầu Lã Thích Chi rằng:

- Thái tử lĩnh binh, có công thì ngôi vị cũng không hơn được, không có công thì mang họa từ đấy thôi. Sao ngài chẳng gặp thỉnh xin Lã hậu, nhân cơ hội gặp chúa thượng khóc nói rằng: "Kinh BỐ, là mãnh tướng thiên hạ, khéo dùng binh. Nay chư tướng đều là người cũ ngang vai vế với Bệ hạ, mà sai Thái tử thống lĩnh các thuộc hạ ấy, khác gì sai dê cầm đầu bầy sói, chẳng

¹ Đây chính là bốn vị "Tứ hạo", tránh loạn nhà Tần, ẩn cư ở núi Thương Sơn, tục vẫn gọi là Thương Sơn tứ hạo.

ai chịu nghe sai khiến. Và lại Bố nghe tin ấy, thì hẳn sẽ giống trống mà sang tây thôi. Chúa thượng dẫu bệnh, cũng gắng lên xe, nằm mà chỉ huy, chứ tướng chẳng ai dám không hết sức. Chúa thượng dẫu khổ, nhưng hãy vì vợ con mà gắng gượng!"

Vì thế Lã Thích Chi ngay trong đêm vào gặp Lã hậu. Lã hậu lựa lúc gặp chúa thượng khóc rồi nói, như ý của bốn người kia. Chúa thượng nói:

- Ta nghĩ thẳng rạch ấy vốn chẳng xứng sai phái, thôi thì ông đây tự đi vậy.

Thế rồi chúa thượng tự đem binh hướng về đông, quần thần ở lại giữ nhà, đều đưa tiễn đến Bá Thượng. Lưu hầu bị bệnh, tự gượng dậy, đến Khúc Bưu, gặp chúa thượng nói:

- Thần đáng lý phải đi theo, nhưng bệnh nặng quá. Người Sờ nhanh nhẹn mạnh tợn, xin chúa thượng đừng tranh phong với họ!

Nhân đó khuyên chúa thượng lệnh sai Thái tử làm Tướng quân, coi việc binh của Quan Trung. Chúa thượng nói:

- Tử Phòng dẫu bệnh, gắng nằm mà giúp đỡ Thái tử.

Bấy giờ Thúc Tôn Thông làm Thái phó, Lưu hầu coi việc của Thiếu phó.

Để hạ lệnh trưng phát xe, ngựa của Thượng Quận, Bắc Địa, Lũng Tây, những kẻ có sức khỏe ở đất Ba, đất Thục cùng ba vạn binh tốt của Trung úy làm quân vệ cho Hoàng thái tử, rồi trú quân ở Bá Thượng.

Lúc Bố mới phản, bảo với tướng của mình rằng:

- Chúa thượng già lão rồi, chán ghét việc binh, tất không đến được. Sai chứ tướng đi, chứ tướng ta lo ngại chỉ có Hoài Âm hầu và Bành Việt, nay họ đều đã chết, những kẻ khác chẳng đủ sợ.

Cho nên quyết phản. Bố quả như lời Tiết công nói, sang đông đánh đất Kinh. Kinh vương Giả bỏ chạy chết ở Phú Lăng; Bố cướp hết binh ở đấy, vượt sông Hoài đánh đất Sờ, tướng Sờ

phát binh cùng Bồ giao chiến giữa hai huyện Từ, Đồng, chia quân làm ba cánh, muốn để cứu giúp lẫn nhau, cho là kế lạ. Có người khuyên tướng Sở rằng:

- Bồ khéo dùng binh, dân vốn sợ hấn. Và lại theo *Binh pháp*: "Chư hầu tự đánh ở đất mình, binh sĩ dễ chạy trốn", nay chia quân làm ba, bên họ đánh bại một cánh quân, hai cánh quân kia đều chạy cả, sao cứu nhau được?

Tướng Sở không nghe. Bồ quả nhiên đánh vỡ một cánh quân, hai cánh quân còn lại tan chạy; Bồ bèn dẫn binh sang tây.

Năm thứ mười hai (Bính Ngọ – TCN 195)

1. Mùa đông, tháng mười, chúa thượng cùng quân của Bồ gặp nhau ở phía tây đất Kỳ, binh của Bồ rất tinh nhuệ. Chúa thượng đắp lũy ở Dung Thành, trông sang thấy quân của Bồ bày trận như Hạng Tịch, chúa thượng ghét lắm. Chúa thượng và Bồ trông sang nhau, từ xa hỏi Bồ rằng:

- Ngươi khổ sở gì mà muốn tạo phản?

Bồ nói:

- Ta muốn làm Đế thôi!

Chúa thượng giận mắng Bồ, bèn đại chiến. Quân của Bồ thua bại, vượt sông Hoài, mấy lần dừng lại đánh, không được lợi, cùng hơn trăm người chạy đến Giang Nam, chúa thượng lệnh sai biệt tướng truy đuổi hấn.

2. Chúa thượng quay về, qua đất Bái, lưu lại, bày rượu ở Bái cung, triệu hết những người quen biết cũ, các vị phụ lão, nữ trưởng bối, con em gia tộc đến uống rượu, nói các việc cũ để cùng cười vui, rồi đứng dậy tự hát, khảng khái buồn thương, khóc sa lệ mấy hàng, bảo các vị phụ huynh đất Bái rằng:

- Khách đi xa nhớ cố hương. Trẫm xuất thân là Bái công, nhờ giết kẻ bạo nghịch, vì thế có được thiên hạ, nay lấy huyện Bái

làm ấp thang mộc của trẫm, miễn thuế khóa dao dịch cho dân ở đất này, đòi đòi không ai được trưng thu.

Vui vẻ uống rượu hơn chục ngày, rồi đi.

3. Biệt tướng của nhà Hán đánh quân của Anh Bố⁽¹⁾ ở phía bắc và phía nam sông Thao, đều đại phá chúng. Bố vốn có quan hệ hôn nhân với Phiên quân, vì thế Trường Sa Thành vương Thần sai người dụ Bố, và muốn cùng trốn đến đất Việt, Bố tin rồi đi theo. Người huyện Phiên Dương giết Bố tại nhà dân ở làng Tư Hương.

4. Chu Bột định được hết đất đai của Đại Quận, Nhạn Môn, Vân Trung, chém đầu Trần Hi ở Đường Thành.

5. Chúa thượng vị Kinh vương Giả không có con kế tự, liền đổi nước Kinh thành nước Ngô. Ngày Tân Sửu, lập con của huynh trưởng Lưu Trọng là Ty làm Ngô vương, làm vua ba quận, gồm năm mươi ba thành.

6. Tháng mười một, chúa thượng qua đất Lỗ, dùng cỗ thái lao cúng tế Khổng tử.

7. Chúa thượng từ khi phá Kinh Bố trở về, bệnh thêm nặng, càng muốn thay Thái tử. Trương Lương can gián không được, lấy cớ ốm không coi việc. Thúc Tôn Thông can rằng:

- Xưa kia Tấn Hiến công vì yêu mến nàng Ly Cơ, phế Thái tử, lập Hề Tề, nước Tấn loạn lạc mấy chục năm, bị thiên hạ chê cười.⁽²⁾ Nhà Tần vì không sớm định ngôi cho Phù Tô, khiến Triệu Cao dùng được cái mẹo gian trá lập Hồ Hợi, tự để dứt tuyệt tế

¹ Anh Bố (英布), tức Kinh Bố (黥布), xem Hán ký, quyển 3, sự kiện năm thứ 2 đời Hán Cao tổ, nói về lai lịch của Anh Bố.

² Tấn Hiến công thời Xuân Thu có con lớn là Thân Sinh (申生), lập làm Thế tử. Hiến công có người thiếp yêu là Ly Cơ (骊姬), sinh con nhỏ là Hề Tề (奚齐), vì Ly Cơ muốn con mình được kế vị mới gièm pha với vua Tấn nhằm giết Thân Sinh, Thân Sinh tự sát. Sau đó nước Tấn loạn mấy chục năm, các vua được lập liên tiếp bị giết vì việc tranh quyền đoạt vị, thiên hạ vì thế chê cười Tấn Hiến công.

tự,⁽¹⁾ đây là những việc mà bản thân Bệ hạ thấy. Nay Thái tử nhân hiếu, thiên hạ đều nghe biết. Lã hậu cùng Bệ hạ kham khổ, ăn uống đạm bạc, nay có thể quay lưng sao? Bệ hạ nhất định muốn phế con đích mà lập con út, thần xin chịu bị giết trước, lấy máu cổ vấy đất này!

Để nói:

- Ngài đừng nói nữa, ta chỉ nói đùa đấy thôi!

Thúc Tôn Thông nói:

- Thái tử, là gốc của thiên hạ, gốc nếu lung lay, thiên hạ chấn động, há lại đem thiên hạ ra làm trò đùa sao?

Bấy giờ đại thần nhất quyết can gián rất đông. Chúa thượng biết trong lòng quần thần đều không giúp Triệu vương, bèn dừng không lập Triệu vương.

8. Tướng quốc Tiêu Hà cho rằng Trường An đất hẹp, vườn của chúa thượng nhiều đất trống, bỏ không; muốn cho dân vào làm ruộng, không thu gốc rạ, làm lương ăn cho cầm thú. Chúa thượng cả giận mắng rằng:

- Tướng quốc nhất định nhận nhiều tài vật của thương nhân, mới vì họ thỉnh xin đất vườn của ta!

Liên giao Tướng quốc xuống cho Đình úy, cùm trói tù cấm. Mấy ngày sau, Vệ úy họ Vương vào hầu, tiến lên thỉnh ý:

- Tướng quốc mắc tội lớn gì, mà Bệ hạ thốt nhiên cùm trói?

Chúa thượng nói:

- Ta nghe nói Lý Tư làm Thừa tướng cho hoàng đế nhà Tần, có việc thiện thì quy công cho chủ, có việc ác thì tự nhận về mình. Nay Tướng quốc nhiều lần nhận vàng của bọn thương nhân, rồi vì họ xin đất vườn của ta để tự giành lấy sự yêu mến của dân, cho nên ta cùm trói tội ông ấy.

¹ Triệu Cao dùng mẹo gian lập Hồ Hợi, nhà Tần mất sau đó không lâu. Xem việc này ở Tần ký, quyển thứ 2, sự kiện năm thứ ba mươi bảy đời Tần Thủy Hoàng.

Vệ úy họ Vương nói:

- Người làm việc theo chức phận hễ có việc tiện cho dân thì thỉnh xin, là hành vi của Tể tướng thực sự; Bệ hạ sao lại nghi ngờ Tướng quốc nhận tiền của thương nhân được? Và lại Bệ hạ cự Sở mấy năm, Trần Hi, Kinh Bố phản, Bệ hạ tự thống lĩnh quân mà đi; đang lúc bấy giờ, Tướng quốc giữ Quan Trung, Quan Trung nếu lay động, thì từ Hàm Cốc quan sang tây không phải là của Bệ hạ vậy! Tướng quốc chẳng nhân lúc ấy mưu lợi cho mình, nay lại tham vàng của thương nhân sao? Và lại nhà Tần vì không biết cái sai của mình mới mất thiên hạ; hành vi gánh bót lỗi cho chủ của Lý Tư nào đáng để bắt chước đâu! Bệ hạ sao dễ dàng nghi ngờ Tể tướng vậy?

Để không vui. Hôm ấy, sai sứ giả mang phù tiết đến thả Tướng quốc. Tướng quốc tuổi cao, vốn cung kính cẩn thận, vào gặp chúa thượng, đi chân không tạ lỗi. Để nói:

- Tướng quốc hãy về nhà nghỉ ngơi đi. Tướng quốc vì dân mà thỉnh xin đất vườn, ta không đồng ý. Ta chẳng qua là hôn quân Kiệt, Trụ, mà Tướng quốc là hiền tướng. Ta sợ dĩ bất trối Tướng quốc, là muốn khiến trăm họ nghe biết cái lỗi của ta vậy.

9. Lúc Trần Hi tạo phản, Yên vương Lô Oản phát binh đánh mặt đông bắc của Hi. Đang lúc ấy, Trần Hi sai Vương Hoàng cầu cứu Hung Nô; Yên vương Oản cũng sai bày tôi của mình là Trương Thắng đi Hung Nô, nói quân của bọn Hi đã bị phá. Trương Thắng đến đất người Hồ, con của Yên vương Tang Đồ ngày trước là Diễn trốn ở đấy, gặp Trương Thắng nói:

- Ngài sợ dĩ được xem trọng ở Yên, là vì thạo việc của người Hồ vậy. Nước Yên sợ dĩ tồn tại lâu, là vì chư hầu nhiều lần phản, việc binh liên miên không dừng vậy. Nay ngài vì nước Yên, muốn gấp diệt bọn Hi; bọn Hi bị diệt tận, kế tiếp cũng đến nước Yên, các ngài cũng sẽ thành tù đồ thôi. Sao ngài không khiến cho nước Yên tạm hoãn đánh Trần Hi, rồi cùng với Hung

Nô hòa thân? Việc thư thả, vua nước Yên được tồn tại lâu dài; ví như nhà Hán có việc gấp, có thể nhờ đó để yên được nước.

Trương Thắng cho là đúng, bèn ngầm khiến Hung Nô giúp bọn Hi đánh nước Yên. Yên vương Oản ngờ Trương Thắng cùng người Hồ mưu phản, bèn dâng thư xin diệt cả họ nhà Trương Thắng. Thắng về, đem hết các việc mình làm nói lại; Yên vương bèn dùng trá thuật luận tội kẻ khác, giải thoát cho gia thuộc của Thắng, cho đến làm gián điệp ở chỗ Hung Nô. Rồi ngầm sai Phạm Tề đến chỗ Trần Hi, muốn khiến Hi trốn ở ngoài lâu, binh đao liên miên không dứt.

Lúc quân Hán đánh Kinh Bồ, Hi thường đem binh đánh đất Đại. Nhà Hán đánh chém Hi, tướng của Hi hàng, nói rằng Yên vương Oản sai Phạm Tề thông mưu tính kế ở chỗ Hi. Để sai sứ triệu Lô Oản, Oản xưng bệnh; Để lại sai Tích Dương hầu Thẩm Thực Kỳ, Ngự sử đại phu Triệu Nghiêu qua đón Yên vương, nhân đó tra vấn tả hữu. Oản càng sợ, đóng cửa trốn, bảo bày tội sùng ái của mình rằng:

- Không phải người họ Lưu mà được làm vương, chỉ có ta và Trường Sa vương thôi. Mùa xuân năm trước, nhà Hán diệt tộc Hoài Âm, mùa hạ, giết Bành Việt, đều là kế của họ Lã cả. Nay chúa thượng bị bệnh, phó thác việc cho Lã hậu; Lã hậu là đàn bà, chuyên muốn tìm cách để giết các vương khác họ và các đại công thần.

Vì thế bèn xưng bệnh không đi, tả hữu của Lô Oản đều trốn náu. Lời của Oản tiết lộ, Tích Dương hầu nghe biết, báo hết lên chúa thượng, chúa thượng càng giận; lại bắt được người hàng của Hung Nô, hấn nói rằng Trương Thắng trốn ở đất Hung Nô làm sứ giả nước Yên. Vì thế chúa thượng nói:

- Lô Oản quả nhiên làm phản rồi!

Mùa xuân, tháng hai, sai Phàn Khoái lấy danh nghĩa Tướng quốc lĩnh binh đánh Oản, lập Hoàng tử Kiến làm Yên vương.

10. Đế hạ chiếu rằng:

"Nam Vũ hầu là Chúc, cũng là thế tộc của nước Việt vậy. Nay lập Chúc làm Nam Hải vương."

11. Lúc chúa thượng đi đánh Bồ, bị trúng tên lạc, trên đường hành quân, ốm nặng. Lã hậu đón thầy thuốc giỏi. Thầy thuốc vào gặp, nói:

- Bệnh có thể chữa được.

Chúa thượng mắng thầy thuốc rằng:

- Ta vốn là kẻ áo vải, cầm ba thước kiếm lấy thiên hạ, đây há chẳng phải thiên mệnh sao? Nếu mệnh ta ở trời, đâu được Biển Thước⁽¹⁾ cũng có ích gì!

Bèn không cho chữa bệnh, ban năm trăm cân vàng, cho về. Lã hậu hỏi rằng:

- Sau khi Bệ hạ trăm tuổi, Tiêu tướng quốc đã chết, sai ai thay thế ông ấy được?

Chúa thượng nói:

- Tào Tham thay được.

Hỏi đến người sau đấy, chúa thượng nói:

- Vương Lăng nổi thay được, nhưng ông ấy hơi vụng, Trần Bình có thể giúp ông ấy. Trần Bình trí có thừa, nhưng khó gánh việc một mình. Chu Bột là người trung hậu, ít văn vẻ, nhưng người yên được họ Lưu tất là Chu Bột vậy, nên cho ông ấy làm Thái úy.

Lã hậu lại hỏi người kế tiếp, chúa thượng nói:

- Việc sau đó cũng không phải là điều mà người biết được.

Mùa hạ, tháng tư, ngày Giáp Thìn, Đế băng ở cung Trường Lạc. Ngày Đinh Mùi, phát tang, đại xá thiên hạ.

¹ Biển Thước (扁鹊), là lương y nổi tiếng thời cổ.

12. Lô Oản cùng mấy nghìn người trú ở biên hiểm rình chờ cơ hội, mong chúa thượng đỡ bệnh, để tự vào tạ tội; nghe nói Đế băng, bèn trốn vào đất Hung Nô.⁽¹⁾

13. Tháng năm, ngày Bính Dần, táng Cao đế ở Trường lăng.

Khi trước, Cao tổ không tu dưỡng học thuật, nhưng thiên tính thông minh khoáng đạt, thích mưu kế, biết nghe chọn ý kiến, từ quan coi cửa đến binh tốt, gặp mặt thì như người quen cũ. Ban đầu thuận dân tâm bày ước pháp tam chương.⁽²⁾ Thiên hạ đã định, lệnh sai Tiêu Hà bày luật, lệnh, Hàn Tín làm rõ quân pháp, Trương Thương định ra lịch pháp, khuôn phép, Thúc Tôn Thông chế lễ nghi; lại cùng công thần chế phù lập ước thệ, đan thư thiết khoán⁽³⁾, giấu trong rương vàng, khắc nơi hang đá, cất giấu trong tông miếu. Dẫu không có mấy ngày được rồi nhàn, nhưng sáng lập chế độ quy mô rất cao xa rồi.

14. Ngày Kỷ Ty, Thái tử tức vị Hoàng đế, tôn Hoàng hậu làm Hoàng thái hậu.

15. Khi trước, lúc Cao đế bệnh nặng, có người gièm pha Phàn Khoái rằng:

- Khoái cùng đảng với họ Lã, nếu một mai chúa thượng giá băng, sẽ đem binh giết gia thuộc của Triệu vương Như Ý.

Đế cả giận, dùng mưu của Trần Bình, triệu Giáng hầu Chu Bột đến thụ chiếu dưới giường, nói:

- Trần Bình phải kíp ruổi ngựa trạm chờ Chu Bột đến thay Khoái làm tướng; Bình vào đến trong quân, lập tức chém đầu Phàn Khoái!

¹ Lô Oản được Hán Cao tổ sủng ái, muốn chờ cơ hội xin tạ tội với Cao tổ mong được tha, nhưng vì Cao tổ chết, biết rằng mình không còn cơ hội được tha thứ, vì thế mới trốn vào đất Hung Nô.

² Việc nói ở Hán ký, quyển thứ nhất, sự kiện năm thứ nhất đời Hán Cao tổ.

³ Thiết khoán (铁券), đại khái là vật vua ban cho công thần để làm tin, trên đó dùng mực đỏ (丹书) chép lời thề ước, gồm có hai mảnh, mỗi bên giữ một mảnh, khi ráp lại khớp đúng thì theo điều thề ước mà làm.

Hai người nhận chiếu xong, lên xe trạm dịch, chưa đến quân doanh, trên đường đi bàn tính với nhau rằng:

- Phàn Khoái, là người cũ của Đế vậy, công lao nhiều; lại là chồng của Lã Tu, em gái Lã hậu, đã thân lại quý. Đế vì phần nọ nên muốn chém hấn, e rằng sau sẽ hối hận; thà rằng chúng ta cầm tù hấn rồi đưa đến cho chúa thượng tự giết.

Chưa đến quân doanh, lập đàn, dùng phù tiết triệu Phàn Khoái. Khoái thụ chiếu, lập tức bị trói chéo tay, bỏ lên xe tù chở đến Trường An; lệnh cho Giáng hầu Chu Bột thay làm tướng, đem binh bình định các huyện của nước Yên mưu phản.

Bình trên đường quay về, nghe tin Đế băng; sợ Lã Tu gièm với Thái hậu, bèn phi ngựa trạm đi trước. Đúng lúc gặp sứ giả, truyền chiếu lệnh cho Bình và Quán Anh đóng trại ở Huỳnh Dương. Bình thụ chiếu, lập tức lại phi ngựa về cung, khóc rất bi thương, nhân đó tấu thỉnh xin được vào trong cung làm Túc vệ. Thái hậu bèn dùng Bình làm Lang trung lệnh⁽¹⁾, sai dạy dỗ Huệ đế. Vì thế sau đó lời gièm của Lã Tu không được thi hành.

Phàn Khoái về đến nơi, được tha miễn, khôi phục tước ấp.

16. Thái hậu lệnh cầm tù Thích phu nhân ở Vĩnh Hạng⁽²⁾, cắt trụi tóc, cho mặc Giả y⁽³⁾, sai giã gạo. Lại phái sứ giả đi triệu Triệu vương Như Ý. Sứ giả qua lại ba lần, Tướng quốc nước Triệu là Chu Xương bảo sứ giả rằng:

- Cao đế phó thác Triệu vương cho thần, Vương còn ít tuổi; thần trộm nghe nói Thái hậu oán Thích phu nhân, muốn triệu Triệu vương về để giết một thể, thần chẳng dám để Vương đi. Và lại Vương cũng đang bệnh, chẳng thể phụng chiếu.

¹ Lang trung lệnh (郎中令), vốn là chức quan của nhà Tần, chương quản cửa nách trong cung điện. Cho đến năm Thái Sơ nguyên niên đời Hán Vũ đế sau này, mới đổi tên thành chức Quang lộc huân (光祿勳).

² Vĩnh Hạng (永巷) nguyên chỉ những con ngõ dài và hẹp trong cung cấm, về sau trở thành nơi chuyên dùng để giam giữ các phi tần thất sủng.

³ Giả y (赭衣), là loại áo có màu đỏ nhạt như màu đất, đây là thứ áo của tù nhân.

Thái hậu giận, sai người triệu Chu Xương trước. Xương đến Trường An, Thái hậu lại sai người lần nữa triệu Triệu vương. Vương về, chưa đến nơi; Đế biết Thái hậu giận, tự đi đón rước Triệu vương ở Bá Thượng, cùng vào cung, tự mình kèm sát, cùng ăn uống ngủ nghỉ. Thái hậu muốn giết Triệu vương, nhưng không có cơ hội.

HIẾU HUỆ HOÀNG ĐẾ

Năm thứ nhất (Đinh Mùi – TCN 194)

1. Mùa đông, tháng mười hai, Đế buổi sớm ra ngoài săn bắn. Triệu vương còn nhỏ, không dậy sớm được; Thái hậu sai người mang thuốc độc đến cho Vương uống. Mờ sáng, Đế về, Triệu vương đã chết. Thái hậu bèn chặt hết tay chân Thích phu nhân, móc mắt, hun tai, cho uống thuốc thành câm, sai ở trong nhà xí, gọi là "nhân trệ"⁽¹⁾. Mấy ngày sau, bèn triệu Đế đến xem "nhân trệ". Đế thấy, hỏi ra mới biết đấy là Thích phu nhân, bèn khóc rống, nhân đó mắc bệnh, hơn một năm không dậy được. Đế sai người mời gặp Thái hậu, nói:

- Đấy không phải là việc mà con người làm! Thần là con của Thái hậu, rút cục chẳng thể trị thiên hạ được!

Đế vì thế ngày đêm uống rượu chơi bởi dâm dật, không nghe chính sự.

Thần Quang nói: Làm con, cha mẹ có lỗi thì can gián; can gián mà không nghe, thì gào khóc mà theo chân. Được kế thừa nghiệp lớn của Cao tổ, làm người chủ thiên hạ, vì chẳng nhẫn tâm với cái tàn ác của mẫu thân, bèn vứt bỏ quốc gia mà không thương xót, buông thả theo tửu sắc để hại đến thân thể! Người như Hiếu Huệ, có thể gọi là người cố chấp với cái nhân nhỏ mọn mà chưa hiểu biết đại nghĩa vậy.

¹ Nhân trệ (人屍), tức là lợn người.

2. Chuyển Hoài Dương vương Lưu Hữu làm Triệu vương.

3. Mùa xuân, tháng giêng, bắt đầu đắp tường thành phía tây bắc Trường An.

Năm thứ hai (Mậu Thân – TCN 193)

1. Mùa đông, tháng mười, Điều Huệ vương của nước Tề đến triều kiến; uống rượu ở trước mặt Thái hậu, Đế vì Tề vương là anh mình, để ngồi ở ghế trên. Thái hậu giận, rót chén rượu độc đặt trước mặt, ban cho Tề vương để chúc thọ. Tề vương đứng dậy, Đế cũng đứng dậy cầm chén; Thái hậu sợ hãi, tự đứng dậy hất chén rượu của Đế đi. Tề vương lấy làm lạ, vì thế không dám uống, vờ say đi ra; hỏi mới biết đấy là thuốc độc, cả sợ. Nội sử của nước Tề tên Sỷ khuyên Tề vương nên dâng quận Thành Dương cho Lỗ Nguyên công chúa làm ấp thang mộc. Thái hậu mừng, bèn cho Tề vương về nước.

2. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Quý Dậu, có hai con rồng hiện ra trong giếng nhà người dân ở huyện Lan Lăng.

3. Quận Lũng Tây có động đất.

4. Mùa hạ, trời đại hạn.

5. Cáp Dương hầu Lưu Trọng hoăng.

6. Toàn Văn Chung hầu Tiêu Hà ốm nặng, chúa thượng thân đến thăm bệnh, nhân đó hỏi rằng:

- Sau khi ngài trăm tuổi, ai có thể thay được ngài?

Tiêu Hà đáp:

- Biết bây tôi chẳng ai bằng chúa thượng.

Đế hỏi:

- Tào Tham thế nào?

Hà rập đầu nói:

- Đế tuyển đúng người rồi, thần chết không di hận!

Mùa thu, tháng bảy, ngày Tân Mùi, Hà hoẵng. Các chỗ nhà cửa ruộng đất của Hà, đều ở chỗ hẻo lánh hoang vắng, khi làm nhà không dựng phòng ốc. Nói:

- Nếu con cháu ta hiền đức, sẽ học sự kiệm ước của ta; ví như không hiền đức, cũng không bị nhà quyền thế cướp đoạt.

Ngày Quý Ty, lấy Tào Tham làm Tướng quốc. Tham nghe tin Hà hoẵng, bảo Xá nhân của mình rằng:

- Mau chuẩn bị hành trang! Ta sẽ vào kinh làm Tướng quốc.

Ở nhà không bao lâu, sứ giả quả nhiên triệu Tham. Ban đầu, Tham là dân hèn, cùng Tiêu Hà thân thiết, lúc làm quan tướng, hai người hiềm khích; đến lúc Hà sắp chết, suy cử người hiền thay mình duy có Tào Tham. Tham thay Hà làm Tướng quốc, tất cả các việc đều không thay đổi gì, nhất nhất theo ước thúc của Hà. Chọn lấy người chất phác, cẩn trọng với ngôn từ, đôn hậu có tài ở các quận quốc, khi triệu đến cho nhận chức quan thuộc của Thừa tướng; quan lại nói năng văn vẻ, hà khắc, chuyên theo đuổi danh lợi, liền ruồng đuổi ngay; rồi đêm ngày uống rượu ngon; từ Quan khanh, Đại phu xuống đến tân khách thấy Tham không quản chính sự, khi đến gặp đều muốn đưa lời khuyên, Tham thường mời họ uống rượu ngon; trong lúc uống họ muốn dâng lời, Tham lại mời uống tiếp, say sưa rồi về, rút cục chẳng ai mở miệng nói được, vì thế các việc được xem như bình thường. Tham thấy người ta có lỗi nhỏ, liền hết sức bao che giấu giếm cho, trong phủ vô sự.

Con của Tham là Quật, làm Trung đại phu, Đế thấy lạ vì Tướng quốc không quản việc, hỏi rằng: "Có phải vì coi thường trăm ít tuổi không?" Rồi sai Quật về nhà đem ý riêng hỏi Tham, Tham giận, đánh Quật hai trăm roi, nói:

- Mau vào cung hầu hoàng thượng! Việc thiên hạ không phải là điều mà mày được nói vậy!

Đến lúc hội châu, Đế trách Tham rằng:

- Việc hôm trước là ta sai can gián ngài vậy.

Tham cúi mũ tạ lỗi rằng:

- Bệ hạ tự xét sự thánh minh của mình có so được với Cao đế chăng?

Chúa thượng nói:

- Trẫm sao dám mong so được với tiên đế!

Tham lại hỏi:

- Bệ hạ xem tài năng của thần có so được với Tiêu Hà chăng?

Chúa thượng nói:

- Ngài tựa như không theo kịp vậy.

Tham nói:

- Lời của Bệ hạ là đúng vậy. Cao đế với Tiêu Hà định thiên hạ, pháp lệnh đã rõ ràng. Nay Bệ hạ chấp tay rủ áo trị quốc, bọn Tham cung kính giữ chức phận, tuân theo mà làm không mắc lỗi, chẳng cũng được rồi sao?

Đế nói: "Phải!"

Tham làm Tướng quốc, trước sau ba năm, trăm họ ca tụng Tham rằng:

Tiêu Hà lập phép,

Tề chỉnh rõ ràng.

Tào Tham kẻ nối,

Coi việc không lỗi;

Vô vi thanh tĩnh,

Trăm họ đều yên.

Năm thứ ba (Kỷ Dậu – TCN 192)

1. Mùa xuân, Đế trưng phát mười bốn vạn sáu nghìn nam nữ trong vòng sáu trăm dặm quanh Trường An đắp dựng thành Trường An, ba mươi ngày thì giải tán.

2. Để đem người con gái trong tông thất thay làm công chúa, gả cho Thiên vu Hung Nô là Mặc Đốn. Bấy giờ, Mặc Đốn đang cường thịnh, viết thư, sai người gửi cho Cao hậu, lời lẽ cực kỳ xác láo bẩn thỉu. Cao hậu cả giận, triệu văn võ đại thần, nghị bàn chém sứ giả của Mặc Đốn, phát binh đánh hấn. Phàn Khoái nói:

- Thần xin được thống lĩnh chục vạn quân tung hoành trong đất Hung Nô!

Trung lang tướng Quý Bố nói:

- Khoái đáng chém vậy! Trước đây Hung Nô vây Cao đế ở Bình Thành,⁽¹⁾ binh Hán ba mươi hai vạn; Khoái làm Thượng tướng quân, chẳng thể giải vây. Nay tiếng ca oán than chưa dứt, binh sĩ thụ thương chưa lành, mà Khoái muốn lay động thiên hạ, nói xằng là dùng mười vạn quân tung hoành trong đất Hung Nô, đấy là nói bừa trước mặt Thái hậu vậy. Và lại bọn Di Dịch ví như cầm thú, nghe một lời hay của họ chẳng đáng mừng, nhận một lời tục chẳng đủ giận vậy.

Cao hậu nói:

- Phải!

Bèn lệnh sai Đại yết giả Trương Thích đáp thư, dùng lời lẽ khiêm tốn để đáp lại, đồng thời tặng cho hai cỗ xe, bốn đôi ngựa. Mặc Đốn lại sai sứ giả đến tạ, nói:

- Ta chưa từng biết đến lễ nghĩa của Trung Quốc, may được Bệ hạ yêu mến mà xá tội cho.

Nhân đó dâng biểu ngựa, bèn cùng hòa thân.

3. Mùa hạ, tháng năm, lập Mân Việt quân tên Dao làm Đông Hải vương.⁽²⁾ Dao cùng họ với Vô Chư, đều là dòng dõi của Việt

¹ Việc Thiên vu Hung Nô Mặc Đốn vây Hán Cao tổ ở Bình Thành: Xem Hán ký, quyển 3, sự kiện năm thứ bảy đời Hán Cao đế.

² Năm thứ năm đời Hán Cao tổ, phong Mân Việt vương Vô Chư. Nay lại phong cho Diêu ở Đông Hải, tức Đông Âu. Từ đây Mân Việt và Đông Việt phân chia vậy.

vương Câu Tiễn vậy, theo chư hầu diệt Tần, công lao nhiều, dân của họ theo phục, cho nên lập Dao. Đóng đô ở Đông Âu, người đời gọi Dao là Đông Âu vương.

4. Tháng sáu, trưng phát hai vạn tù đồ của các Vương chư hầu và Liệt hầu đắp tường thành Trường An.

5. Mùa thu, tháng bảy, chuồng giữ ngựa ở kinh đô bị hỏa tai.

6. Năm ấy, tộc Tiên Đê ở Thục Quận phản loạn, triều đình đánh dẹp bình họ.

Năm thứ tư (Canh Tuất – TCN 191)

1. Mùa đông, tháng mười, lập Hoàng hậu Trương thị. Hậu, vốn là con gái của Lỗ Nguyên công chúa, Lỗ Nguyên công chúa là chị gái của Đế vậy,⁽¹⁾ Thái hậu vì muốn gia tăng tình thân, cho nên đem Trương thị hôn phối với Đế.

2. Mùa xuân, tháng giêng, ra lệnh tiến cử những người dân hiếu, đễ, lực điền,⁽²⁾ miễn trừ thuế khóa cho họ.

3. Tháng ba, ngày Giáp Tý, Hoàng đế cử hành lễ đội mũ, đại xá thiên hạ.

4. Tra xét các thứ pháp lệnh gây trở ngại với quan dân; phế trừ điều cấm tàng trữ sách vở.⁽³⁾

5. Để cho rằng việc mình qua lại triều kiến Thái hậu ở cung Trường Lạc vào những lúc thanh nhàn tất gây phiền nhiễu đến

¹ Như vậy thì Trương thị là cháu ruột của Hán Huệ đế Lưu Doanh. Đây là việc làm khiến thiên hạ chê cười vậy, ngoại thích được sủng ái, là một trong những căn nguyên khiến sau đó ngoại thích hoành hành vậy.

² Hiếu (孝), là con hiếu thuận thờ cha mẹ. Đễ (弟), là em hòa mục kính huynh trưởng. Lực điền (力田), là những kẻ chăm chỉ ra sức với ruộng đồng. Đại đễ thì hiếu, đễ là cái gốc lớn của đạo nhân luân; lực điền là gốc rễ sinh kế của con người, vì thế cho nên lệnh cho các quận quốc tiến cử họ.

³ Đây là điều luật ban ra từ thời nhà Tần, nay bỏ điều cấm ấy.

dân.¹) Liên sai đắp đường phúc đạo ở phía nam Vũ khố. Phụng thường là Thúc Tôn Thông can rằng:

- Con đường ấy là nơi hàng tháng Cao đế mũ áo xuất du vậy, con cháu sao lại đi ở con đường phía trên tông miếu được?

Đế sợ nói:

- Mau dỡ ngay đi!

Thông nói:

- Bậc nhân chủ không hành sự sai lầm; nay đã làm, trăm họ đều biết cả rồi. Xin Bệ hạ làm Nguyên miếu ở phía bắc sông Vị, hàng tháng xuất du ra đó, mở rộng tông miếu, là gốc của đại hiếu vậy.

Chúa thượng bèn hạ chiếu cho Hữu ti sai lập Nguyên miếu.

Thần Quang nói: Sai lầm, là thứ mà con người ta nhất định không tránh khỏi vậy; duy có thánh hiền là biết được mà sửa đổi thôi. Bậc thánh vương thời xưa, lo rằng mình mắc lỗi mà chẳng tự biết, cho nên đặt thẻ gỗ để nhận lời phi báng, dựng trống lớn để nghe lời khuyên can; há sợ trăm họ nghe biết cái lỗi của mình sao! Vì thế Trọng Hủ khen Thành Thang rằng: "Sửa lỗi không hối hận." Phó Thuyết khuyên Cao tông rằng: "Không then vì mình mắc lỗi." Từ đấy mà xét, người làm vua, cố nhiên không phải vì không mắc lỗi sai là hiền minh, mà phải là biết sửa lỗi mới thành cao đẹp vậy. Thúc Tôn Thông can Hiếu Huệ, lại nói rằng "bậc nhân chủ không hành sự sai lầm", đấy là dạy người làm vua cách che đậy cái lỗi sai của mình, há chẳng phải rất bậy bạ sao!

6. Hồng đài ở cung Trường Lạc bị hỏa tai.

7. Mùa thu, tháng bảy, ngày Ất Hợi, nhà chứa băng ở cung Vị Ương bị hỏa tai; ngày Bính Tý, nhà dệt lụa bị hỏa tai.

¹ Đại khái, khi Đế đến triều kiến Thái hậu, thường có quân dẹp đường cảnh giới, cấm tuyệt người đi đường, vì thế khi qua lại gây kinh động đến dân, cho nên nói là phiền nhiễu.

Năm thứ năm (Tân Hợi – TCN 190)

1. Mùa đông, có sấm lớn; đào mận khai hoa, táo kết quả.⁽¹⁾
2. Mùa xuân, tháng giêng, lại trưng phát mười bốn vạn năm nghìn nam nữ trong vòng sáu trăm dặm quanh vùng Trường An đắp thành Trường An, ba mươi ngày thì giải tán.
3. Mùa hạ, đại hạn, các sông Giang, Hà thiếu nước, khe suối khô cạn.
4. Mùa thu, tháng tám, Bình Dương Ý hầu Tào Tham hoăng.

Năm thứ sáu (Nhâm Tý – TCN 189)

1. Mùa đông, tháng mười, lấy Vương Lăng làm Hữu thừa tướng, Trần Bình làm Tả thừa tướng.
2. Tề Điệu Huệ vương Lưu Phì hoăng.
3. Mùa hạ, Lưu Văn Thành hầu Trương Lương hoăng.
4. Lấy Chu Bột làm Thái úy.

Năm thứ bảy (Quý Sửu – TCN 188)

1. Mùa đông, trưng phát chiến xa, quân kỵ và quân bộ đến Huỳnh Dương, Thái úy Quán Anh⁽²⁾ thống suất.
2. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Tân Sửu là ngày sóc, có nhật thực.
3. Mùa hạ, tháng năm, ngày Đinh Mão, xuất hiện nhật thực toàn phần.

¹ Mùa đông mà nổi sấm chớp, đào mận khai hoa, táo kết quả, đây là những việc bất thường, trái lẽ, ý rằng xuất hiện nhiều điềm không lành.

² Sự kiện năm thứ sáu phía trên nói: "Lấy Chu Bột làm Thái úy", chỗ này lại nói "Thái úy Quán Anh", không rõ nguyên tác có lầm lẫn gì không?

4. Mùa thu, tháng tám, ngày Mậu Dần, Đế băng ở cung Vị Ương. Đại xá thiên hạ.

5. Tháng chín, ngày Tân Sửu, táng Đế ở An lăng.

Khi trước, Lã hậu lệnh sai Trương hoàng hậu lấy con trai của người khác nuôi dưỡng, rồi giết mẹ của đứa nhỏ đó, lấy đứa nhỏ làm Thái tử. Táng Huệ đế xong, Thái tử tức Hoàng đế vi, tuổi còn rất nhỏ. Thái hậu lâm triều xưng chế.⁽¹⁾

---ॐ---

¹ Chế, theo quy định là chỉ Thiên tử mới được xưng, Hoàng hậu không được phép sử dụng. Nay vì Hoàng đế còn nhỏ, Thái hậu lâm triều, thay Thiên tử coi việc, cho nên xưng chế.

HÁN KỶ

[QUYỂN THỨ NĂM]

— 380 —

CAO HOÀNG HẬU

Năm thứ nhất (Giáp Dần – TCN 187)

1. Mùa đông, Thái hậu muốn lập bọn người nhà họ Lã làm Vương, hỏi Hữu thừa tướng Vương Lăng, Lăng nói:

- Cao đế đã giết con ngựa trắng uống máu thề mình rằng: "Ai không phải họ Lưu mà làm Vương, thiên hạ cùng nhau đánh nó." Nay phong họ Lã làm Vương, trái lời giao ước vậy.

Thái hậu không hài lòng, hỏi Tả thừa tướng Trần Bình, Thái úy Chu Bột, họ đáp rằng:

- Cao đế định thiên hạ, phong con em mình làm Vương. Nay Thái hậu xưng chế, phong người nhà họ Lã làm Vương, không có gì là không được.

Thái hậu mừng, bãi triều.

Vương Lăng trách Trần Bình và Giáng hầu rằng:

- Ban đầu, lúc cùng Cao đế uống máu thề mình, các ngài không ở đấy sao! Nay Cao đế băng, Thái hậu là người đàn bà làm chủ, muốn phong Vương cho họ Lã, các ngài a dua đón ý bội ước, còn mặt mũi nào mà gặp Cao đế ở dưới đất đây?

Trần Bình, Giáng hầu nói:

- Hôm nay, đối mặt bắt bẻ, can gián giữa triều đình, bọn ta chẳng bằng ngài; nhưng bảo toàn xã tắc, yên định con cháu họ Lưu, ngài cũng không bằng được bọn ta.

Lăng không lấy gì để đối đáp.

Tháng mười một, ngày Giáp Tý, Thái hậu lấy Vương Lăng làm Thái phó cho Đế, thực ra là đoạt quyền Thừa tướng của Lăng. Lăng cáo bệnh xin về quê. Thái hậu bèn lấy Trần Bình làm Hữu thừa tướng; lấy Tích Dương hầu Thẩm Thực Kỳ làm Tả thừa tướng, không sai quản việc nước, lệnh sai giám xét việc trong cung, như Lang trung lệnh. Thực Kỳ vốn được Thái hậu sủng hạnh, công Khanh đều thông qua Thực Kỳ mà quyết việc.

Thái hậu oán Triệu Nghiêu giúp mưu Triệu Ẩn vương,⁽¹⁾ bèn ghi tội Nghiêu.

Thượng Đảng thú Nhâm Ngao từng là ngục lại huyện Bái, có ân đức với Thái hậu, Thái hậu bèn dùng làm Ngự sử đại phu.⁽²⁾

Thái hậu lại truy tôn cha của mình là Lâm Tứ hầu Lã Công làm Tuyên vương, anh của mình là Chu Lã⁽³⁾ Lệnh Vũ hầu Lã Trạch làm Điều Vũ vương, muốn nhân đó dần phong vương cho những người họ Lã.

2. Mùa xuân, tháng giêng, phế bỏ điều luật "tam tộc tội" và "yêu ngôn lệnh"⁽⁴⁾.

3. Mùa hạ, tháng tư, Lỗ Nguyên công chúa hoảng; phong con của công chúa là Trương Yển làm Lỗ vương, ban thụy cho công chúa là Lỗ Nguyên thái hậu.

4. Ngày Tân Mão, phong hiệu cho những người mang danh⁽⁵⁾ là con của Hiếu Huệ: Lưu Sơn làm Tương Thành hầu, Lưu Triều làm Chi hầu, Lưu Vũ làm Hồ Quan hầu.

¹ Xem việc ở Hán kỷ, quyển thứ tư, sự kiện năm thứ mười đời Hán Cao đế. Ẩn vương, là tên thụy của Triệu vương Như Ý, con của Thích Cơ.

² Hồ Tam Tỉnh chú: Nhâm Ngao (任敖), người huyện Bái, thời trẻ làm ngục lại. Cao tổ từng đi tránh quan lại, quan lại bắt trói Lã hậu. Nhâm Ngao cứu giúp, nên có ơn.

³ Lã Trạch được phong làm Chu Lã hầu từ thời Cao đế, Lệnh Vũ là tên thụy.

⁴ Thời nhà Tần, đặt ra điều lệnh: Kẻ mắc tội nặng là bị chém giết ba họ, gọi là "tam tộc tội". Những người nói năng bừa bãi thì bị giết, gọi là "yêu ngôn lệnh".

⁵ Sự kiện năm thứ bảy đời Hiếu Huệ ghi: Lã hậu lệnh sai Trương hoàng hậu lấy con trai của người khác nuôi, giết mẹ của đứa nhỏ đó, lấy đứa nhỏ làm Thái tử.

Thái hậu muốn phong vương cho họ Lã, bèn lập những người mang danh là con của Hiếu Huệ trước, Lưu Cường làm Hoài Dương vương, Lưu Bất Nghi làm Hằng Sơn vương; sai Đại yết giả Trương Thích nói ý với các đại thần. Đại thần bèn thỉnh xin lập con trưởng của Điều Vũ vương là Lịch hầu Lã Thai làm Lã vương, cắt quận Tế Nam của nước Tề lập nước Lã.

5. Tháng năm, ngày Bính Thân, Tùng đài trong cung của Triệu vương bị hỏa tai.

6. Mùa thu, đào, mận khai hoa.

Năm thứ hai (Ất Mão – TCN 186)

1. Mùa đông, tháng mười một, Lã Túc vương là Thai hoăng.

2. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Ất Mão, có động đất, núi ở Khương đạo, Vũ Đô đạo⁽¹⁾ sụt lở.

3. Mùa hạ, tháng năm, ngày Bính Thân, Lã hậu phong hiệu cho con của Sở Nguyên vương là Dĩnh Khách làm Thượng Bi hầu, con của Tề Điều Huệ vương là Chương làm Chu Hư hầu, sai hai người vào cung làm Túc vệ, lại đem con gái của Lã Lộc gả cho Chương.

4. Tháng sáu, ngày Bính Tuất là ngày hối, có nhật thực.

5. Mùa thu, tháng bảy, Hằng Sơn Ai vương Bất Nghi hoăng.

6. Phát hành tiền Bát thù.⁽²⁾

7. Ngày Quý Sửu, lập Tương Thành hầu là Sơn làm Hằng Sơn vương, đổi tên thành Nghĩa.

¹ Đây là các huyện thuộc quận Lũng Tây, Vũ Đô lúc đó cũng là huyện. Đại khái, các huyện mà người Man Di ở đều gọi là "đạo". Cho đến thời Vũ đế nhà Hán, Vũ Đô được đặt thành quận.

² Đại khái đồng tiền đó nặng tám thù nên có tên như thế. Thời xưa, hai mươi bốn thù tính bằng một lạng.

Năm thứ ba (Bính Thìn – TCN 185)

1. Mùa hạ, nước sông Giang, sông Hán ngập tràn, hơn bốn nghìn nhà bị nước cuốn trôi.
2. Mùa thu, sao hiện giữa ban ngày.
3. Nước sông Y, sông Lạc ngập tràn, hơn một nghìn sáu trăm nhà trôi dạt. Sông Nhữ tràn, hơn tám trăm nhà bị nước cuốn.

Năm thứ tư (Đinh Ty – TCN 184)

1. Mùa xuân, tháng hai, ngày Quý Mùi, lập hiệu cho người mang danh là con của Hiếu Huệ tên Thái làm Xương Bình hầu.
2. Mùa hạ, tháng tư, ngày Bính Thân, Thái hậu phong em gái mình là Lã Tu làm Lâm Quang hầu.
3. Thiệu đế lớn dần, tự biết rằng mình không phải là con của Hoàng hậu, bèn nói ra lời rằng:

- Hậu sao có thể giết mẹ ta mà mạo xưng là mẹ của ta? Ta lớn lên, sẽ thay đổi!

Thái hậu nghe nói, bèn tù cấm Thiệu đế ở cung Vĩnh Hạng, nói rằng Đế mắc bệnh. Tả hữu chẳng được gặp. Thái hậu nói với quần thần rằng:

- Nay Hoàng đế bệnh lâu không khỏi, mất trí, có lúc hồ đồ càn bậy, chẳng thể kể tự trị thiên hạ được, nên thay người khác.

Quần thần đều rạp đầu nói:

- Hoàng thái hậu vì thiên hạ và muôn dân mà tính kế, cốt để yên tông miếu và xã tắc thật lâu dài, bọn tôi thần rạp đầu phụng chiếu.

Thái hậu bèn phế Đế, giam tù rồi giết đi.

Tháng năm, ngày Bính Thìn, lập Hằng Sơn vương là Nghĩa làm Đế, đổi tên thành Hoàng; không xưng là nguyên niên,

dùng chế của Thái hậu coi việc thiên hạ như cũ. Lập Chi hầu là Triều làm Hằng Sơn vương.

4. Năm ấy, lấy Bình Dương hầu là Tào Quật làm Ngự sử đại phu.

5. Hữu ti thỉnh xin cấm thông chợ Nam Việt, không cho người Nam Việt vào mua đồ sắt. Nam Việt vương Triệu Đà nói:

- Cao đế lập ta, thông sứ qua lại mua bán. Nay Cao hậu nghe lời sàm thần, chia biệt Man Di, cách tuyệt khí vật; đây tất là kế của Trường Sa vương, muốn dựa vào Trung Quốc đánh diệt Nam Việt mà kiêm tính chức Vương của ta, tự mình lập công vậy.

Năm thứ năm (Mậu Ngọ – TCN 183)

1. Mùa xuân, Đà tự xưng là Nam Việt Vũ đế, phát binh đánh nước Trường Sa, đánh bại mấy huyện rồi rút về.

2. Mùa thu, tháng tám, Hoài Dương Hoài vương là Cường hoảng, lấy Hồ Quan hầu là Vũ làm Hoài Dương vương.

3. Tháng chín, trưng phát quân kỵ của Hà Đông, Thượng Đảng đóng ở quận Bắc Địa.

4. Bắt đầu có lệnh cho lính thú hoán đổi hàng năm.⁽¹⁾

Năm thứ sáu (Kỷ Mùi – TCN 182)

1. Mùa đông, tháng mười, Thái hậu vì Lã vương là Gia kiều căng phóng túng, phế đi. Tháng mười một, lập em của Túc vương là Sản làm Lã vương.

2. Mùa xuân, sao xuất hiện giữa ban ngày.

¹ Thời nhà Tần, ngược dụng sức dân, người bị bắt đi lính thú ở phương nam, hoặc lên bắc đắp Trường thành, đi nhiều năm không cho về, số người chết rất nhiều. Cho đến lúc ấy, bắt đầu có lệnh cho lính thú hàng năm được đổi phiên.

3. Mùa hạ, tháng tư, ngày Đinh Dậu, đại xá thiên hạ.
4. Phong em của Chu Hư hầu Lưu Chương là Hưng Cư làm Đông Mâu hầu, cũng vào triều làm Túc vệ.
5. Hung Nô vào cướp huyện Địch Đạo, đánh huyện A Dương.
6. Ban hành tiền năm phân.⁽¹⁾
7. Tuyên Bình hầu Trương Ngao chết, được ban thụy là Lỗ Nguyên vương.

Năm thứ bảy (Canh Thân – TCN 181)

1. Mùa đông, tháng mười hai, Hung Nô vào cướp Địch Đạo, bắt đi hơn hai nghìn người.

2. Mùa xuân, tháng giêng, Thái hậu triệu Triệu U vương Lưu Hữu. Hữu lấy con gái họ Lã làm Vương hậu, không yêu mến, yêu mến người thiếp khác. Con gái họ Lã giận, bỏ đi, gièm với Thái hậu rằng:

- Vương nói: "Họ Lã sao làm Vương được! Sau khi Thái hậu trăm tuổi, ta tất đánh bọn họ."

Thái hậu vì thế triệu Triệu vương. Triệu vương đến, bị an trí ở phủ đệ, không cho yết kiến, lệnh cho vệ binh vây giữ, không cho ăn; bầy tôi của Triệu vương có người trộm đưa đồ ăn, liền bắt xét tội. Ngày Đinh Sửu, Triệu vương chết đói, Thái hậu sai dùng lễ dân an táng ở khu mộ địa của dân chúng ở Trường An.

3. Ngày Kỷ Sửu, nhật thực, ban ngày tối đen. Thái hậu ghét việc đó, bảo tả hữu rằng:

- Đây là vì ta vậy!

4. Tháng hai, đổi phong Lương vương Lưu Khôi làm Triệu vương, Lã vương Lã Sản làm Lương vương. Lương vương không đến nước phong, ở lại triều làm Thái phó cho Đế.

¹ Ngũ phân tiền (五分钱), loại tiền này được gọi là tiền Giáp (英).

5. Mùa thu, tháng bảy, ngày Đinh Ty, lập Bình Xương hầu là Thái làm Tế Xuyên vương.

6. Con gái của Lã Tu là vợ của Tướng quân, Doanh Lăng hầu Lưu Trạch. Trạch, là em họ xa cùng tổ tiên với Cao tổ. Người nước Tề là Điền Sinh giúp Trạch khuyên Đại yết giả Trương Thích rằng:

- Lúc người họ Lã làm vương, các đại thần chưa phục. Nay có Doanh Lăng hầu Lưu Trạch, là người cao tuổi nhất trong tông thất. Ngài hãy nói với Thái hậu phong vương cho ông ấy, họ Lã làm vương càng vững rồi.

Trương Thích vào nói với Thái hậu, Thái hậu cho là đúng, bèn cất quận Lang Nha của nước Tề phong Trạch làm Lang Nha vương.

7. Triệu vương Khôi bị đỗi đến nước Triệu, trong lòng không vui. Thái hậu đem con gái của Lã Sản gả cho làm Vương hậu, các quan đi theo hầu Vương hậu đều là người họ Lã, chuyên quyền, rình xét Triệu vương, Triệu vương không được thoải mái. Vương có người thiếp yêu, Vương hậu sai người dùng thuốc độc giết. Tháng sáu, Vương không ngăn nổi bi phẫn, tự sát. Thái hậu nghe tin ấy, cho là Vương vì một người đàn bà mà vứt bỏ lễ ở tông miếu, bèn phế truất người thừa tự của Vương.

8. Thời ấy, người họ Lã chiếm quyền triều chính; Chu Hư hầu Lưu Chương hai mươi tuổi, có khí lực, căm phẫn vì họ Lưu không được nắm chức. Chương từng có lần vào hầu Thái hậu yến ẩm, Thái hậu lệnh cho Chương làm Giám tửu. Chương tự xin rằng:

- Thần là dòng giống nhà tướng lĩnh, xin được dùng quân pháp hành tửu.

Thái hậu nói: "Được."

Rượu say, Chương xin ngâm bài *Canh điền ca*; Thái hậu đồng ý, Chương ngâm:

Gắng sức gieo trồng,
Mạ non mới nhú,
Cây không cùng giống,
Phải diệt trừ thôi!

Thái hậu lặng thinh. Chốc lát, trong số những người họ Lã có một kẻ say, trốn rượu bỏ đi, Chương đuổi theo, rút kiếm chém hắn rồi quay về, báo rằng:

- Có một người trốn uống rượu, thần đã kính theo quân pháp chém hắn!

Tả hữu của Thái hậu đều kinh hãi, nhưng vì đã đồng ý cho Chương dùng quân pháp, không lấy cách gì để trị tội được; nhân đó bãi tiệc. Từ đấy về sau, người họ Lã sợ Chu Hư hầu, dẫu là đại thần cũng đều cạy dựa Chu Hư hầu, thế lực họ Lưu từ đấy mạnh dần.

Trần Bình lo lắng về các người họ Lã, nhưng vì sức chẳng thể ngăn chế, sợ họa đến mình, thường ở nhà trầm tư suy nghĩ. Lục Giả đến, vào thẳng chỗ ngồi, mà Trần thừa tướng không biết. Lục Sinh hỏi:

- Nghĩ gì mà sâu xa thế?

Trần Bình hỏi:

- Tiên sinh đoán xem ta nghĩ gì?

Lục Sinh nói:

- Túc hạ phú quý cực điểm, không mong gì nữa; nhưng có điều lo nghĩ, chẳng qua chỉ lo về người họ Lã và Thiếu chủ thôi.

Trần Bình nói:

- Đúng. Phải làm sao đây?

Lục Sinh nói:

- Thiên hạ yên, người ta để ý đến Tướng quốc, thiên hạ nguy, người ta chú ý đến Tướng quân. Văn võ hòa hợp nhau, thì kẻ sĩ vui lòng quy phục; thiên hạ dẫu có biến, quyền chẳng bị phân

chia. Mưu tính giúp xã tắc, là ở trong tay hai người ấy mà thôi. Ta thường muốn nói với Thái úy Giáng hầu; Giáng hầu với ta hay đùa bỡn, xem thường lời của ta. Sao ngài không giao hảo với Thái úy, kết thâm giao với nhau?

Nhân đó giúp Trần Bình vạch các việc phải làm với họ Lã. Trần Bình dùng kế của Lục Giả, bèn đem năm trăm cân vàng chúc thọ Giáng hầu, bày đủ yến nhạc uống rượu. Thái úy cũng báo đáp lại như thế. Hai người kết tình thâm giao với nhau, mưu đồ của họ Lã ngày một suy giảm. Trần Bình đem một trăm nô tì, năm mươi cỗ xe ngựa, năm trăm vạn tiền gửi Lục Giả làm phí tổn ăn uống.

9. Thái hậu sai sứ báo với Đại vương, muốn đổi phong Đại vương đến làm Vương nước Triệu. Đại vương chối tạ, xin giữ biên cảnh đất Đại. Thái hậu bèn lập con của anh trai mình là Lã Lộc làm Triệu vương, truy tôn cha của Lộc là Kiến Thành Khang hầu Thích Chi làm Triệu Chiêu vương.

10. Tháng chín, Yên Linh vương Lưu Kiến hoăng; có người con do Mỹ nhân sinh ra, Thái hậu sai người giết đi. Nước phong bị xóa bỏ.

11. Thái hậu phái Long Lự hầu Chu Táo đem binh đánh Nam Việt.

Năm thứ tám (Tân Dậu – TCN 180)

1. Mùa đông, tháng mười, ngày Tân Sửu, lập con của Lã Túc vương là Đông Bình hầu Lã Thông làm Yên vương, phong em của Thông là Trang làm Đông Bình hầu.

2. Tháng ba, Lã hậu đi lễ trừ vạ cầu phúc, quay về cung, qua lối Chi Đạo, thấy một con vật như con chó xanh, ở bên vách của mình, rồi thốt nhiên không thấy nữa. Sai bói, thầy bói nói:

- Đây là hồn ma đói của Triệu Vương Như Ý.

Thái hậu sau đấy bị bệnh đau ở nách.

Thái hậu cho rằng cháu ngoại của mình là Lỗ vương Yến ít tuổi mồ côi từ nhỏ, yếu đuối. Mùa hạ, tháng tư, ngày Đinh Dậu, phong hai người con của Trương Ngao với vợ trước là Xỉ làm Tân Đô hầu, Thọ làm Lạc Xương hầu, phụ giúp Lỗ vương; lại phong Trung đại yết giả Trương Thích làm Kiến Lăng hầu, để thường cái công của Thích khuyên các đại thần tấu xin lập các người họ Lã.

3. Hai sông Giang, Hán nước tràn, hơn vạn nhà bị trôi dạt.

4. Mùa thu, tháng bảy, Thái hậu bị ốm nặng, bèn sai Triệu vương Lã Lộc làm Thượng tướng quân, giữ cánh quân phía bắc, Lã vương Sản giữ cánh quân phía nam. Thái hậu dặn Sản và Lộc rằng:

- Họ Lã làm Vương, các đại thần không phục. Nếu ta băng, Đế ít tuổi, e rằng các đại thần gây biến. Người nhất định phải giữ bình bảo vệ cung điện, cấm không được đi đưa tang, sẽ bị người ta nhân đấy khống chế!

Ngày Tân Ty, Thái hậu băng, di chiếu rằng:

"Đại xá thiên hạ, lấy Lã vương Sản làm Tướng quốc, cho con gái của Lã Lộc làm Hoàng hậu của Đế."

Sau khi táng Cao hậu, lấy Tả thừa tướng Thẩm Thực Kỳ làm Thái phó của Đế.

5. Những người họ Lã muốn tác loạn, sợ bọn đại thần Giáng, Quán, chưa dám phát động. Chu Hư hầu vì vợ là con gái của Lã Lộc, nên biết cái mưu ấy, bèn ngầm lệnh sai người báo với anh của mình là Tề vương, muốn Tề vương phát binh sang tây, Chu Hư hầu và Đông Mâu hầu làm nội ứng, để giết hết những người họ Lã, lập Tề vương làm Đế. Tề vương bèn cùng người cậu của mình là Tứ Quân, Lang trung lệnh là Chúc Ngộ, Trung úy là Ngụy Bội ngầm mưu phát binh. Tướng quốc nước Tề là Thiệu Bình không nghe.

Tháng tám, ngày Bính Ngọ, Tề vương sắp sai người đi giết Tướng quốc. Tướng quốc nghe biết việc đó, bèn phát binh tốt canh giữ Vương cung. Ngụy Bật lừa Thiệu Bình rằng:

- Vương muốn phát binh, không có hổ phù của Hán triều là trái phép vậy. Mà Tướng quốc phát binh bao vây Vương là việc rất hay, Bật này xin giúp ngài lĩnh binh canh giữ Vương.

Thiệu Bình tin lời ấy. Bật đã thống lĩnh binh rồi, bèn vây phủ Tướng quốc, Thiệu Bình tự sát. Vì thế Tề vương cho Tư Quân làm Tướng quốc, Ngụy Bật làm Tướng quân, Chúc Ngộ làm Nội sử, trưng phát hết binh ở trong nước.

Tề vương sai Chúc Ngộ sang đông trá lừa Lang Nha vương rằng:

- Họ Lã tác loạn, Tề vương phát binh muốn sang tây giết họ. Tề vương tự biết mình ít tuổi, không thạo việc chiến trận, tự nguyện đem cả nước ủy thác cho đại vương. Đại vương, vốn là tướng thống binh từ thời Cao đế, xin đại vương ghé thăm, gặp mặt Tề vương tính việc.

Lang Nha vương tin lời, mau chóng sang tây gặp Tề vương. Tề vương thừa cơ giữ Lang Nha vương lại, rồi sai Chúc Ngộ phát hết binh của nước Lang Nha, đồng thời lĩnh quân ấy. Lang Nha vương nói với Tề vương rằng:

- Đại vương, là cháu trưởng đích của Cao đế vậy, đáng được lập, nay các đại thần với việc lập ai làm Đế còn hồ nghi chưa quyết định; mà Trạch là người cao tuổi nhất trong tông thất họ Lưu, đại thần cố nhiên đợi Trạch quyết kế. Nay đại vương giữ ta lại, cũng chẳng làm gì vậy, chẳng bằng sai ta vào Quan Trung tính việc.

Tề vương cho là đúng, bèn chuẩn bị đầy đủ xe tiễn Lang Nha vương. Lang Nha vương đi rồi, Tề bèn cử binh sang tây đánh nước Tế Nam; gửi thư cho các vương chư hầu, kể tội lỗi những người họ Lã, muốn cử binh diệt họ.

Bọn Tướng quốc Lã Sấn nghe tin ấy, bèn phái Đinh Âm hầu Quán Anh đem binh đánh Tề vương. Quán Anh đến Huỳnh Dương, bàn rằng:

- Bọn họ Lã nắm binh quyền ở Quan Trung, muốn gây nguy cho họ Lưu mà tự lập. Nay nếu ta phá quân Tề, rồi quay về báo, đây là giúp thêm vốn liếng cho họ Lã vậy.

Bèn lưu lại đóng quân ở Huỳnh Dương, sai sứ dụ Tề vương và chư hầu cùng liên hòa, để đợi họ Lã sinh biến, thì chung sức tru diệt họ. Tề vương nghe tin, bèn lui binh về biên giới phía tây nước Tề giao ước.

5. Lã Lộc, Lã Sấn muốn tác loạn, bên trong kiêng sợ bọn Chu Hư, Giáng hầu, bên ngoài úy kỵ binh của Tề, Sở; lại sợ bọn Quán Anh phản lại, muốn đợi binh của Quán Anh và Tề hợp chiến mới phát động, nên do dự chưa quyết.

Lúc bấy giờ, Tề Xuyên vương Lưu Thái, Hoài Dương vương Lưu Vũ, Thường Sơn vương Lưu Triều và Lỗ vương Trương Yển đều ít tuổi, chưa đến nước phong, vẫn ở tại Trường An; Triệu vương Lộc, Lương vương Sấn chia ra lĩnh binh ở hai phía nam bắc cung điện, cùng là người họ Lã vậy. Quần thần, Liệt hầu chẳng ai tự giữ chắc được tính mạng.

Thái úy Giáng hầu Chu Bột không được nắm binh quyền. Khúc Chu hầu Lịch Thương già cả bệnh tật, con của Lịch Thương là Ký và Lã Lộc thân thiện với nhau. Giáng hầu bèn cùng Thừa tướng Trần Bình bàn mưu, sai người bức ép Lịch Thương, lệnh cho con là Ký đến lừa dối Lã Lộc rằng:

- Cao đế và Lã hậu cùng bình định thiên hạ, có chín người họ Lưu được lập làm Vương.⁽¹⁾ Ba người họ Lã được lập làm

¹ Sở vương Lưu Giao (em của Cao tổ). Đại vương Lưu Hằng, Hoài Nam vương Lưu Trường (con của Cao tổ). Ngô vương Lưu Ty (cháu con chú bác của Cao tổ). Lang Nha vương Lưu Trạch (họ hàng xa của Cao tổ). Tề vương Lưu Tương (cháu của Cao tổ). Thường Sơn vương Lưu Triều, Hoài Dương vương Lưu Vũ, Tề Xuyên vương Lưu Thái (con của Hiếu Huệ đế).

vương,⁽¹⁾ đều do đại thần nghị bàn, việc đã bố cáo với chư hầu, chư hầu đều cho là thích hợp. Nay Thái hậu băng, Đế nhỏ tuổi, mà túc hạ mang ấn Triệu vương, không gấp đến nước phong trấn giữ bờ cõi, lại làm Thượng tướng, cầm binh lưu ở đây, sẽ bị đại thần và chư hầu nghị kỵ. Túc hạ sao chẳng trao trả tướng ấn, đem binh giao cho Thái úy, mời Lương vương trả ấn tướng quốc, cùng đại thần thề minh rồi đến nước phong. Binh Tề tất giải tán, đại thần được yên, túc hạ cao gối nằm mà làm vương cái nước nghìn dặm, đấy là cái lợi vạn đời vậy.

Lã Lộc tin theo cho kế ấy là đúng, muốn đem binh giao cho Thái úy, sai người báo với Lã Sấn cùng các trưởng bối họ Lã. Có người cho là tiện, có người cho là không tiện, kế còn do dự chưa quyết.

Lã Lộc tin lời Lịch Ký, thường cùng ra ngoài đi săn, ghé qua nhà người cô của mình là Lã Tu. Lã Tu nổi giận nói:

- Mày làm tướng mà rời bỏ quân, họ Lã nay không có chỗ dung thân rồi!

Bèn đem hết châu ngọc, bảo khí ra rải trên nền nhà, nói:

- Ta không giữ giúp người khác vậy!

Tháng chín, ngày Canh Thân, sáng sớm, Bình Dương hầu là Tào Quật tạm coi việc Ngự sử đại phu, gặp Tướng quốc Sấn bàn việc. Lang trung lệnh Giả Thọ đi sứ nước Tề quay về, nhân đó trách Sấn rằng:

- Vương không sớm về nước phong, nay dầu muốn đi, còn có thể được sao?

Bèn đem hết việc Quán Anh cùng Tề, Sở hợp tung muốn giết những người họ Lã báo với Sấn, lại giục Sấn gấp vào cung. Bình Dương hầu nghe qua lời ấy, vội ruổi ngựa báo với Thừa tướng và Thái úy.

¹ Lương vương Lã Sấn, Triệu vương Lã Lộc, Yên vương Lã Thông.

Thái úy muốn vào doanh của bắc quân, không vào được. Tương Bình hầu Kỷ Thông quản phù tiết, Thái úy bèn lệnh sai Thông cầm cờ tiết giả chiếu cho Thái úy vào doanh trại phía bắc. Thái úy lệnh cho Lịch Ký và Điển khách⁽¹⁾ Lưu Yết đi trước khuyên Lã Lộc rằng:

- Để sai Thái úy quản bắc quân, muốn túc hạ đi đến nước phong. Túc hạ mau trả tướng ấn, cáo từ mà đi! Không theo, họa sẽ nảy sinh!

Lã Lộc cho là Lịch Ký không lừa dối mình, bèn cởi ấn giao cho Điển khách, rồi đem binh trao cho Thái úy. Thái úy đến quân doanh, Lã Lộc đã rời đi. Thái úy vào quân môn, ban lệnh trong quân rằng:

- Ai theo họ Lã thì trầy vai áo bên hữu, ai theo họ Lưu thì trầy vai áo bên tả!

Trong quân đều trầy vai áo bên tả. Thái úy bèn thống lĩnh bắc quân; nhưng vẫn còn doanh quân phía nam. Thừa tướng Bình bèn triệu Chu Hư hầu Lưu Chương giúp Thái úy. Thái úy lệnh cho Chu Hư hầu giám xét quân môn, lệnh sai Bình Dương hầu bảo Vệ úy rằng:

- Không cho Tướng quốc Sấn vào cửa điện.

Lã Sấn không biết Lã Lộc đã rời bắc quân, bèn vào cung Vị Ương, muốn làm loạn. Đến cửa điện, không được vào, quanh quẩn đi qua đi lại. Bình Dương hầu sợ không thắng được, ruổi ngựa đến nói với Thái úy. Thái úy sợ không thắng được những người họ Lã, chưa dám công khai nói là giết họ, bèn bảo Chu Hư hầu rằng:

- Hãy gấp vào cung bảo vệ Đế!

¹ Điển khách (典客), là chức quan của nhà Tần, chương quản tiếp đón chư hầu Man Di. Đến thời Cảnh đế nhà Hán, đổi chức này thành Đại hành lệnh (大行令). Đến thời Vũ đế, năm Thái Sơ nguyên niên, đổi chức này thành Đại hồng lư (大鸿胪).

Chu Hư hầu xin binh tốt, Thái úy cấp cho hơn nghìn người. Chu Hư hầu vào cửa cung Vị Ương, thấy Sản trong sân điện. Bấy giờ là xế chiều, Chu Hư hầu đâm Sản, Sản chạy. Trời nổi gió lớn, vì thế các quan đi theo Sản rối loạn, chẳng ai dám đấu; Chu Hư hầu đuổi theo Sản, đâm chết hắn ở trong nhà xí của quan lại phủ Lang trung.

Chu Hư hầu giết Sản rồi, Đế lệnh sai Yết giả cầm phù tiết úy lạo Chu Hư hầu. Chu Hư hầu muốn đoạt phù tiết ấy, Yết giả không chịu, Chu Hư hầu liền theo lên cùng ngồi xe, nhờ có phù tiết làm tin, xe ruổi thẳng vào cung, Chu Hư hầu chém Trường Lạc vệ úy là Lã Canh Thủy. Quay về, ruổi vào doanh bắc quân báo với Thái úy, Thái úy đứng dậy lạy mừng. Chu Hư hầu nói:

- Người đáng lo nhất chỉ có Lã Sản; nay đã giết hắn, thiên hạ định rồi!

Bèn phái người chia nhau đi bắt tất cả trai gái các nhà họ Lã, bắt kể lớn nhỏ đều chém hết. Ngày Tân Dậu, bắt chém Lã Lộc rồi dùng roi đánh chết Lã Tu, lại sai người giết Yên vương Lã Thông, phế truất Lỗ vương Trương Yển. Ngày Mậu Thìn, đổi phong Tế Xuyên vương làm vua đất Lương. Phái Chu Hư hầu Lưu Chương đem việc giết những người họ Lã báo với Tề vương, lệnh sai bãi binh.

Quán Anh ở Huỳnh Dương, nghe tin Ngụy Bột vốn khuyên Tề vương cử binh, sai sứ giả triệu Ngụy Bột đến, trách hỏi việc đó. Bột nói:

- Lửa cháy trong nhà, há phải đi thỉnh ý trường bối trước rồi sau mới đi cứu hỏa sao!

Rồi lập tức đứng sang một bên, chân run lật bật, sợ hãi không nói lên lời, rút cục không nói lời nào khác. Quán tướng quân nhìn kỹ Ngụy Bột, cười nói:

- Người ta bảo Ngụy Bột vũ dũng, kỳ thực chỉ là kẻ thường phạm cuồng vọng thôi, có làm được gì đâu!

Bèn cho Ngụy Bật về. Binh của Quán Anh cũng giải tán, từ Huỳnh Dương quay về kinh.

Ban Cố tán⁽¹⁾ rằng: Thời Hiếu Văn, người thiên hạ chê Lịch Ký bán đứng bằng hữu. Đã gọi là bán đứng bằng hữu, thì phải là thấy lợi mà quên nghĩa vậy. Còn như Lịch Ký, cha mình vốn là công thần mà bị người ta bức ép giữ làm tin; dẫu khiến cho Lã Lộc bị giết nhưng yên ổn được xã tắc, cha con bảo toàn được đại nghĩa quân thần, đây thực là việc nên làm vậy.

6. Các đại thần ngăm bàn với nhau rằng:

- Thiếu đế và Lương vương, Hoài Dương vương, Hằng Sơn vương, đều không phải là con đích thực của Hiếu Huệ vậy; Lã hậu dùng kế trá lừa lấy con của người khác, giết mẹ của họ rồi nuôi dưỡng họ ở hậu cung, sai Hiếu Huệ nhận họ làm con, kẻ được lập làm người nối dõi, kẻ làm vương chư hầu, để làm mạnh cho họ Lã. Nay các người họ Lã đều bị diệt trừ, những người mà họ lập nên sẽ nhanh chóng trưởng thành, lúc họ nắm quyền, bọn ta sẽ không còn nòi giống nữa rồi! Chi bằng xem trong các vương ai hiền nhất thì lập người đó.

Có người nói:

- Tề vương, là cháu trưởng của Cao đế, nên lập vậy.

Đại thần đều nói:

- Họ Lã là ngoại thích mà độc ác suýt nữa gây nguy cho tông miếu, rối loạn công thần. Nay cậu của Tề vương là Tứ Quân, như hổ đội mũ; nếu lập Tề vương, lại thành họ Lã mất rồi. Đại vương hiện nay là con lớn nhất của Cao đế còn sống, nhân hiếu khoan hậu; người nhà Thái hậu họ Bạc cẩn thận thiện lương. Và lại lập người lớn tuổi vốn là danh chính ngôn thuận, hưởng chỉ cái tiếng nhân hiếu của Đại vương lại vang khắp thiên hạ nữa!

Bèn bàn nhau ngăm sai người triệu Đại vương.

Đại vương hỏi tả hữu, bọn Lang Trung lệnh Trương Vũ nói:

¹ Tán (贊), là lời văn ca ngợi.

- Đại thần nhà Hán đều là đại tướng thời Cao đế, thạo việc binh, lắm mưu trá. Chí của bọn họ vốn không chỉ dừng ở đấy, họ chỉ sợ uy của Cao đế và Lã thái hậu thôi. Nay đã diệt trừ các nhà họ Lã, vừa tắm máu kinh sư, lấy việc nghênh đón đại vương để lập danh, thật chẳng đáng tin. Xin đại vương hãy xưng bệnh không tới, để xem cái biến hóa của bọn họ.

Trung úy Tống Xương tiến lên nói:

- Nghị bàn của quần thần đều sai vậy. Nhà Tần lỗi chính sự, chư hầu hào kiệt cùng nổi dậy, những kẻ tự cho rằng xứng lấy được thiên hạ tính kế vạn, nhưng rút cục bước lên ngôi Thiên tử, là họ Lưu vậy; thiên hạ tuyệt vọng, là một. Cao đế phong vương cho con em, đất phong cày như răng lược, để khống chế nhau, đấy gọi là tông tộc vững ổn như bàn thạch; thiên hạ phục sự lớn mạnh, là hai. Nhà Hán hưng, trừ bỏ chính sự hà khắc của nhà Tần, giản ước pháp lệnh, thi ân rải đức, người người tự yên, khó bề lay động, là ba. Lấy cái nghiêm của Thái hậu, lập những người họ Lã làm vương, nắm quyền chuyên chế; nhưng rồi Thái úy dựa vào một tấm phù tiết tiến vào bắc quân hô một tiếng, sĩ tốt đều trầy vai áo bên tả, giúp họ Lưu, phản các nhà họ Lã, rút cục đã diệt bọn họ. Đấy là trời trao Đế vị, không phải là sức người vậy. Nay đại thần dẫu muốn gây biến, trăm họ chẳng chịu theo sai khiến, bè đảng của họ há có thể thống nhất chẳng? Hiện nay trong triều có cái thân thích của Chu Hư, Đông Mâu, bên ngoài sợ cái cường mạnh của các vương Ngô, Sở, Hoài Dương, Lang Nha, Tề, Đại. Nay trong các con của Cao đế, chỉ còn có Hoài Nam vương và đại vương, đại vương lại lớn tuổi, sự hiển thánh nhân hiển nổi danh khắp thiên hạ, cho nên các đại thần mượn ý thiên hạ, muốn đón lập đại vương. Đại vương chớ nghi ngờ vậy!

Đại vương báo với Thái hậu các lời bàn tính ấy, do dự chưa quyết định. Bói xem, được quẻ "Đại hoành", lời quẻ rằng: "Đại hoàng nằm ngang, ta làm Thiên vương, Hạ Khải phát dương."

Đại vương nói:

- Quả nhân vốn đã làm vương rồi, còn vương gì nữa?

Người xem quẻ nói:

- Gọi là Thiên vương, là chỉ Thiên tử vậy.

Vì thế Đại vương phái em của Thái hậu là Bạc Chiêu tới gặp Giáng hầu, bọn Giáng hầu nói cụ thể với Chiêu cái ý nghênh đón lập vương. Bạc Chiêu quay về báo rằng:

- Tin được rồi, không ngại nữa.

Đại vương liền cười bảo Tống Xương rằng:

- Quả như lời ngài nói.

Thế rồi lệnh sai Tống Xương làm tham thừa, sáu người bọn Trương Vũ ngồi xe trạm dịch, theo đến Trường An. Đến Cao Lăng, dừng lại nghỉ, rồi sai Tống Xương ruổi ngựa đến Trường An trước quan sát sự biến.

Xương đến Vị Kiêu, từ Thừa tướng trở xuống đều đến đón tiếp. Xương quay về báo. Xe của Đại vương ruổi đến Vị Kiêu, quần thần bái yết xung thân, Đại vương xuống xe đáp lễ. Thái úy Chu Bột tiến lên nói:

- Xin được nói chuyện riêng.

Tống Xương nói:

- Lời mà ngài nói là việc công, thì nói công khai; nếu là việc riêng, thì bậc vương giả không có tình riêng.

Thái úy bèn quỳ xuống dâng ngọc tí và phù tiết của thiên tử. Đại vương cười nói:

- Đến phủ đệ của Đại vương rồi nghị bàn việc đó.

Tháng chín nhuận, ngày Kỷ Dậu là ngày hối, Đại vương đến Trường An, trú ở phủ Đại vương, quần thần theo đến phủ. Bọn Thừa tướng Trần Bình đều lạy hai lạy nói rằng:

- Bọn Hoàng tử Hoàng đều không phải là con của Hiếu Huệ, chẳng đáng thờ phụng tông miếu. Đại vương, là con lớn tuổi

nhất của Cao đế, đáng được lập làm kế tự. Xin đại vương tức vị ngôi Thiên tử!

Đại vương ngoảnh hướng tây nhường ba lần, ngoảnh hướng nam nhường hai lần, bèn lên ngôi Thiên tử; quần thần theo lễ sắp thứ tự đứng hầu.

Đông Mậu hầu Hưng Cư nói:

- Giết họ Lã, thần không có công gì, xin được dọn sạch cung điện.⁽¹⁾

Bèn cùng Thái phó Nhữ Âm hầu Đằng công vào cung, đến trước mặt Thiếu đế bảo rằng:

- Túc hạ không phải là con họ Lưu, không đáng được lập.

Bèn ngoài sang bảo tả hữu cầm kích đứng hầu hạ binh khí rồi lui; có mấy người không chịu bỏ binh khí, Hoạn quan lệnh Trương Thích dụ bảo, họ cũng buông bỏ binh khí. Đằng công bèn gọi xe kiệu chở Thiếu đế ra. Thiếu đế hỏi:

- Muốn đem ta đi đâu?

Đằng công nói:

- Ra chỗ nghỉ.

Rồi bố trí cho ở phủ quan nhỏ. Sau đó kính bày pháp giá⁽²⁾ đón rước Đại vương ở phủ đệ, báo rằng:

- Cung điện đã dọn sạch.

Đại vương lúc chiều tối tiến vào cung Vị Ương. Có mười Yết giả cầm kích canh giữ Đao môn, nói:

- Thiên tử ở trong đó, túc hạ là ai mà vào?

¹ Theo phép cũ, thiên tử tuần hành, đến nơi đâu thì cung điện ở đó phải dọn sạch, để phòng bị các việc bất thường. Nay Đại vương tức vị, mà vua cũ (Thiếu đế) vẫn còn ở trong cung cấm, phải dọn dẹp, tức là đuổi đi vậy.

² Theo *Hán quan nghi*: Xe giá của thiên tử có đại giá, pháp giá, tiểu giá. Đại giá, do Công khanh kính dẫn, Đại tướng quân tham thừa, xe đi theo 81 cỗ, chia thành ba hàng. Pháp giá, Công khanh không dẫn xe, chỉ có Kinh Triệu doãn, Chấp kim ngô, Trường An lệnh kính dẫn, quan Thị trung tham thừa, xe đi theo 36 cỗ. Tiểu giá, chưa rõ nghi thức thế nào.

Đại vương bèn bảo Thái úy. Thái úy đến dụ, mười vị Yết giả đều hạ binh khí mà lui, Đại vương bèn vào. Ban đêm, báai Tổng Xương làm Vệ tướng quân, trấn võ nam quân và bắc quân; lấy Trương Vũ làm Lang trung lệnh, tuần hành trong cung. Hữu ti chia nhau đi bắt giết Lương vương, Hoài Dương vương, Hằng Sơn vương và Thiếu đế ở phủ đệ. Văn đế quay về ngồi ở tiền điện, ban đêm, hạ chiếu thư đại xá thiên hạ.

THÁI TÔNG HIẾU VĂN HOÀNG ĐẾ

Năm Tiền Nguyên⁽¹⁾ thứ nhất (Nhâm Tuất – TCN 179)

1. Mùa đông, tháng mười, ngày Canh Tuất, đổi phong Lang Nha vương Lưu Trạch làm Yên vương; phong con của Triệu U vương là Toại làm Triệu vương.

2. Trần Bình tạ rằng có bệnh xin từ chức; chúa thượng hỏi lý do, Bình nói:

- Thời Cao tổ, công của Bộc chẳng bằng thần, lúc giết những người họ Lã, công của thần chẳng bằng được Bộc; thần xin đem chức Hữu thừa tướng nhường cho Bộc.

Tháng mười một, ngày Tân Ty, chúa thượng đổi Bình làm Tả thừa tướng, Thái úy Bộc làm Hữu thừa tướng, Đại tướng quân Quán Anh làm Thái úy. Những chỗ đất cũ của hai nước Tề, Sở bị các nhà họ Lã đoạt, đều trả lại cho hai nước ấy.

3. Triều đình luận xét công lao đánh diệt họ Lã, từ Hữu thừa tướng Bộc trở xuống đều được thêm hộ ấp, ban vàng. Giáng hầu Bộc lúc bãi triều bước vội ra ngoài, rất đặc ý; chúa thượng dùng lễ đối đãi cung kính, thường dỗi mắt đưa tiễn. Lang trung Viên Áng người huyện An Lăng can rằng:

¹ Kể từ đời vua Hán Vũ đế trở đi mới bắt đầu đặt niên hiệu của năm, các niên hiệu Tiền Nguyên, Trung Nguyên và Hậu Nguyên (thời hai vua Văn đế và Cảnh đế nhà Hán) đều là do các sử gia đời sau căn cứ việc đổi năm (thời kỳ) của hai vua này mà tự đặt ra, đây không phải niên hiệu chính thức.

- Các nhà họ Lã bội nghịch, đại thần hợp nhau cùng tru diệt họ. Bấy giờ Thừa tướng làm Thái úy, vốn nắm binh quyền, gặp đúng cơ duyên thành công. Nay Thừa tướng như có sắc kiêu căng với chủ, Bệ hạ khiêm nhường; nhưng mất lễ quân thần, thần trộm cho rằng Bệ hạ không nên thế vậy!

Về sau hội triều, chúa thượng ngày một trang nghiêm, Thừa tướng càng kính sợ.

4. Tháng mười hai, Đế hạ chiếu rằng:

"Pháp luật, là căn cứ để trị lý thiên hạ vậy. Nay kẻ phạm pháp đã luận tội, mà lại khiến cho cha mẹ, vợ con, anh em của kẻ đó vốn vô tội bị phạt theo, đến nỗi bắt vào làm nô tì của nhà quan, trầm rất không tán thành! Nay phước bỏ việc bắt gia thuộc kẻ phạm tội làm nô tì và các thứ điều luật bắt tội người liên đới."⁽¹⁾

5. Mùa xuân, tháng giêng, Hữu ti thỉnh xin sớm lập Thái tử. Chúa thượng nói:

- Trẫm vốn bất đức, các ngài chẳng thể rộng tìm trong thiên hạ lấy người hiền thánh có đức để đọi trao nhường thiên hạ, lại nói "sớm lập Thái tử", đấy là làm nặng thêm cái bất đức của ta vậy! Hãy cứ để yên như thế!

Hữu ti nói:

- Sớm lập ngôi Thái tử, là để xem trọng tông miếu xã tắc, tỏ ý chẳng quên thiên hạ vậy.

Chúa thượng nói:

- Sở vương, là quý phụ⁽²⁾ của ta vậy; Ngô vương, là huynh của ta vậy; Hoài Nam vương, là đệ của ta vậy; há chẳng phải là dự liệu sẵn sao? Nay chẳng tuyển cử họ, mà nói tất phải truyền

¹ Đây là phép cũ của nhà Tần thi hành từ thời Thương Ương ban hành biến pháp. Nay bãi bỏ.

² Quý phụ, tức chú út, người em ít tuổi nhất của cha. Thời xưa ở Trung Quốc, thứ tự các anh em trong một gia đình là bá, trọng, thúc, quý, trong đó bá là lớn nhất, rồi tới trọng, quý là nhỏ nhất, những người xen giữa đó gọi là thúc.

cho con; người đòi cho là ta quên người hiền có đức mà chú tâm đến con mình, đấy không phải là cách hay để lo tính cho thiên hạ vậy!

Hữu ti cố thỉnh xin rằng:

- Thời Ân, Chu cổ đại sau khi dựng lập quốc gia, đều trị yên hơn nghìn năm, dùng cái đạo lý ấy; lập người kế tự tất phải là con, là chế độ được theo từ lâu nay rồi. Cao đế bình định thiên hạ làm Thái tổ, con cháu kế tự đời đời không dứt, nay bỏ người được lập thích hợp mà thay tuyển ở tông thất chư hầu, không đúng với chí của Cao đế vậy. Nghị bàn thay đổi là việc không nên. Hoàng tử Khải lớn nhất, thuần hậu nhân từ, xin lập làm Thái tử.

Chúa thượng bèn đồng ý.

6. Tháng ba, lập mẹ của Thái tử là Đậu thị làm Hoàng hậu. Hoàng hậu, là người huyện Quan Tân quận Thanh Hà. Hậu có người em tên là Quảng Quốc, tự Thiệu Quân, lúc nhỏ bị người ta lừa bắt bán đi, chuyển qua hơn chục nhà, nghe tin Đậu hậu được lập, bèn dâng thư tự kể thân phận. Đậu hậu triệu gặp, hỏi chứng nghiệm, đúng thực, bèn ban tặng hậu nhà cửa, ruộng đất, tiền vàng, cho ở nhà anh là Trường Quân tại Trường An. Bọn Giáng hầu, Quán tướng quân nói:

- Bọn ta chẳng chết, mệnh vận phải treo ở tay hai người này, hai người này xuất thân ti tiện, chẳng nên không giúp họ tuyển chọn sự phò và tân khách; không làm thế, họ sẽ lại bắt chước họ Lã, đấy là việc lớn vậy!

Vì thế bèn tuyển kẻ sĩ có chí tiết và phẩm hạnh cho ở cùng với hai người. Đậu Trường Quân và Đậu Thiệu Quân từ đấy thành hạng quân tử nhún nhường, không dám vì địa vị tôn quý mà kiêu căng với người khác.

7. Đế hạ chiếu phát chẩn cứu giúp người quan quả, cô độc và những người cùng khổ. Lại lệnh:

"Người từ tám mươi tuổi trở lên, hàng tháng ban cho gạo, thịt và rượu; người từ chín mươi tuổi trở lên được cấp dưỡng, ban thêm cho lụa và bông. Vật phẩm được cấp dưỡng là gạo, Trưởng lại phải tự kiểm duyệt, do quan Thừa hoặc Ủy đưa đến; các thứ ban cấp cho người chưa đến chín mươi tuổi, phải lệnh cho Sắc phu⁽¹⁾ hoặc Lệnh sử đưa đến; quan Nhị thiên thạch phải phái Đô lại tuần hành giám xét, quan lại không cấp phát xứng ý thì đốc trách họ."

8. Sở Nguyên vương Lưu Giao hoẵng.

9. Mùa hạ, tháng tư, hai nước Tề, Sở có động đất, hai mươi chín núi bị sụt lở cùng ngày, nước lớn vọt ra.

10. Bấy giờ có người dâng biểu thiên lý mã. Để nói:

- Cờ loan đi phía trước, xe thuộc hạ theo phía sau, ngày tốt xuất hành, đi năm chục dặm, thống sư xuất hành, ngày ba mươi dặm; trăm cưới thiên lý mã, đi trước một mình đến đâu?

Vì thế trả lại thiên lý mã, cho phí dụng đi đường; rồi hạ chiếu rằng:

"Trẫm không nhận đồ dâng biểu. Nay lệnh cho bốn phương không phải tìm vật đến dâng biểu nữa."

11. Để tức vị, thi ân với thiên hạ trước, chư hầu và tứ Di xa gần vui sướng hòa hợp; sau mới biểu chương và ban thưởng cho công thần theo chân từ nước Đại tới, phong Tổng Xương làm Tráng Vũ hầu.

12. Để ngày càng thông thạo việc quốc gia. Lúc triều hội hỏi Hữu thừa tướng Bật rằng:

- Trong thiên hạ một năm quyết ngục bao nhiêu người?

Bật tạ rằng không biết. Chúa thượng lại hỏi:

- Mỗi năm tiền và thóc xuất nhập bao nhiêu?

¹ Theo phép chế nhà Hán: Cứ 10 làng thành một đình, 10 đình thành một hương. Hương có chức Sắc phu (嗇夫), đây là chức quan quản việc nghe kiện tụng, thu thuế khóa trong hương.

Bột lại tạ rằng không biết; sợ hãi then thùng, mồ hôi ướt đầm lưng. Chúa thượng hỏi Tả thừa tướng Bình. Bình nói:

- Có người chủ quản việc đó.

Chúa thượng hỏi:

- Chủ quản là ai?

Bình nói:

- Bệ hạ nếu hỏi việc quyết ngục, thì hỏi Đình úy; hỏi về tiền và thóc, thì hỏi Trị túc nội sử⁽¹⁾.

Chúa thượng nói:

- Nếu như các việc đều có người chủ quản, thì việc ngài chủ quản là việc gì?

Bình tạ rằng:

- Bệ hạ chẳng biết tài thần hèn kém, cho thần nhận làm chức Tể tướng. Chức trách của Tể tướng, trên thì giúp đỡ Thiên tử, chỉnh lý âm dương, khiến bốn mùa hòa thuận; dưới thì khiến vạn vật thích nghi; ngoài thì trấn vỗ chư hầu và tứ Di; trong thì thân gần trăm họ, khiến công khanh đại phu đều được đảm nhiệm đúng chức phận của mình.

Đế rất khen ngợi.

Hữu thừa tướng cả then, ra ngoài rồi trách Trần Bình rằng:

- Sao ngài không chỉ giáo cho ta đối đáp?

Trần Bình cười rằng:

- Ngài giữ ngôi vị của mình, lại chẳng biết trách nhiệm của mình sao? Và lại nếu Bệ hạ hỏi đạo tặc trong thành Trường An ít nhiều thế nào, ngài có thể miễn cưỡng đối đáp chăng?

Vì thế Giáng hầu tự biết tài mình kém Trần Bình rất xa. Giữ chức không lâu, có người khuyên Bột rằng:

¹ Trị túc nội sử (治粟内史), là chức quan của nhà Tần, chương quản về thóc lúa, của cải. Năm Thái Sơ thời Hán Vũ đế, đổi tên chức này thành Đại tư nông (大司农).

- Ngài đã giết các nhà họ Lã, lập Đại vương, uy chấn thiên hạ. Mà ngài nhận thưởng hậu, ở địa vị tôn quý, giữ chức lâu, tức là rước họa đến thân rồi.

Bột cũng tự thấy nguy, bèn tạ rằng có bệnh, xin trả ấn Thừa tướng, chúa thượng đồng ý.

Mùa thu, tháng tám, ngày Tân Mùi, bãi chức Hữu thừa tướng của Bột, Tả thừa tướng Bình một mình làm Thừa tướng.

13. Khi trước, Long Lự hầu Chu Táo đi đánh Nam Việt,⁽¹⁾ đúng lúc nóng nực ẩm thấp, sĩ tốt mắc bệnh dịch, binh chẳng thể vượt qua đỉnh Dương Sơn. Hơn một năm, Cao hậu băng, liền bãi binh. Triệu Đà nhân cơ hội ấy dùng binh uy hiếp và đưa tài vật hối lộ các tộc Mân Việt, Tây Âu và Lạc, khiến họ phụ thuộc mình. Đông tây hơn vạn dặm, cưỡi xe mui vàng, cầm cờ tả đạo, xưng chế ngang hàng với Trung Quốc.

Đế nhân vì phần mộ của cha mẹ Đà ở Chân Định, bèn đặt người giữ ấp, hàng năm bốn mùa tế tự; triệu anh em họ của Đà, cho chức quan tôn quý, ban sủng hậu cho họ. Lại sai Lục Giả đi sứ Nam Việt, ban thư cho Đà, viết:

"Trẫm, là con trắc thất⁽²⁾ của Cao hoàng đế, bị quên bỏ ở đất ngoài, vâng mệnh làm phen dậu phía bắc tại đất Đại. Vì đường đất xa xôi, tâm nhìn hạn hẹp, lại chất phác ngu độn, chưa từng gửi thư tín đến Vương. Cao hoàng đế lìa bỏ quần thần, Hiếu Huệ hoàng đế tạ thế, Cao hậu tự coi quốc sự, bất hạnh mắc bệnh, các nhà họ Lã gây biến, may nhờ sức của công thần, đã diệt xong họ Lã. Trẫm vì Vương, Hậu và quan lại cố nài ép, chẳng thể không lập. Nay đã tức vị.

Mới đây nghe nói Vương gửi thư cho Tướng quân Long Lự hầu, tìm kiếm anh em thân thích, xin bãi miễn chức hai vị tướng quân của Trường Sa. Trẫm vì thư của Vương, đã bãi chức Tướng quân Bác Dương hầu, anh em người thân của Vương ở Chân Định, trẫm đã sai

¹ Việc này nói ở Hán ký, quyển 5, sự kiện năm thứ bảy đời Lã hậu.

² Trắc thất (側室), là vợ lẽ vậy.

người thăm hỏi úy lạo, tu sửa phần mộ tiên nhân. Ngày trước nghe tin Vương phát binh ở biên ải, cướp bóc gây hoạ không ngừng. Đương lúc ấy, nước Trường Sa khố sỏ, vùng Nam Quận lại càng nghiêm trọng; dầu vậy nước của Vương, há có lợi gì sao? Ất hẳn sĩ tốt chết nhiều, quan tướng bị thương cũng lắm, vợ bị mất chồng, con thành mồ côi, cha mẹ già cô độc vô võ; được một thì mất mười, trăm chẳng nỡ làm vậy.

Trẫm chuân bị chia đất này, địa thế đan nhau cài như răng lược; đem việc hỏi quan lại, quan lại nói rằng: 'Vốn dĩ Cao hoàng đã giới hạn đất đai của Vương đến Trường Sa rồi', trẫm không thể thiện tiện sửa đổi được. Nay trẫm được đất của Vương, chẳng đủ để lớn thêm, được của của Vương, chẳng đủ để giàu thêm. Vậy nên từ Ngũ Lĩnh về nam, Vương hãy tự trị lý. Tuy nhiên, Vương xưng hiệu làm Đế, hai Đế cùng dựng lập, không còn một cỗ xe thông sứ, đây là tranh giành nhau vậy; tranh giành mà chẳng biết nhường, người có lòng nhân không làm vậy. Mong Trẫm và Vương cùng vứt bỏ cái lỗi trước, từ nay về sau, lại thông sứ như cũ."

Giả đến Nam Việt, Nam Việt vương sợ, rập đầu tạ tội; xin phụng minh chiếu, mãi làm phiên thần, vâng chức cống. Vì thế hạ lệnh ở trong nước rằng:

- Ta nghe nói hai anh hùng chẳng thể cùng lập, hai người hiền chẳng cùng ở một đời. Hoàng đế nhà Hán, là thiên tử hiền minh. Từ nay về sau, ta không xưng Đế, bỏ chế mệnh, xe mui vàng, cờ tả đạo.

Nhân đó dâng thư, nói:

"Đại trưởng Man Di, lão phu thần là Đà liêu chết lạy hai lạy dâng thư lên Hoàng đế Bệ hạ rằng:

Lão phu, là viên Lại ở đất Việt cũ, may được Cao hoàng đế sủng tín ban ấn tì, cho làm Nam Việt vương. Hiếu Huệ hoàng đế tức vị, vì nghĩa chẳng nỡ đoạn tuyệt, nên ban phong cho lão phu trọng hậu. Cao hậu lâm triều nắm việc, chia biệt Man Di, ra lệnh rằng: 'Không được

bán cho Man Di người Việt khí dụng đồ sắt, đồ làm ruộng, ngựa, trâu, dê; ví như có bán, chỉ bán cho con đực, không bán con cái.' Lão phu ở nơi hoang vắng, ngựa, trâu, dê đã già hết. Tự cho là việc tế tự không chu đáo được,⁽¹⁾ mắc vào tội chết, cho nên sai cả thầy ba người là Nội sử Phan, Trung úy Cao và Ngự sử Bình dâng thư tạ lỗi, đều không có thư phản hồi.

Lại nghe đồn rằng phần mộ của cha mẹ lão phu bị hủy hoại, anh em tông tộc bị phán tội tru diệt. Quan tướng cùng nghị luận rằng: 'Nay ở trong không nhận được sự tôn trọng của Hán triều, ngoài cội không lấy gì để tự cao quý khác lạ.' Cho nên đổi hiệu xưng Đế; tự làm Đế nước mình, không dám gây hại đến thiên hạ. Cao hoàng hậu nghe tin, cá giận, tước bỏ hiệu Nam Việt, đoạn tuyệt sứ thần lai vãng. Lão phu trộm ngờ Trường Sa vương sàm tấu hãm hại, cho nên phát binh đánh biên giới Trường Sa.

Lão phu ở đất Việt bốn mươi chín năm, nay đã bằng cháu. Nhưng thức khuya dậy sớm, nằm không yên giấc, ăn chẳng thấy ngon, mắt không nhìn nữ sắc, tai không nghe tiếng trống, chỉ vì không được thờ nhà Hán vậy. Nay may được Bệ hạ xót thương, cho khôi phục hiệu cũ, thông sứ đến nhà Hán như xưa; lão phu chết, xương cốt không hủ nát. Xin cải hiệu Vương, không dám làm Đế nữa!"

14. Tề Ai vương Lưu Tương hoảng.

15. Chúa thượng nghe nói Hà Nam thú Ngô Công thành tích trị lý tốt nhất thiên hạ, triệu làm Đình úy. Ngô Công tiến cử người ở Lạc Dương là Giả Nghị, Đế triệu Nghị cho làm Bác sĩ. Bấy giờ Giả Nghị hơn hai mươi tuổi. Đế rất yêu thích lời văn uyên bác của Nghị, trong vòng một năm, phá cách thăng Nghị đến chức Thái trung đại phu⁽²⁾.

¹ Ngựa, trâu, dê không có con cái, không sinh đẻ được, thú cũ đã già hết, không thể dùng làm đồ tế lễ được.

² Thái trung đại phu (太中大夫), là chức quan quản việc bàn xét nghị luận ở triều đình, phẩm trật sáu trăm thạch, thuộc quyền quản lý của Lang trung lệnh.

Giả Sinh thỉnh xin đổi chính sóc, cải sắc phục, định quan danh, hưng lễ nhạc, để kiến lập chế độ Hán triều⁽¹⁾, thay hẳn pháp chế nhà Tần. Đế trị quốc khiêm nhường, cho là chưa rồi nhàn làm việc ấy.

Năm Tiễn Nguyên thứ hai (Quý Hợi – TCN 178)

1. Mùa đông, tháng mười, Khúc Nghịch Kiến hầu Trần Bình hoảng.

2. Đế chiếu lệnh sai các Liệt hầu đến đất phong; ai làm quan ở triều đình hay nhận chiếu riêng lưu lại kinh sư, thì phái Thái tử của họ đi.

3. Tháng mười một, ngày Ất Hợi, Chu Bột lần nữa làm Thừa tướng.

4. Ngày Quý Mão, là ngày hối, có nhật thực. Đế hạ chiếu:

"Mong hết thảy quần thần nghĩ đến cái lỗi sai của trẫm và những điều mà trẫm chưa nghe chưa biết, xin hãy đem báo với trẫm. Rồi cùng tiến cử người hiền lương, chính trực, có thể ra sức can gián, nói thẳng, để nắn sửa những điều chưa được của trẫm."

Nhân đó sai bọn họ đi nhận các chức phận riêng, nhắc phải giảm bớt đao dịch để tiện cho dân; bỏ chức Vệ tướng quân; sai Thái bộc chỉ lưu lại số ngựa đủ dùng, còn lại đều đem cấp cho trạm dịch.

Tùy tùng của Dĩnh Âm hầu là Giả Sơn, dâng thư nói cái đạo trị loạn rằng:

"Thần nghe nói cái nơi mà sấm sét giáng xuống, không gì không gãy vụn; cái chỗ mà muôn quân⁽²⁾ đè nén, không gì không tan nát."

¹ Người xưa suy luận các việc xoay quanh thuyết Ngũ hành, mỗi một triều đại lên thay nhau thường luận theo Ngũ hành xem triều đại của mình thuộc về hành nào, từ đó định lịch pháp (đổi ngày đầu năm, tức là chính sóc), đổi sắc phục cho phù hợp màu của Ngũ hành, định quan chế, để khẳng định đã bước sang triều đại mới.

² Quân (钧), là đơn vị đo trọng lượng thời xưa, bằng ba mươi cân.

Nay cái uy của bậc nhân chủ, không chỉ như sấm sét vậy; cái nặng không chỉ như muôn quân vậy. Quân chủ mở lời thỉnh cầu lời can, vui mừng mà tiếp nhận ý kiến, chọn dùng lời của người can mà cho họ được vẻ vang, kẻ sĩ vẫn sợ hãi chẳng dám tự dốc lòng; huống chi bậc quân chủ lại buông thả bạo tàn, chán ghét việc nghe nói đến cái lỗi sai của mình? Dùng uy thế để giáng xuống, dùng sức nặng để đè nén, dẫu người trí mưu như Nghiêu, Thuấn, dũng lực như Mạnh Bôn, há có thể không gãy nát hay sao? Như thế, thì bậc nhân chủ chẳng nghe được cái lỗi của mình, xã tắc nguy mất!

Xưa kia thời nhà Chu, đại đế có một nghìn tám trăm nước phong,⁽¹⁾ lấy dân chúng chín châu phụng sự quân chủ một nghìn tám trăm nước, quân chủ dư tiền của, dân chúng dư sức lực, mà thanh âm ca tụng đức tốt nổi khắp nơi. Tân Thủy Hoàng dùng dân của một nghìn tám trăm nước dưỡng thân mình, sức dân mỗi chẳng thể kham nổi lao dịch, tiền của kiệt chẳng thể kham nổi đòi hỏi. Bản thân chỉ là một vị quân chủ thôi, tự mình hưởng thụ cái thú vui ruồi rong săn bắn, thiên hạ chẳng thể cung ứng nổi. Hoàng đế nhà Tần tự tính kể cái công đức vô lượng của mình, liệu rằng con cháu mình đời đời kế nối đến vô cùng; nhưng rồi thân chết chỉ mới mấy tháng thôi, người thiên hạ bốn phương tiến đánh, tông miếu đã bị hủy diệt rồi. Hoàng đế nhà Tần ở trong chỗ nguy tuyệt diệt mà chẳng tự biết, là vì sao đây? Là vì người thiên hạ chẳng ai dám báo thực tình lên vậy. Sờ dĩ người ta chẳng dám báo lên, là vì sao? Là vì bỏ mất cái nghĩa tôn dưỡng người già, không có được đại thần phụ tá; ruồng bỏ người phỉ báng mình, giết hại kẻ sĩ can gián thẳng. Thế rồi những kẻ nói lời xiểm nịnh và bọn tiểu nhân vô sỉ đón ý câu lợi, so sánh cái đức của Tần hoàng hiền minh hơn vua Nghiêu, vua Thuấn, công nghiệp của Tần hoàng vượt quá cả vua Thang, vua Vũ; bởi thế thiên hạ vô lễ mà chẳng ai dám báo lên vậy.

¹ Thời nhà Chu, người được ban tước đất có các hạng: Tước Công, tước Hầu ban trăm dặm đất, tước Bá ban bảy chục dặm, tước Tử, tước Nam năm mươi dặm. Đại khái tính đếm số nước phong là một nghìn bảy trăm bảy mươi ba nước.

Nay Bệ hạ lệnh sai người thiên hạ tiến cử kẻ sĩ hiền lương chính trực, người khắp thiên hạ đều hớn hở vui mừng, nói: 'Cái đạo của Nghiêu Thuấn, cái công của Tam vương sắp hưng thịnh rồi.' Kẻ sĩ thiên hạ chẳng ai không nỗ lực hoàn thiện mình để cầu mong được tuyển lựa. Kẻ sĩ chính trực hiền nay đều đã ở triều đình rồi; lại tuyển chọn người hiền trong số ấy, sai làm Thường thị, quan lại, nhưng cùng họ ruổi rong săn bắn, mỗi ngày ba lần rời cung. Thần sợ rằng Bệ hạ vì thế mà trễ lười, trăm quan vì thế mà sao nhãng với chức sự vậy.

Bệ hạ tức vị, tự thân cố gắng để hậu dưỡng thiên hạ, tiết kiệm chi dùng, yêu mến người dân, xét ngục công bằng, nói lòng hình phạt; thiên hạ chẳng ai không vui mừng hỉ hả. Thần nghe nói lúc quan lại ở Sơn Đông ban bố chiếu lệnh, dân chúng đều có người già cả, gù lưng bệnh tật, vẫn chống gậy mà đến nghe, mong rằng không bị chết trong nay mai, để được xem cái thành tựu của đức hóa vậy. Nay công nghiệp đang dựng lập, tiếng tốt đang truyền xa, người bốn phương đón gió mà theo; bây giờ hào kiệt tài tuấn, kẻ sĩ chính trực nói thẳng, lại ngày ngày cùng Bệ hạ đi săn bắn, đuổi thú bắt cáo, làm phương hại đến đại nghiệp quốc gia, dứt tuyệt lòng mong ngóng của thiên hạ, thần trộm thấy đau lòng!

Đại thần thời xưa chẳng được vui chơi an nhàn, đều phải dốc trí lực để giữ khí tiết và phẩm cách, như thế thì quần thần chẳng ai dám không sửa mình tu đức, tận tâm để xứng với đại lễ quân thần. Kẻ sĩ, tu dưỡng ở nhà mình lại suy bại ở triều đình của Thiên tử, thần trộm vì thế mà tiếc hận. Mong Bệ hạ lúc vui chơi an nhàn với quần thần, hãy cùng các đại thần, các bậc chính trực, nghị luận việc triều đình, như thế thì rong chơi chẳng mất vui, hội triều chẳng thất lễ, đại sự được trọn vẹn vậy."

Chúa thượng khen ngợi thu nhận lời ấy.

Chúa thượng mỗi lần lên triều, quan lang và thị tòng dâng thư sớ, chưa từng không dừng xe liền tiếp nhận. Những điều mà tấu thư nói đến, nếu không thể chọn dùng thì bỏ qua, nếu có thể chọn dùng, chưa từng không khen ngợi.

Đế từ Bá Lăng lên núi muốn sang phía tây phi ngựa xuống sườn núi. Trung lang tướng Viên Áng cưỡi ngựa ngồi cùng xe gò dây cương. Chúa thượng hỏi:

- Tướng quân sợ chẳng?

Áng nói:

- Thần nghe nói: "Đưa con nghìn vàng, chẳng ngồi dưới mái hiên nhà."⁽¹⁾ Là bậc thánh chủ không nên mạo hiểm, chẳng nên cầu may. Nay Bệ hạ ruổi cỗ xe sáu ngựa phi như tên xuống sườn núi, nếu như xe hỏng ngựa hãi, Bệ hạ thân nhiên xem thường bản thân, còn Cao miếu và Thái hậu thì sao?

Chúa thượng bèn dừng.

Đế rất sủng ái Thận phu nhân, ở trong cung cấm thường cho ngồi chung chiếu với Hoàng hậu. Lúc ngồi ở Lang thự, Viên Áng dẫn Thận phu nhân ngồi lui xuống.⁽²⁾ Thận phu nhân giận, không chịu ngồi; chúa thượng cũng giận, đứng dậy, quay về cung. Áng nhân đó tiến lên nói:

- Thần nghe nói: "Cao thấp thứ tự, thì trên dưới hòa." Nay Bệ hạ đã lập Hoàng hậu, Thận phu nhân là thiếp, thiếp và chủ há có thể ngồi chung sao? Vả lại Bệ hạ sủng ái, ban thưởng hậu cho Thận phu nhân, Bệ hạ vì Thận phu nhân mà làm những việc đó, chính là gây mối họa cho Thận phu nhân vậy. Bệ hạ chẳng thấy cái việc "nhân trệ"⁽³⁾ sao?

Vì thế chúa thượng mới vui, triệu Thận phu nhân đến nói, Thận phu nhân ban cho Áng năm mươi cân vàng.

Giả Nghị dâng sớ lên chúa thượng rằng:

¹ Con nhà phú quý không để ngồi dưới mái hiên nhà, vì sợ gạch ngói rơi vào đầu, nguy hiểm vậy.

² Trong vườn Thượng lâm có đặt chức quan phòng vệ (lang thự), Viên Áng là Trung lang tướng, được sắp xếp chỗ ngồi cho khách dự, cho nên làm việc đó.

³ Xem Hán kỷ quyển 4, sự kiện năm thứ nhất đời Hiếu Huệ đế.

"Quản tử⁽¹⁾ viết: 'Kho lẫm đầy thì hiểu lễ tiết, cơm áo đủ thì biết nhục vinh.' Dân chẳng no đủ mà nước có thể trị, từ xưa đến nay chưa từng nghe nói vậy. Người xưa nói: 'Một nam không cày ruộng thì một người chịu đói; một nữ không dệt vải thì một người bị rét.' Vật sinh có mùa mà tiêu dùng vô độ, thì vật lực tất thiếu khuyết. Cổ nhân trị lý thiên hạ, rất tần tiện, rất chu đáo, cho nên quốc gia có tích trữ đủ để cày nhò. Nay người bỏ nghiệp gốc theo nghề ngọn rất đông,⁽²⁾ đấy là cái nguy rất lớn của thiên hạ vậy. Phong tục xa xỉ quá mức, mỗi ngày một tăng thêm, đấy là cái hại rất lớn của thiên hạ vậy. Cái nguy, cái hại cùng thịnh hành, chẳng có gì ngăn chế; vận mệnh quốc gia chao đảo, chẳng có ai nâng cứu. Vật sinh rất thiếu mà hao tán rất nhiều, tài sản thiên hạ há chẳng kiệt quệ hay sao?

Đại Hán ta từ lúc lập nước đến nay, đã gần bốn chục năm rồi, của cải công tư tích trữ ít, vẫn khiến người ta đau xót. Một mùa chẳng có mưa, dân như lang sói ngoài đầu;⁽³⁾ một năm không có thu, dân bán tước bán con;⁽⁴⁾ đấy là việc Bệ hạ đã nghe biết rồi. Nay thiên hạ có môi nguy như thế mà chúa thượng chẳng kinh sợ hay sao?

Thế gian có năm đói kém, có năm được mùa, đấy là việc trời làm ra vậy; vua Vũ, vua Thang đã trải qua rồi.⁽⁵⁾ Ví như chẳng may mà

¹ Quản Trọng (管仲), Tướng quốc của Tề Hoàn công thời Xuân Thu, soạn sách Quản tử, nói về thuật trị quốc, làm cho nước giàu mạnh.

² Nghề gốc là nông nghiệp, tạo ra của cải vật chất; nghề ngọn được hiểu là nghề buôn bán kiếm lợi.

³ Con lang, con sói vốn nhút, khi đi thường ngoái đầu. Dân chúng thấy trời không mưa, trong lòng lo sợ, khiếp hãi như lang sói ngoác trước trông sau vậy.

⁴ Dân chúng được chia theo nhiều hạng phẩm cấp, khi có công lao thì được tăng cấp, khi có tội bị phạt, bị giáng cấp. Người có tước cấp cao thì được ưu tiên việc lao dịch. Nay dân đói phải bán tước, người mua tước được tăng phẩm cấp, người bán tước hạ mình giảm cấp để đổi lấy cái ăn. Người nghèo quá không biết lấy gì để sống, phải bán cả con cho nhà giàu làm nô bộc, lấy tiền sinh sống.

⁵ Vua Thành Thang nhà Thương trong những năm đầu trị vì bị hạn hán nặng, từng ra lệnh đúc tiền vàng phát cho dân nghèo để cứu tế cho dân. Còn lập đàn tế cầu mưa, tự trách lỗi mình mong trời ban mưa cứu vớt dân chúng.

Dưới thời vua Đại Vũ nhà Hạ, sông ngòi liên tục ngập tràn, gây thủy tai nghiêm trọng, dân chúng khổ cực. Vua Vũ từng ăn ngủ cùng dân, ra sức trị thủy, đào kênh dẫn nước, khiến nạn lụt lội chấm dứt, dân cấy cày được, mùa màng tốt tươi.

hai ba nghìn dặm gấp hán hán, quốc gia lấy gì để cứu tế cho bách tính? Ví như thốt nhiên biên cảnh có cáo cấp, phải trưng phát mấy chục vạn tướng sĩ, quốc gia sẽ lấy gì để chu cấp quân nhu? Chiến tranh và hán hán xảy ra cùng lúc, thiên hạ đại loạn, người có dũng lực thì tự đồ chúng mà đánh cướp, người già yếu khôn nhọc phải đổi con cho nhau mà ăn.⁽¹⁾ Trị lý chính sự mà chưa thông suốt hoàn toàn, những kẻ khả dĩ tiến ngôi ở phương xa sẽ nhất loạt cử binh tranh nhau khởi sự; bấy giờ mới kinh hãi mưu diệt chúng, há có thể kịp hay chẳng? Xét ra, việc tích chứa của cải, là việc lớn quyết vận mệnh thiên hạ; ví như thóc lúa nhiều mà tiền của có dư, việc nào mà chẳng thành! Dựa vào thực lực, đánh thì lấy được, thủ thì vững chắc, giao chiến thì thắng, cảm hóa vô về địch, kéo người phương xa theo dựa, chiêu vòì ai mà họ chẳng đến?

Nay nếu sai dân chúng quay về nghề nông, đều nương dựa vào đất cũ; khiến người thiên hạ đều dốc sức làm ra của cải, dân du lãng và những kẻ theo nghề ngọn quay sang theo việc nhà nông, thì của cải tích chứa đủ mà người dân vui với nghiệp của mình rồi. Như thế có thể khiến quốc gia giàu có, thiên hạ yên định, sao chẳng làm ngay việc ấy mà phải lo lắng vậy, thần trộm vì Bệ hạ mà đau tiếc!”

Chúa thượng cảm động vì lời của Nghị. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Đinh Hợi, hạ chiếu cử hành nghi thức "Tịch điền", Đế đích thân cày ruộng để làm gương cho thần dân thiên hạ.

5. Tháng ba, Hữu ti thỉnh xin lập Hoàng tử làm Vương chư hầu. Đế hạ chiếu lập con út của Triệu U vương là Tích Cường làm Hà Gian vương, lập Chu Hư hầu Lưu Chương làm Thành Dương vương, Đông Mâu hầu Lưu Hưng Cư làm Tế Bắc vương trước; rồi sau mới lập Hoàng tử Lưu Vũ làm Đại vương, Lưu Tham làm Thái Nguyên vương, Lưu Ấp làm Lương vương.

¹ Ý nói dân chúng cực kỳ khôn đồn, không có gì để sinh tồn, phải đổi con cho nhau, lấy những đứa trẻ đó làm lương ăn.

6. Tháng năm, hạ chiếu rằng:

"Người xưa trị lý thiên hạ, triều đình dựng cờ tinh để khuyên tiến lời thiện, đặt thẻ gỗ để nhận lời phỉ báng,⁽¹⁾ là để đạo trị được thông suốt mà khuyến khích được người đến can gián vậy. Trong pháp luật hiện nay có 'phỉ báng tội' và 'yêu ngôn tội',⁽²⁾ khiến dân chúng và bầy tôi chẳng dám dốc lòng mà vua trên không nghe được cái lỗi của mình vậy, lấy gì để lôi kéo người hiền lương ở phương xa đây? Nay hãy trừ bỏ tội danh đó đi!"

7. Tháng chín, hạ chiếu rằng:

"Nghề nông, là gốc lớn của thiên hạ, là chỗ mà dân chúng cậy dựa để sinh sống vậy; mà trong dân vẫn có người không chuyên tâm với nghề gốc lại đuổi theo nghề ngọn, đẩy hẳn vì sinh kế không được thoải mái. Trẫm với việc đó rất lo lắng, thế nên nay tự thân thống suất quần thần làm việc nhà nông để khuyến khích, trọng thị nghề nông; năm nay chỉ thu thuế của dân thiên hạ một nửa."

8. Yên Kính vương Lưu Trạch hoẵng.

--- 卐 ---

¹ Thời các vua Nghiêu Thuấn, triều đình sai cắm cờ, đặt thẻ gỗ tại các ngã tư đường. Quan dân ai muốn khuyên can hay góp ý cho triều đình thì đứng dưới cờ mà nói, ai muốn kể lỗi hay chỉ trích triều đình có thể viết chữ lên thẻ gỗ, là để rộng cầu lời nói thiện, quan dân chỉ trích triều đình không bị bắt tội.

² Hán ký, quyển 5, sự kiện năm đầu đời Cao hậu có nói đến việc trừ bỏ điều lệnh về "phỉ báng tội" và "yêu ngôn tội". Hiếu Văn đế hạ chiếu vẫn nói đến thứ tội danh này, hẳn là ở đâu đó trong các điều lệnh vẫn có chỗ còn quy định về loại tội này. Nay Văn đế hạ chiếu lệnh bãi bỏ hoàn toàn các điều lệnh đó.

HÁN KÝ

[QUYỂN THỨ SÁU]

— 380 —

THÁI TÔNG HIẾU VĂN HOÀNG ĐẾ

Năm Tiền Nguyên thứ ba (Giáp Tý – TCN 177)

1. Mùa đông, tháng mười, ngày Đinh Dậu, là ngày hối, có nhật thực.

2. Tháng mười một, ngày Đinh Mão, là ngày hối, có nhật thực.

3. Đế hạ chiếu rằng:

"Trước đây có chiếu lệnh phái chư hầu đến nước phong,⁽¹⁾ có người từ biệt mà chưa đi. Thừa tướng, là người mà trăm cây dựa, nay hãy vì trăm làm gương cho các Liệt hầu đều đến nước phong!"

Tháng mười hai, bãi chức Thừa tướng Bột, phái đến nước phong. Ngày Ất Hợi, lấy Thái úy Quán Anh làm Thừa tướng; Bãi bỏ chức quan Thái úy, đem chức trách quy thuộc vào Thừa tướng.⁽²⁾

4. Mùa hạ, tháng tư, Thành Dương Cảnh vương Lưu Chương hoẵng.

5. Khi trước, Triệu vương Ngao dâng một mỹ nhân lên Cao tổ, được sủng ái, có mang. Lúc việc của Quán Cao phát lộ, Triệu

¹ Xem ở Hán ký, quyển 5, sự kiện năm Tiền nguyên thứ 2, đời Hán Văn đế.

² Nhà Hán kế thừa phép chế của nhà Tần, dùng Thừa tướng, Thái úy và Ngự sử đại phu làm Tam công. Nay bãi chức Thừa tướng của Bột, dùng Thái úy Quán Anh thay thế, nhân đó bãi chức quan Thái úy.

mỹ nhân cũng chịu tội liên đới bị tù cấm ở Hà Nội. Em của Triệu mỹ nhân là Triệu Kiêm nhờ Tích Dương hầu Thẩm Thực Kỳ nói với Lã hậu; Lã hậu ghen ghét Triệu mỹ nhân, không chịu giúp. Mỹ nhân sinh con trai, tức giận, liền tự sát. Quan lại đưa con trai của Triệu mỹ nhân đến chỗ Cao tổ, chúa thượng hỏi, đặt tên là Trường, lệnh sai Lã hậu làm mẹ đẻ nhỏ, rồi táng mỹ nhân ở Chân Định. Về sau phong Trường làm Hoài Nam vương.⁽¹⁾

Hoài Nam vương sớm mất mẹ, thường nương bám Lã hậu, cho nên thời Hiếu Huệ, Lã hậu không gặp họa; nhưng trong lòng thường oán Tích Dương hầu, cho là không cố can ngăn Lã hậu, khiến mẹ mình uất hận mà chết. Lúc Đế tức vị, Hoài Nam vương tự cho là mình thân gần nhất với Đế, kiêu ngạo hỗn xược, nhiều lần phạm phép; chúa thượng thường khoan dung cho. Năm ấy, Hoài Nam vương về triều, theo Đế đến vườn Thượng Uyển, ngồi chung xe với chúa thượng, thường gọi chúa thượng là "đại huynh". Vương có sức khỏe, cử được "đại đỉnh". Thế rồi qua gặp Tích Dương hầu, tự tay cầm trùy sắt giấu trong ống áo đánh Tích Dương hầu, sai người đi theo là Ngụy Kính cắt cổ ông ta; sau đó ruồi ngựa đến dưới cửa khuyết, cời trần tạ tội. Đế thương cái chí của Trường là vì mẫu thân, cho nên không bắt tội. Đương lúc bấy giờ, Bạc thái hậu cùng Thái tử và các đại thần đều kiêng sợ Hoài Nam vương. Từ đấy, sau khi Hoài Nam vương về nước phong càng thêm kiêu căng, ra vào bố trí quân dẹp đường, xưng chế phỏng theo thiên tử.

Viên Áng can Đế rằng:

- Chư hầu quá kiêu căng, tất sinh họa loạn.

Chúa thượng không nghe.

6. Tháng năm, Hữu hiền vương⁽²⁾ của Hung Nô vào chiếm đất Hà Nam, xâm phạm người Man Di ở biên hiểm của Thượng

¹ Việc nói ở Hán ký, quyển thứ tư, sự kiện năm thứ 12, đời Hán Cao tổ.

² Hữu Hiền vương (右贤王) là hiệu phong của quý tộc Hung Nô. Trong số các Vương của Hung Nô, Hữu Hiền vương có địa vị cực cao.

Quận, bắt cướp người dân. Chúa thượng đến Cam Tuyền, phái Thừa tướng Quán Anh điều phát tám vạn năm nghìn xe ngựa, đến Cao Nô đánh Hữu hiền vương; phát bộ binh của Trung úy, sai Vệ tướng quân chỉ huy,⁽¹⁾ đóng trú ở Trường An. Hữu hiền vương chạy ra vùng biên hiểm.

7. Chúa thượng từ Cam Tuyền đến Cao Nô, nhân đó ghé qua Thái Nguyên, gặp mặt quần thần cũ, đều ban thưởng cho họ; miễn thuế ruộng và lao dịch cho dân Tấn Dương, Trung Đô ba năm. Lưu lại chơi ở Thái Nguyên hơn chục ngày.

8. Khi trước, đại thần diệt các nhà họ Lã, công của Chu Hư hầu rất lớn, đại thần đều đồng ý đem hết đất Triệu phong cho Chu Hư hầu làm Vương, đem hết đất Lương phong cho Đông Mâu hầu làm Vương. Lúc Đế lập, nghe nói Chu Hư, Đông Mâu ban đầu muốn lập Tề vương,⁽²⁾ cho nên truất công của họ, đến lúc phong vương cho các con, mới cắt hai quận của nước Tề để phong vương cho hai người. Hưng Cự tự cho rằng mình bị đoạt công, mất chức, trong lòng tẩm tức; nghe nói Đế qua Thái Nguyên, cho là Thiên tử sắp tự đi đánh người Hồ, bèn phát binh làm phản. Đế nghe tin, bãi việc phát quân của Thừa tướng và hành binh quay về Trường An, lấy Cức Bồ hầu Sài Vũ làm Đại tướng quân, thống lĩnh bốn vị tướng quân, chục vạn bộ chúng đánh Hưng Cự; Kỳ hầu Tăng Hạ làm tướng quân, trú quân ở Huỳnh Dương.

Mùa thu, tháng bảy, chúa thượng từ Thái Nguyên về đến Trường An. Hạ chiếu rằng:

"Quan dân Tế Bắc, khi binh sự chưa đến mà tự ổn định trước và ai đem quân lính, thành ấp đến hàng, đều xá tội cho, khôi phục quan tước; những ai giao du với Hưng Cự mà đến hàng, cũng tha cho."

Tháng tám, Tế Bắc vương Hưng Cự binh bại, tự sát.

¹ Năm Tiễn Nguyên thứ hai chép việc bãi bỏ chức Vệ tướng quân, nay vẫn còn, hẳn có chỗ chép nhầm.

² Xem Hán ký, quyển 5, sự kiện năm thứ tám đời Cao hậu.

9. Khi trước, người quận Nam Dương là Trương Thích Chi làm Kỵ lang, chục năm không được thăng chức, muốn bỏ chức về quê. Viên Áng biết Thích Chi hiền nên tiến cử, được làm Yết giả bộc xạ.

Thích Chi đi theo Đế, lên chuồng nuôi hổ, chúa thượng hỏi Thượng Lâm úy về số chim thú ghi vào sổ là bao nhiêu. Hỏi hơn chục câu, viên Úy nhìn quanh, không đáp được câu nào. Sắc phu coi chuồng hổ đứng ở bên cạnh đối đáp thay. Chúa thượng hỏi kỹ tất cả số chim thú, muốn biết rõ cái tài của người đó; hễ chúa thượng hỏi là trả lời ngay, nói bất tận. Đế nói:

- Làm quan chẳng nên như thế sao! Quan úy không nhờ cậy được.

Bèn hạ chiếu cho Thích Chi bái Sắc phu làm Thượng Lâm lệnh. Hồi lâu Thích Chi tiến lên nói:

- Bệ hạ thấy Giáng hầu Chu Bội là người thế nào?

Chúa thượng nói:

- Là bậc trưởng giả vậy.

Thích Chi lại hỏi:

- Đông Dương hầu Trương Tương Như là người thế nào?

Chúa thượng lại nói:

- Là bậc trưởng giả.

Thích Chi nói:

- Giáng hầu và Đông Dương hầu được khen là trưởng giả, nhưng hai người này bàn việc chưa từng nói ra lời, há phải bắt chức viên Sắc phu này nhanh nhẩu khua môi múa mép đâu? Vả lại nhà Tần vì nhậm dụng kẻ lại múa đao bút,⁽¹⁾ chúng đua nhau gấp gáp làm chuyện xét nét tranh cao thấp, cái tệ của họ,

¹ Thời xưa ít giấy viết, thường viết lên thẻ tre, phải dùng vật nhọn khắc lên đó, đao bút là công cụ để viết chữ thời xưa vậy. Đại ý ở đây là nói hạng tiểu lại vậy.

là lời lẽ văn vẻ mà không thực, nhà Tần không nghe nói cái lỗi sai của mình, quốc gia đến chỗ băng lở. Nay bệ hạ cho rằng Sắc phu miệng lưỡi mau lẹ mà cho thăng chức vượt cấp, thần sợ người thiên hạ sẽ theo gió bắt chước, tranh nhau về khẩu biện mà không thực chất. Lại nữa, người dưới học theo người trên, mau như bóng ứng theo hình, việc đề cử sắp đặt người chẳng thể không thận trọng vậy!

Đế nói: "Hay!" Bèn không bãi chức cho Sắc phu nữa.

Chúa thượng lên xe về, gọi Thích Chi làm tham thừa. Xe đi chậm, Đế hỏi Thích Chi về cái tệ chính sự đời Tần. Thích Chi dùng lời thẳng nói hết. Về đến cung, chúa thượng bãi Thích Chi làm Công xa lệnh

Ít lâu sau, Thái tử và Lương vương cùng đi xe vào triều, qua cửa Tư mã không xuống xe. Vì thế Thích Chi đuổi theo ngăn Thái tử và Lương vương, không cho vào cửa điện, bèn hặc tội "Đi qua công môn không xuống xe, bất kính", tấu lên.⁽¹⁾ Bạc thái hậu biết việc ấy, Đế liền coi mũ, tạ lỗi rằng "mình dạy con bất cẩn". Bạc thái hậu bèn sai sứ mang chiếu xá lỗi cho Thái tử và Lương vương, sau đó họ mới được vào. Đế bời thế cho là Thích Chi có tài lạ, bãi làm Trung đại phu⁽²⁾; không lâu sau, làm đến chức Trung lang tướng.

Thích Chi theo xa giá đến Bá lăng. Chúa thượng bảo quần thần rằng:

- Than ôi! Lấy đá núi Bắc Sơn làm quách, lấy bông mềm lót ở bên trong rồi sơn kín lại, há có động đến được sao!

Tả hữu đều nói:

¹ Thích Chi làm Công xa lệnh (公车令), thuộc quyền quan Vệ úy (衛尉), quản cửa Tư mã của cung điện. Theo phép tắc, ra vào các cửa của cung điện đều phải xuống ngựa, ai không theo lệnh, bị phạt.

² Trung đại phu (中大夫), chủ quản việc nghị luận, thuộc quyền quan Lang trung lệnh, ngôi vị ở dưới chức Thái trung đại phu, ở trên chức Giám đại phu. Năm Thái Sơ nguyên niên đời Hán Vũ đế, đổi chức Trung đại phu thành chức Quang lộc đại phu.

- Hay!

Thích Chi nói:

- Nếu ở trong ấy có thứ mà người ta thích, dầu có hàn cả tòa Nam Sơn vẫn có chỗ hở; nếu trong đó không có thứ gì người ta muốn lấy, dầu không có quách đá, cũng có gì phải lo đâu!

Để khen hay.

Năm ấy, Thích Chi làm Đình úy. Chúa thượng xuất hành, đi đến giữa cầu trên sông Vị, có một người từ dưới cầu chạy ra, ngựa kéo xe kinh sợ, vì thế Đế sai quân kỵ bắt người đó, giao cho Đình úy. Thích Chi tấu tội rằng:

- Người này phạm vào đường cấm, đáng phạt vàng.

Chúa thượng giận nói:

- Người này tự khiến ngựa của ta kinh sợ, may mà con ngựa này lành, nếu là con ngựa khác, chẳng đã làm đổ xe khiến ta bị thương rồi sao! Mà Đình úy lại phán tội phạt vàng!

Thích Chi nói:

- Pháp luật, là chung cho thiên hạ vậy. Nay pháp luật đã như thế; lại phán xét cho nặng, thì pháp luật ấy không thủ tín với dân. Và như đang lúc bấy giờ, chúa thượng sai giết ngay kẻ đó thì thôi. Nay đã giao cho Đình úy; Đình úy, là người cầm cân của thiên hạ, nghiêng lệch một bên, người thi hành luật pháp trong thiên hạ đều theo đó mà thêm bớt, dân chúng có chỗ nào đặt tay chân? Xin Bệ hạ xét cho!

Hồi lâu, chúa thượng nói:

- Làm Đình úy thì phải nên như thế vậy.

Sau đấy có người ăn trộm cái vòng ngọc ở trước bệ thờ tại miếu của Cao đế, bị bắt. Đế giận, giao xuống cho Đình úy trị tội. Thích Chi xét luật: "Ăn trộm khí vật ngự dụng trong tông miếu", rồi tấu rằng đáng chém bỏ ngoài chợ. Chúa thượng cả giận nói:

- Người này vô đạo, ăn trộm khí vật của tiên đế! Ta giao cho Đình úy, là muốn diệt hết cả họ nhà hắn; mà ngài dùng phép tắc tấu lên, đây không phải là bản ý muốn tôn kính nơi tông miếu của ta vậy.

Thích Chi cười mũ rập đầu tạ rằng:

- Pháp luật như thế, là đủ vậy. Và lại, tội cùng bậc, nhưng phải theo lẽ nghịch thuận xét nặng nhẹ. Nay hắn ăn trộm khí vật của tông miếu mà giết cả họ nhà hắn, nếu vạn nhất, ví thử có kẻ ngu dân lấy một nắm đất ở Trường lăng⁽¹⁾, Bệ hạ sẽ lấy gì để gia tội thêm nữa?

Để bèn bẩm với Thái hậu đồng ý với phán xử của Đình úy.

Năm Tiền Nguyên thứ tư (Ất Sửu – TCN 176)

1. Mùa đông, tháng mười hai, Dĩnh Âm Ý hầu Quán Anh hoẵng.

2. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Giáp Ngọ, lấy Ngự sử đại phu Trương Thương người huyện Dương Vũ làm Thừa tướng. Thương thích thư tịch, học rộng biết nhiều, hiểu biết rất sâu xa về âm luật và lịch pháp.

3. Chúa thượng triệu Hà Đông thú là Quý Bố, muốn dùng làm Ngự sử đại phu. Có người nói Bố vũ dũng, khi say rượu khó ở gần; Bố đến, ở khách xá một tháng, được triệu gặp rồi cho về. Quý Bố nhân đấy tiến lên nói:

- Thần không có công trộm được sủng ái, đợi tội ở Hà Đông, Bệ hạ vô cớ triệu thần, nhất định là có người lừa dối Bệ hạ về thần. Nay thần đến, không được nhận việc gì, bị đuổi về, nhất định là có người đã chê mĩa thần. Bệ hạ vì lời khen ngợi của

¹ Trường lăng (长陵), là lăng miếu của Hán Cao tổ vậy. Ở đây hắn có ý nói xâm phạm vào xương cốt người dưới mộ (Cao tổ), mượn ý nắm đất chỉ là lời nói ví vậy.

một người mà triệu thần, vì lời chê mĩa của một người mà đuổi thần, thần sợ là những người có kiến thức trong thiên hạ nghe việc này, sẽ có người dò xét biết được cái chỗ nông sâu của Bệ hạ vậy!

Chúa thượng lặng yên, then, hồi lâu mới nói:

- Hà Đông, là quận tay chân của ta, cho nên ta đặc biệt triệu ngài đó thôi.

4. Chúa thượng nghị bàn việc cho Giả Nghị nhận địa vị công khanh. Đại thần nhiều người chỉ trích Nghị rằng:

- Nghị là người Lạc Dương, trẻ tuổi, học vấn chưa sâu, rất muốn nắm đại quyền, sẽ rối loạn mọi việc.

Vì thế thiên tử về sau cũng xa lánh Nghị, không dùng lời bàn của Nghị, cho làm Thái phó của Trường Sa vương.

5. Giáng hầu Chu Bội đã đến nước phong, mỗi khi các quan Thú, Ủy của Hà Đông tuần hành các huyện⁽¹⁾ đến đất Giáng, Bội tự lo sợ bị giết, thường mặc giáp, lệnh cho gia nhân cầm binh khí để ra gặp họ. Sau đấy có người dâng thư tố cáo Bội muốn phản, Đế sai giao xuống cho Đình úy xử trí; Đình úy sai bắt Bội, trị tội. Bội sợ, không biết cung khai thế nào; ngục lại dần dần lăng nhục Bội. Bội đem nghìn vàng hối lộ ngục lại, ngục lại bèn viết chữ lên mặt sau của tấm thẻ gỗ, ngầm báo ý rằng: "Lấy công chúa ra làm chứng." Công chúa, là con gái của Đế vậy, trưởng tử của Bội là Thắng lấy công chúa làm vợ. Bạc thái hậu cũng cho là Bội không làm chuyện làm phản. Đế châu gặp Thái hậu, Thái hậu lấy khăn trùm đầu ném vào người Đế, nói:

- Giáng hầu ban đầu giết các người nhà họ Lã, buộc ả của Hoàng đế, đem binh vào chỗ bắc quân, chẳng nhân lúc đấy mà phản, nay trú ở một huyện nhỏ, lại muốn mưu phản sao?

¹ Nhà Hán kế thừa phép chế của nhà Tần, các quận đặt quan Thú, Ủy. Quan thú quản việc cai trị trong quận, quan Ủy quản việc binh giáp trong quận, các quan Thú, Ủy này được đi tuần xét các huyện thuộc trong quận, kể cả áp phong trên địa bàn.

Đế đã thấy lời cung trong ngục của Giáng hầu, bèn tạ rằng:

- Ngục lại vừa chứng thực là vô tội, đang chuẩn bị thả ra.

Vì thế sai sứ cầm phù tiết đến thả Giáng hầu, cho khôi phục lại tước ấp. Giáng hầu đã ra khỏi ngục, nói:

- Ta từng thống lĩnh trăm vạn quân, nhưng làm sao biết được cái tôn quý của viên ngục lại đến như thế!

6. Đế sai dựng miếu Cổ Thành.

Năm Tiền Nguyên thứ năm (Bính Dần – TCN 175)

1. Mùa xuân, tháng hai, có động đất.

2. Khi trước, nhà Tần dùng tiền "Bán lượng"⁽¹⁾, Cao tổ không thích vì tiền ấy quá nặng, khó dùng, đổi đúc tiền "Giáp"⁽²⁾. Vì thế vật giá tăng vọt, một thạch gạo giá đến vạn tiền.

Mùa hạ, tháng tư, lại đúc tiền nặng bốn thù; bỏ lệnh cấm đúc tiền trộm, cho dân được tự đúc tiền.

Giả Nghị dâng sớ can rằng:

"Pháp lệnh hiện nay cho phép người ta được công khai thuê thợ đúc đồng, thiếc làm tiền, có người gian xảo dùng chì, sắt trộn lẫn mà làm, đây là tội phải thích chữ vào mặt. Nhưng thực tình với việc đúc tiền, nếu không gian dối trộn lẫn chì và sắt, thì chẳng thể có được cái lợi; mà việc trộn lẫn rất tinh vi, thu lợi lại rất lớn. Việc này sẽ vùi hậu họa đến mà pháp luật có chỗ dấy việc gian; nay để cho dân mọn người người được đúc tiền, bọn họ đều che giấu sự gian dối mà đúc tạo, nếu muốn cấm chỉ sự gian dối và cái lợi lớn của họ, dẫu kẻ mắc tội khắc chữ vào mặt có báo lên hàng ngày, tình trạng ấy cũng chẳng ngăn nổi. Gần đây, dân vì lỗi ấy mà bị phán tội một huyện tới mấy trăm

¹ Bán lượng (半两), tức nửa lạng. Đại khái một đồng tiền ấy nặng nửa lạng nên gọi là tiền "bán lượng". Thời xưa, mười sáu lạng bằng một cân bấy giờ.

² Giáp (荚), là đồng tiền nặng một thù (cứ hai mươi bốn thù nặng một lạng), bán kính năm phân, trên mặt đồng tiền có chữ Hán hưng (汉兴).

người, đến nỗi có nơi quan lại nghỉ ngơi đến đánh roi thì người bỏ chạy rất đông. Chế định pháp luật để bắt dụ dân khiến họ sa vào hố, còn gì quá hơn việc ấy!

Thêm nữa, tập quán dùng tiền của dân ở các quận huyện không giống nhau: Có nơi dùng tiền nhẹ, một trăm đồng phải bù thêm ít đồng; có nơi dùng tiền nặng, đôi ngàn vẫn không nhận. Phép tắc dùng tiền không lập, quan lại có cường ép để thống nhất được chăng? Thay đổi thì phiền hà mà sức chẳng thể làm được; thả lỏng thì chẳng phải là a dua theo sao? Mà như thế, các loại tiền khác nhau lưu hành, đồng tiền hỗn loạn; nếu không có cách xử lý việc ấy, thì lấy gì để làm tiêu chuẩn đây?

Hiện nay người bỏ việc nhà nông mà đi đào đồng ngày một nhiều; vứt bỏ cày cuốc, đúc nấu thối lửa; tiền gian ngày một lắm, ngũ cốc chẳng nhiều lên. Người thiện động tâm mà thành kẻ gian, dân thuần phác cũng dễ sa vào hình phạt; hình phạt sẽ rất không công bằng, sao lại sơ xuất như thế được? Triều đình biết cái họa ấy, quan lại nghị bàn tất nói "cấm đúc tiền". Cấm đúc tiền mà không đúng cách, cái hại nhất định rất lớn. Xuống lệnh cấm đúc tiền, thì tiền tất đáng trọng, đáng trọng thì cái lợi rất sâu, nạn đúc trộm tiền sẽ như mây nổi lên, dẫu có chém người bỏ xác ngoài chợ cũng chẳng đủ để ngăn cấm nữa rồi. Kẻ gian vô số chẳng ngăn nổi mà phép cấm vô lỗ, là vì đồng khiến người ta thành như thế vậy. Đồng phân bố ở khắp nơi trong thiên hạ, đấy là môi họa rất lớn, cho nên chẳng gì bằng quản lý đồng."

Giả Sơn cũng dâng thư can gián, cho rằng:

"Tiền vốn là vật vô dụng vậy, mà có thể dùng đổi lấy sự phú quý. Cho người khác được phú quý, quyền quyết ở trong tay bậc nhân chủ; cho người dân được đúc tiền, đấy là cho người khác nắm chung quyền quyết với bậc nhân chủ rồi, chẳng nên để việc đó kéo dài vậy."

Chúa thượng không nghe.

Bấy giờ Thái trung đại phu Đặng Thông đang được Đế sủng ái, Đế muốn Thông được giàu có, ban cho Thông núi đồng ở

huyện Nghiêm Đạo đất Thục, để đúc tiền. Ngô vương Lưu Ty có núi đồng ở Dự Chương, chiêu vôi những kẻ lưu vong khắp thiên hạ để họ đúc tiền; nấu nước bể Đông làm muối; bởi thế không cần thu thuế của dân mà quốc dụng được sung túc. Bấy giờ tiền của nước Ngô và Đặng Thông rải khắp thiên hạ.

3. Khi trước, Đế chia đất Đại thành hai nước; lập Hoàng tử Vũ làm Đại vương, Hoàng tử Tham làm Thái Nguyên vương. Năm ấy, đổi phong Đại vương Vũ làm Hoài Dương vương; lấy Thái Nguyên vương Tham làm Đại vương, được hưởng hết đất cũ của nước Đại.

Năm Tiền Nguyên thứ sáu (Đinh Mão – TCN 174)

1. Mùa đông, tháng mười, đào mận khai hoa.

2. Hoài Nam Lê vương Lưu Trường tự chế định pháp lệnh, thi hành ở nước phong của mình, đuổi các quan lại mà nhà Hán đặt ở đấy, xin tự đặt chức Tướng quốc và quan Nhị thiên thạch; Đế miễn cưỡng theo ý. Trường lại tự tiện dùng hình giết người vô tội và ban tước cho người khác đến chức Quan nội hầu;⁽¹⁾ nhiều lần dâng thư lên triều đình, lời lẽ không khiêm tốn. Đế không muốn tự trách mắng, lệnh sai Bạc Chiêu gửi thư mượn việc khác phủ dụ, dẫn việc Quản, Thái của nhà Chu và việc Đại Khoảnh vương, Tế Bắc vương Hung Cư lúc trước để răn bảo.⁽²⁾

Hoài Nam vương không hài lòng, lệnh cho bảy mươi người bọn Đại phu Đan, Sĩ ngũ Khai Chương cùng Thái tử của Cức Bồ

¹ Quan nội hầu (关内侯) là tước hạng thứ mười chín, do Thiên tử ban, không phải là thứ tước mà Vương hầu được phép ban vậy.

² Quản, Thái là anh em của vua Thành vương nhà Chu, mưu phản, mắc đại tội, kẻ bị giết, kẻ bị lưu đầy.

Khoảnh vương Lưu Trọng làm vua nước Đại, thua quân Hung Nô trốn về kinh, bị phế làm Hầu. Xem ở Hán ký quyển 3, sự kiện năm thứ bảy đời Hán Cao tổ; Tế Bắc vương Lưu Hung Cư, mưu phản, phải tự sát. Xem việc ở Hán ký quyển 6, sự kiện năm Tiền Nguyên thứ ba.

hầu Sài Vũ là Sài Kỳ hợp mưu, dùng bốn mươi cỗ xe kéo chở binh khí vào Cốc Khẩu; sai người đi sứ Mân Việt, Hung Nô. Việc phát lộ, Hữu ti tra xét chuyện ấy; Đế sai sứ giả triệu Hoài Nam vương. Hoài Nam vương đến Trường An, Thừa tướng Trương Thương, Điển khách Phùng Kính coi việc của Ngự sử đại phu, cùng bọn Tông chính, Đình úy tấu:

- Tội của Trường đáng phải chém bỏ ngoài chợ.

Chế viết:

"Nay tha tội chết cho Trường, phế bỏ hiệu Vương; đày đến ở đất Cung Bưu huyện Nghiêm Đạo thuộc Thục Quận."

Những kẻ cùng mưu bị tru diệt sạch. Trường bị an trí ở trong xe tù kín mít, lệnh cho các Huyện lệnh ở những nơi xe tù đi qua lần lượt đưa đi.

Viên Áng can rằng:

- Chúa thượng hết mực sủng ái Hoài Nam vương, không đặt Thái phó và Tướng quốc nghiêm khắc giúp ông ấy, cho nên mới dẫn đến như thế. Hoài Nam vương là người cương liệt, nay bất chợt bẻ gãy, thần sợ ông ấy thốt nhiên nhiễm sương giá mắc bệnh chết trên đường, Bệ hạ sẽ mang cái tiếng giết em, thì sao?

Chúa thượng nói:

- Ta chỉ muốn cho nó chịu khổ thôi, nay mai lại gọi về.

Hoài Nam vương quả nhiên phần hận tuyệt thực mà chết. Xe tù đưa đến huyện Ung, Ung lệnh mở xe tù kín mít, đem việc Trường chết báo lên. Chúa thượng khóc lóc rất bi thương, bảo Viên Áng rằng:

- Ta không nghe lời ngài, rút cục hại chết Hoài Nam vương! Nay phải làm sao?

Áng nói:

- Chỉ có chém Thừa tướng và Ngự sử để tạ lỗi với thiên hạ mới xong được.

Chúa thượng lập tức lệnh cho Thừa tướng, Ngự sử đi khảo xét các huyện đưa Hoài Nam vương đi không mở xe tù ra đưa đồ ăn, đều chém bêu xác; lại dùng lễ Liệt hầu táng Hoài Nam vương ở huyện Ung, đặt ba mươi hộ giữ phần mộ.

3. Thiên vu Hung Nô gửi thư cho nhà Hán nói:

"Thời trước, Hoàng đế nói việc hòa thân, gửi thư xưng ý, hai bên cùng mừng. Lúc quan lại nhà Hán nơi biên giới xâm đoạt vũ nhục Hữu hiền vương; Hữu hiền vương lại không thỉnh ý, mà nghe kế của bọn Hậu Nghĩa Lô hầu Nan Chi, chống nhau với quan lại nhà Hán, cắt minh ước của hai vị quân chủ, lìa bỏ tình thân huynh đệ, vì thế ta phạt lỗi Hữu hiền vương, sai hãn sang tây đánh nước Nguyệt Chi. Nhờ phúc của trời, quan quân giỏi, sức ngựa cường, đã diệt phá nước Nguyệt Chi, chém giết bắt hàng hết sạch, bình định nước ấy; các nước Lâu Lan, Ô Tôn, Hô Yết cùng hai mươi sáu nước phụ cận, đều đã quy thuận Hung Nô, những dân chúng ở nhà rạp⁽¹⁾ đều hợp thành một nhà, bắc châu đã định. Muốn cất binh khí, cho sĩ tốt nghỉ ngơi, nuôi ngựa, bỏ việc hận thù lúc trước, nối lại thề ước cũ, để vỗ yên dân ven biên. Nếu Hoàng đế không muốn cho người Hung Nô đến gần biên ải, ta sẽ hạ chiếu sai quan dân rời xa biên hiểm mà sinh sống."

Để đáp thư rằng:

"Thiên vu muốn bỏ việc hận lúc trước, nối lại thề ước cũ, trăm rất ngợi khen! Đấy cũng là chí của những bậc thánh vương thời xưa vậy. Nhà Hán với Hung Nô kết thành huynh đệ, cho nên nhà Hán cấp tặng cho Thiên vu rất hậu; việc bội ước, lìa bỏ tình thân huynh đệ, thường tại phía Hung Nô. Còn việc Hữu hiền vương lúc trước đã tha, Thiên vu chớ phạt nặng. Thiên vu nếu có ý như lời thư, xin hãy báo rõ với các quan lại, khiến họ không bội ước, giữ tín, kính cẩn theo đúng như lời thư của Thiên vu."

¹ Người Hung Nô sống du mục, theo đàn gia súc chăn thả, khi dừng ở đâu thì dựng nhà rạp tại đó mà ở. Nhà rạp đại khái dùng khung cột chống trên nền đất, dựng thành hình tròn, xung quanh che phủ kín mít.

Sau đấy không bao lâu, Mặc Đốn chết, con là Kê Dục kế vị, hiệu là Thiên vu Lão Thượng. Thiên vu Lão Thượng mới lập, Đế lại đưa một vị Ông chủ⁽¹⁾ trong tông thất đi làm Yên chi của Thiên vu, sai quan hoạn là Trung Hàng Duyệt người nước Yên theo giúp Ông chủ. Duyệt không muốn đi, nhà Hán cưỡng ép sai đi. Duyệt nói:

- Nhất định bắt ta đi, sẽ thành họa cho nhà Hán!

Trung Hàng Duyệt đến nơi, liền hàng Thiên vu, Thiên vu rất sủng ái thân gần hẳn.

Khi trước, người Hung Nô thích lụa mềm và đồ ăn của nhà Hán, Trung Hàng Duyệt nói:

- Người Hung Nô đông chẳng bằng được một quận của nhà Hán, nhưng sở dĩ cường mạnh, là vì ăn mặc khác biệt, chẳng cậy dựa vào nhà Hán vậy. Mà nay Thiên vu thay đổi tập tục, thích vật phẩm của nhà Hán; đồ vật của nhà Hán đưa vào chẳng quá hai phần mười, thì hết thấy người Hung Nô đã theo nhà Hán rồi. Nay có được lụa mềm của nhà Hán, hãy đem đặt trong bụi cỏ, khố áo đều xé nát, để tỏ rõ rằng thứ ấy không bằng cái hoàn mỹ của áo cừu; có được đồ ăn của nhà Hán, đều vứt đi, để tỏ rõ thứ ấy không bằng cái ngon ngọt của sữa béo.

Vì thế Duyệt dạy tả hữu của Thiên vu học ghi chép, để tính đếm dân chúng và súc vật. Các thẻ thư mà Thiên vu gửi Hán triều cùng ấn phong, đều sai lầm to lớn, lời lẽ ngông lão ngạo mạn, tự xưng là: "Đại Thiên vu Hung Nô được trời đất sinh ra, được mặt trời mặt trăng sắp đặt."

Sứ Hán có người chê bai cười cợt thói tục của người Hung Nô là không hiểu lễ nghĩa. Trung Hàng Duyệt liền căn vặn sứ giả nhà Hán rằng:

¹ Cách xưng hô với con gái của Vương chư hầu thời nhà Hán. Cũng được gọi là Vương chủ.

- Ước thúc của người Hung Nô thẳng thắn, dễ thi hành, vua tôi giản dị, duy trì được lâu dài; chính sự cả nước, cũng như một thể vậy. Cho nên Hung Nô dẫu loạn, nhưng nhất định sẽ lập được người trong tông tộc dòng dõi. Nay người Trung Quốc tuy nói rằng có lễ nghĩa, nhưng lúc thân thuộc xa lìa thì đánh giết tranh đoạt lẫn nhau, dẫn đến đổi họ, đều có nguyên nhân từ đấy vậy. Ê! Người ở nhà đất kia,⁽¹⁾ hãy suy nghĩ kỹ chớ nhiều lời, thao thao bất tuyệt, ngó ngó nghiêng nghiêng! Hãy nghĩ cách chuyển lúa mềm và gạo đến, số lượng phải đúng, nhất định phải ngon và đẹp nữa, nói nhiều mà làm gì? Vả lại những đồ cấp, phải đủ, phải tốt, nếu không đủ, đồ thô xấu, thì đến mùa thu lúa chín, quân kỵ của ta sẽ ruổi rong giày xéo lúa má của các ngươi đấy!

4. Thái phó Giả Nghị của nước Lương dẫu nói:

"Thần trộm nghĩ rằng sự thể hiện nay, có một việc đáng thương khóc, hai việc đáng rơi nước mắt, sáu việc đáng than dài; còn như các việc trái tình lý mà phương hại đến đạo nghĩa, thì rất khó liệt kê qua loa hết được. Những kẻ tiến dâng lời đều nói rằng: 'Thiên hạ đã yên, đã trị rồi', riêng thần cho là chưa vậy; nói rằng yên lại trị, nếu không phải kẻ ngu xuẩn vô tri thì là kẻ đón ý xu nịnh, dẫu đều không phải là người nói sự thực và biết được cái bản thể của việc trị loạn vậy. Ôi, ôm đồng củi mà đặt mỗi lửa bên dưới rồi nằm trên đó, lửa chưa kịp bốc lên, dựa vào đó nói là yên; thế cuộc hiện nay khác gì điều ấy? Sao Bệ hạ chẳng cho thần được một lần nói rõ ở trước mặt, nhân đó thần bày kế kế sách trị an, rồi Bệ hạ thử nghĩ kỹ để chọn dùng?

Muốn cho được trị, phải nghĩ nhọc trí, khổ ải thân thể, thiếu thốn cái thú vui chiêm trống, không được thỏa ý vậy; thú vui với việc trị quốc hiện nay phải tương đồng, rồi khiến cho các nước chư hầu đi theo con đường ấy, binh đao chẳng động, Hung Nô theo phục, trăm họ hòa mục chất phác, Bệ hạ tại thế là Đế thánh, không còn nữa thì

¹ Người Hung Nô ở nhà rạp, căng lều mà ở lẫn, không như người Hán làm nhà đắp đất, Trung Hàng Duyệt nói "người ở nhà đất kia", là nói người Hán vậy.

thành minh thần, danh tiếng cao đẹp truyền đến vô cùng, người sau nghĩ đến miếu thờ của Bệ hạ khen là Thái tông, được phối hưởng cùng tế ở trên với Thái tổ, cùng nhà Hán đến vô cực, gây dựng phép thường, bày đặt kỷ cương, thành pháp chế cho vạn đời; dẫu người kẻ tự ngu dốt ấu trĩ, chẳng ra gì vẫn được nhờ vào nghiệp lớn che trùm mà yên hưởng. Dựa vào sự sáng suốt thấu đạt của Bệ hạ, lại để cho một người có chút ít hiểu biết về trị thế phụ tá, đạt đến cảnh giới nhất định, thực không phải là điều khó khăn vậy.

Phong dựng chư hầu quá lớn, tất nảy sinh hình thế vua tôi trên dưới ngờ vực lẫn nhau, phong vương nhiều thì dẫn đến tai ương, chúa thượng thường vì thế mà lo lắng, đây không phải là cách hay để yên định ngôi trên mà bảo toàn chư hầu ở dưới vậy. Kìa như có người là em thân thích toan mưu làm Đông đế, có người là con của anh trai thân thích hướng về tây mà đánh; nay ở nước Ngô lại thấy có người báo lên rồi.⁽¹⁾ Thiên tử đang tuổi tráng niên, thi hành đạo nghĩa chưa có sai lầm, ban đức trạch hơn người, vẫn còn như thế; huống chi chư hầu rất lớn, quyền lực cơ hồ gấp mười lần mấy vị vương kia thì sẽ thế nào đây?⁽²⁾

Nhưng hiện nay thiên hạ đang tạm yên, là vì sao? Ấy là vì vua của các nước lớn hãy còn nhỏ dại chưa tráng niên, việc đang ở trong tay các Thái phó và Tướng quốc mà nhà Hán sắp đặt ở đó. Vài năm sau nữa, vua chư hầu đại khái đều đến tuổi đội mũ, khí huyết đang cường; các Thái phó, Tướng quốc của nhà Hán ở nước chư hầu đều xưng bệnh mà bãi chức, trong nước phong của chư hầu, từ huyện Thừa, huyện Ủy trở lên hết thầy đều dùng người của mình; như thế, bọn họ có khác gì Hoài Nam vương và Tế Bắc vương đâu? Lúc ấy mà muốn trị yên, dẫu Nghiêu, Thuấn chẳng trị nổi vậy.

¹ Hoài Nam vương Lưu Trường, em của Văn đế (em thân thích) mưu phản; Tế Bắc vương Hưng Cư, con của Tề Diệu Huệ vương (em của anh trai thân thích) mưu phản.

Ngô vương Lưu Ty không vâng phép tắc của Hán triều, về sau, vào thời Hán Cảnh đế cầm đầu loạn thất quốc, suýt làm tan vỡ nhà Hán. Xem việc ở Hán kỷ, quyển 8, đời Hiếu Cảnh hoàng đế.

² Đại khái ý nói rằng nếu chư hầu tụ hợp lại, theo như cái cách Hoài Nam vương và Tế Bắc vương khởi loạn thì thế lực cực lớn, sẽ thành mối họa quốc gia.

Hoàng Đế⁽¹⁾ nói: 'Nhật trung tất sái, thao đao tất cắt'⁽²⁾. Nay cứ chiếu theo đạo thuận thì bảo toàn chư hầu và yên định ngôi trên rất dễ, thế mà chẳng chịu làm sớm, lại đợi đến lúc thân thuộc cốt nhục hư hỏng mới đánh giết họ, như thế có khác gì anh em vua tôi nhà Tần tàn sát nhau lúc mặt thế đâu?⁽³⁾ Vương chư hầu khác họ cậy mạnh mà động, nhà Hán đã may mắn mà thắng được, lại chẳng thay đổi bọn họ mà cứ để như thế; Vương chư hầu cùng họ noi theo vết ấy mà động, đã có điềm triệu rồi, cái hình thế ấy sẽ lại như lúc trước. Biến hóa của họa loạn, chưa biết sẽ theo hướng nào, Đế sáng ở ngôi vị còn chẳng được bình an, thì hậu thế sẽ thế nào đây?

Thần trộm truy xét vết tích việc trước kia, đại để là chư hầu thế lực cường mạnh thì phản trước. Như Trường Sa vương chỉ có hai vạn năm nghìn hộ thôi, công lao ít mà cuối cùng toàn ven, quan hệ sơ mà rất mực trung thành; không chỉ vì bản tính của Ngô Nhuế khác người, cũng vì hình thế mà như thế vậy.⁽⁴⁾ Trước kia nếu để cho Phàn, Lịch, Giáng, Quán⁽⁵⁾ chiếm mấy chục thành mà làm vương, đến nay rất có thể đã tàn diệt; nếu khiến cho bọn Hàn, Bành⁽⁶⁾ làm Liệt hầu được yên phận, bọn họ có thể được bảo toàn đến bây giờ. Như thế thì đại kế trị thiên hạ có thể đã biết được: Muốn cho các Vương chư hầu đều trung thành nương dựa, thì chẳng gì bằng khiến bọn họ giống như Trường Sa vương; muốn thần tử đừng bị muôi thịt làm mất, thì chẳng gì bằng khiến họ giống như bọn Phàn, Lịch; muốn cho thiên hạ được yên ổn dài lâu, thì chẳng gì bằng phong dựng nhiều chư hầu mà làm yếu thế lực của bọn họ. Thế lực yếu thì dễ dùng nghĩa sai khiến

¹ Túc Hiên Viên, một vị vua trong Ngũ đế thời cổ.

² "Giữa trưa nắng nóng, tất phải phơi phóng, nắm dao trong tay, tất phải cắt gọt." Đại để là việc đến lúc, tất phải làm cho kịp thời.

³ Hồ Hợi lên nối sau Tần Thủy Hoàng, giết hết các anh em của mình. Xem việc này tại Tần kỷ, quyển 2, sự kiện năm thứ nhất, đời Tần nhị thế.

⁴ Thời Hán Cao tổ, chư hầu khác họ được phân đất làm Vương hầu. Ngô Nhuế vì công ít, được phong ở Trường Sa, là vùng đất phương nam xa xôi, ẩm thấp và hẻo lánh, dân cư rất thưa thớt, chỉ có 2.500 hộ, cho đến thời Hiếu Văn đế, các Vương khác họ duy nhất chỉ còn có Ngô Nhuế, số còn lại đều bị diệt sạch.

⁵ Phàn Khoái, Lịch Thương, Chu Bột, Quán Anh.

⁶ Hàn Tín, Bành Việt.

họ, nước nhỏ thì tà tâm tiêu vong. Khiến cho hình thế của thiên hạ như thân thể chỉ huy cánh tay, cánh tay chỉ huy ngón tay, chẳng đâu không theo phép chế, Quân chủ chư hầu chẳng dám sinh lòng khác, nan xe hợp tiến mà theo mệnh thiên tử.⁽¹⁾ Phân cắt đất phong, định ra chế độ, làm cho Tề, Triệu, Sở đều thành các nước nhỏ yếu, khiến cho tất cả con cháu của Điệu Huệ vương, U vương, Nguyên vương đều lần lượt được chia đất phong của tổ tiên, đất chia hết thì dừng; đất phong bị chia nhiều mà con cháu của nước phong còn nhỏ, thì dựng lập thành nước, tạm thời để trống ngôi vị, đợi sau khi con cháu họ lớn mới cất lên sai làm Vương; mỗi tấc đất, mỗi người dân của Vương chư hầu, Thiên tử đều không mong lợi, đây chỉ là thực hiện đại trị thiên hạ mà thôi. Như thế, dẫu con đồ nằm nôi làm Hoàng đế mà thiên hạ được yên, phúc lộc còn truyền lại, quần thần triều bái y vật của tiên đế mà thiên hạ không động loạn; đương thời đại trị, hậu thế ca tụng là thánh sáng. Bệ hạ lo sợ gì mà rất lâu không làm việc ấy đi!

Hình thế thiên hạ trước mắt như ung nhọt đang sưng tấy, một ống chân lớn như một eo lưng, một ngón chân cơ hồ như bắp vế, lúc bình thường co duỗi đôi lúc không như ý, một hai ngón sưng nhức, toàn thân ứng phó cách nào? Nay có bệnh không trị, tất sẽ thành cố tật, sau này dẫu có Biển Thước, chẳng thể chữa được nữa rồi. Bệnh vốn không chỉ là sưng tấy, lại chuyển thành chẳng thể bước chân đi. Con của Sở Nguyên vương, là em họ của Đế vậy; nên Sở vương hiện nay, là con của em họ Đế vậy.⁽²⁾ Con của Tề Điệu Huệ vương, là con người anh trai thân thích của Đế vậy; nên Tề vương hiện nay, là cháu đích thân thích của Đế vậy.⁽³⁾ Thân thích của Đế mà có người không được chia đất phong để yên định thiên hạ, người sơ lại có kẻ không chế đại quyền để bức Thiên tử, vì thế thần mới nói là quốc gia không chỉ

¹ Thiên tử là trục xe, chư hầu là nan xe, nan xe đỡ bánh xe, hướng về phía trục xe, bánh xe lăn trên đường, tất cả cùng tiến về phía trước.

² Sở Nguyên vương Lưu Giao (刘交), là em của Hán Cao tổ Lưu Bang, vì thế con của Sở Nguyên vương là em họ của Văn đế.

³ Tề Điệu Huệ vương Lưu Phi (刘肥), là con trưởng dòng thứ của Hán tổ Lưu Bang, vì thế con của Tề Điệu Huệ vương là cháu của Văn đế.

có bệnh sưng tấy, lại chuyển thành chẳng thể bước chân đi. Đáng phải thương khóc, là vì bệnh tật như thế vậy.

Hình thế thiên hạ hiện nay như người đang treo ngược. Đại để thì Thiên tử, là cái đầu của thiên hạ. Vì sao? Là vì ở ngôi trên vậy. Tộc người Man Di, là hai chân của thiên hạ. Vì sao? Là vì ở hạng dưới vậy. Nay Hung Nô khinh nhờn, xâm phạm cướp bóc, là bất kính cực điểm vậy; vậy mà nhà Hán hàng năm phải đưa vàng, sợi, bông, lụa để dâng cấp cho chúng. Hai chân ngược ở trên, đầu dốc xuống dưới, treo ngược như thế, chẳng ai có thể giải cứu, còn là quốc gia có người tài sao? Đáng phải rơi nước mắt, là vì việc như thế vậy.

Nay chẳng sẵn địch mạnh lại bắn lợn nái trong ruộng cấy, chẳng đánh giặc phản lại bắt thả nuôi, mê mải với cái vui nhỏ nhặt mà chẳng liệu xét họa lớn, đức vốn có thể lan xa mà chỉ mấy trăm dặm bên ngoài Trường An, uy vọng và chính lệnh lại chẳng được thi hành. Đáng phải rơi nước mắt, là vì việc như thế vậy.

Nay tường vách nhà thứ dân được dùng trang sức của Hoàng đế; kẻ hát xướng hạ tiện được dùng phục sức của Hoàng hậu. Lại nữa, Đế tự mình mặc áo thô đen dày, mà tường vách phòng ốc nhà phú dân được che trùm bằng lụa vẽ hoa văn; Hoàng hậu của Thiên tử mặc áo cổ viền, mà tiểu thiếp của thứ dân đi giày viền giống y như thế; đây là việc mà thần cho là ngang trái vậy. Ôi, trăm người làm to dệt lụa chẳng đủ để một người giàu dùng, muốn người thiên hạ không bị rét, làm sao có đủ được! Một người cày ruộng, mười người tụ họp mà ăn, muốn người thiên hạ không bị đói, chẳng thể làm được vậy! Đói rét cắt vào da thịt của dân, muốn dân không làm việc dối gian, chẳng thể làm được vậy. Đáng phải than dài, là vì việc như thế đấy.

Thương quân bỏ lễ nghĩa, vứt nhân ái, dốc tâm tư vào việc tiến thủ; thi hành được hai năm, phong tục nước Tần ngày một suy bại.⁽¹⁾ Cho nên người nước Tần, con nhà giàu trưởng thành thì được chia nhà ra ở riêng, con nhà nghèo trưởng thành thì phải ra ngoài ở rể; cho

¹ Thương Ưởng thi hành "biến pháp" tại nước Tần, xem Tần kỷ, quyển thứ hai.

cha mượn cái bừa, cũng ra về tự đắc; mẹ mới cầm cái chổi, lập tức đến mắng nhiếc; ôm con cho bú mớm, dám chung phòng với bố chồng, mẹ chồng nàng dâu quan hệ không tốt với nhau, thì công khai cãi cọ; người Tần chỉ yêu mến con trai, ham thích lợi lộc, so với cầm thú cũng không khác mấy. Đến nay, tàn dư phong tục ấy của người Tần vẫn chưa thay đổi, cái thói bỏ lễ nghĩa, quên liêm sỉ ngày càng quá quắt, có thể nói là mỗi tháng mỗi khác mà qua năm chẳng giống như lúc trước nữa. Đuổi theo lợi lộc không thôi, chẳng nghĩ xét gì về phẩm hạnh; đến nay thậm chí có kẻ giết cha anh mình rồi. Thế nhưng đại thần chỉ khi sổ sách thống kê không giao lên đúng hạn định, mới coi là việc lớn, còn về phong tục thành xấu, phong khí suy bại, lại vẫn điềm nhiên chẳng coi là quái lạ, chuyện tai nghe mắt thấy chẳng hề động lòng, cho đấy là việc đương nhiên thôi. Ôi, phong khí đổi dời, thói tục thay đổi, khiến cho người thiên hạ hồi tâm hướng đạo, đấy không phải là việc mà hạng quan lại dung tục làm nổi vậy. Việc mà hạng quan lại dung tục làm, là ở chỗ đao bút, hòm tráp¹ mà không biết đến đại thể. Bệ hạ lại chẳng tự mình lo nghĩ, thân trọng vì Bệ hạ mà đau tiếc việc ấy vậy! Sao hiện nay chẳng định rõ chế độ, khiến cho vua ra vua, tôi ra tôi, trên dưới có thứ bậc, cha con lục thân đều được ở đúng vị trí thích hợp của mình! Chế độ xác lập thống nhất, cháu con nối đời được bình yên, thì quân chủ đời sau noi theo chuẩn tắc; nếu như chế độ chẳng định rõ, thì cũng như qua sông không có mái chèo, giữa dòng lỡ gặp phong ba, thuyền tất phải lật úp rồi. Đáng phải than dài, là vì việc như thế vậy.

Ba triều Hạ, Thương, Chu đều làm Thiên tử mấy chục đời, nhà Tần làm Thiên tử có hai đời mà mất. Tính cách con người cách nhau rất xa vậy. Vì sao quân chủ của thời Tam đại có đạo duy trì được lâu dài, mà nhà Tần vô đạo cai trị rất ngắn ngủi? Nguyên do của việc ấy có thể biết được vậy. Quân vương thời cổ, lúc Thái tử mới sinh, cử hành đúng lễ nghĩa, Hữu ti mũ áo cung kính tề chỉnh, đến hành lễ ở

¹ Thời xưa viết chữ lên thẻ tre, phải dùng mũi đao sắc để khắc chữ lên đó, thẻ viết xong thì xếp vào sọt, vào tráp, vì thế gọi là đao bút, hòm tráp.

ngoài thành phía nam, đi dưới cửa khuyết thì xuống xe, đi qua tông miếu thì bước rảo, cho nên Thái tử từ lúc còn con đỏ đã được dạy dỗ phẩm hạnh rồi. Thái tử là trẻ thơ, hiểu sự việc qua loa, Tam công, Tam thiếu⁽¹⁾ làm rõ nhân, hiếu, lễ, nghĩa để giáo dục, ruồng đuổi tiểu nhân gian tà, không để Thái tử thấy được hành vi xấu xa, thế rồi lại tuyển lựa trong thiên hạ những kẻ sĩ đoan chính, hiếu để gồm đủ, học vấn sâu rộng thông hiểu cái đạo thuật trị quốc để phòng giữ và phụ tá cho Thái tử, sai họ ở chung với Thái tử, cùng đi đứng với nhau. Thế nên Thái tử từ lúc mới sinh, điều thấy được đều là chính sự, thứ nghe được đều là lời đúng đắn, việc thi hành đều là chính đạo, tả hữu trước sau đều là chính nhân vậy. Xét ra, cùng chính nhân ở một chỗ với nhau thì chẳng thể không đúng đắn, ví như người ta sinh ra lớn lên ở đất Tề thì chẳng thể không nói tiếng Tề vậy; quen ở một chỗ với người bất chính thì chẳng thể không bất chính, ví như người ta sinh ra lớn lên ở đất Sở thì chẳng thể không nói tiếng Sở vậy. Khổng tử nói: 'Thiếu thành nhược thiên tính, tập quán như tự nhiên.'⁽²⁾ Thói quen và trí lực cùng phát triển, cho nên lễ nghĩa và học vấn được rèn giũa mà không có gì phải hổ thẹn; giáo hóa và hiểu biết đều hình thành, cho nên hiểu đạo phải như thiên tính tự nhiên. Xét ra, lý do mà thời Tam đại duy trì được lâu dài, cái nguyên nhân là ở sự giáo dục và phụ tá Thái tử được đầy đủ vậy. Cho đến nhà Tần thì không như thế, Thủy Hoàng sai Triệu Cao làm thầy Hồ Hợi mà dạy xét quyết hình ngục, cái mà Hồ Hợi học tập, nếu không phải là chém đầu, cắt mũi thì là việc di diệt ba họ nhà người khác vậy. Hồ Hợi tức vị hôm trước thì hôm sau bắt chết người, người dâng lời trung can gián thì cho là họ phỉ báng, người giúp kế mưu sâu xa thì cho là họ nói lời yêu tà, xem việc giết người cũng giống như phạt cỏ, há chỉ bởi thiên tính của Hồ Hợi là hung ác hay sao? Cái nguyên do của việc ấy là bởi đạo lý mà Triệu Cao dạy dỗ Hồ Hợi không phù hợp vậy. Lời tục nói: 'Tiền xa phúc,

¹ Tam công (三公) là Thái sư (太師), Thái phó (太傅), Thái bảo (太保). Tam thiếu (三少) là Thiếu sư (少師), Thiếu phó (少傅), Thiếu bảo (少保).

² Tập thành từ khi còn nhỏ thì cũng như thiên tính, thói quen giống như tự nhiên.

hậu xa giới.⁽¹⁾ Cái lý do mà nhà Tần nhanh chóng bị diệt vong, vệt bánh xe của họ có thể thấy được vậy; như thế mà không tránh, thì xe sau lại nghiêng lật thôi. Mệnh vận thiên hạ, treo ở nơi Thái tử, cái hay cái tốt của Thái tử, là ở việc dạy dỗ sớm và tuyển lựa tả hữu. Xét ra, tâm chưa nhiễm mà dạy dỗ sớm, thì dễ thành công; khiến Thái tử hiểu được cái yếu chỉ của đạo đức nhân nghĩa, đây là chức trách của việc giáo dục vậy; còn như việc khiến Thái tử quen thạo thành phẩm hạnh thiện lương, thì đây là chức phận của tả hữu mà thôi. Người Hồ, người Việt, lúc sinh ra thì cùng tiếng khóc, ham muốn chẳng khác gì nhau; khi lớn lên mới hình thành tập tục, đều nói ngôn ngữ của nước mình, dẫu qua nhiều lần dịch tiếng vẫn chưa thông hiểu được, có người thù chết chẳng chịu sinh sống lẫn với nhau, thì đây là bởi dạy dỗ mà thành thói quen như vậy. Thế nên thần mới nói việc tuyển tả hữu và sớm giáo dục, dạy dỗ là điều tối cấp thiết. Dạy dỗ đúng và có tả hữu chính trực, thì Thái tử đứng đắn rồi, Thái tử đứng đắn thì thiên hạ định rồi. Kinh Thư nói: 'Nhất nhân hữu khánh, triệu dân lại chi.'⁽²⁾ Dạy dỗ và giáo dục Thái tử là việc gấp gáp bây giờ vậy.

Phàm là trí lực của người ta, có thể thấy được ở các việc đã xảy ra, chẳng thể thấy được ở việc sắp xảy ra vậy. Tác dụng của lễ là ở chỗ ngăn chế hành vi sai trái từ trước khi nó xảy ra mà tác dụng của pháp luật là ở chỗ thưởng phạt cái hành vi đã thực hiện, thế nên tác dụng của pháp luật dễ thấy mà tác dụng của lễ thì khó biết. Treo thưởng để khuyến khích người thiện, hình phạt để trừng trị kẻ ác, các bậc tiên vương thúc đẩy chính sự bằng cách ấy, kiên định như vàng đá; thực thi pháp lệnh bằng cách ấy, tin như khí tiết qua lại bốn mùa; giữ công chính bằng cách ấy, vô tư như trời đất; há có thể nói các bậc vua xưa không dùng thưởng thường và hình phạt sao? Nhưng còn cái 'lễ' mà người ta hay nói đến, nó quý ở chỗ lấp tuyệt việc xấu từ lúc chưa nảy mầm, lại dạy dỗ giáo hóa từ các việc rất nhỏ, khiến cho dân chúng ngày một thiện lương, tránh xa tội ác mà không tự biết vậy. Khổng tử

¹ Xe đi trước nghiêng lật, xe đi sau lấy đẩy làm gương.

² Một người có đức, muôn dân được nhờ.

nói: 'Thính tụng, ngô do nhân dã; tất dã sử vô tụng hồ!'⁽¹⁾ Vì bậc nhân chủ tính kế, chẳng gì bằng trước hết hãy thẩm xét xem chọn lựa cái gì, vứt bỏ cái gì, tiêu chuẩn chọn hay bỏ được xác lập ở bên trong mà hậu quả của sự an nguy đã ứng nghiệm ở bên ngoài rồi. Mong muốn của Tần vương là tôn sùng tông miếu và yên ổn con cháu đời sau, so với vua Thang, vua Vũ cũng giống, nhưng đức hạnh của vua Thang, vua Vũ rất rộng lớn, qua sáu bảy trăm năm cai trị mà vương triều chẳng mất, Tần vương trị lý thiên hạ được hơn chục năm thì đại bại. Cái nguyên có của việc ấy không gì khác, là quyết định chọn hay bỏ của Thang, Vũ được xét kỹ, còn quyết định chọn hay bỏ của Tần vương không thận trọng thôi. Thiên hạ, là khí vật rất lớn, nay người ta sắp đặt khí vật, để ở chỗ yên thì được yên, để ở chỗ nguy thì bị nguy. Trị lý quốc gia, so với sắp đặt khí vật không có gì khác cả, mâu chốt là ở việc Thiên tử bố trí sắp đặt thế nào thôi. Vua Thang, vua Vũ nắm thiên hạ, xếp đặt nhân, nghĩa, lễ, nhạc ở trên, con cháu truyền mấy chục đời, đấy là điều mà người thiên hạ cùng nghe biết vậy; Tần vương nắm thiên hạ, xếp đặt pháp lệnh, hình phạt ở trên, chuốc họa đến thân mình, con cháu bị tuyệt diệt, đấy là điều mà người thiên hạ cùng trông thấy vậy; cái kết cục được mất đấy không phải là minh chứng rất rõ ràng sao? Người đời nói rằng: 'Nghe xét lời người ta nói có đúng hay không, nhất định phải quan sát kỹ việc làm của họ, thì người nói chẳng dám nói bừa.' Nay có người nói, trị lý quốc gia, lễ nghĩa chẳng bằng pháp lệnh, giáo hóa chẳng bằng hình phạt, bậc nhân chủ sao chẳng viện dẫn các việc thời Thương, Chu, Tần cho bọn họ xem? Cái tôn quý của bậc nhân chủ ví như điện đường, quần thần ví như bậc thêm, dân chúng ví như nền đất. Thế nên bề có chín bậc, thêm cách đất xa, thì điện đường cao; bề không có bậc, thêm gần sát đất, thì điện đường thấp. Điện đường cao thì khó với lên, điện đường thấp thì dễ giẫm đạp, là cái lý đương nhiên vậy. Vậy nên thánh vương thời xưa chế thành thứ bậc, trong có Công, Khanh, Đại phu, Sĩ, ngoài

¹ Trong việc xử kiện, ta cũng như người khác vậy, nhưng ta nhất định phải khiến cho không có việc kiện!

có Công, Hầu, Bá, Tử, Nam, rồi sau đó có Quan sự, Tiểu lại, tiếp nối đến thứ dân, đẳng cấp phân minh mà Thiên tử ở ngôi cao nhất, cho nên cái tôn quý của Thiên tử là không thể vịn tới được vậy.

Ngạn ngữ nói: 'Muốn ném chuột sợ vỡ đồ quý.' Đây là lời ví rất hay vậy. Chuột ở gần đồ quý, còn ngại không dám ném, vì sợ hại đến đồ quý, huống chi là đại thần quý thích ở bên cạnh bậc nhân chủ! Quân chủ dùng liêm sỉ lễ tiết để nắn sửa người quân tử, nên có phép ban cho tự xử mà không dùng hình giết chóc vũ nhục. Sở dĩ thứ tội thích chữ vào mặt và cắt mũi không dùng với Đại phu, là vì bọn họ ở cách chúa thượng không xa vậy. Theo lễ, thần tử không được dò xét tuổi ngựa kéo xe của bậc quân chủ, hễ đá vào cỏ mà ngựa kéo xe của bậc quân chủ ăn thì bị phạt, sở dĩ như thế là để phòng xa các hành vi bất kính của thần tử với bậc quân chủ vậy. Nay những người được tôn quý từ bậc Vương, Hầu, đến Tam công, đều nên được Thiên tử kính trọng dùng lễ đãi ngộ, cũng như những người được Thiên tử ngày xưa gọi họ là Bá phu, Bá cữu vậy; vậy mà hiện nay lại khiến bọn họ phải cùng thứ dân chung chịu hình phạt khắc chữ vào mặt, cắt mũi, gọt tóc, chặt cẳng chân, đánh roi, nhục mạ, chém bỏ thân ngoài chợ, như thế thì điện đường không có bề sao? Người bị giết chóc vũ nhục đây chẳng phải người rất thân gần của chúa thượng sao? Liêm sỉ chẳng được thi hành, các bậc đại thần há chẳng trở thành hạng người tuy nắm giữ trọng quyền nhưng giống kẻ tù đồ có lòng vô sỉ sao? Việc ở cung Vọng Di, Nhị Thế bị phán trọng hình, là cái thói ném chuột chẳng tránh đồ quý vậy. Thần nghe nói: 'Giày dẫu sạch sẽ cũng chẳng dùng để gôi đầu, mũ dẫu cũ nát vẫn chẳng dùng để kê chân.' Đại khái là người từng ở địa vị quý sủng, Thiên tử đã trang trọng dùng lễ đối đãi với họ rồi, quan dân từng phủ phục tỏ ý kính sợ với họ rồi; nay người đó có lỗi, chúa thượng ra lệnh phế truất tước vị của họ thì được, ruồng đuổi cách chức họ thì được, ban chết cho họ thì được, tru diệt họ thì được; nhưng trói buộc họ, xiềng xích họ, dùng xe tù chở họ đến chỗ quan Tư khấu, biên tên họ thành nô bộc của phủ quan, Tiểu lại của Tư khấu mắng nhiếc nhục mạ họ rồi dùng roi đánh họ, e

rằng đây không phải là việc nên để cho thứ dân trông thấy vậy. Kẻ thấp hèn biết rõ việc người tôn quý một khi mắc lỗi cũng bị lãng nhục, thì đây không phải là cách hay để đề xướng việc tôn trọng chức quan cao, kính lễ người quý hiển vậy. Đại thần thời cổ có người vì không liêm khiết mà bị phế, không gọi là 'bất liêm', mà gọi là 'phủ quỹ bất sức'; người mắc tội ô uế dâm loạn, nam nữ tạp cư, không nói là 'ô uế', mà nói là 'duy bạc bất tu'; người bị bãi chức vì yếu kém không đảm nhiệm được chức trách, không gọi là 'bãi chức vì yếu kém', mà gọi là 'hạ quan bất chức'⁽¹⁾. Vì thế lúc định tội với đại thần quý hiển, vẫn không chỉ rõ cái tội mà họ phạm phải, còn nói trệch đi vì kiêng tránh cho họ vậy. Cho nên người có địa vị bị khiển trách, xét hỏi, khi nghe trách hỏi phải tự thân mặc áo tang, buông rú dài mũ, đeo bình nước và bội kiếm, đến nhà xét tội mà xin thỉnh tội, chúa thượng chẳng phải sai người đi bắt trói dẫn đến vậy. Người có tội hạng vừa, nghe phán quyết tội mà tự vẫn, chúa thượng chẳng phải sai người cắt cổ vậy. Kẻ phạm đại tội, nghe phán quyết thì ngoảnh mặt về bắc lay hai lay, quỳ mà tự sát, chúa thượng chẳng phải sai người đề giữ gia hình vậy. Chúa thượng nói: 'Đại phu tự phạm lỗi lầm, ta đăi ngộ ngài đúng lẽ rồi.' Chúa thượng đăi ngộ quần thần có lẽ, vì thế quần thần tự vui lòng; chúa thượng dùng liêm sỉ đối đăi với quần thần, vì thế quần thần giữ tiết hạnh. Chúa thượng đặt ra liêm sỉ, lễ nghĩa để đối đăi với thần tử của mình, mà thần tử lại không lấy tiết hạnh để báo đáp chúa thượng, thì không phải là người vậy. Cho nên giáo hóa thành, phong tục định, thì kẻ làm nhân thần đều nghĩ đến đức hạnh mà quên lợi ích riêng, giữ khí tiết mà tôn trọng đại nghĩa, vì thế bậc nhân chủ có thể đem đại quyền trị lý quốc gia ủy thác, có thể đem con cô sáu thước⁽²⁾ giao phó, đây là kết quả của việc khuyến khích liêm sỉ, đề xướng lễ nghĩa vậy, chúa thượng há có tổn hại gì sao? Việc ấy không làm mà nghĩ lâu

¹ Không gọi là "không thanh liêm", gọi trệch đi là "hường đồ tế khí không tề chỉnh". Không gọi là "dâm loạn ô uế", gọi trệch đi là "màn trường không chu đáo". Không gọi là "bãi chức vì yếu kém", gọi trệch đi là "thuộc quan không tròn chức".

² Ý nói chưa thể tự lập.

chẳng thi hành, cho nên thần nói là đáng phải than dài là vì việc như thế vậy."

Nghị nhân việc Giáng hầu lúc trước bị bắt tống ngục, rút cục không tra ra tội chứng, cho nên mượn lời ấy ngầm khuyên chúa thượng. Chúa thượng thu nhận lời ấy, chú ý dùng lễ nghĩa, khí tiết đối đãi với quần thần, từ đấy về sau, đại thần có ai mắc tội, đều tự sát, không ai bị lăng nhục chịu hình.

Năm Tiễn Nguyên thứ bảy (Mậu Thìn – TCN 173)

1. Mùa đông, tháng mười, Đế hạ lệnh: Đối với các Thái phu nhân⁽¹⁾ và phu nhân của Liệt hầu, con của chư hầu và các quan lại từ Nhị thiên thạch trở lên, không được tự tiện bắt bớ.

2. Mùa hạ, tháng tư, đại xá thiên hạ.

3. Tháng sáu, ngày Quý Dậu, chấn song lầu gác của cửa khuyết phía đông cung Vị Ương bị hỏa tai.

4. Trong dân truyền hát lời hát nhớ Hoài Nam vương rằng:

"Một thước vải còn may chung áo; một đấu thóc còn chung nhau giã; anh em hai người lại chẳng dung nhau!"

Để nghe được lời ấy nên lo lắng.

Năm Tiễn Nguyên thứ tám (Kỷ Ty – TCN 172)

1. Mùa hạ, Đế phong bốn con của Hoài Nam Lệ vương là bọn An làm Liệt hầu.⁽²⁾ Giả Nghị biết chúa thượng nhất định sẽ lập lại Hoài Nam vương, dâng sớ can rằng:

¹ Vợ của Liệt hầu là phu nhân, khi Liệt hầu chết, con lại làm Liệt hầu thì mẹ của Liệt hầu được gọi là Thái phu nhân.

² Bốn con của Hoài Nam Lệ vương Lưu Trường là: Lưu An, Lưu Bột, Lưu Tứ, Lưu Lương lần lượt được phong làm Phụ Lăng hầu, An Dương hầu, Dương Chu hầu và Đông Thành hầu.

"Hoài Nam vương bội nghịch vô đạo, thiên hạ có ai không biết tội ác của Vương? Bệ hạ ban ân tha tội chết rồi lưu đầy, Vương tự mắc bệnh mà chết, thiên hạ có ai cho rằng cái chết của Vương không đáng? Nay tôn trọng con của tội nhân, chính vừa đủ để thừa nhận lời hủy báng của thiên hạ rồi.⁽¹⁾ Bọn Lưu An dần lớn lên, há quên được phụ thân của họ sao? Bạch công Thắng vì cha báo thù, người bị báo thù là bá phụ và thúc phụ vậy.⁽²⁾ Bạch công gây loạn, không phải là muốn chiếm nước thay vua; chỉ là phát phần sướng ý, muốn dùng mũi dao sắc nhọn tự tay đâm trúng ngực cừu nhân, cốt là cùng chết với nhau thôi. Đất Hoài Nam tuy nhỏ, Kinh Bồ từng khởi sự ở đó, nhà Hán còn, thực là may mắn vậy.⁽³⁾ Ban cho cừu nhân nắm quyền riêng đủ để gây nguy cho nhà Hán, về sách lược là bất tiện. Cấp cho họ tiền của riêng để tích chứa, bọn họ không như Tử Tư, Bạch công báo cừu ở giữa kinh đô, thì cũng như Chuyên Chu, Kinh Kha hành thích chúa thượng giữa hai cây cột trụ,⁽⁴⁾ đây gọi là giúp binh khí cho quân giặc, là dưỡng hổ dữ ở bên mình vậy.

Mong Bệ hạ lưu tâm suy tính!"

Chúa thượng không nghe.

2. Có sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Năm Tiễn Nguyên thứ chín (Canh Ngọ – TCN 171)

1. Mùa xuân, đại hạn.

¹ Tức là công nhận Hoài Nam vương vô tội, mà nhà Hán giết oan ông ta vậy.

² Xem chú thích về Bạch công Thắng ở Chu ký, quyển thứ nhất, sự kiện năm thứ 23, đời Chu Uy Liệt vương.

³ Hoài Nam vương Kinh Bồ phản nhà Hán, vì Bồ kẻ sách kém nên thua bị giết, nhà Hán vì thế mới còn. Xem Hán kỷ, quyển 4, sự kiện năm thứ 11, đời Hán Cao tổ.

⁴ Chuyên Chu (专诸), người nước Ngô thời Xuân Thu, vì Công tử Quang hành thích Ngô vương Liêu, Công tử Quang nhờ thế lên ngôi vua Ngô, đó là Hạp Lư.

Việc Kinh Kha hành thích vua Tần giữa triều đình, xem ở Tần kỷ quyển 2, sự kiện năm thứ 20, đời Tần Thủy Hoàng.

Năm Tiền Nguyên thứ mười (Tân Mùi – TCN 170)

1. Mùa đông, chúa thượng đến cung Cam Tuyền.

2. Tướng quân Bạc Chiêu giết sứ giả của nhà Hán. Để chẳng nỡ dùng quốc pháp giết Bạc Chiêu, sai công khanh tới cùng Chiêu uống rượu, muốn để Chiêu tự sát, Chiêu không chịu; Để sai quần thần mặc áo tang đến nhà khóc Chiêu, Chiêu bèn tự sát.

Thần Quang nói: Lý Đức Dự cho rằng: "Hán Văn đế giết Bạc Chiêu, quyết đoán thì rõ rồi, về nghĩa thì chưa ổn vậy. Lúc Tần Khang công đưa tiễn Tấn Văn công, nói lời cảm thán: 'Nhìn thấy cậu như mẫu thân vẫn còn'; huống chi Bạc thái hậu còn tại thế, có người em duy nhất là Bạc Chiêu, mà Văn đế quyết giết không lưu tình, đây không phải là cách hay để tỏ tấm lòng hiếu thuận với mẫu thân vậy."

Ngu thần cho rằng pháp luật là khuôn thước của cả thiên hạ, chỉ có bậc khéo giữ gìn pháp luật, coi thân sơ như một, không né tránh bất kỳ ai, như thế thì người ta không ai dám cậy có chỗ nương dựa mà phạm pháp vậy. Xét ra, Bạc Chiêu vốn được khen là bậc trưởng giả, Văn đế không tuyển chọn người hiền làm sư phó để ước thúc ông ấy mà cho nắm binh quyền; kiêu căng phạm thượng, đến nỗi giết sứ giả nhà Hán, nếu không có người để cậy dựa há dám như thế sao? Ví như Văn đế lại tha tội cho Bạc Chiêu, thì thế cục so với thời Thành đế, Ai đế về sau có khác gì? Ngụy Văn đế từng khen cái cao đẹp của Văn đế, nhưng không tán thành việc Văn đế giết Bạc Chiêu, nói: "Với gia đình anh em nhà Hậu, chỉ nên dùng ân điển cho an hưởng, chẳng nên cho mượn uy để nắm binh quyền, đã phạm pháp mắc tội rồi, thì chẳng thể không dùng pháp luật mà xử trị." Đó là chê Văn đế chẳng sớm phòng giữ ngăn chặn Bạc Chiêu, lời chê ấy rất đúng vậy. Từ đây mà xét, muốn tỏ lòng hiếu thuận với mẫu thân, phải thận trọng ngay từ buổi ban đầu vậy!

HÁN KỶ

[QUYỂN THỨ BẢY]



THÁI TÔNG HIẾU VĂN HOÀNG ĐẾ

Năm Tiền Nguyên thứ mười một (Nhâm Thân – TCN 169)

1. Mùa đông, tháng mười một, chúa thượng tuần hành nước Đại. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng từ nước Đại quay về Trường An.

2. Mùa hạ, tháng sáu, Lương Hoài vương Lưu Ấp hoẵng, không có con. Giả Nghị lại dâng sớ rằng:

"Bệ hạ nếu chẳng định chế độ, theo xu thế hiện nay, nước phong bất quá chỉ truyền được một hai đời, chư hầu sẽ lại có người buông thả không theo tiết chế, tự vun trồng thế lực mà lớn mạnh, phép chế của nhà Hán chẳng được thi hành. Nước phen dậu che chở cho Bệ hạ và là chỗ cậy dựa của Hoàng thái tử, chỉ có hai nước là Hoài Dương và Đại thôi.⁽¹⁾ Nước Đại, biên bắc giáp với Hung Nô, cùng cường địch là lân bang, có thể tự bảo toàn được là đủ rồi; còn nước Hoài Dương so với các chư hầu lớn, chỉ như cái nốt ruồi trên má, vừa đủ để làm mối cho nước lớn,⁽²⁾ mà chẳng đủ sức để ngăn chế phòng giữ. Quyền chế hiện nay là ở Bệ hạ, dựng lập nước phong lại để cho nước của con mình chỉ đủ làm mối nhử, há có thể gọi là khéo sao? Theo ngu kế của thần, xin chúa thượng hãy đem tất cả đất phong của Hoài Nam để thêm vào

¹ Hoài Dương vương Lưu Vũ, Đại vương Lưu Tham, là con của Văn đế và là em của Thái tử, cho nên nói chỉ có hai nước ấy là nước phen dậu và là chỗ cậy dựa vậy.

² Ý nói nước Hoài Dương rất nhỏ, thế lực yếu kém vậy.

nước Hoài Dương, rồi vì Lương vương lập người kế tự, cắt hai, ba tòa thành ở biên bắc của nước Hoài Dương và Đông Quận để thêm vào nước Lương. Nếu chưa thỏa đáng, có thể đổi phong Đại vương làm Lương vương, rồi lấy Tuy Dương lập đô. Bờ cõi nước Lương bắt đầu từ Tân Thê lên bắc đến Hoàng Hà, nước Hoài Dương bao trọn đất Trần xuôi nam giáp sông Giang, như thế thì các chư hầu lớn có dị tâm võ mật mà chẳng dám mưu phản loạn. Nước Lương đủ để ngăn giữ nước Tề, nước Triệu, nước Hoài Dương đủ để cấm chế nước Ngô, nước Sở, Bệ hạ cao gối nằm yên, nhất định không phải lo lắng về vùng Sơn Đông rồi, đây là cái lợi hai đời vậy. Hiện nay an nhiên vô sự, là vì đúng lúc các Vương chư hầu đều còn nhỏ; vài năm sau nữa, Bệ hạ sẽ thấy nguy cơ thôi. Xét ra, Tần hoàng ngày đêm khổ tâm lao lực để quét trừ họa loạn sáu nước; nay Bệ hạ ra sức không chế thiên hạ, nhếch mép truyền lệnh muốn làm theo ý mình, cao tay rủ áo để thành cái họa sáu nước, khó có thể nói là trí vậy. Mong bản triều được vô sự mà cầu thả, nuôi dưỡng cái căn nguyên họa loạn, nhìn rõ nguy cơ mà không dẹp; sau khi Bệ hạ muôn tuổi, truyền mỗi nguy đến mẹ già con nhỏ, khiến họ chẳng được yên, chẳng thể nói Bệ hạ là người nhân vậy."

Để vì thế theo kế của Nghị, chuyển Hoài Dương vương Lưu Vũ làm Lương vương, địa giới phía bắc từ Thái Sơn, phía tây đến Cao Dương, nắm hơn bốn mươi huyện thành lớn. Hơn một năm sau, Giả Nghị cũng chết, lúc chết mới ba mươi ba tuổi.

3. Để đổi phong Thành Dương vương Lưu Hỉ làm Hoài Nam vương.

4. Người Hung Nô phạm cướp huyện Dịch Đạo.

Bấy giờ người Hung Nô nhiều lần gây họa ở biên ải, Gia lệnh⁽¹⁾ của Thái tử là Triều Thố người quận Dĩnh Xuyên dâng thư luận về việc binh rằng:

¹ Thái tử xưng là "gia", cho nên đặt chức Gia lệnh (家令). Đại khái Gia lệnh là người tổng quản giúp việc cho Thái tử, quản việc ăn uống, quản kho tàng. Các triều đại về sau, chức Gia lệnh được quản thêm một số công việc phức tạp khác nữa.

"Binh pháp nói: 'Có tướng quân đã đánh là thắng, không có dân chúng đã đánh là thắng.'⁽¹⁾ Từ đấy mà xét, muốn yên biên cảnh, lập công danh, là ở lương tướng, chẳng thể không thận trọng tuyển lựa vậy.

Thần lại nghe nói dụng binh lâm trận giao phong có ba việc cấp thiết: Thứ nhất là chiếm được địa hình, thứ hai là binh tốt tinh thực theo mệnh, thứ ba là vũ khí sắc bén tiện dụng. Theo binh pháp, bộ binh, xe ngựa, cung nỏ, kích dài, mâu nhọn, kiếm thuẫn đều phải được dùng ở chỗ thích hợp; đem dùng ở chỗ không thích hợp, có khi mười người chẳng đương nổi một. Quân sĩ không qua tuyển chọn rèn luyện, binh tốt không tinh thực theo mệnh, tiến lui chẳng thuận thực, động tĩnh chẳng hài hòa, tranh lợi không theo kịp, lánh nạn chẳng cấp tốc, phía trước tiến đánh phía sau trễ nải, binh chẳng theo lệnh chiêng trống mà tiến lui, đấy là cái lỗi của việc huấn luyện quân đội không tinh thực vậy, quân như thế thì trăm người chẳng chống nổi một chục. Binh khí không sắc bén chỉnh tề, thì so với tay không tác chiến cũng giống nhau; áo giáp chẳng bền chắc, thì so với cởi trần cùng một dạng; tên nỏ chẳng bắn được xa, thì so với binh khí ngắn khác gì nhau; bắn tên chẳng trúng đích, thì so với cung không tên cũng thế; bắn trúng mà không xuyên thủng, thì so với tên không mũi nhọn đầu có khác; đấy là cái vạ của việc tướng lĩnh không kiểm xét binh khí vậy, binh khí như thế thì năm người chẳng đấu nổi một vậy. Cho nên binh pháp nói: 'Khí giới không sắc bén, đấy là đem binh tốt của mình giao cho địch vậy; binh lính chẳng thể dùng, đấy là đem tướng lĩnh của mình giao cho địch vậy; tướng chẳng hiểu biết binh pháp, đấy là đem Quân chủ của mình giao cho địch vậy; Quân chủ chẳng tuyển tướng, đấy là đem nước của mình giao cho địch vậy.' Bốn điều ấy, là cái cốt yếu của việc dụng binh vậy.

Thần lại nghe nói: Nước lớn hay nhỏ về hình thế khác nhau, nước mạnh hay yếu thế lực cũng khác, địa hình hiểm trở hay bằng phẳng việc phòng bị có khác biệt. Xét ra, nhún mình để thờ nước mạnh, là

¹ Hữu tất thắng chỉ tướng, vô tất thắng chỉ dân.

hình thế của tiểu quốc vậy; hợp các nước nhỏ để đánh nước lớn, là hình thế của nước ngang hàng vậy; dùng người Man Di đánh người Man Di, là hình thế của Trung Quốc vậy. Nay địa hình và kỹ nghệ của người Hung Nô so với Trung Quốc rất khác biệt: Lên xuống ở sườn núi, ra vào chỗ khe suối, ngựa chiến của người Trung Quốc chẳng so được với họ vậy; đường hiểm nghiêng dốc, vừa ruồi ngựa vừa bắn tên, quân kỵ của người Trung Quốc chẳng thể so được với họ vậy; gió mưa nhọc mệt, đói khát không khôn, người Trung Quốc chẳng so được với họ vậy; đây là cái kỹ nghệ sở trường của người Hung Nô. Nếu như ở chỗ đất rộng rãi, địa thế bằng phẳng, dùng khinh xa, đột kỵ thì quân Hung Nô rất dễ loạn trận vậy; nỏ cứng, kích dài, tên bắn rất xa, thì cung nỏ của người Hung Nô chẳng đấu được vậy; giáp bền, binh khí sắc, ngắn dài phối hợp nhau, cung nỏ từ xa bắn, thập ngũ⁽¹⁾ cùng tiến lên, thì binh Hung Nô chẳng thể chống được vậy; người có sức khỏe giương cung, tên đều bay trúng mục tiêu, thì dây da tên gỗ của người Hung Nô chẳng thể ngăn chống được vậy; xuống ngựa đấu dưới đất, kiếm kích giao phong, cận thân tác chiến, thì bước chân của người Hung Nô chẳng thể mau lẹ được vậy; đây là cái kỹ nghệ sở trường của người Trung Quốc. Từ đây mà xét: Kỹ nghệ sở trường của người Hung Nô có ba thứ, kỹ nghệ sở trường của người Trung Quốc có năm thứ; Bệ hạ lại hưng quân binh mấy chục vạn để giết mấy vạn người Hung Nô, từ số binh lực mà tính toán, đây là cái thuật dùng một đánh mười vậy.

Dẫu vậy, binh khí là vật hung hiểm, chiến tranh là việc nguy nan, nếu không hiểu được đạo lý và cách dụng binh thì lớn biến thành nhỏ, mạnh biến thành yếu, chỉ thoáng lúc ngẩng lên cúi xuống mà thôi. Xét ra, dùng cái chết của người khác để tranh thắng phụ, vấp ngã chẳng thể chấn uy, thì hồi không kịp vậy; cái đạo lý thành công của bậc Đế vương, là bước chân vào chỗ vạn toàn. Nay thuộc hạ của người Hồ, người Nghĩa Cừ, người Man Di đến theo hàng, bộ chúng của họ đến mấy nghìn, thói quen ăn uống và sở trường kỹ nghệ của họ so với

¹ Biên chế quân đội hồi ấy, năm lính gọi là ngũ, mười lính gọi là thập.

người Hung Nô cũng giống. Ta ban thêm cho bọn họ giáp bên, áo bông, cung cứng, tên sắc, cấp thêm quân kỵ giỏi cho các quận biên ải, dùng các tướng lĩnh hiểu rõ tập tục của bọn họ, khiến họ hòa mục với nhau, lại dùng ước định của Bệ hạ thống suất tướng lĩnh. Ví như gặp chỗ hiểm trở, dùng cách của họ để đối địch; gặp chỗ đất bằng đường thoáng, thì dùng kinh xa, bộ binh để chế phục địch nhân; hai thứ quân trong ngoài hỗ trợ nhau, đều dùng kỹ nghệ sở trường của mình, thêm nữa lại dùng số đông đánh số ít, đây là cái thuật vạn toàn vậy."

Để khen ngợi, ban cho Thố một phong thư, tỏ ý sùng tín.

Thố lại dâng thư nói:

"Thần nghe nói nhà Tần khởi binh mà đánh người Hồ, người Việt, không phải vì phòng vệ giữ đất biên ải, cứu cái chết cho dân, mà là tàn ngược tham lam muốn mở rộng cương vực vậy, cho nên công nghiệp chưa lập xong mà thiên hạ đại loạn. Vả lại khởi binh mà chẳng hiểu biết được hình thế, giao chiến thì bị địch nhân cầm bắt, đóng trại giữ thì binh tốt chết già ở biên địa. Người Hồ, người Hạc thiên tính chịu được rét; người Dương, người Việt, thiên tính chịu được nóng. Lĩnh thú của nhà Tần chẳng chịu được thủy thổ hai xứ ấy, lính đóng trú chết ở ngoài biên, kẻ chuyển chở ngã ở trên đường. Dân Tần bị đưa đi trận, như đến chốn pháp trường, vì thế người bị triều đình trưng phát đi làm lính thú biên ải, gọi là 'trích thú'⁽¹⁾; trước thì điều phát từ quan lại phạm tội cho đến người ở rể và thương nhân sung quân, sau đấy đến người từng đi buôn bán, sau nữa mở rộng đến cha mẹ của người từng đi buôn, cuối cùng cưỡng bách những người ở bên tả của làng xóm.⁽²⁾ Việc trưng phát không thuận, người đi thú phần oán, có cái hại vạn phần chết mà không được bù đắp, người chết ở chiến trường, không được tính trừ thuế khóa,⁽³⁾ người thiên hạ biết rõ họa lửa đã

¹ Trích thú (谪戍) là kẻ phạm tội phải đày ra ở ngoài biên thùy.

² Thời nhà Tần, người giàu có ở bên hữu của làng, người nghèo khó sống ở bên tả của làng. Như thế tức là người bị trưng lính thú là dân đen vậy.

³ Đến thời nhà Hán thì quy định một người đi làm lính thú, được tính trừ tiền thuế một "toán", tức là hai mươi tiền.

cháy đến thân mình vậy; Trần Thắng đi lính thú, đến làng Đại Trạch, vì thiên hạ khởi xướng trước,⁽¹⁾ người thiên hạ theo như nước chảy, đấy là vì triều Tần dùng uy bức mà biến thành hậu quả như thế vậy.

Nghệp com áo của người Hồ, chẳng dựa vào đất đai, cái thế của họ dễ dàng nhiều loạn ở biên cảnh, qua lại chuyển dời, lúc đến lúc đi; cái nghiệp mưu sinh đầy của người Hồ, là lý do khiến người Trung Quốc phải dời đông ruộng vậy. Nay người Hồ thường chặn muông săn bắn ở biên cảnh, để dò xét quân phòng bị biên cảnh của nhà Hán, binh tốt ít thì họ xâm nhập. Bệ hạ chẳng cứu, dân biên ải tuyệt vọng mà có lòng hàng địch; nếu cứu họ, phát binh ít, thì chẳng đủ để chống, phát binh nhiều, quân cô từ xa mới đến, thì người Hồ lại bỏ đi. Binh ta tụ tại biên cảnh mà không bãi, gây hao phí rất lớn; nếu bãi binh, thì người Hồ lại xâm phạm. Như thế nhiều năm, thì Trung Quốc bần khốn mà dân chúng chẳng được yên ổn rồi.

Bệ hạ lo lắng việc biên cảnh, phái quan tướng điều phát binh tốt để chinh trị biên cảnh, là ơn huệ rất lớn với dân biên. Nhưng binh tốt thủ giữ biên ải phương xa hiện nay, một năm lại hoán đổi,⁽²⁾ chẳng kịp hiểu được đặc tính của người Hồ. Chẳng gì bằng hãy tuyển lựa sĩ tốt thường ở biên cảnh mà người nhà họ cày cấy sinh sống ở đấy, dùng họ làm quân phòng bị Hung Nô, lợi dụng địa thế tự nhiên dựng thành cao lũy sâu; các nơi yếu địa, các yếu đạo giao thông, mưu lập thành ấp, không dưới nghìn nhà. Lập phòng ốc trước, chuẩn bị nông cụ, rồi mới mộ dân, tha miễn tội phạm, bãi tước vị, miễn thuế khóa lao dịch cho người nhà họ, hai mùa đông, hạ thì ban y phục, cấp lương ăn, khi họ tự chu cấp được thì dừng. Dân nơi biên hiểm, lợi lộc chẳng hậu, chẳng thể khiến họ ở lâu chỗ đất nguy nan. Người Hồ vào xâm phạm, ai có thể đoạt lại tài sản bị chúng cướp đoạt, thì đem một nửa số đó cấp cho họ, do quan huyện bỏ tiền ra chuộc về. Dân biên ải được đãi

¹ Việc Trần Thắng khởi nghĩa chống nhà Tần, xem ở Tần ký, quyển 2, sự kiện năm thứ nhất đời Tần nhị thế.

² Xem Hán ký, quyển 5, sự kiện năm thứ 5 đời Cao hậu, có quy định cho đổi lính thú hàng năm.

ngộ như thế, thì làng ấp cứu trợ nhau, chống đánh người Hồ chẳng né tránh cái chết. Đây không phải là họ muốn lập đức nghĩa với chúa thượng, mà muốn bảo toàn sinh mệnh của thân thích và thu tài sản về cho mình vậy; so với lính thú phương đông không thông thạo địa thế lại mang tâm ý sợ người Hồ thì cái công hiệu của họ hơn đến vạn lần. Sau khi Bệ hạ dời chuyển dân chúng lập đây ven biên, sẽ khiến phương xa không có việc đóng lính thú; dân chúng nơi biên hiểm, cha con bảo hộ lẫn nhau, không lo họa giặc rợ cướp bắt; cái lợi lan đến đời sau, Bệ hạ được khen là bậc thánh minh, so việc này với nổi oán vì việc trưng phát lính thú của triều Tần, lợi hại khác nhau xa lắm."

Đế theo lời ấy, mộ dân dời đến ở biên hiểm.

Thổ lại dâng thư rằng:

"Bệ hạ giáng ân, mộ dân để sung họ tới nơi biên ải, khiến việc đóng lính thú giảm bớt, phí dụng chuyển chở đến biên giới giảm thiểu, là ân huệ rất lớn vậy. Quan lại cấp dưới nếu thực xứng với ân dày của Bệ hạ, vâng phép sáng, phủ dụ cứu giúp người già con trẻ chuyển dời đi, khéo đãi tráng sĩ, đều thu lấy lòng bọn họ mà không xâm hại, khiến người đến trước vui nghiệp mà không nghĩ nhớ cố hương, thì dân nghèo ngưỡng mộ, khuyến khích nhau đến nơi biên ải rồi.

Thần nghe nói việc dời dân thời xưa, trước hết phải xét cái đất dời đến âm dương có điều hòa không, phải nếm thử nguồn nước, rồi sau mới lập ấp, dựng thành, bố trí xóm làng, phân chia đất ở, dựng nhà cửa trước, sắp xếp khí cụ, dân đến đã có chỗ ở, làm việc đã có khí cụ. Đây là cái lý do khiến dân chúng không nhớ cố hương mà khuyên nhau đến ấp mới vậy. Phủ quan bố trí thuốc men, thầy cúng để giúp chữa trị bệnh tật, để chủ trì việc tế tự, dân chúng nam nữ được thông hôn, sinh lão bệnh tử được hỗ trợ, mộ phần cùng một chỗ, cấy hái trồng cây, nuôi dưỡng súc vật, phòng ốc hoàn chỉnh, an toàn. Đây là cái lý do khiến dân vui với chỗ ở của mình mà có ý định cư lâu dài vậy.

Thần lại nghe nói việc bố trí các huyện ở biên ải thời xưa là để đề phòng địch nhân xâm phạm, sao cho năm nhà thành một ngũ, ngũ có

Ngũ trường, mười ngũ lập thành một làng, làng có Giả sĩ, bốn làng thành một liên, liên có Giả ngũ bách, mười liên thành một ấp, ấp có Giả hậu, đều chọn người hiền tài trong ấp ấy, có tài bảo hộ, quen thạo địa hình, hiểu lòng dân; ở yên thì dạy dân phép bắn tên, ra biên cảnh thì dạy dân cách ứng địch. Cho nên đội ngũ binh lính thành ở trong, chế độ quân chính định ở ngoài. Huấn luyện đã thành thạo, thì không để họ tự tiện dời chuyển, lúc nhỏ tuổi họ cùng chơi với nhau, lớn lên thì chung lo việc. Đánh trận ban đêm họ nghe tiếng là hiểu, thì đủ để cứu ứng; giao chiến ban ngày họ nhìn thấy nhau, thì đủ để nhận biết; lòng yêu mến nhau của họ, đủ để chung sống chết. Dựa vào đấy mà dùng thưởng hậu khuyến dụ, dùng phạt nặng tỏ uy, thì dẫu trước cái chết họ chẳng trở gót rời. Dân chúng dời chuyển đi không phải là người cường tráng có sức khỏe, chỉ phí cơm áo, chẳng thể dùng được vậy; nhưng dẫu có được người có tài sức, mà không có quan lại trị lý tốt, vẫn không có công hiệu vậy.

Bệ hạ cự tuyệt Hung Nô không cùng họ hòa thân, thần trộm tính rằng mùa đông này họ sẽ kéo xuống phương nam; một khi biên cảnh đại trị, ta đánh Hung Nô trọng thương, thì họ suốt đời không khôi phục được nguyên khí rồi. Muốn lập uy, phải bắt đầu từ giao tiết thu đông này; họ kéo đến mà chẳng bị khốn, để họ đắc chí mà đi, sau này chẳng dễ thu phục vậy."

Thổ là người thẳng thắn nóng nảy lại rất hà khắc, nhưng tài biện xét của Thổ rất được Thái tử sùng tín, Thái tử khen ngợi gọi Thổ là "Trí nang"⁽¹⁾.

Năm Tiễn Nguyên thứ mười hai (Quý Dậu – TCN 168)

1. Mùa đông, tháng mười hai, sông Hoàng Hà bị vỡ ở Toan Tảo, nước theo hướng đông phá vỡ Kim Đê, Đông Quận; triều đình đại hưng binh tốt lấp chỗ đê vỡ.

¹ Trí nang (智囊) tức là cái túi khôn vậy.

2. Mùa xuân, tháng ba, bỏ chế độ kiểm xét người qua quan ải, qua lại không phải dùng phù tín.

3. Triều Thố lại dâng lời lên chúa thượng rằng:

"Thánh vương tại vị mà dân chúng không đói rét, đây không phải là Quân chủ tự cấy ruộng cấp cái ăn cho dân, tự dệt vải cấp cái mặc cho dân, mà Quân chủ mở ra cái cách cho dân làm ra tiền của vậy. Thế nên vua Nghiêu gặp thủy tai chín năm, vua Thang gặp hạn hán bảy năm, mà trong nước không có người bị chết vì đói rét, là vì đã có tích trữ đầy đủ từ nhiều năm trước rồi. Nay hải nội thông nhất, đất rộng dân đông, không kém hơn so với thời Thang, Vũ, hơn nữa nhiều năm liền không có thủy tai hạn hán, mà việc tích trữ không theo kịp thời xưa, là vì sao? Đây là vì đất đai vẫn còn dư lợi, dân vẫn còn dư sức; đất cấy trồng không khai khẩn hết, cái lợi của đầm lạch chưa khai phá hết, dân chúng vô nghiệp chưa theo việc nhà nông hết vậy.

Lúc người ta rét, không nhất định phải áo nhẹ ấm mới mặc; lúc người ta đói, không nhất định phải đồ ngon ngọt mới ăn; khi đói rét đến thân, người ta chẳng còn nghĩ đến liêm sỉ. Con người ta theo lẽ thường, một ngày không ăn thì đói, một năm không thêm áo thì rét. Bụng đói mà không được ăn, thân thể rét mà không được mặc, dẫu cha hiền cũng chẳng bảo vệ được con mình, quân vương sao có thể không chế được trăm họ đây? Bậc vua sáng thấu hiểu cái đạo lý ấy, nên khuyến dụ dân ra sức việc nông tang, giảm nhẹ thuế khóa, rộng rãi tích trữ, để sung đầy kho lẫm, phòng bị hạn hán, thủy tai, vì thế dân chúng ổn định mà ủng hộ vua của họ vậy. Người dân đi hay ở, là do quân chủ quản lý họ thế nào; dân chúng đuổi theo môi lợi, như nước chảy xuôi không chọn phương hướng vậy.

Châu ngọc, vàng bạc, khi đói chẳng thể ăn được, lúc rét chẳng thể mặc được; nhưng người ta quý những thứ ấy, là vì quân chủ dùng chúng vậy. Đây là những vật nhỏ lại nhẹ, dễ cất chứa, cầm ở trong tay, có thể đi khắp thiên hạ mà không lo đói rét. Những thứ vật ấy khiến bầy tôi khinh rẻ, phản bội quân chủ của mình, lại khiến dân

chúng dễ lìa bỏ xóm làng, kích động lòng tham muốn của đạo tặc, kẻ bỏ trốn cũng có được loại tài sản gọn nhẹ để mang theo. Các thứ thóc, gạo, vải, lụa, từ đất sinh ra, theo thời gian sinh trưởng, tích tụ lại nhờ công sức, không phải một ngày mà thành vậy; nặng đến mấy thạch, giá trị có hạn, một người có sức khỏe chẳng chuyển được, thì không thành mục tiêu cướp đoạt của đạo tặc, nhưng một ngày không có thứ ấy thì đói rét đến. Thế nên bậc vua sáng quý ngũ cốc mà coi rẻ vàng ngọc vậy.

Hiện nay nhà nông phu có năm khâu, lao dịch phục vụ việc công chẳng dưới hai người, ruộng đất mà họ có thể cấy trồng chẳng quá trăm mẫu, thu hoạch của trăm mẫu ruộng chẳng quá trăm thạch. Mùa xuân cày cấy, mùa hạ làm cỏ, mùa thu thu hoạch, mùa đông cất trữ, cất bỏ gốc rạ, sửa phủ quan, phục vụ dao dịch; mùa xuân chẳng tránh được gió bụi, mùa hạ chẳng tránh được nắng nóng, mùa thu chẳng tránh được mưa dầm, mùa đông chẳng tránh được rét cóng, suốt bốn mùa không có lúc nghỉ ngơi; lại có khi đưa đón người đi kẻ về, phúng viếng người chết, thăm hỏi người bệnh, phủ dưỡng người già cô độc, nuôi nấng con thơ, đều lấy ở trong trăm thạch thu hoạch ấy. Siêng năng lao khổ như thế, còn bị thủy tai, hạn hán, chính lệnh nghiêm khắc, thuế khóa rất nhiều, thu thuế lại bất thường, sớm ra lệnh tới lại thay đổi. Người có nộ phải bán đi với giá một nửa, người không có nộ thì vay mượn với lãi cao, vì thế có người phải bán ruộng vườn, bán cả vợ con đi để trả nợ vậy. Mà kẻ buôn bán, người buôn lớn thì tích chứa nhiều để thu lợi gấp bội, kẻ buôn nhỏ thì mua rẻ bán đắt, bọn họ dư tiền của, giữ chứa vật phẩm, ngày ngày qua lại chợ búa, lúc quan trên đòi nộ gấp, họ bán ra đắt gấp mấy lần. Cho nên nam thương nhân chẳng cày ruộng làm cỏ, nữ thương nhân chẳng dệt vải nuôi tằm, áo mặc nhất định phải là lụa vẽ hoa văn, ăn uống tất phải là gạo ngon thịt tốt. Họ không phải chịu nỗi khổ của người làm nghề nông, lại có được rất nhiều tiền của. Dựa vào sự giàu có, họ giao kết với các vương hầu, thế lực vượt quá cả quan lại, vì tài lợi chen ép lẫn nhau; nghìn dặm ngao du, đi trên đường mũ lọng ngóng trông nhau,

ngồi xe võng, cưỡi ngựa béo, đi giày thêu, mũ lụa trắng. Đây là cái lý do khiến bọn thương nhân kiên tính người làm nghề nông, người làm nghề nông vì thế lưu vong vậy.

Việc gấp hiện nay, chẳng gì hơn là khiến dân chúng chuyên tâm với nghề nông mà thôi. Muốn dân chuyên tâm với nghề nông, cốt ở chỗ quý thóc; cái đạo lý của việc quý thóc, là ở chỗ dùng thóc để thưởng phạt sai khiến dân. Nay nên hiệu triệu dân thiên hạ đem lương thực nộp vào phủ quan, nộp lương thì được bá tước, được miễn trừ tội danh. Như thế thì người giàu có tước, nông dân có tiền, lương thực không bị đắp đồng. Người nộp thóc được nhận tước, đều là người dư lương thực; thu lương thừa để quốc gia sử dụng, thì thuế khóa của dân nghèo được giảm thiểu, đây gọi là bớt chỗ dư thừa, bù chỗ không đủ, chính lệnh ban ra thì người dân được lợi vậy. Pháp lệnh hiện nay quy định: Nhà dân nộp một chiến mã, được miễn trừ binh dịch cho ba người; chiến mã, là đồ vũ bị trọng yếu của thiên hạ vậy, cho nên nộp chiến mã thì được miễn binh dịch. Lệnh của Thần Nông⁽¹⁾ dạy rằng: 'Hữu thạch thành thập nhân, thang trì bách bộ, đai giáp bách vạn, nhi vô túc, phát năng thủ dã⁽²⁾.' Từ đây mà xét, thóc, là của cải trọng yếu của quân vương, là cái gốc căn bản của chính trị. Nay người dân nộp thóc được nhận tước từ Ngũ đại phu trở lên, mới được miễn binh dịch cho một người thôi, so sánh công lao của người nộp lương thực với người nộp chiến mã thì cách nhau xa lắm. Tước vị, là thứ riêng có của chúa thượng, một lần xuất lời thì người nhận tước vô tận; thóc lúa, là thứ mà dân chúng gieo trồng, sinh trưởng trong đất không hề thiếu. Xét ra, được tước cao và miễn trừ tội, là thứ mà người ta rất muốn vậy; khiến người thiên hạ nộp thóc đưa đến biên cảnh để đổi lấy tước vị và miễn tội, chẳng quá ba năm, thóc lúa ở biên cảnh nhất định rất nhiều rồi."

¹ Thần Nông (神农), là vị vua thời cổ đại của Trung Quốc.

² "Có tòa thành đá cao mười nhận, hào nước nóng rộng trăm bộ, binh đeo đai giáp trăm vạn, mà không có lương ăn, chẳng thể giữ được." Một nhận bằng tám thước, một bộ tính bằng hai bước chân. Ý nói thành cao hào sâu, rất vững vậy.

Để theo lời ấy, lệnh cho dân nộp thóc đưa đến biên cảnh, bái tước đều theo số thóc nộp ít hay nhiều mà chia thứ bậc.⁽¹⁾

Thổ lại tấu rằng:

"Bệ hạ giáng ân, khiến người thiên hạ nộp thóc đưa đến biên cảnh để nhận tước vị, là ân huệ rất lớn vậy. Thần trộm lo rằng lương thực cấp cho quân lính trú ở biên cảnh chẳng đủ dùng, nên mới muốn lương thóc trữ trong thiên hạ đổ dồn về biên cảnh. Nếu biên cảnh tích lương đủ dùng năm năm, thì nên lệnh sai đưa thóc vào quận huyện; nếu lương thóc ở quận huyện đủ dùng từ một năm trở lên, thì nên tùy thời xá miễn, không thu thuế của dân. Như thế, đức trạch ban đến muôn dân, dân chúng càng siêng năng với nghề nông, người thiên hạ giàu có vui nghiệp rồi."

Chúa thượng lại theo lời ấy, hạ chiếu rằng:

"Phương cách chỉ dẫn cho dân, cốt ở chỗ khiến họ chuyên tâm với nghiệp gốc. Trẫm tự thân thông suốt người thiên hạ làm việc nhà nông, đến nay đã mười năm, nhưng số đất hoang chẳng được khai khẩn thêm, một năm thu hoạch không tốt, dân có sắc đói; đấy là do người theo việc nhà nông vẫn còn ít mà quan lại chưa ra sức khuyến khích. Trẫm nhiều lần ban chiếu thư, các năm đều khuyến khích dân gieo trồng mà công lao vẫn chưa thành, đấy là vì quan lại chưa gắng sức phụng chiếu của trẫm mà việc khuyến khích dân chưa rõ ràng vậy. Huống chi nông dân của trẫm rất khốn khổ mà quan lại chẳng ai chiếu cố cho họ, lấy gì để khuyến khích người dân theo việc nhà nông? Năm nay giảm thuế cho dân chúng một nửa."

Năm Tiễn Nguyên thứ mười ba (Giáp Tuất – TCN 167)

1. Mùa xuân, tháng hai, ngày Giáp Dần, Đế hạ chiếu rằng:

¹ Theo *Hán thư*, người nộp trăm thạch thóc thì được ban tước Thượng tạo, người nộp đến bốn nghìn thạch được ban tước Ngũ đại phu, còn người nộp một vạn hai nghìn thạch được ban tước Đại thứ trưởng.

"Trẫm tự thân thống suất người thiên hạ cày ruộng để cấp lương cho việc tế tự tông miếu, Hoàng hậu đích thân trồng dâu để cấp trang phục tế tự; hãy chế định lễ nghi cho việc này!"

2. Khi trước, quan chức quản việc cúng tế thời nhà Tần có chức danh là Bí chúc⁽¹⁾, nếu như có điềm báo tai vạ, thường cầu cúng để chuyển lỗi xuống cho người dưới. Mùa hạ, Đế hạ chiếu rằng:

"Trẫm thường nghe nói đạo trời, là họa từ oán nổi lên mà phúc do đức hưng thịnh, cái lỗi của trăm quan, đều do trẫm gánh chịu. Nay quan Bí chúc dời chuyển lỗi của trẫm xuống cho người dưới, đây là nêu rõ cái bất đức của trẫm, trẫm rất không tán thành. Nay trừ bỏ chức quan này."

3. Thái thượng lệnh⁽²⁾ của nước Tề là Thuần Vu Ý mắc tội, phải chịu hình, chiếu lệnh sai bắt trói giải đến Trường An. Con gái út của Thuần Vu Ý là Đề Oanh dâng thư nói:

"Cha thiếp làm kẻ lại, người trong nước Tề đều khen ông ấy liêm khiết công bằng; nay bị buộc tội theo phép tắc phải chịu hình. Thiếp thương cha nếu chết rồi thì chẳng thể sống lại được, chịu hình tàn phế chẳng thể chấp lại được, đâu muốn sửa lỗi làm mới bản thân, cũng chẳng có cách nào. Thiếp xin tình nguyện vào làm nô tỳ ở phủ quan, để chuộc tội chịu hình của cha, khiến cha thiếp được sửa lỗi thành người mới."

Thiên tử rất thương xót lòng hiếu của Đề Oanh, tháng năm, hạ chiếu rằng:

"Kinh Thi nói rằng: 'Khải để quân tử, dân chi phụ mẫu.'⁽³⁾ Nay người ta có lỗi, chưa thi hành dạy dỗ đã ban cực hình, e rằng có người muốn sửa đổi hướng thiện mà không có lỗi vậy, trẫm rất thương xót

¹ Chúc (祝), là cầu cúng, bí, là bí mật. Đại khái đây là việc kín mà quốc gia kiêng tránh nói đến, cho nên gọi là "bí" vậy. Nhà Hán kế nối theo phép chế của nhà Tần cho nên vẫn duy trì chức quan này.

² Thái thượng lệnh (太倉令), là chức quan quản kho lương của nước Tề.

³ Quân tử dễ gần, như cha mẹ dân.

họ! Người chịu hình đến mức thân thể bị chặt đứt, da thịt bị chạm khắc, suốt đời không xóa được, thứ hình phạt ấy đau đớn tàn khốc lại bất đức làm sao! Há phù hợp với cái ý quân tử như cha mẹ của dân! Nay trừ bỏ nhục hình, dùng hình phạt khác để thay thế; ngoài ra, phải quy định người phạm tội đều có mức độ nặng nhẹ, người chịu phạt không bỏ trốn, hết niên hạn thì được miễn làm thứ dân. Hãy chế định thành điều lệnh!"

Thừa tướng Trương Thương, Ngự sử đại phu Phùng Kính tấu xin định luật rằng:

"Người đáng tội 'khôn hình', đổi sang hình phạt 'thành đán', 'thung'⁽¹⁾; ứng tội 'kình khôn', đổi thành hình phạt 'kiêm vi thành đán', 'kiêm vi thung'⁽²⁾; đáng tội bị cắt mũi, đổi thành hình phạt đánh ba trăm roi; kẻ đáng tội bị chặt chân trái, đổi thành hình phạt đánh năm trăm roi; kẻ đáng tội chặt chân phải và kẻ mắc tội giết người đi tự thú trước, quan lại nhận hối lộ, uốn cong phép nước, kẻ giữ tài vật của phủ quan mà trộm cắp, sau khi xử phạt lại phạm tội bị xử đánh roi, đều đem chém bỏ ngoài chợ. Kẻ mắc tội đã bị xét xử thành tội phải đi đắp tường thành, giã gạo, đều chịu phạt đủ niên hạn thì được tha làm dân."

Chế nói: "Được."

Bấy giờ, chúa thượng tự giữ mình khiêm tốn, mà văn võ đều là công thần cũ, ít văn vẻ ưa chất phác. Quần thần dẫn ra cái tệ hại chính sự làm mất nhà Tần làm điều răn, lúc nghị luận cốt ở chỗ khoan hậu, lấy làm hổ thẹn khi nói đến cái lỗi của người khác; phong khí lan khắp thiên hạ, thói tục về trách lỗi báo tội thay đổi hẳn. Quan lại yên tâm với quan vị của mình, dân chúng

¹ Khôn (髡), là nhục hình bị phạt cắt tóc. Thành đán (城旦), là hình phạt lao dịch dành cho người nam, ban ngày phải đi đắp tường thành từ sáng sớm đến tối không nghỉ. Thung (舂), là hình phạt dành cho nữ giới, bắt phải giã gạo liên tục không dừng.

² Kình khôn, là nhục hình bị phạt cắt tóc và thích chữ vào mặt; "kiêm vi thành đán", "kiêm vi thung", là hình phạt ngoài việc phải đi đắp thành, giã gạo còn phải đeo thêm chiếc vòng sắt nặng trên cổ.

vui với nghiệp của mình, của cải tích chứa tăng hàng năm, số nhân khẩu tăng không ngừng. Phong tục thực thà đôn hậu, phép cấm nói dối, kẻ phạm tội còn ngờ vực thì đều xử nhẹ, vì thế hình phạt giảm thiểu, đến nỗi cả nước một năm chỉ có bốn trăm án ngục, hình pháp không có chỗ dùng.

4. Tháng sáu, Đế hạ chiếu rằng:

"Nghề nông, là nghiệp gốc của thiên hạ, không gì trọng yếu bằng. Nay dân dốc sức siêng năng theo việc nhà nông mà vẫn phải chịu tô thuế, đây là điều khiến cho gốc ngọn không lấy gì để phân biệt vậy, cái đạo lý đối với việc khuyến nông chưa hoàn chỉnh vậy. Nay bỏ việc nộp thuế ruộng!"

Năm Tiền Nguyên thứ mười bốn (Ất Hợi – TCN 166)

1. Mùa đông, mười bốn vạn quân kỵ Hung Nô của Thiến vu Lão Thượng xâm nhập các huyện Triều Na, Tiêu Quan, giết Đô úy quận Bắc Địa là Ngang, bắt rất nhiều dân chúng và gia súc, rồi tiến đến huyện Bành Dương, sai kỳ binh vào đốt cung Hồi Trung, quân hậu kỵ⁽¹⁾ đến cung Cam Tuyền thuộc huyện Ung. Đế lấy Trung úy Chu Xá, Lang trung lệnh Trương Vũ làm tướng quân, phát nghìn cỗ xe, chục vạn quân kỵ đóng quân bên cạnh thành Trường An, để phòng bị rợ Hồ vào cướp; lại bái Xương hầu Lô Khanh làm tướng quân ở Thượng Quận, Ninh hầu Ngụy Túc làm tướng quân ở Bắc Địa, Long Lự hầu Chu Táo làm tướng quân ở Lũng Tây, chia nhau đóng quân ở ba quận. Chúa thượng đích thân ủy lạo quân sĩ, điều binh, tự ban huấn lệnh, thường quan lại sĩ tốt, muốn tự thân đi đánh Hung Nô. Quần thần can gián, không được; Hoàng thái hậu cố ngăn, chúa thượng mới thôi. Vì thế, Đế lấy Đông Dương hầu Trương Tương Như làm Đại tướng quân, Thành hầu Đồng Xích, Nội sử Loan Bố đều

¹ Tức kỵ binh trinh sát.

làm tướng quân, đón đánh Hung Nô. Thiên vu lưu lại trong quan ải hơn một tháng mới bỏ đi. Quân Hán đuổi ra khỏi biên cảnh mới quay về, không đánh giết được bọn họ.

2. Chúa thượng quay về, qua phủ quan Lang, hỏi Lang thự trưởng là Phùng Đường rằng:

- Lão tiên sinh quê quán ở đâu?

Đường đáp:

- Tổ phụ thần người nước Triệu, cha thần dời đến nước Đại.

Chúa thượng nói:

- Khi ta ở nước Đại, quan Thượng thực giám⁽¹⁾ của ta là Cao Khư nhiều lần nói với ta về cái hiền của tướng nước Triệu là Lý Tề, nói việc giao chiến ở dưới thành Cự Lộc. Nay mỗi khi ăn cơm, ta nghĩ đến lời ấy, chưa từng không nghĩ tới Cự Lộc. Lão tiên sinh có biết Lý Tề chăng?

Đường thưa rằng:

- Lý Tề làm tướng chẳng bằng được Liêm Pha, Lý Mục vậy.

Chúa thượng vỗ đùi nói:

- Than ôi! Ta không có được người như Liêm Pha, Lý Mục làm tướng. Có thì há phải lo lắng về Hung Nô nữa!

Đường nói:

- Bệ hạ dẫu có Liêm Pha, Lý Mục cũng chẳng dùng được vậy.

Chúa thượng giận, đứng dậy, đi vào cung cấm, hồi lâu, triệu gọi Đường, trách rằng:

- Ngài sao lại làm nhục ta ở chỗ đông người, há không có lúc nào thích hợp sao?

Đường tạ lỗi rằng:

- Thần là kẻ hèn mọn không biết kiêng dè.

¹ Thượng thực giám (尚食監), là chức quan coi việc chuẩn bị và sắp bày đồ ăn cho Quân chủ.

Chúa thượng đang lo nghĩ về việc người Hồ vào cướp, vì thế cuối cùng lại hỏi Đường rằng:

- Vì đâu ngài biết là ta chẳng thể dùng được Liêm Pha, Lý Mục vậy?

Đường thưa rằng:

- Thần nghe nói minh quân thời thượng cổ lúc phái tướng đi, quỳ mà đẩy trục xe nói: "Việc trong kinh đô, quả nhân quyết định; việc ngoài kinh đô, tướng quân quyết định". Việc quân công, khen thưởng, ban tước đều quyết ở ngoài, khi quay về mới tấu lên, đấy không phải lời hảo vậy. Ông nội của thần nói: "Lý Mục làm tướng nước Triệu, giữ biên giới, thuế thu ở chợ quân, đều tự dùng đãi quân sĩ; việc ban thưởng quyết ở ngoài, không đợi bẩm xét rồi quyết ở triều đình vậy. Chỉ giao việc mà đòi hỏi thành công, cho nên Lý Mục mới trở hết được tài năng và trí lực của mình; tuyển một nghìn ba trăm cỗ xe, một vạn ba nghìn quân kỵ, chục vạn dũng sĩ, vì thế phía bắc đuổi Thiên vu, phá Đông Hồ, diệt Đạm Lâm; phía tây đè lấn nước Tần mạnh, phía nam ngăn các nước Hàn, Ngụy; đang lúc bấy giờ, nước Triệu có cơ hội xưng bá. Sau đó, gặp lúc Triệu vương là Thiên được lập, dùng lời gièm của Quách Khai, rút cục giết Lý Mục,⁽¹⁾ sai Nhan Tu thay Mục cầm binh; vì thế binh tan lính chạy, bị quân Tần bắt diệt. Nay thần trộm nghe nói Ngụy Thượng làm Vân Trung thú, tất cả thuế ở chợ quân của mình đều dùng đãi sĩ tốt, tiền được cấp riêng năm ngày mua một con trâu, tự đem đãi tân khách, Quân lại và Xá nhân, vì thế quân Hung Nô tránh xa, không dám gần biên giới Vân Trung. Giặc rợ từng có lần vào, Thượng thống suất xe và quân kỵ ra đánh chúng, giết rất nhiều địch. Sĩ tốt đều là con em của thứ dân, từ đồng ruộng tham gia tòng quân, làm sao biết được sổ sách, phù tín? Suốt ngày ra sức chiến đấu, chém bắt giặc rợ, khi báo công lên Mạc

¹ Triệu vương Thiên nghe lời gièm của Quách Khai giết Lý Mục, xem ở Tần ký, quyển thứ nhất, sự kiện năm thứ 18 đời Tần Thủy Hoàng.

phủ, hễ có một lời sai chệch, bọn văn lại dùng luật pháp trừng phạt, việc ban thưởng cũng không được thi hành; mà quan lại phụng phép tất phải theo đúng. Thần ngu muội cho rằng Bệ hạ thưởng quá nhẹ, phạt quá nặng. Và lại, cái tội của Vân Trung thú Ngụy Thượng là báo công lên mà số thủ cấp chém được so với thực thiếu mất sáu cái, Bệ hạ giao Thượng cho quan lại xét, truất tước, phạt lao dịch một năm. Từ đấy mới nói, Bệ hạ đâu có Liêm Pha, Lý Mục, cũng chẳng dùng được vậy!

Chúa thượng hài lòng. Hôm ấy, lệnh sai Đường cầm phủ tiết tha tội cho Ngụy Thượng, lại dùng làm Vân Trung thú, rồi bãi Đường làm Xa kỵ Đô úy.

3. Mùa xuân, Đế hạ chiếu sai mở rộng các đàn tràng, tăng số lựa tế, lại viết rằng:

"Trẫm nghe nói quan tế tự trong lúc cầu cúng, đều quy cái phúc về cho thân trẫm mà không vì trăm họ, trẫm rất hổ thẹn. Ôi, trẫm vốn bất đức, mà riêng một mình hưởng cái phúc tốt đẹp như thế, trăm họ không dự hưởng, đấy là càng làm nặng thêm cái bất đức của trẫm vậy. Nay lệnh cho quan cúng tế lúc cầu đảo hãy dốc lòng thành kính, không được cầu phúc cho mình trẫm!"

4. Năm ấy, Hà Gian Văn vương Lưu Tích Cường hoẵng.

5. Khi trước, Thừa tướng Trương Thương cho rằng nhà Hán được "Thủy đức", người nước Lỗ là Công Tôn Thần cho rằng Hán triều đang thuộc "Thổ đức", ứng với "Thổ đức", sẽ có rồng vàng xuất hiện; Thương cho là sai, xin bãi bỏ lời ấy.

Năm Tiền Nguyên thứ mười lăm (Bính Tý – TCN 165)

1. Mùa xuân, rồng vàng xuất hiện ở huyện Thành Kỳ. Đế triệu Công Tôn Thần, bãi làm Bác sĩ, sai cùng các nho sinh xét rõ về Thổ đức, phác thảo việc cải lịch pháp, đổi sắc phục. Trương Thương vì thế tự truất chức.

2. Mùa hạ, tháng tư, chúa thượng lần đầu đến đất Ung, tế miếu Ngũ đế ở ngoài thành, đại xá thiên hạ.

3. Tháng chín, Đế hạ chiếu cho Vương chư hầu, Công khanh, Quận thú tiến cử Hiền lương và người có tài can gián thẳng, chúa thượng đích thân khảo xét người được tiến cử. Gia lệnh của Thái tử là Triều Thố đứng đầu khảo thí, được cất nhắc làm Trung đại phu. Thố lại dâng thư nói nên tước bớt thế lực của chư hầu và pháp lệnh nên chế định lại, thư dâng lên cả thầy ba mươi thiên. Chúa thượng tuy không nghe theo hết, nhưng cho rằng Thố có tài lạ.

4. Năm ấy, Tề Văn vương Lưu Tắc, Hà Gian Ai vương Lưu Phúc đều hoẵng, không có con, nước phong bị phế trừ.

5. Người nước Triệu là Tân Viên Bình dựa vào thuật xem khí gặp chúa thượng, nói rằng phía đông bắc Trường An có thần, kết thành khí ngũ sắc. Vì thế Đế cho làm miếu thờ Ngũ đế ở Vị Dương.

Năm Tiền Nguyên thứ mười sáu (Đinh Sửu – TCN 164)

1. Mùa hạ, tháng tư, chúa thượng tế giao Ngũ đế ở miếu thờ Ngũ đế tại Vị Dương. Bấy giờ, Đế quý sủng Tân Viên Bình, cho làm tới chức Thượng đại phu¹, ban thưởng nhiều lần tổng cộng đến nghìn cân vàng; lại sai quan Bác sĩ và các nho sinh chọn lựa ghi chép trong *Lục kinh* hợp lại soạn thành *Vương chế*, nghị luận các việc tuần thú, phong thiện. Lại dựng đàn tế Ngũ đế ở phía bắc đường Trường Môn.

2. Đế phong Hoài Nam vương Lưu Hỉ lần thứ hai làm Thành Dương vương. Lại chia nước Tề thành sáu nước; ngày Bính Dần, lập sáu người con của Tề Diệu Huệ vương làm Vương:

¹ Thời nhà Chu có chức quan Thượng đại phu, nhưng nhà Hán chỉ có các chức Thái trung đại phu, Trung đại phu, Gián đại phu ..., chức Thượng đại phu không thấy có. *Hán thư*, thiên "*Bách quan công khanh biểu*" không thấy nhắc đến chức quan này.

Dương Hư hầu Lưu Tương Lư làm Tề vương, An Đô hầu Lưu Chí làm Tế Bắc vương, Vũ Thành hầu Lưu Hiền làm Truy Xuyên vương, Bạch Thành hầu Lưu Hùng Cừ làm Giao Đông vương, Bình Xương hầu Lưu Ngang làm Giao Tây vương, Lục hầu Lưu Tích Quang làm Tế Nam vương. Lập ba người con của Hoài Nam Lê vương làm Vương: Phụ Lăng hầu Lưu An làm Hoài Nam vương, An Dương hầu Lưu Bột làm Hành Sơn vương, Dương Chu hầu Lưu Tứ làm Lư Giang vương.

3. Mùa thu, tháng chín, Tân Viên Bình sai người mang chiếc chén ngọc bên trên có chữ đến dưới cửa khuyết dâng. Bình dâng lời rằng:

- Dưới cửa khuyết có khí ngọc báu đưa đến.

Qua một lát, ra xem, quả nhiên có người tới dâng chén ngọc, trên chén ngọc khắc chữ "Nhân chủ diên thọ"⁽¹⁾. Bình lại nói:

- Thần tính là mặt trời sẽ mọc lần nữa vào giữa ngày.

Chốc lát sau, mặt trời lặn, giữa trưa lại hiện ra.⁽²⁾ Vì thế, Đế bắt đầu đổi năm thứ mười bảy làm năm đầu tiên,⁽³⁾ ra lệnh khắp thiên hạ hội họp uống rượu.⁽⁴⁾ Bình nói rằng:

- Đình của nhà Chu mất ở giữa sông Tứ. Nay sông Hoàng Hà vỡ, thông với sông Tứ, thần ngóng về chính hướng đông bắc huyện Phần Âm thấy có khí kim bảo, là ý rằng đình của nhà Chu hiện ra ở hướng đó chăng? Điềm xuất hiện, chẳng đón thì đình sẽ không đến.

Vì thế chúa thượng sai người sửa miếu Phần Âm, phía nam sát đến sông Hoàng Hà, muốn qua cúng tế cầu đình nhà Chu xuất hiện.

¹ Bậc nhân chủ kéo dài tuổi thọ.

² Đây là hiện tượng nhật thực rất bình thường.

³ Tức là năm thứ mười bảy lại được gọi là năm đầu, sử gia đời sau gọi là năm Hậu Nguyên nguyên niên.

⁴ Thời nhà Hán, có luật quy định: Ba người vô cớ hội họp uống rượu, bị phạt bốn lạng vàng. Nay có lệnh cho khắp thiên hạ được hội họp uống rượu một lần.

Năm Mậu Nguyên nguyên niên (Mậu Dần – TCN 163)

1. Mùa đông, tháng mười, có người dâng thư tố cáo Tân Viên Bình rằng "lời mà ông ta nói đều là dối trá"; Đế xuống lệnh sai quan lại tra xét, giết sạch tông tộc nhà Bình. Sau đấy, chúa thượng cũng biếng đối với các việc cải chính sóc, đổi sắc phục, cúng tế, quý thần, mà với miếu thờ Ngũ đế lập ở Vị Dương và Trường Môn đình, chỉ sai quan lo cúng tế quản lý, bốn mùa đưa lễ đến, không tự mình tới những chỗ đó.

2. Mùa xuân, tháng ba, Hiếu huệ Hoàng hậu Trương thị hoảng.

3. Đế hạ chiếu rằng:

"Mấy năm gần đây không được mùa, lại có thủy tai, hạn hán, dịch bệnh, trăm rất lấy làm lo. Trăm ngu xuẩn bất minh, chẳng hiểu rõ được căn nguyên của cái họa ấy: Phải chăng chính sự của trăm có chỗ sai lầm, hành vi có khiếm khuyết? Hay là đạo trời có khi bất thuận, địa lợi có lúc bất hợp, nhân sự lắm nỗi bất hòa, quý thần bỏ đi không muốn hưởng vật tế nữa? Vì đâu đến nỗi như thế? Hoặc giả việc phụng dưỡng trăm quan có chỗ lãng phí, làm các thứ việc vô ích quá nhiều chăng? Vì sao cái ăn của dân lại thiếu thốn như thế? Tính ra số ruộng đất so với trước kia không giảm đi, mà dân chúng tăng không nhiều, lấy số nhân khẩu chia cho số đất, so với thời cổ vẫn hơn; mà lương ăn lại thiếu rất nghiêm trọng, cái nguyên nhân của việc ấy là ở đâu? Phải chăng là do trăm họ có nhiều người chạy theo việc ngọn gây tổn hại đến việc nhà nông, nấu rượu khiến hao phí nhiều lương thực, lương ăn cho lục súc⁽¹⁾ quá nhiều chăng? Xét các nguyên do lớn nhỏ, ta chưa biết được cái đạo lý thực chất của việc ấy. Nay mong Thừa tướng, Liệt hầu, các quan Nhị thiên thạch và Bác sĩ hãy nghị luận việc đó; nếu ý kiến có thể giúp được cho trăm họ, phải dốc lòng tận ý, khảo tính kỹ lưỡng, không được giấu giếm!"

¹ Lục súc, là các vật nuôi thời ấy, gồm: Ngựa, bò, dê, gà, chó và lợn.

Năm Mậu Nguyên thứ hai (Kỷ Mão – TCN 162)

1. Mùa hạ, chúa thượng đến cung Vực Dương ở đất Ung.

2. Tháng sáu, Đại Hiếu vương Lưu Tham hoăng.

3. Người Hung Nô liền năm xâm phạm biên cảnh, cướp giết người dân và gia súc rất nhiều; các quận Vân Trung và Liêu Đông bị hại rất nghiêm trọng, mỗi quận tới hơn vạn người. Chúa thượng lo việc ấy, bèn sai sứ gửi thư cho vua Hung Nô. Thiên vu cũng sai quan Đương hộ đến đáp tạ, nhà Hán lại cùng Hung Nô hòa thân.

3. Tháng tám, ngày Mậu Tuất, Thừa tướng Trương Thương bị bãi chức. Để cho rằng em của Hoàng hậu là Đậu Quảng Quốc hiền năng, có phẩm hạnh, muốn cho làm Thừa tướng, nói:

- E rằng thiên hạ cho là ta thiên vị Quảng Quốc, suy nghĩ kỹ thì không nên.

Mà đại thần của Cao đế bấy giờ, người còn khỏe thì không dùng được. Ngự sử đại phu Thân Đồ Gia người nước Lương, trước kia là Tài quan¹ dùng chân giương được cung cứng, đi theo Cao đế chinh chiến, được phong tước Quan nội hầu; ngày Canh Ngọ, Đế lấy Gia làm Thừa tướng, phong tước Cố An hầu.

Gia là người thanh liêm cương trực, tại nhà không tiếp người đến bái yết riêng. Bấy giờ, Thái trung đại phu Đặng Thông đang được Đế sủng ái, được ban thưởng nhiều lần tính ức vạn; Đế từng yếm ẩm ở nhà Thông, sủng hạnh không ai sánh bằng. Gia có lần vào triều kiến, còn Thông ở bên cạnh chúa thượng, lễ tiết có phần láo xược. Gia tấu việc xong, nhân đó nói:

- Bệ hạ sủng ái quần thần, thì cho họ được phú quý, còn như lễ tiết của triều đình, chẳng thể không nghiêm kính.

Chúa thượng nói:

¹ Tài quan (材官), là võ quan cấp thấp.

- Ngài chớ nói nữa, ta muốn răn dạy riêng hần.

Bãi triều, Gia ngồi trong phủ, làm hịch triệu Thông đến phủ Thừa tướng, nếu không đến, sẽ chém Thông. Thông sợ, vào nói với chúa thượng; chúa thượng nói:

- Người hãy qua đó, ta sẽ lệnh sai người triệu người.

Thông đến phủ Thừa tướng, cỡi mũ, đi chân không, rạp đầu lạy tạ Gia. Gia ngồi yên như thường, không lấy lễ đối đãi, trách mắng rằng:

- Triều đình, là triều đình của Cao hoàng đế vậy. Thông là tiểu thần, đùa bỡn trên điện, đại bất kính, đáng chém. Tiểu lại đầu! Hãy chém hần ngay!

Thông rạp đầu, đến nỗi máu chảy khắp, không được tha. Chúa thượng liệu rằng Thừa tướng đã khiến Thông khốn hải, liền sai sứ mang phù tiết đến triệu Thông mà tạ lỗi với Thừa tướng rằng:

- Đây là kẻ bầy tôi mua vui cho ta, ngài hãy thả hần!

Đặng Thông về đến nơi, khóc nói với chúa thượng rằng:

- Thừa tướng suýt giết thần!

Năm Hậu Nguyên thứ ba (Canh Thìn – TCN 161)

1. Mùa xuân, tháng hai, chúa thượng tuần hành nước Đại.

2. Năm ấy, Thiên vu Lão Thượng của Hung Nô chết, con là Quân Thần được lập làm Thiên vu.

Năm Hậu Nguyên thứ tư (Tân Ty – TCN 160)

1. Mùa hạ, tháng tư, ngày Bính Dần là ngày hối, có nhật thực.

2. Tháng năm, đại xá thiên hạ.

3. Chúa thượng tuần hành đến đất Ung.

Năm Mậu Nguyên thứ năm (Nhâm Ngọ – TCN 159)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng đến quận Lũng Tây; tháng ba, đi tuần hành đất Ung; mùa thu, tháng bảy, xa giá đến nước Đại.

Năm Mậu Nguyên thứ sáu (Quý Mùi – TCN 158)

1. Mùa đông, ba vạn quân kỵ Hung Nô xâm nhập Thượng Quận, ba vạn quân kỵ xâm phạm Vân Trung, người bị chúng bắt cướp rất nhiều, Phong hòa đài thông từ Cam Tuyền đến Trường An. Để lấy Trung đại phu Lệnh Miễn làm Xa kỵ tướng quân, đóng trại ở Phi Hồ; Tướng quốc nước Sở cũ là Tô Ý làm Tướng quân, đóng trại ở Câu Chú; Tướng quân Trương Vũ đóng trại ở quận Bắc Địa; Thái thú Hà Nội là Chu Á Phu làm Tướng quân, đóng trú ở Tế Liễn. Tông chính Lưu Lễ làm Tướng quân, trú ở Bá Thượng. Chúc Tư hầu Từ Lệ làm Tướng quân, đóng trú ở Cúc Môn; để phòng bị rợ Hồ.

Chúa thượng tự khảo quân, đến doanh quân ở Bá Thượng và Cúc Môn, ruổi ngựa thẳng vào, Tướng quân đem thuộc hạ cuối ngựa đến nghênh đón. Không lâu sau đến doanh quân ở Tế Liễn, quan quân mặc giáp, cầm binh khí, giương cung căng nỏ, quân tiền khu của Thiên tử đến, không được vào. Quân tiền khu nói:

- Thiên tử sắp đến!

Đô úy quân môn nói:

- Tướng quân lệnh rằng: "Trong quân chỉ nghe lệnh Tướng quân, không nghe chiếu mệnh của Thiên tử."

Không bao lâu sau, chúa thượng đến, lại không được vào. Vì thế chúa thượng bèn sai sứ cầm phù tiết đến chiếu lệnh cho Tướng quân rằng:

- Ta muốn vào doanh úy lạo quân.

Á Phu bèn truyền lệnh: "Hãy mở cửa lũy."

Quân sĩ giữ cửa lũy nói với quân xa kỵ của Đế rằng:

- Tướng quân quy định: Trong quân không được phi ngựa.

Vì thế Thiên tử bèn thả lỏng cương ngựa thông thả đi vào. Đến doanh quân, Tướng quân Á Phu cầm binh khí vái dài nói:

- Thần mang giáp trụ võ sĩ không thể quỳ lạy, xin dùng lễ trong quân tham kiến.

Thiên tử giật mình, đổi nghi dung, vịn vào tay ngang xe cúi mình đáp lễ, sai người tạ lỗi, nói:

- Hoàng đế cung kính úy lạo Tướng quân.

Lễ nghi úy lạo quân xong thì đi. Sau khi ra khỏi cửa quân, quần thần đều kinh ngạc. Chúa thượng nói:

- Chao ôi! Thế mới là đúng Tướng quân vậy! Quân ở Bá Thượng và Cức Môn lúc trước như trò trẻ con thôi, Tướng quân ở đấy cố nhiên có thể tập kích mà bắt làm tù binh vậy. Còn như Á Phu, có thể mạo phạm được sao!

Đế khen ngợi rất lâu. Hơn một tháng sau, binh Hán tới biên ải, Hung Nô lại lánh ra đất hiểm, binh Hán cũng giải tán. Đế bèn bãi Chu Á Phu làm Trung úy.

2. Mùa hạ, tháng tư, đại hạn, có nạn hoàng trùng. Đế lệnh cho chư hầu không phải về triều cống; giải trừ lệnh cấm dân vào các nơi đầm lạch, giảm đồ ngự dụng y phục, bớt các quan lang phục vụ; mở kho vựa để phát chẩn cứu tế dân; cho dân chúng được phép bán tước vị.

Năm Mậu Nguyên thứ bảy (Giáp Thân – TCN 157)

1. Mùa hạ, tháng sáu, ngày Kỷ Hợi, Đế băng ở cung Vị Ương. Di chiếu viết:

"Trẫm nghe nói: Vạn vật sinh sôi trong thiên hạ, chẳng giống nào không chết; cái chết, là lẽ thường của trời đất, là điều tự nhiên của muôn loài, sao phải xót thương? Đời nay, người ta đều ham sống sợ chết, chôn táng hậu làm nát sản nghiệp, xem trọng tang phục để hại sinh linh, trẫm rất không tán thành. Vả lại trẫm vốn bất đức, không làm được gì giúp cho trăm họ; nay băng, lại khiến thân dân vì trẫm để tang lớn, khóc lóc lâu dài, hứng chịu cơn nóng rét, khiến cha con dân chúng buồn đau, hại đến tâm trí người già con trẻ, tổn giảm việc ăn uống của họ, dứt tuyệt việc tế tự quý thần, làm nặng thêm sự bất đức của trẫm, thế gọi là vì thiên hạ sao?

Trẫm được giữ tông miếu, đem tấm thân bé mọn thác thân ở trên các vị quân vương trong thiên hạ, hơn hai mươi năm rồi. May nhờ uy linh của trời cao, cây phúc vận của xã tắc, trong cõi yên bình, không có việc binh đao. Trẫm vốn chẳng sáng suốt, thường sợ rằng mình lầm lỗi để thẹn đến di đức của tiên đế, mưu nghĩ nhiều năm trường, sợ là chẳng được trọn vẹn. Nay may mắn được hưởng trọn tuổi trời, lại được cung dưỡng trong miếu của Cao đế, như thế sao phải thương đau nghĩ nhớ gì nữa?!

Trẫm lệnh cho quan dân thiên hạ: Sau khi lệnh đến nơi, khóc điều ba ngày, đều cởi bỏ tang phục; không được cấm chế các việc lấy vợ, gả con, cúng tế, uống rượu, ăn thịt; thân thích đang lúc tang sự mặc áo tang khóc lóc, đều không được đi chân trần; đai áo xô không được dài quá ba tấc, không trùm vải lên xe và binh khí; không điều dân đến khóc lóc trước cung điện; người phải khóc trong cung điện, đều chỉ khóc mười lăm lượt vào hai buổi sớm tối, lễ nghi xong thì dừng khóc; không phải thời gian khóc lóc vào sớm tối thì cấm chỉ tự tiện khóc lóc; quan tài đã hạ thổ, người thuộc 'đại công' mặc tang phục mười lăm ngày, 'tiểu công' mặc tang phục mười bốn ngày, 'tiêm phục' mặc áo tang bảy ngày,⁽¹⁾ sau đó bỏ tang phục. Các việc khác không có trong chiếu lệnh, thì đều chiếu theo lệnh này hành sự.

¹ Đại đê là quy định thứ hạng thân sơ với người chết theo tang phục, số ngày để tang của mỗi hạng khác nhau. Theo lễ chế xưa quy định rằng "đại công" để tang chín tháng, "tiểu công" để tang năm tháng ... Từ đời Hán Văn đế trở đi quy định lại.

Hãy bố cáo thiên hạ, khiến mọi người đều rõ ý trẫm. Sông núi ở Bá lăng đều phải giữ nguyên như cũ, không được thay đổi. Từ hạng Phu nhân trở xuống đến Thiếu sử,⁽¹⁾ cho được trở về nhà."

Ngày Ất Ty, táng Văn đế ở Bá lăng.

Đế tức vị hai mươi ba năm, cung thất, vườn thú, xe ngựa, đồ ngự phục, không tăng thêm thứ gì; có những điều lệ bất tiện, thường phế bỏ để lợi cho dân. Đế từng có lần muốn làm Lộ đài⁽²⁾, triệu thợ đến tính toán, thấy hao phí mất trăm cân vàng. Chúa thượng nói:

- Trăm cân vàng, bằng sản nghiệp của mười hộ gia đình bậc trung. Ta dùng cung thất của tiên đế, thường lo sợ hổ thẹn, xây đài để làm gì?

Đế thường mặc áo thô đen dày; Thân phu nhân mà Đế sủng ái, áo không được dài quét đất; màn trướng không được thêu hoa văn; để tỏ rõ sự chất phác, làm gương cho thiên hạ. Sửa dụng Bá lăng, các vật trang trí đều dùng đồ sành, không dùng vàng, bạc, đồng, thiếc tô điểm; mộ dựa thế núi, không đắp đất cao. Ngô vương trá bệnh không vào triều kiến, liền ban cho Ký trượng⁽³⁾. Quần thần là bọn Viên Áng can gián lời lẽ tuy kịch liệt, Đế thường khoan dung thu dụng ý kiến. Bọn Trương Vũ nhận hối lộ tiền vàng, khi phát giác, Đế lại ban thưởng thêm cho để chúng thẹn; chuyên tâm dùng đức để cảm hóa dân. Vì thế hải nội yên tĩnh, trăm họ người người no đủ, hậu thế ít người theo kịp được.

2. Ngày Đinh Mùi, Thái tử tức vị Hoàng đế. Tôn Hoàng thái hậu Bạc thị thành Thái hoàng Thái hậu, Hoàng hậu thành Hoàng thái hậu.

¹ Gồm có: Phu nhân, Mỹ nhân, Lương nhân, Bát tử, Thất tử, Trường sử, Thiếu sử.

² Lộ đài (露台), tức là đài hứng sương.

³ Ký trượng (几杖) tức là gậy chống và ghế ngồi để tỏ ý kính đãi người già.

Ngô vương nói đến ở đây là Lưu Ty, con của anh trai Hán Cao tổ. Việc về Ngô vương xem ở Hán ký, quyển thứ tám.

3. Tháng chín, có sao chổi xuất hiện ở phương tây.

4. Năm ấy, Trường Sa vương Ngô Trữ hoảng, không có con, nước phong bị phế trừ.

Khi trước, Cao tổ khen Trường Sa Văn vương Ngô Nhuế hiền, ban chế lệnh cho Ngự sử rằng: "Trường Sa vương trung thành, hãy chép rõ lệnh này."⁽¹⁾ Đến thời Hiếu Huệ, Cao hậu, phong cho hai con thứ của Nhuế làm Liệt hầu, truyền nước mấy đời thì dứt.

HIẾU CẢNH HOÀNG ĐẾ

Năm Tiền Nguyên thứ nhất (Ất Dậu – TCN 156)

1. Mùa đông, tháng mười, bọn Thừa tướng Gia tấu:

"Về công, chẳng ai công lớn bằng Cao hoàng đế; về đức, chẳng ai đức dày bằng Hiếu Văn hoàng đế. Miếu của Cao hoàng đế, xứng làm miếu Thái tổ; miếu của Hiếu Văn hoàng đế, xứng làm miếu Thái tông. Thiên tử hậu thế phải đời đời cúng tế miếu Thái tổ, Thái tông, chư hầu các quận quốc đều phải vì Hiếu Văn hoàng đế lập miếu Thái tông."

Chế nói: "Được."

2. Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Mão, đại xá thiên hạ.

3. Đế phái Ngự sử đại phu Đào Thanh đến biên ải nước Đại cùng Hung Nô hòa thân.

4. Tháng năm, khôi phục lại việc thu thuế ruộng của dân nửa năm,⁽²⁾ ba mươi phần thì thu thuế một phần.

¹ Hán Cao tổ từng ban ước định rằng: "Không phải họ Lưu không được phong vương." Nhưng lúc ấy Ngô Nhuế vẫn làm Trường Sa vương, lại đặc biệt trung thành, cho nên Cao tổ đặc biệt chép vào chế lệnh, cho Nhuế làm Vương.

² Năm Tiền Nguyên thứ 12, đời Hán Văn đế, ban ân cho dân thu thuế chỉ nửa năm; năm kế tiếp, bỏ việc thu thuế, miễn toàn bộ; nay lại thu thuế nửa năm.

5. Khi trước, Văn đế bỏ nhục hình, bề ngoài có tiếng là hình phạt nhẹ, bên trong thực sự là giết người; tội chặt chân phải đổi thành tội tử hình, tội chặt chân trái đổi thành đánh năm trăm roi, tội cắt mũi đổi thành đánh ba trăm roi, số người vì thế bị chết rất nhiều.⁽¹⁾ Năm ấy, Đế hạ chiếu rằng:

"Tăng đánh roi so với việc xử tử không khác gì nhau; người may mắn không chết, chẳng thể tự sinh sống được. Nay chế định luật: Đánh năm trăm roi đổi thành đánh ba trăm roi, đánh ba trăm roi đổi thành đánh hai trăm roi."

6. Lấy Thái trung đại phu Chu Nhân làm Lang trung lệnh, Trương Âu làm Đình úy, con của Sở Nguyên vương là Bình Lục hầu Lưu Lễ làm Tông chính, Trung đại phu Triều Thố làm Tả nội sử.⁽²⁾

Chu Nhân ban đầu làm Xá nhân của Thái tử, vì liêm khiết cẩn thận được sủng hạnh. Trương Âu cũng từng thờ phụng Đế lúc ở cung Thái tử, tuy nghiên cứu cái học hình danh, nhưng là người khoan hậu; Đế vì thế xem trọng bọn họ, dùng làm Cửu khanh. Âu làm Lại, chưa từng nói cái lỗi của người khác, chuyên dùng lòng thành thực khoan hậu xét việc quan; quan thuộc cho là bậc trưởng giả, cũng không dám lừa dối.

Năm Tiễn Nguyên thứ hai (Bính Tuất – TCN 155)

1. Mùa đông, tháng mười hai, có sao chổi xuất hiện ở phía tây nam.

¹ Việc Hán Văn đế giảm tử tội, thay đổi hình phạt, xem sự kiện năm Tiễn Nguyên thứ 13, đời Hán Văn đế.

² Về nhân vật Lưu Lễ, tại sự kiện năm Hậu Nguyên thứ sáu đời Hán Văn đế có nói đã từng giữ chức Tông chính, cầm quân đi đánh Hung Nô. Nay lại thấy nói vua Cảnh đế lấy Lưu Lễ làm Tông chính, có lẽ lại sai sót trong ghi chép.

Chức quan Nội sử (内史) chương quản việc trị lý Kinh ấp, đến năm Kiến Nguyên thứ sáu đời Hán Vũ đế mới chia chức này thành Tả, Hữu. Vì thế chữ "Tả" ở chỗ này không đúng, các đoạn văn sau kể về Triều Thố cũng nói Thố làm Nội sử.

2. Đế lệnh cho nam tử trong toàn quốc đến hai mươi tuổi bắt đầu phải lo giúp việc nước.⁽¹⁾

3. Mùa xuân, tháng ba, ngày Giáp Dần, lập Hoàng tử là Lưu Đức làm Hà Gian vương, Lưu Yên làm Lâm Giang vương, Lưu Dư làm Hoài Dương vương, Lưu Phi làm Nhữ Nam vương, Lưu Bành Tổ làm Quảng Xuyên vương, Lưu Phát làm Trường Sa vương.

4. Mùa hạ, tháng tư, ngày Nhâm Ngọ, Thái hoàng thái hậu Bạc thị hoẵng.

5. Tháng sáu, Thừa tướng Thân Đồ Gia hoẵng. Thời ấy Nội sử Triều Thố nhiều lần xin gặp riêng bàn việc, Đế thường nghe theo, sủng ái vượt quá Cửu khanh⁽²⁾, pháp lệnh đa phần được chế định lại. Thừa tướng Thân Đồ Gia nhân vì ý kiến của mình bị truất không dùng, rất hận Thố. Thố làm Nội sử, cửa ra phía đông bất tiện, Thố liền đục một cửa ra ở phía nam. Cửa ra phía nam, là tường của miếu Thái thượng hoàng vậy. Gia nghe nói Thố đục thông tường của tông miếu, liền làm bàn tấu, xin giết Thố. Có người khách đem việc báo với Thố, Thố sợ hãi, ban đêm vào cung bái yết, tự thú tội với hoàng thượng. Đến lúc hội triều, Gia thỉnh xin giết Nội sử Thố. Chúa thượng nói:

- Chỗ mà Thố đục không phải là tường miếu, mà là tường bao bên ngoài vườn miếu, vốn là chỗ các quan lại ở nhân cư trú; vả lại trẫm sai Thố làm việc đó, Thố vô tội.

Thừa tướng Gia tạ lỗi. Bãi triều, Gia bảo Trưởng sử rằng:

- Ta hối là không chém Thố trước lại đi tấu xin việc này, bị Thố làm hại.

Về đến nhà, vì việc đó thổ huyết mà chết. Thố từ đấy càng được quý hiển.

¹ Theo lệ cũ, triều đình bắt đầu gọi nam đinh tham gia đao dịch và binh dịch từ năm hai mươi ba tuổi, nay thay đổi.

² Cửu khanh của nhà Hán bấy giờ gồm các chức: Phụng thường, Lang trung lệnh, Vệ úy, Thái phó, Đình úy, Điện khách, Tông chính, Trị túc nội sử và Thiếu phủ.

6. Mùa thu, Hán triều cùng Hung Nô hòa thân.

7. Tháng tám, ngày Đinh Mùi, Đế lấy Ngự sử đại phu Khai Phong hầu Đào Thanh làm Thừa tướng. Ngày Đinh Ty, lấy Nội sử Triều Thố làm Ngự sử đại phu.

8. Có sao chổi xuất hiện ở hướng đông bắc.

9. Mùa thu, nước Hành Sơn có mưa đá, đá lớn năm tấc, nước đá sâu hai thước.

10. Sao Huỳnh Hoắc đi ngược đến gần sát sao Thiên Cự, mặt trăng đi qua vùng sao Thiên Cự; sao Tuế đi ngược đến chỗ sao Thái Vi.

11. Lương Hiếu vương vì là con út của Đậu thái hậu, được sủng ái, nước phong hơn bốn mươi thành, giữ chỗ đất màu mỡ trong thiên hạ. Các thứ được ban thưởng chẳng thể tính xuể, tiền vàng trong phủ khố đến ức vạn, châu ngọc bảo khí nhiều hơn ở kinh sư. Vương đắp dựng Đông Uyển, vuông hơn ba trăm dặm, mở rộng thành Tuy Dương, chu vi bảy mươi dặm, đại sửa sang cung thất, làm đường phước đạo, từ cung điện nối liền đến Bình đài dài hơn ba chục dặm. Lại chiêu vời kẻ sĩ hào kiệt tài tuấn của bốn phương, như bọn Mai Thừa, Nghiêm Kỳ người đất Ngô, Dương Thắng, Công Tôn Quý, Trâu Dương người đất Tề, Tư Mã Tương Như người đất Thục, bọn họ đều theo chân đi du ngoạn. Mỗi khi Vương về chầu, chúa thượng sai sứ cầm phù tiết dùng xe tứ mã nghênh đón Lương vương ở dưới quan ải. Đến nơi, sủng ái không ai sánh được; vào triều hầu thì cùng chúa thượng chung kiệu, ra ngoài chơi thì cùng chúa thượng chung xe, cùng đi săn bắn với chúa thượng trong vườn; Vương nhân cơ hội xin với Đế cho ở lại kinh sư, chừng nửa năm. Thị trung, Quan lang, Yết giả của Lương vương đều được biên tên vào sổ tịch, được tự do ra vào cửa điện của Thiên tử, không khác gì hoạn quan của triều đình.

HÁN KÝ

[QUYỂN THỨ TÁM]

380

HIẾU CẢNH HOÀNG ĐẾ

Năm Tiền Nguyên thứ ba (Đinh Hợi – TCN 154)

1. Mùa đông, tháng mười, Lương vương đến triều kiến. Bấy giờ chúa thượng chưa đặt ngôi Thái tử, lúc cùng Lương vương yến ẩm, ung dung nói rằng:

- Sau khi ta thiên thu vạn tuế, sẽ truyền Đế vị cho Vương.

Lương vương nhún nhường cảm tạ, tuy biết đấy không phải là lời chí thành, nhưng trong lòng rất mừng; Thái hậu cũng vậy. Chiêm sự Đậu Anh bung chén rượu dâng lên Cảnh đế nói:

- Thiên hạ, là thiên hạ của Cao tổ, cha con truyền nối cho nhau, là ước định của Hán triều; chúa thượng sao có thể đem truyền cho Lương vương được!

Đậu thái hậu vì thế ghét giận Anh; Anh viện cớ mắc bệnh từ chức; Thái hậu trừ bỏ danh tính Đậu Anh ra khỏi môn tịch⁽¹⁾, không được đặc cách tham dự hội triều. Lương vương vì thế càng kiên cố.

2. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Ất Ty, truyền lệnh xá tội.

3. Có ngôi sao dài xuất hiện ở phương tây.

4. Đông cung ở Lạc Dương bị hỏa tai.

¹ Môn tịch (门籍), là cái bảng treo trước cửa ra vào cung điện, bên trên ghi tên tuổi và danh phận của những người được phép ra vào.

5. Khi trước, thời Hiếu Văn, Thái tử nước Ngô⁽¹⁾ vào triều kiến, được hầu Hoàng thái tử uống rượu, đánh cờ. Ngô thái tử tranh nước cờ, không cung kính; Hoàng thái tử nhắc bàn cờ ném Ngô thái tử, Ngô thái tử chết. Triều đình sai đưa linh cữu về Ngô táng, đến nước Ngô, Ngô vương phẫn hận nói:

- Chung một họ trong thiên hạ, chết ở Trường An thì táng ở Trường An, hà tất phải đưa về táng ở đây!

Lại sai đưa linh cữu về Trường An chôn táng. Ngô vương từ đấy dần dần bỏ lễ phiên thần, xưng bệnh không về triều kiến. Kinh sư biết Ngô vương vì nguyên có con chết, bèn giam giữ và thăm vấn sứ giả nước Ngô; Ngô vương sợ hãi, bắt đầu có mưu phản nghịch. Sau có lần phái người thay mình đi Trường An hành lễ triều kiến mùa thu, Văn đế lại hỏi sứ giả về Ngô vương, sứ giả đáp rằng:

- Vương thực không có bệnh; vì triều đình giam giữ sứ giả và trách mắng bọn họ, Ngô vương sợ, cho nên mới thác bệnh. Có câu nói: "Sắm soi cá giữa đầm sâu, là điềm không lành"⁽²⁾; xin chúa thượng bỏ qua cái lỗi lúc trước, cho phép Ngô vương hối cải và sửa đổi.

Vì thế Văn đế bèn xá tội cho sứ giả nước Ngô, sai quay về, lại ban cho Ngô vương Kỳ trọng, chiếu cố già lão, không phải đến châu. Ngô vương được cõ bỏ tội lỗi, mưu phản cũng tiêu tan dần.

Nước Ngô dựa vào nguồn lợi đúc đồng, nấu muối, nên trăm họ không phải nộp thuế khóa; bách tính phải nộp tiền canh, Ngô vương xuất tiền ra nộp thay,⁽³⁾ hàng năm bốn mùa thăm hỏi

¹ Sách *Sử Hán xuân thu* chép: Thái tử nước Ngô, tên Hiên, tự Đức Minh.

² Ý nói soi xét cái tâm ý riêng của người khác, không phải là việc tốt lành.

³ Theo quy định, dân chúng phải lao dịch cho triều đình, ai không đi thì phải nộp một khoản tiền là ba trăm tiền thay cho lao dịch, gọi là tiền canh. Bấy giờ cho phép dân được tự đúc tiền, nước Ngô có núi đồng nên Ngô vương rất giàu có, xuất tiền ra nộp thay, để thu lấy lòng dân.

các Mậu tài, ban thưởng cho dân chúng ở các thôn xóm; quan lại ở các quận quốc khác đến nước Ngô lòng bắt kẻ bỏ trốn, Ngô vương công nhiên cản trở không giao nộp tội nhân. Cứ như thế hơn bốn chục năm trời.

Triều Thố nhiều lần dâng thư nói tội lỗi của Ngô vương, cho rằng nên tước bớt đất phong; Văn đế khoan dung, không nỡ phạt, vì thế Ngô vương ngày càng ngang ngạnh. Lúc Đế tức vị, Thố dâng thư nói:

"Khi xưa Cao đế mới định thiên hạ, vì anh em ít, các con còn nhỏ, mới phong đất rộng cho người cùng họ, nước Tề hơn bảy mươi thành, nước Sở hơn bốn mươi thành, nước Ngô hơn năm mươi thành; phong cho ba con của nàng hầu, chia đi một nửa đất đai thiên hạ. Nay Ngô vương vì trước đây có hiềm khích về chuyện Thái tử, trá xưng bệnh không đến chầu, xét phép tắc thời cổ đáng phải giết. Văn đế chẳng nỡ, nhân đó ban cho Kỷ trượng, ơn đức quá hậu, đáng ra phải sửa lỗi tự đổi mới; nhưng trái lại, càng thêm kiêu căng bừa bãi, tới núi quặng đúc tiền, nấu nước biển làm muối, dụ dỗ kẻ trốn tội trong thiên hạ âm mưu tác loạn. Nay tước bớt đất phong ông ta cũng phản, không tước bớt đất phong ông ta cũng phản. Tước đất phong, thì phản sớm, họa nhỏ; không tước đất phong thì phản muộn, họa lớn."

Chúa thượng lệnh cho Công khanh, Liệt hầu, Tông thất cùng nghị bàn, chẳng ai dám can vãn, duy có Đậu Anh tranh cãi, vì thế cùng Thố sinh hiềm khích. Lúc Sở vương Lưu Mậu đến chầu, Thố nhân đó nói:

- Năm trước, lúc để tang Bạc thái hậu, Mậu làm chuyện gian dâm trong nhà chịu tang, xin giết đi.

Đế hạ chiếu xá tội, tước bớt quận Đông Hải.

Trước đây, vào năm Tiên Nguyên thứ nhất, Triệu vương Lưu Toại mắc tội, bị tước bớt quận Thường Sơn; Giao Tây vương Lưu Ngang vì việc bán tước có chuyện gian dối, bị tước mất sáu huyện.

Đại thần triều đình đang nghị bàn việc tước đất phong của Ngô vương. Ngô vương lo sợ bị tước đất không có hạn dừng, nhân đó nảy mưu đồ cử sự; nghĩ tính chư hầu không có ai để giúp kế, nghe nói Giao Tây vương dũng mãnh, giỏi việc binh, chư hầu đều kiêng sợ, vì thế sai Trung đại phu Ứng Cao dùng lời thuyết phục Giao Tây vương rằng:

- Hiện nay chúa thượng nhậm dụng tà thần, nghe lời sàm tặc, xâm đoạt tước đất của chư hầu, trừng phạt cực kỳ nghiêm khắc, mỗi ngày một tệ. Lời tục có câu: "Chó liếm từ trấu đến gạo."⁽¹⁾ Nước Ngô và Giao Tây, là chư hầu nổi tiếng vậy, nhất thời bị xét nét, không được yên ổn thoải mái rồi. Ngô vương thân thể có bệnh, không thể dự hội triều hơn hai mươi năm, thường lo bị nghi ngờ, không lấy gì để tự bạch, so vai trói cẳng, vẫn sợ chẳng được tha thứ. Ta trộm nghe nói đại vương vì việc bán tước mắc lỗi, lại nghe nói các chư hầu khác bị tước đất, xét ra thì tội lỗi chẳng đến mức như thế; sợ rằng việc này chẳng chỉ dừng ở việc tước đất mà thôi!

Giao Tây vương nói:

- Có việc đó. Theo ngài thì phải làm sao?

Cao nói:

- Ngô vương tự cho rằng mình với đại vương chung mối lo, mong thừa thời thuận lý, vứt bỏ sinh mệnh để trừ họa cho thiên hạ, đại vương nghĩ có được chăng?

Giao Tây vương ngo ngác kinh hãi nói:

- Quả nhân sao dám như thế! Chúa thượng dẫu bức gấp, ta có chết thì thôi, chứ sao được phép không thờ phụng!

Cao nói:

- Ngự sử đại phu Triều Thổ, mê hoặc Thiên tử, xâm đoạt chư hầu, chư hầu đều có ý phản, từ việc người mà xét, hình thế đến

¹ Dùng việc chó ăn để ví dụ, ý nói ban đầu là tước đất, sau là diệt cả nước.

cực điểm rồi. Sao chổi xuất hiện, hoàng trùng nổi lên, đây là cơ hội vạn đời có một; mà thế cực sâu lo khổ nhọc, là lý do khiến thánh nhân xuất hiện vậy. Ngô vương bên trong thì lấy có giết Triều Thố, bên ngoài thì theo sau xe của đại vương, bay liệng thiên hạ, hướng đến đâu thì nơi đó hàng, trở vào ai thì người ấy cúi, chẳng dám không theo phục. Đại vương nếu thực hứa cho một lời, thì Ngô vương sẽ xuất lĩnh Sở vương cướp ải Hàm Cốc, chiếm kho lương Huỳnh Dương, Ngao Thương, cự binh Hán, dọn sửa chỗ nghỉ, đón đợi đại vương. Nếu may được đại vương đích thân đến, thì thiên hạ có thể tính, hai chủ phân cắt giang sơn, chẳng cũng nên sao?

Giao Tây vương nói: "Hay!"

Cao quay về báo lại với Ngô vương, Ngô vương còn sợ Giao Tây vương không quả quyết, bèn đích thân tự làm sứ giả, đến Giao Tây gặp mặt ước hẹn. Quần thần nước Giao Tây có người nghe được mưu của vua, can rằng:

- Đất của chư hầu chẳng bằng hai phần mười đất Hán, phản nghịch để Thái hậu lo lắng, không phải kế hay vậy. Nay vâng lệnh một Đế, còn nói rằng chẳng dễ; ví như việc thành, hai chủ phân tranh, họa nạn càng nảy sinh thêm.

Giao Tây vương không nghe, bèn phái sứ giả đi ước hẹn với vua các nước Tề, Truy Xuyên, Giao Đông, Tế Nam, các Vương đều hứa theo.

Khi trước, Sở Nguyên vương rất thích thư tịch, cùng người nước Lỗ là Thân Công, Mục Sinh, Bạch Sinh đều thụ học *Kinh Thi* ở chỗ Phù Khâu Bá; đến lúc làm vua nước Sở, lấy ba người đó làm Thái trung đại phu. Mục Sinh không ham rượu; Nguyên vương mỗi lần bày tiệc, thường vì Mục Sinh đặt rượu ngọt. Đến lúc con của Nguyên vương là Di vương và cháu là Lưu Mậu tức vị, thường cũng bày rượu ngọt, rồi về sau quên bày. Mục Sinh lui về, nói:

- Nên phải đi thôi! Không bày rượu ngọt, thế là Vương có ý khinh thường ta; không đi, người Sở sẽ cùm trói ta ngoài chợ.

Bèn xưng bệnh nằm giường. Thân Công, Bạch Sinh cưỡng ép dậy, nói:

- Ngài không nghĩ ân đức của tiên vương ru? Nay Vương nhất thời có thất lễ nhỏ, sao đến nỗi như thế!

Mục Sinh nói:

- *Kinh Dịch* nói: "Biết được cơ, là thần chẳng? Cơ, là cái nhỏ bé trong từng biến động, là điềm báo trước cát hung vậy. Người quân tử thấy cơ thì làm ngay, không đợi đến hết ngày." Sở dĩ tiên vương đãi ngộ ba người bọn ta, là vì còn nhớ đạo nghĩa vậy; nay Sở vương sao nhãng, đấy là quên bỏ đạo nghĩa vậy. Người quên bỏ đạo nghĩa, sao có thể cùng ở lâu được, há phải vì cái lễ tiết mọn mọn đâu!

Bèn thác rằng có bệnh, bỏ đi. Thân Công, Bạch Sinh lưu lại. Sở vương Mậu dần dần hoang dâm tàn bạo, Thái phó Vi Mạnh làm thơ mượn ý can gián, Sở vương không nghe, Vi Mạnh cũng bỏ đi, trú ở đất Trâu. Mậu nhân vì mắc lỗi bị tước đất, bèn cùng Ngô vương thông mưu. Thân Công, Bạch Sinh can gián Mậu, Mậu phạt hai người làm tù đồ, mặc áo tù màu nâu đỏ, sai già gao ngoài chợ. Hưu hầu Lưu Phú sai người can ngăn Sở vương, Sở vương nói:

- Thúc phụ chẳng hợp tác với ta, ta khỏi sự, sẽ bắt thúc phụ trước đấy!

Hưu hầu sợ hãi, bèn cùng mẹ là Thái phu nhân⁽¹⁾ trốn đến kinh sư.

Lúc văn thư của triều đình về việc tước hai quận Cối Kê và Dự Chương của Ngô đưa đến, Ngô vương bèn khởi binh trước, giết các quan lại nhà Hán từ hạng hai nghìn thạch trở xuống,

¹ Mẹ của Liệt hầu được xưng hiệu Thái phu nhân.

các vương Giao Tây, Giao Đông, Truy Xuyên, Tế Nam, Sở, Triệu cũng đều phản.

Tướng quốc nước Sở là Trương Thượng, Thái phó là Triệu Di Ngô can gián Sở vương Mậu, Mậu giết Thượng và Di Ngô. Tướng quốc nước Triệu là Kiến Đức, Nội sử là Vương Hãn can ngăn Triệu vương Toại, Toại bèn thiêu chết Kiến Đức và Hãn.

Tề vương hồi hận, bội ước giữ thành. Tường thành của Tế Bắc vương sứt lở chưa tu sửa, Lang trung lệnh nước ấy bắt giữ Tế Bắc vương, Vương không phát binh được. Giao Tây vương, Giao Đông vương làm cừ súy, cùng Truy Xuyên vương và Tế Nam vương hợp sức đánh nước Tề, vây Lâm Truy.

Triệu vương Toại phát binh trú ở biên giới phía tây, muốn đội hai nước Ngô, Sở cùng tiến, lại hướng lên bắc sai sứ giả đến Hung Nô cùng liên binh.

Ngô vương điều phát hết sĩ tốt của mình, hạ lệnh trong nước rằng:

- Quả nhân nay sáu mươi hai tuổi, tự thân làm tướng, con út của quả nhân mười bốn tuổi, cũng làm sĩ tốt tiên phong. Những người trên cùng tuổi với quả nhân, dưới cùng tuổi với con nhỏ của quả nhân, đều xuất phát.

Cả thầy trung phát hơn hai mươi vạn người. Lại hướng về nam sai sứ giả liên lạc với các xứ Mân Việt, Đông Việt, hai xứ Mân Việt và Đông Việt cũng phát binh hưởng ứng. Ngô vương khởi binh ở Quảng Lăng, sang tây qua sông Hoài, nhân đó hợp binh với quân Sở, phái sứ giả đưa thư đến chư hầu, kể tội trạng của Triều Thố, chuẩn bị hợp binh giết Thố. Hai nước Ngô, Sở cùng đánh nước Lương, phá lũy thành Cúc, giết mấy vạn người; thừa thắng mà tiến, khí thế rất mạnh. Lương Hiếu vương phái tướng quân đánh họ, lại bị quân Ngô, Sở đánh bại, sĩ tốt đều chạy trở về. Lương vương thủ giữ thành Tuy Dương.

Khi trước, Văn đế sắp băng, dặn Thái tử rằng:

- Nếu quốc gia có việc gấp, Chu Á Phu có thể gánh vác việc cầm binh.

Lúc thư phản của bảy nước truyền lên, chúa thượng bèn bãi Trung úy Chu Á Phu làm Thái úy, thống lĩnh ba mươi sáu vị tướng quân đi đánh quân Ngô, Sở, phái Khúc Chu hầu Lịch Ký đánh nước Triệu, tướng quân Loan Bố đánh nước Tề; lại triệu Đạu Anh, bãi làm Đại tướng quân, sai đóng ở Huỳnh Dương giám xét chiến sự của Hán với hai nước Tề, Triệu.

Khi trước, Triều Thố sửa đổi pháp lệnh có ba mươi chương, chư hầu huyền não. Cha của Thố nghe tin ấy, từ Dĩnh Xuyên đến, bảo Thố rằng:

- Chúa thượng mới tức vị, mảy mảy quyền quyết chính sự, xâm đoạt tước đất của chư hầu, chia rẽ cốt nhục người khác, dư luận lắm lời oán hận, mảy mảy làm thế làm gì?

Thố nói:

- Cổ nhiên phải thế; không làm thế, Thiên tử không được tôn quý, tông miếu không yên.

Người cha nói:

- Họ Lưu yên rồi thì họ Triều nguy, ta bỏ mảy mà về thôi!

Bèn uống thuốc độc chết, nói:

- Ta chẳng nỡ thấy họa đến thân mình!

Hơn chục ngày sau, bảy nước Ngô, Sở cùng phản, lấy danh nghĩa là giết Thố.

Chúa thượng cùng Thố nghị bàn việc xuất quân, Thố muốn khiến chúa thượng thống lĩnh binh thân chinh, còn mình thủ giữ Trường An; lại nói:

- Vùng lân cận hai huyện Từ, Đồng, quân Ngô, Sở chưa hạ được, nên đem tặng cho nước Ngô.⁽¹⁾

¹ Hai huyện này thuộc quận Lâm Hoài gần đất Ngô, Triều Thố muốn tước đất để làm yếu chư hầu, nay lại chủ trương cắt đất, đi ngược lại luận thuyết của mình vậy.

Thổ vốn cùng Tướng quốc nước Ngô là Viên Áng không ưa nhau, Thổ ngồi ở đâu, Áng liền tránh đi; Áng ngồi ở đâu, Thổ cũng tránh; hai người chưa từng cùng ngồi trên sảnh đường nói chuyện. Đến lúc Thổ làm Ngự sử đại phu, sai thuộc lại xét việc Áng nhận tài vật của Ngô vương, luận tội; Đế hạ chiếu xá tội cho làm dân thường.

Ngô, Sở phản loạn, Thổ bảo các quan Thừa, Sử⁽¹⁾ rằng:

- Viên Áng nhận nhiều tiền và vàng của Ngô vương, chuyên vì hấn che giấu, nói Ngô không phản; nay quả nhiên phản, ta muốn xin trị tội Áng, để rõ việc Áng biết cái mưu phản của Ngô.

Thừa, Sử nói:

- Việc chưa phát lộ, trị tội Áng mới dứt việc; nay binh hướng sang tây rồi, trị tội Áng có ích gì? Và lại Áng không dự mưu.

Thổ do dự chưa quyết. Có người báo với Áng, Áng lo sợ, ban đêm yết kiến Đậu Anh, nói cái nguyên nhân Ngô vương làm phản, mong đến trước mặt Đế, tự mình đối đáp nói thực trạng. Anh vào báo, chúa thượng bèn triệu Áng. Áng vào gặp, chúa thượng đang cùng Thổ tính việc điều binh lương. Chúa thượng hỏi Áng:

- Nay Ngô, Sở phản, ý ngài cho là thế nào?

Áng đáp rằng:

- Chẳng đáng lo vậy.

Chúa thượng nói:

- Ngô vương đào núi đúc tiền, nấu nước biển làm muối, dụ hào kiệt thiên hạ; tóc trắng khởi sự, kế sách của hấn nếu chẳng toàn vẹn trăm bề, há dám phát động? Lấy gì để nói rằng bên ấy không làm được gì?

Áng đáp rằng:

¹ Phủ của Ngự sử đại phu, theo chế độ lúc bấy giờ được đặt hai quan Thừa, mười lăm Thị ngự sử.

- Cái lợi của đồng và muối của Ngô thì có, nhưng làm sao có thể chiêu dụ nổi hào kiệt? Thực nếu nước Ngô có được hào kiệt, thì hào kiệt cũng phụ tá người làm việc nghĩa, chẳng phản rồi. Người mà Ngô vương dụ dỗ đều là con em vô lại, kẻ bỏ trốn, gian nhân đức tiền, cho nên mới dụ nhau làm loạn.

Thổ nói:

- Áng luận việc rất hay.

Chúa thượng nói:

- Nên dùng kế gì?

Áng đáp rằng:

- Xin đuổi hết tá hữu.

Chúa thượng đuổi hết người đi, chỉ còn Thổ ở lại. Áng nói:

- Lời mà thần nói ra, bây tôi không được nghe biết.

Chúa thượng bèn đuổi Thổ. Thổ rào bước lánh sang Đông sương phòng, rất cảm hận. Chúa thượng lần cuối hỏi Áng, Áng đáp rằng:

- Ngô, Sở gửi thư cho nhau, nói Cao hoàng đế phong con em làm Vương đều có đất phong, nay tặc thần Triều Thổ thiện tiện chỉ trích chư hầu, tước đoạt đất phong của họ, cho nên mới phản, muốn sang tây cùng giết Thổ, khôi phục đất cũ rồi mới bãi binh. Cái kế hiện nay chỉ có chém Thổ, phái sứ giả tuyên bố xá tội cho bảy nước Ngô, Sở, khôi phục lại đất cũ cho họ, thì binh khí không vấy máu mà họ đều bãi binh.

Bấy giờ chúa thượng lặng yên hồi lâu mới nói:

- Nghĩ cho cùng thực chẳng còn cách nào! Ta chẳng vì yêu tiếc một người, (phải làm thế) để tạ lỗi với thiên hạ vậy.

Áng nói:

- Kế của kẻ ngu này như thế, xin chúa thượng xét kỹ!

Đế bèn bái Áng làm Thái thường, sai bí mật sửa soạn hành trang đi sứ. Hơn chục ngày sau, chúa thượng lệnh sai Thừa

tướng Thanh, Trung úy Gia, Đình úy Âu hặc tấu Thố rằng: "Không xứng với đức tin của chúa thượng, muốn chia rẽ quần thần, trăm họ, lại muốn đem thành ấp cấp cho nước Ngô, không có lễ tiết thần tử, đại nghịch vô đạo. Thố đáng tội chém ngang lưng, cha mẹ, vợ con và anh em cùng mẹ bất kể lớn nhỏ đều chém bỏ thầy ngoài chợ."

Chế nói: "Được."

Thố hoàn toàn không biết gì. Ngày Nhâm Tý, chúa thượng sai Trung úy triệu Thố, lừa lên xe chở đến chợ, Thố mặc triều phục bị chém ở chợ phía đông. Chúa thượng bèn sai Viên Áng cùng con em của Ngô vương là Tông chính Đức hầu Lưu Thông đi sứ nước Ngô.

Yết giả bọc xạ Đặng Công làm Hiệu úy, dâng thư nói việc quân, yết kiến chúa thượng, chúa thượng hỏi rằng:

- Ngài từ trong quân đến, nghe nói Triều Thố chết, hai nước Ngô, Sở có bãi binh không?

Đặng Công nói:

- Ngô vương phản mấy chục năm rồi; phát giận vì bị tước đất, lấy danh nghĩa là giết Thố, ý của hắn không chỉ ở Thố vậy. Và lại thần sợ kẻ sĩ thiên hạ ngậm miệng không dám nói nữa.

Chúa thượng hỏi:

- Tại sao?

Đặng Công nói:

- Đại khái Triều Thố lo chư hầu lớn mạnh chẳng thể khống chế, cho nên thỉnh xin tước đất phong để tôn kính su, là cái lợi vạn đời vậy. Kế sách mới thi hành, rút cục nhận đại họa chém giết; trong thì lấp miệng trung thần, ngoài thì giúp chư hầu báo cừu, thần trộm cho là Bệ hạ không nên làm thế.

Để vì thế bù nguì than dài, nói:

- Ngài nói phải, ta cũng hối vì việc đó!

Viên Áng, Lưu Thông đến đất Ngô, binh của hai nước Ngô, Sở đã đánh vào lũy của nước Lương rồi. Tông chính vì là người thân thích, liền vào gặp trước, báo với Ngô vương, lệnh bái nhận chiếu. Ngô vương nghe nói Viên Áng đến, biết là Áng muốn thuyết phục mình, cười mà đáp lời rằng:

- Ta đã là Đế phương đông rồi, còn bái ai đây!

Rồi không chịu gặp Áng, nhưng giữ lại ở trong quân, muốn bức ép sai làm tướng; Áng không chịu, Ngô vương sai người vây giữ, sắp giết. Áng lên ra được, trốn thoát quay về báo tin.

Thái úy Á Phu nói với chúa thượng rằng:

- Binh Sở nhanh nhẹn mạnh tợn, khó cùng họ tranh phong, thần muốn bỏ nước Lương cho họ, cắt đứt đường vận lương của quân phản, rồi mới có thể khống chế họ.

Chúa thượng đồng ý. Á Phu ngồi Lục thặng truyền⁽¹⁾, tới hội binh ở Huỳnh Dương. Tiến phát đến Bá Thượng, Triệu Thiệp chặn lại nói với Á Phu rằng:

- Ngô vương vốn giàu có, thu dưỡng tử sĩ lâu rồi. Lúc này biết tướng quân sắp ra trận, tất bố trí gian nhân ở chỗ ải hẹp vùng Hào, Mẫn; vả lại việc binh còn bí mật, tướng quân sao chẳng từ chỗ này rẽ phải, qua Lam Điền, ra Vũ Quan, đến Lạc Dương! Thời gian bất quá chỉ hơn một hai ngày, đến thẳng Vũ khố⁽²⁾, khua chiêng trống. Chư hầu nghe tin, cho là tướng quân từ trên trời rơi xuống vậy.

Thái úy theo kế ấy, đến được Lạc Dương, mừng nói:

- Bảy nước phản, ta ngồi xe trạm đến được chỗ này, không tự nghĩ sẽ được an toàn. Nay ta đã chiếm giữ Huỳnh Dương, từ Huỳnh Dương về đông, không đáng lo vậy.

Rồi sai kẻ lại dò xét vùng Hào, Mẫn, quả nhiên bắt được binh phục của Ngô vương. Á Phu bèn mời Triệu Thiệp làm Hộ quân.

¹ Là xe sáu ngựa kéo, người được ngồi xe này phải có thân phận cực kỳ đặc biệt.

² Tức kho vũ khí, ở đây trỏ Lạc Dương.

Thái úy dẫn binh về hướng đông bắc đến Xương Ấp. Quân Ngô đánh nước Lương gấp, Lương vương sai sứ đến Điều hầu Á Phu⁽¹⁾ xin cứu, Điều hầu không chịu; Lương vương lại sai sứ giả tố cáo Điều hầu với chúa thượng. Chúa thượng sai sứ bảo Điều hầu cứu nước Lương, Á Phu không phụng chiếu, vững lũy không ra đánh; rồi lệnh sai bọn Cung Cao hầu đem quân khinh kỵ ra cửa Hoài Tứ, cắt đứt phía sau binh Ngô, Sở, chặn đường vận lương của chúng. Lương vương sai Trung đại phu Hàn An Quốc cùng Trương Vũ, là em của Tướng quốc Trương Thượng nước Sở đã chết, làm Tướng quân; Vũ ra sức chiến đấu, An Quốc lão luyện, vì thế bẻ gãy được quân Ngô.

Binh Ngô muốn sang tây, vì quân Lương thủ thành, không dám qua; liền xông đến chỗ đóng quân của Điều hầu, hội ở Hạ Ấp, muốn giao chiến. Điều hầu vững lũy không chịu đánh; Ngô vương lương hết lính đói, nhiều lần khiêu chiến, Điều hầu nhất định không ra đánh. Trong doanh quân của Điều hầu ban đêm kinh nhiễu, nội bộ đánh lẫn nhau, nhiễu loạn đến dưới trướng, Á Phu cứ nằm yên không dậy, chốc lát, lại yên định. Quân Ngô chạy xô về phía đông nam vách lũy, Á Phu sai phòng bị góc tây bắc; không lâu sau tinh binh Ngô, Sở quả nhiên chạy đến góc tây bắc, không vào được. Sĩ tốt Ngô, Sở nhiều người chết đói lìa phần, Ngô vương bèn dẫn binh rút lui.

Tháng hai, Á Phu xuất tinh binh truy kích, đại phá quân Ngô, Sở. Ngô vương Ty vứt bỏ quân của mình, cùng mấy nghìn binh tinh tráng ban đêm chạy trốn, Sở vương Lưu Mậu tự sát.

Ngô vương lúc mới cử binh, đại thần nước Ngô là Điền Lộc Bá làm Đại tướng quân. Điền Lộc Bá nói:

- Binh đồn tụ mà sang tây, không có kỳ binh đi đường khác, khó mà thành công. Thần xin được lĩnh năm vạn binh, đi riêng

¹ Điều hầu, là tước hiệu của Chu Á Phu vậy.

men sông Giang, Hoài ngược lên, thu đất Hoài Nam, Trường Sa, tiến vào Vũ Quan, cùng đại vương hội quân, đấy cũng là một lộ kỳ binh vậy.

Thái tử của Ngô vương can rằng:

- Vương lấy việc phản gây danh, binh ấy khó giao cho người khác lĩnh, người ta nhân đấy phản lại Vương, thì sao? Và lại toàn quyền cầm binh mà đi riêng, dễ sinh nhiều chuyện lợi hại khác, chỉ tự làm mình bị tổn hại thôi!

Ngô vương liền không đồng ý với Điền Lộc Bá.

Tướng trẻ của nước Ngô là Hoàn tướng quân khuyên Ngô vương rằng:

- Quân Ngô đa phần là bộ binh, bộ binh lợi ở chỗ cạy hiểm; quân Hán đa phần là kỵ binh, kỵ binh lợi ở chỗ đất bằng. Mong đại vương khi đi qua các thành mà họ không hàng, cứ đi thẳng, gấp rút sang tây chiếm kho vũ khí Lạc Dương, kho lương Ngao Thương, cạy dựa cái hiểm của sông núi để hiệu lệnh chư hầu, dẫu không vào được Quan Trung, thì thiên hạ đã định được rồi. Nếu đại vương tiến quân thông thả lưu lại dưới các thành ấp, chiến xa và kỵ binh của quân Hán đến, ruổi thẳng vào nơi ngoại thành của Lương, Sở, việc sẽ hỏng mất.

Ngô vương hỏi các lão tướng, các lão tướng nói:

- Người này trẻ tuổi, xung phong hăm trận thì được, há biết nghĩ tính đại cục sao!

Vì thế Ngô vương không dùng kế của Hoàn tướng quân.

Ngô vương nắm độc quyền thống lĩnh toàn quân. Binh chưa vượt sông Hoài, các tân khách đều được làm Tướng quân, Hiệu úy, Quân hậu, Tư mã, duy có Chu Khâu không được dùng.

Chu Khâu, là người Hạ Bi, đi trốn đến nước Ngô, bán rượu sinh nhai, không có đức hạnh; Ngô vương đãi ngộ bạc, không tin dùng. Chu Khâu bèn tự bái yết, khuyên Ngô vương rằng:

- Thần vốn bất tài, không được đợi tội giữa chốn hành trận. Thần không dám xin làm tướng cầm quân, chỉ xin Vương một cớ tiết của nhà Hán, nhất định có cách để báo đáp.

Ngô vương bèn cấp cớ. Chu Khâu có được cớ tiết, ban đêm ruồi ngựa tới Hạ Bi; bấy giờ Hạ Bi nghe tin Ngô vương phản, đều giữ chặt thành. Khâu đến trạm dịch, triệu Huyện lệnh vào cửa, sai người đi theo kẻ tội danh rồi chém Huyện lệnh, sau đó triệu hết anh em và những kẻ quyền thế mà mình quen biết, bảo họ rằng:

- Ngô vương làm phản, binh sắp đến, giết sạch người Hạ Bi trong thời gian chẳng quá bữa ăn; nay ai hàng trước, gia thất sẽ được toàn vẹn, người tài có thể được phong hầu nữa.

Bọn họ đi ra, đem lời báo nhau, thành Hạ Bi đều hàng. Chu Khâu một đêm có được ba vạn người, sai người về báo với Ngô vương, tiếp đó thống lĩnh binh ấy lên bắc cướp thành ấp; gần đến Dương Thành, binh có hơn chục vạn, phá quân của Trung úy Dương Thành.

Lúc nghe tin Ngô vương thua vỡ bỏ chạy, Khâu tự liệu rằng không thể chung sức để thành công, lập tức dẫn quân quay về Hạ Bi, chưa đến nơi, phát u nhọt trên lưng mà chết.

6. Ngày Nhâm Ngọ là ngày hối, có nhật thực.

7. Lúc Ngô vương rút bỏ quân đi trốn, quân bèn vỡ lò, dần dần hướng đến chỗ Thái úy Điều hầu và quân nước Lương xin hàng. Ngô vương vượt sông Hoài, chạy đến Đan Đồ, cậy dựa người Đông Việt để tự giữ mình, binh có được hơn vạn, lại thu tụ binh tốt bỏ trốn. Nhà Hán sai người dùng lợi như người Đông Việt, người Đông Việt liền lừa Ngô vương ra úy lạo quân, sai người dùng giáo giết Ngô vương, gói đầu lại, ruồi ngựa trạm đem về triều báo. Thái tử nước Ngô là Câu trốn đến Mân Việt. Ngô, Sở phản, cả bảy ba tháng, đều bị phá diệt, vì thế chư tướng mới cho rằng mưu của Thái úy là đúng, nhưng Lương vương từ đấy cùng Thái úy thành hiềm khích.

Lúc ba vị Vương vây khốn Lâm Truy, Tề vương sai Lộ Trung đại phu báo lên với Thiên tử. Thiên tử lại lệnh cho Lộ Trung đại phu quay về báo tin, bảo Tề vương hãy giữ vững, nói "nay binh Hán sắp phá quân Ngô, Sở rồi." Lộ Trung đại phu về đến nơi, binh ba nước vây Lâm Truy kín mấy vòng, không vào thành được. Tướng của ba nước cùng Lộ Trung đại phu thề minh, nói:

- Mày hãy nói ngược lại rằng: "Nhà Hán đã bị phá rồi, nước Tề hãy mau hàng ba nước, không hàng, sẽ bị giết sạch."

Lộ Trung đại phu hứa xong, đến dưới thành, trông xa thấy Tề vương, nói:

- Nhà Hán đã phát trăm vạn binh, sai Thái úy Á Phu đánh phá Ngô, Sở, đang dẫn binh đến cứu nước Tề; nước Tề nhất định phải giữ vững không hàng!

Tướng của ba nước giết Lộ Trung đại phu.

Ban đầu nước Tề bị vây gấp, ngầm cùng ba nước thông mưu, ước hẹn chưa định; đúng lúc Lộ Trung đại phu từ Hán triều về, đại thần của Tề vương bèn lại khuyên Vương không hàng ba nước. Lúc binh của bốn tướng nhà Hán là Loạn Bố, Bình Dương hầu đến Tề, đánh phá quân ba nước. Sau khi giải vây, nghe nói Tề vương ban đầu cùng ba nước thông mưu, muốn đem binh đánh Tề. Tề Hiếu vương sợ, uống thuốc độc tự sát.

Giao Đông vương, Giao Tây vương, Truy Xuyên vương đều dẫn binh quay về nước. Giao Tây vương đi chân không, ngồi chiếu rom, uống nước lã tạ lỗi với Thái hậu.

Thái tử của Vương là Đức nói:

- Binh Hán quay về, thần quan sát họ, thấy đã mỏi mệt, nên tập kích họ, thần xin được thu binh tàn của Vương đánh họ! Nếu không thắng thì trốn ra biển, chưa muộn vậy.

Giao Tây vương nói:

- Sĩ tốt của ta đều đã tan ló, chẳng thể dùng được.

Cung Cao hầu Hàn Đồi Dương gửi thư cho Giao Tây vương nói:

"Phụng chiếu giết kẻ bất nghĩa, ai hàng thì được xá tội, khôi phục tước cũ; ai không hàng thì bị đánh diệt. Vương chọn cách nào? Ta đợi để hành sự."

Giao Tây vương cời trần khấu đầu, đến vách lũy quân Hán yết kiến nói:

- Thần là Ngang phụng phép không cẩn thận, trăm họ kinh hãi, khiến tướng quân khổ sở đường xa đi đến cái nước cùng khốn, xin chịu phạt tội muối thịt làm mắm!

Cung Cao hầu cầm dùi trống vàng ra gặp Vương nói:

- Vương khổ vì việc quân, ta xin được nghe thực trạng việc Vương phát binh.

Giao Tây vương rạp đầu lết gối, đáp rằng:

- Đang lúc Triều Thổ được Thiên tử dùng làm đại thần chấp chính, thay đổi pháp lệnh của Cao hoàng đế, xâm đoạt đất đai của chư hầu. Bọn Ngang cho rằng thế là bất nghĩa, sợ hấn làm bại loạn thiên hạ, cho nên bảy nước phát binh tru diệt Thổ. Nay nghe nói Thổ đã bị tru diệt, bọn Ngang kính cẩn bãi binh quay về nước.

Đồi Dương nói:

- Nếu Vương cho rằng Thổ làm việc bất thiện, vì sao không đem việc báo lên? Lúc chưa có chiếu lệnh, hồ phù, thiện tiện phát binh đánh nước phong là nghĩa chăng? Lấy đấy mà xét, ý đồ hấn không chỉ là giết Thổ vậy.

Bèn đưa chiếu thư ra, cho Giao Tây vương đọc, nói:

- Vương hãy tự tính đi!

Giao Tây vương nói:

- Như bọn Ngang này chết còn dư tội!

Bèn tự sát, Thái hậu, Thái tử đều chết. Giao Đông vương, Truy Xuyên vương, Tế Nam vương đều bị giết cả.

Binh của Lịch tướng quân đến nước Triệu, Triệu vương dẫn binh quay về thành Hàm Đan thủ giữ. Lịch Ký đánh thành, bảy tháng không hạ được. Hung Nô nghe tin Ngô, Sở bại, cũng không chịu vào biên cảnh. Loan Bố phá Tề quay về, hợp binh với Lịch Ký dẫn nước rút vào thành nước Triệu; thành sụt lở, Triệu vương Toại tự sát.

Để cho rằng nước Tề ban đầu giữ lòng thiện, vì bị bức bách mới dự mưu, không phải là tội của Tề vương, liền triệu lập Thái tử của Tề Hiếu vương là Thọ, đẩy là Tề Ý vương.

Tế Bắc vương cũng muốn tự sát, để may ra bảo toàn được vợ con mình. Người nước Tề là Công Tôn Quắc bảo Tế Bắc vương rằng:

- Thần xin thừ vì đại vương nói rõ với Lương vương, thông qua Lương vương gửi ý lên Thiên tử, nếu lời nói chẳng được dùng, chết chưa muộn vậy.

Công Tôn Quắc bèn gặp Lương vương nói:

- Xét ra đất Tế Bắc, phía đông tiếp giáp với nước Tề mạnh, phía nam bị co kéo bởi nước Ngô, nước Việt, phía bắc bị uy hiếp bởi hai nước Yên, Triệu. Đây là cái nước bốn chia năm xẻ, quyền biến thì chẳng đủ để tự giữ, cứng rắn thì chẳng đủ để ngăn chặn, lại thêm không có phương kế kỳ lạ để chống nạn; dẫu mắc lỗi theo về nước Ngô, đây không phải là kế chính thức vậy. Ví như Tế Bắc vương biểu lộ rõ tình thực, chẳng theo điều kiện của Ngô vương, thì Ngô tất bỏ qua nước Tề trước, chiếm hết nước Tế Bắc, chiêu dụ nước Yên, nước Triệu mà tổng lĩnh họ, như thế Sơn Đông hợp tung kết thành một mà không có khe hở rồi. Đang lúc Ngô vương liên binh chư hầu, xưa bộ chúng chưa qua huấn luyện, sang tây cùng Thiên tử tranh giành thiên

hạ; chỉ có nước Tế Bắc giữ tiết không hàng, khiến Ngô vương mất liên kết mà không có viện trợ, trong thời gian rất ngắn đơn độc tiến binh, ngôi tan đất lở, vỡ bại mà không ngăn nổi, chưa hẳn đã không phải là sức của Tế Bắc vương vậy. Xét ra, lấy cái nước Tế Bắc mòn mọn mà cùng chư hầu tranh cường, đấy là đem cái yếu của bò dê mà đối địch với hổ lang hung hãn vậy. Giữ chức phận không uốn gối, có thể gọi là một dạ trung thành rồi. Công nghĩa như thế, còn bị chúa thượng nghi ngờ, duy chỉ biết so vai cúi đầu, bó chân rút cổ, sinh lòng hối hận, không dám tiến lên theo về với Hán, thì đấy không phải là cái lợi cho xã tắc vậy. Thần sợ rằng phiên thần tận chức sẽ vì việc này mà lo nghĩ! Thần trộm tính liệu, người có thể qua núi Tây, đến thẳng Trường Lạc, tới cung Vị Ương, ở trước mặt Thái hậu gõ ống áo nói bàn chính nghĩa, chỉ có đại vương thôi; trên thì có cái công bảo toàn nước vong, dưới thì có cái tiếng yên định trăm họ, công đức của đại vương sẽ khắc vào xương tủy, ân huệ truyền đến vô cùng, mong đại vương lưu ý xét kỹ việc này!

Lương Hiếu vương rất vui thích, phái người ruổi ngựa đem việc tấu báo lên triều đình; vì thế Tế Bắc vương không bị bắt tội, đổi phong đến Truy Xuyên.

8. Thái phó của Hà Gian vương là Vệ Oản đánh Ngô, Sở có công, được bái làm Trung úy. Oản từng lấy thân phận Trung lang tướng thờ phụng Văn đế, thuần hậu cẩn thận, không có sở trường đặc biệt gì. Lúc chúa thượng làm Thái tử, triệu tả hữu của Văn đế uống rượu, mà Oản xưng bệnh không đi. Văn đế sắp băng, dặn bảo chúa thượng rằng: "Oản là bậc trưởng giả, hãy khéo đãi ngộ ông ấy!" Vì thế chúa thượng cũng sùng ái tín nhiệm Oản.

9. Mùa hạ, tháng sáu, ngày Ất Hợi, Đế hạ chiếu rằng:

"Quan dân bị bọn Ngô vương Ty lừa dối mê lầm đáng bị tội cùng những kẻ tông quân mà bỏ trốn, đều được xá tội."

Để muốn lấy Lưu Đức, tức con của em trai Ngô vương là Ai hầu Quảng, kế tục nước Ngô, lấy con của Sở Nguyên vương là Lễ kế tục nước Sở. Đâu thái hậu nói:

- Ngô vương, là người già vậy, đáng phải làm tấm gương tốt cho tông thất; nay lại cầm đầu bảy nước làm rối loạn thiên hạ, sao lại cho hậu duệ của hắn được kế nối?

Bèn không đồng ý lập Ngô vương, chỉ đồng ý lập Sở vương.

Ngày Ất Hợi, Đế đổi phong Hoài Dương vương Lưu Dư làm Lỗ vương; Nhữ Nam vương Lưu Phi làm Giang Đô vương, làm vua ở đất Ngô cũ; lập Tông chính Lưu Lễ làm Sở vương; lập Hoàng tử Lưu Đao làm Giao Tây vương, Hoàng tử Lưu Thắng làm Trung Sơn vương.

Năm Tiễn Nguyên thứ tư (Mậu Tý – TCN 153)

1. Mùa xuân, đặt lại quan ải, dùng phù tiết đưa tin ra vào.⁽¹⁾
2. Mùa hạ, tháng tư, ngày Kỷ Ty, lập con là Lưu Vinh làm Hoàng thái tử, Lưu Triệt làm Giao Đông vương.
3. Tháng sáu, đại xá thiên hạ.
4. Mùa thu, tháng bảy, Lâm Giang vương Lưu Yên hoẵng.
5. Mùa đông, tháng mười, ngày Mậu Tuất, là ngày hội, có nhậ thực.
6. Khi trước, bảy nước Ngô, Sở làm phản, sứ giả nước Ngô đến Hoài Nam, Hoài Nam vương muốn phát binh hưởng ứng Ngô vương. Tướng quốc nước ấy nói:

- Vương nhất định muốn hưởng ứng Ngô vương, thần tình nguyện làm tướng lĩnh.

¹ Năm Tiễn Nguyên thứ 12 đời Hán Văn đế có lệnh bỏ việc dùng phù tín soát xét người qua quan ải, nay vì mới dẹp yên được động loạn, đặt lại lệnh này.

Hoài Nam vương bèn đem quân úy thác cho. Tướng quốc đã nắm được binh quyền, liền giữ thành, không nghe lệnh vua mà giúp nhà Hán, Hán triều cũng sai Khúc Thành hầu lĩnh binh cứu nước Hoài Nam, vì thế Hoài Nam vương được bảo toàn.

Sứ giả của nước Ngô đến Lư Giang, Lư Giang vương không hưởng ứng, mà thông sứ qua lại với nước Việt. Sứ nước Ngô đến Hành Sơn, Hành Sơn vương giữ vững, không có ý hai lòng. Lúc Ngô, Sở bị phá, Hành Sơn vương vào châu. Chúa thượng cho là Hành Sơn vương trung trinh giữ tín, ủy lạo cái công khó nhọc, nói: "Phương nam địa thế thấp." Bèn chuyển phong Hành Sơn vương làm Tế Bắc vương để khen thưởng công lao. Lư Giang vương vì biên giới giáp nước Việt, nhiều lần sai sứ giả giao kết với nhau, Đế bèn đổi phong Lư Giang vương làm Hành Sơn vương, làm vua ở phía bắc sông Giang.

Năm Tiễn Nguyên thứ năm (Kỷ Sửu – TCN 152)

1. Mùa xuân, tháng giêng, lập ấp Dương Lăng. Mùa hạ, mộ dân dời đến Dương Lăng, ban cho hai mươi vạn tiền.
2. Đế sai đưa công chúa đến gả cho Thiên vu Hung Nô.
3. Đổi phong Quảng Xuyên vương Lưu Bành Tổ làm Triệu vương.
4. Tế Bắc Trình vương Lưu Bột hoảng.

Năm Tiễn Nguyên thứ sáu (Canh Dần – TCN 151)

1. Mùa đông, tháng mười hai, trời nổi sấm sét, có mưa dầm.
2. Lúc trước, chúa thượng làm Thái tử, Bạc thái hậu đem người con gái trong họ Bạc gả cho Thái tử làm Phi; lúc Đế tức vị, Bạc thị thành Hoàng hậu, nhưng không được sủng ái. Mùa thu, tháng chín, Hoàng hậu họ Bạc bị phế.

3. Sở Văn vương Lưu Lễ hoảng.

4. Khi trước Yên vương Tang Đồ có người cháu gái tên là Tang Nhi, gả cho người ở Hòe Lý là Vương Trọng, sinh được con trai là Tín và hai con gái thì Vương Trọng chết; Tang Nhi tái giá lấy người họ Điền ở Trường Lăng, sinh hai con trai là Phấn và Thắng. Thời Văn đế, con gái lớn của Tang Nhi được gả cho Kim Vương Tôn, sinh con gái là Kim Tục. Tang Nhi xem bói cho con gái, thầy bói nói:

- Hai nữ nhân này đều ứng mệnh tôn quý.

Tang Nhi bèn đoạt lấy con gái từ nhà họ Kim về, Kim thị tức giận, không chịu cắt đứt; Tang Nhi liền đem con gái vào trong cung hầu Thái tử, sinh con trai là Triệt. Lúc Vương phu nhân có mang Triệt, mơ thấy mặt trời chui vào trong bụng.

Lúc Đế tức vị, con trưởng là Vinh làm Thái tử; mẹ của Thái tử là Lật Cơ, người nước Tề. Trưởng công chúa Lưu Phiêu muốn đem con gái mình gả cho Thái tử, Lật Cơ nhân vì các mỹ nhân ở hậu cung đều do Trưởng công chúa tiến cử lên cho Đế, nên nổi giận không đồng ý; Trưởng công chúa lại muốn đem con gái mình gả cho con trai của Vương phu nhân là Lưu Triệt, Vương phu nhân đồng ý. Bởi thế Trưởng công chúa hàng ngày gièm chê Lật Cơ, lại khen ngợi đức tốt của Vương phu nhân; Đế cũng tự hiểu cái hiền của Vương phu nhân, thêm nữa có cái điềm mặt trời chui vào bụng lúc trước, nhưng với việc đổi lập Thái tử còn chưa quyết định. Vương phu nhân biết Đế hận Lật Cơ, nhân lúc con giận của Đế chưa tan, ngầm sai người xúi Đại hành⁽¹⁾ xin lập Lật Cơ làm Hoàng hậu. Đế giận nói:

- Đây là lời mà người nên nói chẳng?

Bèn xét tội giết Đại hành.

¹ Đại hành (大行), là chức quan, coi giữ việc đón tiếp các chư hầu, sau này đổi thành chức Đại hành lệnh, đến năm Thái Sơ nguyên niên đời Hán Vũ đế đổi chức này thành Đại hồng lư.

Năm Tiễn Nguyên thứ bảy (Tân Mão – TCN 150)

1. Mùa đông, tháng mười một, ngày Kỷ Dậu, phế Thái tử Vinh làm Lâm Giang vương. Thái phó của Thái tử là Đậu Anh ra sức khuyên can không được, bèn mượn cớ có bệnh xin nghỉ chức. Lật Cơ phẫn hận mà chết.

2. Ngày Canh Dần là ngày hội, có nhật thực.

3. Tháng hai, Thừa tướng Đào Thanh bị bãi chức. Ngày Ất Tỵ, lấy Thái úy Chu Á Phu làm Thừa tướng. Bãi bỏ chức quan Thái úy.

4. Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Tỵ, lập Hoàng hậu Vương thị.

5. Ngày Đinh Tỵ, lập Giao Đông vương Lưu Triệt làm Hoàng thái tử.

6. Năm ấy, lấy Thái phó Lưu Xá làm Ngự sử đại phu, Thái thú Tế Nam là Chất Đô làm Trung úy.

Ban đầu, Đô làm Trung lang tướng, dám can gián thẳng. Đô từng có lần theo Đế vào vườn Thượng lâm, bấy giờ Giả Cơ⁽¹⁾ đi nhà xí, có con lợn rừng thốt nhiên xông vào nhà xí. Chúa thượng liếc nhìn Đô, Đô không chịu bước; chúa thượng muốn tự cầm binh khí đến cứu Giả Cơ. Đô phục xuống trước mặt Đế nói:

- Nếu mất một người thiếp, lại có một người thiếp khác được dâng vào cung, thiên hạ thiếu gì người, há chỉ có một Giả Cơ sao? Bệ hạ hấp tấp coi rẻ thân mình, thì tông miếu thế nào? Thái hậu sẽ ra sao?

Chúa thượng bèn lui về, con lợn rừng cũng bỏ đi. Thái hậu nghe chuyện đó, thương cho Đô trăm cân vàng, từ đấy xem trọng Đô.

Đô là người dũng mãnh, có sức khỏe, công bằng liêm khiết, không viết thư riêng, không nhận quà biếu của người khác, người đến thỉnh xin riêng không nghe. Lúc làm Trung úy, đề

¹ Giả Cơ (贾姬), tức Giả phu nhân, vợ của Hán Cảnh đế.

xướng tác phong nghiêm khắc khốc bạo, thi hành pháp luật không né tránh quý thích; Liệt hầu và người trong tông thất gặp Đô, chỉ liếc mắt mà nhìn, gọi Đô là "Thương ung"⁽¹⁾.

Năm Trung Nguyên nguyên niên (Nhâm Thìn – TCN 149)

1. Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Ty, đại xá thiên hạ.
2. Động đất, vùng Nguyên Đô của nước Hành Sơn có mưa đá, viên đá lớn một thước tám tấc.

Năm Trung Nguyên thứ hai (Quý Ty – TCN 148)

1. Mùa xuân, tháng hai, người Hung Nô xâm nhập nước Yên.
2. Tháng ba, Lâm Giang vương Lưu Vinh vì dựng cung thất xâm phạm tường bao của miếu Thái tông mắc tội,⁽²⁾ bị triệu đến phủ Trung úy thẩm vấn. Lâm Giang vương xin đao bút để viết thư tạ lỗi với chúa thượng, nhưng Trung úy Chất Đô cấm quan lại không được đưa; Ngụy Kỳ hầu⁽³⁾ sai người ngầm đem đao bút cho Lâm Giang vương. Lâm Giang vương viết thư tạ lỗi với chúa thượng xong, liền tự sát. Đậu thái hậu nghe tin, tức giận; về sau ban tội danh rất nặng giết Chất Đô.
3. Mùa hạ, tháng tư, có sao chổi xuất hiện ở phía tây bắc.
4. Đế lập Hoàng tử Lưu Việt làm Quảng Xuyên vương, Lưu Ký làm Giao Đông vương.
5. Mùa thu, tháng chín, ngày Giáp Tuất là ngày hội, có nhật thực.

¹ Thương ung (苍鹰), là tên một loài chim dữ tợn.

² Hán Cảnh đế mới tức vị, theo lời tâu của Thừa tướng Thân Đồ Gia, ban lệnh cho các quận quốc trong thiên hạ đều lập miếu thờ Thái tổ và Thái tông, nước của Lâm Giang vương cũng có miếu thờ. Vì Lâm Giang vương mới đến nước phong, bèn sửa dựng cung thất, phạm vào khu vực vườn miếu nên đắc tội.

³ Tức Đậu Anh. Ngụy Kỳ hầu là tước hiệu.

6. Khi trước, Lương Hiếu vương đã là chí thân lại có công,⁽¹⁾ được ban cờ tinh của Thiên tử, lúc đi lại có nghìn cỗ xe theo, ra có quân cấm đường, vào có quân cảnh vệ. Lương vương sủng tín bọn Dương Thắng, Công Tôn Quý, dùng Quý làm Trung úy. Thắng và Quý lăm tà kế lạ, muốn xúi giục Vương xin làm người kế vị nhà Hán. Đến lúc Lật thái tử⁽²⁾ bị phế, Thái hậu muốn lấy Lương vương làm người kế tự, từng nhân lúc bày tiệc rượu bảo Đế rằng:

- Bệ hạ ngồi đại giá xe êm, nên cho Lương vương ngồi cạnh.

Đế quỳ dài trên chiếu vươn mình nói: "Dạ." Bãi tiệc, Đế đem việc hỏi các đại thần, bọn đại thần Viên Áng nói:

- Không nên. Xưa kia Tống Tuyên công không lập con mà lập em, vì thế nảy sinh họa loạn, năm đời không dứt.⁽³⁾ Cái nhỏ chẳng nhẫn, sẽ hại đại nghĩa, cho nên *Kinh Xuân Thu* xem việc kính giữ chính đạo là quý.

Vì thế lời bàn của Thái hậu bị gác lại, sau đó không nói đến nữa. Lương vương lại có lần dâng thư nói: "Mong chúa thượng ban cho thần chỗ đất vừa đủ cho xe đi qua, thẳng đường đến cung Trường Lạc, thần sẽ tự sai sĩ chúng nước Lương đắp đường để tùy thời đến triều kiến Thái hậu." Bọn Viên Áng đều kiến nghị cho rằng không được.

Lương vương bởi thế oán Viên Áng và các đại thần tham gia nghị luận, bèn cùng Dương Thắng, Công Tôn Quý bàn mưu, ngầm sai người đâm chết Viên Áng và hơn chục đại thần khác tham dự nghị luận. Vì không bắt được thích khách, Đế liệu tính

¹ Lương vương là em cùng mẹ với Cảnh đế, có công dẹp loạn Ngô, Sở.

² Thái tử Lưu Vinh là con của Lật Cơ, nên gọi là Lật thái tử.

³ Thôi Xuân Thu, vua nước Tống là Tương công ốm nặng, nhường ngôi cho em mình là Tử Hòa, không lập con là Tử Di. Tử Hòa lên ngôi, là Tống Mục công. Mục công ốm, lại nhường ngôi cho cháu là Dữ Di, không lập con là Công tử Phùng, Dữ Di lên ngôi, là Tống Thương công. Về sau, Công tử Phùng tranh nước với Thương công, nước Tống loạn mấy đời.

đoán nước Lương có liên quan; đuổi bắt giặc, quả nhiên do người nước Lương làm. Chúa thượng phái Điền Thúc, Lã Quý Chủ qua nước Lương tra xét án, bắt Công Tôn Quý và Dương Thắng; Quý và Thắng trốn náu ở hậu cung của Vương. Sứ giả trước sau hơn chục bọn đến nước Lương, trách hỏi các quan Nhị thiên thạch rất gắt. Quan viên nước Lương từ Tướng quốc Hiên Khâu Báo và Nội sử Hàn An Quốc trở xuống nghiêng nước truy xét, hơn tháng vẫn không bắt được thủ phạm. An Quốc nghe nói Quý, Thắng trốn ở chỗ Lương vương, bèn vào gặp Vương rồi khóc nói:

- Chủ nhục thì bầy tôi phải chết. Đại vương không có bầy tôi giỏi, cho nên mới huyên náo đến như thế. Nay vì không bắt nổi Thắng và Quý, thần xin quyết biệt, mong được ban tội chết!

Lương vương nói:

- Sao đến nỗi thế!

An Quốc khóc không thành tiếng, lệ rơi mấy hàng, nói:

- Đại vương tự liệu tình thân của chúa thượng với Vương, so với tình thân của chúa thượng với Lâm Giang vương, bên nào hơn?

Vương nói:

- Ta chẳng bằng được.

An Quốc nói:

- Lâm Giang vương là con đích trưởng của hoàng thượng, là Thái tử, vì một câu nói lỗi, bị phế làm Lâm Giang vương; vì việc phạm vườn miếu, rút cục phải tự sát ở phủ Trung úy. Vì sao thế? Người trị lý thiên hạ rút cục chẳng thể vì tư tình để nhiều loạn phép công. Nay đại vương thứ bậc là chư hầu, lại chọn dùng lời xằng của tà thần, phạm phép cấm của chúa thượng, phá loạn sự tôn nghiêm của pháp luật. Thiên tử vì Thái hậu thương mến đại vương, chẳng nỡ theo quốc pháp xử trí đại vương; Thái hậu ngày đêm khóc lóc, hy vọng đại vương tự sửa

đối, đại vương lại nhất định không giác ngộ. Ví như một mai Thái hậu lừa đời, đại vương còn có ai để vin dựa nữa?

Nói chưa xong, Lương vương khóc nước mắt giàn giụa, tạ An Quốc rằng:

- Nay ta giao nộp Thắng và Quý.

Vương bèn lệnh cho Thắng và Quý đều tự sát, giao thi thể bọn họ ra. Chúa thượng từ đấy oán hận Lương vương.

Lương vương sợ, sai Trâu Dương về Trường An, gặp anh của Hoàng hậu là Vương Tín, thuyết rằng:

- Em gái ngài được chúa thượng sủng ái, người ở hậu cung chẳng ai sánh kịp, mà hành vi lúc trước của ngài đa phần không theo đạo lý. Nay nếu việc của Viên Áng bị truy cứu đến cùng, Lương vương theo phép bị giết, con giận của Thái hậu không chỗ phát tiết, nổi thống hận nghiêng rặng trọn mắt sẽ hướng đến quý thân, ta trộm vì tức hạ mà lo lắng.

Vương Tín nói:

- Phải làm thế nào?

Trâu Dương nói:

- Nếu ngài có thể bí mật khuyên chúa thượng, khiến việc của Lương vương không bị truy xét; ngài chắc chắn tự kết thân được với Thái hậu, sự cảm kích của Thái hậu đối với ân đức của ngài sẽ khắc vào xương tủy, mà em gái ngài được cả hai cung⁽¹⁾ sủng hạnh, địa vị có cái vững chắc của thành vàng vậy. Xưa kia em của vua Thuấn là Tạng, hàng ngày muốn giết Thuấn, lúc Thuấn làm Thiên tử, phong cho Tạng đất Hữu Ty.⁽²⁾ Xem ra, người nhân đối với anh em của mình, không giấu giận, không

¹ Lưỡng cung, tức là Thái hậu và Đế vậy.

² Vua Thuấn, là con của Cổ Tâu, mẹ Thuấn chết sớm, Cổ Tâu lấy vợ khác, sinh con là Tạng. Mẹ kế và Tạng ghét Thuấn, đối xử rất tệ bạc, nhiều lần hãm hại. Sau này Thuấn lên ngôi, không nhớ lỗi của họ, vẫn phong cho Tạng đất Hữu Ty.

giữ oán, chỉ có tình thân ái nồng hậu thôi. Vì thế đời sau khen ngợi vua Thuấn. Ngài dùng lời ấy khuyên Thiên tử, may ra việc của Lương vương không bị cử tấu.

Vương Tín nói: "Vâng." Bèn lựa cơ hội vào tấu lời ấy, con giận của Đế mới dần dần được hóa giải.

Bấy giờ, Thái hậu lo lắng về việc của Lương vương, bỏ ăn, đêm ngày khóc lóc không thôi, Đế cũng rất lo lắng. Đúng lúc bọn Điền Thúc tra xét việc của Lương vương quay về, đến nhà nuôi ngựa ở Bá Xương, đốt sạch các bút lục khẩu cung lấy được ở nước Lương, tay không đến gặp Đế. Đế hỏi:

- Lương vương có tội chăng?

Thúc đáp rằng:

- Tội chết! Có tội chứng.

Chúa thượng hỏi:

- Tội chứng xem ở đâu?

Điền Thúc nói:

- Chúa thượng đừng hỏi về tội chứng của Lương vương vậy!

Chúa thượng hỏi:

- Vì sao?

Thúc đáp:

- Nay Lương vương không bị giết, thì pháp luật của nhà Hán chẳng được thi hành; theo phép giết Lương vương thì Thái hậu ăn chẳng ngon miệng, ngủ chẳng yên giấc, đây là mối lo lắng của Bệ hạ vậy.

Chúa thượng rất tán thành lời ấy, sai bọn Thúc yết kiến Thái hậu, lại nói rằng:

- Lương vương không biết sự tình vậy; gây ra việc đó, chỉ ở bọn bày tôi sung hạnh là Dương Thắng và Công Tôn Quý thôi, bọn ấy đã bị giết theo quốc pháp, Lương vương không việc gì.

Thái hậu nghe nói, lập tức ngồi dậy ăn cơm, tâm ý bình phục lại. Lương vương nhân cơ hội đó dâng thư xin về châu. Đã đến cửa quan, Mao Lan khuyên Vương ngồi xe thường, đem theo hai quân kỵ vào quan ải, nấu mình trong vườn của Trưởng công chúa. Hán triều sai sứ giả nghênh đón Vương, Vương đã vào quan ải, xe ngựa đi theo đều ở ngoài, không ai biết Lương vương ở đâu. Thái hậu khóc nói:

- Để quả nhiên giết con ta!

Để lo sợ. Bấy giờ Lương vương nép mình dưới cửa khuyết, đeo hình cụ tạ tội. Thái hậu và Đế cả mừng, ba người cùng khóc với nhau, lại quay về như cũ, triệu hết quan viên của Lương vương đi theo vào trong quan ải. Nhưng Đế ngày một xa lánh Lương vương, không cùng ngồi chung xe kiệu nữa. Đế cho rằng Điền Thúc là người hiền, cất nhắc làm Tướng quốc nước Lỗ.

Năm Trung Nguyên thứ ba (Giáp Ngọ – TCN 147)

1. Mùa đông, tháng mười một, bãi bỏ chức quan Ngự sử đại phu của nước chư hầu.
2. Tháng ba, ngày Đinh Ty, Đế lập Hoàng tử Lưu Thừa làm Thanh Hà vương.
3. Mùa hạ, tháng tư, có động đất.
4. Trong nước bị hạn hán, triều đình ban lệnh cấm bán rượu.
5. Mùa thu, tháng chín, có nạn hoàng trùng.
6. Sao chổi xuất hiện ở phía tây bắc.
7. Ngày Mậu Tuất là ngày hội, có nhật thực.
8. Khi trước, lúc chúa thượng phế Lật thái tử, Chu Á Phu cố can ngăn, không được; chúa thượng từ đấy xa lánh Á Phu. Rồi Lương Hiếu vương mỗi lần đến triều kiến, thường cùng Thái hậu nói chỗ sở đoản của Điều hầu. Đậu thái hậu nói:
- Anh của Hoàng hậu là Vương Tín nên phong tước hầu vậy.

Đế nhún nhường nói:

- Khi trước, tiên đế không phong hầu cho Nam Bì và Chương Vũ,⁽¹⁾ lúc thần tức vị mới phong tước hầu cho họ; Tín chưa được phong vậy.

Đậu thái hậu nói:

- Người ta sống ở đời nên tùy theo tình huống mà làm thôi. Lúc Đậu Trường Quân còn tại thế, rút cục chẳng được phong hầu, sau khi Trường Quân chết, con của y là Bành Tổ mới được phong hầu, ta rất hận việc đó! Đế hãy mau chóng phong tước hầu cho Tín đi.

Đế nói:

- Xin được cùng Thừa tướng nghị bàn việc này.

Chúa thượng cùng Thừa tướng nghị bàn. Á Phu nói:

- Cao hoàng đế ước định: "Không phải người họ Lưu không được phong Vương, không có công không được tước Hầu". Nay Tín đâu là anh của Hoàng hậu, nhưng không có công gì, phong tước hầu cho ông ấy, là trái ước vậy.

Đế lặng yên rồi dừng việc đó. Sau đấy các vương Hung Nô là bọn Từ Lô cả thầy sáu người đến hàng, Đế muốn phong tước hầu cho họ để khuyến khích người sau. Thừa tướng Á Phu nói:

- Bọn họ phản chủ của mình hàng Bệ hạ, Bệ hạ ban tước hầu cho họ, thì lấy gì để trách kẻ nhân thần không tận tiết đây?

Đế nói:

- Lời bàn của Thừa tướng không nên chọn dùng.

Bèn phong hết thầy bọn Từ Lô làm Liệt hầu. Á Phu vì thế tạ rằng có bệnh. Tháng chín, ngày Mậu Tuất, Á Phu bị bãi chức; Đế lấy Ngự sử đại phu Đào hầu Lưu Xá làm Thừa tướng.

¹ Tức Nam Bì hầu Đậu Bành Tổ, con của em trai Đậu thái hậu Đậu Trường Quân và Chương Vũ hầu Đậu Quảng Quốc, em của Đậu thái hậu.

Năm Trung Nguyên thứ tư (Ất Mùi – TCN 146)

1. Mùa hạ, có nạn hoàng trùng.
2. Mùa đông, tháng mười, ngày Mậu Ngọ, có nhật thực.

Năm Trung Nguyên thứ năm (Bính Thân – TCN 145)

1. Đế lập hoàng tử Lưu Thuấn làm Thường Sơn vương.
2. Tháng sáu, ngày Đinh Ty, đại xá thiên hạ.
3. Có nạn thủy tai.
4. Mùa thu, tháng tám, ngày Kỷ Dậu, cửa khuyết phía đông cung Vị Ương bị hỏa tai.
5. Tháng chín, Đế hạ chiếu rằng:

"Các án ngục đáng ngờ, nếu căn cứ điều văn theo pháp luật có thể định thành trọng tội nhưng khiến nhân tâm bất phục, phải lập tức bình xét lại."

6. Trong nước có động đất.

Năm Trung Nguyên thứ sáu (Đinh Dậu – TCN 144)

1. Mùa đông, tháng mười, Lương vương đến triều kiến, dâng sớ xin lưu lại Trường An;⁽¹⁾ chúa thượng không đồng ý. Lương vương quay về nước phong, trong lòng uất ức không vui.

2. Tháng mười một, chúa thượng đổi tên các chức quan Đình úy, Tương tác.⁽²⁾

¹ Bấy giờ, pháp chế nhà Hán quy định Vương chư hầu về kinh sư châu gập, chỉ được lưu lại hai mươi ngày.

² Bấy giờ đổi Đình úy thành Đại lý, Tương tác thiếu phủ thành Tương tác đại tượng, Phụng thường thành Thái thường, Diên khách thành Đại hành lệnh, Trường Tín chiêm sự thành Trường Tín thiếu phủ, Tương hành thành Đại trường thu, Chủ tước trung úy thành Đô úy.

3. Mùa xuân, tháng hai, ngày Ất Mão, chúa thượng đến đất Ung, tế giao ở Ngũ chỉ⁽¹⁾.

4. Tháng ba, có mưa tuyết.

5. Mùa hạ, tháng tư, Lương Hiếu vương hoảng. Đậu thái hậu nghe tin, khóc lóc rất bi thương, bỏ ăn, nói:

- Để quả nhiên giết con ta!

Để vừa bi thương vừa sợ hãi, không biết phải làm sao, cùng Trưởng công chúa thương nghị, bèn chia nước Lương thành năm nước, lập hết năm con trai của Lương Hiếu vương làm Vương: Lưu Mãi làm Lương vương, Lưu Minh làm Tế Xuyên vương, Lưu Bành Ly làm Tế Đông vương, Lưu Định làm Sơn Dương vương, Lưu Bất Thức làm Tế Âm vương; năm con gái của Lương Hiếu vương đều hưởng ấp thang mộc. Để tấu lên Thái hậu, Thái hậu mới hài lòng, vì Đế ăn một bữa.

Lúc Hiếu vương chưa chết, của cải tính kể vạn, lúc chết, trong phủ kho nước Lương còn hơn bốn vạn cân vàng, các tài vật khác cũng tương xứng.

6. Sau khi chúa thượng quy định giảm số đòn roi với người phạm tội,⁽²⁾ người bị đánh roi vẫn không toàn mạng; Đế lần nữa giảm đòn roi từ ba trăm roi xuống hai trăm roi, từ hai trăm roi xuống một trăm roi. Lại định ra Chùy lệnh⁽³⁾: Chùy dài năm thước, gốc chùy đường kính một tấc, làm bằng trúc; ngọn chùy mảnh nửa tấc, các đốt chùy đều phẳng. Lúc đánh roi thì chỉ đánh vào hông; một người chịu tội xong, mới đổi sang đánh người khác. Từ đấy trở đi, người bị đánh roi bảo toàn được mạng sống.

¹ Ngũ chỉ (五時), là nơi tế tự Thiên đế thời Tần, Hán. Theo *Sử ký chính nghĩa* do Trương Thủ Tiết chú, bao gồm: Đàn Phu (鄜), do Tần Văn công lập, tế Bạch đế; đàn Mật (密), do Tần Tuyên công lập để tế Thanh đế; hai đàn Ngô Dương (吳陽) thượng và hạ, do Tần Linh công lập để tế Xích đế, Hoàng đế; đàn Bắc (北), do Hán Cao tổ lập, để tế Hắc đế.

² Quy định này nói ở Hán ký quyển thứ bảy, sự kiện năm Tiền Nguyên nguyên niên.

³ Chùy, là roi gậy dùng để đánh đòn, Chùy lệnh, tức là lệnh đánh bằng roi gậy.

Nhưng như thế, tội chết rất nặng mà tội sống lại nhẹ, dân dễ phạm phép.

7. Tháng sáu, Hung Nô phạm cướp quận Nhạn Môn, đến huyện Vũ Tuyền, tiến vào Thượng Quận, cướp ngựa ở vườn nuôi thú tại đó; quan quân giao chiến chết mất hai nghìn người. Người quận Lũng Tây là Lý Quảng làm Thái thú Thượng Quận, có lần đem một trăm quân kỵ ra ngoài, gặp mấy nghìn quân kỵ của Hung Nô, quân Hung Nô thấy Quảng, cho là quân kỵ dụ địch, đều kinh hãi, lên núi bày trận. Trăm quân kỵ của Quảng cả sợ, muốn ruổi ngựa chạy về. Quảng nói:

- Bọn ta cách xa đại quân mấy chục dặm, nay nếu một trăm quân kỵ này bỏ chạy, Hung Nô đuổi theo bắn, bọn ta tất chết cả. Nếu ta ở lại, quân Hung Nô tất cho rằng ta vì đại quân ra dụ địch, nhất định không dám đánh bọn ta.

Quảng lệnh cho các quân kỵ rằng:

- Tiến lên!

Đến cách chỗ bày trận của Hung Nô hai dặm, bèn dừng lại, lệnh rằng:

- Tất cả đều xuống ngựa cỡi yên!

Quân kỵ của Quảng nói:

- Giặc đông lại gần, ví như có việc gấp, phải làm sao?

Quảng nói:

- Giặc rợ bên kia cho rằng bọn ta bỏ chạy; ta lệnh sai đều cỡi yên ngựa là để tỏ rõ cái ý không chạy, chúng càng tin rằng bọn ta ra dụ địch.

Vì thế quân kỵ người Hồ không dám đánh.

Có viên tướng cưỡi ngựa trắng tiến ra, coi xét quân lính của mình; Lý Quảng lên ngựa, cùng hơn chục quân kỵ xông đến, bắn chết viên tướng cưỡi ngựa trắng rồi lại quay về, đến giữa đám quân kỵ của mình, Quảng lệnh sai quân sĩ đều thả ngựa

mà năm. Bấy giờ trời sắp tối, binh lính người Hồ thấy rất quái lạ về hành vi của Quảng, không dám ra đánh. Lúc nửa đêm, quân Hồ lại cho rằng quân Hán mai phục bên cạnh, muốn nhân đêm tối đánh họ, người Hồ đều triệt binh mà lui. Hôm sau, trời sáng rõ, Lý Quảng bèn quay về chỗ đại quân của mình.

8. Mùa thu, tháng bảy, ngày Tân Hợi là ngày hội, xuất hiện nhật thực.

9. Từ sau khi Chắt Đô chết, tông thất hoàng tộc ở vùng phụ cận Trường An rất nhiều người hung hăng phạm pháp. Chúa thượng bèn triệu Đô úy Tế Nam là Ninh Thành người quận Nam Dương làm Trung úy. Phép trị của Ninh Thành học theo Chắt Đô, nhưng sự thanh liêm không theo kịp được; tuy vậy các hào kiệt địa phương và tông thất hoàng tộc người người đều sợ hãi.

10. Thành Dương Chung vương Lưu Hi hoảng.

Năm Hậu Nguyên nguyên niên (Mậu Tuất – TCN 143)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Đế hạ chiếu:

"Xét án ngục, là việc rất quan trọng vậy. Thế gian kẻ trí người ngu không giống nhau, nên quan lại trên dưới có chia biệt. Án ngục nghi ngờ thì giao lên Hữu ti; Hữu ti không quyết được, thì gửi lên Đình úy; án ngục trình lên trên xét quyết mà phát hiện việc quyết án không thỏa đáng, quan viên trình nghi án lên trên không bị trách lỗi. Đây là muốn khiến cho người thẩm xét án kiện trước hết phải xem trọng việc khoan hậu."

2. Tháng ba, đại xá thiên hạ.

3. Mùa hạ, cho thiên hạ hội họp uống rượu năm ngày, dân chúng được phép bán rượu.⁽¹⁾

¹ Năm Trung Nguyên thứ ba, đời Hán Cảnh đế, triều đình ban lệnh cấm bán rượu, nay bỏ lệnh ấy.

4. Tháng năm, ngày Bính Tuất, có động đất. Huyện Thượng Dung đất động hai mươi ngày, lở tường thành.

5. Mùa thu, tháng bảy, ngày Bính Ngọ, Thừa tướng Lưu Xá bị bãi chức.

6. Ngày Ất Tỵ là ngày hối, có nhật thực.

7. Tháng tám, ngày Nhâm Thìn, lấy Ngự sử đại phu Vệ Oản làm Thừa tướng, Vệ úy Trục Bất Nghi người quận Nam Dương làm Ngự sử đại phu.

Khi trước, Bất Nghi làm quan lang, có người ở cùng nhà trọ cáo biệt về quê, cầm nhầm vàng của một vị quan lang khác ở cùng nhà trọ rồi đi. Không lâu sau, quan lang ở cùng nhà kia phát giác bị mất vàng, nghi ngờ Trục Bất Nghi lấy; Bất Nghi tạ lỗi với người đó, mua vàng đền. Về sau, người bạn cùng phòng về quê quay lại trả vàng cho người mất, quan lang mất vàng rất xấu hổ. Bất Nghi vì thế được khen là trưởng giả, dần dần được thăng đến chức Trung đại phu. Có người ở giữa triều đình chê mĩa Bất Nghi, cho là Bất Nghi tư thông với chị dâu. Bất Nghi nghe chuyện, nói:

- Ta làm gì có anh trai.

Nhưng rút cục vẫn chẳng tự biện minh.

8. Đế ở trong cung cấm, triệu Chu Á Phu ban thưởng đồ ăn, chỉ có một khối thịt lớn, không thái, lại không đế đĩa. Á Phu trong lòng bất bình, ngoảnh lại bảo viên chủ quản yến tiệc trên chiếu mang đĩa đến. Chúa thượng nhìn Á Phu cười nói:

- Như thế chẳng lẽ còn chưa đủ với ngài sao?

Á Phu cười mỗ tạ lỗi với chúa thượng, Đế nói:

- Đứng dậy!

Á Phu liền rảo bước ra ngoài. Chúa thượng đưa mắt nhìn theo nói:

- Người này trong lòng đầy bất mãn, không thể làm bầy tôi cho chúa nhỏ vậy.

Không lâu sau, con trai của Á Phu mua cho cha năm trăm bộ giáp thuẫn ở chỗ quan Thượng phương, dùng cho việc chôn táng; đổi xử tệ bạc với người chuyển đồ, lại không trả tiền cho họ. Thọ chuyển đồ thuê biết đấy là mua trộm khí vật của huyện quan, vì oán hận bèn dâng thư cáo biến, tố cáo người con, việc liên quan vậy bắt đến Á Phu. Thư đã truyền lên, chúa thượng lệnh cho quan lại tra xét. Quan lại dùng thẻ thư trách hỏi Á Phu, Á Phu không đáp. Chúa thượng mắng họ rằng:

- Ta không cần lời cung vậy!

Liên triệu Á Phu đến chỗ Đình úy. Đình úy xét hỏi rằng:

- Quân hầu muốn phản sao?

Á Phu nói:

- Khí vật mà thần mua, đều là đồ để chôn táng vậy, sao nói là phản được?

Viên lại nói:

- Ngài nếu chẳng phản được trên trần gian, nhất định mưu phản dưới âm phủ thôi!

Quan lại bức cung Á Phu càng gấp. Lúc trước, quan lại bắt Á Phu, Á Phu muốn tự sát, phu nhân của Á Phu ngăn lại, vì thế không chết được, bị đưa đến nhà ngục Đình úy. Á Phu liền tuyệt thực năm ngày, thổ huyết mà chết.

9. Năm ấy, Tể Âm Ai vương Lưu Bất Thức hoăng.

Năm Mậu Nguyên thứ hai (Kỷ Hợi – TCN 142)

1. Mùa xuân, tháng giêng, trong một ngày đất ba lần rung chuyển.

2. Tháng ba, Hung Nô xâm nhập quận Nhạn Môn, Thái thú Phùng Kính cùng Hung Nô giao chiến, chết trận. Để phát chiến xa, kỵ binh cùng quân bộ trú ở Nhạn Môn.

3. Mùa xuân, vì năm ấy mùa màng thất thu, ban lệnh cấm các quận nội địa dùng thóc nuôi ngựa; ai vi phạm cấm lệnh, thu ngựa của họ vào phủ quan.

4. Mùa hạ, tháng tư, Đế hạ chiếu rằng:

"Điều khắc chạm trở khí vật, là hại đến việc nhà nông vậy; may đồ gấm lụa rực rỡ, là hại đến việc nữ công vậy. Nông nghiệp bị tổn hại thì thành cái gốc của việc đối, chức nghiệp⁽¹⁾ bị tổn hại thì thành căn nguyên của việc rét. Hai thứ đối rét cùng ập đến mà người ta không làm việc trái phép là điều ít có rồi. Trẫm đích thân cày ruộng, Hoàng hậu tự trồng dâu, lấy thu hoạch đó để cấp đồ cúng và may y phục tế tông miếu, làm gương cho thiên hạ; trẫm không nhận đồ tiến cống, giảm chức Thái quan, bớt thuế khóa dao dịch, muốn cho thiên hạ được chuyên tâm với việc nông tang, cốt có của cải tích trữ, để phòng bị thiên tai. Khiến cho, mạnh không hiếp yếu, đông không lấn ít; người già được hưởng hết tuổi trời, con côi nhỏ tuổi được nuôi dưỡng trưởng thành. Mùa màng năm nay không tốt, lương ăn của dân thiếu thốn, cái lỗi của việc ấy do đâu? E rằng có quan lại gian trá, ngang nhiên nhận hối lộ, bóc lột bách tính, xâm hại muôn dân. Huyện thừa là quan viên trọng yếu vậy, lại chấp pháp gian dối thì so với đạo tặc có khác gì! Nay lệnh cho các quan Nhị thiên thạch đều phải tuân theo chức trách của mình; quan viên nào không tuân chức trách, thành tích bất hảo, Thừa tướng hãy đem việc báo lên, để luận xét tội danh của kẻ đó. Hãy bố cáo thiên hạ, khiến quan dân thiên hạ rõ ý trẫm."

5. Tháng năm, Đế hạ chiếu thư quy định, người nào trong nhà có đến bốn vạn tiền thì có thể được làm quan.⁽²⁾

6. Mùa thu, trời đại hạn.

¹ Nghề dệt vải.

² Người xưa ghét cái sự tham lam của quan lại, cho rằng khi người ta có đủ cơm ăn áo mặc thì biết vinh nhục, vì thế quy định ngoài bốn mươi vạn tiền, để có chức vạn tiền thì được làm chức Lại. Nhiều kẻ sĩ thanh liêm chỉ vì không có tiền không được làm quan. Hán Cảnh đế quy định giảm xuống, cứ có bốn vạn tiền thì được làm quan. Quy định này có lẽ chỉ áp dụng với những người không có công với nước.

Năm Mậu Nguyên thứ ba (Canh Tý – TCN 141)

1. Mùa đông, tháng mười, có nhật thực và nguyệt thực, mặt trăng và mặt trời đỏ rực suốt năm ngày.

2. Tháng mười hai, ngày hối, có sấm sét; mặt trời đỏ tía; ngũ tinh đi ngược dừng lại ở chỗ sao Thái Vi;¹ mặt trăng đi xuyên qua thiên đình.

3. Mùa xuân, tháng giêng, Đế hạ chiếu rằng:

"Nghề nông, là nghiệp gốc của thiên hạ vậy. Các thứ vàng bạc, trân châu, mỹ ngọc, đối chẳng thể ăn, rét chẳng thể mặc, dùng những thứ đó làm của cải, là chẳng hiểu rõ gốc ngọn của sự việc vậy. Mùa màng gần đây thu hoạch không được tốt, có lẽ vì người theo việc ngọn đông, người làm nghề nông ít. Nay lệnh cho quan viên các quận quốc phải ra sức khuyến khích việc nông tang, gia tăng cấy trồng, như thế mới thu được nhiều cơm áo. Quan lại nếu kẻ nào điều phát dân chúng thuê họ khai thác lấy vàng bạc, trân châu, mỹ ngọc, sẽ bị xét theo tội danh trộm cắp, chiếu tang vật xử trí. Quan viên Nhị thiên thạch nếu bỏ qua chuyện ấy, sẽ xử cùng tội."

4. Ngày Giáp Dần, Hoàng thái tử cử hành lễ đội mũ.

5. Ngày Giáp Tý, Đế băng ở cung Vị Ương. Thái tử lên ngôi hoàng đế, mới mười sáu tuổi. Tôn Hoàng thái hậu làm Thái hoàng thái hậu, Hoàng hậu làm Hoàng thái hậu.

6. Tháng hai, ngày Quý Dậu, táng Hiếu Cảnh hoàng đế ở Dương lăng.

7. Tháng ba, phong em cùng mẹ của Hoàng thái hậu là Điền Phân làm Vũ An hầu, Điền Thắng làm Chu Dương hầu.

8. Ban Cốt tán rằng: Khổng tử nói: 'Dân chúng hiện nay, cũng như dân chúng của thời Tam đại vậy, biết theo con đường ngay thẳng

¹ Sao Thái Vi, là cung đình của Thiên tử, chỗ Hoàng đế ngự, ngũ tinh đi ngược, phạm sao Thái Vi, là ý nói có điềm dữ vậy.

mà đi.' Thực xác đáng thay! Cái tệ hại của chính trị thời Chu mệt và thời nhà Tần, là ở chỗ phép tắc ràng buộc quá nhiều, chính lệnh nghiêm khốc, mà chẳng ngăn cấm nổi kẻ gian. Nhà Hán hưng khởi, trừ bỏ hết pháp lệnh phiền hà, cho dân chúng nghỉ ngơi; cho đến đời Hiếu Văn, lại thêm cẩn thận kiệm ước; Hiếu Cảnh noi theo đại nghiệp không sửa đổi gì, trong vòng năm sáu mươi năm, đạt đến mức đời đời phong tục, lễ dân thuần hậu. Nói đến thời đại trị của thiên hạ, nhà Chu có hai vua Thành, Khang, nhà Hán có hai vua Văn, Cảnh, cao đẹp lắm thay!

9. Nhà Hán hưng khởi, tiếp nối sau cái tệ hại thời nhà Tần, xây dựng cực nhiều mà tài lực rỗng, đến ngựa kéo xe của Thiên tử chẳng thể đủ bốn con cùng màu lông, còn văn võ thì có người phải cưỡi xe bò, dân chúng không có của cải tích chứa. Sau khi thiên hạ bình định, Cao tổ bèn lệnh rằng những người đi buôn không được mặc đồ tơ, đi xe, đánh thuế họ nặng để làm khốn nhục họ.⁽¹⁾ Thời Hiếu Huệ và Lã hậu, vì thiên hạ mới yên định, nên lại nói luật lệnh với những người đi buôn; nhưng con cháu của kẻ buôn bán vẫn không được làm quan lại. Triều đình tính toán số lương bổng nuôi quan lại, liệu xét phí dụng của phủ quan, căn cứ từ đó trưng thu thuế khóa ở dân. Còn tô thuế thu về từ sông núi, vườn ao, chợ búa, thì từ Thiên tử trở xuống đến các Vương hầu hưởng ấp thang mộc, đều lấy làm của riêng chu cấp cho mình, không lĩnh từ kinh phí của quốc triều. Số thóc vận chuyển theo đường thủy bộ từ Sơn Đông đến để cung cấp cho các phủ quan tại kinh đô, mỗi năm chẳng quá vài chục vạn thạch. Kể nối thời Hiếu Văn, Hiếu Cảnh, thanh tĩnh liêm chính, cẩn thận kiệm ước, yên dưỡng thiên hạ, trong vòng hơn bảy mươi năm, quốc gia vô sự, nếu không gặp tai họa thủy hạn, thì dân chúng tự cấp, nhà nhà no đủ. Kho lẫm tại các đô ấp đều đầy tràn, mà phủ kho dự của cải; tiền ở kinh sư chồng chất hàng

¹ Xem quy định này ở Hán ký, quyển thứ tư, sự kiện năm thứ tám, đời Hán Cao tổ.

vạn vạn, dây râu tiền mực nát chẳng thể đếm được số mực; thóc ở kho Thái thương lớp lớp chồng đê lên nhau, tràn cả ra ngoài, đến nổi mực nát chẳng thể ăn được. Khắp các đường lớn ngõ nhỏ mà dân chúng cư trú đều có ngựa, còn ngoài đồng ruộng ngựa kết thành bày, người cưỡi ngựa cái bị đuổi không được cùng tụ hội. Kẻ coi giữ cổng làng ngõ xóm bữa ăn đều có gạo trắng thịt ngon; Kẻ làm Lại làm đến lúc con và cháu lớn lên; lấy chức quan đang giữ làm họ.⁽¹⁾ Vì thế người người tự yêu quý bản thân mình, sợ vi phạm pháp luật; xem việc nghĩa làm đầu, tránh bị thẹn nhục. Đương lúc bấy giờ, phép tắc ít mà dân giàu, có kẻ dựa tiền của kiêu căng, có chí kiên tính; bọn cường hào kết đảng, dùng vũ lực quyết việc ở làng xóm. Các tông thất có đất riêng, từ Công, Khanh, Đại phu trở xuống, đều ganh đua nhau xa xỉ, nhà cửa, xe cộ, y phục tiếm vượt bề trên, không có chừng mực. Sự vật thịnh rồi suy, cố nhiên phải biến đổi như thế; từ đấy về sau, Hiếu Vũ bên trong thì xa xỉ cùng cực, phía ngoài thì đánh lấn Di Địch, thiên hạ tiêu điều, tài lực rỗng không!

---ॐ---

¹ Ý nói thiên hạ vô sự, người người no đủ, làm quan được giữ chức không phải chuyển chuyển đi đâu, làm quan lâu một chức, thành tên gọi, người ta lấy chức làm họ để gọi cho tiện. Các họ Thương, họ Khô từ đấy mà ra vậy.

CÁC ĐỜI VUA VÀ NIÊN HIỆU

[THEO TƯ TRỊ THÔNG GIÁM]



Tên thụy/hiệu	Họ tên	Niên hiệu	Năm -> năm
Nhà Chu^(*)			
Chu Uy Liệt vương	Cơ Ngộ	Không có	- 403-> - 402
Chu An vương	Cơ Kiêu	Không có	- 401 -> - 376
Chu Liệt vương	Cơ Hi	Không có	- 375 -> - 369
Chu Hiến vương	Cơ Biễn	Không có	- 368 -> - 321
Chu Thận Tĩnh vương	Cơ Định	Không có	- 320 -> - 315
Chu Noãn vương	Cơ Diên	Không có	- 314 -> - 256

(*) Chu Uy Liệt vương lên ngôi từ năm 425 trước công nguyên. Tư trị thông giám ghi chép từ sự kiện ba chư hầu chia nước Tấn là năm 403 trước công nguyên. Vậy nên năm 403 trước công nguyên không phải năm Chu Uy Liệt vương bắt đầu cai trị.

Nhà Tần^(*)			
Chiêu Tương vương	Doanh Tắc	Không có	- 255 -> - 250
Hiếu Văn vương	Doanh Trụ	Không có	- 250
Trang Tương vương	Doanh Tử Sở	Không có	- 249 -> - 247
Thủy hoàng đế	Doanh Chính	Không có	- 246 -> - 210
Nhị Thế hoàng đế	Doanh Hồ Hợi	Không có	- 209 -> - 207

(*) Chiêu Tương vương lên ngôi Tần vương từ năm 306 trước công nguyên. Sau khi Chu Noãn vương dâng đất cho nước Tần, Tư trị thông giám coi triều đại nhà Tần bắt đầu kể nối triều Chu. Năm 256 trước công nguyên không phải là năm Chiêu Tương vương bắt đầu lên ngôi vậy.

(*) Sau khi nhà Chu bị diệt, các nước thời Chiến quốc vẫn tồn tại, đến năm 221 trước công nguyên, Tần Thủy Hoàng mới diệt xong 6 nước lập triều Tần.

Tên thụy/hiệu	Họ tên	Niên hiệu	Năm -> năm
Nhà Hán ^(*)			
Cao tổ Cao hoàng đế	Lưu Bang	Không có	- 206 -> - 195
Hiếu Huệ hoàng đế	Lưu Doanh	Không có	- 194 -> - 188
Cao hoàng hậu	Lã Trĩ	Không có	- 187 -> - 180
Thế tông Hiếu Văn hoàng đế	Lưu Hằng	Tiền Nguyên	- 179 -> - 164
		Hậu Nguyên	- 163 -> - 157
Hiếu Cảnh hoàng đế	Lưu Khải	Tiền Nguyên	- 156 -> - 150
		Trung Nguyên	- 149 -> - 144
		Hậu Nguyên	- 143 -> - 141

(*) Sau khi nhà Tần sụp đổ, là giai đoạn hai thế lực Hán - Sở tranh đấu giành quyền thống nhất Trung Quốc. Mãi đến năm 202, Lưu Bang (Hán) mới giết được Hạng Vũ (Sở) và chính thức lên ngôi Hoàng đế, lập nhà Hán.

(*) Sau thời của Hiếu Huệ đế có hai vị vua nhỏ lên ngôi Thiên tử nhà Hán, tuy nhiên bấy giờ Lã hậu nắm toàn bộ chính sự triều đình, Tư trị thông giám sắp xếp sử liệu giai đoạn này, gọi đó là thời kỳ Cao hoàng hậu.

(*) Thời Hiếu Văn hoàng đế, Hiếu Cảnh hoàng đế chưa thực sự chưa đặt niên hiệu chính thức, các sử gia đời sau căn cứ vào việc nhà vua đổi gọi giai đoạn trong thời kỳ cai trị của mình, tự gọi là năm Tiền Nguyên, Hậu Nguyên. Đây không phải là niên hiệu thực.

MỤC LỤC

[TẬP 1 – QUYỂN 01 ĐẾN QUYỂN 16]

Chỉ mục	Trang
Lời giới thiệu	5
Lời tựa	21
Tư trị thông giám tựa (Tổng Thần Tông)	23
Tiến thư biểu (Tư Mã Quang)	26
Tường dụ chiếu thư (Tổng Thần Tông)	30
Chu kỳ	
- Quyển 01 (404 TCN - 369 TCN) – gồm 35 năm	31
- Quyển 02 (368 TCN - 321 TCN) – gồm 48 năm	63
- Quyển 03 (320 TCN - 298 TCN) – gồm 23 năm	95
- Quyển 04 (297 TCN - 273 TCN) – gồm 25 năm	125
- Quyển 05 (272 TCN - 256 TCN) – gồm 17 năm	159
Tân kỳ	
- Quyển 01 (255 TCN - 228 TCN) – gồm 28 năm	195
- Quyển 02 (227 TCN - 209 TCN) – gồm 19 năm	234
- Quyển 03 (208 TCN - 207 TCN) – gồm 02 năm	270
Hán kỳ	
- Quyển 01 (206 TCN - 205 TCN) – gồm 02 năm	303
- Quyển 02 (204 TCN - 203 TCN) – gồm 02 năm	334
- Quyển 03 (202 TCN - 200 TCN) – gồm 03 năm	361
- Quyển 04 (199 TCN - 188 TCN) – gồm 12 năm	393
- Quyển 05 (187 TCN - 178 TCN) – gồm 10 năm	432
- Quyển 06 (177 TCN - 170 TCN) – gồm 08 năm	466
- Quyển 07 (169 TCN - 155 TCN) – gồm 15 năm	494
- Quyển 08 (154 TCN - 141 TCN) – gồm 14 năm	525
Phụ lục: Các đời vua và niên hiệu	565

TƯ TRỊ THÔNG GIẢM

Chủ biên: TƯ MÃ QUANG

Đồng soạn: PHẠM TỎ VŨ - LƯU THỨ - LƯU BAN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 04.37161518 - 04.37163409 * Fax: 04.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com - www.nxbvanhoc.vn

- Email: tonghopvanhoc@vnn.vn

*** Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 08.38469858 * Fax: 08.38483481

*** Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng**

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0511.3888333

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN ANH VŨ

Biên tập: PHẠM THỊ THANH ĐIỆP

Bìa: HOÀNG TỬ

Sửa bản in: DỊCH GIÁ

ĐỐI TÁC LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH SÁCH VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

(NHÀ SÁCH TRI THỨC TRẺ)

Đ/c: Số nhà 23 ngách 56 ngõ 376 đường Bưởi -

P. Vĩnh Phúc - Q. Ba Đình - Hà Nội

ĐT: 04.6293.2066 - Fax: 04.6838.9613

In 2.000 cuốn, khổ 16x24cm, tại Công ty CP In Sao Việt.

Đ/c: Số 9/40 Ngụ Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội

Số ĐKXB: 3128-2017/CXBIPH/28-216/VH cấp ngày 15-9-2017.

Quyết định xuất bản số: 1598/QĐ-VH cấp ngày 18-10-2017.

Số ISBN: 978-604-957-547-1

In xong và nộp lưu chiểu năm 2017